

Tuần 1

Ngày dạy:

Tiết 1,2: Văn :

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Những đặc điểm cơ bản, những thành tựu lớn của VHVN từ CMT8, 1945 đến 1975.

- Những đổi mới bước đầu của nền v học VN từ 1975 đến hết thế kỉ XX.

b, Về kỹ năng:

Nhìn nhận, đánh giá một giai đoạn văn học trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước.

c, Về thái độ:

Vận dụng hiểu biết về v học để học tập tốt hơn các tác phẩm cụ thể; trân trọng giá trị của nền v học cách mạng và những tìm tòi đổi mới trong quá trình phát triển.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vđ vào bài mới:

CMT8, 1945 đã mở ra một kỉ nguyên vĩ đại cho dân tộc ta. Từ đây một nền v học mới gắn liền với lí tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xh mới được khai sinh. Nền v học mới đã trải qua giai đoạn: từ 1945 đến 1975 và từ 1975 đến hết thế kỉ XX.

Bài học hôm nay, cô cùng các em sẽ tìm hiểu khái quát nền v học Việt Nam từ cách mạng tháng 8- 1945 đến năm 1975.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
	I, Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến năm 1975 .

Gv: gọi hs đọc sgk- 3, cho biết những nét tiêu biểu về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá của v hoc VN từ cách mạng tháng tám đến năm 1975? Hs đọc và trình bày theo sgk

Gv: anh (chị) hãy kể tên các chặng đường↑ chính của giai đoạn v h này? Hs trình bày
Gv: Chặng đường từ năm 1945 đến 1954 v hoc có những đặc điểm gì và đạt được những thành tựu gì?

1, Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội,

văn hoá

- Đó là nền văn học của chế độ mới, vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đường lối văn nghệ của Đảng là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên một nền văn học thống nhất về khuynh hướng tư tưởng, thống nhất về tổ chức và về quan niệm nhà văn kiểu mới : nhà văn- chiến sĩ.

- Trên đất nước ta đã diễn ra nhiều sự kiện lớn lao: cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dài suốt ba mươi năm, công cuộc xây dựng cuộc sống mới, con người mới ở miền Bắc... những sự kiện đó đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của dân tộc trong đó có văn học nghệ thuật. Văn học giai đoạn này vẫn đạt được những thành tựu to lớn.

2, Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu .

a, Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954.

- Chủ đề bao trùm sáng tác văn học trong những ngày đầu đất nước giành độc lập là ca ngợi tổ quốc và quần chúng cách mạng, kêu gọi tinh thần đoàn kết dân tộc, cổ vũ phong trào Nam tiến, biểu dương những tấm gương vì nước quên mình. Hình ảnh cả dân tộc đang trỗi dậy bộc lộ qua nhiều tác phẩm: Dân khí miền Trung của Hoài Thanh; Huế tháng tám, Vui bất tuyệt của Tố Hữu; Ngọn quốc kì, Hội nghị non sông của Xuân Diệu...

- Cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhiều văn nghệ sĩ đã thể hiện lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Đường lối văn nghệ

của Đảng với chủ trương “ văn hoá hoá kháng , kháng chiến hoá văn hoá”, “cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt” đã góp phần khơi nguồn cảm hứng sáng tạo của nhà văn và tạo nên những thành tựu đặc sắc của văn học kháng chiến. Văn học gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến; hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân; thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

Truyện ngắn và kí: kí sự Một lần tới thủ đô, Trận phố Ràng của Trần Đăng; truyện ngắn Đồi mắt và nhật kí ở rừng của Nam Cao, Làng của Kim Lân, Thư nhà của Hồ Phương...

Từ năm 1950, đã bắt đầu xuất hiện những tập truyện, kí khá dày dặn: Vùng mỏ của Võ Huy Tâm, Xung kích của Nguyễn Đình Thi, Con trâu của Nguyễn Văn Bổng, kí sự Cao Lạng của Nguyễn Huy Tưởng (giải thưởng của Hội văn nghệ Việt Nam năm 1951-1952); Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc, Truyện Tây Bắc của Tô Hoài (1954-1955).

Thơ những năm kháng chiến chống Pháp đạt được những thành tựu xuất sắc. Ty quê hương đất nước, lòng căm thù giặc, ca ngợi cuộc kháng chiến và con người kháng chiến là những cảm hứng chính: anh vệ quốc quân, bà mẹ chiến sĩ, chị phụ nữ nông thôn, em bé liên lạc được thể hiện chân thực, gợi cảm. Tố Hữu được xem là lá cờ đầu của nền thơ, đại diện cho xu hướng đại chúng hoá, hướng về dân tộc, khai thác những thể thơ truyền thống; Nguyễn Đình Thi tiêu biểu cho hướng tìm tòi, cách tân thơ ca, đưa ra một kiểu thơ hướng nội, tự do không vần hoặc ít vần; Quang Dũng tiêu biểu cho

hướng khai thác cảm hứng lãng mạn anh hùng. Tác phẩm tiêu biểu: Cảnh khuya, Rằm tháng giêng của Hồ Chí Minh; Đèo ca của Hữu Loan; Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm; Nhớ của Hồng Nguyên; Bao giờ trở lại của Hoàng Trung Thông; Đồng chí của Chính Hữu; tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

Một số vở kịch phản ánh hiện thực cách mạng và kháng chiến: Bắc Sơn, Những người ở lại của Nguyễn Huy Tưởng; Chi Hoà của Học Phi.

Lí luận phê bình văn học chưa ↑ nhưng đã có một số sự kiện và tác phẩm có ý nghĩa quan trọng: bản Báo cáo chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá VN (1948) của Trường Chinh; hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc (1949) có ý nghĩa định hướng cho văn học nt; bài tiểu luận Nhận đường và tập Mấy vấn đề nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi; Nói chuyện thơ kháng chiến và Quyền sống con người trong “Truyện Kiều” của Hoài Thanh; giảng văn “Chinh phụ ngâm” của Đặng Thai Mai...

b, Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964.

- Chặng đường văn học trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Văn học thể hiện tập trung hình ảnh người lao động, ngợi ca những đổi thay của đất nước và con người trong bước đầu xây dựng cnxh với cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui và niềm lạc quan tin tưởng; tình cảm với miền Nam sâu nặng, nỗi đau chia cắt và thể hiện ý chí thống nhất đất nước.

+ Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống: Đi bước nữa của Nguyễn Thế Phương; Mùa lạc của Nguyễn Khải; Anh

Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964 văn học có đặc điểm gì và đạt được những thành tựu gì?

Keng của Nguyễn Kiên; Sống mãi với thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng; Cao điểm cuối cùng của Hữu Mai; Trước giờ nổ súng của Lê Khâm...

+ Truyện ngắn, tiểu thuyết viết về hiện thực đời sống trước cm với cái nhìn, khả năng phân tích và sức khái quát mới: Vợ nhặt của Kim Lân; Tranh tối tranh sáng của Nguyễn Công Hoan; Mười năm của Tô Hoài; Phát của Bùi Huy Phồn; Vỡ bờ (2 tập) của Nguyễn Đình Thi; Cửa biển (4 tập) của Nguyên Hồng; Sông Đà của Nguyễn Tuân; Bôn năm sau của Nguyễn Huy Tưởng; Mùa lạc của Nguyễn Khải; Cái sân gạch của Đào Vũ...bước đầu khẳng định thành tựu của văn xuôi viết về đề tài xây dựng cnxh trên miền Bắc. Tuy nhiên vẫn còn nhiều tác phẩm thể hiện con người và cuộc sống một cách đơn giản, phẩm chất nt còn non yếu.

+Thơ ↑ mạnh mẽ. Sự hoà hợp giữa cái riêng và cái chung, nỗi đau chia cắt 2 miền Nam- Bắc...là những nguồn cảm hứng lớn của thơ ca: Tập Gió lộng; Ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên; Riêng chung của Xuân Diệu; Đất nở hoa, bài thơ cuộc đời của Huy Cận; Gửi miền Bắc, Tiếng sóng của Tế Hanh; bài thơ Hắc Hải của Nguyễn Đình Thi; Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông; Mồ anh hoa nở của Thanh Hải; Quê hương của Giang Nam.

+ Kịch nói có 1 số tác phẩm: Một đảng viên của Học Phi; Ngọn lửa của Nguyễn Vũ; Quấn của Lộng Chương; Chị Nhàn và Nổi gió của Hồng Cẩm.miền Bắc, truyện kí cũng ↑ mạnh.

c. Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975

+ Thơ chống Mĩ cứu nước đạt nhiều thành tựu xuất sắc. Thơ ca tập trung thể hiện cuộc ra quân vĩ đại của toàn dân tộc, khám phá

Vh chặng đường từ năm 1965 đến 1975 có đặc điểm gì và đạt được những thành tựu gì?

<p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv giảng thêm về vhoc vùng địch tạm chiếm: Dưới chế độ Mĩ và chính quyền Sài gòn, nhiều xu hướng vh tiêu cực, phản động tồn tại đan xen nhau: xu hướng chống cộng, xu hướng đòi truy...nhưng bên cạnh đó vẫn có xu hướng tiến bộ, yêu nước và cách mạng: Hương rừng Cà Mau; Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng.</p> <p>Gv: những đặc điểm cơ bản của vh VN từ cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975? Những đặc điểm trên đã được biểu hiện ntn trong vh?</p> <p>Hs trả lời Gv giảng: Có thể coi vh như một tấm gương phản chiếu những vĩ lớn lao</p>	<p>sức mạnh của con người VN, nhận thức và đề cao sứ mệnh lịch sử, tầm vóc và ý nghĩa nhân loại của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước: Máu và hoa; Hoa ngày thường-Chim báo baox và Những bài thơ đánh giặc của Chế Lan Viên; Hai đợt sóng, Tôi giàu đôi mắt của Xuân Diệu; Dòng sông trong xanh của Nguyễn Đình Thi; Đầu súng trăng treo của Chính Hữu...</p> <p>+ Kịch nói cũng có thành tựu đáng ghi nhận: Quê hương VN và Thời tiết ngày mai của Xuân Trinh; Đại đội trưởng của tôi của Đào Hồng Cẩm...</p> <p>+ Nhiều công trình nghiên cứu, lí luận phê bình xuất hiện: Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lê Đình Kị...</p> <p>3, Những đặc điểm cơ bản của vh VN từ năm 1945 đến 1975 .</p> <p>a, Nền vh chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.</p> <p>- Khuynh hướng chủ đạo của nền vh mới là tư tưởng cách mạng, vh trước hết là một thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng. Ý thức trách nhiệm công dân của người nghệ sĩ được đề cao. Gắn bó với dân tộc, với nhân dân và đất nước, dùng ngòi bút để phục vụ kháng chiến, cổ vũ chiến đấu là đòi hỏi yêu cầu của thời đại cũng là tình cảm, ý thức tự giác của nhà văn “ Văn nghệ phụng sự kháng chiến nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta”.</p> <p>- Vh tập trung vào đề tài tổ quốc: bảo vệ đất nước, đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Nhân vật trung tâm là người chiến sĩ trên mặt trận vũ trang và những lực lượng trực tiếp phục vụ chiến trường: dân quân du kích, thanh niên xung phong, dân</p>
---	--

<p>trọng đại của đất nước và cách mạng: đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xh. Hai đề tài này gắn bó mật thiết với nhau trong các sáng tác của tác giả.</p>	<p>công hoả tuyến: thơ của Lê Anh Xuân, Tố Hữu, Thu Bồn; truyện ngắn của Nguyễn Thi, Anh Đức; tiểu thuyết của Anh Đức, Phan Tứ, Nguyễn Minh Châu... -Chủ nghĩa xh cũng là một đề tài lớn của v học. Chủ nghĩa xh là mơ ước, là cái đích hướng tới của toàn dân tộc, là khát vọng hướng tới những tầm cao mới của cuộc sống. Vh đề cao người lao động, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của người lao động: tiểu thuyết của Nguyễn Khải, Đào Vũ, Chu Văn, những bài thơ của Tố Hữu, Huy Cận...</p>
--	--

c. củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) nắm được những đặc điểm gì về nền v học VN từ 1945 đến 1975?

-Luyện tập:

Làm phần luyện tập trang 19.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được những nét khái quát về v học VN và đặc điểm của v học VN từ năm 1945 đến 1975?

- Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu Khái quát v học VN từ cách mạng tháng tám 1945 đến hết thế kỉ XX?.

Tuần 1

Ngày dạy:

Tiết 2: Văn :

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

(Tiếp theo)

***Tiến trình bài dạy:**

- Ổn định lớp:

- Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của học sinh
- Đặt vấn đề vào bài mới: Tiết trước cô và các em đã tìm hiểu tiết 1: Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng 8 đến hết thế kỉ XX. Tiết học hôm nay, cô trò ta sẽ đi tìm hiểu tiếp tiết học này.
- Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: hãy nêu những đặc điểm cho thấy nền văn học về đại chúng? Hs trình bày</p>	<p>I, Khái quát văn học VN từ cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975.</p> <p>3, Những đặc điểm cơ bản của văn học VN từ năm 1945 đến năm 1975.</p> <p>b, Nền văn học hướng về đại chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ vừa là nguồn cung cấp, bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học “đất nước của nhân dân”. - Văn học quan tâm đến đời sống của nhân dân lao động, nói lên nỗi bất hạnh của những người lao động nghèo khổ bị áp bức, bóc lột trong xã hội cũ cũng như niềm vui, niềm tự hào của họ về cuộc đời mới. Nền văn học tập trung xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng, miêu tả hình tượng người nông dân, người mẹ, người chị, phụ nữ, em bé... diễn tả vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động. Đó là nền văn học có tính nhân dân sâu sắc và nội dung nhân đạo mới. - Văn học là những tác phẩm ngắn gọn, nội dung dễ hiểu, chủ đề rõ ràng, ngôn ngữ bình dị, trong sáng, dễ hiểu. <p>c, Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học đề cập tới số phận chung của cả cộng đồng, của toàn dân tộc; mang đậm chất sử thi, tập trung phản ánh những vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của đất nước. Nhân vật chính thường tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, gắn bó số phận mình với số phận đất nước và kết tinh những phẩm chất cao đẹp của cả cộng

Gv: vì sao nói nền văn mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn?
Hs trình bày

đồng. Lời văn sử thi cũng thường mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp một cách tráng lệ, hào hùng.

- Khuynh hướng sử thi đòi hỏi người cầm bút nhìn con người và cuộc đời bằng con mắt có tầm bao quát lịch sử, dân tộc và thời đại. Với cái nhìn sử thi, nhà văn đã dồn tâm huyết để viết về những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của toàn dân tộc: chị Út Tịch trong sáng tác của Nguyễn Thi, chị Trần Thị Lí trong thơ Tố Hữu là biểu tượng của “người mẹ cầm súng”, là hình ảnh tiêu biểu của Người con gái VN mang “trái tim vĩ đại- Còn một giọt máu tươi còn đập mãi”; Núp, Tnú trong sáng tác của Nguyễn Ngọc; ông Tám Xèo Đước trong truyện ngắn của Anh Đức; bà mẹ đào hầm trong thơ Dương Hương Ly; anh giải phóng quân trong thơ của Lê Anh Xuân.

- Văn học VN từ năm 1945 đến 1975 tràn đầy cảm hứng lãng mạn. Cảm hứng lãng mạn chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người VN có thể vượt lên mọi thử thách trong máu lửa chiến tranh đã hướng tới ngày chiến thắng, trong gian khổ cơ cực đã nghĩ tới ngày ấm no, hạnh phúc.

- Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã làm cho văn giai đoạn này thấm nhuần tinh thần lạc quan đồng thời đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng.

II, Vài nét khái quát văn VN từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

<p>Gv: căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá, hãy giải thích vì sao văn học VN từ 1975 đến hết thế kỉ XX phải đổi mới?</p> <p>Hs giải thích</p> <p>Gv: hãy nêu những chuyển biến và một số thành tựu của văn học VN từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX?</p> <p>Hs nêu theo sgk</p>	<p>1, Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá.</p> <p>- Đất nước được giải phóng, tuy nhiên từ 1975 đến 1985, đất nước lại gặp những thử thách, khó khăn mới, nhất là khó khăn về kinh tế. Tình hình đó đất nước đòi hỏi phải đổi mới. Từ năm 1986, với công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản đề xướng và lãnh đạo, kinh tế nước ta từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.</p> <p>- Văn hoá có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với nền văn hoá nhiều nước trên thế giới; văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông khác phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng không nhỏ tới văn học.</p> <p>2, Những chuyển biến và một số thành tựu bước đầu.</p> <p>- Từ sau 1975, thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm tạo được sự chú ý của người đọc: Chế Lan Viên với các tập Di cảo thơ; Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Thanh Thảo, Nguyễn Đức Mậu...; hiện tượng nở rộ trường ca sau 1975 đã tạo được tiếng vang trên thi đàn. Khuynh hướng chung của những bản trường ca này là muốn tổng kết, khái quát về chiến tranh thông qua sự trải nghiệm riêng của bản thân trong suốt những năm cầm súng: Những người đi tới biển của Thanh Thảo; Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh; trường ca sư đoàn của Nguyễn Đức Mậu; nhiều tập thơ liên tiếp xuất hiện nhưng nhìn chung các nhà thơ vẫn viết theo tư duy cũ, đáng chú ý là Tự hát của Xuân Quỳnh, Người đàn bà ngồi đàn của Ý Nhi, Thư mùa đông của Hữu Thỉnh...</p> <p>- Từ sau 1975, văn xuôi có nhiều khởi sắc hơn thơ, một số cây bút đã bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống: Đất trắng</p>
---	---

của Nguyễn Trọng Oánh, Hai người trở lại trung đoàn của Thái Bá Lợi...

- Phóng sự điều tra có điều kiện phát triển mạnh mẽ: phóng sự của Phùng Gia Lộc, Trần Huy Quang, Hoàng Hữu Các... văn xuôi thực sự khởi sắc: Chiếc thuyền ngoài xa, Cỏ lau của Nguyễn Minh châu, Tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp, tiểu thuyết Mảnh đất lắm người nhiều ma của Nguyễn Khắc Trường... kí cũng phát triển: Ai đã đặt tên cho dòng sông, hồi kí Cát bụi chân ai và Chiều chiều của Tô Hoài...

- Kịch nói sau 1975 phát triển mạnh mẽ: Hồn Trương Ba, da hàng thịt; Tôi và chúng ta của Lưu Quang Vũ; Mùa hè ở biển của Xuân Trình...

- Lí luận, nghiên cứu phê bình văn học cũng phát triển mạnh mẽ.

* Như vậy từ năm 1975 nhất là từ 1986, văn học VN từng bước chuyển sang giai đoạn mới. Nhìn chung văn học VN từ 1975 đến hết thế kỉ XX đã vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc. Văn học phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề, phong phú và mới mẻ hơn về thủ pháp nghệ thuật. Văn học giai đoạn này đã đề cao cá tính sáng tạo của cá nhân, đổi mới cách nhìn nhận, tiếp cận con người và hiện thực đời sống, khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống. Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp đời thường.

Kinh tế thị trường có tác động tích cực đối với văn học nhưng mặt trái của kinh tế thị trường lại có tác động tiêu cực đối với một bộ phận của giới viết văn, làm báo nhất là

<p>Gv hướng dẫn hs tổng kết</p>	<p>những cây bút chạy theo thị hiếu tầm thường của 1 bộ phận công chúng biến những sáng tác trở thành một thứ hàng hoá để câu khách...</p> <p>III, Kết luận</p> <p>- Văn học VN từ năm 1945 đến năm 1975 đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ những truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc: chủ nghĩa yêu nước, nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng, đạt được nhiều thành tựu là thơ trữ tình và truyện ngắn.</p> <p>- Văn học VN từ 1945 đến 1975 còn một số hạn chế: nội dung tư tưởng của nhiều tác phẩm chưa thật sâu sắc, cách nhìn con người và cuộc sống còn đơn giản, xuôi chiều, phiến diện; chưa có điều kiện khai thác sâu sắc những khó khăn, phức tạp của đời sống, những tổn thất, hi sinh mất mát to lớn trong chiến tranh; chất lượng nghệ thuật của nhiều tác phẩm còn non kém... Tuy vậy, thành tựu của văn học giai đoạn này là cơ bản và to lớn. Văn học giai đoạn 1945 đến 1975 “xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”.</p> <p>- Từ năm 1975 nhất là từ 1986, văn VN bước vào công cuộc đổi mới. Văn vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, đổi mới quan niệm về nhà văn về văn và quan niệm nghệ thuật về con người, phát huy cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật của nhà văn với những tìm tòi, thể nghiệm mới.</p>
---------------------------------	---

*** Củng cố, luyện tập:**

- Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) nắm được những kiến thức gì về nền văn học từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX?

- Luyện tập:

Vì sao nền văn từ năm 1945 đến năm 1975 lại mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn?

*** Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

- Bài cũ:

Nắm được những đặc điểm cơ bản của văn VN từ năm 1945 đến 1975 và từ 1975 đến hết thế kỉ XX?

- Bài mới:

Tìm hiểu thêm về Văn học Việt Nam từ cách mạng tháng tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

Tuần 1

Ngày dạy

Tiết 2b: Văn:

**TÌM HIỂU THÊM VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG
TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức

Giúp học sinh:

Hiểu được một số nét khái quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến năm 1975 và những đổi mới bước đầu của Văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

b, Về kĩ năng

Biết liên kết với những kiến thức về các tác giả, tác phẩm thuộc văn học Việt Nam hiện đại đã được học ở bậc THCS

c, Về thái độ

Biết trân trọng những thành tựu, những giá trị của văn học nước nhà trong giai đoạn này.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên

- SGK, SGV, sách Bài tập Ngữ văn 12, tập một.
- Tài liệu tham khảo.
- Giấy A0 để lập bảng hệ thống hoá kiến thức.

- Giáo viên kết hợp các pp đọc, phân tích, trao đổi thảo luận và trả lời câu hỏi; GV tóm tắt, nhấn mạnh những điểm cần ghi nhớ, liên hệ với những tác giả, tác phẩm đã học ở THCS, sử dụng bảng, giấy A0 để hệ thống hoá kiến thức.

b, Chuẩn bị của học sinh

Sgk, vở soạn, vở ghi

3. Tiến trình dạy học

* Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

a, Kiểm tra bài cũ: Giáo viên kiểm tra vở viết, Sách giáo khoa của học sinh.

* Lời vào bài:

Cách mạng tháng 8 đã mở ra một kỉ nguyên vĩ đại cho dân tộc ta. Từ đây một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội mới được khai sinh. Nền văn học đã trải qua các giai đoạn nào và phát triển ra sao? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

b, Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>1/. Trình bày vài nét về hoàn cảnh lịch sử XH, văn hoá của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>Câu 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nền văn học của chế độ mới, vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản. Chính đường lối văn nghệ của Đảng là nhân tố có tính chất quyết định để tạo nên một nền văn học thống nhất về khuynh hướng tư tưởng, về tổ chức và về quan niệm nhà văn kiểu mới: <i>nhà văn – chiến sĩ</i>. - Từ năm 1945 đến năm 1975, đất nước ta diễn ra nhiều biến cố, sự kiện lớn lao (Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ). - Điều kiện giao lưu văn hóa với nước ngoài không thuận lợi, còn giới hạn trong một số nước – Liên Xô, Trung Quốc. <p>Câu 2</p> <p><i>a. Giai đoạn 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945 -1954):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề bao trùm nền văn học trong những ngày đầu đất nước giành được độc lập là ca ngợi Tổ quốc và quần chúng cách

2/. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975:

Hs: trình bày

mạng, kêu gọi tinh thần đoàn kết toàn dân, cổ vũ phong trào Nam tiến ("*Huế tháng Tám, Vui bất tuyệt*" - Tô Hữu ; "*Hội nghị non sông*", "*Ngọn quốc kì*" - Xuân Diệu...).

- Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp, hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân; thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm lạc quan cách mạng; tình yêu quê hương đất nước. Một số tác phẩm tiêu biểu:

+ Truyện, kí: "*Đôi mắt*" (Nam Cao), "*Xung kích*" (Nguyễn Đình Thi), "*Truyện Tây Bắc*" (Tô Hoài).

+ Thơ: "*Cảnh khuya*", "*Cảnh rừng Việt Bắc*" (Hồ Chí Minh), "*Tây Tiến*" (Quang Dũng), "*Bên kia sông Đuống*" (Hoàng Cầm), "*Đất nước*" (Nguyễn Đình Thi), "*Việt Bắc*" (Tố Hữu).

+ Kịch: "*Bắc Sơn*", "*Những người ở lại*" (Nguyễn Huy Tưởng), "*Chị Hòa*" (Học Phi).

+ Lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học đạt được một số thành tựu ("*Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam*" - Trường Chinh, "*Nhận đường*" - Nguyễn Đình Thi...).

b. Giai đoạn đầu xây dựng hoà bình, CNXH (1955-1964):

- Văn xuôi với nhiều đề tài, bao quát được nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống:

+ Kháng chiến chống Pháp: "*Đất nước đứng lên*" (Nguyễn Ngọc), "*Trước giờ nổ súng*" (Lê Khâm).

+ Cuộc sống trước cách mạng tháng Tám 1945: "*Vợ nhặt*" (Kim Lân), "*Cửa biển*" (Nguyễn Hồng).

+ Xây dựng cuộc sống mới: Tuỳ bút

“*Sông Đà*” (Nguyễn Tuân), “*Mùa lạc*” (Nguyễn Khải)

- Thơ phát triển mạnh với cảm hứng đẹp đẽ về CNXH, nỗi nhớ miền Nam: các tập thơ “*Gió lộng*” (Tố Hữu), “*Trời mỗi ngày lại sáng*” (Huy Cận), “*Ánh sáng và phù sa*” (Chế Lan Viên).

- Kịch: “*Một đảng viên*” (Học Phi), “*Ngọn lửa*” (Nguyễn Vũ), “*Nổi gió*” (Đào Hồng Cẩm)

c. *Giai đoạn chống Mỹ cứu nước (1965-1975):*

- Chủ đề bao trùm là ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng:

+ Văn xuôi: “*Những đứa con trong gia đình*” (Nguyễn Thi), “*Rừng xà nu*” (Nguyễn Trung Thành), “*Chiếc lược ngà*” (Nguyễn Quang Sáng), “*Mảnh trăng cuối rừng*” (Nguyễn Minh Châu), “*Hòn Đất*” (Anh Đức), “*Dấu chân người lính*” (Nguyễn Minh Châu)...

+ Thơ: “*Ra trận*”, “*Máu và Hoa*” (Tố Hữu), “*Hoa ngày thường, chim báo bão*” (Chế Lan Viên), “*Mặt đường khát vọng*” (Nguyễn Khoa Điềm), “*Gió Lào cát trắng*” (Xuân Quỳnh).

+ Kịch: “*Quê hương Việt Nam*” (Xuân Trình), “*Đại đội trưởng của tôi*” (Đào Hồng Cẩm)...

+ Nhiều công trình nghiên cứu, phê bình văn học có giá trị của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu...

- Văn học ở đô thị miền Nam thể hiện khát vọng tự do và phê phán những mặt trái của xã hội, là tiếng nói đáng trân trọng (Vũ Hạnh, Trần Quang Long, Vũ Bằng...)

Câu 3

3a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước:

<p>3/.Những đặc điểm cơ bản của VHVN từ 1945 đến 1975:</p> <p>Hs: nêu đặc điểm</p> <p>Trình bày hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá của văn học Việt Nam từ 1975 đến hết TK XX:</p> <p>Hs: trình bày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn học phục vụ kháng chiến. - Hiện thực cách mạng và nội dung yêu nước, yêu CNXH là đặc điểm nổi bật của văn học giai đoạn 1945-1975. <p><i>b. Nền văn học hướng về đại chúng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn cung cấp, bổ sung lực lượng cho sáng tác văn học. - Văn học 1945-1975 quan tâm tới đời sống, vẻ đẹp tâm hồn (khả năng cách mạng và phẩm chất anh hùng...) của nhân dân lao động. - Nội dung và hình thức tác phẩm bình dị, trong sáng, dễ hiểu...phù hợp với đại chúng nhân dân. <p><i>c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn:</i> Tập trung phản ánh những vấn đề trọng đại, có ý nghĩa sống còn của đất nước.</p> <p>Câu 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước bước sang thời kì độc lập tự do và thống nhất đất nước. Tuy nhiên, do hậu quả của chiến tranh, đất nước ta gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về kinh tế. - Từ năm 1986, dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế nước ta từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hóa có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với văn hóa thế giới. => Văn học phải đổi mới phù hợp với sự phát triển của đất nước. - Giai đoạn đầu (1975-1985) – chặng đường văn học chuyên tiếp, tìm kiếm con đường đổi mới với thơ của Chế Lan Viên, Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy,.....; Trường ca “Những người đi tới biển” (Thanh Thảo), “Đường tới thành phố” (Hữu Thịnh)... ; Văn xuôi khởi sắc với các tác phẩm của Nguyễn Trọng Oánh, Thái Bá
---	--

	<p>Lợi, Nguyễn Mạnh Tuấn, Lê Lưu...</p> <p>- Từ năm 1986 trở đi là chặng đường văn học đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và khá toàn diện ở các thể loại:</p> <p>+ Phóng sự điều tra của Phùng gia Lộc, Trần Huy Quang;</p> <p>+ Truyện ngắn: “<i>Chiếc thuyền ngoài xa</i>”, “<i>Cỏ lau</i>” - Nguyễn Minh Châu; “<i>Tướng về hưu</i>” - Nguyễn Huy Thiệp...;</p> <p>+ Tiểu thuyết: “<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i>” - Nguyễn Khắc Trường; “<i>Nỗi buồn chiến tranh</i>” - Bảo Ninh...</p> <p>+ Kí: “<i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>” - Hoàng Phủ Ngọc Tường; “<i>Cát bụi chân ai</i>” - Tô Hoài...</p> <p>+ Kịch: “<i>Nhân danh công lí</i>” - Doãn Hoàng Giang; “<i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i>” - Lưu Quang Vũ...</p> <p>+ Một số sáng tác có giá trị của các tác giả người Việt sống ở nước ngoài.</p>
--	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những nội dung chủ yếu nào?

- Luyện tập:

Trả lời câu hỏi sau phần luyện tập

d, Hóng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội; những chặng đường chủ yếu và những đặc điểm, thành tựu chủ yếu của các chặng đường đó.

- Bài mới:

Nghị luận về một tổng đạo lí.

Tuần 1

Ngày dạy:

Tiết 3: Làm văn:
NGHỊ LUẬN VỀ MỘT T TỔNG, ĐẠO LÍ

1/ Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Nội dung, yêu cầu của bài văn về một t tổng, đạo lí ; Cách thức triển khai bài văn nghị luận về một t tổng đạo lí;

b, Về kĩ năng:

- Phân tích đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một t tổng đạo lí.
- Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá đối với một t tổng đạo lí
- Biết huy động các kiến thức và những trải nghiệm của bản thân để viết bài văn nghị luận về một t tổng đạo lí

c, Về thái độ:

Nâng cao ý thức và khả năng tiếp cận những quan điểm đúng đắn ; mạnh dạn phê phán bác bỏ những quan điểm sai lầm về t tổng, đạo lí.

2/ Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một
- Tài liệu tham khảo
- GV sử dụng phương pháp đàm thoại để giúp HS giải quyết yêu cầu của đề bài trong SGK, trên cơ sở đó củng cố kiến thức và luyện tập cách viết bài văn nghị luận về t tổng đạo lí.

b, Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình dạy học

* Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

a, Kiểm tra bài cũ : GV kiểm tra vở viết, Sách giáo khoa của học sinh.

* Lờ vào bài:

Các em đã tìm hiểu kiểu bài nghị luận trong nhà trường. Bài học hôm nay cô và các em sẽ đi tìm hiểu một kiểu bài làm văn cũng thông hay gặp, đó là nghị luận về một t tổng, đạo lí

b, Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>GV cho HS đọc đề bài SGK trang 20: Anh (Chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu :</p> <p><i>Ôi ! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn ?</i></p> <p>GV gợi ý cho HS tìm hiểu đề bằng những câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thơ trên Tố Hữu đã nêu vấn đề gì? - Với thanh niên học sinh ngày nay, sống thế nào được coi là sống đẹp? Để sống đẹp con người cần rèn luyện những phẩm chất nào? <p>- Với đề bài trên cần vận dụng những thao tác lập luận nào?</p> <p>- Bài viết này cần lấy t liệu dẫn chứng thuộc lĩnh vực nào trong cuộc sống? Có thể lấy trong văn học được không? Vì sao?</p> <p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>Gv: Phân Mở bài cần nêu đọc vấn đề gì?</p> <p>Phân thân bài cần triển khai những</p>	<p>1, Tìm hiểu đề và lập dàn ý</p> <p>a, Tìm hiểu đề :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đặt ra trong câu thơ Tố Hữu là <i>sống đẹp</i>. - Để sống đẹp , mỗi người cần xác định : <ul style="list-style-type: none"> + Phải có lí tưởng(mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp. + Phải có hiểu biết(kiến thức) sâu rộng, vững vàng + Phải có tâm hồn, tình cảm lành mạnh , nhân hậu + Phải có hành động tích cực , long thiện - Với thanh niên , hs muốn sống đẹp phải thông xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thành nhân cách. - Sử dụng các thao tác giải thích, phân tích ,chứng minh và bình luận. - Dẫn chứng chủ yếu lấy trong thực tế mới có sức thuyết phục cao. + Cũng có thể lấy dẫn chứng từ thơ văn nhng chỉ với số lượng hạn chế nếu ko sẽ chệch hướng sang kiểu bài nghị luận văn học <p>b, Lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Cần nêu đọc vấn đề <i>sống đẹp</i> theo các cách: trực tiếp, gián tiếp * Thân bài cần triển khai đọc các ý sau:

<p>ý nào?</p> <p>Phân Kết bài cần chốt lại vấn đề gì?</p> <p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>Gv: Quy trình viết một bài văn nghị luận về một t tổng đạo lí thường có những bước nào?</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Gv: gọi hs đọc Ghi nhớ sgk tr.21</p> <p>Gv: Hớng dẫn làm bài tập 1 theo câu hỏi SGK</p> <p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích thế nào là <i>sống đẹp</i> - Phân tích những biểu hiện của <i>sống đẹp</i>(kèm theo dẫn chứng) - Phê phán những biểu hiện của lối sống không đẹp(kèm theo dẫn chứng) - Nêu hớng phấn đấu để <i>sống đẹp</i> <p>* Kết bài :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lối sống đẹp. - Khái quát lại nội dung. <p>2. Quy trình viết bài văn nghị luận về một t tổng đạo lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm bốn bước: <p>Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý.</p> <p>Bước 2: Lập dàn ý.</p> <p>Bước 3: Viết bài(triển khai các ý đã xác định)</p> <p>Bước 4: Kiểm tra và sửa chữa.</p> <p>3. Kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> *Ghi nhớ SGK Tr21 <p>4, Luyện tập</p> <p>Bài tập 1</p> <p>a.- Vấn đề mà Gi. Nê- ru bàn luận là phẩm chất văn hoá trong nhân cách của mỗi con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên của văn bản ấy có thể là: <i>Thế nào là con người có văn hoá; Một trí tuệ có văn hoá</i>□ <p>b. Các thao tác lập luận: Giải thích đoạn 1, phân tích đoạn 2, bình luận đoạn 3.</p> <p>c. Cách diễn đạt sinh động nhằm lôi cuốn người đọc, gây ấn tượng□</p>
--	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những nội dung cơ bản nào?

- Luyện tập:

Làm bài tập 2, sgk

d, Hớng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:
Nắm đọc các bức làm bài về một t tổng đạo lí
- Bài mới: Tìm hiểu : Tuyên ngôn độc lập

Tuần 2

Ngày dạy:

Tiết 4: Văn

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Phần một: Tác giả

1. Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Trình bày đọc khái quát về thời đại, cuộc đời và con người NAQ; Những đặc điểm chính về nội dung và nghệ thuật thơ văn của Người

b, Về kĩ năng:

- Khái quát đọc những nội dung cơ bản về một tác gia văn học
- Biết vận dụng những hiểu biết nói trên để đọc hiểu một số tác phẩm và trích đoạn văn học của tác gia có trong chương trình.

c, Về thái độ:

Trân trọng tự hào về lãnh tụ, người anh hùng dân tộc, nhà văn nhà thơ kiệt xuất, danh nhân văn hóa thế giới.

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên

- SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một
- Tài liệu tham khảo
- Một số hình ảnh Bác Hồ trong cuộc đời hoạt động cách mạng
- GV gợi mở vấn đề, hướng dẫn HS thảo luận và trả lời các câu hỏi

b, Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học

* Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

a, Kiểm tra bài cũ :

- Câu hỏi : Nêu những đặc điểm cơ bản của văn học VN từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1975?

- Đáp án: Nền văn học hóng về đại chúng; nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của dân tộc; nền văn học mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn

* Lời vào bài:

Sinh thời, HCM không tự cho mình là một nhà văn, nhà thơ nhng trong quá trình hoạt động Ngời đã sáng tác văn thơ phục vụ cách mạng. Những tác phẩm ấy kết tinh lòng yêu nước sáng ngời chính nghĩa. Bài học hôm nay cô và các em sẽ tìm hiểu về tác giả Nguyễn Ái Quốc.

b, Bài mới

HĐ của GV và HS	ND cần đạt
<p>GV cho HS đọc nhanh phần I. SGK</p> <p>Nêu những nét chính về tiểu sử cuộc đời HCM?</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Tóm tắt những nét chính về quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh? (chú ý các mốc thời gian).</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>I/ Vài nét về tiểu sử.</p> <p>1. Tiểu sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ Chí Minh tên khai sinh Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày: 19/05/1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước. - Quê quán: Làng Kim Liên (làng Sen), xã Kim Liên huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An - Gia đình: + Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc + Mẹ là cụ Hoàng Thị Loan - Thời trẻ Ngời học chữ Hán, sau đó học trường Quốc học Huế, có thời gian ngắn dạy học ở trường Dục Thanh — Phan Thiết. <p>2. Quá trình hoạt động cách mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1911, ra đi tìm đường cứu nước. Tháng 1/1919, Ngời gửi tới Hội nghị Véc xay bản <i>Yêu sách của nhân dân An Nam</i>, Năm 1920, dự Đại hội Tua và là một trong những thành viên đầu tiên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ 1923 đến 1941 Ngời hoạt động chủ yếu ở Liên xô và Trung Quốc. - Từ năm 1941 đến 1969 Ngời lãnh đạo Đảng và nhân dân VN thực hiện thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám, khai sinh nước VN Dân chủ Cộng hoà, lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược.... - Là một nhà cách mạng suốt đời vì nước vì dân, đọc

<p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>Gv: Trình bày vấn đề quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh, chứng minh bằng liên hệ thực tế?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>- GV: Nay ở trong thơ nên có thép Nhà thơ cũng phải biết xung phong (<i>Cảm tưởng đọc “thiên gia thi”</i>) + Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy</p> <p>Gv: Tóm tắt ngắn gọn di sản văn học của Hồ Chí Minh đồng thời kể tên những tác phẩm tiêu biểu qua các thể loại sáng tác</p>	<p>nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế kính trọng; là anh hùng vĩ đại của dân tộc VN</p> <p>- HCM còn là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc; Người đã để lại cho hậu thế một di sản văn học vô cùng quý giá</p> <p>II. Sự nghiệp văn học.</p> <p>1. Quan điểm sáng tác.</p> <p>a. Tính chiến đấu của văn học:</p> <p>- Văn nghệ là hoạt động tinh thần phong phú phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như những người chiến sĩ ngoài mặt trận.</p> <p>- Quan điểm này được thể hiện trong <i>Cảm tưởng đọc “thiên gia thi”</i> và <i>Th gửi các nghệ sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951</i>.</p> <p>- Quan điểm này có sự kế thừa trong truyền thống VH dân tộc và phát huy trong thời đại ngày nay.</p> <p>b. Tính chân thực và tính dân tộc của văn học:</p> <p>- Tính chân thật: Người yêu cầu văn nghệ sĩ phải viết đúng, chân thật cuộc sống và con người trong quá trình phản ánh.</p> <p>- Tính dân tộc: Phát huy cốt cách dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, đề cao sự sáng tạo của người nghệ sĩ.</p> <p>- Về mặt hình thức, nghệ thuật của tác phẩm phải có sự chọn lọc, phải có sự sáng tạo, ngôn ngữ trong sáng tránh sự cầu kỳ về hình thức.</p> <p>Quan điểm nghệ thuật trên hoàn toàn đúng đắn và tiên bộ</p> <p>c. Tính mục đích của văn chương:</p> <p>- Xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định đến nội dung và hình thức tác phẩm.</p> <p>- Người cầm bút phải xác định: “Viết cho ai?” (đối tượng), “Viết để làm gì?” (mục đích), “Viết cái gì?” (nội dung), “Viết ntn?” (hình thức). Người cầm bút phải xác định đúng mối quan hệ của chúng thì văn học mới đạt hiệu quả cao.</p> <p>2. Di sản văn học.</p> <p>a. Văn chính luận.</p> <p>- Với mục đích chính trị, tiến công trực diện kẻ thù.</p> <p>- Những tác phẩm chính luận thể hiện một lí trí sáng suốt, trí tuệ sắc sảo và cả một tấm lòng yêu ghét nồng nàn, sâu sắc, tầm hiểu biết sâu rộng về văn hóa, về thực tiễn cuộc sống.</p> <p>- Những tác phẩm tiêu biểu: “Bản án□”, “Tuyên ngôn□”, “Lời kêu gọi□”</p> <p>b. Truyện và kí:</p> <p>- Từ những năm 20 của thế kỉ 20 (1920-1925) khi</p>
--	---

<p>của Ngồi?</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Gv: Em hiểu biết gì về tập thơ NKTĐ của Hồ Chí Minh? Nêu những nội dung chính của tập thơ?</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Gv: Trình bày ngắn gọn những nét phong cách đặc sắc trong di sản văn học của Hồ Chí Minh thông qua các thể loại sáng tác?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>GV gọi HS đọc Ghi nhớ SGK</p> <p>GV yêu cầu HS làm bài tập 1</p>	<p>NAQ đang hoạt động cách mạng bên Pháp, Ngồi đã sáng tác một số truyện, kí đặc sắc, sáng tạo và hiện đại sau đó đọc tập hợp lại trong tập <i>Truyện và kí</i>.</p> <p>- Những tác phẩm có tính chiến đấu cao, thể hiện vẻ đẹp trí tuệ sắc sảo với trí tưởng tượng phong phú, vốn văn hoá sâu rộng và tính thực tiễn nhằm tố cáo, châm biếm, đả kích TD và PK ở các nước thuộc địa đồng thời ca ngợi những tấm gương chiến đấu dũng cảm.</p> <p>- Những tác phẩm chính : <i>Pari, Con ngời biết mùi hun khói, Vi hành, Những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ, Vừa đi đồng vừa kể chuyện</i>.</p> <p>- Ngoài ra Ngồi còn viết một số tác phẩm khác nh: <i>Nhật kí chìm tàu (1931), Vừa đi đồng vừa kể chuyện (1963)</i>.</p> <p>c. Thơ ca:</p> <p>- Tập thơ Nhật kí trong tù gồm 134 bài thơ chữ Hán</p> <p>- Thơ Hồ Chí Minh: 86 bài</p> <p>- Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh : 36 bài</p> <p>3. Phong cách nghệ thuật.</p> <p>Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh độc đáo mà đa dạng.</p> <p>- Văn chính luận: Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp, giàu hình ảnh, giọng điệu đa dạng.</p> <p>- Truyện và kí: Thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén. Tiếng cười trào phúng nhẹ nhàng mà thâm thúy sâu cay. Thể hiện chất trí tuệ sắc sảo và hiện đại.</p> <p>- Thơ ca: Phong cách hết sức đa dạng, hàm súc, uyên thâm, đạt chuẩn mực về nghệ thuật, sử dụng thành công nhiều thể loại thơ . Có loại thơ tuyên truyền cổ động lời lẽ mộc mạc giản dị, có loại thơ hàm súc uyên thâm kết hợp giữa màu sắc cổ điển và bút pháp hiện đại.</p> <p>III, Kết luận.</p> <p>- Đọc SGK.</p> <p>- Thuộc phần ghi nhớ trong SGK.</p> <p>Luyện tập:</p> <p>1, Bài tập 1</p>
--	---

phân luyện tập SGK/ 29.

Hs: làm tại lớp

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua tiết học, anh chị nắm được những nội dung gì về tác giả Nguyễn ái Quốc?

- Luyện tập:

Nêu quan điểm sáng tác của HCM?

d, hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ: Nắm được tiểu sử, sự nghiệp sáng tác văn học của HCM.

- Bài mới: Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Tuần 2

Ngày dạy:

Tiết 5 : Tiếng Việt

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Hiểu được việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt là một yêu cầu của sự phát triển tiếng Việt.

b, Về kĩ năng

Phân tích được những lỗi lạm dụng từ Hán Việt và tiếng nước ngoài, biết cách tự sửa các lỗi về sử dụng tiếng Việt.

c, Về thái độ

Nâng cao ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; Biết vận dụng những kiến thức về tiếng Việt và sự trong sáng của tiếng Việt để hoàn thiện năng lực nói và viết.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên

- SGK + SGV Ngữ văn 12 - Tập một

- Tài liệu tham khảo :

- GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức : gợi mở , trao đổi , thảo luận .

b, Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy

* ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

a, Kiểm tra bài cũ : không

* **Lời vào bài:** Từ trước đến nay nhiều người VN đều cho rằng: sự trong sáng của tiếng Việt là do cách sử dụng của mỗi người. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt là gì? Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng đó? Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

b, Bài mới :

Hoạt động của GV và HS	Mục tiêu cần đạt
<p>Gv diễn giảng: sự trong sáng của tiếng Việt được biểu hiện qua một số phương diện sau:</p> <p>So sánh 3 câu sau đây?</p> <p>Hs đọc và so sánh</p>	<p>I. SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>1. Tiếng Việt có hệ thống chuẩn mực, quy tắc chung về phát âm, chữ viết, về dùng từ, đặt câu, về cấu tạo lời nói, bài văn... Sự trong sáng của tiếng Việt trước hết bộc lộ ở chính hệ thống các chuẩn mực và quy tắc chung, ở sự tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó. Nói hoặc viết đúng chuẩn mực, đúng quy tắc của tiếng Việt sẽ đảm bảo được sự trong sáng của lời nói. Nói hoặc viết sai quy tắc, sai chuẩn mực là không trong sáng.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>a, Tình cảm của tác giả đối với non sông đất nước, đồng bào trong nước, kiều bào ở nước ngoài tuy xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc.</p> <p>b, Đó là tình cảm của tác giả đối với non sông đất nước, với đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài- những người tuy ở xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc.</p> <p>c, Tình cảm của tác giả đối với non sông đất nước, với đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài- những người tuy ở xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc- thật là sâu nặng.</p> <p>Câu (a) diễn đạt không rõ nội dung: vừa thiếu ý vừa không mạch lạc. Do đó câu a là câu không trong sáng.</p> <p>Câu b và c diễn đạt rõ nội dung; quan hệ giữa các bộ phận trong câu mạch lạc. Vì thế hai câu này là những câu trong sáng.</p> <p>Có thể nói qua hàng năm phát triển, tiếng Việt đã xác lập được một hệ thống chuẩn mực và quy tắc thuộc các phương diện khác nhau. Hệ thống đó làm nên phẩm chất trong sáng của tiếng Việt và là cơ</p>

<p>Gv: hãy lấy những ví dụ cho thấy sự lạm dụng tiếng nước ngoài vào tiếng Việt? Hs lấy ví dụ theo sgk</p> <p>Gv: yêu cầu học sinh đọc đoạn hội thoại sgk và phân tích Hs đọc và trình bày</p> <p>Gv gọi hs đọc ghi nhớ sgk- 33 Hs đọc ghi nhớ</p>	<p>sở cho mọi hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.</p> <p>Mặt khác chuẩn mực không phủ nhận những sự chuyển đổi linh hoạt và sáng tạo, không phủ nhận cái mới, miễn là cái sáng tạo, cái mới phù hợp với quy tắc chung.</p> <p>Ví dụ: <i>Lung</i> trần phơi nắng phơi sương Có manh áo cộc tre nhường cho <i>con</i>.</p> <p>Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.</p> <p>2, Sự trong sáng không dung nạp tạp chất. Do đó sự trong sáng của tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng nghĩa là không cho phép sử dụng tùy tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác. Tuy nhiên nếu trong tiếng Việt không có yếu tố nào đó để biểu hiện thì có thể vay mượn từ tiếng nước ngoài. Sự vay mượn như thế thường diễn ra ở mọi ngôn ngữ và là cần thiết vì nó làm phong phú cho từng ngôn ngữ.</p> <p>Ví dụ tiếng Việt đã vay mượn nhiều thuật ngữ chính trị và khoa học từ tiếng Hán, tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ khác như: chính trị, cách mạng, dân chủ...</p> <p>Nhưng trên sách báo tiếng Việt hiện nay có nhiều trường hợp lạm dụng tiếng nước ngoài trong khi tiếng Việt có từ ngữ tương xứng. Việc lạm dụng tiếng nước ngoài như thế làm tổn hại sự trong sáng của tiếng Việt.</p> <p>Như vậy sự trong sáng của tiếng Việt không chấp nhận những yếu tố lai căng, pha tạp trong khi vẫn dung hợp những yếu tố tích cực đối với tiếng Việt.</p> <p>3, Sự trong sáng của tiếng Việt còn được biểu hiện ở tính văn hoá, lịch sự của lời nói. Nói năng thô tục, thiếu văn hoá, bất lịch sự tức là làm cho tiếng Việt mất đi vẻ trong sáng của nó.</p> <p>Sự trong sáng trong lời nói chính là thể hiện vẻ thanh lịch, nét văn hoá của con người.</p> <p>Ví dụ đoạn hội thoại sau đây:</p> <p>* Ghi nhớ (sgk- 33)</p>
--	--

<p>Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt chúng ta phải làm gì?</p> <p>Hs: trả lời</p>	<p>II. TRÁCH NHIỆM GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tôn trọng và yêu quý tiếng Việt. + Học tập để nâng cao hiểu biết về tiếng Việt + Sử dụng tiếng Việt tuân theo quy tắc chuẩn mực, không lạm dụng tiếng nớc ngoài, tránh nói năng thô tục, thiếu văn hoá <p>* Kết luận</p> <p>Ghi nhớ SGK/ 33, 44</p>
<p>GV yêu cầu HS làm bài tập theo nhóm đã phân công.</p> <p>Tìm những từ ngữ chuẩn xác trong việc dùng từ của Hoài Thanh và của Nguyễn Du và phân tích</p>	<p>III. LUYỆN TẬP</p> <p>Bài tập 1- SGK/ 33: Tính chuẩn xác trong việc dùng từ của Hoài Thanh và Nguyễn Du khi lột tả tính cách của các nhân vật trong Truiyện Kiều :</p> <p>a) Từ ngữ của Hoài Thanh :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chàng Kim : rất mực <i>chung tình</i>. - Thuý Vân : cô em gái <i>ngoan</i>. - Hoạn Thư : người đàn bà <i>bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt</i>. - Thúc Sinh : anh chàng <i>sợ vợ</i> . - Từ Hải : chột hiện ra, chột biên đi như một vì <i>sao lạ</i>. - Sở Khanh cái vẻ <i>chải chuốt dịu dàng</i> - Bọn nhà chứa : cái xã hội <i>ghê tởm đố sống nhờ nhúc</i>.
<p>Hs: trả lời</p>	<p>b) Từ ngữ của Nguyễn Du :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tú Bà : <i>nhờn nhọt</i> màu da. - Mã Giám Sinh : mày râu <i>nhấn nhụi</i> - Bạc Bà, Bạc Hạnh: (miệng thề) <i>xoen xoét</i> <p>=> những từ ngữ trên đây đã lột tả đúng thân thái và tính cách từng nhân vật, đến mức tưởng như không có từ ngữ nào có thể thay thế được.</p>
<p>Đặt dấu câu vào vị trí thích hợp?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>Bài tập 2- SGK/ 33:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt dấu chấm(.) giữa hai từ dòng sông(ở dòng chữ đầu) - Đặt dấu chấm(.) sau những dòng nước khác (ở dòng thứ hai) - Đặt dấu phẩy(,) sau dòng ngôn ngữ cũng vậy(ở

<p>Gv: chọn câu văn trong sáng trong các câu sau và phân tích sự trong sáng đó Hs: trả lời</p> <p>Gv: đọc lời quảng cáo sau và cho biết từ nước ngoài nào không cần thiết Hs: đọc, trình bày</p>	<p>dòng chữ thứ hai)</p> <p>Bài tập 1 SGK/ 44:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu (a) không trong sáng : thừa từ <i>đòi hỏi</i> không cần thiết-> bỏ từ <i>đòi hỏi</i> câu văn sẽ trong sáng - Câu b,c,d là những câu trong sáng: viết đúng ngữ pháp , câu đủ thành phần, diễn đạt trong sáng. <p>Bài tập 2- SGK/ 44:</p> <p>Từ nước ngoài không cần thiết sử dụng vì đã có từ Việt thay thế: Valentine (ngày Valentine -> ngày lễ tình nhân hoặc ngày tình yêu)</p>
--	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những đặc điểm gì của tiếng Việt?

- Luyện tập:

Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, ta phải làm gì?

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được biểu hiện sự trong sáng của tiếng Việt

- Bài mới:

Tìm hiểu: Luyện tập Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Tuần 2:

Ngày dạy:

Tiết 5*: Tiếng Việt:

LUYỆN TẬP GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Trình bày, phân tích được những biểu hiện sự trong sáng của Tiếng Việt: Tính chuẩn mực, có quy tắc; sự không lai căng, pha tạp và tính lịch sự văn hoá trong lời nói.

b, Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt một cách trong sáng; Chỉ ra và phân tích sự trong sáng của tiếng Việt trong văn bản.

c, Về thái độ

Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng ; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên

- SGK + SGV Ngữ văn 12 - Tập một .
- Tài liệu tham khảo :
- GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức : gợi mở , trao đổi , thảo luận, làm bài tập

b, Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy

* ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

a, Kiểm tra bài cũ : không

* **Lời vào bài:**

Từ trước đến nay nhiều người VN đều cho rằng: sự trong sáng của tiếng Việt là do cách sử dụng của mỗi người. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt là gì? Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng đó? Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu tiết Luyện tập giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

b, Bài mới :

Hoạt động của GV và HS	Mục tiêu cần đạt
<p>Gv diễn giảng: sự trong sáng của tiếng Việt được biểu hiện qua một số phương diện sau:</p>	<p>I. SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>1. Tiếng Việt có hệ thống chuẩn mực, quy tắc chung về phát âm, chữ viết, về dùng từ, đặt câu, về cấu tạo lời nói, bài văn... Sự trong sáng của tiếng Việt trước hết bộc lộ ở chính hệ thống các chuẩn mực và quy tắc chung, ở sự tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó. Nói hoặc viết đúng chuẩn mực, đúng quy tắc của tiếng Việt sẽ đảm bảo được sự trong sáng của lời nói. Nói hoặc viết sai quy tắc, sai chuẩn mực là không trong sáng.</p> <p>Mặt khác chuẩn mực không phủ nhận những sự chuyển đổi linh hoạt và sáng tạo, không phủ nhận cái mới, miễn là cái sáng tạo, cái mới phù hợp với quy tắc chung.</p> <p>2, Sự trong sáng không dung nạp tạp chất. Do đó sự trong sáng của tiếng Việt không cho phép</p>

pha tạp, lai căng nghĩa là không cho phép sử dụng tùy tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác. Tuy nhiên nếu trong tiếng Việt không có yếu tố nào đó để biểu hiện thì có thể vay mượn từ tiếng nước ngoài. Sự vay mượn như thế thường diễn ra ở mọi ngôn ngữ và là cần thiết vì nó làm phong phú cho từng ngôn ngữ.

Như vậy sự trong sáng của tiếng Việt không chấp nhận những yếu tố lai căng, pha tạp trong khi vẫn dung hợp những yếu tố tích cực đối với tiếng Việt.

3, Sự trong sáng của tiếng Việt còn được biểu hiện ở tính văn hoá, lịch sự của lời nói. Nói năng thô tục, thiếu văn hoá, bất lịch sự tức là làm cho tiếng Việt mất đi vẻ trong sáng của nó.

Sự trong sáng trong lời nói chính là thể hiện vẻ thanh lịch, nét văn hoá của con người.

II. TRÁCH NHIỆM GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

- + Tôn trọng và yêu quý tiếng Việt.
- + Học tập để nâng cao hiểu biết về tiếng Việt
- + Sử dụng tiếng Việt tuân theo quy tắc chuẩn mực, không lạm dụng tiếng nớc ngoài, tránh nói năng thô tục, thiếu văn hoá

III. LUYỆN TẬP

1, Bài tập 1

a. Nhà phê bình văn học ấy đưa ra những biến số khả biến, những phỏng đoán, phỏng tưởng.

→ Biến số : số lượng

Phỏng tưởng : tưởng tượng(không rõ nghĩa).

b. Chỉ việc cản răng không để chịu đựng đám ruồi vàng tha hồ đốt suốt ngày, anh đã xứng đáng là một anh hùng.

Cản răng không để chịu đựng : cản răng chịu đựng

Tha hồ : thừa

→ Chỉ việc cản răng...

c. Tác phẩm này nhằm khẳng định những cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn.

→ Tác phẩm là một áng văn chính luận mẫu mực với cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ...hòn

d. Trong văn VN, HCM đã đạt được rất nhiều thành tựu nổi bật về văn chính luận.

Gv: phân tích và sửa chữa các lỗi do vi phạm chuẩn mực tiếng Việt để cho các câu văn sau đạt độ trong sáng

Hs: đọc, phát hiện và sửa lỗi

<p>Gv: Sửa lỗi và thay thế từ ngữ tương ứng</p> <p>Gv: Nhận xét về việc dùng từ nước ngoài trong trường hợp sau. Hãy thay những từ ngữ mà anh chị cho là lạm dụng bằng từ ngữ tiếng Việt tương ứng</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>→ Trong nền văn học hiện đại VN, HCM là một nhà văn nhà thơ lớn. Những tác phẩm của người, đặc biệt là Tuyên ngôn độc lập là thành tựu nổi bật về văn chính luận.</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>a. Bọn hải tặc đã tấn công 2 con tàu của chương trình lương thực thế giới (wfp) Hải tặc: cướp biển</p> <p>b. Chiếc xe ô tô lao như bay trên đại đạo, hướng về phía phi trường. Người tài xế nắm chặt vô lăng, nhấn mạnh chân ga. Đại đạo: đường lớn Phi trường: sân bay Tài xế: người lái xe Vô lăng: tay lái Phi cơ: máy bay</p> <p>3, Bài tập 3</p> <p>File: tệp tin Hacker: kẻ đột nhập trái phép hệ thống máy tính Cocoruder: giữ nguyên: danh từ tự xưng Microsoft: tên một công ty (giữ nguyên)</p>
---	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những đặc điểm gì của tiếng Việt?

- Luyện tập:

Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, ta phải làm gì?

d, Hóng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được biểu hiện sự trong sáng của tiếng Việt

- Bài mới:

Tìm hiểu Tuyên ngôn độc lập

Tuần 2:

Ngày dạy:

Tiết 6: Văn:
TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Phần 2: Tác phẩm

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

Hiểu được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật (lập luận chặt chẽ, sắc bén, đưa d/c sinh động thuyết phục); Tác phẩm gồm 3 phần: phần một nêu nguyên lí chung; phần hai vạch trần những tội ác của thực dân Pháp; phần 3 tuyên bố về quyền tự do, độc lập và quyết tâm giữ vững quyền độc lập, tự do của toàn thể dân tộc.

b, Về kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức về quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh để phân tích thơ văn của Người.

- Đọc- hiểu văn bản chính luận theo đặc trưng thể loại; Biết vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận để làm bài văn nghị luận.

c, Về thái độ:

Bồi đắp tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức về giá trị to lớn của nền độc lập tự do.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Tuyên ngôn độc lập là áng văn chính luận kiệt xuất. Với ngôn ngữ sắc bén, hùng hồn, Hồ Chí Minh đã kết tội đanh thép tội ác của thực dân Pháp, khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước toàn thể thế giới. Bản tuyên ngôn thể hiện tâm huyết, tài năng lập luận và khả năng thuyết phục tài tình của Hồ Chí Minh. Hôm nay cô và các em sẽ tìm hiểu tác phẩm này.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
Gv: gọi hs đọc phần tiểu dẫn sgk, cho biết: Hoàn cảnh sáng tác bản Tuyên ngôn độc lập?	Phần hai: Tác phẩm I, Khái quát chung 1, Hoàn cảnh sáng tác - Chiến tranh thế giới kết thúc. Phát xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta lúc bấy giờ, đã đầu hàng đồng minh. Trên toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy giành chính quyền. Ngày 26.8.1945, chủ tịch Hồ Chí Minh từ

<p>Đối tượng hướng tới bản Tuyên ngôn độc lập là những ai?</p> <p>Mục đích viết Tuyên ngôn độc lập?</p> <p>Nêu giá trị của bản Tuyên ngôn độc lập?</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv giảng thêm: sự kiện này không những chỉ là một dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng thi ca dào dạt trong văn học.</p>	<p>chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập. Ngày 2.9.1945, tại quảng trường Ba Đình, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt chính phủ lâm thời nước Việt Nam, đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam mới.</p> <p>2, Đối tượng hướng tới của bản Tuyên ngôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng hướng tới của bản Tuyên ngôn là quốc dân đồng bào - Là nhân dân trên toàn thế giới - Đối tượng là các thế lực thù địch và cơ hội quốc tế đang mang dã tâm một lần nữa nô dịch nước ta (thực dân Pháp và đế quốc Mĩ). <p>3, Mục đích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn: tuyên bố xoá bỏ chế độ thực dân, phong kiến; khẳng định quyền tự do và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới; là mốc son lịch sử mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do trên đất nước ta. - Bẻ gãy những luận điệu xảo trá của kẻ thù đang dã tâm nô dịch trở lại đất nước ta <p>4, Giá trị của bản tuyên ngôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một tác phẩm chính luận đặc sắc. Sức mạnh và sức thuyết phục của tác phẩm được thể hiện chủ yếu ở cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng chính xác, ngôn ngữ hùng hồn, đầy cảm xúc. - Tuyên ngôn độc lập là một áng văn tâm huyết của Người, hội tụ vẻ đẹp tư tưởng và tình cảm của Người đồng thời kết tinh khát vọng cháy bỏng về độc lập tự do của dân tộc ta. <p>II, Đọc- hiểu văn bản</p>
--	--

Gv: gọi hs đọc văn bản, đọc phần đầu với giọng trang trọng; phần nội dung đọc với giọng hùng hồn, đánh thép, nhấn mạnh vào các cấu trúc trùng điệp; phần nói về quá trình nổi dậy đọc với giọng tự hào, nhấn giọng vào các chữ “sự thật”; phần cuối đọc giọng trang trọng, hùng hồn.

Hs đọc
Gv nhận xét

Gv: hãy nêu bố cục của bản Tuyên ngôn? Từ đó chỉ ra mạch lập luận của bản tuyên ngôn?

Hs chỉ ra

Gv giảng: mục đích của bản tuyên ngôn không phải chỉ để tuyên bố mà phải đánh địch, bẻ gãy những luận điệu xảo trá của kẻ thù. Vì vậy bản tuyên ngôn trước hết phải xác định cơ sở pháp lí, điểm tựa vững chãi, thuyết phục cho mạch lập luận ngay từ phần mở đầu. Đây là căn cứ thống nhất để vạch tội kẻ thù, chỉ ra tính chất phi nghĩa của chúng, đồng thời là cơ sở để khẳng định tính chính nghĩa thuận theo lẽ phải của ta, từ đó mới đánh thép, hùng hồn khẳng định

* **Bố cục**

- Phần đầu “hỡi đồng bào... không ai chối cãi được”: mọi người, mọi dân tộc trên thế giới đều bình đẳng, có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

- Phần nội dung “thế mà...chứ không phải từ tay Pháp”: tội ác của thực dân Pháp; quá trình nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền dưới sự lãnh đạo của Việt Minh.

- Phần kết luận “Pháp chạy...để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”: lời tuyên ngôn độc lập và khẳng định quyết tâm sắt đá giữ vững nền độc lập dân tộc.

* **Mạch lập luận**

Mạch lập luận thuyết phục người đọc ở tính lô gíc, chặt chẽ: từ cơ sở lí luận đối chiếu vào thực tiễn, rút ra kết luận phù hợp, đích đáng, không thể không công nhận.

1, Phần mở đầu

xoá bỏ chế độ quân chủ.

Gv: gọi hs đọc phần mở đầu, sau đó gv dẫn dắt: ở phần mở đầu, tác giả trích dẫn bản tuyên ngôn độc lập của nước Mĩ 1776 và bản tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền 1791 của nước Pháp. Việc trích dẫn như vậy của tác giả có ý nghĩa gì?

Hs trình bày

Gv: giảng: từ quyền bình đẳng và tự do của con người mà tác giả suy rộng ra về quyền bình đẳng, tự do của các dân tộc trên thế giới. Hãy nhận xét cách lập luận của tác giả?

Hs trình bày

Gv bình: khép lại phần mở đầu bằng một câu văn kiên quyết và đanh thép, xét trong chính thể bài văn, đây là một cái chốt quan trọng của mạch lập luận. Nó trở thành tiêu chí chung thống nhất trước khi mỗi bên trình bày, biện luận của mình. Câu văn mang tính tranh biện, luận chiến. Từ sự ptích tình hình thực tiễn, người viết đã tiên cảm thấy có những kẻ đang cố tình toan tính âm mưu “chối cãi”, “chà đạp lên lẽ phải”. Cho nên người viết đã dùng lí lẽ của đối thủ để bác bỏ chính đối thủ ấy, đó là chiến thuật “gậy ông đập lưng ông”. Hai bản tuyên ngôn trở thành một hàng rào pháp lí vừa khéo léo, mềm mỏng vừa cứng cỏi, cương quyết.

- Đề cao những giá trị của tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo (nêu nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc; người viết đã dùng lí lẽ của đối thủ để bác bỏ chính đối thủ ấy.

- Đây là một cách vận dụng khéo léo và đầy sáng tạo nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ trong lập luận “ công hiến quan trọng của Người là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc”. Như vậy tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết lấy vận mệnh của mình.

- Đây là một đóng góp riêng của tác giả và cũng là của dân tộc ta vào một trong những trào lưu tư tưởng cao đẹp vừa mang tầm vóc quốc tế, vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX.

* Chỉ trong một đoạn văn ngắn ta thấy nt lập luận chặt chẽ, cách dùng văn chương để đánh địch rất khéo léo, hiệu quả và những nhạy cảm chính trị thiên tài của Người ứng biến trước thực tiễn cách mạng. Đoạn văn

<p>Gv:giảng: tác giả đã tạo ra sự đối lập giữa phần mở đầu và nội dung. Hai chữ “thế mà” không chỉ là từ liên kết nối đoạn văn mà còn làm nổi bật quan hệ tương phản giữa lí lẽ tốt đẹp và những hành động trắng trợn. Bản tuyên ngôn độc lập đã vạch rõ tội ác thực dân Pháp</p> <p>Gv giảng: không những thế, tác giả còn vạch trần tội ác của chúng ntn?</p> <p>Tác giả đã dùng những biện pháp nt gì để tăng cường sức mạnh tố cáo?</p> <p>Trước tội ác của giặc, nhân dân ta hiện lên qua những chi tiết, hình ảnh nào?</p>	<p>còn cho thấy niềm tự hào kín đáo của Bác khi Người đặt 3 bản tuyên ngôn, 3 cuộc cách mạng ngang hàng nhau.</p> <p>2, Phần nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về chính trị: không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào; luật pháp dã man, lập 3 chế độ khác nhau ở Bắc, Trung, Nam; lập nhà tù nhiều hơn trường học, thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta, tẩm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu; ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân; dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược. - Về kinh tế: bóc lột dân ta đến xương tuỷ, cướp ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu; giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng; ra hàng trăm thứ thuế vô lí làm nhân dân ta trở nên bần cùng; không cho các nhà tư sản ngóc đầu lên, bóc lột công nhân một cách tàn nhẫn. - Về ngoại giao: Nhật đến xâm lăng, Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa rước Nhật; Nhật đảo chính Pháp, bọn chúng bỏ chạy, trong vòng 5 năm, chúng bán nước ta 2 lần cho Nhật; thẳng tay khủng bố Việt Minh, giết nốt số đông tù chính trị ở Cao Bằng và Yên Bái... - Liệt kê, so sánh, ẩn dụ, điệp từ “chúng” được sử dụng liên tiếp; nhiều từ ngữ như “dã man, thẳng tay, bể máu, ngu dân, xương tuỷ, cướp không, tàn nhẫn, quỳ gối...”, đoạn văn ngắn, giọng văn đanh thép, điệp cấu trúc, cách trình bày diễn dịch, đối lập... tăng cường hiệu quả tố cáo và diễn đạt cảm xúc của tác giả. - Nhân dân chịu 2 tầng xiềng xích Pháp và Nhật, hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói... - Phần uất, căm thù ngùn ngụt tội ác dã man của giặc, thương xót đau đớn trước cảnh nhân dân nô lệ.
--	---

<p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>Gv giảng: phía sau sự liệt kê tội ác là hình ảnh đất nước bị giày xéo, một dải non sông phút chốc thành 3 chế độ, nhân dân điêu đứng, ngột ngạt, không một chút tự do dân chủ nào, chịu sự kìm kẹp của luật pháp dã man, bị tù tội, bị thẳng tay chém giết, chôn vùi trong bể máu, bị bản cùng hoá, suy nhược giống nòi...</p> <p>Nhận xét về tâm trạng tình cảm của Bác qua những chi tiết trên? Hs nhận xét</p> <p>Gv: Quá trình đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Việt Minh đã được tái hiện ntn trong bản tuyên ngôn? Tâm trạng của tác giả? Hs lần lượt trình bày</p> <p>Gv: nhận xét cách đưa bằng chứng, lí lẽ và cách lập luận của tác giả? Cách lập luận ấy có tác dụng gì? Hs nhận xét</p> <p>Gv: tác giả đã phát biểu lời tuyên ngôn và tuyên bố cuối cùng như thế nào? Hs dựa vào sgk trình bày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trước ngày 9.3 Việt Minh đã nhiều lần kêu gọi người Pháp liên minh chống Nhật. - Đồng bào giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo: giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thuỳ, cứu nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ. - Nhân dân cả nước đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước VN dân chủ cộng hoà. → Niềm tự hào về cuộc đấu tranh bền bỉ, sáng ngời chính nghĩa của nhân dân ta. → Những câu văn dồn dập, âm hưởng mạnh mẽ, các câu lặp kết cấu cú pháp nhấn mạnh sự thật hiển nhiên, sự thật về tội ác của giặc, về việc “bảo hộ” của Pháp ở Đông Dương, sự thật về vai trò và hoạt động của mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân giành chính quyền. - Dẫn chứng cụ thể, xác thực, hùng hồn không ai chối cãi được, lí lẽ đanh thép, lập luận chặt chẽ, bề gãy mọi luận điệu xảo trá của kẻ thù trước dư luận quốc tế, chúng là kẻ đầu hàng, là người bỏ chạy trước phát xít Nhật, quay lại với đồng minh; thuyết phục đồng minh, nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới ủng hộ nền độc lập của Việt Nam. <p>3, Phân kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định: dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nền độc lập; đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ cộng hoà; tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí kết về VN, xoá bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất VN; thuyết phục các nước đồng minh công nhận nền độc lập của dân tộc VN; tuyên bố VN có quyền hưởng tự do,
---	--

<p>Gv: điệp cấu trúc được nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhằm khẳng định điều gì?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv bình: đoạn văn cuối là lời tuyên bố ngắn gọn nhưng kết đọng tư tưởng của toàn bài, thể hiện sâu sắc tư cách làm chủ đất nước của người VN, tinh thần, ý chí, bản lĩnh của dân tộc VN.</p> <p>Phần cuối ngôn ngữ hùng hồn, gọi cảm, chính xác, tác động mạnh mẽ vào tình cảm, nhận thức của người nghe, người đọc. Mỗi chữ, mỗi câu đều hàm chứa suy tư và cảm xúc của con người suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc.</p> <p>Gv: hãy nêu những nét tiêu biểu về nt và nội dung của tác phẩm?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv liên hệ: “Người đứng trên đài lặng phút giây Trông đàn con đó vẫy hai tay Cao cao vằng trán ngời đôi mắt Độc lập bây giờ mới thấy đây” (Tố Hữu)</p>	<p>độc lập và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định dân tộc trên dưới một lòng chống lại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp; bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập bằng tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền độc lập, tự do ấy. - Khẳng định, nhấn mạnh quyền độc lập tự do của dân tộc VN <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là áng văn chính luận mẫu mực: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn, gọi cảm. - Các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài làm tăng thêm sức thuyết phục. - Tình cảm chan chứa, sâu sắc của tác giả. <p>2, Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước VN mới. - Tố cáo tội ác của thực dân Pháp; ngăn chặn âm mưu tái chiếm nước ta của các thế lực thù địch và các phe nhóm cơ hội quốc tế. - Bộc lộ tình cảm yêu nước, thương dân và khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của tác giả và toàn thể dân tộc.
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) có nhận xét gì về nghệ thuật lập luận của tác giả?

- Luyện tập:

Vì sao kết thúc phần mở đầu, tác giả lại khẳng định “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được ?”

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được hoàn cảnh ra đời, mục đích sáng tác và đối tượng hướng tới của bản tuyên ngôn; nắm được nội dung phần mở đầu.

- Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu: Luyện đọc hiểu Tuyên ngôn độc lập.

Tuần 3:

Ngày dạy:

Tiết 6b: Luyện đọc hiểu:
TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
- Hồ Chí Minh-

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

Tác phẩm gồm 3 phần: phần một nêu nguyên lí chung; phần hai vạch trần những tội ác của thực dân Pháp; phần 3 tuyên bố về quyền tự do, độc lập và quyết tâm giữ vững quyền độc lập, tự do của toàn thể dân tộc.

b, Về kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức về quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh để phân tích thơ văn của Người.
- Đọc- hiểu văn bản chính luận theo đặc trưng thể loại.

c, Về thái độ:

Bồi đắp tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức về giá trị to lớn của nền độc lập tự do.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Tuyên ngôn độc lập là áng văn chính luận kiệt xuất. Với ngôn ngữ sắc bén, hùng hồn, Hồ Chí Minh đã kết tội danh tội ác của thực dân Pháp, khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước toàn thể thế giới. Bản tuyên ngôn thể hiện tâm huyết, tài năng lập luận và khả năng thuyết phục tài tình của Hồ Chí Minh. Hôm nay cô và các em sẽ đọc hiểu rõ hơn về tác phẩm này.

b. Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv: nhắc lại hoàn cảnh sáng tác của Tuyên ngôn độc lập? Hs: nhắc lại	1, Hoàn cảnh sáng tác - Chiến tranh thế giới kết thúc. Phát xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta lúc bấy giờ, đã đầu hàng đồng minh. Trên toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy giành chính quyền. Ngày 26.8.1945, chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập. Ngày 2.9.1945, tại quảng trường Ba Đình, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt chính phủ lâm thời nước Việt Nam, đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam mới.
Đối tượng hướng tới của bản tuyên ngôn?	2, Đối tượng hướng tới của bản Tuyên ngôn - Đối tượng hướng tới của bản Tuyên ngôn là quốc dân đồng bào - Là nhân dân trên toàn thế giới - Đối tượng là các thế lực thù địch và cơ hội quốc tế đang mang dã tâm một lần nữa nô dịch nước ta (thực dân Pháp và đế quốc Mỹ).
Mục đích của bản tuyên ngôn?	3, Mục đích - Là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn: tuyên bố xoá bỏ chế độ thực dân, phong kiến; khẳng định quyền tự do và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới; là mốc son lịch sử mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do trên đất nước ta. - Bẻ gãy những luận điệu xảo trá của kẻ thù đang dã tâm nô dịch trở lại đất nước ta
Nêu những giá trị cơ bản của bản tuyên ngôn?	4, Giá trị của bản tuyên ngôn - Là một tác phẩm chính luận đặc sắc. Sức mạnh và sức thuyết phục của tác phẩm được thể hiện chủ yếu ở cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng chính xác, ngôn ngữ hùng hồn, đầy cảm xúc. - Tuyên ngôn độc lập là một áng văn tâm huyết của Người, hội tụ vẻ đẹp tư tưởng và

Nêu nội dung và nghệ thuật của bản tuyên ngôn?

Hs: lần lượt trình bày

tình cảm của Người đồng thời kết tinh khát vọng cháy bỏng về độc lập tự do của dân tộc ta.

5.Nội dung:

- Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử có giá trị to lớn chấm dứt chế độ thực dân phong kiến, mở ra kỉ nguyên độc lập tự do cho nớc ta.
- Là áng văn chính luận mẫu mực: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn, (Tố cáo tội ác thực dân, thể hiện lòng yêu nớc, khát vọng độc lập tự do của tác giả và cả dân tộc). TNĐL xứng đáng là áng “Thiên cổ hùng văn”.

6.Nghệ thuật:

- a) Phong cách lập luận chặt chẽ: dựa trên lập trường quyền lợi của các dân tộc nói chung và dân tộc ta nói riêng.
 - b) Về lí lẽ sắc bén: xuất phát từ tình yêu công lí, tôn trọng sự thật, lẽ phải và chính nghĩa.
 - c) Về bằng chứng xác thực hùng hồn, không ai chối cãi được.
 - d) Về ngôn ngữ:
 - Chan chứa tình cảm: “Hỡi đồng bào□”
 - Hùng hồn, tố cáo đanh thép tội ác của kẻ thù: “Tuyệt đối□ nào”.
 - Hình ảnh gợi cảm: “Quỳ gối□ rớc Nhật”
=> Vạch rõ bộ mặt nhục nhã đê hèn.
 - Ngôn ngữ châm biếm sắc sảo: “Chúng không bảo hộ□”
 - Ngôn ngữ chính xác vạch rõ bản chất xấu xa: “ Bán nớc ta hai lần□”
- =>Có sức cuốn hút, tác động tới người đọc.

7.Luyện tập:

Gợi ý: Vì ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản TNĐL còn chứa đựng một tình cảm yêu nớc thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện:

- Về lập luận: Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả đều chủ yếu dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung của dân tộc ta nói riêng.
- Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ trong bản TN xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn

<p>Lí giải vì sao bản TNĐL từ khi ra đời cho đến nay luôn là một áng văn chính luận có sức lay động lòng người sâu sắc ? Hs: trả lời theo gợi ý của gv</p>	<p>trọng sự thật, và trên hết là dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta. - Về bằng chứng: Những bằng chứng xác thực hùng hồn không thể chối cãi được cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của Người đến vận mệnh dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. - Về ngôn ngữ: Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm yêu thương đối với nhân dân đất nước: ngay từ câu đầu tiên “Hỡi đồng bào cả nước!”; nhiều từ ngữ xung hô gần gũi thân thiết “đất nước ta”, “nhân dân ta”, “nước nhà của ta”, “Những người yêu nước thương nòi của ta” ...</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) có nhận xét gì về nghệ thuật lập luận của tác giả?

- Luyện tập:

Phân tích một đoạn văn trong bản tuyên ngôn mà anh chị cho là đặc sắc.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được hoàn cảnh ra đời, mục đích sáng tác và đối tượng hướng tới của bản tuyên ngôn; nắm được nội dung nghệ thuật bản tuyên ngôn.

- Bài mới:

Tìm hiểu: Đọc thêm: Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc.

Tuần 3:

Ngày dạy:

Tiết 7: Văn: Đọc thêm:

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC
Phạm Văn Đồng

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Những đánh giá vừa sâu sắc mới mẻ vừa có lí có tình của Phạm Văn Đồng về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với đương thời và ngày nay.

- Nghệ thuật viết văn nghị luận: lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, ngôn từ trong sáng, gợi cảm giàu hình ảnh.

b, Về kỹ năng:

- Hoàn thiện và nâng cao kỹ năng đọc- hiểu văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại.
 - Vận dụng cách nghị luận giàu sức thuyết phục của tác giả để phát triển các kỹ năng làm văn nghị luận.

c, Về thái độ:

Có nhận thức đúng đắn về thơ văn Đồ Chiểu đồng thời biết học tập, vận dụng cách nghị luận của tác giả vào thực tiễn làm văn của bản thân để nâng cao và hoàn thiện các kỹ năng nghị luận.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
 -Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Nguyễn Đình Chiểu – một nhà thơ, nhà văn, thầy thuốc mù, thầy giáo ưu tú của xứ Đồng Nai nói riêng, của dân tộc VN nói chung mãi là tấm gương sáng ngời về nghị lực cao cả và tài năng thơ văn cùng lòng yêu nước thiết tha. Đánh giá về tấm lòng và sự đóng góp ấy, Phạm Văn Đồng đã có một bài viết khá sâu sắc về ông. Hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu.

b. Bài mới:

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv: gọi hs đọc tiểu dẫn sgk- 47, cho biết những nét tiêu biểu về Phạm Văn Đồng? Hs trình bày	<p>I, Khái quát chung</p> <p>1, Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm Văn Đồng 1906-2000, nhà cách mạng lớn của nước ta, quê xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi, là người tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng, từng bị bắt và kết án tù, đày ra Côn Đảo... - Sau cách mạng, ông có nhiều cống hiến lớn trong việc xây dựng và quản lí nhà nước VN, là trưởng phái đoàn chính phủ VN dự các hội nghị có ý nghĩa lịch sử... - Là nhà giáo dục tâm huyết và một nhà

<p>Gv: những hiểu biết của em về tác phẩm? Hs lần lượt trình bày</p> <p>Gv gọi hs đọc văn bản giọng hùng hồn, dứt khoát, chân thành, tha thiết Hs đọc Gv giảng: bài nghị luận này giống như một bài văn, có phần mở đầu, phần nội dung và phần kết thúc.</p> <p>Gv: hãy nêu những luận điểm có trong bài viết? Hs nêu</p>	<p>lí luận văn hoá văn nghệ lớn: không chỉ đưa ra những ý kiến có ý nghĩa chỉ đạo đường lối phát triển của nền văn học nghệ thuật mới, còn có nhiều bài nói, bài viết sâu sắc, mới mẻ về tiếng Việt và các danh nhân văn hoá VN</p> <p>2, Tác phẩm Bài Nguyễn Đình Chiểu- ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc được viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu 3-7-1888 (3-7-1963) giữa lúc cuộc chiến tranh chống Mĩ của nhân dân ta diễn ra hết sức mạnh mẽ trên các chiến trường. Bài viết được in trong Tạp chí văn học tháng 7-1963</p> <p>II, Đọc- hiểu văn bản Hệ thống luận điểm Luận điểm bao trùm bài viết: Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Phần nội dung gồm 3 phần chính, là sự triển khai, cụ thể hoá luận điểm đã được nêu ra trong phần mở đầu: - “Ánh sáng khác thường” trong cuộc đời và quan niệm văn chương của Đồ Chiểu. - “Ánh sáng khác thường” trong thơ văn yêu nước của Đồ Chiểu. - “Ánh sáng khác thường” trong truyện thơ Lục Vân Tiên. Phần kết thúc bài viết, tác giả kết luận, đánh giá vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc, khẳng định những giá trị vượt thời gian của thơ văn Đồ Chiểu “Tóm lại, Nguyễn Đình Chiểu là một... văn hoá tư tưởng”.</p> <p>1, Luận điểm bao trùm bài viết</p>
---	--

<p>Gv: hãy giải thích cụm từ “ngôi sao có ánh sáng khác thường, phải chăm chú nhìn thì mới thấy, càng nhìn thì càng thấy sáng”?</p> <p>Hs giải thích</p>	<p>- Ngôi sao có ánh sáng khác thường tức là một hiện tượng văn học độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.</p> <p>- Phải chăm chú nhìn thì mới thấy nghĩa là phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kỹ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được những vẻ đẹp riêng của nó</p> <p>- Càng nhìn càng thấy sáng: càng nghiên cứu sâu, càng tìm hiểu kỹ ta sẽ càng thấy được cái hay và càng khám phá được những vẻ đẹp mới.</p> <p>→ Cách đánh giá của Phạm Văn Đồng có tính khoa học và ý nghĩa phương pháp luận.</p>
<p>Gv: nhận xét cách đánh giá của Phạm Văn Đồng?</p> <p>Hs nhận xét</p>	<p>2, Các luận điểm triển khai</p> <p>a, “Ánh sáng khác thường” trong cuộc đời và quan niệm văn chương của Đồ Chiểu”.</p>
<p>Gv: Phạm Văn Đồng đã thấy những vẻ đẹp nào trong cuộc đời và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu?</p> <p>Hs dựa sgk trình bày</p>	<p>- Vì bị mù, hoạt động của người chiến sĩ chủ yếu là thơ văn, những tác phẩm đó soi sáng tâm hồn trong sáng và cao quý của tác giả.</p> <p>- Đời sống và hữ của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương anh dũng, cảnh đất nước và cảnh riêng đen tối long đong</p> <p>Thì khí tiết của người chí sĩ yêu nước càng cao cả, rạng rỡ.</p>
<p>Gv liên hệ: quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh “Nay ở ...phong”, nhà thơ Sóng Hồng “Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ. Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền”</p>	<p>- Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ hi sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn.</p> <p>- Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tội tớ của chúng:</p> <p>“ Học theo ngòi bút chí công Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân thi” Và: “ Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”</p>

Gv: ánh sáng khác thường trong văn thơ yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu được tác giả thể hiện ntn trong bài viết?
Hs trình bày

- Cầm bút, viết văn là một thiên chức. Cụ Chiểu trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng ấy:

Thấy nay cũng nhóm văn chương

Vóc dê da cọp khôn lường thực hư!

b, “Ánh sáng khác thường” trong thơ văn yêu nước của Đồ Chiểu”.

- Tác giả đặt thơ văn vào hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Đó là những năm tháng “oanh liệt và đau thương” của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Nam Bộ “Thơ văn yêu nước làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau, suốt 20 năm trời”.

- Phạm Văn Đồng chỉ ra sức mạnh cổ vũ chiến đấu trong thơ văn yêu nước bằng hình tượng văn học sinh động và náo nùng, làm xúc động lòng người, tiêu biểu là hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong bài văn tế “một phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, than khóc những người liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân. Ngòi bút, nghĩa là tâm lòng trung nghĩa của NĐC đã diễn tả thật sinh động và náo nùng cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân, vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc bồng chốc trở thành người anh hùng cứu nước.

- Phạm Văn Đồng đã tiến hành thao tác lập luận so sánh bài văn tế với Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, từ đó tác giả khẳng định “Văn tế là khúc ca những người anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang”.

- Để làm rõ thêm giá trị thơ văn yêu

<p>Gv: nhận xét cách lập luận của tác giả trong phần nghị luận này?</p> <p>Hs nhận xét</p> <p>Gv: có ý kiến cho rằng “PVĐ không chỉ viết về thơ văn yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu bằng một trí tuệ sáng suốt, sâu sắc mà còn bằng tất cả tình cảm và sự xúc động của mình? Ý kiến của anh (chị)?</p> <p>Hs trình bày</p>	<p>nước, Phạm Văn Đồng đưa ra một dẫn chứng nữa nhưng không phân tích để người đọc tự cảm nhận, đó là những đoá hoa, những hòn ngọc rất đẹp: bài Xúc Cảnh</p> <p>→ Điều này không chỉ nói lên tính chất phong phú và giá trị nhiều mặt của thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu mà còn cho thấy nhà thơ đã biến văn chương thành vũ khí tinh thần phục vụ cuộc đấu tranh dân tộc.</p> <p>- Tác giả đặt thơ văn Đồ Chiểu vào vào khu vườn thơ văn kháng chiến chống Pháp bấy giờ với các tên tuổi nhà văn nhà thơ tiêu biểu. Người viết khẳng định: thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và là lá cờ đầu của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.</p> <p>→ Cách lập luận từ chung đến riêng, từ cụ thể đến khái quát, kết hợp cả hai phép lập luận diễn dịch và quy nạp, lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu, PVĐ đã làm nổi rõ những giá trị tư tưởng và nghệ thuật cơ bản, độc đáo của thơ văn Đồ Chiểu.</p> <p>-PVĐ đã viết đoạn nghị luận về thơ văn yêu nước của NĐC bằng cả “khối óc lạnh lùng tê buốt” và “trái tim nặng trĩu yêu thương”. Nếu trí tuệ sáng suốt đã giúp tác giả lập luận khúc chiết rõ ràng, lôgic và đầy sức thuyết phục thì tình cảm với đất nước, dân tộc, cha ông với nhà thơ mù yêu nước xứ Đồng Nai đã khiến tác giả đã tạo ra những câu văn lay động lòng người (giọng điệu hào sảng của tác giả “làm sao sưu tầm... cứu nước cứu dân”; cái đau đớn, xót xa của tác giả “hồi tưởng cuộc chiến đấu vô song... cắt xé”; tình cảm mến yêu trân trọng và cảm thông của</p>
--	--

Gv: vì sao khi nói về Lục Vân Tiên, tác giả lại nêu quan điểm “phải hiểu đúng Lục Vân Tiên thì mới thấy hết giá trị của bản trường ca này”?

Hs trình bày

Gv: tác giả sau đó đã lập luận ntn? Từ đó, tác giả giúp chúng ta nhận ra “ánh sáng khác thường” nào của truyện thơ Lục Vân Tiên?

Hs dựa sgk trình bày

một người đang sống hết mình nhưng chiến bại trong cuộc chiến đấu chống thực dân buổi đầu “có lẽ dưới suối vàng... hả dạ”.

c, “Ánh sáng khác thường” trong truyện thơ Lục Vân Tiên.

- Vì có những cách đánh giá chưa thoả đáng về giá trị tư tưởng và nt của truyện thơ “những giá trị luân lí mà NĐC ca ngợi đã lỗi thời ở thời đại chúng ta; lời văn nôm na không hay lắm.

- Tác giả chỉ cho chúng ta thấy rằng : không phải mọi giá trị luân lí mà NĐC đã từng ca ngợi đều trở nên lỗi thời, có những điều giáo huấn đáng quý trọng vẫn còn có giá trị cho đến ngày hôm nay vì NĐC suốt đời sống trong lòng quần chúng nhân dân, không “tự trói mình trong khuôn khổ của đạo lí cổ truyền” nên những tư tưởng đạo đức của ông, những nhân vật do ông sáng tạo đều gần gũi với nhân dân, đều mang quan niệm đạo đức của nhân dân. Vì thế những quan niệm đạo đức ấy, những nhân vật ấy vẫn được chúng ta ngày nay “cảm xúc và thích thú”.

- Tác giả cũng thừa nhận lối văn nôm na của truyện Lục Vân Tiên nhưng tác giả đặt lối văn ấy vào mục đích và hoàn cảnh sáng tác để xem xét và đánh giá.

+ Về mục đích: do muốn viết một tác phẩm “dễ hiểu, dễ nhớ, có thể truyền bá rộng rãi trong dân gian” nên nhà thơ cố ý viết một lối văn nôm na.

+ Về hoàn cảnh: vì mù loà nên nhà thơ chỉ có thể đọc cho người khác viết như vậy thật khó sửa chữa và duyệt lại văn bản, cho đến nay không ai biết bản gốc của truyện là bản nào.

Theo tác giả, chỗ sơ sót đó là không

<p>Gv: từ nội dung và cách nghị luận của tác giả, anh (chị) rút ra được bài học gì về quan điểm đánh giá tác phẩm văn học và cách lập luận sao cho hiệu quả, thuyết phục? Hs trình bày</p> <p>Gv: kết thúc bài viết, PVD đã có những đánh giá khái quát ntn về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu? Hs trình bày</p> <p>Gv: cho biết những nét tiêu biểu về nội dung và nt của bài viết? Hs trình bày</p>	<p>đáng kể, không hề che lấp cái hay của rất nhiều câu thơ và không làm giảm đi giá trị của bản trường ca này.</p> <p>→ Như vậy, nhờ chăm chú nhìn và có một quan điểm tiếp cận khoa học, tác giả đã phát hiện những giá trị bền vững vượt thời gian của Lục Vân Tiên. Truyện đều gắn với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến. Đó chính là cơ sở để đánh giá tác phẩm này và là lí do vì sao tác phẩm lại là “một tác phẩm lớn nhất, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam”</p> <p>- Đánh giá một tác phẩm cần phải có một cái nhìn đồng bộ, từ nhiều góc độ khác nhau, cả trong và ngoài tác phẩm. Phải xem xét tác phẩm trong những hoàn cảnh sáng tác và tiếp nhận cụ thể. Sự thừa nhận, yêu mến của công chúng là thước đo quan trọng để đánh giá giá trị của tác phẩm.</p> <p>3, Luận điểm kết thúc</p> <p>- Khẳng định về đẹp nhân cách và vị trí của NĐC trong nền văn học dân tộc “là chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”</p> <p>- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và thơ văn NĐC đối với hôm qua và hôm nay “đời sống và sự nghiệp... văn hoá tư tưởng”.</p> <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách nghị luận xác đáng, chặt chẽ - Hình ảnh, ngôn từ đặc sắc - Tình cảm thiết tha, cách nhìn, cách nghĩ sâu rộng mới mẻ, nhiệt tình của người viết. <p>2, Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả đã làm sáng tỏ mối liên hệ khăng khít giữa thơ văn NĐC với hoàn
---	---

<p>Gv: gọi hs đọc phần ghi nhớ sgk- 54</p> <p>Hs đọc</p> <p>Gv chốt ý</p>	<p>cảnh của tổ quốc bấy giờ và với thời đại hiện nay.</p> <p>- Ca ngợi một người trọn đời dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu cho dân cho nước, một ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc.</p>
---	---

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) hiểu được những gì về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu?

- Luyện tập:

Làm phần Luyện tập (sgk-54)

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được cách nghị luận của tác giả, các luận điểm chính của bài viết.

- Bài mới:

Tìm hiểu: Máy ý nghĩ về thơ; Đốt –xtôi- ep- xki.

Tuần 3:

Ngày dạy:

Tiết 8: Văn: Đọc thêm:

MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ (Trích – Nguyễn Đình Thi)
ĐỐT- XTÔI- EP- XKI (Xvai gơ)

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Nhận thức về các đặc trưng của thơ.
- Cách lập luận chặt chẽ, diễn đạt có hình ảnh, giàu cảm xúc.
- Cuộc đời và tác phẩm của Đô-xtôi-ép-xki là nguồn cổ vũ quần chúng lao động nghèo đoàn kết, đứng lên lật đổ ách cường quyền.
- Nghệ thuật dựng chân dung văn học của Xvai-gơ.

b, Về kỹ năng:

Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại; Biết vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận để làm bài văn nghị luận.

c, Về thái độ:

- Thêm yêu mến, kính trọng nhà văn Nga Xô Viết.
- Có cái nhìn toàn diện, sâu sắc về các tác phẩm thơ.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a,Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b,Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3,Tiến trình bài dạy:

a,Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi: Nêu nội dung và nghệ thuật của bản Tuyên ngôn độc lập?
- Đáp án: **Nội dung:**

Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử có giá trị to lớn chấm dứt chế độ thực dân phong kiến, mở ra kỉ nguyên độc lập tự do cho nớc ta.

Là áng văn chính luận mẫu mực: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn, (Tố cáo tội ác thực dân, thể hiện lòng yêu nớc, khát vọng độc lập tự do của tác giả và cả dân tộc). TNĐL xứng đáng là áng “Thiên cổ hùng văn”.

Nghệ thuật:

Phong cách lập luận chặt chẽ: dựa trên lập trường quyền lợi của các dân tộc nói chung và dân tộc ta nói riêng.

Về lí lẽ sắc bén: xuất phát từ tình yêu công lí, tôn trọng sự thật, lẽ phải và chính nghĩa.

Về bằng chứng xác thực hùng hồn, không ai chối cãi được.

*Đặt vấn đề vào bài mới: Tiết học hôm nay cô trò sẽ đi tìm hiểu 2 bài đọc thêm bàn về thơ và cách nhìn nhận đánh giá về một nhân vật qua 2 bài nghị luận văn học.

b,Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Đọc phần Tiểu dẫn SGK? Phần này trình bày nội dung gì? Hs: trình bày</p> <p>Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào?</p> <p>Tác giả viết bài tiểu luận nhằm mục đích gì?</p>	<p>A.Mấy ý nghĩ về thơ I. Tìm hiểu chung. 1. Tác giả. - Nguyễn Đình Thi (1924-2003)- sinh ra ở Lào, sống chủ yếu ở Hà Nội. - Tham gia hoạt động cách mạng và văn học nghệ thuật rất tích cực. - Là người nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, phê bình văn học, sáng tác nhạc, soạn kịch, biên khảo triết học...-> lĩnh vực nào cũng có những đóng góp (Sgk). 2.Tác phẩm. a. Hoàn cảnh sáng tác. - Tháng 9-1949 t'ì Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc; bài viết này sau được đưa vào tập <i>Mấy vấn đề văn học</i>. b. Mục đích . Nêu phương châm cách mạng hoá tư tưởng, quần</p>

<p>Dựa vào việc soạn bài ở nhà hãy cho biết nội dung cơ bản trong bài viết? Trình bày đặc trưng cơ bản nhất về thơ của NĐT?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Ngoài đặc trưng trên Thơ còn mang những đặc trưng khác. Hãy trình bày đặc trưng thứ 2 của thơ?</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Đặc trưng thứ 3 của thơ là gì? Trình bày?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Nhận xét về nghệ thuật của NĐT trong bài viết?</p>	<p>chúng hoá sinh hoạt và nêu cao sáng tác theo khuynh hướng <i>Hiện thực xã hội chủ nghĩa</i>.</p> <p>II. Tìm hiểu văn bản.</p> <p>1. Nội dung (3 đặc trưng).</p> <p>a. Thơ là tiếng nói của tâm hồn con người. - Đầu mối của thơ là tâm hồn con người . <i>Làm thơ</i> nghĩa là tâm hồn phải <i>rung động</i>, <i>bài thơ</i> là <i>sợi dây truyền tình cảm</i> cho người đọc.</p> <p>b. Hình ảnh, tư tưởng và tính chân thực trong thơ. + <i>Cảm xúc</i> của con người bao giờ cũng $\frac{g}{4n}$ liền với <i>suy nghĩ</i>, <i>suy nghĩ</i> lại xuất phát từ <i>tư tưởng</i> của người làm thơ, nó tác động bằng chính những <i>hình ảnh</i> ở trong hoàn cảnh nhất định. + Nhà thơ đi giữa cuộc đời, mở rộng tâm hồn mình đón nhận mỗi cảnh ngộ, mỗi con người... tác động đến tư tưởng tình cảm -> đó là những hình ảnh thực, tự nhiên, tươi nguyên ngay ở trong đời thực. -> Hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực của thơ đều nằm trong hệ quy chiếu của tâm hồn con người.</p> <p>c. Ngôn ngữ thơ. + Ngôn ngữ : gợi cảm + Đặc trưng của ngôn ngữ thơ là nhịp điệu, tính nhạc trong thơ. Đó là ngắt nhịp, gieo vần, bằng trắc... Nó còn một thứ nhịp nữa đó là nhịp điệu của tâm hồn -> ngôn ngữ thơ là dấu hiệu, nếu ta bám vào những dấu hiệu đó thì tất cả sẽ lên theo.</p> <p>2. Nghệ thuật. Nghệ thuật lập luận (phủ định để khẳng định), đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh... để làm sáng tỏ vấn đề.</p> <p>III. Kết luận. Bài viết của NĐT không chỉ có giá trị những năm 50 của thế kỉ XX mà mãi mãi vẫn còn giá trị bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca.</p> <p>B, Đốt- xtôi- ép- xki</p> <p>I. Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả. - Xtê-phan Xvai-gơ (1881- 1942) là nhà văn Áo gốc</p>
---	--

<p>Đọc phần tiểu dẫn sgk và cho biết một số nét tiêu biểu về tác giả Xvai-gơ?</p>	<p>Do Thái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông học ở các trường ĐH ở Béc-lin, ở Viên và đã hoàn thành luận án tiến sĩ. - 1901 ông bắt đầu sáng tác văn học bằng tập thơ <i>Những sợi dây đàn bằng bạc</i> ...Xvai-gơ đã từng gia nhập nhóm những nhà văn tiến bộ, phản đối chiến tranh (cuối CTTG I). - Ông sống ở nhiều nước trên thế giới: Anh, Mỹ, Bra-xin -> am hiểu nhiều. - Ngoài làm thơ, viết kịch, sáng tác truyện ngắn, ông còn nổi danh dụng chân dung các nhà văn bậc thầy thế giới (Do ông đi nhiều nơi, am hiểu nhiều; cảm nhận được tác phẩm của các nhà văn; đồng cảm với cuộc đời của nghệ sĩ)
<p>Xác định thể loại của tác phẩm?</p>	<p>2. Tác phẩm.</p> <p>a. Thể loại: Chân dung văn học.</p> <p>a. Vị trí của đoạn trích: Được trích từ cuốn <i>Ba bậc thầy</i> (Đô-xtôi-ép-xki; Ban-dắc; Đích-ken)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích nằm trong phần <i>Bi kịch cuộc đời ông</i>
<p>Xác định bố cục và nội dung của mỗi phần?</p> <p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>b. Bố cục (3 phần).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Từ đầu đến thế kỉ dẫn vật : Nỗi khổ không cùng về vật chất, tật bệnh và tinh thần lao động nghệ thuật đáng khâm phục, lòng yêu nước tha thiết đau đớn của một nhà văn vĩ đại. - Phần 2: Tiếp theo đến bị hành khổ này : Sự thành công trên trang sách. - Phần 3: Còn lại: Cái chết và tinh thần đoàn kết dân tộc.
<p>Đọc văn bản phần 1 và trình bày nỗi khổ vật chất và thể xác của Đ? Tìm những dẫn chứng cụ thể chứng minh?</p>	<p>II. Tìm hiểu văn bản.</p> <p>1. Nỗi khổ và nghị lực.</p> <p>a. Nỗi khổ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nỗi khổ về vật chất. - Thân thể ông sống leo lét; phải cầm cố tụi s^hin , bao lần phải quỳ gối, chiếc quần đùi cuối cùng, tiếng kêu xé ruột... - Điều kiện sống thì quần bách đủ đường: Vợ rên rỉ trong cơn đau đẻ, chủ nhà dọa gọi cảnh sát, bà đỡ đòi tiền, bản thân bị bệnh động kinh... * Nỗi khổ về tinh thần.
<p>Bên cạnh nỗi khổ về vật chất Đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ông xa lạ với mọi người “ thế giới đối với ông là

<p>còn mang nỗi khổ về tinh thần. Tìm những chi tiết chứng minh?</p> <p>Nghị lực của Đ được thể hiện như thế nào? Hs: lần lượt trả lời</p> <p>Tìm luận điểm chứng minh vai trò của Đ? Kể tên tác phẩm của Đ?</p> <p>Tác giả miêu tả như thế nào về cái chết của Đ ?</p> <p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>xa lạ”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không một nhà văn Đức, Pháp, I-ta-li-a nào nhớ đã gặp ông. - Ông luôn buồn nhớ về nước Nga, vì chưa về được nước Nga, ông vùi đầu vào những trang viết về nước Nga mang nỗi đau khắc khoải của chính ông. <p>b. Nghị lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - X cho rằng lao động là sự giải thoát và là nỗi khổ của ông: <i>Khi sức khoẻ hồi phục, ông lê tới phòng làm việc</i>, ông tự cứu vãn bằng lao động. - Nhờ nghị lực và niềm đam mê nghệ thuật, lòng yêu thương con người và nước Nga cùng với tài năng bẩm sinh của Đ ... ông đã thành công và vươn lên. <p>=>Con người Đ đầy mâu thuẫn và cô đơn, đó là sức mạnh và cũng là hạn chế của thiên tài.</p> <p>2. Thành quả nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tuốc-ghe-nhep, Tôn-xtôi bị lu mờ...nước Nga ...đổ đôn mắt vào ông . Ông thành sứ giả của sứ xở mình. - Một số tác phẩm tiêu biểu của Đ: Tội ác và trừng phạt(1866), Con bạc(1866), Lũ người quỷ ám(1872), Anh em nhà Ka-ra-ma-dốp (1880). <p>3. Cái chết và tinh thần đoàn kết dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - X không miêu tả mà chỉ thông báo: Khi quả đã được cứu thoát, vô khô rụng xuống.Đ qua đời 10/2/1881. - Tác giả tập trung miêu tả thái độ của người dân Nga trước cái chết của Đ: <ul style="list-style-type: none"> + Toàn nước Nga, thành phố, các đoàn đại biểu, mọi nơi, ai ai, đen nghịt người...chúng tỏ ai cũng yêu quý Đ. + Các từ run rẩy, đau đớn, im lặng, cuồng nhiệt + Không miêu tả số lượng người. Song người đọc hình dung có rất nhiều người đến viếng nhà thơ (đám đông mỗi lúc một xiết chặt quanh thi hài... -> Người ta ngưỡng mộ ông như một vị thánh (hoa trên giường ...), một con người siêu phàm. - Tinh thần đoàn kết toàn dân tộc : Cảnh sát trưởng cấm tiến hành tang lễ , sinh viên định mang theo xiềng xích...-> Trước sức mạnh của quần chúng ông
---	--

<p>Hãy tổng kết lại bài viết ? Hs: trình bày</p>	<p>ta không dám thách thức . - Những người tham dự đám tang: hoàng tử, công nhân, hành khất...Họ đều nhận thấy Đ đã nhận mọi nỗi đau đầy để niềm vui hạnh phúc cho mọi người . III. Tổng kết. Đ là biểu tượng nổi khổ của người dân Nga dưới ách thống trị của Nga hoàng. X muốn từ chỗ mô tả Đ như một người khốn khổ, bị chà đạp, nâng lên hình ảnh một vị thánh, một con người siêu phàm.</p>
--	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những nội dung gì?

- Luyện tập

Trả lời các câu hỏi sau phần hướng dẫn học bài

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được những nét chính về đặc trưng thơ; con người Đốt- xtôi-ep- xki

- Bài mới

Tim hiểu Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

Tuần 3

Ngày dạy :

Tiết 9 : Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức

Nội dung, yêu cầu của dạng bài nghị luận về một hiện tượng đời sống; Cách thức triển khai bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

b, Về kĩ năng

Nhận diện được hiện tượng đời sống được nêu ra trong một số văn bản nghị luận; Huy động kiến thức và những trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

c, Về thái độ

Có nhận thức, tư tưởng, thái độ và hành động đúng đắn trước những hiện tượng đời sống hằng ngày.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên

- SGK, SGV Ngữ Văn 12, Tập một ; Tài liệu tham khảo
- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: Phát vấn, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

b, Chuẩn bị của học sinh

Sgk, vở soạn, vở ghi

Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy

* Ôn định tổ chức

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi:

Nghị luận về tư tưởng, đạo lí bao gồm những vấn đề nào?

- Đáp án:

Một tư tưởng, đạo lí; một câu nói của một nhân vật nổi tiếng; một câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện đó...

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Những hiện tượng đời sống xung quanh ta muôn hình vạn trạng. Có những hiện tượng xấu, tiêu cực đáng lên án. Có những hiện tượng tốt cần ca ngợi, nhân rộng. Ý kiến của bản thân ta trước hiện tượng đó như thế nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

b, Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>GV: Chia nhóm hoạt động thảo luận (2nhóm)</p> <p>Đọc ngữ liệu và cho biết ngữ liệu trên bàn về hiện tượng gì?</p> <p>(HS thảo luận sau đó trả lời)</p> <p>Dựa vào 2 văn bản có thể cho biết cần có những ý nào để bày tỏ ý kiến của mình? Hãy lập dàn ý cho bài văn của mình?</p> <p>Hs: trả lời</p>	<p>A. Lí thuyết.</p> <p>1. Khảo sát ngữ liệu. <i>Chia chiếc bánh của mình cho ai?</i> Đọc thêm bài viết trong phần tư liệu tham khảo <i>Chuyện cổ tích mang tên Nguyễn Hữu Ân</i></p> <p>2. Phân tích ngữ liệu.</p> <p>- Hiện tượng đời sống được nêu trong ngữ liệu trên là: Tình thương, lòng hiếu thảo <i>dành hết chiếc bánh thời gian</i> của mình chăm sóc hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo</p> <p>- Để bày tỏ ý kiến của mình cần có những ý sau:</p> <p>+ Nguyễn Hữu Ân đã nêu cao tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.</p> <p>+ Ngày nay thế hệ trẻ có nhiều người như Nguyễn Hữu Ân. Bên cạnh vẫn có những người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán.</p>

<p>Từ việc khảo sát ngữ liệu hãy cho biết thế nào là hiện tượng đời sống?</p> <p>Thế nào là nghị luận về một hiện tượng đời sống? GV đưa ra hiện tượng đ/s: <i>Tin học với thanh niên</i> . Gọi học sinh trình bày, nx mặt chưa được ?</p> <p>Nêu những yêu cầu khi làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Từ việc khảo sát ngữ liệu hãy cho biết cách làm một bài văn nghị luận ? Gv cho học sinh trở lại VD trên ? Y/c học sinh tìm hiểu đề, lập dàn ý...</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>+ Tuổi trẻ ngày nay cần dành thời gian tu dưỡng đạo đức, sống vị tha để cả một đẹp hơn.</p> <p>- Lập dàn ý (tham khảo sgk)</p> <p>3. Nhận xét.</p> <p>a. Khái niệm</p> <p>- Hiện tượng đời sống là những gì xảy ra trong cuộc sống con người (hiện tượng tốt, hiện tượng xấu).</p> <p>- Nghị luận về một hiện tượng đời sống là <i>sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để làm cho người đọc hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu sâu để đồng tình trước những hiện tượng đời sống, có ý nghĩa xã hội.</i></p> <p>b. Yêu cầu</p> <p>- Phải hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu sâu bản chất hiện tượng-> phải tìm tòi giải thích .</p> <p>- Qua hiện tượng chỉ ra vấn đề cần quan tâm là gì, trên cơ sở đó phân tích, bàn bạc, hoặc so sánh, bác bỏ...Phải phối hợp nhiều thao tác lập luận chỉ ra đúng, sai, nguyên nhân cách khắc phục, bày tỏ thái độ của mình.</p> <p>- Phải có lập trường tư tưởng vững vàng.</p> <p>- Diễn đạt giản dị , sáng sủa, ngắn gọn...</p> <p>c. Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.</p> <p>- Trước khi tìm hiểu đề:</p> <p>+ Đọc kĩ đề bài</p> <p>+ Gạch chân các từ quan trọng</p> <p>+ Ngăn vế(nếu có)</p> <p>- Tìm hiểu đề:</p> <p>+ Tìm hiểu về nội dung(đề có những ý nào)</p> <p>+ Thao tác chính (thao tác làm văn = hthức)</p> <p>+ Phạm vi xác định dẫn chứng của đề bài.</p> <p>- Lập dàn ý:</p> <p>+ Mở bài: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận</p>
---	---

<p>GV gọi hs đọc ghi nhớ sgk (2 hs đọc)</p> <p>Gv Chia nhóm thảo luận bài tập 1. Sau đó yêu cầu nhóm trưởng của mỗi nhóm trình bày theo câu hỏi sgk Hiện tượng đời sống của văn bản trên được đưa ra là gì ?</p> <p>GV có thể cung cấp cho học sinh một số vấn đề cần nghị luận : Chọn một hiện tượng đời sống ở địa phương em và lập dàn ý?</p> <p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>+ Thân bài: Kết hợp các thao tác lập luận để làm rõ luận điểm và bàn bạc, phê phán, hoặc bác bỏ. + Kết bài: Nêu ra phương hướng, một suy nghĩ mới trước hiện tượng đời sống. * Ghi nhớ (SGK) B. Luyện tập.</p> <p>a. Hiện tượng được nêu lên trong văn bản là : Nhiều thanh niên, sinh viên VN du học ở nước ngoài dành quá nhiều thời gian cho việc chơi bời, giải trí mà chưa chăm chỉ học tập, rèn luyện để khi về góp sức xây dựng đất nước. - Nêu và phê phán một số hiện tượng : Thanh niên học sinh du học lãng phí vào những thời gian vô bổ. - Chỉ ra nguyên nhân : chưa xác định lí tưởng sống đúng đắn, ngại khó, ngại khổ, lười biếng, sống vì tiền bạc, vì lợi ích nhỏ hẹp..... - Bàn luận : Nêu một vài tấm gương thanh niên, sinh viên chăm học có thành tích tốt đóng góp cho nước nhà .</p> <p>b. Sử dụng thao tác lập luận phân tích, so sánh (thanh niên VN với thanh niên Trung Hoa), bác bỏ(thế thì thanh niên đang làm gì ...họ không làm gì)</p> <p>c. NT diễn đạt của văn bản : Dùng từ, đặt câu, nêu dẫn chứng xác đáng, cụ thể, sử dụng các kiểu câu(trần thuật, câu hỏi, cảm thán)</p> <p>d. Rút ra bài học: Xác định lí tưởng sống, mục đích, thái độ học tập đúng đắn.</p>
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Trình bày khái niệm, cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?

- Luyện tập:

Bày tỏ ý kiến của em về hiện tượng môi trường bị ô nhiễm?

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được các bước nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Bài mới:

Trả lời những câu hỏi trong bài Phong cách ngôn ngữ khoa học.

Tuần 4

Ngày dạy:

Tiết 10: Tiếng Việt:
PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Hiểu thế nào là phong cách ngôn ngữ khoa học. Trình bày được đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học

b, Về kĩ năng:

Nhận ra và phân tích được các đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của p/c ngôn ngữ khoa học ;Tạo lập được văn bản thuộc p/c ngôn ngữ khoa học .

c, Về thái độ:

Có ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp với p/c ngôn ngữ chức năng.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV Ngữ văn 12, Tập một
- Tài liệu tham khảo
- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

* Kiểm tra sĩ số :

a, Kiểm tra bài cũ :

- CH: Hãy nêu các phương diện thể hiện sự trong sáng của tiếng Việt?
- Đáp án: Tuân thủ đúng các chuẩn mực, quy tắc của tiếng Việt; ở sự không dung nạp tạp chất; tính văn hóa, lịch sự của lời nói

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Có 6 loại phong cách ngôn ngữ. ở lớp 10 và lớp 11, các em đã tìm hiểu 4 phong cách ngôn ngữ. Bài học hôm nay, cô và các em sẽ tìm hiểu 2 phong cách ngôn ngữ tiếp.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: - Đọc văn bản a. Phân loại ? <i>Văn bản khoa học chuyên sâu.</i> - Đọc văn bản b. Phân loại ? <i>Văn bản khoa học giáo khoa</i> - Đọc văn bản c. Phân loại ? <i>Văn bản khoa học phổ cập</i></p> <p>Hs: đọc, trình bày</p> <p>Gv: Căn cứ vào SGK, trình bày khái niệm Ngôn ngữ khoa học ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: Phong cách ngôn ngữ khoa học có mấy đặc trưng ? Tính khái quát, trừu tượng biểu hiện ở những phương diện nào ? Tính lí trí, lôgic biểu hiện ở những phương diện nào ?</p>	<p>I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học</p> <p>1. Văn bản khoa học</p> <p>a. Ví dụ Đọc và phân tích các ngữ liệu trong SGK - Cả ba đoạn trích trên đều bàn về vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học - Mức độ chuyên sâu của chúng khác nhau: + Văn bản a: Độ chuyên sâu cao + Văn bản b: Độ chuyên sâu không cao nhng cần có trình độ nhất định mới hiểu được + Văn bản c: Mức độ phổ cập cho mọi người - Phạm vi sử dụng: + Văn bản a đọc sử dụng trong phạm vi chuyên môn hẹp và sâu + Văn bản b đọc sử dụng trong phạm vi nhà trường(THPT) + Văn bản c đọc sử dụng phổ cập cho mọi người có hiểu biết thông thường</p> <p>b. NX: Có 3 loại văn bản - Các văn bản khoa học chuyên sâu : mang tính chuyên ngành dùng để giao tiếp giữa những người làm công tác nghiên cứu trong các ngành khoa học. - Các văn bản khoa học giáo khoa : cần có thêm tính sư phạm - Các văn bản khoa học phổ cập, viết dễ hiểu nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học.</p> <p>2. Ngôn ngữ khoa học</p> <p>Là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học.</p> <p>+ Dạng viết : sử dụng từ ngữ khoa học và các kí hiệu, công thức, sơ đồ□ + Dạng nói : yêu cầu cao về phát âm, diễn đạt trên cơ sở một đề cương</p> <p>II.Đặc trng của phong cách ngôn ngữ khoa học.</p> <p>1. Tính khái quát, trừu tượng : biểu hiện không chỉ ở nội dung mà còn ở các phương tiện ngôn ngữ như thuật ngữ khoa học và kết cấu của văn bản. 2. Tính lí trí, lôgic : thể hiện ở trong nội dung và ở tất cả các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ, câu văn,</p>

<p>Tính khách quan, phi cá thể biểu hiện ở những phương diện nào ?</p> <p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>*Gv: Cho hs đọc phần ghi nhớ</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: hướng dẫn hs làm bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thông tin là gì ? - Thuộc loại văn bản nào ? - Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ? <p>Hs : lần lượt trình bày</p> <p>Gv cho ví dụ về đoạn thẳng</p> <p>Chia nhóm, thảo luận các từ còn lại, trình bày trước lớp.</p> <p>Hs : trình bày</p> <p>Gv : khi viết đoạn văn cần đảm bảo những yêu cầu gì ?</p> <p>Hs : trình bày</p>	<p>đoạn văn, văn bản.</p> <p>3. Tính khách quan, phi cá thể : Hạn chế sử dụng những biểu đạt có tính chất cá nhân, ít biểu lộ sắc thái cảm xúc.</p> <p>GHI NHỚ :SGK</p> <p>IV. Luyện tập :</p> <p>Bài tập 1 :</p> <p>a. Bài khái quát trình bày những nội dung KH sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá. - Quá trình phát triển và thành tựu chủ yếu. - Những đặc điểm của văn học VN từ 1945 đến hết TK XX. <p>b. Văn bản này thuộc KH giáo khoa dùng để giảng dạy về KH xã hội và nhân văn.</p> <p>c. Ngôn ngữ dùng nhiều thuật ngữ khoa học xã hội và nhân văn .</p> <p>Bài tập 2 :</p> <p>Thuật ngữ khoa học có thể đọc tạo thành từ từ ngữ thông thông nhng biểu hiện khái niệm khoa học chính xác. Ví dụ: Đoạn thẳng theo cách hiểu thông thường là đoạn không cong queo, gãy khúc, không lệch về một bên ...Còn trong toán học đó là đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau.</p> <p>Các từ ngữ khác cũng theo nguyên tắc đó</p> <p>Bài tập 4: Khi viết đoạn văn cần đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhất quán về nội dung: Các câu đều tập trung vào chủ đề “ sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển chủ đề đó - Các câu cần liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ - Mỗi câu, mỗi từ cần dùng đúng về âm, về nghĩa, về phong cách khoa học.
--	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Trình bày khái niệm ngôn ngữ khoa học và phong cách ngôn ngữ khoa học?

- Luyện tập:

Viết một đoạn văn sử dụng phong cách ngôn ngữ khoa học ?

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được khái niệm ngôn ngữ khoa học, phong cách ngôn ngữ khoa học.

- Bài mới:

Luyện tập về Phong cách ngôn ngữ khoa học.

Tuần 4

Ngày dạy:

Tiết 10*: Tiếng Việt:

LUYỆN TẬP VỀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Trình bày và phân tích sự khác nhau giữa hai khái niệm ngôn ngữ khoa học và phong cách ngôn ngữ khoa học. Đặc trng của phong cách ngôn ngữ khoa học

b, Về kĩ năng:

Biết nhận diện , phân tích và sử dụng tiếng Việt phù hợp với phong cách ngôn ngữ khoa học. Biết trình bày một văn bản khoa học

c, Về thái độ:

Có ý thức tìm hiểu các văn bản khoa học trong và ngoài sgk.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV Ngữ văn 12, Tập một

- Tài liệu tham khảo

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

* Kiểm tra sĩ số :

a, Kiểm tra bài cũ :không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu Phong cách ngôn ngữ khoa học, đặc trng của phong cách. Để hiểu rõ hơn nội dung bài học, chúng ta sẽ tìm hiểu tiết luyện tập Phong cách ngôn ngữ khoa học.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: hãy cho biết các loại văn bản khoa học?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: trình bày khái niệm Ngôn ngữ khoa học ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: Phong cách ngôn ngữ khoa học có mấy đặc trưng ?</p> <p>Tính khái quát, trừu tượng biểu hiện ở những phương diện nào ?</p> <p>Tính lí trí, lôgic biểu hiện ở những phương diện nào ?</p> <p>Tính khách quan, phi cá thể biểu hiện ở những phương diện nào ?</p> <p>Gv: hãy tìm các thuật ngữ khoa học và phân tích tính lô gic, lí trí của phong cách ngôn ngữ khoa học thể hiện ở đoạn văn sau:</p> <p>Hs: đọc, phân tích</p> <p>Gv: hãy viết 1 đoạn văn thuộc loại văn bản khoa học phổ cập về sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống (nước, không khí, đất□)</p> <p>Hs: viết dựa theo gợi ý</p>	<p>I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học</p> <p>1. Văn bản khoa học</p> <p>Có 3 loại văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản khoa học chuyên sâu : mang tính chuyên ngành dùng để giao tiếp giữa những người làm công tác nghiên cứu trong các ngành khoa học. - Các văn bản khoa học giáo khoa : cần có thêm tính sư phạm - Các văn bản khoa học phổ cập, viết dễ hiểu nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học. <p>2. Ngôn ngữ khoa học</p> <p>Là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dạng viết : sử dụng từ ngữ khoa học và các kí hiệu, công thức, sơ đồ□ + Dạng nói : yêu cầu cao về phát âm, diễn đạt trên cơ sở một đề cương <p>II.Đặc trng của phong cách ngôn ngữ khoa học.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tính khái quát, trừu tượng : biểu hiện không chỉ ở nội dung mà còn ở các phương tiện ngôn ngữ như thuật ngữ khoa học và kết cấu của văn bản. 2. Tính lí trí, lôgic : thể hiện ở trong nội dung và ở tất cả các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ, câu văn, đoạn văn, văn bản. 3. Tính khách quan, phi cá thể : Hạn chế sử dụng những biểu đạt có tính chất cá nhân, ít biểu lộ sắc thái cảm xúc. <p>III, Bài tập</p> <p>1, Bài 3(sgk-76)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo cổ, ngời vượn, hạch đá mảnh tọc, rìu tay, di chỉ, công cụ đá□ - Tính lí trí lô gic của đoạn văn thể hiện rõ nhất ở lập luận: câu đầu nêu luận điểm khái quát, các câu sau nêu luận cứ. Luận cứ đều là các cứ liệu thực tế. Đoạn văn có lập luận và kết cấu diễn dịch <p>2, Bài tập 2</p> <p>Nước rất cần cho sự sống con người, các loài động vật và cây cối. Nhg cần có nguồn nước sạch thì cơ thể người, động vật và cây cối mới có thể tạo thành chất dinh dưỡng. Nếu nguồn nước bị ô nhiễm thì tác hại đối với con người và muôn loài, động vật cây cối sẽ không lường hết.</p>

<p>Gv: hãy tìm các thuật ngữ khoa học và phân tích tính lô gic, lí trí của phong cách ngôn ngữ khoa học thể hiện ở đoạn văn sau: Hs: đọc, phân tích</p> <p>Gv: Các câu sau thuộc loại văn bản khoa học nào? Giải thích? Hs: đọc, trình bày</p>	<p>Cần bảo vệ nguồn nước khỏi các chất độc hại nh hóa chất, các chất thải từ nhà máy, bệnh viện □ Chẳng hạn các nhà máy, bệnh viện cần phải có công nghệ làm sạch các chất thải trước khi đa ra môi trường xung quanh. Có nh vậy mới bảo vệ đợc sự sống.</p> <p>3, Bài tập 3 Trên cơ thể người có những cơ quan thoái hóa, tức là di tích của những cơ quan xa kia khá phát triển ở động vật có xơng sống. Ruột thừa là vết tích của ruột tịt đã phát triển ở động vật ăn cỏ. Nếp thịt nhỏ ở khớc mắt là dấu vết mi mắt thứ 3 ở bò sát và chim. Máu lồi ở nếp vành tai phía trên của người là di tích đầu nhọn của vành tai thú.</p> <p>Thuật ngữ khoa học: thoái hóa, di tích, xơng sống, ruột thừa, ruột tịt, động vật, nếp thịt □</p> <p>Đoạn văn trên có 4 câu thể hiện một lập luận chặt chẽ theo kết cấu diễn dịch. Câu 1 nêu luận điểm, 3 câu sau nêu luận cứ, mỗi luận cứ là một chứng tích trong hiện thực. Luận điểm có tính thuyết phục cao</p> <p>4, Bài tập 4 - Dao động là chuyển động có giới hạn trong không gian, lặp đi lặp lại nhiều lần quanh một vị trí cân bằng - Trái đất là một hành tinh chuyển động quanh mặt trời - Mỗi ngày trung bình ở VN có khoảng trên 30 người chết và bị thương vì tai nạn giao thông đặc biệt trong các ngày nghỉ, dịp lễ tết Câu 1, 2 thuộc loại văn bản giáo khoa; Câu 3 thuộc loại văn bản phổ cập</p>
--	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Trình bày khái niệm ngôn ngữ khoa học , đặc trưng phong cách ngôn ngữ khoa học?

- Luyện tập:

Viết một đoạn văn sử dụng phong cách ngôn ngữ khoa học ?

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm đợc khái niệm ngôn ngữ khoa học, phong cách ngôn ngữ khoa học.

- Bài mới:

Chuẩn bị viết bài số 1: Nghị luận xã hội

Tuần 4

Ngày dạy:

Tiết 11-12 : Làm Văn

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 1: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Hoàn cảnh sáng tác của Tuyên ngôn độc lập
- Nghị luận về một tư tưởng đạo lí
- Nắm được tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực

b, Về kỹ năng:

- Biết trình bày hoàn cảnh sáng tác của một tác phẩm
- Vận dụng các thao tác nghị luận để làm bài nghị luận văn học

c, Về thái độ:

Có ý thức tự giác làm bài, nghiêm túc trong giờ kiểm tra

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Giấy kiểm tra, bút, thước kẻ

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Các em đã học các thao tác nghị luận thường được sử dụng trong bài văn nghị luận xã hội hoặc văn học để cho bài văn thêm sinh động. Để kết hợp các thao tác nghị luận ấy một cách thuần thục, hôm nay các em sẽ viết bài nghị luận

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
-----------------------	------------------

**I, Nội dung đề kiểm tra
1, Ma trận đề**

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng
Chủ đề 1, Văn học Văn bản văn học	Nắm được hoàn cảnh sáng tác của một tác phẩm văn học				
	1 2				2điểm=20%
				Viết văn bản nghị luận về tư tưởng đạo lí Viết văn bản nghị luận về một áng văn chính luận	

Gv: phát đề bài cho hs Hs làm bài trong thời gian 90'					Tuyên ngôn độc lập	
					2 8	8điểm=80%
	T.số câu	1			2	
	T.số điểm	2			8	10điểm
	20%				80%	100%

2, Nội dung đề

1, Câu 1 (2điểm)

Trình bày hoàn cảnh sáng tác Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh?

2, Câu 2 (3 điểm)

Hãy phát biểu ý kiến của mình về mục đích học tập do Unesco đề xướng “ Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”

3, Câu 3 (5 điểm)

Tác phẩm Tuyên ngôn độc lập thể hiện phong cách nghệ thuật của HCM trong văn chính luận: lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn.

Hãy làm sáng tỏ điều đó

II, Đáp án

1, Câu 1 (2 điểm)

Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:

- Chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, phát xít Nhật đang chiếm đóng nước ta đã đầu hàng đồng minh (0,5điểm)

- Trên toàn quốc, nhân dân ta đang nổi dậy giành chính quyền. Ngày 26/8 HCM từ chiến khu Việt Bắc trở về HN, tại căn nhà 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo Tuyên ngôn độc lập. 2/9 trước hàng vạn đồng bào, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VN dân chủ cộng hòa (1,5điểm).

2,Câu 2 (3điểm)

Hs nêu được các ý sau:

- Giải thích câu nói (0,75điểm)
- + Học để biết là học để có tri thức trong mọi lĩnh vực của cuộc sống
- + Học để làm là học để vận dụng tri thức vào thực tế cuộc sống
- + Học để chung sống là học để gia nhập vào cộng đồng từ đó con người có thể khẳng định xác lập giá trị của cá nhân trong mối quan hệ với xã hội
- Mục đích học tập của Unesco đề ra cho thấy tính thiết thực, hữu ích của việc học tập với mọi phương diện của đời sống con người (0,25điểm)
- Mục đích của Unesco đưa ra là hoàn toàn đúng. Chứng minh phân tích tính đúng đắn ấy trong thực tế của một người học sinh, người lao động, công nhân, bác sĩ, kĩ sư...(1,25điểm)
- Ý nghĩa của việc học (0,25điểm)
- Phê phán 1 số quan niệm cho rằng: không cần học vẫn sống được (0,25điểm)
- Đánh giá chung và nêu cảm nghĩ của người viết (0,25điểm)

Bài viết trừ tối đa với học sinh không trình bày được ý nào, sai chính tả và diễn đạt

3,Câu 3 (5 điểm)

- Lập luận chặt chẽ: mở đầu dẫn 2 bản tuyên ngôn của P và Mĩ làm cơ sở pháp lí để đánh tan luận điệu xảo trá của các thế lực thù địch và phe nhóm cơ hội quốc tế. Phần sau kết tội danh thếp tội ác thực dân Pháp = giọng văn hùng hồn, thuyết phục. Phần cuối tuyên bố nền độc lập của nước VN mới (1điểm)

- Lí lẽ sắc bén: dùng lí lẽ kẻ thù đánh lại kẻ thù, các biện pháp tu từ, từ nối, từ liên kết, đoạn văn ngắn, câu văn dồn dập, giọng điệu khi sục sôi căm thù, khi thiết tha thương cảm, tình cảm chứa chan của người viết. Lí lẽ giúp lập luận thêm thuyết phục (1,25điểm)

- Dẫn chứng chính xác không ai chối cãi được (1điểm)
- Ngôn ngữ hùng hồn danh thếp khi tuyên bố nền độc lập, khi kết tội tội ác của kẻ thù (1,25điểm)
- Đây là áng văn chính luận mẫu mực thể hiện rõ phong cách nghệ thuật của HCM, là bản tuyên ngôn độc lập thời đại mới (0,25điểm)

Điểm trừ tối đa đối với những bài làm không nêu được các luận điểm, chưa có bố cục rõ ràng, sai nhiều lỗi

Trừ tối đa đối với những bài lạc đề, lan man không rõ ý, không rõ luận điểm

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua tiết kiểm tra, anh (chị) học được những điều gì?

- Luyện tập:

Làm bài kiểm tra vào sách bài tập

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được hoàn cảnh sáng tác, cách làm bài nghị luận xã hội và văn học

- Bài mới:

Soạn bài Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS.

Tuần 5

Ngày dạy:

Tiết 13 Văn

**THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG
AIDS, 1- 12-2003**

-Cô-phi An-nan-

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Hiểu được nội dung của văn bản: Thông điệp quan trọng nhất của toàn thế giới: không thể giữ thái độ im lặng hay kì thị, phân biệt đối xử với những người bị nhiễm HIV/AIDS.

- Những suy nghĩ sâu sắc, cảm xúc chân thành của tác giả.

b, Về kỹ năng:

- Đọc- hiểu văn bản nhật dụng.

c, Về thái độ:

Có cái nhìn sâu sắc, không kì thị với những người bị nhiễm HIV/AIDS; Nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với vấn đề HIV/AIDS.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv

-Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

<p>Hãy nêu bố cục của văn bản? Hs lần lượt trình bày</p> <p>Gv: em hiểu gì về căn bệnh HIV/AIDS? Ở phần mở đầu, tác giả đã nêu vấn đề gì?</p> <p>Qua sự kiện đó, tác giả kết luận điều gì? Hs lần lượt trình bày</p> <p>Gv: giảng: cách lập luận đó cho thấy nỗi lo trước đại dịch AIDS không chỉ của riêng ai. Vấn đề chống lại dịch bệnh này rất khó khăn, không chỉ cần đoàn kết mà còn sự đầu tư lẫn hỗ trợ cụ thể.</p> <p>Gv: các quốc gia đã có những đóng góp, cam kết ntn? (Chúng ta đã có những hỗ trợ tích cực nào?) Hs trình bày</p> <p>Gv: diễn giảng: nhưng nạn AIDS vẫn hoành hành dữ dội, tác giả đã thống kê những con số, những dẫn chứng ntn? Hs trả lời</p>	<p>* Phần 2:5 đoạn tiếp theo:Nội dung vấn đề: - Thực trạng của vấn đề: + Đại dịch AIDS vẫn đang hoành hành dữ dội trên toàn cầu. + Những mục tiêu đặt ra trong “Tuyên bố về cam kết phòng chống AIDS đã không được hoàn thành. - Nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết: + Đặt vấn đề AIDS lên hàng đầu trong chương trình nghị sự và hành động. + Công khai lên tiếng về AIDS, xoá bỏ sự kì thị và phân biệt đối xử.</p> <p>* Phần 3: Kêu gọi mọi người sát cánh chống lại HIV/AIDS.</p> <p>1, Phần mở đầu - AIDS: hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải, bệnh mất khả năng miễn dịch gây tử vong. - Các quốc gia nhất trí thông qua “Tuyên bố về cam kết phòng chống HIV/AIDS”, trong đó đưa ra một loạt mục tiêu cụ thể kèm theo thời hạn để chiến đấu chống lại dịch bệnh này. - Chúng ta đã cam kết và nguồn lực đã được tăng lên. Song hành động của chúng ta so với thực tế quá ít.</p> <p>2, Phần nội dung (thực trạng, nhiệm vụ) - Ngân sách dành cho phòng chống đã được tăng lên, thành lập Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, sốt rét đã được thông qua; các nước xây dựng chiến lược quốc gia phòng chống AIDS; nhiều công ty áp dụng chính sách phòng chống AIDS tại nơi làm việc... - Tình trạng và hậu quả: hoành hành, tử vong cao, ít có dấu hiệu suy giảm. Mỗi</p>
--	---

<p>Gv: giảng: như vậy cách trình bày luận cứ của Cô-phi-an-nan khiến cho độc giả thấy được tính nghiêm trọng và bức thiết của vđ, làm nổi rõ sự cần thiết của việc “cùng nhau ứng phó với dịch bệnh”.</p> <p>Từ cách nêu luận cứ ở trên, tác giả đã đánh giá ntn về việc làm của chúng ta? Hs dựa sgk trình bày</p> <p>Nhận xét về cách đưa con số thống kê, số liệu trong đoạn văn?</p> <p>Sau đó, tác giả nêu ra những phương hướng, biện pháp và nhiệm vụ cụ thể nào?</p> <p>Hs lần lượt trình bày</p> <p>Gv: “chúng ta và họ”, là cái nhìn ntn, ứng xử ntn với những người bị nhiễm HIV/AIDS. Cái nhìn và cách ứng xử ấy sẽ dẫn đến hậu quả ra sao?</p> <p>Hs lí giải</p> <p>Gv: phân kết, tác giả ra lời kêu gọi ntn?</p>	<p>phút có 10 người bị nhiễm; tuổi thọ người dân bị giảm sút nghiêm trọng; AIDS lây lan báo động ở phụ nữ (chiếm ½ số người bị nhiễm); lan nhanh châu Âu và châu Á.</p> <p>- Không hoàn thành một số mục tiêu đề ra cho năm nay theo Tuyên bố về Cam kết phòng chống HIV; bị chậm trong việc giảm quy mô và tác động của dịch so với chỉ tiêu 2005 (lẽ ra phải giảm ¼ số thanh niên, một nửa tỉ lệ trẻ sơ sinh bị nhiễm, triển khai các chương trình chăm sóc toàn diện ở khắp mọi nơi; không đạt được bất cứ mục tiêu nào vào 2005.</p> <p>→ Con số thống kê, dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, chính xác, thuyết phục.</p> <p>- Cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa = những nguồn lực và hđ cần thiết; đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế; không được dè dặt, từ chối đối mặt, phải công khai; không kì thị và phân biệt đối xử; không dựng lên các bức rào ngăn cản giữa “ta và họ”.</p> <p>- “Chúng ta”- những người bình thường chưa bị nhiễm. “Họ”- những bệnh nhân bị tấn công bởi AIDS. Đây là cái nhìn phân biệt, kì thị do thiếu hiểu biết về AIDS, quan niệm AIDS không phải là bệnh dịch mà là tệ nạn xã hội thuộc về đạo đức.</p> <p>Chính vì thiếu hiểu biết nên đã tạo ra bức tường ngăn cách kì thị, nghĩ rằng mình luôn được bảo vệ an toàn. Nếu cứ giữ cái nhìn ấy, cách ứng xử ấy tức là im lặng trước cuộc chiến tranh chống lại AIDS. Im lặng đồng nghĩa với cái chết.</p> <p>3, Phần kết</p> <p>- Kêu gọi mọi người lên tiếng thật to và</p>
--	--

<p>Từ đó hãy nhận xét cách lập luận của tác giả?</p> <p>Qua bản thông điệp, hãy nhận xét về Cô-phi-an-nan?</p> <p>Hs lần lượt trình bày</p> <p>Hãy nhận xét về nt và nội dung của bài viết?</p> <p>Hs trả lời</p>	<p>đồng dạng về HIV/AIDS; đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy sats cánh vì bắt đầu từ chính các bạn <p>→ Lập luận rõ ràng, mạch lạc theo trình tự: đặt vấn đề; đánh giá thực trạng của vấn đề; rút ra nhiệm vụ cần làm ngay.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thao tác bác bỏ, chứng minh, so sánh. + Câu văn cô đọng, súc tích. + Hình ảnh gần gũi, giản dị. + Thuyết phục + Nỗi lo âu, tinh thần trách nhiệm cao <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc: số liệu chính xác cụ thể; thao tác so sánh bác bỏ, chứng minh; câu văn cô đọng, hình ảnh giản dị. - Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc chân thành. <p>2, Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định phòng chống AIDS là mối quan tâm hàng đầu, những cố gắng của con người vẫn chưa đủ. - Kêu gọi quốc gia và toàn thể nhân dân đẩy lùi đại dịch, sát cánh cùng nhau.
---	---

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bản thông điệp, anh (chị) có suy nghĩ gì về những lời kêu gọi của Cô-phi-an-nan?

- Luyện tập:

Làm phần luyện tập sgk-83.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm hệ thống luận điểm và cách lập luận của Cô-phi-an-nan.

- Bài mới:

Soạn bài: Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ
- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm thơ

b, Về kỹ năng:

- Tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ
- Huy động kiến thức và những cảm xúc trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

c, Về thái độ:

Có ý thức và bày tỏ rõ những cảm xúc chân thành khi phân tích một bài thơ, đoạn thơ.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi:

Nêu nội dung và nghệ thuật của bài nghị luận Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS?

- Đáp án:

Nghệ thuật

- Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc: số liệu chính xác cụ thể; thao tác so sánh bác bỏ, chứng minh; câu văn cô đọng, hình ảnh giản dị.

- Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc chân thành.

Nội dung

- Khẳng định phòng chống AIDS là mối quan tâm hàng đầu, những cố gắng của con người vẫn chưa đủ.

- Kêu gọi quốc gia và toàn thể nhân dân

* Đặt vấn đề vào bài mới: Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là kiểu bài nghị luận thường gặp trong chương trình làm văn ở trường phổ thông đặc biệt là lớp 12. Để hiểu các bước và quy trình làm bài, hôm nay cô cùng các em sẽ đi tìm hiểu tiết học này

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Gv: gọi hs đọc đề bài sgk- 84, trả lời các câu hỏi theo phần gợi ý thảo luận</p> <p>Phân tích bài thơ sau của Hồ Chí Minh</p> <p>Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ Việt Bắc của Hồ Chí Minh</p> <p>Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <p>Vẻ đẹp của núi rừng, đêm trăng khuya</p>	<p>1, Tìm hiểu đề và lập dàn ý Đề bài</p> <p>Đề 1 Tiếng suối trong như tiếng hát xa Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà</p> <p>Đề 2 Những đường Việt Bắc của ta Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng Gợi ý thảo luận</p> <p>Đề 1 a, Tìm hiểu đề - Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc. Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta. - Cần pt tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ để thấy hết giá trị của tác phẩm.</p> <p>b, Lập dàn ý * Mở bài Giới thiệu khái quát hoàn cảnh ra đời của bài thơ</p> <p>* Thân bài - Miêu tả qua chi tiết: suối, trăng, cổ thụ,</p>

<p>được miêu tả ntn?</p> <p>Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh các ẩn sĩ trong thơ cổ?</p> <p>Vì sao nói bài thơ vừa mang tính chất cổ điển vừa mang tính hiện đại?</p> <p>Hs lần lượt trình bày</p> <p>Gv: khí thế của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được mô tả ntn? Chú ý nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả và hiệu quả của nó?</p>	<p>hoa (hình ảnh so sánh, điệp từ lồng)→ một đêm trăng khuya, đẹp, yên tĩnh, thơ mộng→ hình ảnh âm thanh, hình ảnh thiên nhiên làm cho bài thơ có màu sắc cổ điển.</p> <p>- Hình ảnh nhân vật trữ tình: người chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà- người chiến sĩ nặng lòng lo nỗi nước nhà.</p> <p>Trong thơ cổ, cảnh đẹp thường đi liền với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần..</p> <p>Vòn trong bài thơ này nổi bật lên giữa cảnh đẹp thiên nhiên lại là hình ảnh một chiến sĩ cách mạng nặng lòng nỗi nước nhà, trở thành trung tâm của bức tranh, làm chủ hoàn cảnh, ung dung tự tại không bị che lấp bởi thiên nhiên mà tình cờ bắt gặp tiếng suối, ánh trăng.</p> <p>- Cổ điển: thể thơ Đường cùng những hình ảnh thiên nhiên; hình ảnh nhân vật trữ tình lo nỗi nước nhà kèm với sự phá cách trong hai câu cuối đã làm cho bài thơ mang tính hiện đại, sự hài hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và chiến sĩ trong bài thơ.</p> <p>- Nhận định về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ</p> <p>* Kết bài</p> <p>Sự hài hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và chiến sĩ trong bài thơ</p> <p>ĐỀ 2</p> <p>a, Tìm hiểu đề</p> <p>- Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia: dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới; những con đường, bước chân rầm rập sục sôi, mạnh mẽ; thời điểm sôi nổi nhất: điệp điệp, đò đuốc, nát đá, lửa bay, sự phối hợp chiến đấu giữa các miền: miền Bắc và Nam.</p> <p>- Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: hình ảnh giàu giá trị biểu cảm: đất rung, ánh sao</p>
---	---

<p>Hãy nêu xuất xứ nguyên văn của đoạn thơ?</p> <p>Hs lần lượt trình bày</p>	<p>đầu súng, đở đốc, nát đá, lửa bay, sương dày, đèn pha; từ ngữ, bpnt, giọng thơ... - Hiệu quả của nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả. b, Lập dàn ý * Mở bài - Giới thiệu đoạn thơ: xuất xứ, nguyên văn: Ra đời vào tháng 10-1954, thời điểm đặc biệt, bài thơ Việt Bắc là một anh hùng ca, một tình ca của cách mạng và cuộc kháng chiến chống Pháp. - Đoạn thơ trên trích từ bài thơ Việt Bắc thể hiện một cảm hứng hào hùng về đất nước và con người VN ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, em rút ra được những điều gì về nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

- Luyện tập:

Tự tìm một bài thơ, đoạn thơ đã học trong chương trình để tìm hiểu.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được bước phân tích đề, lập dàn ý của bài nghị luận về một bài thơ. đoạn thơ.

- Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu: Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

Tuần 5:

Ngày dạy:

Tiết 15: Làm văn:
NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ
(Tiếp theo)

***Tiến trình bài dạy:**

- Kiểm tra bài cũ: không

- Đặt vấn đề vào bài mới: Tiết học trước, cô và các em đã tìm hiểu tiết 1 Nghị luận về một bài thơ đoạn thơ và đi tìm hiểu đề phân tích cảm nhận một số đoạn thơ đã học. Tiết học hôm nay cô trò ta tiếp tục đi tìm hiểu bài học này.

Dạy nội dung bài mới:

Hđ của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Gv: từ gợi ý sgk, hãy trả lời các câu hỏi</p> <p>Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ trên?</p> <p>Hs: nhận xét</p>	<p>1, Tìm hiểu đề và lập dàn ý Đề 2 b, Lập dàn ý * Thân bài: - Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở VB (8câu đầu), cảnh chiến đấu sôi động hào hùng của cuộc kháng chiến. - Khí thế chiến thắng của các chiến trường khác (4 câu sau) + Từ láy, tính từ, động từ□ + Hình ảnh biểu cảm, gợi cảm + Cách vận dụng các biện pháp tu từ: trùng điệp, so sánh, công điệu□ + Giọng thơ hào hùng, sôi nổi * Kết bài: Chỉ qua đoạn thơ ngắn, Tố Hữu đã thể hiện được không khí của cuộc chiến đấu chống thực dân P của nhân ta cụ thể và sinh động. Đoạn thơ thành công cảm hứng ngợi ca cuộc kháng chiến chống P của nhân dân ta.</p>
<p>Gv: từ các đề bài và kết quả thảo luận, anh chị hãy cho biết đối tượng, nội dung nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>2, Đối tượng, nội dung nghị luận bài thơ, đoạn thơ * Đối tượng nghị luận: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ□ Cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh nhịp điệu, cấu tứ□ của bài thơ đó. * Bài viết thông có các nội dung: - Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ đó - Bàn về giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ, đoạn thơ - Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ</p>
<p>Gv: chuyển sang phần luyện tập</p> <p>Hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài Tràng giang của nhà thơ Huy Cận?</p> <p>Gv gợi ý hs tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ</p> <p>Hs: làm bài dựa trên gợi ý</p>	<p>Luyện tập: Lớp lớp mây cao đùn núi bạc Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa Lòng quê dợn dợn vời con nước Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà</p> <p>- Vị trí đoạn thơ: nằm ở phần cuối bài, là đoạn thơ đặc sắc. - Nội dung:</p>

	<p>+ 2 câu trên: cảnh hoàng hôn đẹp, hùng vĩ, nên thơ, rộn ngợp, bao la. + 2 câu sau: nỗi nhớ quê hương Hà Tĩnh của nhà thơ. - Nghệ thuật: + Từ ngữ: từ láy toàn phần, động từ chuyển động: đùn, sa. + Hình ảnh hùng vĩ, cổ điển: núi bạc, bóng chiều. + Cách nói học cách diễn đạt Thôi Hiệu: khói hoàng hôn + Nghệ thuật đối lập tả cảnh ngụ tình, bài thơ cổ điển mà hiện đại.</p> <p>Đánh giá : đoạn thơ mang âm hưởng Đồng thi rõ nét, đoạn thơ chứa đựng sức nặng của cả bài, vẻ đẹp cổ điển, hiện đại và là bài thơ dọn đồng cho ty quê hương đất nớc</p>
--	--

*** Củng cố và luyện tập:**

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những nội dung gì?

- Luyện tập:

Viết thành đoạn văn ngắn về 4 câu cuối bài Tràng giang

Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được đối tượng nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

- Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu: Luyện tập Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

Tuần 5:

Ngày dạy:

Tiết 15b: Làm văn:

LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ
- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm thơ

b, Về kỹ năng:

- Tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

- Huy động kiến thức và những cảm xúc trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

c, Về thái độ:

Có ý thức và bày tỏ rõ những cảm xúc chân thành khi phân tích một bài thơ, đoạn thơ.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi:

Đối tượng nghị luận: bài thơ, đoạn thơ?
hình tượng thơ □

- Đáp án:

Đối tượng nghị luận: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ □

Cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh nhịp điệu, cấu tứ □ của bài thơ đó.

Bài viết thông có các nội dung:

- Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ đó
- Bàn về giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ, đoạn thơ
- Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Chúng ta đã tìm hiểu 2 tiết lí thuyết Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Để hiểu rõ hơn về kiểu bài này, hôm nay cô và các em sẽ luyện tập Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Gv: gọi hs nhắc lại đối tượng nghị luận của một bài thơ, đoạn thơ Hs: nhắc lại	I, Ôn lại lí thuyết
Gv: vẽ đẹp cổ điển mà hiện đại của bài thơ Chiều tối- HCM? Hs: nhớ lại bài thơ làm theo gợi ý của gv	II, Luyện tập 1, Bài tập 1 Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không Cô em xóm núi xay ngô tối Xay hết lò than đã rực hồng
Hãy nêu nội dung, nghệ thuật chính của bài thơ?	- Xuất xứ: rút trong tập Nhật kí trong tù - Nội dung bài thơ: + Bức tranh chiều tối: thiên nhiên cảnh vật,

<p>Chất cổ điển mà hiện đại của bài thơ được thể hiện ntn trong bài thơ?</p> <p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>Gv: cảm nhận của anh chị về khổ thơ đầu bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của HMT?</p> <p>Hs: nhớ lại và làm theo gợi ý của gv</p>	<p>cánh chim về rừng, chòm mây nhẹ trôi + Bức tranh sinh hoạt, lao động: cô gái xóm núi xay ngô, ngô xay vừa xong lò than vẫn đỏ - Nghệ thuật bài thơ: tả cảnh ngụ tình, đối lập, chấm phá, gợi nhiều, tả ít, bài thơ hàm súc, ý tại ngôn ngoại, tứ thơ vận động từ tối đến sáng, chữ “hồng”; bài thơ cổ điển, hiện đại + Cổ điển: thể thơ, hình ảnh thơ báo hiệu chiều tối, bút pháp chấm phá, biện pháp đối lập, tả cảnh ngụ tình. + Hiện đại: tư thế ung dung tự do tự tại; tâm hồn yêu thiên nhiên con người, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của bản thân, lạc quan hướng về tương lai cách mạng, yêu nước, yêu con người; vẻ đẹp của người nghệ sĩ- thi sĩ, chiến sĩ, chất thép của bài thơ - Đánh giá khái quát thành công nghệ thuật và nội dung của bài thơ.</p> <p>2, Bài tập 2 Sao anh không về chơi thôn Vĩ Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên Vườn ai mướt quá xanh như ngọc Lá trúc che ngang mặt chữ điền</p> <p>- Xuất xứ: khổ thơ đầu trong bài Đây thôn Vĩ Dạ - Nội dung bài thơ: + Lời mời,, trách cứ của cô gái Huế với người khách + Cảnh thôn Vĩ buổi sớm mai lung linh sắc màu, trẻ trung tươi mới, xanh non, tràn trề nhựa sống→ lòng yêu đời, khao khát hướng về sự sống, lạc quan hòa nhập với cuộc sống; cảnh người thôn Vĩ phúc hậu xuất hiện thấp thoáng sau tre trúc + Ty thiên nhiên, con người xứ Huế - Nghệ thuật của bài thơ:</p>
---	--

<p>Gv: hãy nêu nội dung nghệ thuật của khổ thơ sau</p> <p>Hs: nêu theo gợi ý của gv</p>	<p>+ Câu hỏi tu từ không cần câu trả lời + Điệp từ, từ ngữ giàu hình tượng, biểu cảm: nắng hàng cau, nắng mới, mướt + So sánh: xanh như ngọc - Đánh giá về bài thơ, đoạn thơ Đoạn thơ hiện lên một bức tranh thiên nhiên miền xứ Huế thơ mộng, mộng mơ, hài hòa giữa con người và cảnh vật Đoạn thơ là ty thiên nhiên cảnh vật con người của HMT, niềm khát khao giao hòa, hòa hợp với cuộc sống, hướng về cuộc sống của nhà thơ.</p> <p>3, Bài tập 3</p> <p>Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp Con thuyền xuôi mái nước song song Thuyền về nước lại sầu trăm ngả Củi một cành khô lạc mấy dòng (Tràng giang – Huy Cận)</p> <p>-Không gian: tràng giang → rộng lớn. -Sự vật: +Sóng gợn liên tiếp. +Thuyền trôi lững lờ. +Cành củi khô trời dạt. →Nhỏ bé, lạc lõng. -Nghệ thuật: +Hình ảnh cổ điển(dòng sông, con thuyền) mà hiện đại(cành củi) →Bức tranh vừa sang trọng lại gần gũi. +Thủ pháp đối →Bức tranh rộng lớn, hoang vắng hơn. +Nhịp thơ: Câu 3: thuyền về/nước lại →Sự chia lìa. Câu 4: Củi/một cành khô →Nhấn mạnh sự cô đơn →Sáng tạo so với thơ Đồng truyền thống.</p>
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua tiết học, anh chị rút ra được kinh nghiệm gì khi nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

- Luyện tập:

Viết thành bài văn nghị luận cho bài tập 2.

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Biết cách nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

- Bài mới:

Soạn bài: Tây Tiến.

Tuần 6
Tiết 16-17 Văn

Ngày dạy

:

TÂY TIẾN

Quang Dũng

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mỹ lệ của núi rừng miền Tây Bắc Tổ quốc và hình ảnh người lính Tây Tiến hào hoa, dũng cảm trong bài thơ.
- Nắm những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu.

b, Về kĩ năng:

- Đọc- hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại
- Rèn kĩ năng cảm thụ thơ

c, Về thái độ:

Xúc động trước vẻ đẹp cao cả và sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Nghiên cứu tài liệu. Soạn giáo án.
- Phương pháp gợi mở, đọc hiểu, phát vấn
- Phương pháp bình giảng, phân tích ...

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

* Ổn định lớp:

a, Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra vở soạn bài của học sinh

* Lời vào bài:

Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, soạn nhạc, vẽ tranh. Nhưng trước hết ông là một hồn thơ lãng mạn của xứ Đoài với hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu. Ông từng là người lính trong đoàn quân Tây Tiến năm 1947. Bài thơ để lại ấn tượng sâu đậm nhất cho hồn thơ của ông là bài Tây Tiến.

b, Dạy nội dung bài mới

GV yêu cầu Hs đọc tiểu dẫn, tóm tắt một số nét về tác giả?

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Tên thật là Bùi Đình Diệm (1921- 1988).
- Quê quán: Đan Phượng - Hà Tây (nay thuộc Hà Nội)

<p>Hs: đọc, trình bày</p> <p>Gv: Dựa vào tiêu dẫn em biết gì về đoàn quân Tây Tiến? Hs: trình bày</p> <p>Địa bàn h/đ: Châu Mai, C/ Mộc, Sầm Nưa (Lào), Thanh Hoá.</p> <p>Sống chung với đói rét , thú dữ , bệnh tật -> nhiều chiến sĩ chết vì bệnh trên đường hành quân.</p> <p>Gv: Tại sao QĐ lại đổi tên là TT? T/g không dùng chữ nhớ nhưng đọc lên vẫn thấy nỗi nhớ da diết. Gọi hs đọc bài thơ. Chia đoạn? Nội dung chính của mỗi đoạn?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: Nổi nhớ về TT của QĐ được thể hiện ntn? “Nhớ ai bồi hồi bồi hồingồi đồng than” (C/dao)</p>	<p>-Viết thơ, văn và vẽ tranh: <i>Rừng biển quê hương</i> (1957), <i>Mùa hoa gạo</i> (1950), <i>Đường lên châu Thuận</i> (1964), <i>Giương mặt Hồ Tây</i>(bút kí, 1984)</p> <p>=> Là người nghệ sĩ đa tài, thơ ông luôn ẩn hiện cái tôi hào hoa, lãng mạn, nhưng cũng hết sức bình dị, gần gũi với tình yêu đất nước con người đắm thắm...</p> <p>2.Tác phẩm.</p> <p>a. Đoàn binh Tây Tiến:</p> <p>- Thành lập 1947: Nhiệm vụ bảo vệ biên giới Việt Lào, tiêu hao lực lượng quân P ở Tây Lào và Bắc Bộ VN.</p> <p>- Địa bàn hoạt động: vùng rừng núi TB VN & Thượng Lào rất hiểm trở núi cao , sông sâu, thú dữ, vùng có nhiều d/t thiếu số sinh sống => cuộc sống chiến đấu của người lính khó khăn, gian khổ đói rét bệnh tật hoành hành.</p> <p>- Lính TT: Thanh niên Hà Nội, có hs, Sv rất trẻ trung, hào hoa, thanh lịch, lãng mạn và anh dũng yêu nước.</p> <p>b.Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Năm 1948 tại Phù Lưu Chanh; sau 1 năm QĐ là đại đội trưởng của đ/binh TT, anh chuyển đơn vị. Trong nỗi nhớ đơn vị cũ anh đã viết bài thơ này.</p> <p>- Lúc đầu bài thơ có tên là “<i>Nhớ TT</i>”.</p> <p>c. Đọc và tìm hiểu bố cục:</p> <p>- Bài thơ chia 4 đoạn :</p> <p>+ Đ1 : Những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền TB hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.</p> <p>+ Đ2 : Những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ thơ mộng và lãng mạn.</p> <p>+ Đ3 : Chân dung người lính Tây Tiến</p> <p>+ Đ4 : lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc</p> <p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1.Hoài niệm về núi rừng Tây Bắc gắn với những ngày hành quân gian khổ.</p> <p><i>"Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi ! Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi"</i></p> <p>- Hai câu thơ mở đầu đã cụ thể cho cảm xúc của toàn bài thơ Sông Mã đại diện cho vùng đất miền Tây. Hai hình tượng song song kết đọng nỗi nhớ. Đó là miền Tây Bắc Bắc</p>
---	---

<p>Núi rừng TB được vẽ ra trong nỗi nhớ của n/thơ ntn? Cảm nhận của em về cuộc hành quân ấy? “súng ngửi trời”: Một cách nói hóm hỉnh vui đùa của người lính TT khi đối mặt với khó khăn.</p> <p>Núi rừng TB được t/g miêu tả bằng những bút pháp nghệ thuật nào trong đoạn thơ?</p> <p>Sự khắc nghiệt trên đường hành quân còn thể hiện ở đâu?</p> <p>H/a “cơm lên khói...” gọi cho ta cảm giác gì?</p> <p>Cảm nhận của em về đoạn thơ trên?</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Trong đoạn thơ 2 về đẹp của TB được thể hiện qua những cảnh tượng nào?</p> <p>“Man điệu”: nhạc d/t miền núi.</p> <p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>Bộ và người lính Tây Tiến.</p> <p>- "Nhớ chơi vơi": nỗi nhớ không có hình, không cụ thể nhưng rất sâu nặng mệnh mang da diết → tái hiện những kí ức trong nhân vật trữ tình những kỉ niệm đẹp đẽ, hào hùng của tuổi trẻ. Nỗi nhớ đã tạo nên cảm xúc mãnh liệt.</p> <p>- Nhớ về rừng núi địa bàn hoạt động ngày xưa: “Dốc lên khúc khuỷu..... xa khơi” + Chặng đường hành quân của đoàn quân TT trùng điệp ,khó khăn, khắc nghiệt: Núi thăm , dốc cao, vực sâu. Tác giả đã sử dụng nhiều từ tượng hình để diễn tả: “Khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút , còn mây, súng ...” + với các thanh trắc liên tiếp diễn tả sự hiểm trở của đèo TB, quan trọng hơn là diễn tả sự khó nhọc của người lính TT. “Ngàn thướcxuống”. = thủ pháp đối lập -> đường gấp khúc lên cao xuống sâu. “Nhà ai...khơi” s/dụng toàn thanh bằng, trải ra mặt không gian mệnh mang của mây mưa với những ngôi nhà thấp thoáng.... Cho thấy một cảm giác thư thái , khoan khoái, sau chặng đường hành quân vất vả. + Về hoang dại dữ dội của núi rừng TB được khai thác “Ch/ chiều.....người”: Gọi mở một không gian của núi rừng bí hiểm thác gầm, cộp dữ . Đầy mối đe dọa với con người; thử thách lớn đối với người lính TT . + Hình ảnh kết thúc “Nhớ ôi.....xôi”: Cảnh tượng sum họp đầm ấm của con người TB mà người lính TT bắt gặp trên đường hành quân. “Cơm lên khói.....xôi” xua tan mệt mỏi trên gương mặt của người lính => cảm giác êm dịu, ấm áp đối lập với những câu thơ trên. =>Kỷ niệm về TT gắn liền với những khó khăn vất vả cũng như niềm vui bình dị mà QĐ và những người lính TT đã trải qua trên đường hành quân. Kỷ niệm đó sâu đậm khó quên.</p> <p>2. Tây Bắc mĩ lệ và thơ mộng (đoạn 2).</p> <p>- 4 câu đầu : cảnh tượng đêm liên hoan văn nghệ của đoàn binh TT với đồng bào địa phương. +Doanh trại bừng sáng trong ánh lửa bập bùng, lung linh. +Người thiếu nữ hiện ra trong trang phục lộng lẫy duyên dáng e ấp: “Kìa em”; bất ngờ vui sướng say mê của những người lính trước h/ảnh đẹp của người thiếu nữ TB. +Âm thanh du dương, réo rắt của tiếng khèn</p>
---	---

<p>Gv: gọi hs đọc đoạn tiếp; Những hình ảnh trên gợi cho em cảm nhận gì về cảnh vật và con người?</p> <p>T/nhiên TB trong cảnh sông nước chiều sương có vẻ đẹp nào?</p> <p>QD miêu tả dáng ai trên độc mộc? Cảm nhận về đoạn thơ? Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>->Không gian huyền ảo, cảnh vật, con người đều ngả nghiêng, bốc men say, ngây ngất, rạo rực trong đêm hội-> đó là vẻ đẹp tâm hồn người lính.</p> <p>- Cảnh sông nước TB mênh mang mờ ảo, thơ mộng “người đi CM...đong đưa”.</p> <p>+Dòng sông trong buổi chiều sương với những hàng lau hoang dại (nhưng lại có hồn) đang tìm nơi neo đậu tâm hồn -> h/a thơ tinh tế gợi cảm.</p> <p>+”Dáng người trên độc mộc”: dáng đứng đẹp, mềm mại, uyển chuyển nhưng hiên ngang, hùng dũng của chàng trai , cô gái hoặc người chiến sĩ TT trên con thuyền độc mộc lao trên sóng nước .</p> <p>=>Ngòi bút QD không chỉ tả mà còn gợi lên phần hồn thiêng liêng của tạo vật ..4 câu thơ d/tả một t/giới thơ mộng huyền ảo, vạn vật có nét riêng đặc trưng của núi rừng TB, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau.</p>
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Anh chị có suy nghĩ gì về hình tượng người lính Tây Tiến trong khổ thơ 1?

- Luyện tập:

Làm phần 1 phần luyện tập

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm đọc bức chân dung người lính Tây Tiến, bút pháp lãng mạn, màu sắc bi tráng của đoạn thơ 1.

- Bài mới:

Tìm hiểu tiếp về bài thơ Tây Tiến.

Tuần 6

Ngày dạy:

Tiết 17: Văn học:
TÂY TIẾN
 (QUANG DŨNG)
 (Tiếp theo)

*** Tiến trình bài dạy:**

- Ôn định lớp:

- Kiểm tra bài cũ:

+ Câu hỏi: Đọc thuộc lòng đoạn 1 bài thơ Tây Tiến và nêu nhận xét về bút pháp của nhà thơ khi xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Tây Tiến?

+ Đáp án: Học sinh đọc thuộc theo sgk; Vượt lên trên nỗi vất vả cực nhọc, quyết tâm vượt thử thách của núi rừng miền Tây, luôn niềm lạc quan tươi vui yêu đời, hài hước dí dỏm...bút pháp vừa hiện thực vừa lãng mạn hòa quyện nhau làm nên vẻ đẹp của hình tượng này.

- Lời vào bài:

Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, soạn nhạc, vẽ tranh. Nhưng trót hết ông là một hồn thơ lãng mạn của xứ Đoài với hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu. Ông từng là người lính trong đoàn quân Tây Tiến năm 1947. Bài thơ để lại ấn tượng sâu đậm nhất cho hồn thơ của ông là bài Tây Tiến.

- **Dạy nội dung bài mới**

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Gv: nhắc lại phần trước</p> <p>Gv: dẫn dắt: Trên cái nền h/vĩ mỹ lệ của TN là h/a người lính TT rất đẹp rất xứng đáng với bức tranh.</p> <p>Người lính TT được m/t qua những từ ngữ nào, chi tiết nào?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Câu thơ “Mắt trừng... kiêu thom” cho ta thấy điều khác biệt nào của người lính? Nhận xét về tinh thần của người lính TT?</p>	<p>II, Đọc hiểu văn bản</p> <p>1, Hoài niệm về núi rừng Tây Bắc gắn với những ngày hành quân gian khổ.</p> <p>2. Tây Bắc mỹ lệ và thơ mộng (đoạn 2).</p> <p>3. Hình ảnh người lính Tây Tiến</p> <p>- Chân dung, ngoại hình <i>Đoàn quân không mọc tóc, Quân xanh màu lá giữ oai hùm</i> Tả thực những khó khăn mà người lính phải trải qua; Đói rét bệnh tật làm cho dáng vẻ họ tiều tụy...;Bút pháp tương phản “không mọc tóc”, “xanh màu lá” > < “giữ oai hùm”, tô đậm vẻ oai phong凛冽 của người lính TT trước kẻ thù.</p> <p>-> Bằng cảm hứng lãng mạn đầy chất tráng ca QĐ đã khắc họa bức chân dung người lính TT phi thường, độc đáo, ko ồm yếu tiều tụy mà khoẻ khoắn, dữ dội...</p> <p>- Vẻ đẹp tâm hồn + “<i>Mắt trừng gửi mộng</i>”, <i>Mơ dáng kiêu thom</i>”: Tâm hồn trẻ trung lãng mạn, trái tim đầy yêu thương và khát khao hp</p> <p>- Ý chí, nghị lực :</p>

<p>Hs: trả lời theo gợi ý của gv</p> <p>Sự mất mát mà người lính TT phải gánh chịu?</p> <p>Hs: dựa sgk trình bày</p> <p>Nhận xét về câu thơ “Áo ...độc hành”?</p> <p>Sự hi sinh, vất vả của người lính TT được thể hiện trong đoạn thơ ntn? Cảm nhận chung về đoạn thơ?</p> <p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>Gv giảng bình đoạn thơ cuối</p>	<p>Lính TT là những người có ý chí, nghị lực, phi thường “Rải rác.....xứ”: tạo cảm giác buồn thương bi khi gọi những h/a người lính TT phải nằm xuống trên đường đi. Những nấm mồ vô danh rải rác khắp biên cương.</p> <p>*“Chiến trường xanh”: cái bi thảm buồn thương trở thành bi tráng; Lính TT biết hi sinh biết gian khổ nhưng chấp nhận ra đi, chấp nhận h/sinh tuổi xuân đẹp đẽ của mình cho đất nước => cái chết nhẹ nhàng hơn.</p> <p>*“Áo bào.....hành”: Câu thơ cổ kính, cái chết của người lính trở thành thiêng liêng.</p> <p>Về đất : cách nói giảm nhẹ, người a/hùng ngã xuống chỉ như sự quay về nơi mình đã đi.</p> <p>*“Sông Mã...hành”: Sự dữ dội, hào hùng của t/nhiên tạo âm hưởng bi tráng, non sông đã tấu lên khúc nhạc tiễn đưa, gọi lên h/ảnh người tráng sĩ xưa “Một đi không trở về”. => Đoạn thơ nói đến những khó khăn, mất mát mà người lính TT phải chịu đựng nhưng không gọi sự bi lụy, lụy tàn mà trái lại, rất hào hùng đầy chất bi tráng và lãng mạn.</p> <p>4, Lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây</p> <p>- Tâm hồn, tình cảm của người lính Tây Tiến gắn bó máu thịt với những ngày, những nơi mà đoàn quân Tây Tiến đã đi qua. Tây Tiến “mùa xuân ấy” đã thành thời điểm một đi không trở lại.</p> <p>- Dù hi sinh, tinh thần các anh chiến sĩ Tây</p>
--	---

<p>Gv: hãy nhận xét về nghệ thuật và nội dung của bài thơ?</p> <p>Hs: trả lời</p>	<p>Tiến vẫn tiếp tục đi cùng đồng đội tiếp bước hành quân. → Lời thề quyết tâm chiến đấu.</p> <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm hứng hiện thực - Cảm hứng lãng mạn, ngòi bút tài hoa - Các biện pháp nghệ thuật <p>2, Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình tượng người lính Tây Tiến trên nền thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, mĩ lệ. - Mang vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn.
---	--

*** Củng cố và luyện tập:**

- Củng cố:

Anh chị có suy nghĩ gì về hình tượng người lính Tây Tiến?

- Luyện tập:

Làm phần 1,2 phần luyện tập

*** Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

- Bài cũ:

Nắm đọc bức chân dung người lính Tây Tiến, bút pháp lãng mạn, màu sắc bi tráng của bài thơ.

- Bài mới:

Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

Tuần 6

Ngày dạy:

Tiết 18: Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

- Đối tượng của dạng đề nghị luận về một ý kiến bàn về văn học ; Cách thức triển khai bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

b, Về kĩ năng :

- Tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.
- Huy động kiến thức và những cảm xúc trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học (tác giả, tác phẩm, vđ lí luận vh)

c, Về thái độ:

Có cái nhìn khách quan, chính xác tróc một ý kiến bàn về văn học.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Nghiên cứu tài liệu. Soạn giáo án. SGK, SGV
- Phương pháp gợi mở, phát vấn
- Phương pháp hoạt động thảo luận ...

b, Chuẩn bị của học sinh :

Sgk, vở soạn, vở ghi
Các tài liệu tham khảo khác.

3, Tiến trình lên lớp

* Ôn định lớp:

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi :
Cách làm bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?
- Đáp án :

Giới thiệu bài thơ, đoạn thơ cần nghị luận ; phân tích mặt nội dung và nghệ thuật và nội dung của bài thơ, đoạn thơ đó ; đánh giá chung về nghệ thuật và nội dung của đoạn thơ, bài thơ đó.

* Lờì vào bài : Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là kiểu bài các em thường gặp trong nhà trường. Nhưng để làm được dạng bài này không phải là điều dễ dàng bởi vì nhiều khi các em không đọc kĩ nhận định. Vậy làm thế nào để làm tốt được dạng đề này. Bài học hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Cho HS tìm hiểu ngữ liệu trong SGK ?Chia nhóm làm việc Trả lời những câu hỏi trong phần gợi ý? Nhóm 1 giải thích một số từ ngữ, thuật ngữ.	A.Lí thuyết. I. Khảo sát ngữ liệu 1. Ví dụ: Đề 1 Sgk - Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng:" <i>Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú đa dạng; nhng nếu cần xác định một chủ lư một dòng chính quán thông kim cổ thì đó là văn học yêu nước</i> ". Em hãy trình bày suy nghĩ của mình đối

<p>Nhóm 2 Xác định nội dung cần nghị luận của mỗi đề văn ?</p> <p>Hs: các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Gv: gợi ý hs làm theo gợi ý thảo luận theo các câu hỏi như đề 1:</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Qua việc khảo sát và phân tích ngữ liệu trên . Hãy cho biết thể nào là ý kiến đối với văn học?</p>	<p>với ý kiến trên.</p> <p>* Giải thích một số từ ngữ trong đề bài 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phong phú, đa dạng: Có nhiều tác phẩm, nhiều hình thức, thể loại khác nhau. + Chủ lưu : Dòng chính(bộ phận chính) + Quán thông kim cổ : thông suốt từ xưa đến nay <p>*Tìm hiểu đề:</p> <p>- Yêu cầu của đề: Bình luận ý kiến của Đặng Thai Mai cho rằng từ xa đến nay trong cái phong phú đa dạng của văn học Việt Nam dòng văn học yêu nước là một chủ lưu.</p> <p>Sử dụng các thao tác: Chứng minh bình luận</p> <p>ND cần nghị luận Vb1 : Văn học yêu nước là chủ lưu trong sự đa dạng và phong phú của văn học VN</p> <p>*Lập dàn ý:</p> <p>2. Ví dụ : Đề 2 (sgk)</p> <p>Phân tích ngữ liệu</p> <p>- Trong đề bài 2: Cách nói ẩn dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuổi trẻ.....: đọc sách chỉ thấy được trong phạm vi nhỏ hẹp + Lớn tuổi.....: theo thời gian kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn thì tầm nhìn mở rộng hơn. + Tuổi già.....: nhiều vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm thì đọc sách càng hiểu sâu hơn, rộng hơn. <p>- Nội dung cần nghị luận Vb2 : Đọc sách và tiếp nhận những giá trị của sách luôn gắn liền với những điều kiện và năng lực chủ quan của người đọc.</p> <p>II. Nhận xét</p> <p>1. Khái niệm: Là nhận định (khen, chê) về tác giả, tác phẩm văn học, về văn học sử, giai đoạn văn học. Ý kiến đối với văn học rất đa dạng bao gồm cả tính chất, vai trò chức năng, quá trình tiếp nhận văn học, phong cách văn học... Là quá trình vận dụng nhiều thao tác lập</p>
--	--

<p>Thế nào là nghị luận về một ý kiến bàn về văn học?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Khi nghị luận về một ý kiến bàn về văn học cần đảm bảo yêu cầu ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Để làm bài văn nghị luận cần đảm bảo những bước nào?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: gọi hs đọc ghi nhớ sgk Hs: đọc</p> <p>Cho bài tập luyện tập, HS chia nhóm làm việc Vấn đề cần nghị luận ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Cần mở rộng bàn bạc về những vấn đề</p>	<p>luận như giải thích, chứng minh, bình luận, bình giảng, so sánh, phân tích... để làm cho người đọc người nghe hiểu rõ, sâu ý kiến đó ở nhiều góc độ khác nhau. (nghị luận về tác phẩm văn xuôi; về thơ; về sân khấu)</p> <p>2. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Xác định hoàn cảnh và mục đích của lời nhận định. * Xác định nội dung của lời nhận định đề cập tới vấn đề gì * Người tham gia nghị luận phải có hiểu biết về văn học ở nhiều phương diện (thuật ngữ văn học, tính chất văn học, chức năng, ngôn ngữ) <p>3. Cách làm bài văn nghị luận .</p> <ul style="list-style-type: none"> * Tìm hiểu đề: (thể loại, nội dung, phạm vi dẫn chứng) * Lập dàn ý (mở bài, thân bài, kết bài) <p>4. Ghi nhớ</p> <p>B. Luyện tập</p> <p>Bài tập 1: (sgk)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vấn đề cần nghị luận : <ul style="list-style-type: none"> + Văn chương là thứ khí giới thanh cao và đặc lực -> văn chương là phương tiện + Vừa tố cáo, vừa thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác -> văn chương phải có tính chiến đấu, vạch tìm cái xấu, cái ác, có khả năng nhân đạo hoá con người . (đề cao tính chiến đấu, nhân đạo hoá con người) - Khẳng định vấn đề : Đúng <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng bàn bạc: Tại sao trong văn chương phải có tính chiến đấu và nhân đạo hoá con người. Chứng minh bằng những tác phẩm của Thạch Lam (Gió lạnh đầu mùa, Hai đứa trẻ) - Ý nghĩa câu nói : <ul style="list-style-type: none"> + Góp một tiếng nói khẳng định thiên chức của văn chương chân chính. + Định hướng và cổ vũ những người cầm
---	---

nào ?	bút tâm huyết với c/đ. + Sự quan tâm của nhà văn với văn chương dân tộc với c/s của những người dân bị áp bức lầm than.
Ý nghĩa của ý kiến bàn về văn chương của Thạch Lam	
Hs: lần lượt trình bày	

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những nội dung gì về đối tượng của bài nghị luận bàn về văn học?

- Luyện tập:

Trong thư gửi BCH TƯ Đảng Lao động VN gửi ĐH văn nghệ toàn quốc lần thứ tư có viết : “ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là những đề tài cao đẹp của văn học nghệ thuật nước ta lúc này”.

Anh chị hãy giải thích ý kiến trên và chứng minh rằng văn học nghệ thuật nước ta lúc này.

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được đối tượng của bài nghị luận bàn về văn học

- Bài mới:

Tìm hiểu Luyện tập Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

Tuần 6

Ngày dạy:

Tiết 18*: Làm văn

LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

Củng cố và nâng cao kiến thức về nghị luận văn học. Cách làm bài nghị luận về ý kiến bàn về văn học

b, Về kĩ năng :

- Có kĩ năng vận dụng các thao tác phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh để làm bài văn nghị luận văn học.

- Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học ở một số dạng nhất định.

c, Về thái độ:

Có cái nhìn khách quan, chính xác và đánh giá đúng đắn trước một ý kiến bàn về văn học.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK, SGV, các dạng bài tập
- Phương pháp gợi mở, phát vấn
- Phương pháp hoạt động thảo luận, làm bài tập ...

b, Chuẩn bị của học sinh :

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác.

3, Tiến trình lên lớp

* Ôn định lớp:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở bài tập của học sinh

* Lời vào bài : Ở tiết trước các em đã tìm hiểu tiết lí thuyết Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học, các bước làm bài. Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu và chữa một số dạng bài tập để các em hiểu rõ hơn về kiểu bài này.

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Gv: Hãy cho biết thế nào là ý kiến đối với văn học?</p> <p>Thế nào là nghị luận về một ý kiến bàn về văn học?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Khi nghị luận về một ý kiến bàn về văn học cần đảm bảo yêu cầu ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Để làm bài văn nghị luận cần đảm bảo những bước nào?</p>	<p>I.Lí thuyết.</p> <p>1. Khái niệm: Là nhận định (khen, chê) về tác giả, tác phẩm văn học, về văn học sử, giai đoạn văn học. Ý kiến đối với văn học rất đa dạng bao gồm cả tính chất, vai trò chức năng, quá trình tiếp nhận văn học, phong cách văn học...</p> <p>Là quá trình vận dụng nhiều thao tác lập luận như giải thích, chứng minh, bình luận, bình giảng, so sánh, phân tích... để làm cho người đọc người nghe hiểu rõ, sâu ý kiến đó ở nhiều góc độ khác nhau.(nghị luận về tác phẩm văn xuôi; về thơ; về sân khấu)</p> <p>2. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Xác định hoàn cảnh và mục đích của lời nhận định. * Xác định nội dung của lời nhận định đề cập tới vấn đề gì * Người tham gia nghị luận phải có hiểu biết về văn học ở nhiều phương diện (thuật ngữ văn học, tính chất văn học, chức năng, ngôn ngữ) <p>3. Cách làm bài văn nghị luận .</p> <ul style="list-style-type: none"> * Tìm hiểu đề: (thể loại, nội dung, phạm vi dẫn chứng) * Lập dàn ý (mở bài, thân bài, kết bài)

Gv chuyển sang phần luyện tập

Gv: “Bốn câu thơ cuối là lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây của nhà thơ”
Anh chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

Gv gợi ý hs lập dàn ý

II, Bài tập

1. Bài tập 1

a. Mở bài:

- Giới thiệu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời.
- Qua nỗi nhớ da diết của nhà thơ về đoàn quân Tây Tiến, ta thấy hiện lên hình ảnh người chiến sĩ: gan dạ, dũng cảm, không sờn lòng trước những khó khăn gian khổ; chiến đấu kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng và lúc nào cũng phơi phới lạc quan.

- Đây là bốn câu kết bài thơ (ghi bốn câu thơ) được viết theo những dòng chữ ghi vào mộ chí. Đó cũng là lời thề quyết tâm của các chiến sĩ Tây Tiến “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

2. Thân bài:

* Hai câu đầu: “Tây Tiến người đi..... chia phôi”

- Người chiến sĩ ra đi với quyết tâm sắt đá, có chí lớn, quyết lập được chiến công như người chiến sĩ trong bài thơ “Tống biệt hành” của Thâm Tâm:

*“Li khách! Li Khách con đường nhỏ
Chí nhón chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại
Ba năm mẹ già cũng đừng mong”*

- “Không hẹn ước”, rồi lại “thăm thẳm một chia phôi”, Quang Dũng khẳng định cái ý niệm “Nhất khứ bất phục hoàn” trong hình ảnh người chiến sĩ Tây Tiến cũng là cái ý niệm của chung cả một thời kì, một thế hệ con người. Đã nói nhiều đến Tây Tiến, đã nhắc lại nhiều kỉ niệm Tây Tiến, nhưng cuối cùng cái đọng lại sâu sắc nhất bền vững nhất về Tây Tiến vẫn là cái tinh thần ấy, Giọng thơ trầm, chậm, hơi buồn nhưng ý thơ thì vẫn hào hùng.

* Câu 3 “ Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy”.

<p>Gv: “Bài thơ Tây Tiến đã khắc họa vẻ đẹp lãng mạn hào hoa của người lính Tây</p>	<p>Mùa xuân: + Thời điểm thành lập đoàn quân Tây Tiến + Mùa xuân của đất nước + Mùa xuân (của tuổi trẻ) đời của các chiến sĩ đã trở thành cái thời điểm một đi không trở lại của lịch sử nước nhà. Sẽ không bao giờ còn có lại cái thuở và thiếu thốn đến dường ấy nhưng cũng lãng mạn và hào hùng đến dường ấy. * Câu 4 : “<i>Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi</i>”: - “<i>Chẳng về xuôi</i>” nghĩa là bỏ mình trên đường hành quân. - “<i>Hồn về Sầm Nứa</i>” chí nguyện của các chiến sĩ là sang nước bạn hợp đồng tác chiến với quân dân Lào chống Pháp, họ quyết tâm thực hiện lí tưởng ấy đến cùng. Cho nên, dù ngã xuống trên đường hành quân, nhưng hương hồn (anh linh) vẫn đi cùng đồng đội, sống trong lòng đồng đội. Tứ thơ này nâng chất sử thi của bài thơ 3. Kết bài: Đó là hình ảnh người chiến sĩ gan dạ, dũng cảm, không sồn lòng... Đến lúc chết vẫn giữ lời thề, họ là những người đau thương mà không bi lụy, mắt mát mà vẫn tràn đầy niềm tin. 2. Bài tập 2 a. Mở bài - Giới thiệu về nhà thơ Quang Dũng - Bài thơ Tây Tiến - Dẫn dắt đến đề bài b. Thân bài - Bút pháp lãng mạn và cái tài hoa thể hiện chủ yếu trong bài thơ - Người lính Tây Tiến vất vả mệt mỏi trong bước đường hành quân nhưng họ vẫn quyết tâm vượt qua thu vào trong tầm mắt là không gian khoáng đạt rộng lớn: “Nhà ai...khơi”</p>
---	--

<p>Tiến”</p> <p>Anh chị hãy phân tích bài thơ làm sáng tỏ ý kiến trên?</p> <p>Gv gợi ý hs lập dàn ý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đùa vui dí dỏm hài hước trong cách nói “súng người trời, cọp treu người” lạc quan vui vẻ yêu đời vượt lên trên sự khắc nghiệt của núi rừng - Không khí đầm ấm quây quần bên bếp lửa người mùi nếp hương thoang thoảng, hồn nhiên yêu đời - Tâm hồn lãng mạn bay bổng của những người lính trong đêm liên hoan văn nghệ ở một bản làng mà các anh dừng chân. Nhìn những cô gái e ấp mà liên tưởng đến những nàng tiên lộng lẫy . Không khí hòa nhập của các anh vào đêm liên hoan hay là tự những người lính tự nghĩ ra mà mình đóng vai các cô gái→ vượt lên khắc nghiệt cuộc chiến đấu vui tươi rộn tiếng cười - Trong tâm hồn các anh là hình bóng các cô gái miền Tây dịu dàng thướt tha nhìn hàng lau trắng liên tưởng người thiếu nữ - Ngoại hình không mọc tóc xanh màu lá lại là nét vẽ gân guốc mạnh mẽ cách nói khẩu khí ngang tàng - Nhớ về dáng hình của người con gái hậu phương là động lực là hào hùng lãng mạn về đẹp người lính TT - Lí tưởng khát vọng ra đi cống hiến khỏe khoắn <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kđ bài thơ TT mang vẻ đẹp lãng mạn hào hoa của người lính TT qua bút pháp lãng mạn của QĐ - Ý kiến đó là đúng đắn lí tưởng tâm hồn của các anh mãi là hình ảnh đẹp của thời “quyết...sinh” nét đẹp ấy nuôi dưỡng thế hệ trẻ hôm nay
---	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm được những nội dung gì về đối tượng của bài nghị luận bàn về văn học?

- Luyện tập:

Viết đoạn văn trong phần thân bài cho bài tập 2

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được đối tượng của bài nghị luận bàn về văn học; biết cách phân tích một ý kiến bàn về văn học

- Bài mới:

Tìm hiểu Việt Bắc phần tác giả

Tuần 7

Tiết: 19 Văn

Ngày dạy:

VIỆT BẮC
Tố Hữu
(Phần 1 : Tác giả)

1, Mục tiêu bài học :

a, Về kiến thức

- Trình bày được khái quát về thời đại, cuộc đời và những chặng đường thơ của Tố Hữu.

- Hiểu được những đặc điểm chính về nội dung và nghệ thuật biểu hiện thơ Tố Hữu.

b, Về kĩ năng :

- Nhận biết những nội dung cơ bản về một tác gia văn học.

- Biết vận dụng những hiểu biết về tác giả Tố Hữu để đọc- hiểu một số tác phẩm và trích đoạn văn học của tác giả có trong chương trình.

c, Về thái độ

Trân trọng, tự hào về nhà thơ trữ tình chính trị- chiến sĩ, cách mạng

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- Tài liệu tham khảo

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp phát vấn, diễn giảng, bình giảng thảo luận nhóm

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

* Ôn định lớp:

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi: .Đọc thuộc đoạn 1 bài thơ Tây Tiến và cho biết nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ?

- Đáp án: Hs đọc thuộc theo sgk; bút pháp lãng mạn, đối lập, từ ngữ giàu giá trị gợi cảm đã khắc họa những gian khổ khắc nghiệt mà đoàn quân Tây Tiến phải trải qua; cái nhìn lạc quan, nghị lực của người lính Tây Tiến

* Lờ vào bài:

Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng. Thơ Tố Hữu gắn bó sâu sắc với các chặng đường thơ của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Việt Bắc là đỉnh cao thơ ca kháng chiến chống Pháp, kết tinh nghệ thuật thi ca Việt Nam.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Gv: yêu cầu hs đọc SGK</p> <p>Nêu những nét chính về gia đình, quê hương và bản thân của TH có ảnh hưởng tới nguồn cảm hứng trong cho thơ ca ?</p> <p>Từ đó em có nhận xét gì về Tố Hữu?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>I. Vài nét về tiểu sử</p> <p>- Tố Hữu (1920- 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành</p> <p>- Quê quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế.</p> <p>- Thời thơ ấu: Tố Hữu sinh ra trong một gia đình Nho học ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình còn lưu giữ nhiều nét văn hoá dân gian.</p> <p>- Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân</p> <p>- Thời kỳ sau CM tháng Tám: Tố Hữu đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hoá văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước.</p>
<p>H/C sáng tác, bố cục, nội dung chính của tập thơ “ Từ ấy” ?</p>	<p>II. Những chặng đường thơ</p> <p>1. Quá trình sáng tác .</p> <p>Ở TH có sự thống nhất chặt chẽ giữa nhà cách mạng ,nhà c/trị, nhà thơ cho nên thơ ca TH vừa mang cái chất trữ tình vừa mang tính chất chính trị.</p> <p>a/ Tập “Từ ấy”: (1937-1946) là tập thơ đầu tay, tương ứng với chặng đường cách mạng từ phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám và Toàn quốc kháng chiến</p> <p>- Tập thơ gồm 3 phần: Máu lửa- Xiềng xích- Giải phóng.</p> <p>- Qua 3 phần cảm hứng thơ TH vận động từ niềm hân hoan của tâm hồn trẻ nhiều băn khoăn về lẽ sống bỗng gặp được a/s của lí tưởng; rồi qua bao nhiêu thử thách</p>

<p>Nét đặc sắc trong nghệ thuật của tập thơ? Hs: trả lời</p>	<p>từng bước trưởng thành trên con đường cm; đến niềm vui bất tuyệt, ngây ngất trước cuộc đời vĩ đại của dân tộc</p> <p>- NT: <i>chất lãng mạn</i> trong trẻo của một hồn thơ say men lí tưởng; nhạy cảm với cảnh đời, tình đời; một <i>cái tôi</i> trữ tình trong đó ý thức cá nhân đang từng bước hoà mình vào đoàn thể, nhân dân; <i>giọng điệu thiết tha, sôi nổi, nồng nhiệt.</i></p> <p>b/ Tập “Việt Bắc” (1947-1954)</p> <p>- Là khúc ca hùng tráng về cuộc kháng chiến và con người trong kháng chiến. Một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, đầy hy sinh gian khổ nhưng cũng rất hùng tráng và đầy lạc quan cho đến ngày thắng lợi.</p> <p>- Tập thơ hướng vào thể hiện những con người bình thường giản dị nhưng trái tim tràn đầy tình yêu nước nồng nàn quyết chiến đấu cho lí tưởng của dân tộc (công, nông, binh).</p> <p>- Ở VB thơ TH bay bổng và rộng mở trong cảm hứng sử thi, trữ tình mang hào khí thời đại; hình thức thơ giàu tính dân tộc và đại chúng</p>
<p>Gv: H/C sáng tác, nội dung của tập thơ “ Việt Bắc” Có những mặt hạn chế và tích cực gì so với tập “ Từ ấy”?</p>	<p>c/ “Gió lộng” (1955-1961)</p> <p>- Là tiếng hát lạc quan bay bổng say sưa về công cuộc XD CNXH ở miền Bắc. Là bài hát đấu tranh và tình cảm của ND miền Bắc đối với miền Nam ruột thịt và ý chí đấu tranh thống nhất đất nước.</p> <p>- Nghệ thuật bao trùm tập thơ là cảm hứng lãng mạn sử thi.</p>
<p>Hs: trả lời</p>	<p>d/ “ Ra trận” (1962-1972) “ Máu và hoa” (1973-1977).</p>
<p>H/C sáng tác ,nội dung của tập “Gió lộng” Nội dung của hai tập thơ trên?</p>	<p>- S/T trong không khí hào hùng của cả nước chống Mĩ và những năm đầu sau chiến thắng 1975.</p> <p>- Tập thơ phản ánh cuộc đấu tranh anh hùng đỉnh cao trong lịch sử d/t chống ngoại xâm và kêu gọi cổ vũ tinh thần chiến đấu của nhân dân 2 miền Nam- Bắc . Đồng thời ca ngợi những con người VN anh hùng (bà mẹ, người phụ nữ, em thơ, Bác Hồ)</p> <p>- NT mang đậm tính chất chính luận - sử thi anh hùng ca.</p>
<p>Nội dung và nghệ thuật của hai tập thơ trên?</p>	<p>e/ “Một tiếng đờn”(1992) và “Ta với ta”(1999)</p>
<p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>- Thể hiện những trăn trở, suy tư, những trải nghiệm về</p>

<p>Gv: Khuyh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn được biểu hiện trong thơ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Những nguyên nhân dẫn đến giọng điệu tâm tình ngọt ngào?</p> <p>Hs: lần lượt trình bày</p> <p>Gv: Những đặc sắc trong nghệ thuật?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>c/s, lẽ đời. Song trước sau thơ TH vẫn khẳng định niềm tin vào lí tưởng và son đường cách mạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng thơ trầm lắng đậm chất suy tư. <p>III. Phong cách thơ Tố Hữu.</p> <p>1. Nội dung: Chất trữ tình chính trị sâu sắc</p> <p>a. Thơ TH hống tới cái ta chung :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thơ luôn tìm thấy cảm hứng sáng tác với các sự kiện chính trị, những vấn đề lớn của dân tộc. + Thơ TH thường hướng tới những lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người c/m. <p>b. Khuyh hướng sử thi □ cảm hứng lãng mạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài: Những vấn đề lớn của thời đại - Hình tượng trong thơ TH là những con người đại diện cho non sông đất nước. - Thơ của ông dạt dào cảm hứng lãng mạn thong hống tới tương lai, khơi gợi niềm vui, lòng tin tưởng vào tương lai cao đẹp, say mê con đường c/m, ngợi ca nghĩa tình c/m. <p>c. Giọng tâm tình ngọt ngào tha thiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc + Thừa hưởng điệu tâm hồn người xứ H qua các câu dân ca + Quan niệm của nhà thơ về thơ : “Thơ là chuyện đồng điệu□. - Biểu hiện :Cách xng hô gân gũ, thân mật, nhấn nhủ□ <p>2. Nghệ thuật: Đậm đà tính dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ TH thể hiện sự gắn bó hoà nhập với truyền thống, tình cảm đạo lí của dân tộc□ - Thể thơ: Vận dụng nhuần nhị các thể thơ truyền thống - Ngôn ngữ: Vận dụng các môtip dân gian nh đối đáp, truyền thống nh thể nguyên hay dùng những hình ảnh, từ ngữ, thành ngữ cổ xa, những chi tiết của đời sống dân dã . - Nhịp điệu: Lối ngắt nhịp, phối âm, thanh điệu, vần thơ□ <p>IV. Tổng kết:</p> <p>TH là con chim đầu đàn của thơ ca cách mạng VN . Thơ TH có sự hội đủ của thơ ca truyền thống, lí tưởng cách mạng và giọng điệu ngọt ngào truyền cảm cho người đọc.</p>
---	--

Gv: Cho HS đọc ghi nhớ SGK Gv gọi Hs tự tổng kết bài giảng. Hs: trình bày	
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Em có nhận xét và đánh giá gì đối với con người và thơ ca TH ?

Những hiểu biết của em về phong cách thơ TH?

- Luyện tập:

Làm bài tập 1,2 phần luyện tập

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Học bài nắm được những nội dung cơ bản của bài học và làm bài tập.

- Bài mới:

Soạn bài mới : Trả lời những câu hỏi về bài **Luật thơ**

Tuần 7

Ngày dạy:

Tiết: 20 : Tiếng Việt

LUẬT THƠ

1, Mục tiêu bài học :

a, Về kiến thức :

- Hiểu và phân tích minh họa được luật thơ của một số thể thơ tiêu biểu đã học.

b, Về kĩ năng :

- Biết vận dụng những kiến thức về thi luật vào việc đọc - hiểu văn bản.

c, Về thái độ :

Có ý thức dựa vào luật thơ để làm thơ phù hợp với tâm lí thời đại

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- Tài liệu tham khảo

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp phát vấn gợi tìm, quy nạp thảo luận nhóm.

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

* Ôn định lớp:

a, Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi: Kể tên một số thể thơ đã học ? Đọc một bài thơ mà em thích xác định thể loại?

Đáp án: Thất ngôn tứ tuyệt, lục bát, tự do, thất ngôn bát cú Đường luật□

* Lờ vào bài:

Mỗi một nhóm thơ lại có những niêm luật cụ thể. Xác định đọc luật thơ ta mới đi xem xét ý nghĩa tổng của bài thơ và lĩnh hội nó một cách thấu đáo. Bài học hôm nay cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu.

b, Dạy néi dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>GV cho hs tìm hiểu theo các câu hỏi: Theo em hiểu, luật thơ là gì? Kể tên một số thể thơ VN mà em biết?</p> <p>Hs: dựa sgk trình bày</p> <p>Để xác định thể thơ người ta dựa vào yếu tố nào là cơ bản? Vậy theo em: “tiếng” trong thơ có vai trò gì?</p> <p>Hs: lần lượt trả lời</p>	<p>I. Khái quát về luật thơ.</p> <p>1. Luật thơ.</p> <p>* Khái niệm luật thơ -Luật thơ là những quy định có tính nguyên tắc bắt buộc về gieo vần ,ngắt nhịp ,số tiếng,hài hoà âm thanh đối với thể thơ nào đó .Tất cả quy định ấy đọc khái quát theo kiểu mẫu ổn định .</p> <p>* Các thể thơ Việt Nam</p> <p>- Thể thơ dân tộc: lục bát, song thất lục bát,hát nói</p> <p>- Thể thơ Đường luật: ngũ ngôn, thất ngôn tứ tuyệt và bát cú</p> <p>- Các thể thơ hiện đại: 5, 7, 8 tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ – văn xuôi</p> <p>2. Vai trò của “tiếng” trong thơ</p> <p>* Là căn cứ để xác lập thể thơ</p> <p>* Là căn cứ để ngắt nhịp trong thơ</p> <p>* Thanh của “tiếng” là căn cứ để xác định luật bằng (B) trắc(T) -> tạo nhạc điệu thơ</p> <p>* Vần của “tiếng” là căn cứ để hiệp vần thơ: vị trí hiệp vần là yếu tố quan trọng xác định luật thơ.</p> <p>⇔ Số “tiếng” và các đặc điểm của “tiếng” về cách hiệp vần, phép hài thanh ngắt nhịp...là các nhân tố cấu thành luật thơ</p> <p>II. Một số thể thơ truyền thống</p> <p>1. Thể lục bát</p>

<p>Gv hướng dẫn hs hoạt động theo nhóm</p> <p>Gv chuẩn bị 4 bảng phụ ghi các ví dụ ở SGK - Cho học sinh tìm hiểu luật thơ của từng thể thơ theo các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng - Vận - Nhịp - Hải thanh <p>(từng nhóm hội ý và ghi vắn tắt luật thơ trong 5 phút). Các nhóm lần lượt trả lời</p> <p>Sau đó gv củng cố lại</p> <p>Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu theo các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao gọi là thơ hiện đại? - Thơ hiện đại Việt Nam xuất hiện từ giai đoạn nào? - Trong các bài thơ đã học ở lớp dưới, em biết bài nào là thơ hiện đại? Vì sao? <p>Hs: lần lượt trả lời</p> <p>* Hãy khái quát lại những kiến thức cơ bản của bài (Hs đọc ghi nhớ ở sgk)</p> <p>Hướng dẫn hs tìm hiểu bài tập trong sách giáo khoa :</p>	<p>+Số tiếng :trên 6,dưới 8</p> <p>+Vận :Tiếng cuối câu 6 phải cùng vận với tiếng 6 của câu 8 .Tiếng cuối của câu 8 vận với tiếng cuối của câu 6 tiếp theo</p> <p>+ Nhịp chẵn</p> <p>+ Hải thanh: có sự đối xứng B- T</p> <p>2. Thể song thất lục bát</p> <p>3. Thể ngũ ngôn Đường luật (+ Ngũ ngôn tứ tuyệt + Ngũ ngôn bát cú)</p> <p>+ Số tiếng : 5 tiếng</p> <p>+ Vận: độc vận, gieo vận cách</p> <p>+ Nhịp 2/3</p> <p>+ Hải thanh : có sự luân phiên B-T ở tiếng thứ 2 và thứ 4</p> <p>4. Các thể thất ngôn Đường luật (+ Thất ngôn tứ tuyệt + Thất ngôn bát cú luật trắc và luật bằng)</p> <p>+ Số tiếng :7 tiếng</p> <p>+ Vận: vận chân, độc vận</p> <p>+ Nhịp 4/3</p> <p>+ Hải thanh : xem sơ đồ sgk</p> <p>III. Các thể thơ hiện đại</p> <p>- Thơ 5 tiếng, 7 tiếng, 8 tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi</p> <p>⇔ Vừa có sự tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân</p> <p>IV. Kết luận (Ghi nhớ - sgk)</p> <p>V. Luyện tập.</p> <p>a. Hai câu song thất:</p> <p>- Gieo vần: “Nguyệt, mật”: Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5 →vần lưng</p>
---	---

<p>Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp hài thanh của hai câu thơ 7 tiếng trong thể song thất lục bát với thể thơ thất ngôn Đường luật qua các ví dụ sau Sau đó yêu cầu trình bày</p>	<p>- Ngắt nhịp: 3/4 - Hài thanh: Tiếng thứ 3: “ thành, Tuyên”: đều là tiếng B b. Thể thất ngôn Đường luật: - Gieo vần: "xa, hoa, nhà": Tiếng cuối câu 1,2,4→vần chân, vần cách (hoa-nhà) - Ngắt nhịp: 4/3 - Hài thanh: Tiếng thứ 2,4,6 tuân thủ đúng luật hài thanh của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt: + Tiếng thứ 2 các dòng: suối, lòng, khuya, ngủ: T B B T + Tiếng thứ 4 các dòng: như, thụ, vẽ, lo: B T T B + Tiếng thứ 6 các dòng: hát, lòng, chưa, nước: T B B T</p>
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị hiểu gì về luật thơ của các thể thơ.

- Luyện tập:

Trong buổi chơi xuân, bên mộ Đạm Tiên, Thuý Kiều đã:

“Rút trâm vấn giắt cài đầu

Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần”

Theo em, Thuý Kiều đã làm theo thể thơ nào sau đây:

a. Ngũ ngôn bát cú

b. Thất ngôn bát cú

c. Song thất lục bát

d. Tứ tuyệt

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Học bài nắm được những nội dung cơ bản của bài học và làm bài tập.

- Bài mới:

Soạn bài mới: Tìm hiểu thêm về Luật thơ

Tuần 7:

Ngày dạy:

Tiết 20b: Tiếng Việt:
TÌM HIỂU THÊM VỀ LUẬT THƠ

***Tiến trình bài dạy:**

- Ôn định lớp:

- Kiểm tra bài cũ: Gv kiểm tra vở bài tập của học sinh

* Lờ vào bài:

Tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu và nắm được luật thơ của những thể thơ truyền thống và hiện đại. Bài học hôm nay cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu thêm về luật thơ bằng việc làm một số bài tập

- Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: nhắc lại khái niệm luật thơ? Sự hình thành luật thơ dựa trên các đặc trng nào?</p> <p>Hs: nhớ lại trình bày</p> <p>Gv: phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của khổ thơ đề từ bài thơ: Nay đã phù sa</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Gv: ngắt nhịp, phân biệt vần chân, lng trong đoạn thơ sau:</p> <p>Hs: đọc, trình bày</p> <p>Hãy nhận xét về khổ thơ, số tiếng, vần và nhịp trong đoạn thơ sau:</p>	<p>I, Ôn lại lí thuyết</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật thơ là toàn bộ những quy tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, cách hài thanh, ngắt nhịp trong các thể thơ đọc khái quát theo những kiểu mẫu nhất định.- Sự ht luật thơ và cách tân các thể thơ đều phải dựa trên các đặc trng ngữ âm của tiếng Việt, trong đó tiếng là đơn vị quan trọng. <p>II, Luyện tập:</p> <p>1, Bài tập 1</p> <p>Xa phù du mà nay đã phù sa Xa bay đi mà nay không trôi mất Cho đến đợc lúa vàng đất mặt Phải trên lòng bao trận gió ma qua</p> <ul style="list-style-type: none">- Có 2 vần bao nhau: vần cách: c1-c4 Vần liền: c2-c3- Nhịp: 3/5 và 3/4- Về thanh: c2 và c3 đối nhau về thanh; c1 và c4 giống nhau <p>2, Bài tập 2:</p> <p>Mẹ ta không có yếm đào Nón mê thay nón quai thao đội đầu Rối ren tay bí tay bầu Váy nhuộm bùn, áo nhuộm nâu bốn mùa Cái cò □ sung chát đào chua Câu ca mẹ hát gió đa về trời Ta đi tron kiếp con ngời Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngắt nhịp: 2/2; câu 4: 3/5- Vần lng và chân: đào- thao; đầu-bầu- nâu; mùa-chua- chua-đa; trời- ngời; ngời- lời <p>3, Bài tập 3</p> <p>Mấy hôm trước còn hoa Mới thơm đây ngào ngọt Thoáng nh một nghi ngờ Trái đã liền có thật</p> <p>Ôi! Từ không đến có</p>

<p>Hs: đọc, nhận xét</p> <p>Gv: nhận xét về số tiếng, vần và nhịp trong đoạn thơ sau: Hs: trình bày</p>	<p>Xảy ra nh thế nào? Nay má hây hây gió Trên lá xanh rào rào (Quả sấu non trên cao) - Về số tiếng: 2 khổ mỗi câu 5 tiếng, gần giống thể ngũ ngôn - Về vần: vần cách: ngạt- thật; có-gió; nào-rào - Về nhịp: 3/2; 2/3; 4. Bài tập 4 Ta muốn ôm Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn Ta muốn riết mây đưa và gió lượn Ta muốn say cánh bướm với tình yêu Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều (Vội vàng- Xuân Diệu) - Số tiếng: 3 tiếng, 8 tiếng - Vần: mỗi câu là 1 vần tự do - Nhịp: 3/5 → Đây là thơ mới trong phong trào thơ 1932-1945, thơ tự do</p>
--	--

c, củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị hiểu gì về luật thơ của các thể thơ.

- Luyện tập:

Tìm một bài thơ trong phong trào thơ mới và một bài thơ truyền thống để so sánh sự khác biệt về luật thơ.

d, Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Học bài nắm được những nội dung cơ bản của bài học và làm bài tập.

- Bài mới:

Soạn bài mới: Trả bài làm văn số 1

Tuần 7

Ngày dạy:

Tiết 21 : Làm Văn

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 1: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Hoàn cảnh sáng tác của Tuyên ngôn độc lập

- Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

- Nắm được tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực

b, Về kỹ năng:

- Biết trình bày hoàn cảnh sáng tác của một tác phẩm
- Vận dụng các thao tác nghị luận để làm bài nghị luận văn học

c, Về thái độ:

Có ý thức và tinh thần học hỏi, sửa lỗi để bài viết của mình tiến bộ hơn.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.
- Bài làm của học sinh

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi, vở bài tập

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Tiết trước cô và các em đã làm bài kiểm tra bài viết số 1 với nội dung đề 3 câu, thời gian làm bài 90 phút. Rất nhiều các em chú ý có ý thức tìm tòi, sáng tạo trong bài viết. Bên cạnh đó một số em lại chưa tập trung làm bài. Cô sẽ chữa bài và trả bài cho các em để các em sửa lỗi trong bài của mình.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt					
	I, Nội dung đề kiểm tra					
	1, Ma trận đề					
	Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng
Chủ đề 1, Văn học Văn bản văn học		Nắm được hoàn cảnh sáng tác của một tác phẩm văn học				
		1				2điểm=20%

		2				
	2, Làm văn Nghị luận về một tư tưởng đạo lí và văn học				Viết văn bản nghị luận về tư tưởng đạo lí	
					Viết văn bản nghị luận về một áng văn chính luận Tuyên ngôn độc lập	
					2 8	8điểm=80%
T.số câu	1				2	
T.số điểm	2				8	10điểm
	20%				80%	100%

2, Nội dung đề

1, Câu 1 (2điểm)

Trình bày hoàn cảnh sáng tác Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh?

2, Câu 2 (3 điểm)

Hãy phát biểu ý kiến của mình về mục đích học tập do Unesco đề xướng “ Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”

3, Câu 3 (5 điểm)

Tác phẩm Tuyên ngôn độc lập thể hiện phong cách nghệ thuật của HCM trong văn chính luận: lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn.

Hãy làm sáng tỏ điều đó

II, Đáp án

1, Câu 1 (2 điểm)

Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:

- Chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, phát xít Nhật đang chiếm đóng nước ta đã đầu hàng đồng minh (0,5điểm)

- Trên toàn quốc, nhân dân ta đang nổi dậy giành chính quyền. Ngày 26/8 HCM từ chiến khu Việt Bắc trở về HN, tại căn nhà 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo Tuyên ngôn độc lập. 2/9 trước hàng vạn đồng bào, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VN dân chủ cộng hòa (1,5điểm).

2, Câu 2 (3điểm)

Hs nêu được các ý sau:

- Giải thích câu nói (0,75điểm)

+ Học để biết là học để có tri thức trong mọi lĩnh vực của cuộc sống

+ Học để làm là học để vận dụng tri thức vào thực tế cuộc sống

+ Học để chung sống là học để gia nhập vào cộng đồng từ đó con người có thể khẳng định xác lập giá trị của cá nhân trong mối quan hệ với xã hội

- Mục đích học tập của Unesco đề ra cho thấy tính thiết thực, hữu ích của việc học tập với mọi phương diện của đời sống con người (0,25điểm)

- Mục đích của Unesco đưa ra là hoàn toàn đúng. Chứng minh phân tích tính đúng đắn ấy trong thực tế của một người học sinh, người lao động, công nhân, bác sĩ, kĩ sư...(1,25điểm)

- Ý nghĩa của việc học (0,25điểm)

- Phê phán 1 số quan niệm cho rằng: không cần học vẫn sống được (0,25điểm)

-Đánh giá chung và nêu cảm nghĩ của người viết (0,25điểm)

Bài viết trừ tối đa với học sinh không trình bày được ý nào, sai chính tả và diễn đạt

3, Câu 3 (5 điểm)

- Lập luận chặt chẽ: mở đầu dẫn 2 bản tuyên ngôn của P và Mĩ làm cơ sở pháp lí để đánh tan luận điệu xảo trá của các thế lực thù địch và phe nhóm cơ hội quốc tế. Phần sau kết tội đánh thếp tội ác thực dân Pháp = giọng văn hùng hồn, thuyết phục. Phần cuối tuyên bố nền độc lập của nước VN mới (1điểm)

- Lí lẽ sắc bén: dùng lí lẽ kẻ thù đánh lại kẻ thù, các biện pháp tu từ, từ nối, từ liên kết, đoạn văn ngắn, câu văn dồn dập, giọng điệu khi sục sôi căm thù, khi thiết tha

thương cảm, tình cảm chứa chan của người viết. Lí lẽ giúp lập luận thêm thuyết phục (1,25điểm)

- Dẫn chứng chính xác không ai chối cãi được (1điểm)
- Ngôn ngữ hùng hồn đanh thép khi tuyên bố nền độc lập, khi kết tội tội ác của kẻ thù (1,25điểm)
- Đây là áng văn chính luận mẫu mực thể hiện rõ phong cách nghệ thuật của HCM, là bản tuyên ngôn độc lập thời đại mới (0,25điểm)

Điểm trừ tối đa đối với những bài làm không nêu được các luận điểm, chưa có bố cục rõ ràng, sai nhiều lỗi

Trừ tối đa đối với những bài lạc đề, lan man không rõ ý, không rõ luận điểm

III, Nhận xét bài làm của hs:

1, Ưu điểm:

- Đa số các em nắm được nội dung của đề bài; biết phân bố thời gian hợp lí cho các phần.
- Bố cục bài văn 3 phần rõ ràng, hợp lí
- Một số bài viết trôi chảy, câu văn mượt mà: Nguyễn Ngọc, Công Toàn; Nguyễn Hà

2, Hạn chế

- Bài viết lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả, câu văn chưa rõ ý
- Câu 2 chưa giải thích rõ ràng khái niệm về tư tưởng đạo lí hoặc giải thích còn sơ sài
- Câu 3 lúng túng trong việc lựa chọn ý
- Nhiều bài chưa làm xong: Nguyễn Phúc, Đỗ Công, Trần Định...

IV, Trả bài cho hs

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua tiết trả bài, anh (chị) học được những điều gì?

- Luyện tập:

Sửa bài kiểm tra vào sách bài tập

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được hoàn cảnh sáng tác, cách làm bài nghị luận xã hội và văn học

- Bài mới:

Soạn bài Việt Bắc (phần 2- Tác phẩm).

Tuần 8

Tiết: 22 Văn

Ngày dạy:

VIỆT BẮC : Phần 2- Tác phẩm

(Trích)

Tố Hữu

1. Mục tiêu cần đạt

a, Về kiến thức

- Khúc hồi tưởng ân tình về Việt Bắc trong những năm cách mạng và kháng chiến gian khổ; bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

- Tính dân tộc đậm nét: thể thơ lục bát; kiểu kết cấu đối đáp; ngôn ngữ, hình ảnh đậm sắc thái dân gian, dân tộc.

b, Về kĩ năng :

- Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

- Rèn luyện kĩ năng cảm thụ thơ.

c, Về thái độ :

Thêm tự hào mến yêu quê hương Việt Bắc và con người kháng chiến Việt Bắc.

2, Chuẩn bị của gv và hs

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- Tài liệu tham khảo

- Phương pháp gợi mở, phát vấn

- Phương pháp phân tích, bình giảng, tích hợp

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp

a, Kiểm tra bài cũ :

- CH: Phong cách thơ Tố Hữu?

- Đáp án:

Thơ TH là thơ trữ tình chính trị:

- Thơ TH có giọng điệu rất dễ nhận ra: Giọng tâm tình ngọt ngào, là tiếng nói của tình thân mến.

- Thơ TH giai đoạn sau mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn:

- NT thơ giàu tính dân tộc

* Lờ vào bài: Cùng viết về đề tài *Đất nước* mỗi nhà thơ, văn có 1 cách thể hiện khác nhau, như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Khoa Điềm... riêng Tố Hữu có một đóng góp với đỉnh cao là *Việt Bắc*. Bài học...

b, Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
	I. Tìm hiểu chung

<p>HS đọc tiêu dẫn SGK Gv : Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?.</p> <p>Hs : trả lời</p> <p>Nêu chủ đề của bài thơ?.</p> <p>Em hiểu gì về chiến khu VB? Nó gắn với những sự kiện gì của lịch sử nước ta?</p> <p>Hs : lần lượt trả lời</p> <p>Học sinh đọc bài thơ và cho biết kết cấu của bài thơ như thế nào ?</p> <p>Cuộc chia tay này được diễn ra như thế nào?</p> <p>Hs : trình bày</p> <p>Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì và hiệu quả của những biện pháp nghệ thuật ấy?</p> <p>Trước cuộc chia tay đầy lưu luyến đó tâm trạng của VB được bộc lộ như thế nào?</p> <p>Ngoài việc đưa ra hàng loạt câu hỏi để bộc lộ yêu thương, VB còn muốn nhắn nhủ tới Tg điều</p>	<p>1. Hoàn cảnh sáng tác Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp vừa thắng lợi. Tháng 10-1954 các cơ quan trung ương của Đảng và chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu về xuôi. Trong không khí bịn rịn nhớ thương của kẻ ở người đi, Tố Hữu làm bài thơ này.</p> <p>2. Vị trí: Thuộc phần I (Bài thơ gồm 3 phần)</p> <p>3. Tiêu đề bài thơ □ Việt Bắc□ VB là quê hương của CM : - Bác Hồ đặt chân đầu tiên khi về nước (Pác Bó). - Thành lập MTVM tại hội nghị TW 8 . - Họp quốc dân đại hội 16/8/1945. - Quân CM tiến vào giải phóng Tây Nguyên. - Chiến khu Việt Bắc gắn với rất nhiều chiến công oanh liệt của quân và dân ta trong cuộc K/C chống Pháp cứu nước</p> <p>4. Đọc và tìm hiểu kết cấu. - Đọc với giọng điệu tha thiết, tâm tình, ngọt ngào. - Kết cấu : theo lối đối đáp của ca dao trữ tình</p> <p>II/ Phân tích bài thơ</p> <p>1. Cuộc chia tay lớn và tâm trạng của kẻ ở và người đi. Cuộc chia tay đầy băng khuâng, quyến luyến “bịn rịn” “bồn chồn” giữa kẻ ở và người ra đi. - Kẻ ở lên tiếng hỏi người ra đi. - Người ra đi thì khơi gợi tâm trạng nhớ nhung. - Lối đối đáp cùng với thể thơ lục bát với cách dùng hai đại từ nhân xưng “mình,ta” một cuộc chia tay vĩ đại đầy tâm trạng.</p> <p>* Tâm trạng của Việt Bắc. Mở đầu bài thơ là lời ước hỏi của VB đối với người ra đi “ Mình về mình có nhớ ta”. - VB liên tiếp đặt ra các câu hỏi để gợi nỗi nhớ cho người ra đi : Người đi có nhớ tới ta không? “<i>Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông có nhớ nguồn</i>” không? Có nhớ về</p>
---	--

<p>gi?</p> <p>Hs : trình bày</p> <p>Trước tâm trạng của VB, tâm trạng của Tg được thể hiện như thế nào?</p> <p>Tg nhớ về những gì ở VB ?</p> <p>Hs : trả lời</p> <p>Tg nhớ về những ai và nhớ về họ như thế nào?</p> <p>Hs : trả lời</p> <p>Gv :Đoạn thơ nào diễn tả về cuộc k/c? Nỗi nhớ của nhà thơ được thể hiện như thế nào ?</p> <p>Hs : trình bày</p>	<p>những kỷ niệm không?□</p> <p>=>Sự khát khao bộc lộ lời yêu thương và được yêu thương nhớ nhung của người ra đi.</p> <p>- Một sự nhấn nhủ chân thành của VB cho người ra đi: Anh đi anh có thể quên tôi nhưng anh đừng quên chính anh và đừng bao giờ quên cội nguồn .</p> <p>* Tâm trạng của người ra đi (Tg và các chiến sĩ CM).</p> <p>- Tâm trạng băng khuâng, bồn chồn...</p> <p>- Khẳng định với VB : “ <i>Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh□nghĩa tình bấy nhiêu</i>”.</p> <p>=>Tâm lòng son sắt của tác giả đối với VB.</p> <p>2. Nỗi nhớ về Việt Bắc:</p> <p>a. Nỗi nhớ về thiên nhiên và con người</p> <p>*Cảnh thiên nhiên VB :</p> <p>- Trong những ngày kháng chiến : <i>mưa nguồn suối lũ, trám bùi măng mai, hắt hiu lau xám</i></p> <p>- Cảnh thiên nhiên của VB: Với bốn mùa đầy màu sắc và tràn đầy sức sống:</p> <p>Mùa đông: “ <i>Hoa chuối đỏ tươi</i>” Xuân: “ <i>Mơ nở trắng rừng</i>” Thu: “ <i>Trăng rọi hoà bình</i>”. Hè: “ <i>Ve kêu rừng phách đổ vàng</i>”.</p> <p>* Nhớ về con người :</p> <p>- Những người lao động : Cần cù chịu khó “ <i>Cô em gái hái măng một mình.....Người đan nón chuốt từng sợi giang</i>”.</p> <p>- Người mẹ: Tảo tần nhẫn nại “<i>Nắng cháy lưng..... bắp ngô</i>”.</p> <p>- Người lính : Anh hùng “<i>Quân đitrùng trùng</i>”</p> <p>- Bác Hồ : Tấm gương sáng soi cho mọi thế hệ.</p> <p>=>Điệp từ + liệt kê so sánh cùng với lời thơ tươi vui hào hùng tràn đầy tình cảm sâu nặng của tác giả đối với VB.</p> <p>b. Nỗi nhớ về cuộc kháng chiến và niềm tin của con người.</p> <p>+ Đó là cuộc k/c toàn diện, toàn dân : Những hình ảnh so sánh thơ đọc đáo : <i>đêm đêm rầm rập như là đất rung</i> ; hình ảnh đẹp trong chiến đấu : <i>ánh sao đầu súng</i> ; hình ảnh khẳng định sức mạnh : <i>bước chân nát</i></p>
---	---

<p>Gv : Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p> <p>Hs : trả lời</p>	<p>đá..</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhịp thơ sôi nổi, giọng thơ hào hùng... để thấy khí thế sôi động của cuộc chiến tranh toàn dân. + Niềm tin vào Đảng vào BH : Ở đâu u ám...-> niềm tin vô bờ bến <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1. Nội dung</p> <p>Là bản anh hùng ca ca ngợi một thời k/c gian khổ mà anh hùng, nhất là nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với VB, với nhân dân, đất nước .</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính dân tộc được thể hiện rất sâu sắc : <ul style="list-style-type: none"> + Thể thơ dân tộc lục bát được vận dụng linh hoạt tạo âm hưởng : tha thiết (nổi nhớ), sôi nổi mạnh mẽ hào hùng (ca ngợi cuộc k/c), trang trọng thiết tha(niềm tin biết ơn). + Hình ảnh giàu gợi cảm, sử dụng nhiều biện pháp, thủ pháp nghệ thuật(so sánh, ẩn dụ, tượng trưng ước lệ). - Diễn tả những suy nghĩ tư tưởng tình cảm của con người đất nước gắn với những đạo lí nghĩa tình cách mạng. <p>3. Ghi nhớ : SGK</p>
--	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố :

Em hiểu gì về cách sử dụng cặp đại từ : Mình – Ta

Cảm nhận của anh chị về nghĩa tình cách mạng được thể hiện trong bài thơ ?

- Luyện tập:

Học thuộc lòng đoạn trích

d, Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài:

- Bài cũ :

Học bài nắm được những nội dung cơ bản của bài học và làm bài tập.

- Soạn bài mới :

Tìm hiểu thêm về Việt Bắc

Tuần 8

Tiết: 22* Văn

Ngày dạy:

TÌM HIỂU THÊM VỀ VIỆT BẮC

Tố Hữu

1. Mục tiêu cần đạt

a, Về kiến thức

Cảm nhận được một thời cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng nghĩa tình gắn bó thấm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc với nhân dân với đất nước; qua đó thấy rõ: Từ tình cảm thủy chung truyền thống của dân tộc, TH đã nâng lên thành một tình cảm mới, in đậm nét thời đại, đó là ân tình cách mạng- một cội nguồn sức mạnh quan trọng tạo nên thắng lợi của cách mạng và kháng chiến.

b, Về kĩ năng :

Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại ; biết cách phân tích một số khổ thơ trong bài thơ.

c, Về thái độ :

Thêm tự hào mến yêu quê hương Việt Bắc và con người kháng chiến Việt Bắc.

2, Chuẩn bị của gv và hs

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Tài liệu tham khảo
- Phương pháp phân tích, bình giảng, tích hợp

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp

a, Kiểm tra bài cũ : gv kiểm tra vở soạn của học sinh

* Đặt vd vào bài mới :

Tiết học trước cô và các em đã tìm hiểu xong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu. Tiết học này chúng ta sẽ đi tìm hiểu và cảm nhận một số đoạn thơ, khổ thơ tiêu biểu của bài thơ này.

b. Dạy nội dung bài mới :

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Gv : Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ? Hs : trả lời	1. Hoàn cảnh sáng tác Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp vừa thắng lợi. Tháng 10-1954 các cơ quan trung ương của Đảng và chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu về xuôi. Trong không khí bịn rịn nhớ thương của kẻ ở người đi, Tố Hữu làm bài thơ này.

<p>Gv : Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p> <p>Hs : trả lời</p> <p>Gv : Phân tích đoạn thơ sau : ‘Nhớ gì nh nhớ người yêu Chày đêm nện cối đều đều suốt xa’ Gv gợi ý cho hs lập dàn bài</p> <p>Gv : cảm nhận của anh chị về đoạn thơ sau : ‘Những đồng Việt Bắc của ta</p>	<p>2. Nội dung Là bản anh hùng ca ca ngợi một thời k/c gian khổ mà anh hùng, nhất là nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với VB, với nhân dân, đất nước .</p> <p>3. Nghệ thuật - Tính dân tộc được thể hiện rất sâu sắc : + Thể thơ dân tộc lục bát được vận dụng linh hoạt tạo âm hưởng : tha thiết (nỗi nhớ), sôi nổi mạnh mẽ hào hùng (ca ngợi cuộc k/c), trang trọng thiết tha (niềm tin biết ơn). + Hình ảnh giàu gợi cảm, sử dụng nhiều biện pháp, thủ pháp nghệ thuật(so sánh, ẩn dụ, tượng trưng ước lệ). - Diễn tả những suy nghĩ tư tưởng tình cảm của con người đất nước gắn với những đạo lí nghĩa tình cách mạng.</p> <p>4. Bài tập áp dụng Đề 1 Dàn bài chi tiết a. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Nội dung và vị trí đoạn trích : vẻ đẹp cảnh thiên nhiên và con người Việt Bắc b. Thân bài * Cảnh thiên nhiên : bp so sánh ‘Nhớyêu’ da diết cụ thể mãnh liệt, điệp từ nhớ, nỗi nhớ cụ thể * Cảnh thiên nhiên : trăng, nắng chiều, bản khói song, rừng núi ...Cảnh thiên nhiên hiện lên đa dạng, sinh động trong nhiều khoảng thời gian và không gian khác nhau có những nét riêng biệt độc đáo khác miền quê khác. Cảnh đẹp có phần hoang sơ nhưng không hiu quạnh mà thơ mộng ấm áp * Con người - Gắn bó với cm : đấng cay, thương nhau bát cơm sẻ nửa (4 câu đầu) ; vật chất nghèo nhưng giàu về tình nghĩa ; lạc quan yêu đời gắn bó cùng kháng chiến ; cuộc sống êm ả, bình dị của đồng bào VB (2 câu cuối) - Con người VB nghèo khổ nhưng cần cù thủy chung và ân nặng nghĩa tình</p>
---	--

<p>..... Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng’</p> <p>Gv gợi ý cho hs lập dàn bài</p>	<p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá nt và nội dung bài thơ - Vị trí trong toàn bài <p>Đề 2</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Nội dung đoạn trích : nhớ lại cuộc sống, chiến đấu nơi chiến khu VB và niềm vui chiến thắng <p>b. Thân bài</p> <p>Pt và trình bày suy nghĩ về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc hành quân ra trận thật hùng vĩ ‘rầm rập’ tọng thanh, từ láy, sức chân mạnh của cuộc hành quân, nhịp độ khẩn trương gấp gáp của số lọng người đồng đảo ...sức mạnh tổng hợp làm rung chuyển mặt đất(so sánh), so sánh cùng điệu ‘đêm...rung’...sm đại đoàn kết của quân dân ta, chung sức chung lòng - H/ảnh bộ đội ta hành quân ‘Quân....trùng’ đoàn quân đồng đảo bước đi mạnh mẽ như những đợt sóng dâng trào kéo dài vô tận - H/a dân quân đỏ đuốc soi đường, sáng bừng h/a những đoàn dân quân tiếp lương tải đạn. Bước chân nát đá...cường điệu, ý chí phi thường sm to lớn của nhân dân trong chiến đấu - Niềm lạc quan tin tưởng vững chắc ‘Nghìn đêm...lên’ Ngôn ngữ giàu h/a, ẩn dụ ...bóng đêm đen tối gợi kiếp sống nô lệ. Ánh sáng của niềm tin vào ngày mai chiến thắng huy hoàng - Chiến công dồn dập <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá lại đoạn thơ - Cảm nhận của bản thân
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố :

Cảm nhận của anh chị về một khổ thơ mà anh chị thích nhất trong bài

- Luyện tập:

Viết các đoạn văn phần thân bài cho bài tập 1

d, Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài:

- Bài cũ :

Học bài nắm được những nội dung cơ bản của bài học và làm bài tập.

- Soạn bài mới :

Soạn bài : Phát biểu theo chủ đề

PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ

1, Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức

- Khái quát về phát biểu theo chủ đề.
- Những yêu cầu và các bước chuẩn bị phát biểu theo chủ đề.

b, Về kĩ năng

- Biết chuẩn bị nội dung, xây dựng đề cương để trình bày vấn đề theo chủ đề có sức thuyết phục.
- Biết trình bày vấn đề với thái độ cử chỉ đúng mực, lịch sự; biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với nội dung và cảm xúc.

c, Về thái độ:

Có ý thức hăng hái phát biểu theo chủ đề trong cuộc sống

2, Chuẩn bị của gv và hs

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sgk, sgv Ngữ văn 12, Tập 1
- Tài liệu tham khảo
- Thực hành Nêu vấn đề

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình thực hiện

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề: Trong cuộc sống cũng nh trong lao động học tập có nhiều vấn đề nảy sinh mà mỗi người chúng ta phải phát biểu ý kiến. Để ý kiến của mình có sức thuyết phục, mỗi người phải rèn luyện cho mình những kỹ năng phát biểu cơ bản. Bài học này sẽ giúp chúng ta rèn luyện những kỹ năng cơ bản đó.

b, Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu lý thuyết. -Theo em chủ đề cuộc hội thảo bao gồm những nội dung nào? Hs: trả lời	I. Tìm hiểu chung 1. Đề bài: Chi Đoàn tổ chức hội thảo với chủ đề: Thanh niên học sinh làm gì để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. Anh (chị) hãy phát biểu ý kiến đóng góp cho hội thảo.

<p>Giáo viên gợi ý để học sinh tìm ra giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.</p> <p>-Theo em nên tập trung phát biểu nội dung nào hơn? Vì sao?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>⇒ Từ kết quả phân tích trên giáo viên hướng dẫn học sinh rút ra những nội dung cần thiết để chuẩn bị phát biểu ý kiến.</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: Hãy nêu những yêu cầu của việc phát biểu ý kiến?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập.</p> <p>Giáo viên định hướng hoặc để học sinh tự xác định những ý chính cần có trong bài phát biểu.</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định quan điểm, ý kiến đúng về hạnh phúc và phát biểu để bảo vệ quan điểm đó.</p> <p>Giáo viên hướng dẫn gợi ý để học sinh trình bày quan điểm của mình để xác định quan</p>	<p>* Nội dung :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cuộc sống con người. - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông. - Tuyên truyền ý thức tự giác chấp hành luật giao thông cho mọi người. - Tăng cường công tác giáo dục về luật an toàn giao thông trong nhà trường. <p>2. Các bước chuẩn bị phát biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng nội dung cần phát biểu. + Chủ đề buổi hội thảo. + Những nội dung chính của chủ đề. + Lựa chọn nội dung cần phát biểu. - Dự kiến đề cương cần phát biểu: + Mở đầu: Giới thiệu chủ đề phát biểu. + Nội dung phát biểu: + Kết thúc: khái quát lại nội dung đã phát biểu. <p>3. Phát biểu ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu lời phát biểu phải hướng vào người nghe đã ra đọc cái mới lạ, cái riêng của mình về vấn đề song phải phù hợp với nội dung chủ đề phát biểu để lôi cuốn sự chú ý của người nghe. - Trình bày nội dung phát biểu theo đề cương đã dự kiến, tránh lan man xa đề, lạc đề. - Lời phát biểu cần ngắn gọn, súc tích nhưng cần có những ví dụ minh họa cần thiết. - Trong quá trình phát biểu cần lưu ý điều khiển thái độ cử chỉ giọng nói theo phản ứng của người nghe. <p>II. Luyện tập</p> <p>1. Đề bài 1:</p> <p>Tại cuộc hội thảo phát biểu về chủ đề "Quan niệm về hạnh phúc của tuổi trẻ trong thời đại ngày nay" anh (chị) sẽ phát biểu những ý nào? Lập dàn ý bài phát biểu đó và phát biểu trực lớp.</p> <p>*Y chính cần đạt: Tuổi trẻ ngày nay có nhiều quan niệm khác nhau về hạnh phúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạnh phúc là được làm theo ý thích của mình, là được tự do tuyệt đối không bị phụ thuộc vào ai, vào bất cứ điều gì. - Hạnh phúc là kiếm được nhiều tiền vì có tiền là có tất cả. - Hạnh phúc là được cống hiến và hưởng thụ một cách hợp lí. - Hạnh phúc là thực sự hài hòa giữa hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc của cộng đồng. - Hạnh phúc là mang đến niềm vui, điều tốt đẹp cho mọi người. - Hạnh phúc là có nhiều bạn tốt. <p>2. Đề bài 2: Có nhiều ý kiến cho rằng "Vào đại học là cách lập thân duy nhất của thanh niên ngày nay" ý</p>
---	--

<p>điểm đúng và phát biểu để bảo vệ quan điểm đó.</p> <p>Giáo viên cần yêu cầu học sinh tìm những ví dụ từ thực tế đời sống mà các em biết về những tấm gương tự vươn lên lập thân không phải do đọc học hành đến nơi đến chốn.</p> <p>Gv: +Yêu cầu học sinh đọc kỹ ghi nhớ Sgk. +Giáo viên yêu cầu một số chủ đề để học sinh phát biểu ý kiến trong điều kiện thích hợp với mỗi học sinh.</p>	<p>kiến của anh (chị) thế nào? Hãy phát biểu quan niệm của mình. *Ý chính cần đạt: -Vào đại học là một trong những cách lập thân tốt của thanh niên ngày nay song đó không phải là cách duy nhất vì: +Không phải mọi thanh niên đều có khả năng vào đ- ọc đại học. +Ngoài việc vào đại học, thanh niên còn có nhiều cách lập thân khác nh: học nghề, làm kinh tế gia đình□ -Có nhiều thanh niên dù đã học đại học song vẫn không có khả năng lập thân lập nghiệp. -Trong thực tế cuộc sống có nhiều thanh niên dù không đọc học đại học song vẫn có khả năng và đã lập thân, lập nghiệp tốt. -Việc lập thân phải tùy thuộc vào điều kiện của mỗi người song quan trọng nhất là phải có ý chí và nghị lực vươn lên trong cuộc sống.</p> <p>III. Tổng kết -Học sinh nhớ và hiểu những yêu cầu của việc phát biểu theo chủ đề -Có kỹ năng phát biểu về một chủ đề nào đó trong cuộc sống - Hình dung trước một số tình huống để chủ động giải quyết</p>
--	---

c, Củng cố, luyện tập:

- Củng cố:

Muốn có một bài phát biểu theo chủ đề đạt hiệu quả và thuyết phục, người phát biểu cần chuẩn bị kỹ từ khâu lựa chọn nội dung, dự kiến đề cương chi tiết đến cử chỉ, thái độ, phong cách trình bày phù hợp với chủ đề.

- Luyện tập:

Làm bài tập 1 và soạn bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm.

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Soạn bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm

Tuần 8,9

Ngày dạy:

Tiết: 24- 25 Văn

ĐẤT NƯỚC

(Trích trường ca “Mặt đường khát vọng”)

1. Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức :

- Cái nhìn mới mẻ, sâu sắc về đất nước: đất nước là của nhân dân, do nhân dân sáng tạo, gìn giữ.
- Chất chính luận hoà quyện chất trữ tình và khả năng vận dụng một cách sáng tạo nguồn chất liệu văn hoá, văn học dân gian.

b, Về kĩ năng :

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại
- Làm quen với giọng thơ giàu chất trí tuệ, suy tư.

c, Về thái độ:

Lòng trân trọng yêu quý thơ NKĐ và tình cảm về đất nước, quê hương.

2, Chuẩn bị của gv và hs

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sgk, sgv Ngữ văn 12, Tập 1
- SGK + SGV + Sách tham khảo
- Tranh ảnh minh hoạ về : Chân dung tác giả NKĐ, hình ảnh tươi đẹp của đất nước.
- Thiết kế bài dạy
- Gợi mở, nêu vấn đề, thảo luận

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp

a, Kiểm tra bài cũ :

- CH:

Nêu khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của “Việt Bắc”?

- TL:

* **Nghệ thuật:** Màu sắc dân tộc đậm đà: Ngôn ngữ, thể thơ, Giọng thơ ngọt ngào, Lối nói giàu hình ảnh.

* **Nội dung:** Lòng chung thuỷ, sắt son tình nghĩa của con người kháng chiến. Mang đậm tính chất sử thi, nội dung mang tính thời đại, tính dân tộc sâu sắc

* Giới thiệu bài mới :

Đề tài viết về “ĐN” thật quen thuộc với các thi nhân, cũng như nhiều nhà thơ khác thời chống Mĩ, NKĐ viết trường ca “Mặt đường khát vọng” để thể hiện sự cảm nhận ĐN bằng tình yêu, sự gắn bó máu thịt, niềm tự hào về truyền thống lịch sử. Bài học này cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

b, Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
------------------------	------------------

<p>Gv Hướng dẫn HS tìm hiểu phần TD.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc TD. - Phần TD trình bày những nội dung chính nào? <p>Hs : trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét sau đó nhấn mạnh những thông tin chủ yếu về tiêu sử, phong cách thơ. <p>Gv : Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc VB và gọi một HS đọc lại VB - Hãy chia bố cục ? <p>Hs : trình bày</p> <p>Gv :ĐN gắn liền với những văn hoá gì của dân tộc ? ĐN tưởng thành như thế nào ?</p> <p>Ngoài ra ĐN còn gắn liền với những hình ảnh quen thuộc nào, những con người ra sao?</p> <p>Hs : trả lời</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Khoa Điềm: Sinh năm 1943 tại thôn Ưu Điềm, xã Hoà Phong, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên -Huế. - Quê gốc ở An Cựu, Thủy An, Thành phố Huế. - Ông được tặng Giải thưởng nhà nước về Văn học và nghệ thuật năm 2000. <p>2. Tác phẩm:</p> <p>Đoạn trích "<i>Đất nước</i>" trích từ chơng V trong ca "<i>Mặt trời khát vọng</i>".</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hoàn thành năm (1971) và in lần đầu ở miền Bắc (1974). <p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản - hiểu chú thích :</p> <p>2. Bố cục văn bản : Hai phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần I : 42 câu đầu : Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện lịch sử văn hoá dân tộc, chiều sâu của không gian, chiều dài của thời gian. - Phần II: 47 câu cuối : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước : Đất nước của Nhân dân . <p>3. Hiểu văn bản</p> <p>a. Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hoá dân tộc.</p> <p>* Cội nguồn đất nước :</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Khi ta lớn lên”- “Đất nước đã có rồi” (Quá khứ) (Hiện tại) <p>=> Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyền rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.</p> <p>* Sự cảm nhận đất nước ở phương diện lịch sử - văn hoá :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước được cảm nhận gắn liền với nền văn hoá lâu đời của dân tộc: <ul style="list-style-type: none"> + Câu chuyện cổ tích, ca dao. + Phong tục của người Việt: ăn trầu, bới tóc. - Đất nước lớn lên đau thương vất vả cùng với cuộc trường chinh không nghỉ ngơi của con người : <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, gắn với hình
--	--

<p>ĐN gắn liền với những không gian nào ? Những không gian ấy để lại cho em ấn tượng gì ?</p> <p>Hs : trình bày</p>	<p>ảnh cây tre- biểu tượng cho sức sống bất diệt của dân tộc.</p> <p>+ Gắn với nền văn minh lúa nước, lao động vất vả.</p> <p>- Đất nước gắn liền với những con người sống ân tình thủy chung.</p> <p>=> Đất nước không trừu tượng mà ở ngay trong cuộc sống của mỗi chúng ta.</p> <p>* Sự cảm nhận đất nước ở phương diện chiều sâu của không gian:</p> <p>- Là không gian hò hẹn của tình yêu (Lối chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo)</p> <p>- ĐN là nơi chôn sinh tồn của cả cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ(nơi dân mình đoàn tụ)</p> <p>=> Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.</p> <p>- Đất nước còn là không gian rộng lớn tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả.</p> <p>=> ĐN là những gì gần gũi thân quen gắn bó với cuộc sống mỗi người lại vừa mênh mông rộng lớn.</p>
---	--

c, Củng cố - luyện tập :

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức bài học

- Luyện tập:

Học thuộc đoạn trích

Làm bài tập ở sách bài tập.

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm.

Tuần 9
Tiết: 25 : Văn

Ngày dạy :

ĐẤT NƯỚC

(Trích trường ca “*Mặt đường khát vọng*”)

Nguyễn Khoa Điềm

(Tiếp theo)

*** Tiến trình lên lớp**

- Kiểm tra bài cũ : gv kiểm tra vở soạn của hs

- Giới thiệu bài mới :

Ở tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu bài thơ Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm và thấy nhà thơ có những cảm nhận mới mẻ về đất nước. Bài học này cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu tiếp về bài thơ này.

- Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Gv : chuyển ý</p> <p>Gv :Xét về phương diện là chiều dài thời gian dân tộc thì ĐN tồn tại trong một thời gian “đằng đẳng” . Em hãy tìm dẫn chứng để làm rõ ý trên ? Tác giả suy nghĩ ntn về trách nhiệm của mình đối với ĐN? - Vì sao có thể nói qua cách cảm nhận ấy ĐN vừa thiêng liêng vừa gần gũi ? Hs : lần lượt trình bày</p> <p>- Phần sau của đoạn thơ tập trung làm nổi bật tư tưởng ĐN của nhân dân. Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện và</p>	<p>I. Tìm hiểu chung II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản - hiểu chú thích : 2. Bố cục văn bản 3. Hiểu văn bản a. Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hoá dân tộc. * Cội nguồn đất nước : * Sự cảm nhận đất nước ở phương diện lịch sử - văn hoá : * Sự cảm nhận đất nước ở phương diện chiều sâu của không gian: * Sự cảm nhận ĐN ở phương diện chiều dài thời gian : ĐN được cảm nhận từ quá khứ với huyền thoại “ Lạc Long Quân và Âu Cơ” cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ . * Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN : phải biết hi sinh để bảo vệ đất nước. => ĐN hiện lên vừa thiêng liêng sâu xa , lớn lao vừa gần gũi thân thiết với sự sống mỗi người.</p> <p>b. Tư tưởng cốt lõi : ĐN của nhân dân - Tg cảm nhận ĐN qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống tính cách số phận của nhân dân. + Tình nghĩa thủy chung thấm thiết (núi Vọng Phu</p>

<p>mới của tg về địa lí lịch sử và văn hoá của ĐN ntn ?</p> <p>+ Tg đã cảm nhận đất nước qua những địa danh , thắng cảnh nào ? Những địa danh gắn với cái gì , của ai ?</p> <p>+ Vì sao khi nói về bốn nghìn năm lịch sử của ĐN tg không điểm tên các triều đại cùng bao nhân vật anh hùng trong sử sách ? Đối tượng mà tg muốn nhắc đến là ai ? Vì sao tg lại nhắc đến họ ? (Họ là những con người ntn ?)</p> <p>- Khi nói về truyền thống của nhân dân tg đã chọn những yếu tố văn học dân gian nào để làm sáng tỏ ? Đó là những truyền thống gì ?</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>- Hãy nêu những ví dụ cụ thể và nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của tg ? Vì sao có thể nói chất liệu văn hoá dân gian ở đoạn này gợi ấn tượng vừa quen thuộc vừa mới lạ ?</p> <p>Em hãy nêu chủ đề của đoạn trích ?</p> <p>Hs : trả lời</p>	<p>,hòn trống mái)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sức mạnh bất khuất (Chuyện Thánh Gióng) + Cội nguồn thiêng liêng (hương về đất Tô Hùng Vương) + Truyền thống hiếu học (Cách cảm nhận về núi Bút non nghiêng) + Hình ảnh đất nước tươi đẹp (Cách nhìn dân dã về núi con Cóc, con Gà , dòng sông) <p>=> ĐN hiện lên vừa gần gũi vừa thiêng liêng.</p> <p>- Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN mà nhấn mạnh đến những con người vô danh : Họ âm thầm cống hiến và hi sinh.</p> <p>- Tư tưởng cốt lõi và tụ điểm là ĐN của nhân dân : Vì ĐN là của nhân dân nên ĐN là của ca dao thần thoại - Đây là một định nghĩa giản dị mà độc đáo.</p> <p>- Tg chọn 3 dẫn chứng để nói về truyền thống của nhân dân :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Say đắm trong tình yêu (Yêu em từ thuở trong nôi . + Biết quý trọng tình nghĩa (Biết quý công...) + Quyết liệt trong căm thù và chiến đấu (biết trồng tre ...) <p>=> Sự phát hiện thú vị và độc đáo của tg về ĐN trên các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá với nhiều ý nghĩa mới : Muôn vàn vẻ đẹp của ĐN đều là kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân , của những con người vô danh , bình dị .</p> <p>c. Nghệ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tự do phóng túng . - Sử dụng chất liệu văn hoá dân gian. - Giọng thơ trữ tình - chính trị . <p>4. Chủ đề : Văn bản đã thể hiện một cái nhìn mới mẻ về đất nước : ĐN là sự hội tụ và kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân . Nhân dân là người làm ra đất nước.</p> <p>III. Tổng kết : Ghi nhớ SGK</p>
--	---

***Củng cố - luyện tập :**

- **Củng cố:**
Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức bài học
 - **Luyện tập:**
Học thuộc đoạn trích
Làm bài tập ở sách bài tập.
 - ***Hướng dẫn hs tự học ở nhà:**
 - **Bài cũ:**
Nhắm chắc nội dung bài học
 - **Bài mới:**
Đọc thêm Đất Nước của NĐT
-

Tuần 9
Tiết: 25 b : Đọc thêm

Ngày dạy :

ĐẤT NƯỚC
Nguyễn Đình Thi

1. Mục tiêu cần đạt

a, Về kiến thức:

- Từ mùa thu hiện tại nhớ về mùa thu trong quá khứ
- Niềm vui sướng tự hào được làm chủ đất nước và sức mạnh vùng lên của dân tộc
- Thơ giàu nhạc điệu, nhiều hình ảnh sáng tạo trong cách lựa chọn từ ngữ hình ảnh

b, Về kĩ năng:

Rèn kĩ năng đọc hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại.

c, Về thái độ:

Thêm trân trọng lòng yêu nước của NĐT và bồi đắp lòng yêu đất nước

2, Chuẩn bị của gv và hs

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sgk, Sgv Ngữ văn 12, Tập 1
- Các tài liệu đọc thêm.
- GV gọi mở vấn đề, hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi và thảo luận các câu hỏi

b, Chuẩn bị của hs :

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học

a, Kiểm tra bài cũ : không

* Giới thiệu bài mới :

Đất nước” là bài thơ hay vào bậc nhất của NĐT cũng như nền thơ ca k.c. Nó tiêu biểu cho cảm xúc và cái nhìn đầy chất NT về h.tượng đất nước của NĐT. Cô trò ta cùng

đến với bài thơ để có thể cảm nhận rõ nét t.yêu và năng lực NT tài hoa của nhà thơ trong việc dựng lên bức tượng đài về đất nước.

b, Bài mới.

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
<p>GV yêu cầu HS đọc Tiểu dẫn. Nêu những nét khái quát về tác giả? HS: Thảo luận, trả lời. Gv: Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào? Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: Định hướng phân tích bài thơ ? < đoạn 1: 7 dòng đầu >.</p> <p>GV: Cảm hứng khởi đầu từ 1 buổi sáng mùa thu ở Việt Bắc, trong làn , đầy hương vị thân thuộc của qh " h-ong cốm thơm mới" không khí của m/thu tự do làm sống lại trong lòng tác giả về mùa thu Hà Nội xa . M/thu Hà Nội xa đc thể hiện lên trong tâm trí của nhà thơ ntn?</p> <p>Đoạn 2 : từ câu 8 -> 17. M/thu mới đc gọi ra trong tâm trạng ntn? Những biện pháp tu từ để thể hiện tâm trạng ? Hãy phân tích ?</p> <p>Hs: phân tích</p> <p>Phân tích để thấy rõ cảm xúc tự hào của tác giả về đnc , qh? Trong niềm vui mới tác giả suy nghĩ về đnc ntn?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>I/Giới thiệu chung 1/Tác giả ; SGK 2/ Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác : 1948 - 1955 bài thơ là sự hợp nhất 2 tác phẩm " Sáng mát trong nh sáng năm xa "(1948) và " Đêm mít tinh" (1955) . - Cảm hứng thơ đc ấp ủ trong cả thời gian k.c chống pháp. b. Cảm hứng chủ đạo : Cảm nhận khái quát về đnc , con người Việt Nam trong k.c chống Pháp với cxúc tự hào về đnc, ca ngợi đnc. c. Bố cục : + Phần 1 (7 câu) : Tâm trạng – nỗi nhớ về mùa thu Hà Nội. + Phần 2 (8 câu → câu 21) Cảm xúc về mùa thu ở chiến khu Việt Bắc + Phần 3 (còn lại) Nhận thức tình yêu quê hương – đất nước. ý thức căm thù và quật khởi quật cường. II/ Đọc hiểu văn bản * 7 câu đầu : (Thu Hà Nội) - Thi liệu: mát trong, gió, hương cốm... => mùa thu đặc trưng HN “Người ra đi / đầu không ngoảnh lại => thể hiện ý chí quyết tâm. * 14 câu tiếp theo : (Thu chiến khu) - Câu thơ 5 chữ “mùa thu nay khác rồi” - Lời thơ ngắn gọn, chắc khoẻ nhằm khẳng định sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội, trong nhận thức của con người. - Chú ý các biện pháp nghệ thuật tu từ, ngôn ngữ thơ. + Đứng – vui – nghe : niềm vui, sự hân hoan phơi phới. + Nghệ thuật nhân hóa, lối nói ẩn dụ + Sự phối hợp thanh <i>trắc</i> thanh <i>bằng</i></p>

<p>Chọn và phân tích những câu có sức gợi cảm lớn về hoàn cảnh đnc đau thương trong chiến tranh?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Tìm và phân tích những câu thơ tiêu biểu về đnc anh hùng?</p> <p>Phân tích khổ thơ cuối ?</p> <p>Hs: phân tích</p> <p>Gv chốt ý</p>	<p>=>Bức tranh thu đẹp, lóng lánh niềm vui sướng, tự hào.</p> <p>+ Cụm từ “Nước chúng ta” – trang nghiêm, trang trọng.</p> <p>+ Lặp từ “Những” – hình ảnh đất nước trù phú, mệnh mông.</p> <p>+ Tự láy “đêm đêm”, “rì rào” – sự liên tưởng về mối quan hệ giữa hiện tại và quá khứ.</p> <p>* Những câu thơ còn lại :</p> <p>a/ Đất nước trong đau thương :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cánh đồng quê – chảy máu. - Dây thép gai – đâm nát trời chiều. - Bát cơm chan đầy nước mắt. - Đứa đê cổ – đứa lột da. <p>b/ Đất nước quật khởi :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sức mạnh quật khởi: + Yêu nước. + Căm thù. + Lạc quan CM. - Hình ảnh quật khởi: (khổ cuối) + Hình thức thể hiện : thơ 6 chữ cô đúc, rắn rỏi. + Bút pháp nhân hoá, kết hợp với sự linh hoạt, nhuần nhị trong việc đưa thành ngữ “tức nước vỡ bờ” vào thơ. <p>=> Tạo nên vẻ đẹp hào hùng, tráng lệ về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đoạn thơ đã khái quát được sức vươn dậy thần kỳ của dân tộc Việt Nam chúng ta.</p> <p>Tóm lại, ĐẤT NƯỚC là một tác phẩm thơ gây một ấn tượng mạnh nhờ vào chất chính luận – trữ tình hoà quyện tự nhiên, uyển chuyển.</p> <p>Tác phẩm đã khắc chạm thành công một tượng đài kỳ vĩ bằng thơ về con người Việt Nam. Tổ quốc Việt Nam.</p>
--	---

c, Củng cố , luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Học thuộc lòng bài thơ

d, Hóng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Tìm hiểu Luật thơ

Tuần 9

Ngày dạy:

Tiết: 26 : Tiếng Việt :

LUẬT THƠ

(Tiếp theo)

1, Mục tiêu bài học :

a, Về kiến thức :

- Hiểu và phân tích minh họa được luật thơ của một số thể thơ tiêu biểu đã học.

b, Về kĩ năng :

- Biết vận dụng những kiến thức về thi luật vào việc đọc - hiểu văn bản.

c, Về thái độ :

Có ý thức dựa vào luật thơ để làm thơ phù hợp với tâm lí thời đại

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- Tài liệu tham khảo

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp phát vấn gợi tìm, quy nạp thảo luận nhóm.

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Giới thiệu bài mới :

Luật thơ của các thể thơ truyền thống và hiện đại có những nét khác biệt rất rõ nét.

Để hiểu rõ về điều đó, cô và các em sẽ tìm hiểu tiếp Luật thơ

b, Bài mới:

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
-Gv:Luật thơ là gì ? Yếu tố nào có vai trò quan trọng trong việc hình thành luật thơ Việt Nam ? Hs: trình bày	* Luật thơ của một thể thơ là toàn bộ những quy tắc gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh □đọc khái quát theo một kiểu mẫu ổn định. I. Một số thể thơ phổ biến hiện nay

<p>Một số thể thơ phổ biến hiện nay?</p> <p>Giáo viên cung cấp cho học sinh một bài thơ ngũ ngôn cách luật để so sánh với thể thơ 5 chữ hiện nay. Thơ 5 chữ có đặc điểm gì về số câu, số tiếng, vần thơ, ngắt nhịp?</p> <p>Hs: chỉ ra</p> <p>Giáo viên cung cấp một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt và cho học sinh phân biệt với thơ 7 chữ hiện nay. - Ví dụ: "<i>Bánh trôi nước</i>".</p> <p>Giáo viên lấy ví dụ và yêu cầu học sinh xác định các loại vần.</p> <p>Giáo viên phát vấn và yêu cầu học sinh xác định thanh điệu trong các thi liệu cho sẵn và nhận xét về sự phối hợp bằng trắc.</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Giáo viên cung cấp một số thi liệu về thơ 8 tiếng và yêu cầu học sinh nhận xét về khổ thơ, vần, thanh điệu và nhịp điệu.</p> <p>Gv: Yêu cầu học sinh lấy ví dụ.</p> <p>Giáo viên yêu cầu học sinh đọc lại bài "<i>Đất nước</i>" (Nguyễn Đình Thi) và phân tích các đặc điểm của thể thơ tự do □</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>1. Thể năm chữ</p> <p>a. Khổ thơ: - Có thể có hoặc không có khổ, mỗi khổ có thể có từ 4 dòng trở lên. - Số khổ trong bài có thể nhiều hoặc ít □ Ví dụ: Tiếng thu- LTL</p> <p>b. Vần thơ: đa dạng (gián cách, vần liền, vần giao nhau).</p> <p>c. Hải thanh và ngắt nhịp: - Thanh điệu: Tuy không giống thơ cổ song vẫn đảm bảo sự hài hoà về thanh điệu. - Ví dụ: Tróc sản <i>anh</i> thơ <i>thần</i> Đăm đăm <i>trông</i> nhan <i>về</i> Mây chiều <i>còn</i> phiêu <i>bạt</i> Làng thàng <i>trên</i> đôi <i>quê</i> (Tĩnh quê - Hàn Mặc Tử)</p> <p>- Nhịp điệu: Có thể ngắt nhịp giống thơ ngũ ngôn truyền thống (2-3) hoặc ngắt nhịp khác (3-2).</p> <p>2. Thể bảy tiếng</p> <p>a. Khổ thơ: có thể chia khổ hoặc không mỗi khổ thông có 4 dòng 3 lần điệp vần □</p> <p>b. Vần: Mỗi khổ 1 vần vần liền ở 2 dòng đầu gián cách ở dòng 3 và điệp lại ở dòng 4 (gần với thơ thất ngôn tứ tuyệt).</p> <p>c. Hải thanh và ngắt nhịp: - Thanh điệu có sự đối xứng, hài hoà trong một dòng hoặc giữa hai dòng với nhau, sự hài hoà thanh điệu bằng- trắc thể hiện cố định ở các tiếng 2, 4, 6.</p> <p>3. Thể tám tiếng</p> <p>a. Khổ thơ: Thơ 8 tiếng ít chia khổ.</p> <p>b. Vần: Dùng vần chân là chủ yếu.</p> <p>c. Hải thanh và ngắt nhịp: - Thanh điệu có sự hài hòa bằng trắc, thể hiện ở các tiếng 3, 6, 8 của dòng thơ □</p> <p>4. Thơ tự do:</p> <p>a. Khổ thơ và dòng thơ: Phần lớn không chia khổ, nếu chia khổ thì không đều, dòng thơ không hạn định số tiếng □</p> <p>b. Vần: Thơ tự do có thể có vần hoặc không có vần.</p> <p>c. Hải thanh và ngắt nhịp: - Thanh điệu không cố luật nhưng vẫn nhịp nhàng, cân đối. - Nhịp thơ: Không theo luật mà ngắt nhịp theo cảm xúc, ý nghĩa của mỗi dòng thơ và bài thơ.</p> <p>II. Luyện tập</p> <p>I. Bài tập ở SGK</p> <p>1. Bài tập 1</p>
--	--

<p>GV hd hs thực hiện bài tập SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia nhóm và phân bài tập cho mỗi nhóm - Củng cố, hoàn thiện <p>Hd hs thực hiện bài tập mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu các bài tập. Yêu cầu hs thực hiện - Củng cố, hoàn thiện. 	<p>2. Bài tập 2</p> <p>3. Bài tập 3</p> <p>4. Bài tập 4</p> <p>III. Bài tập mở rộng</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>Phát hiện những câu thơ sau có gì biến đổi so với luật thơ mà em đã học?</p> <p>a. “Bắt phong trần phải phong trần Cho thanh cao mới được phần thanh cao” (Nguyễn Du)</p> <p>b. “Ta với mình, mình với ta Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh” (Tố Hữu)</p> <p>c. “Núi cao chi lắm núi ơi Núi che mặt trời chẳng thấy người thương” (Ca dao)</p> <p>Bài tập 2: Xác định thể thơ luật bằng hay luật trắc của hai bài thơ sau:</p> <p>a. “Tương tư” (Nguyễn Bính)</p> <p>b. “Bạn đến chơi nhà” (Nguyễn Khuyến)</p>
---	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố :

Nắm: Luật thơ của một số thể thơ phổ biến của Việt Nam.

- Luyện tập :

Hoàn thành các bài tập còn lại

d, Hớng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ :

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới :

Tìm hiểu Một số phép tu từ ngữ âm

Tuần 9

Tiết: 27

Ngày dạy:

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM

1. Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức:

- Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ ngữ âm (tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh); Tác dụng nghệ thuật của những phép tu từ ngữ âm nói trên.

b, Về kĩ năng:

Nhận biết phép tu từ ngữ âm trong văn bản; Phân tích tác dụng của phép tu từ ngữ âm trong văn bản: phân tích mục đích và hiệu quả của phép tu từ , sự phối hợp với các phép tu từ khác.

c, Về thái độ:

Có ý thức sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm khi viết văn

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :

a, Chuẩn bị của giáo viên :

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1
- Thảo luận tổ (nhóm) đàm thoại, phát vấn, tích hợp.

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* **Lời vào bài :** Để giúp các em củng cố kthức về một số phép tu từ ngữ âm thường gặp (*tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh*): đặc điểm và tác dụng của chúng....

b, Bài mới

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
<p>Gv: Hướng dẫn HS giải bài tập phần 1. GV: chia nhóm học sinh Yêu cầu HS đọc ngữ liệu và thảo luận theo câu hỏi bài tập. Nhận xét về nhịp điệu, sự phối hợp âm thanh nhằm tạo ra âm hưởng hùng hồn đánh thép cho một lời tuyên ngôn trong đoạn văn sau: GV hướng dẫn HS trả lời bài tập, nhận xét, tổng hợp rút ra kết luận.</p> <p>Gv: phân tích tác dụng của âm thanh nhịp điệu trong việc tạo nên sắc thái hùng hồn thiêng liêng của lời kêu gọi cứu nước sau đây:</p>	<p>I/ Tạo nhịp điệu và âm hưởng cho câu Bài tập 1: - Hai vế câu mở đầu dài- nhịp dàn trải, thể hiện cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc. Vế sau ngắn: dồn dập mạnh mẽ, khẳng định quyền độc lập. - Thay đổi linh hoạt các thanh bằng trắc - Phối hợp nhịp điệu, âm thanh, kết hợp biện pháp tu từ từ vựng, cú pháp.</p> <p>Bài tập 2: Đoạn văn là lời kêu gọi cứu nước phối hợp nhiều yếu tố. -Phép điệp, phép đối: từ ngữ, nhịp điệu, kết cấu ngữ pháp. - Sử dụng vần => Tạo âm hưởng cho đoạn văn.</p> <p>Bài tập 3: Kết hợp sử dụng phép tu từ nhân hoá, các động từ với các yếu tố ngữ âm.</p>

Nhịp điệu và âm hưởng trong đoạn văn sau thích hợp với việc khẳng định ngợi ca sức mạnh ý chí kiên cường của cây tre hình ảnh tượng trưng cho con người VN. Hãy phân tích để làm sáng tỏ

Gv: Hướng dẫn HS giải bài tập phần 2.

Tiếp tục cho HS thảo luận nhóm theo bài tập SGK.

Phân tích tác dụng tạo hình tượng của việc điệp âm đầu trong các câu sau:

Trong đoạn thơ sau, vần nào được lặp lại nhiều nhất? Nêu tác dụng biểu hiện sắc thái của phép điệp vần đó

Hãy phân tích nhịp điệu, sự phối hợp các thanh, lập cú pháp trong đoạn thơ sau:

GV chốt lại tác dụng của các phép tu từ biểu cảm, gợi hình trong văn bản.

GV chuẩn bị đoạn thơ, đoạn văn cho HS luyện tập ở lớp

- Ngắt nhịp (liệt kê)
- Xen kẽ nhịp ngắn dài.
 - Ngắt nhịp giữa chủ ngữ, vị ngữ (không dùng từ là), tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, ý nghĩa khẳng định.

II/ Điệp âm, điệp vần, điệp thanh:

Bài tập 1:

- Lặp lại và phối hợp phụ âm “lừa lượ lậ loè” _trạng thái ẩn hiện.
- Phối hợp các phụ âm: diễn tả trạng thái ánh trăng.

Bài tập 2:

Đoạn thơ lặp nhiều lần vần “ang” =>âm hưởng rộng mở kéo dài. Nó phù hợp với cảm xúc: mùa đông tiếp diễn với nhiều dấu hiệu đặc trưng.

Bài tập 3:

Các yếu tố ngữ âm trong đoạn thơ

- Nhịp điệu
- Phối hợp các thanh trắc-bằng
- Từ láy gợi hình, phép đối từ ngữ, lặp từ ngữ.
- Lập cú pháp (câu 1-3)

Luyện tập:

Tìm các phép tu từ ngữ âm được sử dụng trong các ngữ liệu sau:

- Đoạn thơ (GV tự chọn).
- Đoạn văn (GV tự chọn).

c, Củng cố - luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Chỉ ra phép tu từ ngữ âm và ý nghĩa của nó trong đoạn thơ, đoạn văn đã học trong chương trình.

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Chuẩn bị bài để làm bài viết số 2

Tuần 10

Ngày dạy:

Tiết: 27*

HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1. Mục tiêu bài học

Giúp học sinh:

a. Về kiến thức:

Học sinh ôn tập các bài thơ tác phẩm chính luận đã học: Tây Tiến, Tuyên ngôn độc lập, Việt Bắc...

Nắm đọc các thao tác khi làm bài: so sánh, phân tích, chứng minh, bình luận...

b. Về kĩ năng:

- Nắm đọc kĩ năng và phương pháp làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học trong các văn bản đọc hiểu để viết bài nghị luận về một đoạn thơ trữ tình.

- Vận dụng được khả năng nghị luận văn học để viết bài làm văn phù hợp với yêu cầu của đề bài.

c. Về thái độ

Có ý thức ôn tập kĩ, nắm chắc kiến thức để làm bài đọc tốt hơn

2, Chuẩn bị của gv và học sinh

a. Chuẩn bị của gv

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1

- Nêu vấn đề, thảo luận câu hỏi

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* **Lời vào bài** : Các em đã học xong một số tác phẩm thơ, văn nghị luận. Để viết bài làm văn số 2 nghị luận văn học đạt kết quả cao, hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em cách làm bài nghị luận văn học đối với một số tác phẩm đã học

b, Bài mới

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
-----------------------	--------------------

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh chuẩn bị ở nhà: Đọc phần hướng dẫn chung và thực hiện các yêu cầu ở phần này để có cơ sở làm tốt bài văn.

- Sau đó đọc trước phần gợi ý cách làm bài + t liệu tham khảo.

Hoạt động 2

GV cho HS đọc và thảo luận đề bài 1, 2 - SGK

Chia nhóm và yêu cầu HS trình bày các bước Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho từng đề bài

Gv: Trình bày ý kiến của bản thân về câu nói sau:

“Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”

I. Hướng dẫn chung

1. Ôn tập

- Kiến thức văn học sử trong bài khái quát, kỹ năng đọc hiểu các văn bản: Tây Tiến (Quang Dũng), Việt Bắc(Tố Hữu)....

- Kiến thức và kỹ năng Tiếng Việt trong bài Luật thơ để vận dụng phân tích giá trị biểu cảm, gợi hình, nhạc điệu...trong các bài thơ trữ tình.

- Kiến thức và kỹ năng nghị luận trong bài Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

2. Rút kinh nghiệm từ bài làm văn số 1 để tránh những lỗi về diễn đạt lập luận.

II. Gợi ý một số đề bài

1, Câu 1:

a. Mở bài

- Giới thiệu trực tiếp vấn đề

- Trích dẫn câu nói trên

b. Thân bài

- Giải thích cụm từ “thành công”

- Khẳng định câu nói đó là đúng

- Phân tích và chứng minh (lí lẽ và dẫn chứng): + con vật sống bản năng, hình dạng sẵn bắt do cha mẹ di truyền

+ Con người sinh ra cha có gì rên luyện cố gắng hết sức trong cuộc sống phức tạp đầy khó khăn, vượt lên bất hạnh bản thân sống có ích

- Những người bị dị tật bẩm sinh, những nạn nhân chất độc da cam, đứa trẻ mồ côi cơ nhỡ bị cha mẹ bỏ rơi đã vượt lên hoàn cảnh cố gắng vượt qua nỗi đau vươn lên trong c/s

- Nhiều người gặp thất bại nhưng không lùi bước mà thất bại là cơ sở tiến tới thành công: doanh nhân trẻ, thanh niên làm giàu bằng trí óc đôi bàn tay trở thành ông chủ

- Kđ bản thân trong học tập: cách tự học trau dồi để chiếm lĩnh tri thức, chinh phục đỉnh

<p>Câu 2: Cảm nhận của anh chị về đoạn thơ sau: “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa (Tây Tiến- Quang Dũng)</p> <p>Trình mục đích viết Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh?</p>	<p>cao</p> <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình nguyện đến vùng sâu xa hòa nhập cộng đồng công hiến vượt qua khó khăn... để hòa nhập và hoàn thiện bản thân - Thất bại k chùn bước - Thanh niên ngày nay kđ bản thân góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước, dân tộc <p>2, Câu 2 Gợi ý</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu kq tác giả, tác phẩm - Dẫn dắt đến đoạn thơ cần cảm nhận - Trích dẫn <p>b. Thân bài Phân tích nội dung nghệ thuật của đoạn thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 câu đầu: đem liên hoan văn nghệ có đồng bào địa phương đến góp vui: nhiều a/s, những cô gái miền Tây e thẹn, tình tứ mềm mại e ấp; biện pháp ẩn dụ “hội đuốc hoa” thành ngọn đuốc hoa đem tâm hồn của vc - 4 câu sau: sông nước miền Tây thơ mộng, buồn tĩnh lặng, mênh mang mờ ảo, cảnh đẹp tĩnh lặng buồn thơ mộng - Nét vẽ mềm mại uyển chuyển, tinh tế, bút pháp lãng mạn ẩn dụ, nhân hóa, điệp từ, từ láy từ gợi hình... <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kq nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ - Bồi đắp lòng yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay <p>3, Câu 3 Gợi ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến; kđ quyền tự do và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới; là mốc son lịch sử chói lọi mở ra kỉ nguyên độc lập tự do trên đất nước ta - Bẻ gãy những luận điệu xảo trá của kẻ thù
--	---

c, Củng cố - luyện tập:**- Củng cố:**

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Viết đoạn văn trong phần thân bài cho đề số 2

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:**- Bài cũ:**

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Chuẩn bị bài để làm bài viết số 2

Tuần 10

Ngày dạy:

Tiết: 28- 29

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**1. Mục tiêu bài học**

Giúp học sinh:

a. Về kiến thức

- Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học trong các văn bản đọc hiểu để viết bài nghị luận về một đoạn thơ trữ tình.

- Vận dụng được khả năng nghị luận văn học để viết bài làm văn phù hợp với yêu cầu của đề bài.

b. Về kĩ năng

- Vận dụng các thao tác lập luận phân tích, so sánh, bình luận...để nghị luận về một đoạn thơ trữ tình

- Vận dụng khả năng tìm hiểu đề lập dàn ý để viết bài

c. Về thái độ

Có ý thức và thái độ nghiêm túc trong suốt giờ kiểm tra và cố gắng mức cao nhất để hoàn thành tốt bài kiểm tra

2, Chuẩn bị của gv và học sinh**a. Chuẩn bị của gv**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1

- Nêu vấn đề, thảo luận câu hỏi

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* **Lời vào bài** : Các em đã học xong một số tác phẩm thơ, văn nghị luận. Tiết trước, cô đã hướng dẫn các em tìm hiểu một số đề bài và gợi ý cách làm bài. Hôm nay các em sẽ làm bài viết số 2: Nghị luận văn học

b, Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt				
Gv thiết lập ma trận đề	I, Nội dung đề kiểm tra				
	1, Ma trận đề				
	Mức độ Chủ đề 1, Văn học Văn học Việt Nam	Nhận biết Trình bày những hiểu biết về hoàn cảnh sáng tác Tuyên ngôn độc lập	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao
	1 2				2điểm=20%
2, Làm văn. Nghị luận về một hiện tượng đời sống				Vận dụng kiến thức đã học để viết bài nghị luận về hiện tượng nguồn	

					nước sạch ngày càng bị ô nhiễm	
					1 3	3điểm=30%
	3, Làm văn Nghị luận về một đoạn thơ				Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về đoạn thơ trong bài Tây Tiến	
					1 5	5điểm=50%
		1 2 2 0%			2 8 80%	10điểm 100%
2, Nội dung đề 1, Câu 1 (2điểm)						

Trình bày hoàn cảnh sáng tác tác phẩm Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh?

2, Câu 2 (3 điểm)

Trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề Cuộc sống sẽ ra sao nếu nguồn nước sạch ngày càng vơi cạn?

3, Câu 3 (5 điểm)

Cảm nhận của anh chị về đoạn thơ sau :

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

.....

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

(Tây Tiến- Quang Dũng)

II, Đáp án

1, Câu 1 (2 điểm)

Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:

- Trên thế giới quân đồng minh đang thắng lợi trên các chiến trường, phát xít Nhật ở Đông Dương đã đầu hàng đồng minh (0,5 điểm).

- Ở phía Nam, quân Pháp núp sau quân đội Anh lấy danh nghĩa vào giải giáp quân Nhật; ở phía Bắc, quân Tưởng Giới Thạch đang chuẩn bị vượt biên giới vào nước ta (0,5điểm)

- Nhân dân cả nước nổi dậy giành chính quyền trong cả nước (0,5 điểm)

- Hồ Chí Minh từ chiến khu VB về HN 26.8.1945, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang. 2.9.1945 trước hàng vạn quốc dân đồng bào, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VN dân chủ cộng hòa (0,5 điểm)

2,Câu 2 (3 điểm)

Hs nêu được các ý sau:

a. Mở bài (0,5 điểm)

- Cuộc sống sẽ không tồn tại nếu không có nước

- Con người đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên trong đó có nước sạch

b. Thân bài:

* **Thế nào là nước sạch?** Là nguồn nước có thể dùng cho sinh hoạt của con người, không bị nhiễm bẩn, nhiễm độc (0,25điểm)

*** Vai trò của nước sạch đối với cuộc sống: (0,25 điểm)**

- Là thành phần chủ yếu của con người và các loài sinh vật;

- Là yếu tố không thể thiếu cho sinh hoạt hàng ngày, cho sản xuất của con người;

*** Thực trạng nguồn nước sạch đang bị ô nhiễm, đang ngày càng vơi cạn: (0,5 điểm)**

- Do chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, môi trường bị mất cân bằng sinh thái...;

- Sông hồ bị ô nhiễm nặng, hạn hán tăng và kéo dài,...;

*** Hậu quả nghiêm trọng của nguồn nước sạch ngày càng vơi cạn: (0,5 điểm)**

- Ảnh hưởng tới sức khỏe của con người: suy nhược do thiếu nước;

- Ảnh hưởng tới sản xuất: hạn hán mất mùa, thiếu nước tưới...;

*** Giải pháp: (0,5 điểm)**

- Trước mắt: Tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường...;

- Lâu dài: Tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, trồng rừng, giữ nguồn nước...

c. Kết luận: (0,5 điểm)

- Cạn nguồn nước có thể là thảm họa của cuộc sống

- Trách nhiệm của mỗi người đối với việc tiết kiệm nước sạch và bảo vệ môi trường.

3,Câu 3 (5 điểm)

a. Mở bài (0,5 điểm)

- Tây Tiến là bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Quang Dũng. Bài thơ được Quang Dũng viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh khi ông đã xa đơn vị Tây Tiến một thời gian.

- Đoàn quân Tây Tiến được thành lập vào đầu năm 1947. Những người lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, trong đó có cả học sinh, sinh viên.

- Đoạn thơ cần phân tích là đoạn thứ ba của bài thơ, trong đó Quang Dũng đã khắc họa hình tượng tập thể những người lính Tây Tiến bằng bút pháp lãng mạn, thấm đẫm tinh thần bi tráng

b. Thân bài

***Vẻ đẹp lãng mạn của người lính Tây Tiến (2 điểm)**

Hình tượng tập thể những người lính Tây Tiến được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn với khuynh hướng tô đậm những cái phi thường, sử dụng rộng rãi thủ pháp đối lập để tác động mạnh vào cảm quan người đọc, kích thích trí tưởng tượng phong phú của người đọc.

- Trong bài thơ, Quang Dũng đã tạo được một không khí, chuẩn bị cho sự xuất hiện trực tiếp của những người lính Tây Tiến ở đoạn thơ thứ ba này. Trên cái nền hoang vu hiểm trở vừa hùng vĩ vừa dữ dội khác thường của núi rừng (ở đoạn một), và duyên dáng, mỹ lệ, thơ mộng của Tây Bắc (ở đoạn hai), đến đoạn thơ thứ ba, hình ảnh những người lính Tây Tiến trực tiếp xuất hiện với một vẻ đẹp độc đáo và kì lạ :

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc ...Đêm mơ Hà Nội
dáng kiều thơm

- Quang Dũng đã chọn lọc những nét tiêu biểu nhất của những người lính Tây Tiến để tác nên bức tượng đài tập thể đặng khái quát những gương mặt chung của cả đoàn quân. Qua ngòi bút của ông, những người lính Tây Tiến hiện ra đầy oai phong và dữ dội khác thường. Thực tế gian khổ thiếu thốn đã làm cho người lính da dẻ xanh xao, sốt rét làm họ rụng cả tóc. Quang Dũng không hề che giấu những sự thực tàn khốc đó. Song, cái nhìn lãng mạn của ông đã thấy họ ốm mà không yếu, đã nhìn thấy bên trong cái hình hài tiêu tụy của họ chứa đựng một sức mạnh phi thường. Và ngòi bút lãng mạn của ông đã biến họ thành những bức chân dung lẫm liệt, oai hùng. Cái vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính, qua cái nhìn của ông, vẫn toát lên cái oai phong của những con hổ nơi rừng thiêng. Cái vẻ oai phong, lẫm liệt ấy còn được thể hiện qua ánh mắt giận dữ (mắt trừng gửi mộng) của họ ...

- Cái nhìn nhiều chiều của Quang Dũng đã giúp ông nhìn thấy xuyên qua cái vẻ oai hùng, dữ dằn bề ngoài của những người lính Tây Tiến là những tâm hồn còn rất trẻ, những trái tim rạo rực, khao khát yêu đương (Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm). Như vậy, trong bốn câu thơ trên, Quang Dũng đã tác nên bức tượng đài tập thể

những người lính Tây Tiến không chỉ bằng những đường nét khắc họa dáng vẻ bề ngoài mà còn thể hiện được cả thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ

*** Chất bi tráng của hình tượng người lính Tây Tiến (2 điểm)**

- Khi viết về những người lính Tây Tiến, Quang Dũng đã nói tới cái chết, sự hi sinh nhưng không gây cảm giác bi lụy, tang thương. Cảm hứng lãng mạn đã khiến ngòi bút ông nói nhiều tới cái buồn, cái chết như là những chất liệu thẩm mỹ tạo nên cái đẹp mang chất bi hùng: Rải rác biên cương mồ viễn xứ....Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

- Khi miêu tả những người lính Tây Tiến, ngòi bút của Quang Dũng không hề nhấn chìm người đọc vào cái bi thương, bi lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chìm vào cái bi thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của lí tưởng, của tinh thần lãng mạn. Chính vì vậy mà hình ảnh những nắm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính Tây Tiến. Cái sự thật bi thảm những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu che thân, qua cái nhìn của nhà thơ, lại được bọc trong những tấm ào bào sang trọng. Và rồi, cái bi thương ấy bị át hẳn đi trong tiếng gầm thét dữ dội của dòng sông Mã: Áo bào thay chiếu anh về đất . Sông Mã gầm lên khúc độc hành. Cái chết, sự hi sinh của những người lính Tây Tiến được nhà thơ miêu tả thật trang trọng. Cái chết ấy đã tạo được sự cảm thương sâu sắc ở thiên nhiên. Và dòng sông Mã đã trân trọng đưa tiễn linh hồn người lính bằng cách tấu lên khúc nhạc trầm hùng

- Tóm lại, hình ảnh những người lính Tây Tiến trong đoạn thơ này thấm đẫm tính chất bi tráng, chói ngời vẻ đẹp lí tưởng, mang dáng vẻ của những anh hùng kiểu chinh phu thuở xưa một đi không trở lại.

c. Kết bài (0,5 điểm)

- Tây Tiến là sự kết tinh những sắc thái vừa độc đáo vừa đa dạng của ngòi bút Quang Dũng. Nhà thơ đã sáng tạo được hình tượng tập thể những người lính Tây Tiến, miêu tả được vẻ đẹp tinh thần của những con người tiêu biểu cho một thời kì lịch sử một đi không trở lại.

	- Thơ ca kháng chiến chống Pháp đã miêu tả thành công hình ảnh người lính. Và Quang Dũng, qua bài thơ Tây Tiến nổi tiếng của mình, đã góp vào viện bảo tàng hình ảnh những người lính đó bức chân dung người lính Tây Tiến rất độc đáo của mình.
--	--

c, Củng cố - luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Viết phần thân bài cho đề bài 2

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Soạn tiết đọc thêm: Dọn về làng

Tuần 10

Ngày dạy:

Tiết 30 : Đọc thêm :

DỌN VỀ LÀNG

Nông Quốc Chấn

1. Mục tiêu cần đạt

a, Về kiến thức

- Nỗi thống khổ của nhân dân và tội ác của giặc Pháp ; niềm vui của nhân dân khi quê hương được giải phóng.

- Ngôn ngữ hình ảnh thơ có những đặc sắc riêng, vừa sinh động vừa cụ thể, thể hiện cách cảm nhận riêng của người dân miền núi.

b, Về kĩ năng

Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

c, Về thái độ :

Thêm yêu và gắn bó với mảnh đất quê hương Việt Nam.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :

a, Chuẩn bị của giáo viên

- SGKhoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1

- Phương pháp: Nêu vấn đề, hợp tác nhóm...

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình bài học

a, Kiểm tra bài cũ :

CH: Thành công về nghệ thuật của bài thơ “Đất nước”, tự chọn phân tích 2 câu mà em cho là tiêu biểu?

TL: - Mạch cảm xúc của t.giả đi từ hiện tại đến với quá khứ rồi trở về hiện tại.

+ Giọng thơ p.phú, đa dạng, đậm chất nhạc

+ Ngôn ngữ, h.ảnh thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm, giàu sắc thái hội họa.

+ Từ h.ảnh thực, cụ thể mà nâng lên thành biểu tượng khái quát, hình tượng NT -> Tiêu biểu cho p.cách NT thơ NĐT.

* LỜI vào bài: Mạch cảm hứng về đất nước là mạch cảm hứng chủ đạo và dồi dào trong thơ ca Vn nhất là thơ ca gđoạn 45- 75...

b, Nội dung bài mới:

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
<p>Gv gọi học sinh đọc SGK. - Phân Tiểu dẫn trình bày nội dung gì? Nêu tóm tắt những điều cần lưu ý</p> <p>Hs : trình bày</p> <p>Gv gọi hs đọc văn bản</p> <p>Gv: Xác định chủ đề của bài thơ? Hs: trình bày</p> <p>Gv chia lớp làm 2 nhóm tương ứng với 2 câu hỏi :</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tiểu dẫn</p> <ul style="list-style-type: none">- Nông Quốc Chấn (tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh).- Sinh năm:1923 Quê: Cốc Đán - Ngân Sơn- Bắc Cạn. Là nhà thơ dân tộc Tày.- Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: Chủ tịch Hội văn học khu Việt Bắc,Thứ trưởng Bộ Văn Hoá thông tin - Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.* Sự nghiệp: Tiếng ca người Việt Bắc(1959). Suối và biển(1984)□*Tác phẩm: - Viết về quê hương tác giả trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đau thương mà anh dũng. Bài thơ đọc trao giải nhì tại Đại hội liên hoan Thanh niên sinh viên thế giới tại Béc-lin. <p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Chủ đề: Miêu tả cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao Bắc Lạng và tội ác dã man của giặc Pháp Đồng thời thể hiện niềm vui khi quê hương được giải phóng.</p> <p>2. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">a Nội thống khổ của nhân dân và tội ác của giặc- <i>Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi -> Cách diễn đạt cụ thể của người miền núi về nỗi thống khổ của mình.</i>+ Tội ác của giặc:

<p>Nhóm 1: Nêu những nội dung cơ bản của tác phẩm? Lấy dẫn chứng để chứng minh? Nhóm 2: Nhận xét chung về nghệ thuật?</p> <p>Sau đó gv gọi đại diện nhóm lên trình bày Gv gọi hs khác bổ sung</p> <p>Gv nhận xét, chốt ý</p> <p>Gv tổng kết bài học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <input type="checkbox"/> Giặc Tây lại đến lòng - <input type="checkbox"/> Từng cái lán nó đốt đi trơ trụi <input type="checkbox"/> <p>⇒ Khoét sâu vào mối thù với quân xâm lược. Thể hiện nhận thức tỉnh táo của người dân: biết đọc âm mưu của kẻ thù, biết nén đau thương để vọt lên nỗi đau khổ của chính mình.</p> <p>b. Niềm vui của dân khi đọc giải phóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay <input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/> cời vang <input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/><input type="checkbox"/> <p>Mờ mờ khói bếp bay lên mái nhà lá -> Niềm vui ấy không của riêng ai (nhân dân, bộ đội, tất cả mọi người <input type="checkbox"/> và nhất là nhân vật trữ tình).</p> <p>3. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách nói sinh động cụ thể- hình ảnh gần gũi <input type="checkbox"/> - Bài thơ có cấu trúc lạ, cách diễn tả giàu h/ảnh, xúc cảm dồn nén, lời thơ chân thành, mộc mạc, tự nhiên...và đậm phong cách riêng của nhà thơ dân tộc ít người. <p>4/ Tổng kết: Bài thơ có nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Góp một gương mặt đặc biệt cho nền thơ Việt Nam.</p>
---	---

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Nắm những nội dung và nghệ thuật cơ bản của bài thơ.

- Luyện tập:

Cảm nhận của anh chị về một đoạn thơ hay nhất

d, Hóng dẫn hs tự học ở nhà :

- Bài cũ :

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới :

Tìm hiểu Tiếng hát con tàu ; Đò lèn

Tuần 11

Ngày dạy :

Tiết: 31

Đọc thêm :
TIẾNG HÁT CON TÀU
Chế Lan Viên
ĐÒ LÈN
Nguyễn Duy

1, Mục tiêu cần đạt

a, Về kiến thức :

Sự trăn trở mời gọi lên đường; những kỉ niệm kháng chiến đầy nghĩa tình thấm thiết và khúc hát lên đường sôi nổi say mê; Từ ngữ hình ảnh thơ giàu chất triết lí suy tưởng; C/s lam lũ tần tảo của người bà bên cạnh sự vô tư đến vô tâm của người cháu và sự thức tỉnh của nvtt; Nt s/d từ ngữ hình ảnh cách thể hiện diễn biến tâm trạng nvtt

b, Về kĩ năng :

Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

c, Về thái độ:

Thêm trân trọng những kỉ niệm tuổi ấu thơ, yêu quê hương đất nước mình hơn

2, Chuẩn bị của gv và hs:

a, Chuẩn bị của gv:

- SGK, SGV , giáo án
- Thiết kế bài học
- Các tài liệu tham khảo
- GV gợi mở vấn đề, hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi và thảo luận các câu hỏi

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình dạy học:

a, Kiểm tra bài cũ : không

* Vào bài mới:

Tình cảm với những người thân yêu, những người dân đã che chở cho cách mạng bao giờ cũng là tình cảm thiêng liêng và đáng quý nhất. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu qua 2 bài đọc thêm.

b, Bài mới:

<p>GV gọi HS đọc mục 1 SGK.</p> <p>Tóm tắt tiểu sử, sự nghiệp của Chế Lan Viên?</p> <p>HS: Thảo luận, trả lời.</p> <p>Cho biết hoàn cảnh sáng tác bài thơ?</p> <p>HS: Thảo luận, trả lời.</p>	<h3>A. Bài “Tiếng hát con tàu” (Chế Lan Viên)</h3> <p>I/ Tiểu dẫn</p> <p>1/ Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên : Phan Ngọc Hoan 1920- 1989.- Quê: Quảng Trị, sống ở Bình Định.- Ông tham gia cm , làm báo hế văn nghệ ở liên khu IV -> Hóng ngòi bút vào nhân dân , đ.s cm.- Stác : CLV trải qua con đường thơ nhiều biến động, ông luôn trăn trở , tìm tòi , sáng tạo không ngừng.- Phong cách thơ : + Chất suy tưởng , triết lí - mang vẻ đẹp trí tuệ. + H.a thơ phong phú , sáng tạo.- Tác phẩm tiêu biểu : sgk 110. <p>2/ Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none">- Bài thơ rút từ tập " Ánh sáng và phù sa" - 1960. đc gọi cảm hứng stác từ khi skien nhd miền xuôi lên Tây Bắc xd kinh tế những năm 58 -60. Nhà thơ bị đau ốm , không đi xa đc. Không khí xã hội thôi thúc, tác giả viết bài thơ này.
---	--

<p>GV gọi HS đọc bài.</p> <p>Phân tích ý nghĩa tiêu đề và những câu thơ đề từ của bài thơ?</p> <p>HS: Thảo luận, trả lời.</p> <p>Gv: Phân tích tâm trạng nhà thơ ở 2 khổ thơ đầu?</p> <p>HS: Thảo luận, trả lời.</p> <p>Gv: nhà thơ hồi tưởng những kỉ niệm với Tây Bắc ntn?</p> <p>Phân tích tình cảm của nhà thơ?</p> <p>HS: Thảo luận, trả lời.</p> <p>Gv: Phân tích cảm xúc của nhà thơ phần cuối bài?</p> <p>Hs: phân tích Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật?</p> <p>GV gọi HS đọc Ghi nhớ SGK</p> <p>Giáo viên đọc bài thơ Lu ý: Đây là một bài thơ xúc động về tình cảm bà cháu Vài nét về tác giả? Tác phẩm?</p>	<p>- Bổ cục: sgk 122(hớng dẫn đọc bài).</p> <p>II/ Đọc □ hiểu</p> <p>* <i>Tiêu đề: " Tiếng hát con tàu" -> Biểu tượng cho khát vọng , đi xa, đến những vùng đất xa xôi, với nhân dân, đnc, đó cũng là con tàu tâm hồn của nhà thơ mơ ước tìm về cảm hứng sáng tạo ngt.</i></p> <p>* <i>Câu thơ đề từ :sự hoá thân của tác giả trong niềm vui chung của đất nước khi tổ quốc thôi thúc lên đồng -> Sự hài hoà giữa cái tôi với cái ta chung.</i></p> <p>1/ Khổ 1- 2: sự trần trở giục giã lên đồng. -> Nhg câu hỏi dồn dập -> Sự phân thân để đối thoại với chính mình -> Giọng điệu thôi thúc -> Tâm trạng trần trở, day dứt của nhà thơ trước hành trình lớn lao , thiêng liêng lên Tây Bắc -> Khát vọng lên đồng.</p> <p>2/ 9 khổ thơ tiếp: những hồi tưởng về kỉ niệm với nhân dân trong kháng chiến.</p> <p>- Con gặp lại nhân dân : -> So sánh kếp -> Giọng điệu cảm động -> Niềm hạnh phúc, sung sướng của tác giả khi tìm về với nhd , đc lớn lên trong vòng tay của nhd , đnc, nh tình mẹ -> Mgb sâu nặng ân tình mang nặng lòng biết ơn.</p> <p>- Nỗi nhớ gắn với nhg kỉ niệm về con người trong kháng chiến : anh du kích, em liên lạc , mẹ nuôi.....-> Tình cảm gắn bó ruột thịt với nhd.</p> <p>- Nỗi nhớ thiên nhiên : -> Kết cấu trùng điệp, đối xứng -> Câu thơ đậm chất triết lý về tình nghĩa gắn bó sâu nặng của con người với quê hương, với "đất lạ".</p> <p>- Nỗi nhớ gắn với tình cảm riêng t :-> Nhg h.a so sánh , liên tưởng độc đáo , hình ảnh thơ giàu màu sắc , mới lạ -> Tình yêu nh phép màu của tạo hoá , đem đến sự đổi thay diệu kì cho tâm hồn.</p> <p>3/ Khúc hát lên đồng .</p> <p>- "Đất nướcta gọi" -> nhịp điệu thơ dồn dập , thôi thúc khát vọng lên đồng , đi theo tiếng gọi của tâm hồn , tiếng gọi của đất nước .</p> <p>-> Tây Bắc trở thành người mẹ tâm hồn -. biểu tượng của đnc, nhd. trở về với Tây Bắc là về với cội nguồn - nơi khởi nguồn cảm hứng stao thơ ca - sân ga tình thân mà con tàu tâm hồn tác giả tìm đến.</p> <p>III. Kết luận</p> <p>B . Bài "Đò Lèn" (Nguyễn Duy)</p> <p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Nguyễn Duy: Tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuận. - Là nhà thơ của những vẻ đẹp đời thông, những giá trị khiêm nhường mà bền vững. Thơ ND mang hơi h- ớng ca dao thâm trầm trong triết lý hồn nhiên và hóm hỉnh □</p>
---	---

<p>Bố cục của bài? Nội dung cơ bản của từng phần?</p> <p>Hs: trả lời</p> <p>Nêu những thành công về mặt nghệ thuật của tác phẩm?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>2. Tác phẩm: - Ra đời 9/1983 - Đề Lèn: Quê ngoại của tác giả.</p> <p>II. Đọc hiểu: *Bố cục: 2 đoạn</p> <p>1. 5 khổ thơ đầu</p> <p>Ngồi cháu nhớ lại hình ảnh lam lũ, tần tảo giữa cuộc sống thờng nhật của người bà bên cạnh sự vô t đến mức vô tâm của người cháu.</p> <p>2. Khổ cuối Sự thức tỉnh của người cháu tróc quy luật đơn giản mà nghiệt ngã của cõi đời để càng đau đớn tiếc xót vì th-ơng bà.</p> <p>3. Vài nét nghệ thuật. - Lời thơ giản dị chân thành. - Dùng từ có giá trị tạo hình □ - Sử dụng phép so sánh đối chiếu : + Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần => tương đồng + Giữa thần thánh với bà đặt trong một bối cảnh chiến tranh => tương phản => Tôn vinh, ngợi ca tâm lòng nhân từ cao cả của bà. Khẳng định sự bất diệt của hình ảnh người bà. - Giọng điệu: thành thực, thẳng thắn. Vì thế tạo được dư vị về nỗi ngậm ngùi, đắng xót , ân hận pha lẫn những suy niệm đầy màu sắc triết lí về sự sống con người.</p> <p>4. Kết luận: Bài thơ để lại nhiều dư vị trong tâm hồn, chạm đến cõi sâu kín và thờng nhật trong cuộc sống tình cảm của mỗi con người. Dường như ND vừa nói hộ vừa nhắc nhở cho nhiều người về lẽ sống ở đời, đặc biệt là thái độ sống của mỗi người trong hiện tại đối với những gì gần gũi nhất trong cuộc sống của mình.</p>
---	---

c, Củng cố và luyện tập:

- **Củng cố:**

Nắm những nội dung và nghệ thuật cơ bản của từng bài thơ.

- **Luyện tập:**

Học thuộc lòng các bài thơ

d, Hóng dẫn hs tự học ở nhà:

- **Bài cũ:**

Nắm chắc nội dung bài học

- **Bài mới:**

Thực hành một số phép tu từ cú pháp

Tuần 11

Ngày dạy:

Tiết: 32 : Tiếng Việt

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP

1. Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức :

- Giúp HS nắm được phép lặp cú pháp : lặp kết cấu cú pháp trong văn xuôi, thơ trong một số thể loại dân gian nh thành ngữ, tục ngữ, câu đối hoặc thể loại cổ điển nh thơ Đồng luật, văn biên ngẫu nhằm mục đích tạo giá trị biểu cảm hoặc giá trị tạo hình.
- Phép liệt kê : kể ra hàng loạt sự vật, hiện tượng hoạt động tính chất tương đương có quan hệ với nhau nhằm nhấn mạnh hay tạo giá trị biểu cảm.
- Phép chêm xen : xen vào trong câu 1 thành phần câu đọc ngắt cách = dấu phẩy, gạch ngang, ngoặc đơn để ghi chú một cảm xúc hay 1 thông tin cần thiết.

b, Về kĩ năng :

- Nhận biết và phân tích các phép lặp cú pháp, chêm xen và phép liệt kê trong văn bản
- Cảm nhận và phân tích tác dụng tu từ của các phép tu từ kể trên
- Bước đầu sử dụng các phép tu từ cú pháp trong bài làm văn.

c, Về thái độ

Có ý thức thói quen sử dụng, thực hành một số phép tu từ cú pháp

2, Chuẩn bị của gv và hs:

a, Chuẩn bị của gv:

- SGK, SGV
- Thiết kế bài học
- Các tài liệu tham khảo
- Nêu vấn đề, Thảo luận.

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* Đặt vấn đề:

Để giúp các em củng cố và nâng cao nhận thức về một số phép tu từ cú pháp (phép lặp cú pháp, phép liệt kê, phép chêm xen), đặc điểm và tác dụng của chúng. Hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu tiết Thực hành một số phép tu từ cú pháp.

b. Triển khai bài dạy:

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
<p>Giáo viên chia lớp 2 nhóm, hướng dẫn học sinh làm 2 bài tập sgk.</p> <p>Nhóm 1: bài 1 - Hãy xác định câu có lập cú pháp và phân tích kết cấu cú pháp đó, phép lập đó có tác dụng nh thế nào? Hs: làm việc Gv gọi đại diện nhóm lên trình bày, sau đó bổ sung</p> <p>Nhóm 2: bài 2 Tong tự nh bài tập 1 Gv: So sánh hiện tượng lập kết cấu cú pháp ở bài tập 1 với tục ngữ, câu đối, thơ Đường luật, văn biền ngẫu</p> <p>Gv: từ đó hãy nhắc lại thế nào là lập cú pháp? Hs: trình bày</p>	<p>I. Phép lập cú pháp 1, Bài tập 1: - Lập cú pháp: " Sự thật là □□□□□□□□□□ của Pháp nữa" -> khẳng định nóc ta thành thuộc địa của Nhật chứ không phải của Pháp. - Lập cú pháp: " Sự thật là □□"->có tác dụng khẳng định rõ ta lấy lại Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. - Lập cú pháp: " Dân ta đã đánh đổ□□□□" - Lập cú pháp "Dân ta lại đánh đổ□□"</p> <p>2, Bài tập 2:</p> <p>a. Ở mỗi câu tục ngữ, hai vế lập cú pháp nhờ phép đối chặt chẽ về số lượng tiếng, về từ loại, về kết cấu ngữ pháp của từng vế.</p> <p>b. Ở câu đối, phép lập cú pháp đòi hỏi mức độ chặt chẽ hơn: số tiếng ở hai câu bằng nhau. Hơn nữa, phép lập còn phối hợp với phép đối (đối ứng từng tiếng trong hai vế về từ loại, về nghĩa; trong mỗi vế còn dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa tương ứng)</p> <p>c. Ở thơ Đường luật, phép lập cú pháp cũng đòi hỏi mức độ chặt chẽ cao : kết cấu ngữ pháp giống nhau, số lượng tiếng bằng nhau, các tiếng đối nhau về từ loại và nghĩa (đặc biệt giữa hai câu thực và hai câu luận của bài thất ngôn bát cú)</p> <p>d. Ở văn biền ngẫu, phép lập cú pháp cũng thường phối hợp với phép đối. Điều đó thường tồn tại trong một cặp câu (câu trong văn biền ngẫu có thể dài, không cố định về số tiếng)</p> <p>* Khái niệm</p> <p>Đó là những câu hoặc những đoạn câu có chung một kiểu cấu tạo cú pháp</p>

<p>Phép liệt kê được thể hiện như thế nào trong các câu bên? Nhận xét gì về tác dụng của nó</p> <p>Hs: tìm, phân tích</p> <p>Gv: từ đó hãy nhắc lại thế nào là phép tu từ liệt kê?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: Phép chêm xen khi được trình bày trên văn bản thông có đặc điểm gì? Tác dụng của nó?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: từ đó hãy cho biết thế nào là phép chêm xen?</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>II. Phép liệt kê:</p> <p>a. Các câu trong đoạn văn trích "<i>Hịch tướng sĩ</i>" của Trần Quốc Tuấn có dùng phép lặp cú pháp phối hợp phép liệt kê theo sơ đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phong tiện + thì + ta cho. + Cấp bậc + thì + ta cho. + Hoàn cảnh + thì + ta cho. <p>→ Phép lặp cú pháp cộng với phép liệt kê có tác dụng nhấn mạnh sự chủ cấp đối đãi đầy tình nghĩa của Trần Quốc Tuấn đối với tù tướng của mình trong hoàn cảnh chiến trường.</p> <p>b. Đoạn văn trong "<i>Tuyên ngôn độc lập</i>" có cấu tạo các câu giống nhau theo mô hình C + V + B Lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê nhằm vạch tội ác của bọn thực dân.</p> <p>* Khái niệm</p> <p>Sự sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.</p> <p>III. Phép chêm xen</p> <p>1, Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả phần in đậm trong các câu thuộc a,b,c,d đều ở giữa hoặc cuối câu. - Khi viết chúng đọc tách ra bằng dấu () hoặc dấu phẩy. - Chúng có tác dụng giải thích, ghi chú cho từ ngữ đi trước. Chúng bổ sung thêm sắc thái tình cảm. Thể hiện sự nhìn nhận đánh giá của người viết đối với sự vật hiện tượng mà các thành phần khác thể hiện. <p>* Khái niệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là những từ ngữ (có khi là một tổ hợp từ có dạng một câu trọn vẹn) trong câu, nhưng không coi quan hệ ngữ pháp giữa câu này với phần câu chứa chúng nhằm chi tiết hoá sự việc, làm cho lời văn linh hoạt... - Phần chêm xen trên chữ viết được tách ra bằng dấu ngang cách, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Nắm: Cách nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ cú pháp.

- Luyện tập:

Làm các bài tập còn lại

d, Hóng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

- Bài mới:

Tìm hiểu Luyện tập thực hành một số phép tu từ ngữ âm, tu từ cú pháp.

Tuần 11

Ngày dạy:

Tiết: 32b : Tiếng Việt

Luyện tập

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM, TU TỪ CÚ PHÁP

1, Mục tiêu bài học:

Giúp học sinh:

a. Về kiến thức

- Nắm được một số phép tu từ ngữ âm: (tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh); Tác dụng nghệ thuật của những phép tu từ ngữ âm nói trên.

- Nắm được một số phép tu từ cú pháp: lập kết cấu cú pháp, liệt kê, phép chêm xen

b, Về kĩ năng:

Nhận biết phép tu từ ngữ âm, cú pháp trong văn bản; Phân tích tác dụng của phép tu từ ngữ âm, cú pháp trong văn bản: phân tích mục đích và hiệu quả của phép tu từ , sự phối hợp với các phép tu từ khác.

c. Về thái độ

Có ý thức thói quen sử dụng, thực hành một số phép tu từ cú pháp trong văn bản, bài làm văn

2, Chuẩn bị của gv và hs:

a, Chuẩn bị của gv:

- SGK, SGV, giáo án
- Thiết kế bài học
- Các tài liệu tham khảo
- Ra bài tập, Thảo luận cá nhân

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* Đặt vấn đề:

Tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu thực hành phép tu từ ngữ âm và cú pháp. Để khắc sâu kiến thức về 2 biện pháp tu từ này, hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu tiết Luyện tập Thực hành một số phép tu từ ngữ âm, cú pháp.

b. Triển khai bài dạy:

Hoạt động thầy và trò	Nội dung kiến thức
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập</p> <p>Phân tích tác dụng của việc thay đổi nhịp điệu trong các câu thơ sau:</p> <p>Hs: làm bài tập Sau đó gv gọi lên bảng trình bày</p> <p>Gv: nhận xét về nhịp điệu, sự phối hợp âm thanh trong đoạn thơ sau:</p> <p>Gv gọi hs lên làm bài tập</p>	<p>I. Thực hành các phép tu từ ngữ âm</p> <p>1, Bài tập 1:</p> <p>- Đã yêu thì yêu cho chắc Bằng không trúc trắc thì trúc trắc cho xong (Ca dao)</p> <p>Sự kết hợp hài hòa giữa thanh bằng và thanh trắc trong 2 câu thơ → sự cảm nhận về mối tình trúc trắc của đôi trai gái đọc cụ thể rõ ràng hơn.</p> <p>- Áo chàm đa buổi phân li Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay □ Ngắt nhịp ngắn dài trong câu bát:3/3/2 kết hợp với dấu chấm lửng ở cuối câu → Tâm trạng lưu luyến bịn rịn nhớ thương khó nói nên lời của người cán bộ về xuôi trong giờ phút tiễn biệt với đồng bào Việt Bắc</p> <p>- Đất là nơi anh đến trường Nước là nơi em tắm Đất nước là nơi ta hò hẹn Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm (Đất nước- Nguyễn Khoa Điềm)</p> <p>Nhịp điệu ngắn dài Âm B-T linh hoạt Âm điệu nhẹ nhàng tâm tình thủ thỉ, không khô khan mà tràn đầy cảm xúc, tác giả giải thích đất nước là gì gần gũi quen thuộc trong cuộc sống sinh hoạt của con người</p> <p>2, Bài tập 2</p> <p>Mình đi có nhớ những ngày Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù Nhớ khi kháng Nhật thưở còn Việt Minh (Việt Bắc- Tố Hữu)</p> <p>Nhịp 2/2/2 chẵn Âm hưởng B-T nhịp nhàng; Âm hưởng thiết tha sâu lắng Người ở lại khẳng định tình cảm son sắt nghĩa tình</p>

Gv: phân tích tác dụng của việc điệp âm đầu, phép điệp vần trong các câu thơ sau

Hs làm bài tập
Sau đó gv gọi lên bảng trình bày

Gv: xác định phép lặp cú pháp và cho biết tác dụng của phép lặp đó?
Hs: trình bày

gắn bó sâu nặng với người ra đi; gọi nhắc người ra đi hãy nhớ ân tình cách mạng những năm kháng chiến gian khổ

- Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
.....rừng vây quân thù

(Việt Bắc)

Nhịp chẵn, nhịp điệu câu thơ với âm hưởng mạnh mẽ

Câu thơ giàu hình ảnh

Khắc họa hình ảnh cả dân tộc đứng lên vùng dậy đánh giặc: dựa vào rừng núi, đánh giặc ngay tại chỗ, quân dân cùng đánh giặc

3. Bài tập 3

- Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

Điệp phụ âm “th”, vần điệp âm “ôn” cùng với dấu chấm lửng ở cuối câu → Tâm trạng bịn rịn lưu luyến nhớ thương khó nói giữa người cán bộ về xuôi và đồng bào các dân tộc Việt Bắc

- Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

(Tây Tiến- Quang Dũng)

Điệp vần “ơi” diễn tả nỗi nhớ trải dài theo thời gian và không gian, nỗi nhớ cụ thể gợi thành hình gọi thành tên, nỗi nhớ theo bước đường hành quân, nhớ từng gương mặt từng nụ cười, từng nếp nhà đi qua, từng địa danh đã đến

II, Thực hành về phép tu từ cú pháp

1, Bài tập 1

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho đất nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống mái

Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất tổ

Hùng Vương
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh
thắm

.....Bà Đen bà Đỉm

(Đất nước- Nguyễn Khoa Điềm)

Lập cú pháp: CN+VN kết hợp phép liệt kê

Những danh lam thắng cảnh gắn liền huyền thoại
sự thật về nhân vật trong lịch sử tô điểm bức tranh
cho đất nước ẩn chứa vẻ đẹp tâm hồn con người
VN

- Dẫu xuôi về phương Bắc

.....về anh một phương

(Sóng- Xuân Quỳnh)

Lập kết cấu: dẫu+động từ+địa điểm

Nhấn mạnh sự trào dâng của nỗi nhớ theo không
gian cách trở, nỗi nhớ của người con gái và sự
chia sẻ hi sinh

2, Bài tập 2

- Sóng bắt đầu từ gió

...Khi nào ta yêu nhau

Câu hỏi tu từ → quy luật thiên nhiên vô tận vô
cùng con người đành bất lực, quy luật ty cũng thể
không thể giải thích được

- Trước muôn trùng sóng bể

....Từ nơi nào sóng lên

Nghĩ về cội nguồn của sóng và cội nguồn của ty
đôi lứa

- Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất cũng hóa tâm hồn

Tình cảm gắn bó với mảnh đất, nơi ta đã từng
sống gắn bó. Khi ta đi mới cảm thấy đất hóa thành
tâm hồn

Gv: tìm ví dụ trong các bài đã
học có phép tu từ cú pháp, phân
tích tác dụng của chúng

Gv gọi hs lên bảng làm bài tập

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Nắm: Cách nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ngữ âm, cú pháp.

- Luyện tập:

Tìm tiếp ví dụ có phép lập ngữ âm, cú pháp và phân tích tác dụng của chúng

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

- Bài mới:

Tìm hiểu Sóng của Xuân Quỳnh

Tuần 11,12

Ngày dạy:

Tiết: 33- 34 Văn

SÓNG

-Xuân Quỳnh –

1. Mục tiêu bài học

a, Về kiến thức :

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng sóng
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết sôi nổi nồng nàn nhiều suy tư trăn trở.

b, Về kĩ năng :

Rèn kĩ năng đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại
Rèn kĩ năng cảm thụ thơ

c, Về thái độ :

Bồi đắp ty trong sáng, thủy chung, hi sinh và vị tha trong ty ; Lòng yêu thơ nói chung thơ Xuân Quỳnh nói riêng

2, Chuẩn bị của gv và hs :

a, Chuẩn bị của gv :

- Giáo án, SGK, SGV, thiết kế bài dạy, tài liệu tham khảo.
- Hướng dẫn HS tiếp cận và khám phá TP qua phát vấn, đàm thoại về các h/ả, từ ngữ, âm điệu của bài thơ.
- Kết hợp việc đọc diễn cảm với các hình thức nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại

b, Chuẩn bị của hs :

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* Lời vào bài: Trong thơ ca VN hiện đại, nếu Xuân Diệu được tuổi trẻ xưng tụng là ông hoàng của thơ tình, thì Xuân Quỳnh là nữ hoàng của tình yêu. Với bài thơ “Sóng” ta sẽ thấy rõ...

b, Bài mới.

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv Yêu cầu HS đọc phân tiểu dẫn SGK	I. Tìm hiểu chung:

- Em hãy nêu những nét chính về tác giả Xuân Quỳnh?

Hs: đọc, trả lời

GV giảng thêm: Ngay từ nhỏ XQ đã thiếu thốn tình cảm GD. Cuộc đời đa đoan, nhiều thiệt thòi, lo âu khiến trái tim đa cảm luôn khao khát tình yêu, gấn bó hết mình với cuộc sống, luôn chăm chút nâng niu hạnh phúc bình dị, đời thường.

Gv: Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào ?

Em có nhận xét gì về kết cấu của bài thơ ?

Hs: trình bày

- GV hướng dẫn hs đọc:

Hs: đọc

-GV: Hình tượng bao trùm, xuyên suốt bài thơ là hình tượng *sóng*. Mạch liên kết các khổ thơ là những khám phá liên tục về *sóng*. Hãy phân tích hình tượng *sóng*?

Hs: trình bày

- GV: Hình tượng *sóng* ở khổ thơ thứ nhất đọc nhà thơ diễn tả nh thế nào?

Hs: trả lời

-GV bình : Khi biển động những con *sóng* cồn lên âm ào xô bờ cát

Khi biển lặng những con *sóng* trở nên dịu dàng hiền hoà, mơn man liếm quanh bờ cát
Đây là quy luật rất tự nhiên của *sóng*.

- GV: Từ quy luật tự nhiên của

1. Tác giả:

- Tên thật là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 - 1988)

- Quê làng La Khê, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (Nay là Hà Nội)

- Mẹ mất sớm, ở với bà nội.

- Mồi ba tuổi là diễn viên múa, sau đó trở thành biên tập viên báo Văn nghệ, Nhà xuất bản mới và là uỷ viên BCH hội nhà văn VN

* Đặc điểm thơ XQ: Là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.

- Các sáng tác chính: sgk

2. Tác phẩm:

a. Xuất xứ

- Sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình).

- In trong tập *Hoa dọc chiến hào* (1968).

b. Kết cấu

- Bài thơ có kết cấu song hành giữa hai hình tượng *sóng* và *em*

c. Đọc

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Cảm nhận chung về bài thơ

a. Đề tài: Thiên nhiên và tình yêu

b. Hình tượng thơ:

- Hình tượng trung tâm và xuyên suốt là *sóng* và *em*.

- Thể thơ 5 chữ gọi âm hưởng *sóng* biển - dạt dào nhịp nhàng

- " *Sóng*" và " *em*" -> hình tượng đẹp để diễn tả tình yêu.

Sóng là hình ảnh ẩn dụ cho tâm trạng người phụ nữ khi yêu. *Sóng* là sự hoá thân của *em*.

2. Hai khổ thơ đầu

a. Khổ 1

- Dữ dội >< dịu êm

- ồn ào >< lặng lẽ

-> Trạng thái đối cực của *sóng*

<p>nhà thơ đã bày tỏ điều gì? Hs: trả lời Gv liên hệ: <i>-Anh đã để cuộc đời anh trần trụi đời mắt em / Anh không giấu em một điều gì / Chính vì thế mà em không biết gì tất cả về anh.</i> <i>-Trái tim anh cũng ở gần em nh chính đời em vậy / Nhung chẳng bao giờ em biết trọn nó đâu. (28 - Tago)</i> - Xuân Diệu: “Làm sao cắt nghĩa được tình yêu Có nghĩa gì đâu 1 buổi chiều Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt Bằng mây nhè nhẹ, gió dịu hiu.”</p>	<p>=>Quy luật của tình yêu</p> <p>Bằng trực cảm, = tất cả lòng mình, như 1 lời thú nhận, thành thực, hồn nhiên mà ý nhị, sâu sắc.</p>
---	--

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Trả lời câu hỏi 1,2 sau phần bài học

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới: Tìm hiểu tiếp bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh

Tuần 12

Ngày dạy:

Tiết: 34 Văn

SÓNG
(Tiếp theo)

-Xuân Quỳnh –

***Tiền trình dạy học:**

- Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs
- Lờ vào bài: Trong tiết học trước cô trò ta đã đi tìm hiểu tiết 1 về bài thơ sóng của thi sĩ Xuân Quỳnh, để tiếp tục phân tích hình tượng song hành trong bài thơ này là sóng và em, bài học hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu tiếp bài thơ này
- **Bài mới.**

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv chuyển ý Trong tình yêu XQ đã cho rằng điều gì là thuộc tính? (Nỗi nhớ gắn liền tình yêu, là thước đo của tình yêu) Hs: trả lời theo gợi ý</p> <p>Gv: Yêu là nhớ, có cái nhớ bồn chồn không yên trong ca dao (<i>Nhớ ai □ đong than</i>). Có nỗi nhớ đến thần thờ: <i>Anh xa em, trăng cũng chợt lẻ loi thần thờ</i> (Phú Quang-Hữu Thịnh). <i>Ngồi đi một nửa hồn tôi □ đại khờ</i> (HMT) GV bình:liệt kê so sánh</p> <p>Gv liên hệ</p> <p>"Chuyến tàu đưa anh xa mãi Em vẫn cứ yêu anh □ Bởi vì em biết thủy chung Bởi vì em biết chờ đợi Bởi vì em có niềm tin"</p> <p>Khổ 8:Khác hoàn toàn, khổ 8 còn lại của bài thơ về mạch nghĩ ->Nét riêng XQ Gv giảng</p>	<p>I, Tìm hiểu chung II, Đọc hiểu văn bản 1, Hai khổ thơ đầu 2, Khổ 3 và 4 3. Khổ 5-6-7:</p> <p>- Sóng nhớ bờ: Trong mọi không gian: <i>dối lòng sâu/ trên mặt nước</i> Trong mọi thời gian: <i>ngày / đêm</i> - Em nhớ anh: trong mọi trạng thái: <i>mơ / thức</i> ->Liên tưởng, so sánh, độc đáo thú vị ->Nỗi nhớ thong trực trong lòng người con gái đang yêu -<i>Khi thức khi ngủ -> Nỗi nhớ da diết, sâu lắng nhng mãnh liệt, vô tận. Nó là biểu hiện của một tình yêu sâu sắc, nồng nàn.</i></p> <p>- Lúc nào em cũng nghĩ Hóng về anh một phơng □. ->Sự thủy chung tuyệt đối và niềm tin son sắt của nhà thơ vào tình yêu -<i>cuộc sống:Tình yêu nào rồi cũng đến bờ hạnh phúc .</i></p> <p>4. Khổ 8: Cuộc đời tuy dài thế Năm tháng vẫn đi qua ->Nhạy cảm với sự trôi chảy của thời gian -Niềm lo âu niềm khao khát nắm giữ lấy hạnh phúc trong hiện tại -ý thức sâu về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh khó bền của chặt của tình yêu, hạnh phúc. =>Lo âu, trăn trở</p> <p>5. Khổ 9: Làm sao đợc tan ra Thành trăm con sóng nhỏ □</p>

<p>Giáo viên chuyển: lo âu nhng không thất vọng, tác giả chọn cách c xử tích cực Trong khổ 9, tác giả bày tỏ điều gì?</p> <p>Hs: trình bày theo gợi ý của gv GV bình: Chữ <i>tan ra</i> chưa đủ cường độ để so sánh với <i>nghiên nát</i> của XD vì: . Con sóng XD: mãnh lực nam tính - hưởng thụ. . Con sóng XQ: giàu nữ tính, tìm hạnh phúc ở chỗ dang hiến. -> Sóng hoà nhập vào em để nói lên khát vọng thuỷ chung, hiến dâng trong tình yêu.</p> <p>Gv: Liên hệ với "Tự hát "</p> <p>? Đánh giá chung về nghệ thuật và nội dung bài thơ?</p> <p>Hs: nhận xét</p> <p>Gv gọi hs đọc ghi nhớ sgk</p> <p>Hướng dẫn học sinh luyện tập</p>	<p>->Ước nguyện chân thành được hoà mình vào biển lớn, vào tình yêu cuộc đời ->Khát vọng sống hết mình cho tình yêu với sự hi sinh, dang hiến Qua hình tượng “sóng”, trên cơ sở khám phá sự tương đồng, hoà hợp giữa sóng và em, bài thơ diễn tả tình yêu của người phụ nữ thiết tha, nồng nàn, chung thuỷ, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Từ đó thấy được tình yêu là một tình cảm cao đẹp, một hạnh phúc lớn lao của con người.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo hình tượng Sóng, ngôn ngữ hồn nhiên, đầm thắm, chân thành. - Thể thơ 5 chữ: nhịp nhàng. - ẩn dụ, hình ảnh giàu sức gợi <p>2. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 tâm hồn phụ nữ luôn khao khát, chân thành nồng hậu và dám bày tỏ khát vọng của mình trong tình yêu. - 1 tình yêu đắm thắm, thuỷ chung, hiến dâng. - T.yêu thành 1 giá trị văn hoá lớn đã được chọn lọc qua tâm hồn ng phụ nữ VN nồng nàn mà đôn hậu. <p>IV. Luyện tập: Những câu thơ, bài thơ so sánh ty với sóng và biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Sóng tình ... lả lơi” (TK - ND). - “Anh xa cách em ... phương em”; (<i>Chùm nhỏ thơ yêu</i> - CLViên) - “Anh xin làm sóng biếc ... ngày đêm”. (<i>Biển</i> - XD).
--	--

- **Củng cố và luyện tập:**

- **Củng cố:**

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Viết cảm nghĩ của bản thân về hình tượng sóng trong bài thơ

- Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới: Tìm hiểu Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận

Tuần 12

Ngày dạy:

Tiết: 35 : Làm văn

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu cần đạt:

a. Về kiến thức :

- Yêu cầu và tầm quan trọng của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận

- Cách vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một bài văn nghị luận .

b. Về kĩ năng:

- Nhận diện đọc tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một số văn bản

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt để viết bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý về hiện tượng đời sống về một tác phẩm văn học và về 1 ý kiến bàn về văn học

c. Về thái độ:

Có ý thức sử dụng tốt, nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt khi viết văn nghị luận.

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của gv :

- Giáo án, SGK, SGV, thiết kế bài dạy, tài liệu tham khảo.

- Kết hợp các hình thức nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại, thảo luận nhóm

b, Chuẩn bị của hs :

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

3. Tiến trình dạy học:

a, **Kiểm tra bài cũ:** kiểm tra vở soạn của hs

* **Đặt vấn đề:** Muốn viết bài văn nghị luận hay, hấp dẫn, người viết cần vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận: chứng minh, bác bỏ, phân tích, giải thích □ Và cho bài nghị luận bớt khô khan trừu tượng, người viết cần vận dụng kết hợp các phong thức biểu đạt: tự sự miêu tả, biểu cảm □ Đó cũng chính là mục đích của bài học này.

b. **Triển khai bài dạy:**

Hoạt động GV và HS	Nội dung kiến thức
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập trên lớp: Chia lớp làm 2 nhóm, lần lượt trả lời câu hỏi</p> <p>Nhóm 1: Vì sao trong bài văn nghị luận chúng ta có những lúc cần vận dụng kết hợp các phong thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm?</p> <p>Hs: làm việc nhóm</p> <p>Nhóm 2: Muốn cho việc vận dụng các phong thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì? Cho ví dụ? Sau đó gv gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày, gv gọi hs khác nhận xét bổ sung Gv chốt lại nội dung</p> <p>Gv chia 2 nhóm tương tự nh ở bài tập 1</p> <p>Nhóm 1: Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt thuyết minh trong văn NL có mục đích gì?</p> <p>Nhóm 2: Tác dụng của việc sử dụng thao tác thuyết minh trong văn NL?</p> <p>Gv gọi đại diện 2 nhóm trình bày,</p>	<p>I. Luyện tập trên lớp. 1. Bài tập 1: a. Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phong thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm vì: + Khắc phục hạn chế của văn nghị luận đó là sự khô khan, thiên về lí tính khó đọc. + Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự cụ thể sống động cho văn nghị luận.</p> <p>b. Yêu cầu của việc kết hợp các phong thức biểu đạt trong văn nghị luận: - Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính luận. ở đây kiểu văn bản chính luận dứt khoát phải là văn nghị luận - Kể, tả, biểu cảm chỉ là những yếu tố kết hợp Chúng không đọc làm mất làm mờ đi đặc trng nghị luận của bài văn. - Các yếu tố kể, tả, biểu cảm khi tham gia vào bài văn nghị luận thì phải chịu sự chi phối và phải phục vụ quá trình nghị luận.</p> <p>2. Bài tập 2: Vận dụng kết hợp phong thức biểu đạt thuyết minh trong văn nghị luận: - Thuyết minh là thao tác giới thiệu trình bày khách quan chính xác về tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Trong đoạn trích, người viết muốn khẳng định sự cần thiết của chỉ tiêu GNP. Để làm cho bài viết của mình thuyết phục ngoài việc sử dụng các thao tác lập luận người viết còn vận dụng các thao tác thuyết minh giới thiệu một cách rõ ràng chính xác về chỉ số GDP và GNP ở Việt Nam - Tác dụng ý nghĩa của việc sử dụng thao tác thuyết minh: + Hỗ trợ đắc lực cho sự bàn luận của tác giả nó đem lại những hiểu biết thú vị. + Giúp người đọc hình dung vấn đề một cách cụ thể và hình dung mức độ nghiêm túc của vấn đề</p>

<p>gọi hs khác nhận xét Sau đó gv bổ sung và chốt lại nội dung</p> <p>Hs viết bài theo sự lựa chọn của cá nhân Về một nhà văn mà em thích nhất (Yêu cầu ngắn gọn, súc tích dựa theo gợi ý của SGK) Hs: làm bài dựa theo gợi ý của gv</p> <p>Giáo viên hướng dẫn làm bài ở nhà</p> <p>Gv gọi hs đọc phần ghi nhớ trong sgk, 161 Hs: đọc</p>	<p>3. Bài tập 3: Viết bài văn nghị luận. Chủ đề: Nhà văn mà tôi hâm mộ - Học sinh tham khảo Thạch Lam (Nguyễn Tuân) Ví dụ viết về nhà văn Tố Hữu Các luận điểm: - Tố Hữu là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng VN, chặng đồng thơ gắn với chặng đồng cách mạng của dân tộc - Là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn, thơ ông đậm đà tính sử thi và tính dân tộc - Trong rất nhiều sáng tác, tập thơ Từ ấy là tiếng reo vui của người thanh niên khi bắt gặp lí tưởng cộng sản, đọc chia làm 3 phần: Máu lửa, xiềng xích, giải phóng - ấn tượng nhất với tôi là bài thơ Từ ấy - Khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ (Chú ý kết hợp các phong thức biểu đạt trong văn nghị luận để viết bài)</p> <p>II. Luyện tập ở nhà. 1. Trả lời: Cả hai nhận định đều đúng vì: - Một bài văn nghị luận chỉ hấp dẫn khi sử dụng kết hợp các phong thức biểu đạt nếu không nó dễ sa vào trừu tượng khô khan. 2. Viết bài với chủ đề: Gia đình trong thời hiện đại.</p> <p>III. Ghi nhớ.</p>
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Hãy nhắc lại nội dung kiến thức bài học

- Luyện tập:

Làm bài tập 2 còn lại

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học về các phong thức biểu đạt trong văn nghị luận, biết vận dụng vào việc làm bài

- Bài mới:

Tìm hiểu: Thực hành luyện tập vận dụng các phong thức biểu đạt trong văn nghị luận.

Tuần 12

Ngày dạy:

Tiết: 35* : Làm văn :

THỰC HÀNH

LUYỆN TẬP KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu cần đạt:

a. Về kiến thức :

- Yêu cầu và tầm quan trọng của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận

- Cách vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một bài văn nghị luận .

b. Về kĩ năng:

- Nhận diện đọc tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một số văn bản

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt để viết bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý về hiện tượng đời sống về một tác phẩm văn học và về 1 ý kiến bàn về văn học

c. Về thái độ:

Có ý thức sử dụng tốt, nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt khi viết văn nghị luận.

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của gv :

- Giáo án, SGK, SGV, thiết kế bài dạy, tài liệu tham khảo.

- Kết hợp các hình thức nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại, làm bài tập

b, Chuẩn bị của hs :

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* **Đặt vấn đề:** Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận. Để khắc sâu nội dung luyện tập, hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu Thực hành vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận

b. Triển khai bài dạy:

Hoạt động GV và HS	Nội dung kiến thức
<p>Giáo viên : hãy nêu vai trò của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận?</p> <p>Hs: nhắc lại</p>	<p>I. Lí thuyết</p> <p>1, Vai trò phương thức biểu đạt trong văn nghị luận</p> <p>- Phương thức biểu đạt trong văn nghị luận luôn đóng vai trò chủ đạo</p> <p>- Tuy nhiên ngoài làm văn nghị luận vẫn có thể và nên vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh.... Việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận phải xuất phát từ yêu cầu và mục đích nghị luận</p> <p>2, Hiệu quả</p> <p>Nếu đọc sử dụng hợp lí và khéo léo các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm có thể làm cho bài, đoạn văn trở nên đặc sắc, có sức thuyết phục, hấp dẫn, từ đó hiệu quả nghị luận đọc nâng cao</p>

Gv: Viết một bài nghị luận có sử dụng kết hợp các phong thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm về một gia đình thời hiện đại
Gv: gợi ý hs lập dàn bài chi tiết
Hs: lập dàn ý, gv gọi 2 hs trình bày sau đó bổ sung, chốt ý

Gv yêu cầu hs viết đoạn phân thân bài, sau đó gọi hs đọc
Hs khác nhận xét, góp ý

Gv: Viết một bài nghị luận có sử dụng kết hợp các phong thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm về đề bài sau: Theo anh (chị) Làm thế nào để môi trường sống của chúng ta ngày càng sạch đẹp?
Gv: gợi ý hs lập dàn bài chi tiết
Hs: lập dàn ý, gv gọi 2 hs trình

II, Bài tập vận dụng

1, Bài tập 1

Gia đình thời hiện đại

- Giới thiệu về một gia đình có 3 thế hệ chung sống (ông, bà, bố mẹ, con cái- tự sự)
- Đặc điểm, tính cách, cách cư xử, lối sống trong gia đình, quan hệ với xóm làng (miêu tả, tự sự, biểu cảm, thuyết minh)
- Một sự cố xảy ra (đứa cháu bị bắt cóc, bà nội ốm nằm viện...) và cách xử thế của các thành viên (tự sự, biểu cảm)
- Suy nghĩ của người viết (nghị luận)

2, Bài tập 2

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Trong bài văn nghị luận không cần vận dụng các phong thức biểu đạt nh tự sự, miêu tả, biểu cảm

- a. Đúng b. Sai

Câu 2: Vì sao cần vận dụng hợp lí các phong thức biểu đạt trong bài văn nghị luận?

a. Vì việc vận dụng hợp lí các phong thức biểu đạt trong bài văn nghị luận sẽ hỗ trợ cho các thao tác lập luận

b. Vì việc vận dụng hợp lí các phong thức biểu đạt hỗ trợ cho thao tác lập luận sẽ giúp cho việc trình bày rõ ràng, minh bạch, bộc lộ rõ hơn thái độ suy nghĩ riêng của bài viết thu hút sự chú ý, làm bài viết sinh động hấp dẫn

c. Vì việc vận dụng hợp lí các phong thức biểu đạt liên quan đến y/c mở nghị luận của bài viết

d. Vì các thao tác lập luận không đủ để làm rõ rõ vấn đề trình bày

3. Trong bài nghị luận, việc lựa chọn các phong thức biểu đạt xuất phát từ điều gì?

- a. Từ mở của người viết
 - b. Từ nội dung vấn đề nghị luận
 - c. Từ y/c và mở nghị luận
 - d. Từ phạm vi của đề tài
- 1b; 2b; 3c

3. Bài tập 3

a, MB:

Giới thiệu vấn đề sạch và đẹp trong xã hội hiện nay

b. TB:

*. Sạch là gì? đẹp là gì? (không ô nhiễm, bụi bẩn... ưa nhìn, có sự hài hòa, phù hợp)

*. Xã hội ta đã sạch và đẹp chưa?

<p>bày sau đó bổ sung, chốt ý</p> <p>Gv yêu cầu hs viết đoạn phân thân bài, sau đó gọi hs đọc</p> <p>Hs khác nhận xét, góp ý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cũng có nơi sạch, đẹp: vườn hoa, công viên, danh lam thắng cảnh, khu phố văn minh... - Nhiều nơi chưa sạch, đẹp : ăn mặc không hợp mỹ quan, xả rác bừa bãi, ô nhiễm môi trường... *. Vai trò của một môi trường xanh, sạch, đẹp : <ul style="list-style-type: none"> - Tránh bệnh tật ; - Tăng mỹ quan ; - Có lợi cho sức khỏe. *. Cần làm gì để đất nước sạch và đẹp ? <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh khu dân cư, trồng cây xanh... - Xử lí nghiêm các trường hợp làm ô nhiễm môi trường, hủy hoại mỹ quan... c. Kb : <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò quan trọng của môi trường đối với chất lượng cuộc sống con người - Cần làm sạch và đẹp môi trường sống, đó là trách nhiệm của mọi người.
--	---

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Hãy nhắc lại nội dung kiến thức bài học

- Luyện tập:

Viết đoạn văn trong phần thân bài cho bài tập 3

d. Hóng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học về các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận, biết vận dụng vào việc làm bài

- Bài mới:

Tìm hiểu: Soạn bài Đàn ghi ta của Lorca

Tuần 12

Ngày dạy:

Tiết: 36 : Văn

Đọc thêm :

ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA

-Thanh Thảo-

1, Mục tiêu bài học:

a. Về kiến thức :

- Hình tượng đẹp đẽ cao cả của nhà thơ- chiến sĩ Lor-ca.
- Hình thức biểu đạt mang phong cách hiện đại của Thanh Thảo.

b. Về kĩ năng :

Đọc hiểu một tác phẩm thơ trữ tình, bồi dưỡng năng lực cảm thụ thơ
 Làm quen với cách biểu đạt mang đậm dấu ấn của trường phái siêu thực

c. Về thái độ :

Thông xót, tự hào, cảm phục sự hi sinh cao cả vì nghệ thuật và nền chính trị tiến bộ Tây Ban Nha của Lorca.

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a, Chuẩn bị của gv :

- Giáo án, Sgk, Sgv, tài liệu tham khảo
- Đọc diễn cảm.
- Kết hợp phát vấn, giảng bình, thảo luận nhóm.

b, Chuẩn bị của hs :

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

* Ổn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ.

- Câu hỏi :

Đọc bài thơ Sóng và phân tích vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong bài thơ.
 Chỉ ra những nét đặc sắc của nghệ thuật trong bài thơ ?

-Đáp án :

Hs đọc thuộc theo văn bản trong sgk. Khát vọng sống, khát vọng yêu mãnh liệt cháy bỏng, táo bạo, dâng hiến hết mình trong tình yêu, sự hi sinh cao thượng, thủy chung hết mình trong tình yêu.

* Đặt vấn đề vào bài mới :

Nói tới Lorca là chúng ta nhớ ngay đến nhà cách tân nghệ thuật và người nghệ sĩ vĩ đại của nóc Tây Ban Nha thế kỉ XX. Cuộc đời ông mãi là bản hùng ca vĩ đại nhng cũng đầy bi thương của một con người cống hiến và hi sinh. Xúc động trước sự ra đi ấy và cảm phục sự hi sinh cống hiến vì nghệ thuật, nhà thơ Thanh Thảo đã làm nên thi phẩm Đàn ghi ta của Lorca.

b. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức
<p>HD1:HD Hs tìm hiểu Tiểu dẫn (sgk). - GV yêu cầu 1 Hs đọc Tiểu dẫn (sgk). - GV: Hãy trình bày những nét chính về nhà thơ Thanh Thảo; Những tác phẩm tiêu biểu và đặc</p>	<p>I/ Giới thiệu chung: 1/ Tác giả: (Sgk) 2/ Sự nghiệp: a/ Tác phẩm: (Sgk) b/ Đặc điểm thơ: - Là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.</p>

<p>điểm của thơ Thanh Thảo. Hs: trình bày</p> <p>-GV: Bổ sung các kiến thức về Lor-ca; về trào lưu văn học siêu thực; về trào lưu văn học tượng trưng...</p> <p>-GV: Gọi 1 Hs đọc bài thơ. Cho hs xác định bố cục. Hs: trình bày -GV: Nhận xét cách chia bố cục của hs và điều chỉnh, bổ sung.</p> <p>-GV: Theo em qua bài thơ nhà thơ muốn nói lên điều gì? - Khắc hoạ cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lý tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất. - Thể hiện niềm ngưỡng mộ và xót thương của tác giả đối với Lor-ca.</p> <p>HD2: HD Hs tìm hiểu bài thơ: - GV: đọc lại 18 dòng thơ đầu.</p> <p>GV: Em có suy nghĩ gì khi bắt gặp h/ả “Áo choàng đỏ gắt”, “tiếng đàn ghi ta...?”</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>-GV: Các h/ả “đi lang thang, vàng trắng chéng choáng, yên ngựa mỗi mòn, hát nghêu ngao, li la...” giúp ta liên tưởng đến điều</p>	<p>- Thể hiện sự cách tân thơ Việt: đào sâu cái tôi nội cảm; cách biểu đạt mới với câu thơ tự do, xoá bỏ ràng buộc khuôn sáo bằng nhịp điệu, cách gieo vần...</p> <p>3/Bài thơ: a/ <i>Xuất xứ:</i> - Rút trong tập “Khôi vương Ru – bích”. - Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực. b/ <i>Bố cục:</i> Gồm 4 phần: * Câu 1 – 6: Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật TBN. * Câu 7- 18: Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật. * Câu 19- 22: Niềm xót thương Lor-ca. * Câu 23- 31: Suy tư về cuộc giải thoát và cách giải tử của Lor-ca.</p> <p>II/ Đọc - hiểu văn bản: 1/ Hình tượng nghệ sĩ Lor-ca: a/ Lor-ca, một con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị và nghệ thuật TBN:</p> <p>- <i>Áo choàng đỏ:</i> + Gọi bản sắc văn hoá TBN. + H/ả Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị TBN độc tài lúc bấy giờ. - <i>Tiếng đàn:</i> + Ghi ta: nhạc cụ của người TBN. + Tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật - <i>Đi lang thang; vàng trắng chéng choáng; yên ngựa mỗi mòn; hát nghêu ngao; li la....:</i> + Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do. + Sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật TBN già cỗi.</p>
---	---

gì?

Hs: trình bày

-GV dẫn dắt chuyển ý: Từ bối cảnh chính trị và nghệ thuật TBN lúc bấy giờ → số phận bi thương của Lor-ca.

-GV: Tác giả đã tái hiện cái chết oan khuất của Lor-ca qua các h/ả, chi tiết nào?

Hs: trình bày

-GV: Cảm nhận của em về các bpnt được tác giả sử dụng trong bài thơ?

(ý nghĩa của các bpnt đó?)

Gv chia nhóm: 3 nhóm

Hs liệt kê các bpnt, thảo luận nhanh giữa các thành viên trong bàn về ý nghĩa của các bpnt và trình bày trước lớp.

Đại diện nhóm lên trình bày (Khuyến khích những cách hiểu riêng).GV: Nhận xét, giảng giải bổ sung và cho hs ghi vở những nét cơ bản.

GV: Đọc phần thơ còn lại.

-GV: Theo em, Lor-ca muốn nhắn gửi thông điệp gì qua câu nói “khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”?

-GV: Cho hs nêu cảm nhận 4 câu

b/ Lor-ca và cái chết oan khuất:

- Hình ảnh:

+ Áo choàng bê bê đỏ – Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.

+ Tiếng ghi ta:

. nâu: trầm tĩnh, nghĩ suy.

. xanh: thiết tha, hy vọng.

. tròn bọt nước vỡ tan: bàng hoàng, tức tưởi.

. rờn rờn máu chảy: sự đau đớn, ghen

ngào.

=> Âm nhạc đã thành thân phận, tiếng đàn thành linh hồn, sinh thể.

- Biện pháp nghệ thuật:

+ Đối lập:

Hát nghêu ngao >< áo choàng bê bê đỏ

↓ ↓
khát vọng >< hiện thực phũ phàng
(giữa tiếng hát yêu đời vô tư , giữa tình yêu cái Đẹp và hành động tàn ác, dã man).

+ Nhân hoá: Tiếng ghi ta... máu chảy.

+ Hoán dụ: Áo choàng, tiếng ghi ta → Lor-ca.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Tiếng ghi ta vỡ ra thành màu sắc, hình khối, hành động...

* Với việc sử dụng bpnt tài tình, tác giả đã khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phần của người nghệ sĩ Lor-ca.

2/ Nỗi xót thương và suy tư về cuộc già từ của Lor-ca:

- Lời Lor-ca (đề từ): “*Khi tôi chết ...cây đàn.*”

+ Niềm đam mê nghệ thuật.

+ Hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới.

- “*Không ai chôn cát... cỏ mọc hoang*”

+ Nghệ thuật của Lor-ca (cái Đẹp): có sức sống và

<p>thơ “<i>Không ai chôn ...cỏ mọc hoang</i>”.</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>-GV: Yêu cầu hs giải mã các h/ả “<i>giọt nước mắt , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc...</i>”.</p> <p>GV: Tiếng “Li la- li la- li la” trong bài thơ có ý nghĩa gì?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>HD hs tổng kết</p> <p>-GV: Yêu cầu hs tự tổng kết bài học về phương diện nội dung và nghệ thuật.</p> <p>Hs: trình bày</p>	<p>lưu truyền mãi mãi như “<i>cỏ mọc hoang</i>”.</p> <p>+ Phải chăng không ai dám vượt qua cái cũ, thần tượng để làm nên nghệ thuật mới.</p> <p>- <i>Giọt nước mắt ...trong đáy giếng:</i></p> <p>+ Vàng trắng nơi đáy giếng → sự bất tử của cái Đẹp.</p> <p>- <i>Đường chỉ tay:</i> ẩn dụ về định mệnh nghiệt ngã.</p> <p>-... <i>dòng sông, ghi ta màu bạc...</i> → gợi cõi chết, siêu thoát.</p> <p>- Các hành động: <i>ném lá bùa, ném trái tim:</i> có ý nghĩa tượng trưng cho một sự giã từ, một sự lựa chọn.</p> <p>* Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca.</p> <p>3/Yếu tố âm nhạc trong bài thơ:</p> <p>- Chuỗi âm thanh “Li la- li la- li la” luyện láy ở đầu và cuối như khúc dạo đầu và kết thúc bản nhạc.</p> <p>- Sự kính trọng và tri âm Lor-ca- nghệ sĩ thiên tài.</p> <p>III/ Tổng kết:</p> <p>1/ Nghệ thuật:</p> <p>- Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc.</p> <p>- Sử dụng h/ả, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung.</p> <p>- Kết hợp hài hoà hai yếu tố thơ và nhạc.</p> <p>2/ Nội dung:</p> <p>Tác giả bày tỏ nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết oan khuất của thiên tài Lor-ca- một nghệ sĩ khát khao tự do, dân chủ, luôn mong muốn cách tân nghệ thuật.</p>
---	---

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Yêu cầu hs học thuộc lòng bài thơ. Nắm vững nội dung của bài thơ. Những đặc sắc về nghệ thuật của trường phái siêu thực tượng trưng

- Luyện tập:

Làm phần luyện tập sau bài học

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học, nghệ thuật và nội dung của bài thơ.

- Bài mới:

Soạn bài cho tiết học tiếp theo đọc thêm Bác ơi, Tự do

Tuần 13:

Ngày dạy:

Tiết 37: Văn

Đọc thêm:

BÁC ƠI

- Tố Hữu -

TỰ DO

- P. Ê-luy-a-

1/ Mục tiêu bài học:

a. Về kiến thức:

- Nỗi đau đớn tiếc thương vô hạn của nhà thơ và dân tộc ta khi Bác qua đời. Ngợi ca tình yêu thương con người tâm gương đạo đức sáng ngời của Bác. Lời hứa quyết tâm đi theo con đường Người đã chọn.
- Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giản dị mà sáng tạo, giọng thơ chân thành gây xúc động mạnh cho người đọc
- Nhà thơ sinh ra để viết về tự do, ca ngợi chiến đấu vì tự do. Tự do đã trở thành khát vọng mong mỏi da diết cháy bỏng của con người.
- Những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: hình ảnh độc đáo phép lặp

b. Về kĩ năng:

Đọc hiểu một bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại; đọc hiểu một bài thơ dịch.

c. Về thái độ

Vun đắp tình yêu tự do, nhận thức tự do của mỗi cá nhân phải luôn gắn với tự do của tổ quốc, dân tộc. Tình yêu và lòng kính trọng chủ tịch HCM- người cha già vĩ đại của nhân dân VN trong tim mỗi người con đất Việt.

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK 12, SGV 12. Thiết kế bài học. Tư liệu tham khảo về HCM
- Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu, phân tích, bình giảng

b. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình bài học:

Ổn định lớp

a. Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của học sinh

* Lời vào bài: Đã có rất nhiều người làm thơ về Bác Hồ nhưng có lẽ sáng tác nhiều nhất, hay nhất, sâu sắc và cảm động nhất là nhà thơ Tố Hữu: Sáng tháng năm, Hồ Chí Minh, Theo chân Bác, Bác ơi... Trong đó, “Bác ơi” là bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc

trong lòng độc giả. Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của nhà thơ mà còn là tiếng lòng của cả dân tộc Việt Nam đối với Bác - Người anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam – trong giờ khắc Bác đi xa. Niềm khao khát tự do không chỉ của người dân VN mà còn cả các dân tộc trên thế giới. Đó là nội dung của bài thơ Tự do của Pôn- E luy a.

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>* Hoạt Động 1: GV Hướng Dẫn HS tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “Bác ơi”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc tiểu dẫn SGK/167. - Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ? <p>Hs: đọc, trình bày → GV nhận xét, chốt ý</p> <p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu văn bản :</p> <p>? Hướng dẫn HS đọc diễn cảm → GV nhận xét cách đọc của HS, sau đó đọc lại</p> <p>? Hướng dẫn HS tìm bố cục: + Theo em, bài thơ chia làm mấy phần? Đại ý của từng phần?</p> <p>Hs: đọc, trình bày → GV nhận xét cách chia của HS, phân tích tính hợp lý của các ý kiến, thống nhất cách chia 3 phần: Gv: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS tìm hiểu 4 khổ thơ đầu + Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật? Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng? + Nhận xét, khái quát ý cho HS nắm 	<p>A, Bác ơi</p> <p>I/ Hoàn cảnh ra đời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Bác ơi”. <p>I/ Đọc – hiểu văn bản:</p> <p>1- Bố cục: 3 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bốn khổ đầu: Nỗi đau xót trước sự kiện Bác qua đời. - Sáu khổ tiếp: Hình tượng Bác Hồ. - Ba khổ cuối: Cảm nghĩ khi Bác qua đời <p>2- Tìm hiểu văn bản:</p> <p>a) Bốn khổ đầu: Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng người: <ul style="list-style-type: none"> + Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác. + Bàng hoàng không tin vào sự thật: “Bác đã đi rồi sao Bác ơi” - Cảnh vật: <ul style="list-style-type: none"> + Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...) + Thừa thãi, cô đơn, không còn bóng dáng

<p>- Hướng dẫn HS tìm hiểu 6 khổ tiếp theo + Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào? (GV gợi mở: về tình thương yêu, lý tưởng, lẽ sống...) Hs: đọc thầm, trình bày + Nhận xét, khái quát ý</p> <p>- Hướng dẫn HS tìm hiểu 3 khổ cuối + Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi? + Nhận xét, khái quát ý</p> <p>Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết về tác phẩm đã học. Yêu cầu HS đọc lại bài thơ, tổng hợp kiến thức để đưa ra nhận xét chung</p> <p>Gv: Dựa vào TD, em hãy tóm lược những nét cơ bản nhất về tác giả và tác phẩm? Hs: đọc, trình bày Gv: Nhận xét phần trả lời của hs, nhấn mạnh nội dung chính.</p> <p>Gv: Lưu ý hs: nguyên tác bài thơ có</p>	<p>Người. - Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu “ Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa” → Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác ⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.</p> <p>b) Sáu khổ tiếp: Hình tượng Bác Hồ. - Giàu tình yêu thương đối với mọi người. - Giàu đức hy sinh. - Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn. ⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi</p> <p>c) Ba khổ cuối: Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi: - Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ - Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu. - Yêu Bác → quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp CM ⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam</p> <p>III/ Tổng kết: - Bài thơ là tình cảm ngợi ca Bác, đau xót, tiếc thương khi Bác qua đời. Đó cũng là tấm lòng kính yêu Bác Hồ của Tố Hữu, cũng là của cả dân tộc Việt Nam - Bài thơ tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết của thơ Tố Hữu</p> <p>B, Tự do I/ Tiểu dẫn: 1. Tác giả: - Pôn Ê-luy-a (1895-1952) là nhà thơ lớn nước Pháp. - Từng tham gia trào lưu siêu thực. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, ông thoát ly chủ nghĩa siêu thực, cùng nhân dân Pháp kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít. - Thơ ông mang đậm chất trữ tình chính trị,</p>
--	---

21 khổ thơ (không kể dòng cuối cùng: Tự Do), không vần, không dấu chấm câu- trừ dòng cuối cùng. Bản dịch có 12 khổ thơ.

Gv: Bài thơ điệp cấu trúc "Trên ... trên ... Tôi viết tên em". "Em" ở đây nên hiểu như thế nào? Đây có phải là một bài thơ tình yêu không? Từ đó khái quát chủ đề của bài thơ?

Hs: đọc, trình bày

* Diễn giảng thêm: Bài thơ trữ tình chính trị, khắc họa không khí thời đại - mang đậm PC của tác giả.

Gv: hướng dẫn hs tìm hiểu kết cấu bài thơ

Hs chỉ ra phép điệp và lặp kết cấu cú pháp trong bài, tác dụng của chúng
Gv yêu cầu hs Xác định từ TỰ DO- chủ đề nhất quán và xuyên suốt các khổ thơ.

Gv gợi ý

(**Hữu hình**: Viết trên trang vở, trên bàn học, trên cây xanh, trên đất cát, trên tuyết, trên gươm đao người lính, trên mũ áo các vua quan).

(**Vô hình**: Viết trên thời thơ ấu âm vang, viết trên những mảnh đời trong xanh, trên ao mặt trời ảm mốc, viết trên hồ vàng trắng lung linh

Gv: Tổ chức 2 nhóm trình bày trả lời câu hỏi được phân công.

* **NHÓM 1** (C3 sgk): Xác định từ

mang đậm hơi thở của thời đại

2. Bài thơ "Tự do":

- Được viết vào mùa hè 1941, trong lúc nước Pháp đang bị phát xít Đức xâm lược, in trong tập "Thơ ca và chân lý, 1942" (1942).

- Bài thơ được coi là kiệt tác, là thánh ca của thơ ca kháng chiến Pháp.

II. Đọc hiểu văn bản.

1. Chủ đề bài thơ.

- Em = Tự do (**Tự do** nhân hóa thành **em**- cách nói tha thiết, gần gũi nhưng cũng rất thiêng liêng, sâu xa).

Chủ đề: Khát vọng tự do cháy bỏng của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị xâm lăng.

2. Những điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật :

a, Kết cấu bài thơ:

- Lặp kết cấu, cú pháp: 11/12 khổ thơ dịch (tương ứng 20/21 khổ thơ nguyên tác) lặp lại: "Trên ... trên ...Tôi viết tên em".

- Điệp từ "trên" theo kiểu "xoáy tròn"

→ Hiệu quả nghệ thuật: Mạch cảm xúc hướng về tự do tuôn trào, triền miên, mạnh mẽ của những nô lệ rên xiết dưới ách phát xít

b, Không gian, thời gian biểu hiện Tự Do và cách thức liên tưởng .

- Từ "trên" thể hiện cả không gian và thời gian:

+ Chỉ địa điểm - không gian(tôi viết Tự Do ở đâu, vào đâu)

+ Chỉ thời gian (tôi viết Tự Do khi nào)

- Cách thức liên tưởng: Hình ảnh trong các khổ

<p>"trên" trong bài thơ ở trường hợp nào chỉ không gian, trường hợp nào chỉ thời gian. Nêu ý nghĩa?</p> <p>Nhận xét.Gợi ý hs phát biểu bổ sung (nếu cần). Kết luận các nội dung chính.</p> <p>* NHÓM 2 (Câu 4 sgk) "Tôi" có thể là tác giả và cũng có thể là độc giả của bài thơ; "viết" cũng có thể là "ghi, chép" hoặc "hành động". Từ đó hãy suy luận để chỉ ra tính chất thánh ca của bài thơ này trong cuộc kháng chiến chống phát xít Đức ?</p> <p>Gv chốt ý</p>	<p>thơ thể hiện sự liên tưởng ngẫu hứng (Tự Do được viết mọi nơi, mọi lúc):</p> <p>+ Viết tên em- Tự Do lên những vật cụ thể, hữu hình</p> <p>+ Viết tên em - Tự Do lên những cái trừu tượng, vô hình</p> <p>→ Khát vọng Tự Do hoá thân khắp không gian, xuyên suốt thời gian, hiện hữu trong cuộc đời mỗi con người.</p> <p>III. Tổng kết.</p> <p>- Tình yêu tự do tha thiết tuôn trào trong trái tim nhà thơ đã đồng vọng trong tâm hồn cả dân tộc;Khát khao tự do biến thành khát khao hành động để giành lấy tự do cho tất cả mọi người.</p> <p>- Vì thế, bài thơ được xem là thánh ca của thơ kháng chiến Pháp.</p>
--	---

c. Củng cố và luyện tập :

- Củng cố

Nắm được những nét chính về t/g và nội dung bài thơ ?

Thấy được những đặc sắc của nghệ thuật trong bài thơ?

- Luyện tập:

Viết đoạn văn ngắn trình bày cảm nghĩ của em về tình cảm đối với Bác Hồ.

d. Hướng dẫn học bài:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung 2 bài đọc thêm

- Bài mới:

Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận

Tuần 13

Ngày dạy :

Tiết: 38 Làm văn

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN

1. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

a. Về kiến thức:

- Yêu cầu và tầm quan trọng của việc vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận
- Cách vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong một văn bản nghị luận: xuất phát từ yêu cầu và mục đích nghị luận

b. Về kĩ năng

- Nhận diện được tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong một số văn bản
- Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí, về một hiện tượng đời sống về một tác phẩm nhận định văn học

c. Về thái độ

Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận để viết văn nghị luận đạt hiệu quả cao.

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của giáo viên

- Phương tiện thực hiện: Giáo án, Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập ngữ văn, bảng phụ
- Phương pháp: tích hợp, thảo luận nhóm, thực hành làm bài tập.

b. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học

*** Ôn định lớp.**

a. Kiểm tra bài cũ

CH: Hãy kể tên các thao tác đã học, giải thích các thao tác ?

Đáp án:

- Chứng minh là để người ta tin.
- Giải thích là để người ta hiểu.
- Phân tích giúp ta biết cặn kẽ, thấu đáo.
- So sánh nhằm nhận rõ giá trị của sự việc, hiện tượng này so với sự việc, hiện tượng khác.
- Bác bỏ nhằm phủ nhận một điều gì đó.
- Bình luận là thuyết phục người khác nghe theo sự đánh giá, bàn bạc của mình về một hiện tượng, vấn đề.

* Đặt vấn đề vào bài mới: Ở cấp THCS và ở cấp THPT, các em đã học và làm quen với 6 thao tác lập luận cơ bản. Vậy chúng ta vận dụng ntn vào việc làm văn đạt hiệu quả. Đó cũng chính là nội dung của tiết học hôm nay

b. Bài mới.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<i>GV giúp HS ôn tập kiến thức đã học.? Hãy kể tên các thao tác lập</i>	I. Ôn tập kiến thức: 6 thao tác lập luận - Chứng minh là để người ta tin.

<p>luận đã học? (giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ).</p> <p>? Hãy phân biệt các thao tác lập luận trên?</p> <p><i>GV giúp HS luyện tập nhận biết sự kết hợp các thao tác lập luận.</i></p> <p>? Trong đoạn trích ở SGK trang 174, tác giả đã vận dụng kết hợp các thao tác lập luận nào? Đây là thao tác chính? Căn cứ vào đâu mà xác định như thế?</p> <p>Hs làm việc cá nhân</p> <p><i>GV dùng bảng phụ ghi lại đoạn văn (b) trang 89 sách Bài tập ngữ văn 12 Tập 1 để yêu cầu HS nhận biết các thao tác lập luận đã được kết hợp trong văn bản.</i></p> <p><i>GV giúp HS vận dụng lí thuyết vào</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích là để người ta hiểu. - Phân tích giúp ta biết cặn kẽ, thấu đáo. - So sánh nhằm nhận rõ giá trị của sự việc, hiện tượng này so với sự việc, hiện tượng khác. - Bác bỏ nhằm phủ nhận một điều gì đó. - Bình luận là thuyết phục người khác nghe theo sự đánh giá, bàn bạc của mình về một hiện tượng, vấn đề. <p>II. Luyện tập trên lớp: Hãy xác định các thao tác lập luận được vận dụng kết hợp trong các văn bản sau:</p> <p>1/ Đoạn trích trang 174:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác chính: phân tích. <p><i>Phân tích (để thấy việc bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái áp bức đồng bào ta).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác kết hợp: chứng minh. <p><i>Chứng minh (những tội ác về chính trị, về kinh tế).</i></p> <p>2/ Văn bản giáo viên cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác chính: bình luận. <p><i>Bình luận (về việc nâng cao dân trí, nhằm cổ vũ cho công cuộc đổi mới, hướng nước nhà đi đến văn minh).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác kết hợp: so sánh và bác bỏ. <p>+ So sánh: để phân biệt rõ hai thứ chữ, hai lối học.</p> <p>+ Bác bỏ: để phủ nhận ý kiến của một số người trong thời ấy.</p> <p>3. Luyện viết đoạn văn vận dụng kết hợp các thao tác lập luận:</p> <p>a/ Đề bài:</p>
--	--

<p><i>thực hành viết văn bản.</i></p> <p>* GV ra đề</p> <p>* GV chia HS thành 4 nhóm theo tổ.</p> <p>- GV yêu cầu HS viết thành đoạn văn có vận dụng kết hợp ít nhất hai thao tác lập luận.</p> <p>- Sau 15 phút, GV gọi một vài HS đại diện nhóm trình bày văn bản đã viết và chỉ ra các thao tác lập luận mà nhóm mình đã sử dụng.</p> <p>Đại diện nhóm lên trình bày</p> <p>* GV nhận xét phần trình bày của HS, củng cố bài học, có thể thưởng điểm nếu làm tốt.</p> <p>GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS tiếp tục luyện tập ở nhà</p>	<p>+ Đề: <i>Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.</i></p> <p>b/ Luyện viết văn bản theo chủ đề:</p> <p>* Gợi ý về nội dung:</p> <p>+ Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay. • Nguyên nhân dẫn đến bệnh quay cóp • Tác hại của bệnh quay cóp. • Lời khuyên . <p>+ Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.</p> <p>* Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 thao tác lập luận</p> <p>c/ Trình bày văn bản và chỉ ra các thao tác lập luận đã sử dụng:</p> <p>II. Bài tập về nhà:</p> <p>1/ Hãy xác định các thao tác lập luận trong đoạn văn sau của Hồ Chí Minh:</p> <p>“Liêm là trong sạch, không tham lam. Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là liêm, chữ liêm ấy có nghĩa hẹp. Cũng như ngày xưa trung là trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi. Ngày nay, chữ liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải liêm. Cũng như trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân. Chữ liêm phải đi đôi với chữ kiệm. Có kiệm mới liêm được, vì xa xỉ sẽ sinh tham lam. Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm.</p> <p>Người cán bộ, cậy quyền thế mà khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công thành của tư; người buôn bán, mua một bán mười hoặc mua gian bán lậu chợ đen chợ đỏ, tích trữ đầu cơ; người có tiền, cho vay cắt cổ, bóp hầu bóp họng đồng bào; người cờ bạc, chỉ mong xoay của người làm của mình,.. đều là tham lam, đều là bất liêm.”</p>
---	--

	2/ Thực hành bài tập 1, 2 trang 176 SGK. 3/ Thực hành bài tập ở sách Bài tập.
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Nắm vững các thao tác lập luận; Biết vận dụng kết hợp các thao tác để viết văn nghị luận

- Luyện tập:

Làm bài tập 1,2 sau bài học

d. Hướng dẫn học bài:

- Bài cũ:

Tự viết những đoạn văn có kết hợp các thao tác lập luận

- Chuẩn bị bài mới: “Quá trình văn học và phong cách văn học”.

Tuần 13

Ngày dạy:

Tiết: 39 : Lí luận văn học

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

1. Mục tiêu cần đạt:

Giúp HS :

a. Về kiến thức:

- Nắm được khái niệm quá trình văn học, trào lưu văn học
- Hiểu được khái niệm phong cách văn học

b. Về kĩ năng:

Nhận diện các trào lưu văn học

Nhận diện những biểu hiện của phong cách văn học

c. Về thái độ

Có ý thức tìm hiểu và phân tích các phong cách văn học tiêu biểu

2. Chuẩn bị của gv và học sinh

a. Chuẩn bị của gv

- Phương tiện dạy học: Giáo án, SGK, SGV, Thiết kế bài học, Các tài liệu tham khảo
- Cách thức tiến hành: Tổ chức HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi trong Sgk

b. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

* Ổn định tổ chức

a. Kiểm tra bài cũ : không

* **Đặt vấn đề vào bài mới:** Từ trước tới nay các em đã tìm hiểu rất nhiều các trào lưu văn học và phong cách văn học văn học VN và nước ngoài. Vậy thực chất của các khái niệm đó ntn? Bài học hôm nay cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu

b. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho Hs đọc mục I trong Sgk trang 178 và trả lời các câu hỏi. - Văn học là gì? - Lịch sử vh khác với QTVH như thế nào - Bản thân vh và toàn bộ đời sống Vh khác nhau ntn? - Giữa VH và lịch sử có mối quan hệ ra sao? - Mối quan hệ giữa các thời kỳ văn học ntn? <p>Hs đọc sgk, lần lượt trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy luật bảo lưu và tiếp biến là gì ? - Có nền văn học nào tồn tại, phát triển mà không cần giao lưu? Vì sao 	<p>I. Quá trình văn học:</p> <p>1. Khái niệm quá trình văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học là một loại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội luôn vận động biến chuyển - Diễn tiến của Vh như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại thay đổi có mối quan hệ khăng khít với thời kỳ lịch sử - Quá trình văn học là diễn tiến, hình thành, tồn tại, phát triển và thay đổi của văn học qua các thời kỳ lịch sử. <p>* Những quy luật chung tác động đến quá trình văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy luật VH gắn bó với đời sống xã hội. <p>Bản chất của đời sống Xh trong từng thời kỳ lịch sử sẽ quy định nội dung, tính chất của Vh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy luật kế thừa và cách tân <p>Kế thừa là dựa trên nền tảng truyền thống, là cơ sở tồn tại của Vh.</p> <p>Cách tân là làm ra cái mới, làm cho Vh luôn vận động và phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy luật bảo lưu và tiếp biến. <p>Văn học mỗi dân tộc để tồn tại và phát triển phải giao lưu với Vh các nước khác đồng thời biết chọn lọc, cải biến để làm giàu cho Vh dân tộc mình.</p>
<p>HD2: Tìm hiểu các Trào lưu VH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS theo dõi SGK - Trào lưu Vh là gì? 	<p>2. Trào lưu văn học:</p> <p>Trào lưu văn học là một hiện tượng có tính chất lịch sử. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gắn gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng,</p>

<p>- Có phải mỗi trào lưu chỉ có một khuynh hướng, một trường phái ?</p> <p>- Phân 8 nhóm thảo luận và trình bày hiểu biết về các trào lưu (mỗi nhóm tìm hiểu một trào lưu và một nhóm 8 tìm hiểu trào lưu ở VN)</p> <p>Thời gian thảo luận mỗi nhóm là 3 phút</p> <p>Sau đó đại diện nhóm lên trình bày</p> <p>Hãy nêu các trào lưu lớn trên thế giới ?</p> <p>- Nêu đặc trưng của Vh thời phục hưng</p> <p>- Nêu đặc trưng, tác giả tiêu biểu của Chủ nghĩa cổ điển ?</p> <p>- Chủ nghĩa lãng mạn có những đặc trưng nào ?</p> <p>- Chủ nghĩa HTPP có những đặc trưng ntn ?</p>	<p>nguyên tắc miêu tả hiện thực tạo thành một dòng rộng lớn có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc hoặc một thời đại.</p> <p>*Các trào lưu văn học lớn trên thế giới:</p> <p>a.Văn học thời phục hưng (ở Châu Âu vào TK XV-XVI)</p> <p>- <i>Đặc trưng</i> : Đề cao con người, giải phóng cá tính chống lại tư tưởng khắc nghiệt thời trung cổ.</p> <p>- <i>Tác giả tiêu biểu</i> : Sêch-xpia (Anh), Xec- van- tec (TBN)</p> <p>b Chủ nghĩa cổ điển(Pháp VàoTK XVII)</p> <p>- <i>Đặc trưng</i> : Coi Văn hóa cổ đại là hình mẫu lý tưởng, luôn đề cao lý trí, sáng tác theo các quy phạm chặt chẽ.</p> <p>- <i>Tác giả tiêu biểu</i> : Cooc- nây, Mô-li-e (Pháp)</p> <p>c. Chủ nghĩa lãng mạn : (Ở các nước Tây âu sau cách mạng tư sản Pháp 1789)</p> <p>-<i>Đặc trưng</i> : Đề cao những nguyên tắc chủ quan, lấy đề tài trong thế giới tưởng tượng của nhà văn, hình tượng nghệ thuật thường có vẻ đẹp khác thường</p> <p>- <i>Tác giả tiêu biểu</i> :V.Huygô(Pháp)</p> <p>F. Si-le (Đức)</p> <p>d. Chủ nghĩa hiện thực phê phán (Châu âu TKXIX)</p> <p>- <i>Đặc trưng</i> : Thiên về những nguyên tắc sáng tác khách quan. thường lấy đề tài từ đời sống hiện thực, xây dựng những tính cách điển hình, vừa có tính khái quát, vừa có tính cụ thể.</p> <p>-<i>Tác giả tiêu biểu</i> : H. Ban- đăc(Pháp) L. Tôn-tôi (Nga)</p>
---	--

<p>Chủ nghĩa hiện thực XHCN có những đặc trưng nào ?</p> <p>- Chủ nghĩa siêu thực có những đặc trưng ntn ?</p> <p>- Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo có những đặc trưng, tác giả tiêu biểu nào ?</p> <p>Gv Nhận xét chung các nhóm, kết luận</p> <p>HD3 : Phong cách văn học Cho HS đọc và tìm hiểu VB</p> <p>Hs trình bày, Gv chốt ý</p> <p>- Phong cách Vh là gì ?</p> <p>-Phong cách Vh có những biểu hiện gì ?</p>	<p>e. Chủ nghĩa hiện thực XHCN (TK XX sau Cách mạng tháng 10 Nga) - <i>Đặc trưng</i> : Miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng -<i>Tác giả tiêu biểu</i>:M.Gooc-ki(Nga) Giooc – giơ A-ma- đô (Braxin) g.Chủ nghĩa siêu thực: (Pháp-Vào 1922) -<i>Đặc trưng</i> : Quan niệm thế giới trên hiện thực mới là mảnh đất sáng tạo của người nghệ sĩ - <i>Tác giả tiêu biểu</i>:A. Brơ- tôn (Pháp)</p> <p>h. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo: (Mỹ La tinh sau thế chiến thứ hai) - <i>Đặc trưng</i> : Cõi thực tại bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo , các huyền thoại, truyền thuyết -<i>Tác giả tiêu biểu</i> : G. Mac- ket.</p> <p>* Ở Việt Nam :</p> <p>- Trào lưu xuất hiện vào những năm 30 của TK XX. + Trào lưu lãng mạn + Trào lưu hiện thực phê phán + Trào lưu hiện thực XHCN</p> <p>II. Phong cách văn học :</p> <p>1. Khái niệm :</p> <p>-Phong cách Vh là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong tác phẩm. - PCVH nảy sinh do chính nhu cầu, đòi hỏi sự xuất hiện cái mới và nhu cầu của quá trình sáng tạo Vh - Quá trình Vh được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ. - Phong cách in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại</p> <p>2. Những biểu hiện của phong cách văn học</p> <p>- Giọng điệu riêng biệt, cách nhìn, cách cảm thụ có tính khám phá . - Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm - Hệ thống phương thức biểu hiện, các thủ pháp kỹ thuật mang dấu ấn riêng. - Thống nhất từ cốt lõi, nhưng có sự triển khai đa dạng đôi mới. - Có phẩm chất thẩm mỹ cao, giàu tính nghệ thuật.học :</p>
---	--

Cho HS đọc ghi nhớ Sgk trang 183	III. Ghi nhớ : Sgk trang 183
Cho Hs làm luyện tập Sgk trang 183	IV. Luyện tập : Căn cứ hướng dẫn Sgk trang 183

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố

Quá trình phát triển của văn học ntn?

Phong cách văn học là gì ?

- Luyện tập :

Hãy nêu phong cách văn học của tác gia Tố Hữu, Hồ Chí Minh

d. Hướng dẫn học bài :

- Bài cũ :

Đọc lại VB, nắm vững ý chính

- Bài mới :

Tìm hiểu thêm về quá trình văn học và phong cách văn học.

Tuần 13

Ngày dạy:

Tiết: 39b : Lí luận văn học

TÌM HIỂU THÊM VỀ

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

1. Mục tiêu cần đạt:

Giúp HS :

a. Về kiến thức:

- Nắm được khái niệm quá trình văn học, trào lưu văn học
- Hiểu được khái niệm phong cách văn học

b. Về kĩ năng:

Nhận diện các trào lưu văn học

Nhận diện những biểu hiện của phong cách văn học, áp dụng làm bài tập

c. Về thái độ

Có ý thức tìm hiểu và phân tích các phong cách văn học tiêu biểu

2. Chuẩn bị của gv và học sinh

a. Chuẩn bị của gv

- Phương tiện dạy học: SGK, SGV, Thiết kế bài học, Các tài liệu tham khảo
- Cách thức tiến hành: Tổ chức HS trao đổi, trả lời câu hỏi trong Sgk, làm bài tập

b. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

* Ôn định tổ chức

a. Kiểm tra bài cũ : không

* **Đặt vấn đề vào bài mới:** Tiết trước cô và các em đã tìm hiểu tiết lí thuyết về quá trình văn học và phong cách văn học. Để hiểu rõ hơn các khái niệm này, Bài học hôm nay cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu và làm một số bài tập.

b. Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv: nhắc lại khái niệm quá trình văn học và phong cách văn học? Hs: nhắc lại, gv nhấn mạnh Gv: ra bài tập và yêu cầu hs làm tại lớp Hs: lên bảng làm Gv gọi 2 hs nhận xét sau đó bổ sung chốt ý CH: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân và Vũ Trọng Phụng thể hiện qua truyện ngắn “Chữ người tử tù” và đoạn trích “Hạnh phúc của một tang gia”	I, Lí thuyết - Quá trình văn học: là diễn tiến hình thành, tồn tại thay đổi phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử - Trào lưu văn học là hiện tượng nổi bật của quá trình văn học Thành tựu chính của quá trình văn học kết tinh ở các phong cách văn học độc đáo - Phong cách Văn học là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong tác phẩm. II, Bài tập 1, Bài tập 1 - NT hướng cái đẹp về quá khứ và tưởng tượng tình huống đầy éo le, xây dựng hình tượng HC phù hợp với lí tưởng thẩm mỹ của ông về con người mạng vẻ đẹp tài hoa, thiên lương. - Vũ Trọng Phụng hết sức nhạy cảm với những sự giả dối bao trùm đời sống xã hội và đã vạch ra chân tướng của các sự kiện, các hạng người một cách sắc sảo. Không có một cử chỉ, hành động nào của lũ người vô lương thoát khỏi tiếng cười chế giễu, đã kích cay độc của ông. Ngôn ngữ tác phẩm đậm đà chất tiêu thuyết, có tính đa thanh, phản ánh được sự phức tạp của những quan hệ và sự đối chọi của những ý thức khác nhau trong

<p>So sánh phong cách của Nguyễn Tuân và Tố Hữu?</p> <p>Gv hướng dẫn hs so sánh dựa vào bài học</p> <p>Hs: lên bảng trình bày Gv gọi hs khác bổ sung</p> <p>Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh có gì độc đáo</p> <p>Gv yêu cầu hs làm tương tự như ở bài tập 2</p>	<p>cuộc đời.</p> <p>2, Bài tập 2</p> <p>- Phong cách của Nguyễn Tuân trước và sau cm: tấm lòng yêu quý thiết tha đối với vẻ đẹp của đất nước quê hương thể hiện trong cảnh sắc thiên nhiên, trong truyền thống văn hóa và trong các tác phẩm nghệ thuật của ông. Ông cảm nhận và miêu tả sự vật vừa phóng khoáng tinh tế vừa sắc cạnh ráo riết từ nhiều góc độ. Có sự kết hợp cách nhìn của một nghệ sĩ tài hoa trữ tình và đầy cá tính với cách làm việc tiếp cận của một nhà nghiên cứu rất mực nghiêm túc và một nhà văn hóa có tầm nhìn rộng rãi. Nhà văn vừa miêu tả vừa kể chuyện vừa hồi tưởng vừa liên tưởng tưởng tượng. Trang viết của ông chứa đựng sự chính xác của sự kiện chiều sâu của hiểu biết và sự phong phú phóng khoáng của suy nghĩ. Hình tượng tạo hình gắn với giọng văn trữ tình âm áp</p> <p>- Tố Hữu: là nhà thơ trữ tình chính trị, lí tưởng cộng sản; nhà thơ của lí tưởng lớn, lẽ sống lớn tình cảm lớn; cái tôi công dân trong thơ TH; giọng điệu riêng rất dễ nhận ra; tính dân tộc sâu sắc</p> <p>3. Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh</p> <p>Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh độc đáo mà đa dạng.</p> <p>- Văn chính luận: Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp, giàu hình ảnh, giọng điệu đa dạng.</p> <p>- Truyện và kí: Thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén. Tiếng cười trào phúng nhẹ nhàng mà thâm thúy sâu cay. Thể hiện chất trí tuệ sắc sảo và hiện đại.</p> <p>- Thơ ca: Phong cách hết sức đa dạng, hàm súc, uyên thâm, đạt chuẩn mực về nghệ thuật, sử dụng thành công nhiều thể</p>
---	---

<p>Gv giảng thêm về phong cách của Xuân Diệu và Nam Cao, yêu cầu hs lấy ví dụ các tác phẩm để chứng minh</p> <p>Hs: làm việc theo gợi ý của gv</p>	<p>loại thơ . Có loại thơ tuyên truyền cổ động lời lẽ mộc mạc giản dị, có loại thơ hàm súc uyên thâm kết hợp giữa màu sắc cổ điển và bút pháp hiện đại.</p> <p>4, Bài tập 4</p> <p>- Là nhà thơ mới nhất trong những nhà thơ mới (Hoài Thanh):</p> <p>+ Sức sáng tạo mới, nguồn cảm xúc mới, quan niệm sống mới mẻ.</p> <p>+ Những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo.</p> <p>- Ông là nhà thơ của tình yêu, mùa xuân, tuổi trẻ với giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời.</p> <p>- XD còn là một cây bút có sức sáng tạo dồi dào.</p> <p>- Một nhà thơ lớn, một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hoá lớn.</p> <p>Ví dụ: một số phong cách văn thơ VN.</p> <p>- Nam Cao có cái nhìn sâu sắc và trần trụi về cuộc sống của người nông dân và người trí thức. -> hình thành cảm quan riêng biệt về cuộc sống</p> <p>Huy Cận thường chịu sự ám ảnh của không gian rộng lớn, mệnh mông, con người nhỏ bé giữa cái bạt ngàn đó -> thường buồn, thường sầu</p>
--	---

c. củng cố và luyện tập:

- Củng cố

Quá trình phát triển của văn học ntn?

Phong cách văn học là gì ?

- Luyện tập :

Hãy nêu phong cách văn học của tác gia Lỗ Tấn

d. Hướng dẫn học bài :

- Bài cũ :

Đọc lại VB, nắm vững ý chính

- Bài mới :

Trả bài làm văn số 3

Tiết 40: Làm văn:

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 2

Nghị luận văn học

1. Mục tiêu bài học

Giúp học sinh:

a. Về kiến thức

- Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học trong các văn bản đọc hiểu để viết bài nghị luận về một đoạn thơ trữ tình.

- Vận dụng được khả năng nghị luận văn học để viết bài làm văn phù hợp với yêu cầu của đề bài.

b. Về kĩ năng

- Vận dụng các thao tác lập luận phân tích, so sánh, bình luận...để nghị luận về một đoạn thơ trữ tình

- Vận dụng khả năng tìm hiểu đề lập dàn ý để viết bài

c. Về thái độ

Có ý thức học hỏi rút kinh nghiệm để bài kiểm tra sau đạt kết quả cao hơn

2, Chuẩn bị của gv và học sinh

a. Chuẩn bị của gv

- Giáo án ,Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1

- Gv phát đề cho hs làm bài trong 90 phút

b, Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở soạn, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác, sách bài tập

3. Tiến trình lên lớp:

a, Kiểm tra bài cũ: kiểm tra vở soạn của hs

* **Lời vào bài :** Các em đã học xong một số tác phẩm thơ, văn nghị luận. Tiết trước các em đã viết bài số 2: nghị luận văn học. Tiết này cô sẽ trả bài và chữa lỗi cho các em để các em rút kinh nghiệm sửa chữa để bài làm sau đạt kết quả cao hơn.

b, Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt					
Gv thiết lập ma trận đề	I, Nội dung đề kiểm tra					
	1, Ma trận đề					
	Mức độ Chủ đề 1, Văn học Văn Việt Nam	Nhận biết Trình bày những hiểu biết về hoàn cảnh sáng tác Tuyên ngôn độc lập	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng điểm
		1 2				2điểm=20%
2, Làm văn. Nghị luận về một hiện tượng đời sống				Vận dụng kiến thức đã học để viết bài nghị luận về hiện		

					tượng nguồn nước sạch ngày càng bị ô nhiễm	
					1 3	3điểm=30%
	3, Làm văn Nghị luận về một đoạn thơ				Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về đoạn thơ trong bài Tây Tiến	
					1 5	5điểm=50%
		1 2 2 0%			2 8 80%	10điểm 100%

<p>Gv chép đề bài lên bảng, yêu cầu hs chép vào vở và chữa bài</p>	<p>2, Nội dung đề 1, Câu 1 (2 điểm) Trình bày hoàn cảnh sáng tác tác phẩm Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh? 2, Câu 2 (3 điểm) Trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề Cuộc sống sẽ ra sao nếu nguồn nước sạch ngày càng vơi cạn? 3, Câu 3 (5 điểm) Cảm nhận của anh chị về đoạn thơ sau : “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Sông Mã gầm lên khúc độc hành” (Tây Tiến- Quang Dũng)</p>
<p>Gv ra đáp án, hs tham khảo và ghi vào vở</p>	<p>II, Đáp án 1, Câu 1 (2 điểm) Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau: - Trên thế giới quân đồng minh đang thắng lợi trên các chiến trường, phát xít Nhật ở Đông Dương đã đầu hàng đồng minh (0,5 điểm). - Ở phía Nam, quân Pháp núp sau quân đội Anh lấy danh nghĩa vào giải giáp quân Nhật; ở phía Bắc, quân Tưởng Giới Thạch đang chuẩn bị vượt biên giới vào nước ta (0,5 điểm) - Nhân dân cả nước nổi dậy giành chính quyền trong cả nước (0,5 điểm) - Hồ Chí Minh từ chiến khu VB về HN 26.8.1945, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang. 2.9.1945 trước hàng vạn quốc dân đồng bào, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VN dân chủ cộng hòa (0,5 điểm) 2, Câu 2 (3 điểm) Hs nêu được các ý sau: a. Mở bài (0,5 điểm) - Cuộc sống sẽ không tồn tại nếu không có nước - Con người đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên trong đó có nước sạch b. Thân bài: * Thế nào là nước sạch? Là nguồn nước có thể dùng</p>

cho sinh hoạt của con người, không bị nhiễm bẩn, nhiễm độc (0,25 điểm)

* **Vai trò của nước sạch đối với cuộc sống:** (0,25 điểm)

- Là thành phần chủ yếu của con người và các loài sinh vật;

- Là yếu tố không thể thiếu cho sinh hoạt hàng ngày, cho sản xuất của con người;

* **Thực trạng nguồn nước sạch đang bị ô nhiễm, đang ngày càng vơi cạn:** (0,5 điểm)

- Do chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, môi trường bị mất cân bằng sinh thái...;

- Sông hồ bị ô nhiễm nặng, hạn hán tăng và kéo dài,...;

* **Hậu quả nghiêm trọng của nguồn nước sạch ngày càng vơi cạn:** (0,5 điểm)

- Ảnh hưởng tới sức khỏe của con người: suy nhược do thiếu nước;

- Ảnh hưởng tới sản xuất: hạn hán mất mùa, thiếu nước tưới...;

* **Giải pháp:** (0,5 điểm)

- Trước mắt: Tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường...;

- Lâu dài: Tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, trồng rừng, giữ nguồn nước...

c. **Kết luận:** (0,5 điểm)

- Cạn nguồn nước có thể là thảm họa của cuộc sống

- Trách nhiệm của mỗi người đối với việc tiết kiệm nước sạch và bảo vệ môi trường.

3, Câu 3 (5 điểm)

a. **Mở bài** (0,5 điểm)

- Tây Tiến là bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Quang Dũng. Bài thơ được Quang Dũng viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh khi ông đã xa đơn vị Tây Tiến một thời gian.

- Đoàn quân Tây Tiến được thành lập vào đầu năm 1947. Những người lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, trong đó có cả học sinh, sinh viên.

- Đoạn thơ cần phân tích là đoạn thứ ba của bài thơ, trong đó Quang Dũng đã khắc họa hình tượng tập thể

những người lính Tây Tiến bằng bút pháp lãng mạn, thấm đậm tinh thần bi tráng

b. Thân bài

***Vẻ đẹp lãng mạn của người lính Tây Tiến (2 điểm)**

Hình tượng tập thể những người lính Tây Tiến được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn với khuynh hướng tô đậm những cái phi thường, sử dụng rộng rãi thủ pháp đối lập để tác động mạnh vào cảm quan người đọc, kích thích trí tưởng tượng phong phú của người đọc.

- Trong bài thơ, Quang Dũng đã tạo được một không khí, chuẩn bị cho sự xuất hiện trực tiếp của những người lính Tây Tiến ở đoạn thơ thứ ba này. Trên cái nền hoang vu hiem trở vừa hùng vĩ vừa dữ dội khác thường của núi rừng (ở đoạn một), và duyên dáng, mỹ lệ, thơ mộng của Tây Bắc (ở đoạn hai), đến đoạn thơ thứ ba, hình ảnh những người lính Tây Tiến trực tiếp xuất hiện với một vẻ đẹp độc đáo và kì lạ :

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc ...Đêm mơ Hà Nội
dáng kiều thơm

- Quang Dũng đã chọn lọc những nét tiêu biểu nhất của những người lính Tây Tiến để tạc nên bức tượng đài tập thể đặng khái quát những gương mặt chung của cả đoàn quân. Qua ngòi bút của ông, những người lính Tây Tiến hiện ra đầy oai phong và dữ dội khác thường. Thực tế gian khổ thiếu thốn đã làm cho người lính da dẻ xanh xao, sốt rét làm họ rụng cả tóc. Quang Dũng không hề che giấu những sự thực tàn khốc đó. Song, cái nhìn lãng mạn của ông đã thấy họ ốm mà không yếu, đã nhìn thấy bên trong cái hình hài tiêu tụy của họ chứa đựng một sức mạnh phi thường. Và ngòi bút lãng mạn của ông đã biến họ thành những bức chân dung lẫm liệt, oai hùng. Cái vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính, qua cái nhìn của ông, vẫn toát lên cái oai phong của những con hổ nơi rừng thiêng. Cái vẻ oai phong, lẫm liệt ấy còn được thể hiện qua ánh mắt giận dữ (mắt trừng gửi mộng) của họ ...

- Cái nhìn nhiều chiều của Quang Dũng đã giúp ông nhìn thấy xuyên qua cái vẻ oai hùng, dữ dằn bề ngoài của những người lính Tây Tiến là những tâm hồn còn rất trẻ, những trái tim rạo rức, khao khát yêu đương (Đêm

mơ Hà Nội đáng kiêu thom). Như vậy, trong bốn câu thơ trên, Quang Dũng đã tạc lên bức tượng đài tập thể những người lính Tây Tiến không chỉ bằng những đường nét khắc họa dáng vẻ bề ngoài mà còn thể hiện được cả thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ

*** Chất bi tráng của hình tượng người lính Tây Tiến (2 điểm)**

- Khi viết về những người lính Tây Tiến, Quang Dũng đã nói tới cái chết, sự hi sinh nhưng không gây cảm giác bi lụy, tang thương. Cảm hứng lãng mạn đã khiến ngòi bút ông nói nhiều tới cái buồn, cái chết như là những chất liệu thẩm mỹ tạo nên cái đẹp mang chất bi hùng: Rải rác biên cương mồ viễn xứ.... Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

- Khi miêu tả những người lính Tây Tiến, ngòi bút của Quang Dũng không hề nhấn chìm người đọc vào cái bi thương, bi lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chìm vào cái bi thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của lí tưởng, của tinh thần lãng mạn. Chính vì vậy mà hình ảnh những nắm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính Tây Tiến. Cái sự thật bi thảm những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đống cả mảnh chiếu che thân, qua cái nhìn của nhà thơ, lại được bọc trong những tấm ào bào sang trọng. Và rồi, cái bi thương ấy bị át hẳn đi trong tiếng gầm thét dữ dội của dòng sông Mã: Áo bào thay chiếu anh về đất . Sông Mã gầm lên khúc độc hành. Cái chết, sự hi sinh của những người lính Tây Tiến được nhà thơ miêu tả thật trang trọng. Cái chết ấy đã tạo được sự cảm thương sâu sắc ở thiên nhiên. Và dòng sông Mã đã trân trọng đưa tiễn linh hồn người lính bằng cách tấu lên khúc nhạc trầm hùng

- Tóm lại, hình ảnh những người lính Tây Tiến trong đoạn thơ này thấm đẫm tính chất bi tráng, chói ngời vẻ đẹp lí tưởng, mang dáng vẻ của những anh hùng kiêu chinh phu thuở xưa một đi không trở lại.

c. Kết bài (0,5 điểm)

- Tây Tiến là sự kết tinh những sắc thái vừa độc đáo vừa đa dạng của ngòi bút Quang Dũng. Nhà thơ đã sáng tạo được hình tượng tập thể những người lính Tây Tiến,

<p>Gv nhận xét bài của hs và trả bài</p>	<p>miêu tả được vẻ đẹp tinh thần của những con người tiêu biểu cho một thời kì lịch sử một đi không trở lại. - Thơ ca kháng chiến chống Pháp đã miêu tả thành công hình ảnh người lính. Và Quang Dũng, qua bài thơ Tây Tiến nổi tiếng của mình, đã góp vào viện bảo tàng hình ảnh những người lính đớ bức chân dung người lính Tây Tiến rất độc đáo của mình.</p> <p>III, Nhận xét bài làm của học sinh III, Nhận xét bài làm của hs : 1, Ưu điểm : a. Về kiến thức - Đa số các em hiểu yêu cầu của đề bài, vận dụng có hiệu quả thao tác phân tích, bình luận trong bài viết - Bố cục bài 3 phần rõ ràng, chặt chẽ - Một số bài cảm thụ tốt, viết văn trôi chảy : Toàn, Khang, Hà, Tiên</p> <p>b. Về kĩ năng Đa số các em biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bày, trình bày khoa học hợp lí</p> <p>2, Hạn chế - Một số lỗi mắc trong bài : sai chính tả, bài làm sơ sài - Bố cục thiếu, diễn đạt lủng củng - Một số bài viết chưa đi vào trọng tâm : Phúc, Đại, Công</p> <p>IV, Trả bài cho hs</p>
--	--

c, Củng cố - luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Chữa lỗi vào vở soạn văn ở nhà

d, Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Soạn tiết Người lái đò sông Đà

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

- Nguyễn Tuân -

1/ Mục tiêu bài học:

Giúp HS:

a. Về kiến thức:

Vẻ đẹp đa dạng của sông Đà(hung bạo, trữ tình) và người lái đò sông Đà (trí dũng, tài hoa) trên trang văn Nguyễn Tuân

- Vốn từ ngữ dồi dào, biến hóa; câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu hình ảnh và nhịp điệu; những ví von so sánh liên tưởng, tưởng tượng độc đáo bất ngờ.

b. Về kĩ năng:

Đọc hiểu tùy bút theo đặc trưng thể loại.

c. Về thái độ

Giúp con người thêm yêu quê hương đất nước, yêu những con người lao động giàu ý chí, kiên cường dũng cảm trong lao động hàng ngày

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của giáo viên

-**Phương tiện thực hiện:** Giáo án, SGK, SGV, thiết kế bài dạy, tư liệu tham khảo

-**Cách thức tiến hành:** GV tiến hành giờ dạy theo các phương pháp: Đọc sáng tạo, tái hiện, gọi tìm, thảo luận, so sánh, thuyết giảng.

b. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập

- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình dạy học:

* Ổn định tổ chức:

a. Kiểm tra bài cũ:

- **Câu hỏi:** Hãy trình bày những hiểu biết của mình về Nguyễn Tuân

- **Đáp án:** Là người tính tình phóng khoáng giàu lòng yêu nước. Sau cách mạng và trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, ông hăng hái tham gia nhiệt tình, góp phần nhỏ bé của mình vào cuộc kháng chiến. Nguyễn Tuân là một cây bút tài hoa, ông để lại sự nghiệp văn học phong phú

*Lời dẫn của GV: Có một nhà văn từng quan niệm: Văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. Và đã là nghệ thuật thì phải có phong

cách độc đáo. Nhà văn ấy chính là Nguyễn Tuân. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ được tiếp xúc với tác giả này qua tùy bút Người lái đò sông Đà.

b. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Hđ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả NT (đã được học ở CTNV 11)</p> <p>Gọi 1 HS đọc phần TD.</p> <p>Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?</p> <p><i>Người lái đò sông Đà</i> được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Thiên tùy bút đã kế thừa những nét riêng biệt, đặc sắc nào trong phong cách nghệ thuật của NT về đề tài, nguồn cảm hứng, thể loại và n/ ngữ? Vì sao có thể nói rằng, so với những tập tùy bút viết trước CM, <i>Người lái đò sông Đà</i> nói riêng và tập <i>Sông Đà</i> nói chung đã cho thấy diện mạo của 1 NT đã căn bản đổi thay, để trở thành một nhà văn mới trong thời đại mới?</p> <p>Từ điều vừa tìm hiểu thử phát biểu cảm hứng chủ đạo của tác phẩm?</p> <p>Gv: gọi hs trình bày, gv bổ sung, chốt ý</p>	<p>I/ Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả Nguyễn Tuân : (Xem lại phần TD bài Chữ người tử tù, SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).</p> <p>2. Tác phẩm Người lái đò sông Đà:</p> <p>+Xuất xứ: Bài tùy bút được in trong tập <i>Sông Đà</i> (1960).</p> <p>+Hoàn cảnh ra đời:Thành quả thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi.</p> <p>+ Tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của NT: uyên bác, tài hoa, không quản nhọc nhằn để cố gắng khai thác kho cảm giác và liên tưởng phong phú, bộn bề, nhằm tìm ra những chữ nghĩa xác đáng nhất.</p> <p>+ Cho thấy diện mạo của một NT mới mẻ, khao khát được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời (không giống với NT trước CM, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác “thiếu quê hương”)</p> <p>+ Cảm hứng chủ đạo: Nhiệt tình ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân của một nhà văn mà trái tim đang tràn đầy niềm hứng khởi khi thấy nay mình đã có đất nước, mình đã không còn “thiếu quê hương”.</p>
<p>Hđ 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu hình</p>	<p>II/ Đọc - hiểu văn bản:</p> <p>1. Hình tượng con sông Đà</p> <p>a. Một con sông hung bạo:</p>

tượng con sông Đà hung bạo:
Gọi HS đọc các đoạn văn ở
trang 186,187.

Tác giả đã khắc họa sự hung
bạo ấy trên nhiều dáng vẻ.
Chỉ ra những dáng vẻ đó?

Để diễn tả chính xác và sinh
động những gì NT quan sát
thấy về sự hung bạo của dòng
sông, tác giả đã sử dụng
nhiều chi tiết NT độc đáo?
Thử nêu vài dẫn chứng minh
họa?

Vách đá SĐ được miêu tả
như thế nào?

Tìm những chi tiết miêu tả
âm thanh của tiếng thác nước
SĐ?

Hs căn cứ vào sgk, tìm dẫn
chứng

Nhận xét cách miêu tả và so
sánh ấy?

* Vách đá: “dựng vách thành”, được đặc tả bằng một
loạt các liên tưởng, so sánh cụ thể, độc đáo:

- Mặt sông chỉ lúc đứng ngọ mới có mặt trời

- Chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu.

- Có quãng con nai con hổ đã có lân vọt từ bờ này
sang bờ kia.

- Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè
mà cũng thấy lạnh

- Hẹp, sâu, dốc thẳng đứng, tạo cảm giác rợn lạnh.

* Âm thanh tiếng nước:

- Nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn
luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ
xuýt.

- Thở và kêu như cửa cống cái bị sặc

- Nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi
lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.

- Rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang
lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa như nổ lửa, đang
phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn
trâu da cháy bùng bùng > gợi không khí của một trận
cuồng lửa, hủy diệt, dùng lửa để tả nước – hai yếu tố
vốn tương khắc, giờ lại hòa hợp để tương sinh một so
sánh độc đáo, gợi cảm > nhấn mạnh đặc tính hủy diệt
ghê gớm của Sông Đà. Biểu tượng về sức mạnh dữ
đội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.->Bậc

kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà
ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm

<p>Bên cạnh đó SĐ hung bạo bởi những hút nước, Những chi tiết miêu tả những hút nước?</p> <p>Nguyễn Tuân đặc tả những hút nước đã làm nổi bật vẻ đẹp của SĐ như thế nào?</p> <p>Ngaoài ra trên dòng sông này còn bày ra các thạch trận, tìm những chi tiết miêu tả những thạch trận?</p> <p>Hs tìm các dẫn chứng miêu tả các thạch trận</p> <p>Nguyễn Tuân còn cho ta thấy, bên cạnh và cả bên trong sự hung bạo ấy, hình ảnh con sông vẫn nổi bật lên như một</p>	<p>nổi)</p> <p><i>Nhận xét:</i> Câu văn có kết cấu trùng điệp, liên hoàn, nhịp ngắn tạo giọng văn dồn dập, gấp gáp, căng thẳng, từ ngữ cực tả trạng thái dữ dội > ấn tượng hãi hùng, rùng rợn và sức tàn phá khủng khiếp.</p> <p>* Hút nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. - Mặt giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh. - Cốc pha lê nước không lồ. - Từ đáy hút nước nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. <p><i>Nhận xét:</i> Đặc tả hút nước Sông Đà: sâu, sáng, xanh trong thăm thẳm/ Kết hợp thủ pháp của văn học và thủ pháp của điện ảnh > truyền đến độc giả cảm giác chân thực, sống động như tận mắt chứng kiến > Sông Đà không chỉ hung bạo mà còn nên thơ một cách hùng vĩ.</p> <p>* Thạch trận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đá: Mặt hòn đá nào cũng ngỗ ngược, “nhăn nhúm”, méo mó; Đứng, ngồi, nằm, nghiêng với những nhiệm vụ riêng . - Bày 3 trùng vi nhằm tước đoạt và hủy diệt đến cùng sự sống của con người: giờ mọi thủ đoạn, mưu ma chước quỷ để dẫn dụ, phục kích > “binh pháp” sâu hiểm của “thần sông thần đá”. - Chọn khúc ngoặt – khi tầm nhìn bị hạn chế để đánh phục kích. - Dụ người vào sâu thế trận, đánh quật vu hồi > cô lập, chặn mọi đường sinh. - Khi giáp lá cà: giờ mọi ngón đòn hiểm ác: nước thác reo hò làm thanh viện...> uy hiếp tinh thần đối phương. <p><i>Nhận xét:</i> Thạch trận không chỉ có vẻ hung hãn, dữ dằn của vách đá, hút nước mà còn bộc lộ bản chất nham hiểm, xảo quyệt</p> <p><i>Tiểu kết chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất Sông Đà: vừa “khắc nghiệt như gi ghè, chúa đất”, vừa hùng vĩ dữ dội. Mang diện mạo kẻ thù
--	--

biểu tượng cho điều gì? ? Nếu phải cho một lời nhận xét ngắn gọn về khả năng sử dụng ngôn từ của NT, em sẽ nói thế nào?	số một của con người. - Ngôn từ phong phú, sử dụng thuật ngữ, hệ từ vựng của nhiều ngành khoa học, nghệ thuật khác nhau (quân sự, võ thuật, thể thao...) để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ. - Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

- Củng cố

CH: Tại sao con S.Đà lại được coi là một nhân vật trong tác phẩm?

TL: Vì S.Đà có tâm trạng, tính cách. Gồm 2 tính cách nổi bật:

- Tính hung bạo.

- Tính trữ tình.

- Luyện tập:

Làm bài 1,2 phần luyện tập ở nhà

d. Hướng dẫn hs học bài:

- Bài cũ:

Nắm nd bài học. Kết hợp đọc SGK.

Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu tiết tiếp theo Người lái đò sông Đà.

Tuần 14

Ngày dạy :

Tiết : 42 :Văn

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

(Trích - Nguyễn Tuân -)

(Tiếp theo)

*** Tiến trình dạy học:**

- Ổn định tổ chức:

- Kiểm tra bài cũ: không

*Lời dẫn của GV: Tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu tiết 1 của đoạn trích Người lái đò sông Đà, bên cạnh một con sông Đà hung bạo còn có một con sông Đà trữ tình thơ mộng và hình ảnh người lái đò tài ba trên sông nước. Bài học hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu nội dung này

-Bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà trữ tình: Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191. Chứng minh rằng những đoạn văn viết về vẻ trữ tình của sông Đà cũng là kết quả của những công phu tìm tòi khó nhọc của một người nhất quyết không bao giờ chịu bằng lòng với những tri thức hời hợt?</p> <p>Gv: Nêu vấn đề Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh họa? (Câu 3, SGK)</p> <p>Từ trên cao SĐ được miêu tả như thế nào?</p> <p>Màu sắc của SĐ có gì đặc biệt? Với tư cách là một du khách trên SĐ cảnh được miêu tả ra sao?</p>	<p>I, Tìm hiểu chung II, Đọc hiểu văn bản 1. Hình tượng con sông Đà a. Một con sông hung bạo: b. Một con sông Đà trữ tình thơ mộng b. Một con sông Đà trữ tình: Tập trung ở khúc hạ lưu với dòng chảy êm, phẳng, rộng. Sông Đà được khám phá từ nhiều điểm nhìn khác nhau (theo mùa; trên cao, xa; ngồi thuyền đi trên mặt sông..), cụ thể:</p> <p>* Trên cao, xa: - Dây thừng ngoằn ngoèo. - Tuôn dài, tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân -> <i>vẻ đẹp duyên dáng, thơ mộng, e ấp như mang cả hương thơm quyến rũ của núi rừng (áng tóc thơm hương hoa ban hoa gạo).</i> * Theo mùa: Khả năng quan sát tinh tế, những so sánh độc đáo, chân xác.</p> <p>- Mùa xuân dòng xanh ngọc bích chứ Sông Đà không xanh màu xanh canh hén của Sông Gâm Sông Lô.</p>

Tìm những chi tiết, hình ảnh miêu tả vẻ đẹp thơ mộng của SĐ?

- Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về.

* Cảm nhận con sông Đà gợi cảm trên tư cách một “cô nhân”

- Màu nắng tháng ba Đường thi > liên tưởng độc đáo > nắng sông Đà như ngâm thơ, ngâm họa.

- Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng

* Ngồi trên thuyền: “như một tình nhân chưa quen biết”

- Sử dụng nhiều thanh B (*Thuyền tôi...cổ điển trên dòng sông*): cảm giác êm ái.

- Dùng động để tả tĩnh (hươu vênh tai, nhìn tôi không chớp mắt, thuyền trôi, tiếng còi sương...) > đặc tả cái thanh tịnh tuyệt cùng của bờ bãi sông Đà.

- Hình ảnh: đẹp, trong trẻo, thanh khiết, liên tưởng giàu chất thơ: + Lá ngô non đầu mùa, cỏ gianh đồi núi ra những nõn búp, con nai thơ ngộ, áng cỏ sương > tinh khôi, đọng hương sữa ngào ngạt, non tơ;

+ Tiếng còi sương > âm thanh trong tâm tưởng, dội về từ quá khứ > chi tiết độc đáo, diễn tả sâu sắc cái yên lặng khôn cùng của bờ sông, tĩnh đến mức người và vật giao cảm để lặng tìm âm thanh tự tâm hồn, tự thời gian thăm thẳm.

+ Bờ sông: hoang dại như một bờ tiền sử, hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa > không xác định, không cụ thể nhưng giàu sức gợi. *Dùng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.*

Tiểu kết:

? Qua những nội dung trên em có nhận xét gì về ngòi bút và tài năng nghệ thuật của NT?

Gv gợi ý cho hs trả lời từng ý theo câu hỏi

Hs trả lời theo gợi ý của gv

* Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo:

* Gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thủy chiến ở mặt trận sông Đà.

* Tổ chức cho HS thảo luận câu 4 SGK: Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?

Gợi ý:

+ Thoạt nhìn, em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến?

+ Kết quả ra sao?

- Ngòi bút tài hoa và biến hóa của Nguyễn Tuân đã thổi linh hồn cho Sông Đà, để vật thể vô tri hiện lên với những tính cách đối nghịch mà thống nhất.

- Sông Đà hiện lên với 2 vẻ đẹp: vừa dữ dội, hung bạo, hung vĩ vừa dịu dàng, nên thơ, trữ tình > nguồn cảm hứng vô tận cho nghệ thuật.

- Nét tài hoa, uyên bác trong nhìn nhận, khám phá, miêu tả thiên nhiên đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút.

- Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây.

2. Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo:

- Tính chất cuộc chiến: không cân sức
+ Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật giữa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngổ ngược, hỗn hào và nham hiểm
→ dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.

+ Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.

- Kết quả: Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.

+ Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đèo sấn được sóng gió, nắm

+ Nguyễn Tuân cho thấy nguyên nhân làm nên chiến thắng của con người có hệ bí ẩn không? Đó chính là điều gì?

?Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của NT, thiên nhiên Tây Bắc quý như vàng nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là vàng mười của đất nước ta?

Hs làm việc trong vòng 2 phút, gv gọi đại diện nhóm lên trình bày

Gv bổ sung chốt ý

* GV thuyết giảng

? Thử phát hiện nét độc đáo trong cách khắc họa nhân vật ông lái đò?

* Hướng dẫn HS vận dụng phép so sánh *Người lái đò sông Đà* với tp *Chữ người tử tù* viết trước CM ở phương diện khắc họa con người.

? Có thể xem NLĐSD như một khúc hùng ca, ca ngợi điều gì?

(G: nhìn con người ở phương diện tài hoa, nghệ sĩ; tạo tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ phẩm chất.

cái đẹp, người tài không còn gắn với 1 số ít con người trong xã hội.

chặt cái bờm sóng mà thuận phục sự hung hãn của dòng sông.

+ Những tảng đá tướng phải lộ sự tiu ngiũ, thất vọng qua bộ mặt xanh lè.

- Nguyên nhân làm nên chiến thắng: sự ngoan cường, dũng cảm, tài trí, chí quyết tâm và nhất là kinh nghiệm dò giang sông nước, lên thác xuống ghềnh.

* Nhận xét:

+ Thiên nhiên: vàng; con người lao động: vàng mười → trong cảm xúc thẩm mỹ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả.

+ Con người được ví với khối vàng mười quý giá lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh.

+ Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của Con Người.

➤ Nét độc đáo trong cách khắc họa:

- Tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ.

- Tạo tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ phẩm chất.

- Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình.

=>Khúc hùng ca ca ngợi con người, ca ngợi ý chí của con người, ca ngợi lao động vinh quang đã đưa con người tới thắng lợi trước sức mạnh tựa thánh thần của dòng sông hung dữ. Đó chính là những yếu tố làm nên chất vàng mười của nhân dân Tây Bắc và của những người lao động nói chung.

III/ Tổng kết:

<p>Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết bài học</p> <p>?. <i>Người lái đò sông Đà</i> ngợi ca điều gì?</p> <p>?. Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân?</p> <p>Hs trình bày từng ý Gv yêu cầu hs làm bài tập trong sgk.</p> <p>Hs làm vào vở bài tập</p>	<p>- Tác phẩm: Ngợi ca vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên và nhất là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc</p> <p>- Tác giả Nguyễn Tuân: + Tình yêu đất nước say đắm, thiết tha. + Lao động nghệ thuật nghiêm túc, cần cù, công phu. + Tài hoa, uyên bác trong việc dùng chữ nghĩa.</p> <p>IV/ Luyện tập:</p> <p>- Làm câu 5 phần Hướng dẫn học bài ở lớp</p> <p>- Làm bài tập 1,2 phần Luyện tập ở nhà</p>
---	--

***Củng cố, luyện tập:**

- Củng cố:

Nhắc lại nội dung kiến thức bài học

- Luyện tập:

Lập dàn ý phân tích hình tượng người lái đò sông Đà

*** Hướng dẫn hs học bài:**

- Bài cũ:

Nắm nd bài học: hình tượng sông Đà và người lái đò sông Đà

Bài mới:

Tìm hiểu thêm Người lái đò sông Đà.

Tuần 14

Ngày dạy :

Tiết 42* ; Tìm hiểu thêm ;
NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ
-Trích- Nguyễn Tuân-

1/ Mục tiêu bài học:

Giúp HS:

a. Về kiến thức:

Vẻ đẹp đa dạng của sông Đà(hung bạo, trữ tình) và người lái đò sông Đà (trí dũng, tài hoa) trên trang văn Nguyễn Tuân

- Vốn từ ngữ dồi dào, biến hóa; câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu hình ảnh và nhịp điệu; những ví von so sánh liên tưởng, tưởng tượng độc đáo bất ngờ.

b. Về kĩ năng:

Vận dụng vào làm bài tập về hình tượng người lái đò và con sông Đà

c. Về thái độ

Giúp con người thêm yêu quê hương đất nước, yêu những con người lao động giàu ý chí, kiên cường dũng cảm trong lao động hàng ngày

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của giáo viên

-**Phương tiện thực hiện:** Giáo án, SGK, SGV, thiết kế bài dạy, tư liệu tham khảo

-**Cách thức tiến hành:** GV tiến hành giờ dạy theo các phương pháp: gợi ý hs làm bài tập, làm bài tập cá nhân.

b. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập

- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình dạy học:

* Ổn định tổ chức:

a. Kiểm tra bài cũ: không

Đặt vd vào bài mới: Hai tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu Người lái đò sông Đà, phân tích hình tượng con sông Đà trữ tình và thơ mộng, người lái đò sông Đà trí dũng tài hoa, dũng cảm trên sông nước. Để hiểu rõ hơn nội dung tác phẩm này, cô trò ta sẽ đi tìm hiểu tiếp

b. Bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv : phân tích hình tượng con sông Đà hung bạo và trữ tình trong tùy bút Người lái đò sông Đà ?</p> <p>Gv gợi ý hs tìm chi tiết trong bài học, lập dàn ý về 2 tính cách của sông Đà : hung bạo và trữ tình</p> <p>Gọi 2 hs lên trình bày</p> <p>Gv chốt ý, bổ sung</p>	<p>1, Bài tập 1</p> <p>a. MB</p> <p>Nguyễn Tuân là cây bút tài hoa , uyên bác , cả đời say mê tìm kiếm vẻ đẹp của cuộc sống . Ông có sở trường về thể loại tùy bút . Một trong những sáng tác tiêu biểu của ông là tùy bút " Người lái đò sông Đà" . Tác phẩm đã khắc hoạ vẻ đẹp đa dạng vừa hung bạo vừa trữ tình của con sông Đà và ca ngợi người lái đò giản dị mà kì vĩ trên dòng sông .</p> <p>b. TB</p> <p>* Giới thiệu chung .</p> <p>Tùy bút "Người lái đò sông Đà" được in trong tập tùy bút "Sông Đà" (1960), gồm 15 bài tùy bút và một bài thơ ở dạng phác thảo. Tác phẩm được viết trong thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc. Đó là kết quả của chuyến đi thực tế của nhà văn đến Tây Bắc trong kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là chuyến đi thực tế năm</p>

	<p>1958. Nguyễn Tuân đến với nhiều vùng đất khác nhau, sống với bộ đội, công nhân và đồng bào các dân tộc. Thực tiễn xây dựng cuộc sống mới ở vùng cao đã đem đến cho nhà văn nguồn cảm hứng sáng tạo.</p> <p>Ngoài phong cảnh Tây Bắc uy nghiêm, hùng vĩ và tuyệt vời thơ mộng, NT còn phát hiện những điểm quý báu trong tâm hồn con người mà ông gọi là “thứ vàng mười đã được thử lửa, là chất vàng mười của tâm hồn Tây Bắc.”</p> <p>Qua “Người lái đò sông Đà”, Nguyễn Tuân với lòng tự hào của mình đã khắc hoạ những nét thơ mộng, hùng vĩ nhưng khắc nghiệt của thiên nhiên đất nước qua hình ảnh con sông Đà hung bạo và trữ tình. Đồng thời, nhà văn cũng phát hiện và ca ngợi chất nghệ sĩ, sự tài ba trí dũng của con người lao động mới : chất vàng mười của đất nước trong xây dựng CNXH qua hình ảnh người lái đò sông Đà. Từ đó nhà văn ca ngợi sông Đà, núi rừng Tây Bắc vừa hùng vĩ vừa thơ mộng, đồng bào Tây Bắc cần cù, dũng cảm, rất tài tử, tài hoa.</p> <p>*Phân tích hình tượng dòng sông Đà</p> <p>Trước hết , con sông đà được Nguyễn Tuân miêu tả là dòng sông hung bạo , dữ dội . Khi hung bạo, sông Đà là kẻ thù số một sẵn sàng cướp đi mạng sống con người, có tâm địa độc ác như người di ghê. Để khắc hoạ tính cách của sông Đà, tác giả đã dựng lại khúc sông nguy hiểm . Đó là đoạn cảnh đá bờ sông dựng đứng vách thành: chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu. Đó là quãng Hát Loóng dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng , sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua đây. Lại một đoạn sông khác, sông Đà là cái hút nước xoáy tít. Có những thuyền đã bị nó hút tụt xuống, thuyền trồng cây chuối ngược rồi vụt biến đi đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Nhưng dữ dội nhất là ở những thác đá. Nguyễn Tuân đã buộc sự dữ dội, nham hiểm của sông Đà phải hiện lên</p>
--	---

thành hình và gào thét bằng trăm ngàn âm thanh. Chưa thấy sông nhưng người ta đã bị đe dọa bởi tiếng thác nước nghe như oán trách gì, rồi lại như van xin, rồi lại như khiêu khích, giọng nghe gần mà chế nhạo. Tác giả đã dựng lại cuộc thủy chiến giữa sông Đà và người lái đò để lột tả cho được tính hung bạo của nó và tài nghệ của người lái đò. Thác đá được xếp thành từng tuyến mà nhà văn gọi là thạch trận, nhằm ăn chết cái thuyền đơn độc. Ở tuyến một, thác đá mở ra năm cửa trận, bốn cửa tử, một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn. Ở tuyến hai, tầng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại nằm bên phía hữu ngạn. Ở tuyến ba, bên phải bên trái đều là luồng chết, luồng sống nằm ở giữa. Người lái đò phải nhắm đúng luồng sinh để vượt qua.

Bên cạnh tính cách hung bạo, dưới ngòi bút Nguyễn Tuân con sông Đà lại rất trữ tình, gợi bao cảm xúc làm mê say lòng người. Khi trữ tình, sông Đà hiền hoà, mềm mại, huyền ảo như mái tóc của một phụ nữ kiều diễm: con sông tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mây mù khói núi Mèo nương xuân.

Không chỉ đẹp ở hình dáng, sông Đà còn gợi cảm ở màu sắc, mà tác giả đã bao lần dày công quan sát mới nói hết được vẻ đẹp đó đây: Mùa xuân dòng sông xanh ngọc bích (nghĩa là một màu xanh trong và sáng); mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như mặt người bầm đi vì rượu bữa. Đặc biệt là không khí hoang dại, tĩnh lặng: Bờ sông hoang dại như bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Để lột tả không khí đầy thơ ấy. Nguyễn Tuân đã tả đàn hươu ngẩng đầu ngơ ngác mơ một tiếng còi sương, và cái nắng tháng ba Đường thi Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu, gợi tâm sự của người tình nhân chưa quen biết! Lúc này, không thấy đâu con sông Đà diện mạo và tâm địa độc ác, mà chỉ thấy tình cảm của

Gv : yêu cầu hs phân tích chứng minh hình tượng người lái đò sông Đà trong đoạn trích Người lái đò sông Đà

Hs : tìm dẫn chứng, lập dàn ý

Gv chữa và chốt nội dung

dòng sông đối với con người như một cố nhân, xa thì thấy nhớ thương, gặp lại thì thấy mừng vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Còn con sông lại mang bao rung động yêu thương như nhớ những hòn đá xa xôi để lại nơi thượng nguồn . Khi tả con sông Đà trữ tình, Nguyễn Tuân đã sử dụng những câu văn nhẹ nhàng, êm ái. Câu ngắn, vị ngữ diễn tả trạng thái bình lặng, để lại trong lòng người âm hưởng mê mẫn mang, thơ mộng

c . **Kết bài**

Trong tùy bút " Người lái đò sông Đà" , nhà văn Nguyễn Tuân đã rất thành công trong việc sử dụng nhiều thuật ngữ của các ngành nghề khác nhau nhằm miêu tả vẻ hùng vĩ , thơ mộng của con sông Đà và mở ra bao liên tưởng độc đáo , bất ngờ trong tâm trí người đọc . Qua đó , ta thấy được tài hoa , vốn văn hoá uyên thâm và phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân . Đồng thời ta còn thấy được cảm hứng ngợi ca , tự hào về chất vàng thiên nhiên , về giang sơn gấm vóc Việt Nam của tác giả .

2, Bài tập 2

a. Mở bài

Trong tác phẩm Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân đã khắc họa con sông Đà thơ mộng đầy sức sống, vừa dữ dội, mãnh liệt, vừa trữ tình, thơ mộng. Và, trên dòng sông ấy, hiện lên sừng sững người lái đò hiên ngang, vững chãi, tự do và đẹp như một huyền thoại. Hình tượng người lái đò đã mang đậm phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân, nhà văn luôn say mê cái đẹp và suốt đời đi tìm cái đẹp

b. Thân bài

*. Lai lịch và ngoại hình người lái đò sông Đà

Khi được tác giả hỏi chuyện, người lái đò đã 70 tuổi, làm nghề đò dọc mười năm liền và đã nghỉ làm nghề đôi chục năm. Nhưng mười năm người lái đò đã in dấu ấn khá đậm ở ngoại hình ông lão : Tay ông lêu nghêu như cái sào. Chân ông lúc nào cũng

khuyễn khuất, gò lại như kẹp lấy một
cối gỗ lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như
tiếng nước trước mặt ghềnh sông, nhỡn giới
ông vọi vọi như lúc nào cũng mong một cái
bến xa nào đó trong sương mù. Những dòng
này được nhà văn viết ra không chỉ để giới
thiệu ngoại hình một con người mà còn để
ca ngợi sự gắn bó, yêu quý nghề ở chính
người đó. Nguyễn Tuân là nhà văn luôn nén
câu văn của mình nhiều điều muốn nói,
"hàm lượng thông tin" ở đó không bao giờ
chỉ ở một tầng hiển ngôn

*. Tính cách người lái đò sông Đà

- Sự từng trải

Những nét tả ngoại hình của nhà văn cho
thấy người lái đò thực sự là người từng trải,
thành thạo nghề. Chưa đủ, Nguyễn Tuân
còn cho biết : người lái đò còn là một linh
hồn muôn thuở của sông nước này; ông làm
nghề đò đã mười năm liền, trên sông Đà,
ông xuôi, ông ngược hơn một trăm lần rồi,
chính tay ông giữ lái độ sáu chục lần... Sự
từng trải của người lái đò còn thể hiện,
dòng sông Đà với bảy mươi ba con thác
nhưng ông đã lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như
đóng đinh vào lòng tất cả những luồng
nước của tất cả các con thác hiểm trở. Hơn
thế nữa, sông Đà đối với ông lái đò ấy, như
một trường thiên anh hùng ca mà ông
thuộc lòng đến cả những cái chấm than
chấm câu và cả những đoạn xuống dòng.
Không phải bỗng dưng mà nhà văn nổi
tiếng tài tử lại đưa vào trang viết của mình
tỉ mỉ các ngọn thác, thời gian ông lái đò làm
nghề. Phải chi li, cụ thể như vậy mới thấy
hết sự từng trải, gắn bó của với nghề đến
độ kỳ lạ ở ông lão lái đò. Đây cũng là cách
nhà văn bày tỏ nỗi thán phục của chính
mình về một con người như được sinh ra từ
những con sóng, ngọn thác hung dữ ở sông
Đà

- Lòng dũng cảm :

Chỉ từng trải thôi chưa đủ, đối với con sông
Đà, ai chế ngự được nó đòi hỏi phải có lòng

dũng cảm, gan dạ, mưu trí, nhanh nhẹn và cả sự quyết đoán nữa. Nguyễn Tuân đưa nhân vật của mình vào ngay hoàn cảnh khốc liệt mà ở đó, tất cả những phẩm chất ấy được bộc lộ, nếu không phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Nhà văn gọi đây là cuộc chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường sông Đà, trên một quãng thủy chiến ở mặt trận sông Đà. Đó chính là cuộc vượt thác đầy nguy hiểm chết người, diễn ra nhiều hồi, nhiều đợt như một trận đánh mà đối phương đã hiện ra diện mạo và tâm địa của kẻ thù số một :

... Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xoá cả một chân trời. Đá ở đây ngàn năm vẫn mai phục hết trong dòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhồm cả dậy để vỗ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngổ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này... Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lủi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn...

Trong thạch trận ấy, người lái đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Khi sông Đà tung ra miếng đòn hiểm độc nhất là nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng đặng lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo nập, ông lão vẫn không hề nao núng, bình tĩnh, đầy mưu trí như một vị chỉ huy, lái con thuyền vượt qua ghềnh thác. Ngay cả khi bị thương, người lái đò vẫn cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch như cái luồng sóng đánh hồi lũng, đánh đòn tia, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. "Phá xong cái trùng vi thạch trận thứ nhất", người lái đò "phá luôn vòng

vây thứ hai". Ông lái đò đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Đến vòng thứ ba, ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả, nhưng người lái đò chủ động "tấn công": Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là kết thúc.

- Nghệ sĩ tài hoa :

Nổi bật nhất, độc đáo nhất ở người lái đò sông Đà là phong thái của một nghệ sĩ tài hoa. Khái niệm tài hoa, nghệ sĩ trong sáng tác của Nguyễn Tuân có nghĩa rộng, không cứ là những người làm thơ, viết văn mà cả những người làm nghề chằng mấy liên quan tới nghệ thuật cũng được coi là nghệ sĩ, nếu việc làm của họ đạt đến trình độ tinh vi và siêu phàm. Trong người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân đã xây dựng một hình tượng người lái đò nghệ sĩ mà nhà văn trân trọng gọi là tay lái ra hoa. Nghệ thuật ở đây là nắm chắc các quy luật tất yếu của sông Đà và vì làm chủ được nó nên có tự do.

Song, quy luật ở trên con sông Đà là thứ quy luật khắc nghiệt. Một chút thiếu bình tĩnh, thiếu chính xác, hay lỡ tay, quá đà đều phải trả giá bằng mạng sống. Mà ngay ở những khúc sông không có thác nó dễ dãi tay dại chân mà buồn ngủ như người Mèo kêu mỗi chân khi dẫm lên đồng bằng thiếu dốc thiếu đèo. Chung quy lại, nơi nào cũng hiểm nguy. Ông lão lái đò vừa thuộc dòng sông, thuộc quy luật của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này, vừa nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Vì thế, vào trận mạc, ông thật khôn khéo, bình tĩnh như vị chỉ huy cầm quân tài ba. Mọi giác quan của ông lão đều hoạt động trong sự phối hợp nhịp nhàng, chính xác. Xong trận, lúc nào cũng ung dung, thanh thản như chưa từng vượt thác: Sóng thác xèo xèo tan ra trong trí

nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ, cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang ca mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi túa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Như những nghệ sĩ chân chính, sau khi vắt kiệt sức mình để thai nghén nên tác phẩm không mấy ai tự tán dương về công sức của mình. Nhà văn Nguyễn Tuân đưa ra một lời nhận xét : Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy sự sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp, đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo. Phải chăng người lái đò anh hùng có lẽ dễ thấy, nhưng nhìn người lái đò tài hoa, người lái đò chỉ có Nguyễn Tuân. Và, lời ghi chú của nhà văn thật đáng để suy ngẫm !

c. Kết luận :

Nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là nhân vật chính diện luôn được nhà văn chú ý mô tả ở phương diện tài hoa, nghệ sĩ. Nếu như trước cách mạng tháng Tám 1945, theo Nguyễn Tuân, cái tài hoa chỉ có ở lớp nhà nho trong quá khứ thì nay, trong Người lái đò sông Đà và nhiều tác phẩm khác, tác giả đã tìm thấy và khẳng định cái đẹp ở ngay trong cuộc sống hàng ngày của người dân lao động, trong hiện tại của đất nước. Cuộc đời của người lái đò vô danh, không tên tuổi, nơi có những ngọn thác hoang vu, khuất nẻo kia là cả một thiên anh hùng ca, một pho nghệ thuật tuyệt vời.

Nếu như thiên nhiên sông Đà trong tác phẩm của Nguyễn Tuân là "kẻ thù số một" của con người, thì cũng chính thiên nhiên, qua ngòi bút của nhà văn là nơi đã tôn vinh giá trị con người vào lao động.

c. Củng cố, luyện tập:

- Củng cố:

Nhắc lại nội dung kiến thức bài học

- Luyện tập:

Viết phần mở bài cho bài tập 2

d. Hướng dẫn hs học bài:

- Bài cũ:

Nắm nd bài học: hình tượng sông Đà và người lái đò sông Đà

Bài mới:

Tìm hiểu Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.

Tuần 15

Ngày dạy :

Tiết 43 : Làm văn :

CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu bài học:

Giúp hs:

a. Về kiến thức :

- Một số lỗi về lập luận
- Cách sửa chữa lỗi về lập luận.

b. Về kĩ năng :

- Nhận diện, phân tích các lỗi về lập luận trong một số văn bản nghị luận
- Sửa chữa lỗi về lập luận.
- Có kĩ năng tạo lập các văn bản nghị luận có lập luận chặt chẽ sắc sảo

c. Về thái độ

- Có ý thức thận trọng để tránh lỗi về lập luận.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- SGK, SGV, tư liệu tham khảo, bảng phụ
- Phương pháp quy nạp, phân tích, phát vấn...
- Hoạt động nhóm...

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp:

***Ổn định tổ chức**

a. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi : Trong khi viết văn chúng ta thường mắc những lỗi nào? Hãy kể tên những lỗi thường gặp?

ĐA: Chưa có luận điểm, Lan man, thiếu luận cứ....

* Lờ vào bài : Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi thường gặp để tìm cách phân tích và sửa chữa khi viết văn nghị luận.

b. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Hđ 1: Lỗi liên quan đến luận điểm</p> <p>Bài tập 1: GV cho HS thảo luận theo nhóm sau đó nhận xét: Những đoạn văn sau luận điểm mắc lỗi gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1: đoạn văn a + Nhóm 2: đoạn văn b + Nhóm 3: đoạn văn c <p>Gv yêu cầu các nhóm làm việc trong 3 phút, sau đó gọi đại diện nhóm lên trình bày</p> <p>Hs: đại diện nhóm trình bày</p> <p>Bài tập 2: GV hướng dẫn HS chữa lại những đoạn văn trên cho đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS chữa lại các đoạn văn sao cho mỗi đoạn nêu rõ luận điểm - Sau khi HS đưa ra cách chữa đoạn văn của mình, gv yêu cầu một HS khác nhận xét, sau đó GV kết luận. + Luận điểm nêu ra không rõ, trùng lặp ý: “cảnh vật trong bài thơ thu điếu của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ”, “ngưng đọng, im lìm”, “cảnh sắc im ắng” + Luận điểm “Người làm trai thời 	<p>I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm:</p> <p>1. Bài tập 1: Lỗi nêu luận điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Việc nêu luận điểm chưa rõ ràng, nội dung trùng lặp mà không có sự nhấn mạnh hay phát triển ý b. Đoạn văn b: Luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng, không trình bày được đúng bản chất của vấn đề. c. Đoạn văn c: Luận điểm không rõ ràng, nhiều luận điểm nhưng không luận điểm nào được triển khai đầy đủ, chưa logic với luận cứ nêu ra. <p>2. Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn a: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa) - Đoạn văn a: nên thay từ “vắng vẻ” bằng một tính từ khác để phù hợp với các luận cứ - Đoạn văn b: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa) - Đoạn văn b: thay bằng luận điểm “Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh” - Đoạn văn c: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa) - Đoạn văn c: Luận điểm cần sửa lại là “VHĐG là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa” <p>* HS đọc ghi nhớ về các lỗi nêu luận điểm.</p>

xưa...đề mở mày, mở mặt với thiên hạ” dài dòng, không nêu được trọng tâm của luận điểm (ý nghĩa của nợ công danh theo quan niệm của PNL là gì)

+ Giữa luận điểm “VHDG ra đời từ...phát triển”, với luận cứ tiếp theo “Nhắc đến nó...cuộc sống” rời rạc và không có sự liên kết về nội dung

Hoạt động 2 : GV hướng dẫn HS tìm hiểu lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ.

- GV yêu cầu HS chỉ ra lỗi nêu luận cứ ở mỗi ví dụ và sửa lại cho đúng.

- GV cho HS thảo luận theo 3nhóm và trả lời. các thành viên tổ khác tham gia nhận xét và sửa chữa bổ sung.

Hs: đại diện nhóm trả lời

Gv: sửa chữa lỗi ở 3 đoạn văn trên

II. Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ:

1. Bài tập 1:

a. Lỗi nêu luận cứ: Dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra không chuẩn, chưa chính xác.

b. Lỗi nêu luận cứ: Luận cứ đưa ra không phù hợp với luận điểm.

c. Luận cứ lộn xộn không theo trình tự lô gic

=>Lỗi nêu luận cứ: luận cứ đưa ra thiếu chính xác, thiếu toàn diện.

2. Bài tập 2:

- Lỗi luận cứ: lộn xộn, không theo trình tự logic.

- Luận cứ không phù hợp với luận điểm.

* HS đọc ghi nhớ về các lỗi nêu luận cứ.

- Cần nêu rõ sự tương đồng giữa hình tượng thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ-tâm trạng riêng của Huy Cận, nhưng trong đó cũng hàm chứa tâm trạng của cái tôi thơ Mới.

- Sửa lại luận cứ:

“*Nắng ...sâu chót vót*”

- Luận cứ thiếu chính xác: “Đất nước...hoàn toàn” (sửa lỗi)

- Thiếu toàn diện: chỉ nêu dẫn chứng về Hai Bà Trưng không phù hợp với luận điểm “trong lịch sử...cũng có” (Bổ sung luận cứ)

- Sắp xếp luận cứ theo trình tự hợp lý

<p>Hđ 3: GV hướng dẫn HS tìm ra lỗi liên quan đến việc vận dụng cách thức lập luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS phân tích lỗi về cách thức lập luận và sửa chữa lại cho đúng - GV yêu cầu HS phân tích lỗi và sửa chữa đoạn. Sau đó Gv nhận xét. <p>- GV yêu cầu HS tìm lỗi của đoạn và chữa lại cho đúng.GV nhận xét câu trả lời và điều chỉnh bài của HS</p> <p>Hs: làm bài tập</p> <p>Gv: Qua các bài tập đã làm em rút ra kết luận gì về những lỗi nên tránh khi viết văn nghị luận?</p> <p>Hs: nhận xét và đọc phần ghi nhớ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luận cứ không phù hợp với luận điểm. “Ai chi Lăng...Bạch Đằng” các địa danh này không phải là “tên tuổi”. <p>III. Lỗi về cách thức lập luận</p> <p>1.Bài tập 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> Luận cứ không phù hợp với luận điểm. Luận cứ không phù hợp với luận điểm. Luận điểm và luận cứ lộn xộn không phù hợp <p>=> Lỗi về cách thức lập luận: trình bày luận cứ thiếu logic, lộn xộn. Hệ thống luận cứ không đủ làm sáng tỏ cho luận điểm chính.</p> <p>2.Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ xưa....Nguyễn Dữ, Đặng Trần Côn, Hồ Xuân Hương,Nguyễn Khuyến....chính là Nguyễn Du - Nam Cao viết nhiều về nông thôn: cái đói, nhân phẩm con người, số phận những con người bất hạnh...trong đó nổi bật lên là cái đói - Mùa thu đã thành một đề tài gọi nhiều cảm hứng....(bỏ Đỗ Phủ) <p>IV. Tổng kết: (ghi nhớ)/sgk</p>
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

- GV yêu cầu HS về nhà xem lại các lỗi ở bài viết số 3 và làm bài tập trong sách bài tập ngữ văn 12.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập của một số HS trong giờ trả bài cũ tại lớp.

d. Hướng dẫn học bài:

- Bài cũ:

Nắm được những lỗi khi lập luận để có thể viết bài văn tốt nhất

- Bài mới

Chuẩn bị bài mới: “Ai đã đặt tên cho dòng sông” (Hoàng Phủ Ngọc Tường); đọc thêm Những ngày đầu của nước Việt Nam mới.

Tuần 15

Ngày dạy:

Tiết: 44- 45 Văn

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG ?

Hoàng Phủ Ngọc Tường

Đọc thêm:

Những ngày đầu của nước Việt Nam mới

(Trích Những năm tháng không thể nào quên- Võ Nguyên Giáp)

1/ Mục tiêu bài học:

Giúp học sinh hiểu được:

a. Về kiến thức:

- Vẻ đẹp độc đáo đa dạng của sông Hương và tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng của tác giả dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu và cũng là cho đất nước.
- Lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ gợi cảm, giàu hình ảnh và nhịp điệu, nhiều so sánh liên tưởng mới mẻ bất ngờ thú vị, nhiều ẩn dụ nhân hóa điệp ngữ được sử dụng tài tình
- Những khó khăn ban đầu của nước VN Dân chủ cộng hòa, những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng chính phủ và chủ tịch HCM.
- Mqh khăng khít giữa đất nước và nhân dân giữa lãnh tụ và quần chúng
- Cảm hứng tự hào, giọng văn chân thành giản dị

b. Về kĩ năng:

- Đọc hiểu thể kí theo đặc trưng thể loại

c. Về thái độ:

Thêm yêu, tự hào về vẻ đẹp của sông Hương, của xứ Huế thân yêu; thêm trân trọng những thành quả mà Bác cùng nhân dân VN đã giành được và không ngừng đóng góp một phần bé nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-Phương tiện thực hiện:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.
- Tham khảo: “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”, “Hoa trái quanh tôi”
- Phương pháp: Gọi mở, phát vấn, thảo luận nhóm, thuyết giảng , bình, phân tích

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập
- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình lên lớp:

Ổn định lớp:

a.Kiểm tra bài cũ:

- **Câu hỏi:**Phân tích vẻ đẹp của Sông Đà trong t/p Người lái đò Sông Đà ?
- **Đáp án:** Từ trên cao nhìn xuống: dây thừng ngoằn ngoèo; mùa xuân dòng xanh ngọc bích, mùa thu nước lừ lừ chín đỏ, đầu tóc chân tóc bung nở hoa xoan hoa gạo; chuồn chuồn bướm bướm bay trên sông Đà; dải sông Đà lênh dênh bao nhiêu dải bấy nhiêu tình...

b. Bài mới

* Giới thiệu bài mới: Viết về dòng sông Hương độc đáo mới lạ và cũng hết sức tài hoa uyên bác chỉ có một nhà văn gắn bó tha thiết với xứ Huế tha thiết đậm đà mới cho những trang văn sâu sắc đến thế. Hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu bài kí ấy đó là Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường cùng bài đọc thêm: Những ngày đầu của nước VN mới

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>Hoạt động 1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm Gọi HS đọc SGK, tìm hiểu * Vài nét về tác giả, tác phẩm: * Phong cách nhà văn:</p> <p>Hs đọc sgk, trình bày Gv gọi hs khác nhận xét, gv chốt ý</p>	<p>A. Ai đã đặt tên cho dòng sông I. Tìm hiểu chung: 1.Tác giả: - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 tại Huế. - Nguyên quán: Làng Bích Khê, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. - Học Trung học tại Huế, tốt nghiệp ĐHSP Sài Gòn năm 1960 và Đại học Huế năm 1964. - Từng là: Tổng thư ký Hội văn học nghệ thuật Trị Thiên - Huế, Chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên, Tổng biên tập tạp chí Cửa Việt. -> Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Ông là một trong những nhà văn chuyên về thể loại bút ký. Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được</p>

<p>Tìm hiểu văn bản: (HS đã đọc kỹ ở nhà, tìm hiểu chú thích).</p> <p>-Yêu cầu HS xác định bố cục văn bản, nêu đại ý mỗi đoạn</p> <p>Gv chia lớp làm 3 nhóm, nêu nội dung bố cục 3 đoạn(3 nhóm làm việc theo bố cục 3 đoạn)</p> <p>Gv gọi đại diện nhóm lên trình bày,gọi hs khác bổ sung, gv ghi ý đúng lên bảng</p> <p>Xác định chủ đề tác phẩm: Qua tác phẩm, theo em nhà văn muốn gửi gắm điều gì?</p> <p>Hs: trả lời cá nhân</p> <p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản?</p> <p>GV: Sông Hương vùng thượng lưu được tác giả miêu tả như thế nào? Những hình ảnh, chi tiết, những liên tưởng và thủ pháp, nghệ thuật nào cho thấy nét riêng trong lối viết kí của tác giả?</p> <p>Trong “ sử thi buồn”, Hoàng Phủ Ngọc Tường từng nói: “ <i>Trước khi về hội nhau ở ngã ba Tuần, cả hai nhánh nguồn của sông Hương đều đã rong ruổi triền miên qua địa bàn sinh sống của người Cà Tu giữa rừng già.Trước khi là sông Hương của Huế, nó đã là một dòng sông của dân tộc Cà Tu, mang cái tên gốc “Pô-ly-ê-diêng” là sông “A Pàng”.</i></p>	<p>tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa.</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Bố cục:</p> <p>- Đoạn 1: Từ đầu đến “dưới chân núi Kim Phụng”; Sông Hương vùng thượng lưu là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn.</p> <p>- Đoạn 2: Từ “Phải nhiều thế kỷ” đến “Quê hương xứ sở”: Sông Hương những mối quan hệ với kinh thành Huế.</p> <p>- Đoạn 3: Còn lại: Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca.</p> <p>b. Chủ đề:</p> <p>- Tình yêu và lòng tự hào tha thiết, lắng sâu dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế và càng làm cho đất nước văn hiến từ nghìn xưa.</p> <p>- Sông Hương là biểu tượng cho vẻ đẹp của cảnh và người đất kinh thành</p> <p>II. Đọc - hiểu văn bản:</p> <p>1. Hình tượng con sông Hương.</p> <p>a. Sông Hương từ góc độ thiên nhiên.</p> <p>* Sông Hương ở thượng nguồn.</p> <p>- <i>Khi qua dãy Trường Sơn hùng vĩ:</i></p> <p>+ Sông Hương là bản tình ca của rừng già; Rậm rộ và mãnh liệt , Dịu dàng và say đắm.</p> <p>+ Sông Hương nh một cô gái Di-gan phóng khoáng man dại.</p> <p>+ Rừng già đã hun đúc cho nó 1 bản tính gan dạ, 1 tâm hồn tự do, phóng khoáng.</p> <p>-> Trong cảm nhận hướng nội tài hoa của tác giả, đời sông tựa như đời người nên SH mang vẻ đẹp của một sức sống trẻ trung, mãnh liệt và hoang dại đầy cá tính.</p> <p>- <i>Khi ra khỏi rừng già:</i></p> <p>+ Đóng kín phần tâm hồn sâu thẳm của mình ở cửa rừng.</p> <p>+ Mang sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở.</p>
---	---

<p>+ “Pàng”, tiếng Cà Tu có nghĩa là đời người. + “A Pàng”, dòng sông “Đời người”, ôi dòng sông Huế, nó đã chở đầy phận người từ thưở giọt địa chất sinh ra. (<i>Sử thi buồn</i>). Hs: tìm chi tiết và lần lượt trả lời</p> <p>GV: Đoạn tả sông Hương chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố bộc lộ chất tài hoa của tác giả như thế nào? Hiệu quả thẩm mỹ của lối viết đó?</p> <p>GV: Từ sự đổi dòng liên tục của dòng sông, các em có cảm nhận gì về sức sống và tâm hồn của nó?</p> <p>Hs trình bày và nhận xét</p> <p>SH gặp gỡ Huế được miêu tả như thế nào?</p> <p>Hs: tìm chi tiết và lần lượt trả lời</p>	<p>-> Vẻ đẹp đầy bí ẩn, sâu thẳm của dòng sông. Tiểu kết: Bằng óc quan sát tinh tế và trí tưởng tượng phong phú, bằng việc sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá tài hoa, táo bạo, HPNT đã phát hiện và khắc hoạ vẻ đẹp mạnh mẽ, trẻ trung đầy cá tính của dòng sông, gọi lên ở người đọc những liên tưởng kì thú, gọi cảm, đầy sức hấp dẫn.</p> <p>* Về châu thổ:</p> <p>- <i>Sông Hương trên đờng tìm đến Huế:</i> + Giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại: Sông Hương là “<i>cô gái đẹp ngủ mơ màng</i>”. + Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vịnh này: Sông Hương như nàng tiên được đánh thức: Bùng lên sức trẻ và niềm khát khao của tuổi thanh xuân trong sự: <i>Chuyển dòng một cách liên tục, uốn mình theo những đờng cong thật mềm, nh một cuộc tìm kiếm có ý thức.</i></p> <p>+ Vẻ đẹp của dòng sông trở nên biến ảo. Vẻ đẹp của Huế nh trở thành vẻ đẹp của sông Hương. -> Sông Hương qua cái nhìn đầy lãng mạn của HPNT nh 1 cô gái dịu dàng mơ mộng đang khao khát đi tìm thành phố tình yêu của nó</p> <p>- <i>Sông Hương gặp gỡ Huế:</i> + Uốn 1 cánh cung rất nhẹ...-> Vẻ e lệ, ngượng ngùng khi gặp người trong mong đợi, sự thuận tình mà không nói ra. + Các nhánh sông toả đi khắp thành phố nh muốn ôm trọn Huế vào lòng. Sông Hương và Huế hoà lẫn vào nhau. + Sông Hương giảm hẳn lu tốc, xuôi đi thực chậm (điều slow) yên tĩnh: niềm say mê, khát vọng được gắn bó, lu lại mãi với mảnh đất nơi đây. -> Đọc nhìn từ góc độ tâm trạng, nên cuộc gặp gỡ của Huế và Sông Hương nh cuộc hội ngộ của tình yêu với nhiều cung bậc cảm xúc. Tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc, đa tình mà kín đáo, lãng lơ nhưng rất mực chung tình. Khéo trang điểm mà không lòe loẹt, giống như cô dâu Huế ngày xưa trong sắc áo điều lục.</p> <p>- <i>Sông Hương tạm biệt Huế để ra đi:</i></p>
--	--

<p>Sh rồi cũng phải chia tay với Huế, tâm trạng của nó được khắc họa như thế nào?</p> <p>Gv: Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc?</p> <p>Hs: dựa vào sgk tìm chi tiết chứng minh</p> <p>GV:Chữ <i>tài</i> và chữ <i>tâm</i> của HPNT</p>	<p>+ Rời khỏi kinh thành, sông Hương ôm lấy đảo Cồn Hến lu luyến ra đi.</p> <p>+ Đột ngột rẽ ngoặt lại để gặp thành phố yêu dấu một lần cuối.</p> <p>-> Quyến luyến, ngập ngừng, bịn rịn không nỡ rời xa.</p> <p><i>Tiểu kết:</i> - Cách tiếp cận đối tượng bằng nhiều ngành nghệ thuật nh hội họa, âm nhạc; NT nhân hóa, so sánh đầy mới lạ, bất ngờ làm cho sông Hương, xứ Huế trở nên có linh hồn, có sự sống. Đó là cuộc trở về, gặp gỡ của cô gái si tình - sông Hương</p> <p>- đang say đắm trong tình yêu.</p> <p>- Nhà văn: Tâm hồn đa cảm, lãng mạn; cách viết tài hoa.</p> <p>b. Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc.</p> <p>- Là 1 dòng sông anh hùng:</p> <p>+Từ xa xa: Là dòng Linh Giang (dòng sông thiêng) ghi dấu những thế kỷ vinh quang thưở các Vua Hùng.</p> <p>+Thời trung đại: Là dòng sông bảo vệ biên thùy “dòng sông Viễn Châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của tổ quốc Đại Việt qua những thế kỷ trung đại”.</p> <p>. Từng soi bóng “<i>kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ.</i>”</p> <p>+ Thời chống Pháp: . “<i>Nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỷ XIX với máu của những cuộc khởi nghĩa.</i>”</p> <p>+ Đi vào thời đại CMT8 với những chiến công rung chuyển.</p> <p>+ Thời chống Mĩ: mùa xuân Mậu Thân</p> <p>- Sông Hương cùng với thành phố Huế cũng chịu nhiều đau thương mất mát.</p> <p><i>Tiểu kết:</i>- Sông Hương là dòng sông có bề dày lịch sử nh một người con gái anh hùng. Với cuộc đời: sông Hương là nhân chứng nhẫn nại và kiên cường qua những thăng trầm của cuộc đời.</p> <p>- Sử thi mà trữ tình, bản hùng ca mà cũng là bản tình ca dịu dàng. Đó là nét độc đáo của xứ Huế,</p>
---	--

thể hiện trong tác phẩm?	của Sông Hương đọc tác giả khám phá và khắc hoạ từ góc độ lịch sử.
--------------------------	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Trả lời câu hỏi 1,2 sau bài học

d. Hướng dẫn học bài:

- Bài cũ:

Học bài ghi nhớ những nội dung và nghệ thuật đặc sắc?

- Bài mới:

Tìm hiểu tiếp Ai đã đặt tên cho dòng sông; Những ngày đầu của nước VN mới

Tuần 15

Ngày dạy:

Tiết: 45 Văn

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG ?

Hoàng Phủ Ngọc Tường

Đọc thêm:

Những ngày đầu của nước Việt Nam mới

(Trích Những năm tháng không thể nào quên- Võ Nguyên Giáp)

(Tiếp theo)

***Tiến trình lên lớp:**

- Ổn định lớp:

- Kiểm tra bài cũ:

- Bài mới

* Giới thiệu bài mới: Tiết trước cô trò đang tìm hiểu đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường . Hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu bài kí ấy cùng bài đọc thêm: Những ngày đầu của nước VN mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv chuyển ý	A. Ai đã đặt tên cho dòng sông I. Tìm hiểu chung: II, Đọc hiểu văn bản

<p>Gv: Trong mối quan hệ với văn hóa, âm nhạc và thi ca SH được thể hiện ra sao?</p> <p>Tại sao nói SH là một dòng sông thi ca?</p> <p>Hs dựa vào sgk trình bày và lí giải</p> <p>Cảm nghĩ của em về SH ở góc độ âm nhạc?</p> <p>Còn gắn với vẻ đẹp của một vùng xứ sở giàu văn hóa, điều đó được thể hiện qua những chi tiết nào?</p>	<p>1. Hình tượng con sông Hương.</p> <p>a. Sông Hương từ góc độ thiên nhiên.</p> <p>b. Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc.</p> <p>c. Sông Hương với cuộc đời, thi ca và âm nhạc:</p> <p>- SH một dòng sông thi ca. “Một dòng thơ không lặp lại mình”. Đó là:</p> <p>. “Dòng sông trắng – lá cây xanh” trong thơ Tản Đà.</p> <p>. Là nổi quan hoài vạn cổ trong thơ Bà Huyện Thanh Quan.</p> <p>. Là vẻ đẹp hùng tráng “như kiến dựng trời xanh” trong thơ Cao Bá Quát.</p> <p>. Và nhất là Nguyễn Du: “<i>Hương giang nhất phiến nguyệt- kim cổ hứa đa sâu</i>”.</p> <p>. Xin nói thêm: Cả cái “<i>Màu thời gian tím ngắt</i>” của Đoàn Phú Tứ, “<i>nhân loại tím</i>” của Trần Dần cũng từ màu tím Sông Hương mà ra.</p> <p>-> Sông Hương luôn đem đến nguồn cảm hứng mới mẻ, bất tận cho các nghệ sĩ.</p> <p>- SH một dòng sông âm nhạc</p> <p>. Sông Hương gắn với nhã nhạc cung đình Huế:</p> <p>. Có lúc trở thành “<i>Người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya</i>”.</p> <p>. Sông Hương là Kiều trong mối quan hệ “<i>Thi trung hữu nhạc</i>”: -> Đó là “<i>Từ đại cảnh</i>” trong hai câu thơ: “<i>Trong như tiếng hạc bay qua - Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.</i>”</p> <p>- Dòng sông gắn với những phong tục, với vẻ đẹp tâm hồn của người dân xứ Huế.</p> <p>+ Màn song khói trên sông Hương là màu áo điện lục, 1 sắc áo cối của các cô dâu trẻ trong tiết song giáng.</p> <p>+ Vẻ trầm mặc sâu lắng của sông Hương cũng nh 1 nét riêng trong vẻ đẹp tâm hồn</p>
--	--

<p>Hình tượng cái tôi trong bài được thể hiện như thế nào? Gv gợi ý cho hs tìm chi tiết và lần lượt trình bày</p> <p>Cảm nhận chung khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài kí?</p> <p>Hs trình bày và đọc ghi nhớ sgk</p> <p>HD 1: Tìm hiểu tác giả, hồi kí “ Những năm tháng không thể nào quên” - Gọi hs đọc phần tiểu dẫn và thực hiện yêu cầu sau: đôi nét về VNG, kể tên những tập hồi kí của tác giả.</p> <p>Giới thiệu đôi nét về thể loại hồi kí</p> <p>Hs: dựa vào sgk, trình bày</p>	<p>của ngôi xứ Huế: rất dịu dàng và rất trầm t.</p> <p><i>Tiểu kết:</i> Với kiến thức uyên bác, HPNT đã lí giải về đẹp văn hóa phong phú của sông Hương, về đẹp gắn liền với xứ Huế, với con ngôi Huế.</p> <p>2. Hình tượng cái Tôi trong bài bút kí: - Tình yêu thiết tha, say đắm của tác giả đối với cảnh và ngôi nơi xứ Huế (D/c). - Phong cách viết kí của HPNT: Phóng túng, tài hoa, giàu thông tin văn hoá, địa lí, lịch sử và giàu chất trữ tình lãng mạn (D/c).</p> <p>III. Tổng kết - Bài kí lột tả được vẻ đẹp đa dạng, phong phú của sông Hương, cũng là của xứ Huế, con ngôi Huế. - Tình yêu thiết tha, say đắm của tác giả đối với cảnh và ngôi nơi đây. - Phong cách viết kí của HPNT: Phóng túng, tài hoa, giàu thông tin văn hoá, địa lí, lịch sử và giàu chất trữ tình lãng mạn.</p> <p>B. Những ngày đầu của nước VN mới I/ Giới thiệu chung: 1/ Tác giả: - Võ Nguyên Giáp sinh năm 1911, quê Quảng Bình. Là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, đảm đương nhiều chức trách quan trọng. - Các tác phẩm hồi kí: Những năm tháng không thể nào quên(1970), Chiến đấu trong vòng vây(1978), Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử(1994),...</p> <p>2/ Vài nét về tập hồi kí “ TKTNQ”” a)Thể loại hồi kí: +Ghi chép những gì xảy ra trong quá khứ trên cơ sở hồi tưởng + Tác giả: nổi tiếng +Hình thức: tự kể hoặc có người khác ghi lại và thể hiện. + Nội dung: cuộc đời mình, những sự</p>
--	--

<p>HD2: Tóm tắt nội dung của “NNTKTNQ”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc đoạn trích NNĐCNVN và phân chia bố cục nêu nội dung của từng đoạn - Theo em điểm nhìn của tác giả là bối cảnh của Đất nước ta năm nào?, tình hình Đất nước lúc đó như thế nào? 	<p>kiện lịch sử tiêu biểu, những biến động xã hội rộng lớn.</p> <p>+ nghệ thuật: tính xác thực cao.</p> <p>=> có giá trị văn học và xã hội, lịch sử.</p> <p>b) Nội dung của “ NNTKTNQ”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng tới tái hiện những sự kiện trọng yếu, những biến cố có tính chất bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam từ những ngày sục sôi trước cách mạng tháng tám đến những ngày gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, khắc hoạ hình ảnh những con người tiêu biểu của thời đại. - Nhân vật : người bình thường vô danh và những người lãnh đạo đất nước <p>=> Tái hiện lịch sử ở những nét lớn, những bức tranh toàn cảnh, có sự đánh giá, bình luận ở tầm khái quát</p> <p>c) Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước việt nam mới”</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Vị trí</u>: Thuộc chương 12 do nhà văn Hữu Mai thể hiện. - <u>Bố cục</u>: 4 đoạn * <u>Đoạn 1</u>: Từ đầu -> ập vào miền bắc. Tư thế đứng hiên ngang của dân tộc thời chống Mĩ, hồi tưởng về giờ phút hiểm nghèo của đất nước việt nam mới. * <u>Đoạn 2</u>: Tiếp theo->thêm trầm trọng. Những khó khăn của đất nước-“ ngàn cân treo sợi tóc” * <u>Đoạn 3</u>: Tiếp theo -> ba trăm bảy mươi kí lô gam vàng. Những biện pháp của chính quyền mới và tinh thần quyết tâm vượt khó khăn của toàn Đảng toàn dân ta. * <u>Đoạn 4</u> : còn lại. hình ảnh Bác Hồ <p>- Điểm nhìn trần thuật: bối cảnh đất nước ta năm 1970- cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt</p> <p>II. Tìm hiểu văn bản</p> <p>1) Cảm nghĩ của tác giả về nước VN</p>
--	--

<p>HD 3 : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản:</p> <p>- Câu hỏi 1 : Cảm nghĩ cụ thể của tác giả về NNĐCNVNМ như thế nào? Được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật gì?</p> <p>- Câu hỏi 2 : NVNM vừa mới khai sinh đã phải đương đầu với bao khó khăn, nguy nan nào?</p> <p>- <u>Câu hỏi 3</u> : Để đưa Đất nước vượt qua những khó khăn nguy nan ấy Đảng và Chính phủ đã có những quyết sách đúng đắn và sáng suốt như thế nào?(những dẫn</p>	<p>trong quá khứ:</p> <p>- Năm 1945 là thời kì làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngả ập vào miền Bắc; còn bây giờ mọi cách tô son trát phấn của đế quốc Mĩ với bọn ngụy quyền tay sai ở miền nam đều hoài công vô ích.</p> <p>- Năm 1945 nước Việt nam chưa có tên trên bản đồ thế giới, cả đông dương chỉ mang tên Indo - China thuộc Pháp; còn bây giờ là nước Việt nam dân chủ cộng hòa</p> <p>=> qua lối so sánh thể hiện tình cảm tự hào ngợi ca dân tộc tổ quốc</p> <p>2) Hình ảnh nước Việt nam mới:</p> <p>a) Những khó khăn khi nước Việt nam mới ra đời:</p> <p>- Nhận định: “ nằm giữa bốn bể hùm sói, phải tự dốc mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn”</p> <p>- cụ thể:</p> <p>* Đảng hoạt động bí mật, đảng viên công tác dưới danh nghĩa Việt minh. Chính quyền mới “ chưa được nước nào công nhận”</p> <p>* Kinh tế: ruộng đất vẫn trong tay địa chủ, bão lụt hạn hán liên miên, buôn bán với nước ngoài đình trệ, kho bạc chỉ còn có 1 triệu bạc rách.</p> <p>* Chính trị: nạn thất nghiệp tăng, nạn đói, dịch tả phát sinh và thực dân Pháp xâm lược</p> <p>=> khó khăn “ càng thêm trầm trọng”, là thách thức quá lớn đối với chính quyền cách mạng còn non trẻ</p> <p>b) Những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng và chính phủ:</p> <p>- Củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng</p> <p>- Giải tán chính quyền cũ, xây dựng bộ</p>
---	--

chứng cụ thể nào là tiêu biểu

- Câu hỏi 4 : Hình ảnh Bác Hồ được tác giả ghi lại trong đoạn trích này đã giúp em hiểu thêm gì về Bác trong những ngày mới khai sinh ra Nước VNDCCH?

HD 4 : Tổng kết củng cố :

- Qua đoạn trích em nhận xét gì về vai trò của Đảng và Bác Hồ đối với con thuyền CM Việt Nam

máy chính quyền mới, từ chính quyền cơ sở như HĐND, UB hành chính đến TW là quốc dân Đại hội, toàn dân đóng góp ý kiến cho dự án hiến pháp

- Thi hành một số chính sách mới như : địa chủ phải giảm tô 25%, xóa nợ cho nông dân, tòng dân tăng cường học chữ quốc ngữ, học tập thi cử đều miễn phí, động viên tinh thần đóng góp trong nhân dân, lập quỹ độc lập, kêu gọi đồng bào hưởng ứng “tuần lễ vàng”

=> Nội lực của Nước Việt Nam mới được nâng lên nhanh chóng.

c) Hình ảnh Bác Hồ-Người cầm lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng to gió lớn:

- Toàn tâm, toàn ý vì dân, vì nước : “Ồ Người, ...trong tình cảm”

- Chủ trương xây dựng mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân.

- Đề ra 3 mục tiêu quan trọng : Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm(dựa vào lực lượng và tinh thần của dân).

- Lý tưởng và tấm lòng của Người được tác giả khái quát :

+ Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì.

+ Hạnh phúc cho dân đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững chính quyền ấy.

=> tác giả kết luận : “Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của Nước, của cách mạng

III/ Tổng kết :

1) Về nội dung : Những nỗ lực lớn của Đảng, các quyết sách kịp thời, thông

<p>- Nét đặc sắc của thể hồi kí từ đoạn trích</p>	<p>minh và đầy hiệu quả. Lý tưởng và lòng yêu nước lớn lao của Bác. 2) Về nghệ thuật : Diễm nhìn trần thuật của một người đại diện cho bộ máy lãnh đạo Đảng và Chính phủ, do đó các sự kiện được kể lại mang tính chất toàn cảnh, tổng thể, phát họa những nét lớn, tạo ấn tượng sâu sắc với nhiều người, làm cho tác phẩm này không phải là sách tự thuật về một cuộc đời mà gần như là cuốn biên niên sử của cả một dân tộc.</p>
---	--

*** Củng cố và luyện tập:**

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài học

- Luyện tập:

Tìm đọc thêm tập hồi kí NTNKTNQ; Thử so sánh hình ảnh Bác Hồ ở Tuyên ngôn độc lập và NNĐVN; so sánh hình tượng dòng sông Hương và sông Đà trong bài tùy bút và bài kí của HPNT

*** Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài:**

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học và bài đọc thêm

- Chuẩn bị bài mới:

Tìm hiểu tiếp Ai đã đặt tên cho dòng sông; Những ngày đầu của nước VN mới.

Tuần 15

Ngày dạy:

Tiết: 45b Văn

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG ?

Hoàng Phủ Ngọc Tường

Đọc thêm:

Những ngày đầu của nước Việt Nam mới

(Trích Những năm tháng không thể nào quên- Võ Nguyên Giáp)

1/ Mục tiêu bài học:

Giúp học sinh hiểu được:

a. Về kiến thức:

- Vẻ đẹp độc đáo đa dạng của sông Hương và tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng của tác giả dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu và cũng là cho đất nước.
- Lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ gợi cảm, giàu hình ảnh và nhịp điệu, nhiều so sánh liên tưởng mới mẻ bất ngờ thú vị, nhiều ẩn dụ nhân hóa điệp ngữ được sử dụng tài tình
- Những khó khăn ban đầu của nước VN Dân chủ cộng hòa, những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng chính phủ và chủ tịch HCM.
- Mqh khăng khít giữa đất nước và nhân dân giữa lãnh tụ và quần chúng
- Cảm hứng tự hào, giọng văn chân thành giản dị

b. Về kĩ năng:

- Đọc hiểu thể kí theo đặc trưng thể loại; phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

c. Về thái độ:

Thêm yêu, tự hào về vẻ đẹp của sông Hương, của xứ Huế thân yêu; thêm trân trọng những thành quả mà Bác cùng nhân dân VN đã giành được và không ngừng đóng góp một phần bé nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-Phương tiện thực hiện:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.
- Các tài liệu tham khảo khác
- Phương pháp: Gợi mở, phát vấn, thuyết giảng, bình, phân tích

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập
- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình lên lớp:

Ôn định lớp:

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Lời vào bài: Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu 2 tiết đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông và Những ngày đầu của nước VN mới. Để nắm vững nội dung bài học, hôm nay cô trò ta sẽ đi luyện tập tiết học này

b. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>Gv: Cho biết những nét chính về Hoàng Phủ Ngọc Tường?</p> <p>Hs: nhắc lại</p>	<p>I. Ai đã đặt tên cho dòng sông</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 tại Huế. Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Ông là một trong những nhà văn chuyên về thể loại bút ký.</p>

<p>Gv: phân tích hình tượng con sông Hương trong bài bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường?</p> <p>Gv hướng dẫn hs lập dàn ý sau đó sau đó gọi 2 hs lên trình bày</p> <p>Gv chốt ý bổ sung</p>	<p>Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa.</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>.Vẻ đẹp dòng sông Hương ở thượng nguồn hóng khoáng và man dại</p> <p>Sức sống mãnh liệt, hoang dại, dịu dàng, đắm say, như 'một bản trường ca của rừng già , rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn'. Khi chảy qua miền địa hình hiểm trở, sông Hương mang vẻ đẹp dữ dội: 'mãnh liệt qua ghềnh thác, cuộn xoăn như cơn lốc xoáy vào đáy vực bí ẩn', nhưng cũng có lúc lại 'dịu dàng, đắm say giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng'. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương như một 'cô gái Di-gan, phóng khoáng và man dại', bởi rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ , một tâm hồn tự do và trong sáng. Nghệ thuật: so sánh, tu từ, ẩn dụ và nhân hóa.</p> <p>.Sông Hương khi về đến ngoại vi thành phố 'Sắc đẹp dịu dàng , trí tuệ , người mẹ phù sa của một vùng văn hóa ,xứ sở', dòng sông duy nhất chỉ đi qua thành phố Huế. Với vốn hiểu biết sâu sắc về địa lí, văn hóa, lịch sử, tác giả miêu tả dòng sông thật sinh động với cảm nhận mang nhiều khác biệt.</p> <p>Sông Hương như 'người con gái đẹp ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại (hình ảnh thơ mộng gợi liên tưởng cổ tích đến nàng công chúa ngủ trong rừng), Dòng sông hiện lên với 'khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm'. Lưu vực êm ả, thanh bình, vui tươi giữa những bãi bờ xanh biếc , nhiều màu sắc trầm mặc, triết lí.</p> <p>Những lăng tẩm với 'giấc ngủ nghìn năm của vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm lan tỏa khắp cả một vùng thượng lưu'. Với những quan sát tinh tế, ngôn ngữ giàu hình tượng, so sánh, ẩn dụ , sông Hương trong dư vang Trường Sơn, dòng sông mềm như tấm lụa'. 'Những dãy đồi sừng sững như thành quách, với những</p>
--	--

đỉnh cao đột khởi :Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo', những ngọn đồi đã tạo ra những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời 'sớm xanh, trưa vàng ,chiều tím' rất lạ và đặc trưng như người Huế từng nhận xét.

Sự thay đổi tính cách của người con gái sông Hương đưa ta đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, một cô gái Digan,man dại và phóng khoáng đã trở nên dịu dàng, e lệ, như 'người con gái đẹp được người tình mong đợi đến đánh thức', 'người mẹ phù sa của cả một vùng văn hóa xứ sở'. Thoảng đâu đó, mơ hồ mà vang vọng trong tâm thức Huế là tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga, tiếng gà từ xóm làng trung du bát ngát,... Tình cảm về người con gái mang tên dòng sông cứ miên man chảy trong tôi khi đọc bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Và entry này như một niềm chia sẻ với em ...

Ai đó đã từng viết " Đất nước có nhiều dòng sông nhưng chỉ có một dòng sông để thương, để nhớ như đời người có nhiều cuộc tình nhưng chỉ có một cuộc tình để mãi mãi mang theo". Vâng, "một dòng sông để thương, để nhớ" của mỗi người rất khác nhau. Nếu tên tuổi Văn Cao gắn liền với sông Lô hùng tráng; nếu Hoàng Cầm là nỗi nhớ của ta khi ngang qua "Sông Đuống trôi đi một dòng lấp lánh"; nếu Hoài Vũ mãi là nhà thơ của con sông Vàm Cỏ đêm ngày thao thiết chở phù sa, thì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã song hành cùng sông Hương đi vào trái tim người đọc với "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"....

Có một huyền thoại vọng về từ làng Thành Trung, một ngôi làng trồng rau thơm ở Huế: Vì yêu quý con sông xinh đẹp, người dân hai bên bờ sông Hương đã nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước xanh thăm ấy mãi mãi thơm tho.

Phải chăng đó là cách lý giải tên của Hương Giang – con sông gắn liền với Huế, gắn liền với tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường?

Bút ký "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" được viết năm 1981, khi tác giả đã sống bên bờ sông Hương, sống trong lòng Huế hơn 40 năm trời, tình yêu máu thịt đối với quê hương cứ lớn lên từng ngày và nó hiện hữu ở mọi thời gian, mọi không gian.

Khi tác giả ngồi đọc truyện Kiều giữa mùa thu,

trong một khu vườn xưa cổ, nơi có những loài hoa đang nở, trái cây đang chín, yên tĩnh và khoáng đạt - khu vườn tọa lạc trên vùng đất mà Nguyễn Du từng sống nên thiên nhiên của "mảnh đất Kinh-xưa" đã in bóng trong thơ Nguyễn, ngược lại sông Hương và Huế đã gợi cho tác giả hình tượng của cặp tình nhân lý tưởng: Kim- Kiều.

Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một dòng chảy nào đáng yêu đến thế, sông Hương đến với Huế qua cái nhìn của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã mang hình ảnh một cô gái mỹ miều đến với tình yêu. Hãy ngắm nhìn nàng trước khi gặp Huế, đó là "một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại" "bản lĩnh và gan dạ" có một tâm hồn "tự do và trong sáng", đó là hình ảnh " bản trường ca của rừng già" rầm rộ và mãnh liệt nhưng cũng có lúc "dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng", nàng đã chế ngự sức mạnh bản năng của mình để đến lúc ra khỏi rừng già sẽ trở nên dịu dàng và trí tuệ.

Để đến với Huế, sông Hương phải băng qua một hành trình, phải chuyển dòng liên tục, như một cuộc kiếm tìm thiết tha và rạo rực, vô vàn địa danh mà dòng nước ấy đã trôi qua Hòn Chén, Ngọc Trản, Nguyệt Biều, Lương Quán, Thiên Mụ... người con gái Di-gan ấy đã đột ngột uốn mình theo một đường cong thật mềm nhưng "vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, để sắc nước trở nên xanh thẳm", nàng vẫn còn mang một vẻ buồn trầm mặc như triết lý, như cổ thi... cho đến khi gặp được tiếng chuông Thiên Mụ, nghe âm thanh bát ngát tiếng gà, từ ấy sông Hương rạo rờ như nắng mới, nàng uốn một cánh cung thật nhẹ, đến khi giáp mặt với thành phố, đường cong ấy làm cho nàng "mềm hẳn đi, như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu"- Cái phút ban đầu để đến với "người tình" của sông Hương như thế đấy! Nàng đã tự làm mới mình để hiến tặng những gì đẹp nhất cho người yêu.

Sông Hương - dòng sông thuộc về một thành phố duy nhất - đã rời cuộc sống hoang dã của rừng để đến với Huế và chỉ Huế mà thôi, nàng như "sông Xen của Paris, sông Đanuýp của Budapet..." chảy trong lòng thành phố yêu quý của mình nhưng khác ở chỗ nàng đẹp một cách huyền hồ như đang che khuôn mặt diễm kiều bằng tấm voan sương khói, nàng trôi lặng lẽ với nghìn ánh hoa đăng vào

hội rằm tháng 7 bỗng bênh chao nhẹ trên mặt nước như vương vấn một nỗi lòng . Tôi chợt nhớ đến một câu nói "có những dòng tình cảm, rất sâu nên rất đổi lặng lẽ", dòng chảy êm đềm của sông Hương hay chính là tình yêu sâu lắng mà nàng dâng tặng cho thành phố Huế? Vẻ đẹp của sông Hương còn là vẻ đẹp của một nền văn hóa, vẻ đẹp của người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya ,toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh sôi trên mặt sông này và hơn thế khắp lưu vực sông còn vang vọng những điệu hò dân dã, những điệu hò thắm đằm tấm chung tình, thắm đằm lời thề của sông Hương trước phút chia tay với Huế mà trôi về biển cả. Nhưng chẳng phải bao giờ sông Hương cũng là người con gái đằm thắm ,dịu dàng, mềm mại trong lòng Huế, đã có một thời sông Hương "mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam" của Tổ quốc, vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân, "dòng sông của thời gian ngân vang", của lịch sử viết giữa màu cỏ xanh, lá biếc...

Sông Hương được nhìn như một người con gái đến với tình yêu, dâng tặng những vẻ đẹp mà mình có được cho người yêu, đắm mình trong tình yêu để khám phá và hoàn thiện bản thân. Từ một dòng sông hoang dại, bí ẩn, nàng đã trở thành một sông Hương rất mực dịu dàng, rất mực tài hoa, rất mực kiên cường, rất mực hy sinh...

Cho nên, từ khi có được sông Hương, Huế - chàng Kim của nàng- cũng có nhiều thay đổi. Từ hoang sơ với "cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại" hay kiêu hãnh âm u với những lăng tẩm đền đài đồ sộ, đã hóa thành vẻ đẹp cổ kính mà thơ mộng, khiến người con của Huế dù đến Pari, Budapét hay Leningrad vẫn đau đáu nhớ về một thành phố với nguyên dạng đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Huế càng lung linh hơn khi sông Hương chở trong lòng Huế những nét đặc thù của hội Hoa đăng, của ca Huế, man mác tiếng rơi của những mái chèo khuya. Có sông Hương, Huế trở thành biên thùy xa xôi của đất nước các vua Hùng, Huế chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam của Đại Việt, Huế là kinh thành của người anh hùng Nguyễn Huệ, Huế cùng sông Hương đi vào Cách mạng tháng 8 bằng những chiến công rung chuyển. Huế đã cống hiến xứng đáng cho Tổ quốc trong cuộc trường chinh máu lửa bên cạnh sông Hương - dòng sông của sử thi đã tự hiến đời mình làm một chiến

công.

Tình yêu của sông Hương và Huế - một tình yêu lãng mạn và âm vang sức sống, một tình yêu như một cuộc tìm kiếm và đuổi bắt, hào hoa và đam mê, bản hợp xướng diệu kỳ giữa thi ca và âm nhạc. Tình yêu ấy được vun đắp bởi ngòi bút tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường, đưa con thân yêu của Huế, yêu Huế, yêu sông Hương, nhìn ngắm sông Hương khi gần kề để phát hiện ra dòng sông ấy "đang đổi sắc không ngừng dưới ánh nắng và mùi hương của hoa trái trong vườn", lúc xa xôi gần nửa vòng trái đất, nhìn Nê va để sông Hương tìm về trong niềm nhớ.

Sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường không chỉ mang vẻ đẹp trời phú mà còn ánh lên vẻ đẹp của con người, những tài nữ đánh đàn, những người dân Châu Hóa lái thuyền xuôi ngược, những người con anh dũng đã hi sinh, những Nguyễn Du, những bà huyện Thanh Quan, những Tố Hữu... đã viết thơ trên dòng chảy long lanh in bóng mây trời. Cũng như tình yêu của sông Hương với Huế, tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường với sông Hương cũng là quá trình dâng tặng, khám phá và hoàn thiện chính mình. Tuy nhiên, vì sông Hương là hóa thân của huyền thoại nên câu hỏi bằng khuôn của một người Hà Nội khi lặng lẽ ngắm nhìn dòng nước : "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" vẫn là một câu hỏi lửng lơ chưa có lời giải đáp , câu hỏi đã thành tên cho một thiên bút ký tuyệt vời...

3. Phân tích dòng sông Hương trong bài bút kí

-Lđ1: s.hương ở vùng thượng lưu

+s.hương nhìn từ cội nguồn là dòng chảy có mối q.hệ sâu sắc với dãy trường sơn

+trong mối q.hệ này,s.hương tựa như 1 bản trường ca của rừng già (rầm rộ giữa những bóng cây đại ngàn,mãnh liệt...,cuộn xoáy như những cơn lốc...,dịu dàng và say đắm ...)

+s.hương hiện ra tựa như "cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại". nhưng cũng chính rừng già nơi đây cũng đã chế ngự sức mạnh bản năng ở ng con gái của mình để khi ra khỏi rừng già s.H mang 1 sắc đẹp dịu dàng&trí tuệ,trở thành ng mẹ phù sa của 1 vùng văn hoá xứ sở.

->có thể nói s.H ở vùng thượng lưu toát lên vẻ đẹp sức sống mãnh liệt,hoang dại và đầy cá tính

-Lđ2:s.H khi chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố

<p>Gv: nêu những nét chính về nghệ thuật và nội dung của đoạn trích Những ngày đầu của nước VN mới</p> <p>Gv gọi hs nhắc lại</p>	<p>+giuaw cánh đồng châu hoá đầy hoa dại,s.h là cô gái đẹp mơ mộng</p> <p>+sau khi ra khỏi vùng núi ,s.h bỗng bừng lên sức trẻ và niềm khao khát của tuổi thanh xuân</p> <p>+s.h chuyển dòng liên tục,vòng những khúc quanh đột ngột,ôm lấy chân đồi Thiên Mục...</p> <p>->ở đoạn miêu tả này tg đã kết hợp 2 bút pháp kể và tả nhuần nhuyễn,tài hoa để làm nổi bật dòng s.h đẹp bởi phối cảnh kì thú của thiên nhiên</p> <p>-Ld3:s.h khi chảy vào tp</p> <p>+miêu tả s.h,so sánh s.h với dòng sông Xen ở Pari,sông Đa-nuýp ở Bu-đa-pest,sông Nê-va ở Nga...</p> <p>+dòng s.h đc nhìn dưới góc độ hội hoạ,qua cảm nhận âm nhạc</p> <p>->với cái nhìn say đắm và đa tình,s.h đc xem như là ng tình dịu dàng,say đắm và thủy chung...</p> <p>-Ld4:s.h trong mối q.hệ với lịch sử dân tộc</p> <p>+trong mối quan hệ trang nghiêm này,s.h mang vẻ đẹp của 1 bản hùng ca ghi dấu ấn những thế kỉ vinh quang...(nêu dẫn chứng)</p> <p>-Ld5:s.h với cuộc đời và thi ca</p> <p>+s.h k chỉ là bản hùng ca của những chiến công,là nhân chứng nhẫn nại,kiên cường qua bao thăng trầm của cuộc đời...tuy nhiên điều làm nên vẻ đẹp giản dị và khác thường của dòng sông là ở chỗ :khi nghe lời gọi nó biết tự hiến mình làm nên những chiến công để rồi đi qua những năm tháng oanh liệt ấy,s.h lại trở về như 1 cô gái dịu dàng,thủy chung,làm say đắm lòng ng...</p> <p>-Ld6: liên hệ,so sánh,đánh giá</p> <p>+trong con mắt Tản Đà: dòng sông trắng lá cây xanh</p> <p>+Cao Bá Quát: dòng sông như lưới kiếm dựng trời xanh</p> <p>+Tố Hữu:dòng sông trở thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn.</p> <p>4. Bài tập 4</p> <p>Về nội dung : Những nỗ lực lớn của Đảng, các quyết sách kịp thời, thông minh và đầy hiệu quả. Lý tưởng và lòng yêu nước lớn lao của Bác.</p> <p>Về nghệ thuật : Diễm nhìn trần thuật của một người đại diện cho bộ máy lãnh đạo Đảng và Chính phủ, do đó các sự kiện được kể lại mang tính chất toàn cảnh, tổng thể, phát họa những nét lớn, tạo ấn tượng sâu sắc với nhiều người, làm cho</p>
--	--

	tác phẩm này không phải là sách tự thuật về một cuộc đời mà gần như là cuốn biên niên sử của cả một dân tộc.
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài học

- Luyện tập:

Lập dàn ý phân tích hình tượng Bác Hồ trong đoạn trích Những ngày đầu của nước VN mới

d. Hóng dẫn học bài, chuẩn bị bài:

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học và bài đọc thêm

- Chuẩn bị bài mới:

Tìm hiểu Ôn tập Văn học

Tuần 16

Ngày dạy:

Tiết 45*:

ÔN TẬP VĂN HỌC

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức:

- Phong cách và quan điểm nghệ thuật của các tác giả văn học đã học
- Nội dung cơ bản, đặc sắc nghệ thuật của các tác phẩm đã học
- Kiến thức về lí luận văn học ở hai phạm trù phong cách và thể loại văn học

b. Về kĩ năng:

- Vận dụng kiến thức đã học vào việc hiểu các khái niệm lí luận
- Hệ thống hóa các kiến thức theo nhóm

c. Về thái độ:

Có ý thức tìm hiểu nghiên cứu để học bài ôn tập đạt kết quả cao nhất

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- Phương tiện thực hiện:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.
- Các tài liệu tham khảo khác
- Phương pháp: Gọi mở, phát vấn, thuyết giảng, bình, phân tích

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập
- Các tài liệu tham khảo khác

3/ Tiến trình lên lớp:

Ôn định lớp:

a.Kiểm tra bài cũ: không

*Lời vào bài: Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu 2 tiết đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông và Những ngày đầu của nước VN mới. Để nắm vững nội dung bài học, hôm nay cô trò ta sẽ đi luyện tập tiết học này

b. Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>1. Quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỷ XX những giai đoạn và thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn.</p>	<p>I. Nội dung ôn tập</p> <p>1. Quá trình phát triển của văn học Việt Nam</p> <p>a) Chặng đường 1945 - 1954</p> <p>- Văn học phản ánh được không khí hồ hởi vui sướng đặc biệt của nhân dân ta khi Đất Nước vừa giành được độc lập. Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp. Văn học gắn bó với đời sống cách mạng và kháng chiến, tập trung khám phá sức mạnh và phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, thể hiện ở niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.</p> <p>+ Truyện ngắn và ký, tiêu biểu</p> <p>+ Thơ ca</p> <p>+ Kịch</p> <p>b) Chặng đường 1955 – 1964</p> <p>+ Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi trong xã hội. Các tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp và hiện thực đời sống trước cách mạng tiêu biểu</p> <p>+ Thơ ca</p> <p>+ Kịch</p> <p>c) Chặng đường từ 1965 – 1975</p> <p>- Chủ đề : Yêu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng tiêu biểu như “Người mẹ cầm súng” của Nguyễn Thị, “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành...</p> <p>+ Truyện kí : Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long,... khuynh hướng mở rộng và đào sâu hiện thực đồng thời bổ sung và</p>

<p>2. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975</p> <p>Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức</p>	<p>tăng cường chất suy tư, chính luận</p> <p>d) Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX</p> <p>+ Đổi mới thơ ca tiêu biểu như Chế Lan Viên. Hiện tượng mở rộng thơ ca sau năm 1975 là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này</p> <p>+ Một số cây bút bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết mới về chiến tranh, cách tiếp nhận hiện thực đời sống</p> <p>Từ năm 1986, văn học gắn bó với cuộc sống hằng ngày. Phóng sự xuất hiện</p> <p>- Từ sau năm 1975 kịch nói phát triển mạnh mẽ</p> <p>2. Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975</p> <p>a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc.</p> <p>b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước</p> <p>c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng</p> <p>3. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh</p> <p>- Hồ Chí Minh coi nghệ thuật là thứ vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng</p> <p>- Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính chân thật của văn chương.</p> <p>- Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. người luôn tự đặt câu hỏi : “Viết cho ai?”(đối tượng) “Viết để làm gì ?”(mục đích). Sau đó mới quyết định “Viết cái gì ?”(nội dung) và viết “Như thế nào” (hình thức).</p>
--	---

3. Tổ chức ôn tập về quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh? Chứng minh mối quan hệ có tính nhất quán của quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của người

Chứng minh mối quan hệ có tính chất nhất quán giữa quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh với sự nghiệp văn học của Người :

VD : Chẳng hạn truyện ngắn *Vi hành* được Người sáng tác vào đầu năm 1923 nhằm vạch trần tội ác của tên vua bù nhìn Khải Định trong chuyến đi Pháp nhục nhã của hắn, năm 1922 dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Macxây.

Lấy việc tố cáo lật tẩy tính chất bù nhìn, tay sai dơ dáy của nhân vật nói trên làm mục đích, cho nên tinh thần châm biếm, đả kích đã trở thành linh hồn của tác phẩm. Tinh thần ấy thấm vào toàn bộ tác phẩm (từ giọng văn khắc hoạ hình tượng nhân vật, đến mọi chi tiết của tác phẩm). Tác phẩm được viết ra nhằm mục đích hướng tới độc giả người Pháp và những người biết tiếng Pháp cho nên phải viết bằng một bút pháp Châu Âu hiện đại.

4. Tuyên ngôn độc lập

a) Mục đích đối tượng của “Tuyên ngôn độc lập

b) Làm rõ *Tuyên ngôn độc lập* vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn.

- *Tuyên ngôn độc lập* là một áng văn chính luận mẫu mực :

+ Lập luận chặt chẽ trong toàn bài :

Trích dẫn 2 văn bản tuyên ngôn của Pháp, Mĩ đồng thời suy rộng ra vấn đề độc lập dân tộc bên cạnh quyền con người và quyền công dân.

+ Luận điểm xác đáng có sức thuyết phục. Tố cáo sự chà đạp chân lí đó của thực dân ở Việt Nam, đặc biệt là lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái. Lên án sự phản bội trắng trợn, đê hèn, vong ân bội nghĩa của chúng, khẳng định quyền tự

4. Tổ chức ôn tập tác phẩm *Tuyên ngôn độc lập*

- Về mục đích và đối tượng của văn bản *Tuyên ngôn độc lập* (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*) ?

- Phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm

để làm rõ *Tuyên ngôn độc lập* vừa là một áng văn chính luận mẫu mực, vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn ?

5. Tổ chức ôn tập về thơ Tố Hữu

chủ chính đáng của nhân dân Việt Nam.
+ Lời lẽ đanh thép, giọng văn hùng biện
Sức mạnh của lí lẽ chính là sự thật. Tác giả đã dùng hàng loạt thực tế lịch sử để chứng minh thực dân Pháp “*đã không bảo hộ*” được Việt Nam, thực dân Pháp đã phản bội Việt Nam, TD Pháp đã reo rất nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam. Dùng thực tế để khẳng định : Sự độc lập của Việt Nam phù hợp với lẽ phải và công lý và đạo lý.

- Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người. Chất văn của tác phẩm được bộc lộ qua tâm lòng của Bác đối với nước nhà, dân tộc gây xúc động sâu sắc tới người nghe. Đó là lòng yêu nước nồng nàn và lòng tự hào dân tộc mãnh liệt, khát vọng độc lập, tự do với ý thức quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Tất cả đã được thể hiện trên từng câu chữ nhất là giọng văn vừa thiết tha, vừa hùng hồn, đanh thép.

+ Ngôn ngữ chính xác, giàu sắc thái biểu cảm, từ ngữ chọn lọc súc tích. Dùng hàng loạt động từ chính xác giàu sắc thái biểu cảm, điệp từ, điệp ngữ có tính khẳng định nhấn mạnh.

5. Tố Hữu

Tố Hữu là một trong số những nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam, Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị

- Tố Hữu là một thi sỹ - chiến sỹ, một kiểu mẫu nhà văn - chiến sỹ thời đại cách mạng.

- Thơ ông trước hết nhằm phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng, cho những nhiệm vụ chính trị cơ bản của mỗi giai đoạn CM.

- Tố Hữu đã đem đến cho dòng thơ cách mạng một tiếng nói trữ tình mới với

- Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị. Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu

6. Tổ chức ôn tập bài thơ Việt Bắc
Phân tích những biểu hiện của tính dân tộc trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu

những cảm xúc, tình cảm mang tính cụ thể, trực tiếp nói cái tôi cá thể bừng sáng và thức tỉnh sâu sắc lí tưởng cách mạng. Một cái tôi riêng tư có sự hoà hợp với cái chung - một con người ở giữa mọi người trong cuộc đời.

- Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của Đất Nước, từ tình cảm chính trị của bản thân nhà thơ, ông là nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng và cuộc sống cách mạng. Ở những bài thơ hay nhất của Tố Hữu thường có sự kết hợp cả 3 chủ đề : Lẽ sống cách mạng, niềm vui lớn và ân tình cách mạng. Trong thơ Tố Hữu chủ yếu là cái tôi dân tộc và cách mạng.

- Thơ Tố Hữu cũng rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn. Đó là cảm hứng lãng mạn cách mạng. Thơ ông tập trung thể hiện vẻ đẹp lí tưởng của con người và cuộc sống mới, thể hiện niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của cách mạng, của Đất Nước, dấu hiệu tại còn nhiều khó khăn, hi sinh gian khổ.

6. Bài thơ Việt Bắc

Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ *Việt Bắc* đậm đà bản sắc dân tộc

- Tố Hữu đã phát huy được nhiều thế mạnh của thể thơ lục bát truyền thống.

+ Cấu tứ : Là cấu tứ của ca dao với hai nhân vật trữ tình “ta” và “mình”, người ra đi và người ở lại hát đối đáp với nhau.

+ Nhà thơ rất chú ý sử dụng kiểu tiểu đối của ca dao, có tác dụng nhấn mạnh ý thơ, tạo ra nhịp thơ uyển chuyển cân xứng, hài hoà làm cho lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc thấm sâu vào tâm tư :

- Về ngôn ngữ thơ :

Tố Hữu chú trọng lời ăn tiếng nói của

7. Tổ chức ôn tập bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.

- Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng (so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu)

nhân dân rất giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào tình nghĩa. Đó là : ngôn ngữ rất giàu hình ảnh cụ thể, ngôn ngữ rất giàu nhạc điệu, thơ Tô Hữu sử dụng rất nhuần nhuyễn phép trùng điệp của ngôn ngữ dân gian.

Tất cả tạo ra giọng điệu trữ tình nghe tha thiết, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru đưa ta vào từng kỉ niệm và nghĩa tình thuỷ chung.

7. Tây Tiến của Quang Dũng

Người lính hiện về trong hồi tưởng như một biểu tượng xa vời trong thời gian và không gian hoài niệm không dứt một nỗi nhớ thương mênh mang .

- Người lính được miêu tả rất thực trong những sinh hoạt cụ thể hằng ngày, trong những bước đi nặng nhọc trên đường hành quân với những đói rét bệnh tật với những nét vẽ tiêu tụy về hình hài song vẫn phong phú trong đời sống tâm hồn với những khát vọng tuổi trẻ.

Liên hệ so sánh với người lính trong *Đồng chí* để thấy được nét tương đồng của người lính vệ quốc.

- Tác giả phát hiện ra vẻ đẹp trong đời sống tâm hồn của người lính.

Nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên núi rừng với những cảnh sắc độc đáo rất tinh tế : (hùng vĩ, dữ dội, phi thường và duyên dáng trữ tình thơ mộng).

+ Cháy bỏng khát vọng chiến công, Ôm ấp về giấc mơ đẹp về tình yêu tuổi trẻ.

Vẻ đẹp tâm hồn của người lính : lãng mạn, đa tình. So sánh với người lính trong “*đồng chí*” (là nông dân chất phác, bình dị gắn bó với làng quê nghèo...) để làm nổi bật nét riêng tài hoà , đa tình lãng

8. Tổ chức ôn tập về đề tài quê hương đất nước.

Những khám phá riêng của mỗi nhà thơ về đất nước quê hương qua bài thơ *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), đoạn trích *Đất nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* (Nguyễn Khoa Điềm)

mạn của người lính Tây Tiến.

- Người lính hiện lên chân thực, thơ mộng lãng mạn đồng thời cũng rất hào hùng.

8. Đề tài quê hương đất nước qua Đất nước (Nguyễn Đình Thi), đoạn trích Đất nước trong trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)

a) Nguyễn Đình Thi

- Hình ảnh đất nước qua hai mùa thu (Mùa thu xưa : đẹp, buồn/ Mùa thu nay : đẹp, vui)

- Đất nước hào hùng trong chiến đấu.

+ Truyền thống bất khuất của ông cha

+ Căm thù giặc, chiến đấu dũng cảm

- Đất nước vinh quang trong chiến thắng.

Tóm lại, Nguyễn Đình Thi tự hào, ngợi ca đất nước vất vả đau thương, bất khuất, anh hùng trong chiến thắng chống Pháp.

b) Nguyễn Khoa Điềm

Đất nước bắt nguồn từ những gì gần gũi nhất, thân thiết nhất và bình dị nhất trong đời sống vật chất và đời sống tâm linh của con người.

- Đất nước được cảm nhận từ phương diện địa lí và lịch sử thời gian và không gian.

- Đất nước là nơi thống nhất các yếu tố lịch sử, văn hoá, phong tục.

- Từ sự cảm nhận ấy dẫn đến một thái độ đầy trách nhiệm ấy của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Một sự cảm nhận riêng mang tầm thời đại. Tư tưởng đất nước của nhân dân.

Tóm lại, Nguyễn Khoa Điềm thức tỉnh tuổi trẻ và mỗi người nhận biết về cội rễ và nguồn mạch chính của Đất Nước. Khám phá truyền thống "đất nước của nhân dân". Cảm xúc lắng sâu trong nhận thức và trách nhiệm, cảm xúc lắng sâu

9. Tổ chức ôn tập bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận được gì về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu của bài thơ này

trong nhận thức và trách nhiệm, hình ảnh thơ được khơi nguồn trong ca dao thần thoại

+ Hai bài thơ ra đời trong hai thời điểm khác nhau, hai nhà thơ có tiếng nói thời đại khác nhau và họ đã có những bản thông điệp khác nhau về đất nước từ những góc nhìn văn hóa khác nhau. Nhưng điểm gặp gỡ và hội tụ là tình yêu quê hương đất nước và ý thức trách nhiệm phải giữ gìn, bảo vệ non sông đất nước

9. Bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh

a) Phân tích hình tượng sóng :

- Sóng là hình ảnh ẩn dụ của người con gái đang yêu, là sự hoá thân, phân thân của cái tôi trữ tình của nhà thơ. Cùng với hình tượng sóng bài thơ còn có một hình tượng nữa là em-cái tôi trữ tình của nhà thơ. “Em” và “Sóng” có lúc phân đôi để soi chiếu lại hoa nhập vào (để tạo nên sự âm vang cộng hưởng).

- Qua hình tượng sóng Xuân Quỳnh đã diễn tả vừa cụ thể vừa sinh động nhiều trạng thái tâm trạng những cung bậc tình cảm khác nhau trong trái tim của người phụ nữ đang rạo rức khát khao yêu đương.

- Xuân Quỳnh đã mượn hình tượng sóng để nói và nghĩ về tình yêu.

+ Đó là cuộc hành trình khởi đầu, là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến một tình yêu bao la rộng lớn và cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu vĩnh viễn hoá tình yêu của mình.

b)- Qua hình tượng sóng và cả bài thơ chúng ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. Người phụ nữ ấy mạnh bạo chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt

10. Tổ chức ôn tập tác phẩm của Nguyễn Tuân

So sánh *Chữ người tử tù* và *Người lái đò sông Đà*. Nhận xét những điểm không thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945

và những rung động rạo rức trong lòng mình.

Người phụ nữ cũng không còn nhẫn nhục cam chịu nữa. Nếu “Sóng không hiểu nổi mình” thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp đó “Tìm ra tận bể” đến với cái cao rộng bao dung -> đó là nét mới mẻ hiện đại trong tình yêu.

Tâm hồn phụ nữ giàu khao khát, không yên lặng. Đó là tâm hồn trong sáng thủy chung vô hạn.

10. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân

- Những điểm thống nhất

+ Có cảm hứng mãnh liệt trước những cảnh tượng độc đáo, tác động mạnh và giác quan nghệ sĩ.

+ Tiếp cận thế giới thiên về phương diện thẩm mỹ, tiếp cận con người thiên về phương diện tài hoa nghệ sĩ.

+ Ngòi bút tài hoa uyên bác.

- Những điểm khác biệt

Chữ người tử tù là truyện ngắn xây dựng thế giới nghệ thuật bằng hư cấu.

Người lái đò sông Đà là thể ký ghi chép người thực, việc thực, tư liệu phong phú dựa trên sự khảo sát nghiên cứu hiện thực, đồng thời trực tiếp bộ lộ cái tôi của nhà văn.

Phong cách nghệ thuật của nhà văn có thể biến đổi khi thế giới quan và tư tưởng của nhà văn thay đổi. *Chữ người tử tù* và *Người lái đò sông Đà* thể hiện rất rõ phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

+ Nếu trong *Chữ người tử tù* Nguyễn Tuân đi tìm cái đẹp trong quá khứ *Vang bóng một thời* thì trong *Người lái đò sông Đà* nhà văn tìm cái đẹp trong cuộc sống hiện tại.

+ Trong *Chữ người tử tù* Nguyễn Tuân đi

11. Tổ chức ôn tập Tác phẩm *Ai đặt tên cho dòng sông* ? của Hoàng Phủ Ngọc Tường
Cảm hứng thẩm mỹ và văn phong của Hoàng Phủ Ngọc Tường qua đoạn trích bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông*

tìm chất tài hoa nghệ sĩ ở tầng lớp những con người đặc tuyển, còn trong *Người lái đò sông Đà* Ông đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ trong đại chúng nhân dân cái đập mạnh vào các giác quan nghệ sĩ của ông giờ đây là những thành tích của nhân dân trong lao động .

Phong cách Nguyễn Tuân trong *Người lái đò sông Đà*:

+ Cảm hứng đặc biệt với những gì gây cảm giác mãnh liệt (cảnh thác dữ Sông Đà và vẻ đẹp đầy chất thơ của dòng sông).

+ Khám phá con người tài hoa nghệ sĩ tài ba trong nghệ thuật “người lái đò vượt thác leo ghềnh” một tay lái đò ra hoa.

+ Ngoài bút tài hoa uyên bác trong những so sánh liên tưởng hình ảnh đầy gợi cảm vận dụng tri thức nhiều ngành văn học nghệ thuật khác nhau để quan sát miêu tả hiện thực.

+ Ngôn ngữ phong phú, điêu luyện, giàu giá trị tạo hình

11. Ai đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường

a) Cảm hứng thẩm mỹ :

- Ngợi ca vẻ đẹp thiên nhiên phong phú đa dạng, huyền ảo như đời sống, như tâm hồn con người.

- Cụ thể là cảnh vật sông Hương, con sông gắn bó với lịch sử, văn hoá của Huế và cũng là của dân tộc, qua đó, thể hiện sự yêu mến say mê vẻ đẹp của dòng sông, đất nước.

- Nét đặc sắc của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường :

- Soi bóng tâm hồn với tình yêu quê hương đất nước vào đối tượng miêu tả khiến đối tượng trở nên lung linh, huyền ảo, đa dạng như đời sống, như tâm hồn

	<p>con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sức liên tưởng kỳ diệu, sự phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá, nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân - Ngôn ngữ phong phú, uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như : so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ... - Có sự kết hợp hài hoà của cảm xúc và trí tuệ, chủ quan và khách quan.
--	---

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung của bài ôn tập

- Luyện tập:

Làm tiếp câu 7 và câu 11

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm chắc nội dung các giai đoạn văn học, tác gia văn học trong học kì I

- Bài mới:

Chuẩn bị viết bài số 3: Kiểm tra tổng hợp cuối kì I

Tuần 16

Ngày dạy:

Tiết 46-47

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI KÌ I

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- HS nắm được những kiến thức cơ bản một cách hệ thống về hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm
- Nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm kí sự, tùy bút: hình tượng nhân vật trong tùy bút

b. Về kĩ năng:

- Rèn luyện năng lực phân tích cảm thụ văn học theo từng cấp độ: sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ,...

c. Về thái độ

Học sinh có ý thức nghiêm túc và cố gắng hết mình để làm bài kiểm tra đạt kết quả cao.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- **Phương tiện:** sgk, giáo án, đề kiểm tra, thiết kế, các tài liệu tham khảo khác
- **Phương pháp:** gv phát đề cho hs làm bài

b. Chuẩn bị của hs

Giấy kiểm tra, giấy nháp, bút và dụng cụ kiểm tra

3. Tiến trình dạy học:

* Ôn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ : không

*Đặt vấn đề vào bài mới:

Các em đã học xong chương trình học kì I Văn học hiện đại VN. Hôm nay các em sẽ viết bài làm văn số 3

b. Bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt				
Gv thiết lập ma trận đề	I, Nội dung đề kiểm tra				
	1, Ma trận đề				
	Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao
Chủ đề 1, Văn học Văn học Việt Nam	Trình bày những hiểu biết về hoàn cảnh sáng tác Người lái đò sông Đà				
	1				1,5điểm=15%
	1,5				

3, Làm văn Nghị luận về một vấn đề xã hội và văn học			Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về vấn đề Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình	Phân tích hình tượng dòng sông Hương trong bài bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường	
			1 3	1 5	8điểm=80%
Tổng số câu Tổng	1 2		1 3	1 5	10điểm 100%

<p>Gv: phát đề bài cho hs Hs làm bài trong thời gian 90'</p>	số điểm	20%		30%	50%	
	<p>2, Nội dung đề Câu 1 (2 điểm) Trình bày hoàn cảnh sáng tác Người lái đò của Nguyễn Tuân Câu 2 (3điểm) “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình” Anh chị hãy viết bài nghị luận trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên. Câu 3 (5điểm) Phân tích hình tượng dòng sông Hương trong bài bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường II, Đáp án Câu 1 (2 điểm) Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau: -Tùy bút Người lái đò sông Đà in trong tập Sông Đà 1960(0,25 điểm). -Là kết quả thu được của chuyến đi thực tế lên TB tìm kiếm chất vàng TB của thiên nhiên và con người lao động nơi đây(1 điểm). -Tùy bút ta nhận thấy một diện mạo mới mẻ của nhà văn: khát khao hòa nhập với đất nước và cuộc đời này (0,25 điểm). -Tiêu biểu cho phong cách nt của Nguyễn Tuân: uyên bác tài hoa không quản nhọc nhằn(0,5 điểm) Câu 2 (3điểm) Hs nêu được các ý sau: -Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm) -Khẳng định ý kiến đó là đúng đắn(0,25 điểm). -Con vật sống bản năng, hình dáng, săn bắt ...do cha mẹ di truyền(0,25 điểm). -Con người sinh ra chưa có gì cả...rèn luyện cố gắng hết sức trong cuộc sống phức tạp khó khăn vượt lên bất hạnh bản thân sống có ích(0,25 điểm). -Kđ mình trong học tập để thành người công dân có ích (0,25 điểm) -Tình nguyện đến vùng sâu xa hòa nhập cộng đồng công</p>					

	<p>hiển vượt qua khó khăn không ngại khó(0,25 điểm) -Thất bại không chùn bước(0,25 điểm) -Phê phán hiện tượng dùng thủ đoạn để đạt mục đích(0,25 điểm) -Thanh niên ngày nay...(0,25 điểm) -Bài học nhận thức(0,5 điểm)</p> <p>3. Câu 3</p> <p>-Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm) -Sông Hương ở vùng thượng lưu như 1 bản trường ca của rừng già (rậm rộ giữa những bóng cây đại ngàn,mãnh liệt...,cuộn xoáy như những cơn lốc...,dịu dàng và say đắm...); như "cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại". nhưng cũng chính rừng già nơi đây cũng đã chế ngự sức mạnh bản năng ở ng con gái của mình để khi ra khỏi rừng già s.H mang 1 sắc đẹp dịu dàng&trí tuệ,trở thành ng mẹ phù sa của 1 vùng văn hoá xứ sở.->có thể nói s.H ở vùng thượng lưu toát lên vẻ đẹp sức sống mãnh liệt,hoang dại và đầy cá tính(1 điểm) -SH khi chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố: là cô gái đẹp mơ mộng; chuyển dòng liên tục,vòng những khúc quanh đột ngột,ôm lấy chân đồi Thiên Mụ...->ở đoạn miêu tả này tg đã kết hợp 2 bút pháp kể và tả nhuần nhuyễn,tài hoa để làm nổi bật dòng s.h đẹp bởi phối cảnh kì thú của thiên nhiên(1 điểm) -SH khi chảy vào tp: Miêu tả s.h,so sánh s.h với dòng sông Xen ở Pari,sông Đa-nyúp ở Bu-đa-pest,sông Nê-va ở Nga... ;đc nhìn dưới góc độ hội hoạ,qua cảm nhận âm nhạc ->với cái nhìn say đắm và đa tình,s.h đc xem như là ng tình dịu dàng,say đắm và thủy chung...(1 điểm) -SH trong mối q.hệ với lịch sử dân tộc mang vẻ đẹp của 1 bản hùng ca ghi dấu ấn những thế kỉ vinh quang...(1 điểm) -SH với cuộc đời và thi ca ;trong con mắt Tản Đà: dòng sông trắng lá cây xanh; Cao Bá Quát: dòng sông như lưỡi kiếm dựng trời xanh;Tố Hữu:dòng sông trở thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn(1 điểm) -Khẳng định lại vấn đề, liên hệ bài học (0,5 điểm)</p>
--	---

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài kiểm tra

- Luyện tập:

Làm bài kiểm tra vào vở bài tập

d. Hóng dân học bài, chuẩn bị bài:

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài kiểm tra và cách làm bài

- Chuẩn bị bài mới:

Trả bài Kiểm tra tổng hợp cuối kì I

Tuần 16

Ngày dạy

Tiết 48

TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI KÌ I

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- HS nắm được những kiến thức cơ bản một cách hệ thống về hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm

- Nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm kí sự, tùy bút: hình tượng nhân vật trong tùy bút

b. Về kĩ năng:

- Rèn luyện năng lực phân tích cảm thụ văn học theo từng cấp độ: sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ,...

c. Về thái độ

Học sinh có ý thức nghiêm túc sửa chữa lỗi trong bài viết, rèn luyện cách viết bài để bài làm tốt hơn.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- **Phương tiện:** sgk, giáo án, bài làm của hs, thiết kế, các tài liệu tham khảo khác

- **Phương pháp:** gv chép đề bài, chữa bài và yêu cầu hs chữa vào vở bài tập.

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở bài tập, dụng cụ học tập

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

* Ôn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ : không

*Đặt vấn đề vào bài mới:

Các em đã học xong chương trình học kì I Văn học hiện đại VN và làm bài kiểm tra tổng hợp kì I. Hôm nay cô sẽ trả bài và chữa bài cho các em.

b. Bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
------------------------------	-------------------------

Gv thiết lập ma trận đề

**I, Nội dung đề kiểm tra
1, Ma trận đề**

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng điểm
Chủ đề 1, Văn học Văn học Việt Nam	Trình bày những hiểu biết về hoàn cảnh sáng tác Người lái đò sông Đà				
	1				1,5điểm=15%
	1,5				

3, Làm văn Nghị luận về một vấn đề xã hội và văn học			Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về vấn đề Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình	Phân tích hình tượng dòng sông Hương trong bài bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường	
			1 3	1 5	8điểm=80%
Tổng số câu Tổng	1 2		1 3	1 5	10điểm 100%

	số điểm	20%		30%	50%	
Gv chép đề bài lên bảng hs chép vào vở	<p>2, Nội dung đề</p> <p>Câu 1 (2 điểm) Trình bày hoàn cảnh sáng tác Người lái đò của Nguyễn Tuân</p> <p>Câu 2 (3điểm) “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình” Anh chị hãy viết bài nghị luận trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên.</p> <p>Câu 3 (5điểm) Phân tích hình tượng dòng sông Hương trong bài bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường</p>					
Gv nêu đáp án, hs ghi vào vở	<p>II, Đáp án</p> <p>Câu 1 (2 điểm) Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tùy bút Người lái đò sông Đà in trong tập Sông Đà 1960(0,25 điểm). -Là kết quả thu được của chuyến đi thực tế lên TB tìm kiếm chất vàng TB của thiên nhiên và con người lao động nơi đây(1 điểm). -Tùy bút ta nhận thấy một diện mạo mới mẻ của nhà văn: khát khao hòa nhập với đất nước và cuộc đời này (0,25 điểm). -Tiêu biểu cho phong cách nt của Nguyễn Tuân: uyên bác tài hoa không quản nhọc nhằn(0,5 điểm) <p>Câu 2 (3điểm) Hs nêu được các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm) -Khẳng định ý kiến đó là đúng đắn(0,25 điểm). -Con vật sống bản năng, hình dáng, săn bắt ...do cha mẹ di truyền(0,25 điểm). -Con người sinh ra chưa có gì cả...rèn luyện cố gắng hết sức trong cuộc sống phức tạp khó khăn vượt lên bất hạnh bản thân sống có ích(0,25 điểm). -Kđ mình trong học tập để thành người công dân có ích (0,25 điểm) -Tình nguyện đến vùng sâu xa hòa nhập cộng đồng công 					

- hiện vượt qua khó khăn không ngại khó(0,25 điểm)
- Thất bại không chùn bước(0,25 điểm)
- Phê phán hiện tượng dùng thủ đoạn để đạt mục đích(0,25 điểm)
- Thanh niên ngày nay...(0,25 điểm)
- Bài học nhận thức(0,5 điểm)

3. Câu 3

- Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm)
- Sông Hương ở vùng thượng lưu như 1 bản trường ca của rừng già (rậm rộ giữa những bóng cây đại ngàn,mãnh liệt...,cuộn xoáy như những cơn lốc...,dịu dàng và say đắm...); như "cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại". nhưng cũng chính rừng già nơi đây cũng đã chế ngự sức mạnh bản năng ở ng con gái của mình để khi ra khỏi rừng già s.H mang 1 sắc đẹp dịu dàng&trí tuệ,trở thành ng mẹ phù sa của 1 vùng văn hoá xứ sở.->có thể nói s.H ở vùng thượng lưu toát lên vẻ đẹp sức sống mãnh liệt,hoang dại và đầy cá tính(1 điểm)
- SH khi chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố: là cô gái đẹp mơ mộng; chuyển dòng liên tục,vòng những khúc quanh đột ngột,ôm lấy chân đồi Thiên Mụ...->ở đoạn miêu tả này tg đã kết hợp 2 bút pháp kể và tả nhuần nhuyễn,tài hoa để làm nổi bật dòng s.h đẹp bởi phối cảnh kì thú của thiên nhiên(1 điểm)
- SH khi chảy vào tp: Miêu tả s.h,so sánh s.h với dòng sông Xen ở Pari,sông Đa-nyúp ở Bu-đa-pest,sông Nê-va ở Nga...
;đc nhìn dưới góc độ hội hoạ,qua cảm nhận âm nhạc ->với cái nhìn say đắm và đa tình,s.h đc xem như là ng tình dịu dàng,say đắm và thủy chung...(1 điểm)
- SH trong mối q.hệ với lịch sử dân tộc mang vẻ đẹp của 1 bản hùng ca ghi dấu ấn những thế kỉ vinh quang...(1 điểm)
- SH với cuộc đời và thi ca ;trong con mắt Tản Đà: dòng sông trắng lá cây xanh; Cao Bá Quát: dòng sông như lưỡi kiếm dựng trời xanh;Tố Hữu:dòng sông trở thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn(1 điểm)
- Khẳng định lại vấn đề, liên hệ bài học (0,5 điểm)

III, Nhận xét bài làm của hs :

1, Ưu điểm :

a. Về kiến thức

Gv nhận xét bài làm của hs về mặt ưu điểm

<p>và hạn chế sau đó trả bài cho các em</p> <p>Hs xem bài và chữa vào vở bài tập.,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số các em hiểu yêu cầu của đề bài, vận dụng có hiệu quả thao tác phân tích, bình luận trong bài viết - Bố cục bài 3 phần rõ ràng, chặt chẽ - Một số bài cảm thụ tốt, viết văn trôi chảy : Toàn, Khang, Hà, Tiên <p>b. Về kĩ năng</p> <p>Đa số các em biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài, trình bày khoa học hợp lí</p> <p>2, Hạn chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số lỗi mắc trong bài : sai chính tả, bài làm sơ sài - Bố cục thiếu, diễn đạt lủng củng - Một số bài viết chưa đi vào trọng tâm : Phúc, Đại, Công <p>IV, Trả bài cho hs</p>
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài kiểm tra

- Luyện tập:

Chữa bài kiểm tra vào vở bài tập

d. Hớng dẫn học bài, chuẩn bị bài:

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài kiểm tra và cách làm bài

- Chuẩn bị bài mới:

Thực hành chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.

GIÁO ÁN KÌ II

Tuần 17

Ngày dạy

Tiết 49: làm văn

THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu bài học: _

Giúp hs:

a. Về kiến thức :

- Một số lỗi về lập luận
- Cách sửa chữa lỗi về lập luận.

b. Về kĩ năng :

- Nhận diện, phân tích các lỗi về lập luận trong một số văn bản nghị luận
- Sửa chữa lỗi về lập luận.
- Có kĩ năng tạo lập các văn bản nghị luận có lập luận chặt chẽ sắc sảo

c. Về thái độ

- Có ý thức thận trọng để tránh lỗi về lập luận.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- SGK, SGV, tư liệu tham khảo, giáo án
- Phương pháp quy nạp, phân tích, phát vấn...
- Hoạt động nhóm...

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở soạn, vở ghi, sách bài tập
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình lên lớp:

*** Ổn định tổ chức**

a. Kiểm tra bài cũ: không

* Lờ vào bài : Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi thường gặp ,thực hành để tìm cách phân tích và sửa chữa khi viết văn nghị luận.

b. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>Gv: Phát hiện lỗi trong đoạn văn, phân tích nguyên nhân mắc lỗi Gv chia lớp làm 7 nhóm, mỗi nhóm làm việc 1 ví dụ trong vòng 7 phút, sau đó gv gọi đại diện các nhóm lên trình bày</p> <p>Hs làm việc theo nhóm đã phân công, sau đó đại diện nhóm lên trình bày</p>	<p>1. Bài tập 1</p> <p>a) Lỗi luận cứ nêu không đầy đủ: chỉ nói về ca dao, tục ngữ. (Luận điểm thì đề cập giá trị của VHĐG là giá trị nhận thức).</p> <p>b) Luận điểm câu 2 chưa xác đáng: không tương đồng với luận điểm nêu trong câu 1.</p> <p>c) luận điểm chưa rõ: hoàn cảnh khó khăn: quá chung chung; luận cứ sơ lược, chưa đầy đủ</p> <p>d) Chưa nêu được luận điểm; luận cứ cũng quá lan man, xa vấn đề. Không nắm rõ phạm vi luận điểm cần trình bày, không tìm được luận cứ cần.</p> <p>e. Luận điểm chưa xác đáng, từ dưng</p>

Gv: Chữa lỗi trong các đoạn văn trên
Yêu cầu hs chữa lỗi và trình bày
Gv gọi hs khác nhận xét sau đó gv bổ sung

chung chung, luận cứ thiếu lô gíc, quan hệ giữa các luận cứ không chặt chẽ, dẫn chứng không đầy đủ làm sáng tỏ.

g) Lỗi về cách tổ chức lập luận.

Luận cứ quá rườm rà, không cần thiết, không làm nổi bật vấn đề.

h. Luận điểm không rõ ràng không phù hợp, luận cứ thiếu tính hệ thống, không đầy đủ, không thuyết phục không toàn diện.

2. Bài tập 2

a. Bổ sung luận cứ của VHĐG

b. Cần nêu rõ luận điểm: ...tha thiết yêu đời, yêu người; luận cứ: anh còn rất thèm người.

c. Cần: nêu tình huống nhất vợ, thái độ, tâm trạng của bà cụ Tứ, rồi mới kết luận

d. Nhìn con sóng biển dữ dội lúc ồn ào mạnh mẽ khi đứng trước biển, nhà thơ XQ đã cảm nhận những trạng thái đối cực của sang mà liên tống tới tình yêu của người con gái khi yêu nên nhà thơ viết "Dữ dội và dịu êm/ồn ào và lặng lẽ"

e. Trong tác phẩm truyện Kiều có thể thấy rõ giá trị nhân đạo của Nguyễn Du dành cho nhân vật của mình đặc biệt là Thúy Kiều. Ông căm ghét và phẫn nộ đối với bọn buôn thịt bán người, thương Thúy Kiều bị bán vào lầu xanh bị tiếp khách làng chơi như nhớp..

g. Bổ luận cứ: "cây xà nu là ... cây họ thông"; nêu luận điểm: "Nhà văn Nguyễn Trung Thành đã chọn cây xà nu... khắc họa phẩm chất của con người Xô-Man"

h. Các tác phẩm văn học dân gian đều hướng con người tới cái chân thiện mỹ. Cuộc đấu tranh giữa Tấm và mẹ con Cám trong truyện cổ tích Tấm Cám là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Truyện cổ tích Cây tre trăm đốt dạy con người ta phải sống chân thật tốt bụng không được giả dối, đầy tình người. Bên cạnh đó những câu ca dao trong kho tàng văn học dân gian góp phần bồi đắp cho ta biết sống thế nào cho tốt đẹp hơn đầy tình nhân ái yêu thương con người hơn

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung tiết thực hành

-Luyện tập:
Su tâm đoạn văn mắc lỗi và tự sửa lỗi
d. Hóng dẫn hs tự học ở nhà
- Bài cũ:
Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập
-Bài mới
Soạn bài Vợ chồng A Phủ

Tuần 17

Ngày dạy:

Tiết 50-51: Văn
VỢ CHỒNG A PHỦ
(Trích-Tô Hoài)

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

-Giúp hs hiểu được nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn phong kiến và thực dân. Về đẹp tiềm tàng, mãnh liệt và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào vùng cao.

-Thấy được nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực, miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế, lối kể chuyện hấp dẫn, ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

b, Về kỹ năng:

Củng cố, nâng cao kỹ năng tóm tắt tác phẩm và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

c, Về thái độ:

Đồng cảm với nỗi thống khổ và đồng tình với khát vọng sống, khát vọng tự do của nhân vật Mị và A Phủ.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
-Các tài liệu tham khảo khác.

-Phương pháp: phát vấn phân tích, giảng bình

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới:

Tô Hoài là một trong số nhà văn lớn của văn học VN hiện đại. Trong chuyến đi thực tế ở miền núi Tây Bắc, Tô Hoài đã thấu hiểu nỗi thống khổ của người dân miền núi và cho ra đời tác phẩm Vợ chồng A Phủ. Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu tác phẩm này.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Gv: gọi hs đọc phần tiểu dẫn sgk-3, trình bày những nét tiêu biểu về Tô Hoài?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv: trình bày những nét tiêu biểu về tác phẩm? Hs trình bày</p> <p>Gv: giảng: tác phẩm là kết quả của chuyến đi cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc 1952. Đây là chuyến đi thực tế dài 8 tháng sống với đồng bào các dân tộc thiểu số từ khu du kích trên núi cao đến những bản làng mới giải phóng.</p> <p>Gv: gọi hs đọc diễn cảm văn bản (3-4 hs đọc), gv đọc 1 vài đoạn. Tóm tắt tác phẩm? Hs đọc, tóm tắt.</p>	<p>I, Khái quát chung</p> <p>1, Tác giả</p> <p>- Bước vào con đường văn học = một số bài thơ, cuốn truyện vừa song chuyển sang văn xuôi hiện thực (Đế mèn phiêu lưu kí).</p> <p>- 60 năm cầm bút: gần 200 đầu sách, truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, tự truyện, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác.</p> <p>- Ông là nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong văn học VN hiện đại.</p> <p>- Là người có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau trên nước ta. Lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động của người từng trải, vốn từ vựng giàu có, bình dân và thông tục.</p> <p>- Tác phẩm: Đế mèn phiêu lưu kí (1941), O chuột (1942), Quê người, Cát bụi chân ai (hồi kí, 1942).</p> <p>2, Tác phẩm</p> <p>- Vợ chồng A Phủ (1952) in trong tập Tây Bắc.</p> <p>- Vợ chồng A Phủ có 2 phần: phần mở đầu viết về cuộc đời Mị và A Phủ ở Hồng Ngài; phần sau viết về cuộc sống nên vợ nên chồng tham gia CM của Mị và A Phủ ở Phiềng Sa.</p> <p>II, Đọc- hiểu văn bản</p> <p>*Tóm tắt truyện</p> <p>Tác phẩm kể về đôi trai gái người Mèo là Mị và A Phủ. Mị là cô gái trẻ đẹp bị bắt làm vợ A Sử để trừ món nợ truyền kiếp của gia đình. Lúc đầu, Mị định ăn lá ngón tự tử nhưng vì thương cha, Mị k thể chết. Mị sống những ngày tủi cực.</p>

<p>Gv: Ở đâu câu chuyện, nhà văn đã giới thiệu về Mị qua những chi tiết nào? Hé mở Mị là một cô gái ntn? Hs trả lời</p> <p>Gv giảng: nhà văn kể lại quãng đời của Mị trước kia. Vì sao Mị bị bắt làm con dâu nhà thống lí? Hs trả lời</p> <p>Gv: giảng: Mị cũng biết thống lí có ý định hỏi Mị về làm con dâu, Mị đã nói gì với bố? Mị là cô gái ntn? Chi tiết nào cho thấy Mị là một cô gái nét na, xinh đẹp khi chưa về làm dâu nhà thống lí? Hs trả lời</p>	<p>Nghe tiếng sáo mùa xuân, Mị nhớ lại mình còn trẻ và muốn đi chơi nhưng A Sử gặp, trói Mị. A Phủ là chàng trai nghèo, mồ côi. Vì đánh lại A Sử, bị bắt, đánh đập, trở thành đầy tớ k công. Đi chăn bò bị hổ vồ 1 con, bị trói đứng góc nhà. Mị cắt dây, cởi trói cho A Phủ. 1, Nhân vật Mị: Số phận và tính cách nhân vật Mị. *Làm con dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra. -Cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cúi mặt, mặt buồn rười rượi →Âm thầm, lẻ loi, báo hiệu cuộc đời, hé mở cuộc đời k bằng phẳng, ảm ức, sống như vật vô tri vô giác. →Cách vào truyện rất độc đáo, ấn tượng</p> <p>-Bố mẹ Mị k đủ tiền cưới, vay nhà thống lí, mỗi năm đem nộp lãi, về già chưa trả được. Mị là con gái đầu lòng... -Con phải làm nương giả nợ. Bố đừng bán con cho nhà giàu. →Hiếu thảo, đảm đang, chăm làm, dám gánh vác công việc lao động gia đình, k ham giàu sang phú quý.</p> <p>-Trẻ đẹp, có tài thổi sáo “ trai đến đứng nhìn cả chân vách đầu buồng Mị. Mị thổi sáo giỏi. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị. →Cô gái yêu đời, yêu cuộc sống tự do, khát khao hạnh phúc và tình yêu. Mị xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng hp k đến với Mị Ở Hồng Ngài, thay vào đó là bi kịch cuộc đời với thân phận “con dâu gạt nợ”. →Thương bố (lúc đầu cô định tự tử). -Mị ở lâu trong cái khổ, mình là con</p>
--	---

<p>Gv: diễn giảng: Kể tóm tắt Mị bị bắt làm con dâu gạt nợ. Vì sao Mị lại k ăn lá ngón tự tử? Mị đã sống những ngày ở nhà thống lí ntn?</p> <p>Hs trả lời</p> <p>Gv: qua những chi tiết trên, hãy nhận xét số phận Mị khi ở nhà thống lí?</p> <p>Hs trả lời</p> <p>Gv: bình giảng: Mị là con dâu gạt nợ, đã là “ma” nhà thống lí, dù món nợ được trả, Mị cũng sẽ k bao giờ được giải thoát. Đây là bi kịch trong cuộc đời Mị. Tâm trạng của tác giả đối với nỗi thống khổ của Mị? Quê cảnh Mị, nhà văn muốn tố cáo, phê phán điều gì đối với bọn địa chủ, phong kiến ở miền núi?</p> <p>Hs trả lời</p> <p>Gv: nhấn mạnh: đó là giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm. Gv dẫn dắt đến đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài. Những nguyên nhân nào đã thức dậy ở Mị lòng ham sống và khát khao hp mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân?</p> <p>Hs trình bày</p>	<p>trâu, là con ngựa, cúi mặt, mặt buồn, làm những việc giống nhau: hái thuốc phiện, giặt đay, xe đay, bẻ bắp, hái củi, bung ngô, tước đay, k nói, lúi lũi như con rùa trong xó cửa, buồng Mị nằm có 1 cái cửa lỗ vuông bằng bàn tay... →Đau khổ, tủi cực, thê thảm, sống mà như đã chết, Mị dường như bị tê liệt cả lòng yêu đời, yêu sống lẫn tinh thần phản kháng, k còn ý niệm về sự đau khổ, Mị là công cụ lao động, như con trâu, âm thầm như cái bóng, như 1 tù nhân của chốn địa ngục trần gian.</p> <p>-Gián tiếp tố cáo sự áp bức, bóc lột của bọn địa chủ, phong kiến, phê phán những hủ tục lạc hậu, cổ hủ làm cho con người mất dần ý niệm về cuộc đời, tê liệt cảm giác về sự sống.</p> <p>-Ở các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi như con bướm sặc sỡ, đám trẻ chơi tết, có tiếng thổi sáo gọi bạn tình... -Mị nghe tiếng sáo vọng lại . Mị uống rượu, uống ừng ực từng bát, rồi say, lịm mặt ngòì đầy nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Mị bước vào trong buồng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo, quán lại tóc, lấy váy hoa vắt ở trong vách. Đánh thức dậy những kỉ niệm tươi đẹp,</p>
--	---

Gv: Mị đã nghe, cảm nhận, diễn biến tâm lí, hđ của Mị ntn?	lòng ham sống, yêu đời đã tạm thời lãng quên. Mị được sống lại với chính con người mình, ý thức được quyền sống đã trỗi dậy “Nếu có nắm lá ngón trong tay...” sự phản kháng với thực tại đau đớn. Mị đã thực sự hồi sinh, ý thức rõ hoàn cảnh đau xót của mình.
Hs trình bày	Tiếng sáo- giai điệu ty, cả những lời hẹn đáng tiếc “ Em k yêu, quả pao rơi rồi”. Từ chỗ là âm thanh bên ngoài, tiếng sáo trở thành nốt nhạc trong tâm hồn Mị. Tiếng sáo giống như chất xúc tác để phản ứng đi chơi của Mị diễn ra nhanh hơn.
Gv giảng	Những biến động mạnh mẽ trong tâm hồn Mị đã chuyển hoá thành hđ và hđ này dẫn đến những hđ tiếp theo k thể ngăn được.

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua tiết học, anh (chị) nhận xét gì về tính cách và số phận của nhân vật Mị?

-Luyện tập:

Tóm tắt truyện khoảng 10 dòng.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được vài nét về tác giả, nội dung truyện, nhân vật Mị.

-Bài mới:

Tìm hiểu tiếp: Vợ chồng A Phủ

Tuần 17

Ngày dạy:

Tiết 51: Văn
VỢ CHỒNG A PHỦ
(Trích-Tô Hoài)

-Tiếp theo-

*Tiến trình bài dạy

-Kiểm tra bài cũ:không

-Đặt vấn đề vào bài mới:

Sau khi làm con gặt nợ cho nhà thống lí Pá Tra, Mị mất dần về ý niệm cuộc sống, hạnh phúc, thời gian. Chỉ khi tiếng sáo gọi bạn tình vang lên Mị mới dần dần khát

khao trở lại. Một cô Mị với sức sống tiềm tàng, mãnh liệt và biết vùng lên tự giải phóng giành hp cho mình và cho người khác ấy là hđ cõi trời cho A Phủ ở cuối truyện. Bài học hôm nay, cô và các em sẽ tìm hiểu.

-Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Gv: dẫn dắt: Giữa lúc hđ sống trong Mị trào sôi thì cũng là lúc nó bị vùi dập một cách dã man bởi A Sử. A Sử đã có hđ gì? Tâm trạng và suy nghĩ của Mị lúc bị trói? Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv: dẫn dắt đến hđ cõi trời cho A Phủ. Đêm tình mùa xuân là bước chuẩn bị cho những hđ thức tỉnh mạnh mẽ và táo bạo diễn ra tiếp theo. Ban đầu, thấy A Phủ bị trói, Mị có hđ gì? Hs trả lời</p> <p>Gv: sau đó, mị có thái độ ntn? Điều gì đã khiến Mị thay đổi?Mị đã hđ ntn?</p>	<p>II, Đọc- hiểu văn bản</p> <p>1, Tính cách và số phận nhân vật Mị</p> <p>-A Sử trói đứng vào cột nhà, quấn tóc Mị lên cột. →Hđ ấy trói buộc thân xác, k thể dim cái sức sống mãnh liệt vẫn đang dâng lên trong Mị.</p> <p>-Đứng im lặng, hơi rượu còn nồng nàn, vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo cuộc chơi. Mị như quên mình, quên đi những nỗi đau về thân thể, tâm hồn Mị vẫn theo tiếng sáo.</p> <p>-Dừng dung thổi lửa, hơ tay, đêm nào cũng dậy thổi lửa để sưởi→ vô cảm vì cảnh người chết trói ở nhà này là chuyện bình thường.</p> <p>-Nhìn dòng nước mắt lấp lánh chảy xuống 2 hõm má đã xám đen lại của A Phủ, Mị nhớ lại đêm năm trước mình bị trói, trời ơi, nó bắt trói...chúng nó thật tàn ác. →Thương mình, thương người, đồng cảm, nhận rõ tội ác của kẻ thù.</p> <p>-Mị rón rén bước lại, rút con dao nhỏ cắt nút dây mây, gỡ hết dây trói, Mị hốt hoảng, thì thào “đi ngay” rồi nghẹn lại, Mị vụt chạy ra, băng đi, đuổi kịp A Phủ, A Phủ cho tôi đi, ở đây thì chết mất.</p> <p>-Sức mạnh của tình thương người cùng với niềm khao khát tự do trỗi dậy khiến Mị vượt qua nỗi sợ hãi. Hđ táo bạo, liều lĩnh dũng cảm, mạnh</p>

Vì sao Mị cõi trời cho A Phủ? Nhận xét về hđ này?

Gv lần lượt gọi hs trả lời

Nhận xét chung về Mị, bút pháp nt xây dựng nv này. Nhà văn muốn ca ngợi điều gì?

Tìm những chi tiết nói về A Phủ?

Gv nói về đám xử kiện. Chi tiết đó nói lên điều gì?

mẽ và quyết liệt giành tự do và giải thoát cho mình. Hđ này là tất yếu, k phải bột phát mà đó là hành trình tìm lại chính mình và tự giải thoát khỏi “gông xiềng” của cường quyền và bạo lực, thần quyền, lạc hậu.

Đó là sự khẳng định ý nghĩa của cuộc sống và khát vọng tự do cháy bỏng của người dân lđ Tây Bắc.

→Mị là một cô gái xinh đẹp, nét na, đảm đang nhưng có số phận bất hạnh, bị kịch về gia đình, số phận. Nhưng ở Mị có tâm hồn trong sáng, khát vọng tự do, hp và sức mạnh tiềm tàng, luôn có ý thức đấu tranh để giành tự do, sự sống và hp.

→Xây dựng nhân vật= nt miêu tả tâm lí, ít hđ, nt phát triển tính cách nvật; giọng kể của tác giả hoà vào dòng tâm tư của nhân vật, vẽ lên đủ loại cung bậc.

Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống vùng lên giành hp cho mình.

Trân trọng, đồng cảm, yêu thương, xót xa, ca ngợi Mị. Phê phán hủ tục lạc hậu, cường quyền của giai cấp thống trị ở miền núi.

→Giá trị hiện thực và nhân đạo.

2, Nhân vật A Phủ

-Bè lũ A Sử gây sự, A Phủ vung tay ném con quay to vào mặt, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp.

→Dũng cảm, yêu tự do, k khuất phục trước cường quyền, bạo lực.

Ngồi 5 cái bàn đèn bày sẵn cho bọn chức sắc. Bọn chức việc hút xong, A Phủ lại quỳ và bị đánh...

Cường quyền và bạo lực, nạn thống trị, áp bức bóc lột ở miền núi rất mạnh mẽ, nó trở thành một quyền lực tối cao.

A Phủ bị phạt 100 bạc trắng vay từ thống lí Pá Tra. Đòi A Phủ k trả được nợ

<p>Thái độ tình cảm của nhà văn đối với A Phủ?Biện pháp nt xây dựng nv này?</p> <p>Hs: nhận xét</p> <p>Cho biết nt và nội dung đoạn trích?</p> <p>Gv gọi hs trình bày sau đó gọi hs đọc ghi nhớ sgk</p> <p>Hs đọc</p>	<p>thì con cháu trả nợ. A Phủ đi ở trừ nợ cho thống lí, đốt rừng, cày cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn ngựa, bôn ba ngoài bìa rừng.</p> <p>Mồ côi cha mẹ, gan bướng, khoẻ, nghèo k thể lấy nổi vợ. A Phủ đi chăn bò, ngựa, bị hổ vồ 1 con=> bị bắt trói.</p> <p>Được Mị cứu, A phủ cùng Mị chạy thoát=> sức sống tiềm tàng, mãnh liệt.</p> <p>-Đồng tình, quý trọng, ngợi ca, yêu thương; cảm phần bọn thống trị phong kiến ở miền núi và khao khát muốn lật đổ xhpk và thần quyền ấy.</p> <p>-Nt: miêu tả qua hđ, Mị được xd qua tâm lí.</p> <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <p>-Miêu tả tn và phong tục tập quán của người dân miền núi.</p> <p>-Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thẩm đẫm chất thơ.</p> <p>-Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, đậm màu sắc, phong vị dân tộc.</p> <p>2, Nội dung</p> <p>-Câu chuyện về người dân vùng Tây Bắc k cam chịu bọn thực dân, vùng lên phản kháng giành cuộc sống tự do.</p> <p>-Tác phẩm vừa mang giá trị hiện thực và nhân đạo</p>
---	---

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) hiểu gì về giá trị nhân đạo và hiện thực của tác phẩm? Những bài học rút ra qua tiết trả bài?

-Luyện tập:

Làm phần luyện tập (sgk-15).

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm; cách làm bài văn nghị luận.

-Bài mới:
Tìm hiểu tiết đọc và tìm hiểu thêm về **VỢ CHỒNG A PHỦ**

Tuần 17

Ngày dạy

Tiết 51b: Đọc và tìm hiểu thêm về
VỢ CHỒNG A PHỦ
(Trích- Tô Hoài)

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

-Giúp hs hiểu được nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn phong kiến và thực dân. Vẻ đẹp tiềm tàng, mãnh liệt và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào vùng cao.

-Thấy được nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực, miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế, lối kể chuyện hấp dẫn, ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

b, Về kỹ năng:

Củng cố, nâng cao kĩ năng tóm tắt tác phẩm và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự; biết lập dàn ý phân tích nhân vật; viết đoạn văn trong phần mở bài và kết bài

c, Về thái độ:

Đồng cảm với nỗi thống khổ và đồng tình với khát vọng sống, khát vọng tự do của nhân vật Mị và A Phủ.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.
- Phương pháp: phát vấn phân tích, hướng dẫn hs làm bài tập

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Tiết trước cô trò chúng ta đã tìm hiểu 2 tiết về tác phẩm Vợ chồng A Phủ. Để hiểu rõ hơn về nội dung và nghệ thuật xây dựng nhân vật, hôm nay cô trò ta tìm hiểu Đọc và tìm hiểu thêm về Vợ chồng A Phủ

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv: hãy nhắc lại những nét chính về nghệ thuật và nội dung đoạn trích?	1, Nghệ thuật -Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt. -Cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ,
Gv yêu cầu 2 hs nhắc lại	

<p>Phân tích hình tượng nhân vật A Phủ trong đoạn trích Vợ chồng A Phủ? Gv yêu cầu hs lập dàn ý</p> <p>Hs lập dàn ý, gv gọi lên trình bày sau đó chốt ý</p>	<p>ấn tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo. -Miêu tả tn và phong tục tập quán của người dân miền núi. -Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thẩm đẫm chất thơ. -Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, đậm màu sắc, phong vị dân tộc. <p>2, Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> -Câu chuyện về người dân vùng Tây Bắc k cam chịu bọn thực dân, vùng lên phản kháng giành cuộc sống tự do. -Tác phẩm vừa mang giá trị hiện thực và nhân đạo. <p>3) Hình tượng nhân vật A Phủ</p> <p>Nhân vật A Phủ cũng là một đóng góp mới của tác giả về phương diện xây dựng nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - A Phủ với số phận đặc biệt: Chú bé A Phủ từ tuổi thơ đã mồ côi cả cha lẫn mẹ, không còn người thân thích trên đời vì cả làng A Phủ không mấy ai qua được trận dịch. A Phủ sống sót không phải nhờ sự ngẫu nhiên mà vì chú là một mầm sống khỏe, đã vượt qua được sự sàng lọc nghiệt ngã của tự nhiên. Bởi thế, không ngạc nhiên khi có người bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái. Tuy mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không thích ở dưới cánh đồng thấp, trốn thoát lên núi, lưu lạc tới Hồng Ngài. Lớn lên giữa núi rừng, A Phủ trở thành chàng trai Mông khỏe mạnh chạy nhanh như ngựa, biết đục lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. Con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói: "Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà,
---	---

chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đũa thế thôi, chứ A Phủ vẫn rất nghèo. A Phủ không có cha, không có mẹ, không có ruộng, không có bạc, suốt đời làm thuê, làm mướn, phép làng và tục lệ cười xin ngắt đến nỗi A Phủ không thể nào lấy nổi vợ.

- A Phủ với cá tính đặc biệt: Cá tính gan góc của A Phủ vốn đã bộc lộ từ năm lên mười, cá tính ấy lại được chính cuộc sống hoang dã của núi rừng cùng hoàn cảnh ở đợ làm thuê nhiều cực nhọc, vất vả hun đúc để A Phủ trở thành một chàng trai có tính cách mạnh mẽ, táo bạo. Trận đòn mà A Phủ dành cho A Sử được miêu tả thật sống động:

"- Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

- A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi!

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lạng nào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên. A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp"

Một đoạn văn ngắn với hàng loạt các động từ cùng lối miêu tả các động tác nhanh, gấp: chạy vụt ra, ném, lạng, xộc tới, nắm cái uồng cổ, kéo dập đầu xuống, xé lai áo, đánh tới tấp... cho thấy sức mạnh và tính cách con người A Phủ qua hành động.

Ở vùng núi cao, bọn chúa đất như thống lí Pá Tra là một thứ trời con, con trai thống lí là con trời, không ai dám đụng tới.

Nhưng A Phủ không sợ. Với A Phủ, A Sử chỉ là đứa phá đám cuộc chơi, cần phải đánh. Thế thôi.

A Phủ đã phải trả một cái giá rất đắt cho hành động táo tợn ấy. Nhưng là người

Phân tích diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài?

Hs lập dàn ý
Gv gọi 2 hs trình bày sau đó chốt ý

đơn giản, A Phủ không quan tâm. Khi đã phải sống thân phận của kẻ làm công trừ nợ, A Phủ vẫn là một chàng trai của tự do, dù phải quanh năm một thân một mình "đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa..." nhưng cũng là quanh năm A Phủ "bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng" làm phẳng phẳng mọi thứ, không khác với những năm tháng trước kia. Khi rừng đôi, vì mãi bẫy nhím, để hổ bắt mất bò, A Phủ đi tìm nhiên vác nửa con bò hổ ăn đó về. A Phủ nói chuyện đi "lấy con hổ về" một cách thản nhiên và coi đó là một chuyện rất dễ dàng. A Phủ cãi lại thống lí cũng rất điềm nhiên: A Phủ không biết sợ các uy của bất cứ ai. Con hổ hay thống lí Pá Tra cũng thế thôi. Kể cả khi lẳng lẳng đi lấy cọc và dây mây, rồi đóng cọc để người ta trói đứng mình chết thế mạng cho con vật bị mất, A Phủ cũng làm các việc ấy một cách thản nhiên, không nói. Là người mạnh mẽ và gan góc, A Phủ không sợ cả cái chết...

Có thể nói, nhân vật A Phủ đã được khắc hoạ thành công. Sở trường quan sát nhạy bén và khả năng thiên phú trong việc nắm bắt cá tính con người là hai yếu tố đã giúp nhà văn, chỉ với mấy nét đơn sơ mà tạo dựng được một hình tượng đặc sắc.

4. Nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân

* **Hoàn cảnh:** Ngày tết đến, mùa xuân trở về trên đất Hồng Ngài, "trong các làng Mèo đỏ những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe ra như con bướm sặc sỡ". Sắc màu mùa xuân làm tạo vật và con người bừng tỉnh. Gió và rét không ngăn được tiếng cười của trẻ con, không

cản được tiếng sáo gọi bạn tình.

*** Diễn biến tâm trạng:**

+ **Trước bữa rượu:** Nghe tiếng sáo vọng lại thiết tha, bồi hồi. Mị thấy lòng phơi phới, vui sướng, Mị nhâm thâm bài hát tình tứ của người đang thổi. Tiếng sáo đã thấm vào tim Mị, làm cho con người trẻ trung, yêu đời, khao khát tình yêu của ngày xưa đang trỗi dậy trong lòng Mị.

+ **Trong bữa rượu:** Ngày xuân, Mị cũng uống rượu: Mị lén lấy hũ rượu “uống ực từng bát. Cách uống của Mị thật khác thường. Mị uống như để quên buồn, quên thực tại khổ đau. Mị uống để nuôi tiếc thời quá khứ, để sống về những ngày trước, những ngày tự do, vui sướng thổi sáo đi chơi hết núi này qua núi khác với bạn tình. Mị đã bắt đầu nhớ ra cuộc đời mình, trong quá khứ và cả trong thực tại. Tâm hồn Mị chưa phải đã chết. Nó đang hồi sinh.

+ **Sau bữa rượu:** Mị đã ý thức rõ về bản thân, về thực tại. Tâm hồn, sức sống của Mị đã hoàn toàn hồi sinh. Nhưng mâu thuẫn giữa cuộc sống địa ngục đọa đày không thể thoát ra với khát vọng tự do, hạnh phúc đang trỗi dậy khiến Mị có những suy nghĩ tưởng như mâu thuẫn, nhưng rất logic với tính cách, sức sống tiềm tàng của cô. Những lúc khao khát sống nhất thì lại là lúc Mị hay nghĩ đến cái chết. Với Mị, chết là sự giải thoát, cũng là sự (cách) phản kháng duy nhất với thực tại. Mị chợt thấy lòng mình phơi phới, nhận ra mình còn rất trẻ, Mị muốn đi chơi. Nếu có nắm lá ngón lúc này Mị sẽ

	<p>ăn cho chết ngay. Nhưng dù khao khát sống hay muốn chết thì trước sau, ở Mị luôn tiềm tàng một sức sống, một niềm khao khát sống mãnh liệt.</p> <p>+ <i>Khi A Sử xuất hiện, trói Mị</i>: Hẳn chỉ có thể trói được thân xác Mị, không thể dập tắt được tâm hồn Mị đang hồi sinh, không thể giam cầm được khát vọng tình yêu, tự do (dẫn chứng).</p> <p><i>Tiểu kết</i>: - ND: Đêm tình mùa xuân hé mở sức sống tiềm tàng của Mị, tuy âm thầm nhưng rất mãnh liệt.</p> <p>- NT: Miêu tả diễn biến tâm lí sinh động, tinh tế; sáng tạo chi tiết giàu sức gợi.</p>
--	---

c. Củng cố, luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập:

Lập dàn ý phân tích tâm trạng Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ.

d. HD học và làm bài

- Bài cũ: - Đọc lại văn bản để tìm dẫn chứng.

- Năm ND bài học.

-Bài mới: - Soạn tiết Vợ nhặt

Tuần 18

Ngày dạy:

Tiết 52-53: Văn

VỢ NHẶT

-Kim Lân-

1. Mục tiêu bài học:

a. Về kiến thức:

- Giúp hs thấy được tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 và niềm khao khát hạnh phúc gia đình, niềm tin vào cuộc sống, tình thương yêu đùm bọc giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nt miêu tả tâm lí nv đặc sắc.

b, Về kỹ năng:

Củng cố, nâng cao kỹ năng đọc- hiểu truyện ngắn hiện đại.

c, Về thái độ:

Có thái độ đồng cảm với nvật và có thêm lòng tin, lạc quan trong cuộc sống.

2. Chuẩn bị của GV và HS:

a. GV: -SGK, SGV, giáo án, tài liệu tham khảo.

-Phương pháp: phát vấn, giảng bình, hướng dẫn hs trả lời câu hỏi

b. HS: SGK, chuẩn bị trước khi lên lớp, vở bài tập.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Kiểm tra bài cũ: Không

* **Lời vào bài :** Kim Lân thuộc vào số ít các nhà văn có thể minh chứng cho chân lí “Quý hồ tinh...” trong NT. Sự nghiệp sáng tác của ông không nhiều về số lượng TP, nhưng đã có những TP xuất sắc. *Vợ nhặt* là 1 trong những TP như thế.

b. Dạy bài mới:

Gv gọi HS đọc phần *Tiểu dẫn* (SGK) và nêu những nét chính về:
- Nhà văn Kim Lân.
- Xuất xứ truyện ngắn *Vợ nhặt*
HS dựa vào phần *Tiểu dẫn* và những hiểu biết của bản thân để trình bày.

(GV giảng thêm về HS hiểu thêm về bối cảnh xã hội Việt Nam năm 1945.)

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Kim Lân (1920- 2007)

Tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài.

Quê quán: làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Kim Lân chỉ học hết tiểu học nhưng ông đã nỗ lực hết mình để trở thành một nhà văn.

Năm 2001 ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật .

Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (1955), *Con chó xấu xí* (1962), ...

Kim Lân là cây bút truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn, hình tượng người nông dân. Đặc biệt ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống thôn quê. Kim Lân là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất", với "người", với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn.

2. Xuất xứ tác phẩm

Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc in trong tập truyện “Con chó xấu xí” (1962).

=> **Bối cảnh xã hội của truyện.**

Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên tháng 3 năm 1945, nạn đói khủng khiếp đã diễn ra. Chỉ trong vòng vài tháng, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu

GV: Dựa vào nội dung truyện em hãy giải thích nhan đề *Vợ nhặt*?

GV gợi ý. HS thảo luận cá nhân và trình bày.

GV nhận xét và nhấn mạnh một số ý cơ bản.

GV: Nhà văn đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Tình huống đó có những ý nghĩa gì?

HS thảo luận cá nhân và trình bày, bổ sung. GV gợi ý, nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.

II. Đọc- hiểu:

1. Đọc - tóm tắt:

Đọc và tóm tắt diễn biến cốt truyện với những chi tiết chính.

2. Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề *Vợ nhặt*:

+ Nhan đề *Vợ nhặt* thâm tóm giá trị nội dung tư tưởng tác phẩm. "Nhặt" đi với những thứ không ra gì. Thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác, có thể "nhặt" ở bất kì đâu, bất kì lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ, còn ở đây Tràng "nhặt" vợ. Đó tực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh.

+ Nhưng "vợ" lại là sự trân trọng. Người vợ có vị trí trung tâm xây dựng tổ ấm. Trong tác phẩm, gia đình Tràng từ khi có người vợ nhặt, mọi người trở nên gắn bó, quây quần, chăm lo, thu vén cho tổ ấm của mình.

+ Như vậy, nhan đề *Vợ nhặt* vừa thể hiện thảm cảnh của người dân trong nạn đói 1945 vừa bộc lộ sự cuu mang, đùm bọc và khát vọng, sức mạnh hướng tới cuộc sống, tổ ấm, niềm tin của con người trong cảnh khốn cùng.

3. Tìm hiểu tình huống truyện:

+ Tràng là một nhân vật có ngoại hình xấu. Đã thế còn dở người. Lời ăn tiếng nói của Tràng cũng cộc cằn, thô kệch như chính ngoại hình của anh ta. Gia cảnh của Tràng cũng rất áy ngại. Nguy cơ "ế vợ" đã rõ. Đã vậy lại gặp năm đói khủng khiếp, cái chết luôn luôn đeo bám. Trong lúc không một ai (kể cả Tràng) nghĩ đến chuyện vợ con của anh ta thì đột nhiên Tràng có vợ. Trong hoàn cảnh đó, Tràng "nhặt" được vợ là nhặt thêm một miếng ăn cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình, đẩy mình đến gần hơn với cái chết. Vì vậy, việc Tràng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt.

+ Dân xóm ngụ cư ngạc nhiên, cùng bàn tán, phán đoán rồi cùng nghĩ: "*biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?*", cùng nín lặng.

+ Bà cụ Tứ, mẹ Tràng lại càng ngạc nhiên hơn. Bà lão chẳng hiểu gì, rồi "cúi đầu nín lặng" với nỗi lo riêng mà rất chung: "*Biết chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được*

<p>CH: Giá trị hiện thực?</p>	<p><i>con đói khát này không?"</i></p> <p>+ Bản thân Tràng cũng bất ngờ với chính hạnh phúc của mình: "<i>Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà đến bây giờ hân vẫn còn ngờ ngợ</i>". Thậm chí sáng hôm sau Tràng vẫn chưa hết bàng hoàng.</p>
<p>CH: Giá trị nhân đạo được thể hiện như thế nào?</p>	<p>+ Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ lại vừa hợp lí. Qua đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật.</p> <p>- Giá trị hiện thực: Tố cáo tội ác thực dân, phát xít qua bức tranh xám xịt về thảm cảnh chết đói.</p>
<p>CH: Giá trị nghệ thuật?</p>	<p>Nhật vợ là cái khốn cùng của cuộc sống. Cái đói quay quắt dồn đẩy đến mức người đàn bà chủ động gợi ý đòi ăn. Chỉ vì đói quá mà người đàn bà tội nghiệp này ăn luôn và "ăn liền một chặp 4 bát bánh đúc". Chỉ cần vài lời nửa đùa nửa thật thị đã chấp nhận theo không Tràng. Giá trị con người bị phủ nhận khi chỉ vì cùng đường đói khát mà phải trở nên trơ trẽn, liều lĩnh, bất chấp cả e thẹn. Cái đói đã bóp méo cả nhân cách con người.</p> <p>- Giá trị nhân đạo: Tình nhân ái, cứu mang đùm bọc nhau, khát vọng hướng tới sự sống và hạnh phúc.</p>
<p>Hs Lần lượt trình bày</p>	<p>Điều mà Kim Lân muốn nói là: trong bối cảnh bi thảm, giá trị nhân bản không mất đi, con người vẫn cứ muốn được là con người, muốn được nên người và muốn cuộc đời thừa nhận họ như những con người. Tràng lấy vợ là để tiếp tục sự sống, để sinh con đẻ cái, để hướng đến tương lai. Người đàn bà đi theo Tràng cũng để chạy trốn cái đói, cái chết để hướng đến sự sống. Bà cụ Tứ, một bà lão nhưng lại luôn nói đến chuyện tương lai, chuyện sung sướng về sau, nhen lên niềm hi vọng cho cháu con. Đó chính là sức sống bất diệt của <i>Vợ nhặt</i>.</p>
	<p>Đặc biệt tình người, lòng nhân ái, sự cứu mang đùm bọc của những con người nghèo đói là sức mạnh để họ vượt lên cái chết.</p> <p>- Giá trị nghệ thuật: Tình huống truyện khiến diễn biến phát triển dễ dàng và làm nổi bật được những cảnh đời, những thân phận đồng thời nổi bật chủ đề tư tưởng tác phẩm.</p>

c. Củng cố, luyện tập

-Củng cố

CH: Tóm tắt truyện?

(Xoay quanh 3 nhân vật: Tràng, bà cụ Tứ, người vợ nhặt. Nhân vật chính là Tràng gồm có 3 chặng diễn biến nội tâm.

- Khi cùng người vợ nhặt về xóm ngụ cư.
- Chờ mẹ về.
- Sáng hôm sau.)

-Luyện tập:

Tóm tắt truyện bằng sơ đồ

d. HD học và làm bài

- Bài cũ:- Đọc lại văn bản để tìm dẫn chứng.

- Nắm ND bài học.

-Bài mới: - Soạn tiếp Vợ nhặt

Tuần 18

Ngày dạy:

Tiết 53: Văn

VỢ NHẶT

-Kim Lân-

(Tiếp theo)

***Tiến trình bài dạy**

- **Kiểm tra bài cũ:**

CH: Nhà văn đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Tình huống đó có những ý nghĩa gì?

TL:

- Giá trị hiện thực: Tố cáo tội ác thực dân, phát xít qua bức tranh xám xịt về thảm cảnh chết đói.

- Giá trị nhân đạo: Tình nhân ái, cứu mang đùm bọc nhau, khát vọng hướng tới sự sống và hạnh phúc.

- Giá trị nghệ thuật: Tình huống truyện khiến diễn biến phát triển dễ dàng và làm nổi bật được những cảnh đời, những thân phận đồng thời nổi bật chủ đề tư tưởng tác phẩm.

-Lời vào bài:

Phần còn lại của TP sẽ giúp chúng ta nhận thấy rõ niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những con người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực thảm của cái chết

b. Dạy bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
-----------------	------------------

GV: Cảm nhận của em về diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng?
(lúc quyết định để người đàn bà theo về, trên đường về xóm ngụ cư, buổi sáng đầu tiên có vợ).

HS: Thảo luận cá nhân và trả lời.

GV: Cảm nhận của em về người vợ nhặt?
(tư thế, bước đi, tiếng nói, tâm trạng,...).
Hs nhận xét

I. Tìm hiểu chung

II. Đọc hiểu văn bản

4. Tìm hiểu về diễn biến tâm trạng các nhân vật:

a) Nhân vật Tràng:

+ Tràng là nhân vật có bề ngoài thô, xấu, thân phận lại nghèo hèn, mắc tật hay vừa đi vừa nói một mình,...

+ Tràng "nhặt" được vợ trong hoàn cảnh đói khát. "Chậc, kệ", cái tặc lưỡi của Tràng không phải là sự liêu lĩnh mà là một sự cưu mang, một tấm lòng nhân hậu không thể chối từ. Quyết định có vẻ giản đơn nhưng chứa đựng nhiều tình thương của con người trong cảnh khốn cùng.

+ Tất cả biến đổi từ giây phút ấy. Trên đường về xóm ngụ cư, Tràng không cúi xuống lằm lũi như mọi ngày mà "phờ phơ", "vênh vênh ra điều". Trong phút chốc, Tràng quên tất cả tăm tối, "chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên" và cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.

+ Buổi sáng đầu tiên có vợ, Tràng biến đổi hẳn: "Hắn thấy bây giờ hắn mới nên người". Tràng thấy trách nhiệm và biết gắn bó với tổ ấm của mình.

b) Người vợ nhặt:

+ Thị theo Tràng trước hết là vì miếng ăn (chạy trốn cái đói).

+ Nhưng trên đường theo Tràng về, cái vẻ "cong cớn" biến mất, chỉ còn người phụ nữ xấu hổ, ngượng ngùng và cũng đầy nữ tính (đi sau Tràng ba bốn bước, cái nón rách che nghiêng, ngồi mớm ở mép giường,...). Tâm trạng lo âu, băn khoăn, hồi hộp khi bước chân về "làm dâu nhà người".

+ Buổi sớm mai, chị ta dậy sớm, quét tước, dọn dẹp. Đó là hình ảnh của một

<p>GV: Cảm nhận của em về diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ - mẹ Tràng? (lúc mới về, buổi sớm mai, bữa cơm đầu tiên).</p> <p>Hs dựa vào chi tiết sgk và trình bày</p> <p>CH: Em hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân? (Cách kể chuyện, cách dựng cảnh, đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ,...)</p> <p>HS thảo luận cá nhân và trả lời</p>	<p>người vợ biết lo toan, thu vén cho cuộc sống gia đình, hình ảnh của một người "vợ hiền dâu thảo".</p> <p>Người phụ nữ xuất hiện không tên, không tuổi, không quê như "roi" vào giữa thiên truyện để Tràng "nhặt" làm vợ. Từ chỗ nhân cách bị bóp méo vì cái đói, thiên chức, bốn phận làm vợ, làm dâu được đánh thức khi người phụ nữ này quyết định gắn sinh mạng mình với Tràng. Chính chị cũng đã làm cho niềm hi vọng của mọi người trỗi dậy khi kể chuyện ở Bắc Giang, Thái Nguyên người ta đi phá kho thóc Nhật</p> <p>c) Bà cụ Tứ:</p> <p>+ Tâm trạng bà cụ Tứ: mừng, vui, xót, tủi, "vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình". Đối với người đàn bà thì "lòng bà đầy xót thương". Nén vào lòng tất cả, bà dang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình: "ừ, thôi thì các con phải duyên, phải số với nhau, u cũng mừng lòng".</p> <p>+ Bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới, bà cụ Tứ đã nhen nhóm cho các con niềm tin, niềm hi vọng: "tao tính khi nào có tiền mua lấy con gà về nuôi, chả mấy mà có đàn gà cho xem".</p> <p>-> Bà cụ Tứ là hiện thân của nỗi khổ con người. Người mẹ ấy đã nhìn cuộc hôn nhân éo le của con thông qua toàn bộ nỗi đau khổ của cuộc đời bà. Bà lo lắng trước thực tế quá nghiệt ngã. Bà mừng một nỗi mừng sâu xa. Từ ngạc nhiên đến xót thương nhưng trên hết vẫn là tình yêu thương. Cũng chính bà cụ là người nói nhiều nhất về tương lai, một tương lai rất cụ thể thiết thực với những gà, lợn, ruộng, vườn,... một tương lai khiến các con tin tưởng bởi nó không quá xa vời.</p>
--	---

<p>Cho biết những nét tiêu biểu về nghệ thuật và nội dung đoạn trích? Hs trình bày dựa theo sgk</p>	<p>Kim Lân đã khám phá ra một nét độc đáo khi để cho một bà cụ cập kê miệng lỗ nói nhiều với đôi trẻ về ngày mai.</p> <p>5. Đặc sắc nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cách kể chuyện tự nhiên, lôi cuốn, hấp dẫn. + Dựng cảnh chân thật, gây ấn tượng: cảnh chết đói, cảnh bữa cơm ngày đói,... + Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế nhưng bộc lộ tự nhiên, chân thật. + Ngôn ngữ nông thôn nhuần nhị, tự nhiên <p>III. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Vợ nhặt</i> tạo được một tình huống truyện độc đáo, cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, đối thoại sinh động. + Truyện thể hiện được thảm cảnh của nhân dân ta trong nạn đói năm 1945. Đặc biệt thể hiện được tấm lòng nhân ái, sức sống kì diệu của con người ngay bên bờ vực thẳm của cái chết vẫn hướng về sự sống và khát khao tổ ấm gia đình.
---	--

*** Luyện tập, củng cố**

CH: Cảm nhận chung của em về TP?

TL:- Ba nhân vật trong TP biết vượt lên h /cảnh

- Là 1 vẻ đẹp t /thần của ng nghèo khổ. Cái thể vượt h /cảnh ấy tạo nên ND nhân đạo độc đáo và cảm động của TP.

- "Vợ nhặt" là bài ca về tình ng ở những ng nghèo khổ đã "biết sống" như con người giữa thời túng đói quay quắt.

***Hướng dẫn học và làm bài:**

-Bài cũ: Nắm phần PT, cốt truyện; QT diễn biến tâm lí của 2 nhân vật; Chọn 1 TP VH HT để so sánh.

-Bài mới: Tìm hiểu thêm về Vợ nhặt

Tuần 18

Ngày dạy:

Tiết 53b:
Đọc và tìm hiểu thêm về
VỢ NHẶT

1. Mục tiêu bài học:

a. Về kiến thức:

- Giúp hs thấy được tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 và niềm khao khát hạnh phúc gia đình, niềm tin vào cuộc sống, tình thương yêu đùm bọc giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.
- Xây dựng tình huống truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nt miêu tả tâm lí nv đặc sắc.

b, Về kỹ năng:

Củng cố, nâng cao kĩ năng đọc- hiểu truyện ngắn hiện đại.

c, Về thái độ:

Có thái độ đồng cảm với nvật và có thêm lòng tin, lạc quan trong cuộc sống.

2. Chuẩn bị của GV và HS:

a. GV: -SGK, SGV, giáo án, tài liệu tham khảo.

-Phương pháp: phát vấn, giảng bình, hướng dẫn hs trả lời câu hỏi

b. HS: SGK, chuẩn bị trước khi lên lớp, vở bài tập.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Kiểm tra bài cũ: Không

* **Lời vào bài :** Kim Lân thuộc vào số ít các nhà văn có thể minh chứng cho chân lí “Quý hồ tinh...” trong NT. Sự nghiệp sáng tác của ông không nhiều về số lượng TP, nhưng đã có những TP xuất sắc. *Vợ nhặt* là 1 trong những TP như thế.

b. Dạy bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cÇn ®at
Phân tích nhân vật vợ Tràng trong tác	<p>3. Phân tích nhân vật vợ TràngTác phẩm <i>Vợ nhặt</i> xoay quanh câu chuyện của ba người trong một gia đình ngụ cư. Điều lạ là một người làm nên chính cái tên của truyện lại không có tên, không biết tuổi. Đó chính là vợ Tràng. Người phụ nữ ấy chỉ là một trong số hàng ngàn, hàng vạn thân phận phụ nữ cùng thời. Do đó, người ấy rất dễ bị lãng quên, ít ai chú ý tới nhưng với nhà văn đó là một số phận không thể bỏ qua, một số phận gây nhức nhối, trăn trở. Sự hấp dẫn của nhân vật nữ này phải chăng là từ một người trong cõi mù mịt, không đâu vào đâu trở thành một nàng dâu hiền thục của bà cụ Tứ?</p> <p>a. Lai lịch, ngoại hình:</p>

phẩm Vợ nhặt của Kim Lân

Gv hướng dẫn hs lập dàn ý, sau đó gọi 3 hs lên trình bày, gọi 2 hs khác bổ sung
Gv chốt ý

- Vợ Tràng là người đàn bà không rõ lai lịch, không có gia đình, không có nhà cửa. Cô ta thậm chí không có tên và khi xuất hiện lúc được gọi là thị, là cô ả, lúc là người đàn bà. Chỉ có bà cụ Tứ xem vợ Tràng là nàng dâu, con dâu, là con và được Tràng gọi là nhà tôi mà thôi. Trước khi về nhà bà cụ Tứ, cô ta cùng với mấy chị con gái ngồi vêu ra ở cửa nhà kho thóc Liên đoàn chờ nhặt hạt rơi, hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Trong nạn đói hồi ấy, thân phận con người thật rẻ rúng.

- Vợ Tràng xuất hiện với một chân dung thảm thương. Lần đầu tiên Tràng trông thấy, thị mới chỉ gầy yếu xanh xao (ngồi vêu trước cửa kho thóc), nhưng gặp lần hai, anh ta không nhận ra. Vì đói rách mà chỉ hôm, áo quần rách thị tả tơi như tổ đĩa, gày sọp hẳn đi, trên cái mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

b. Tính cách:

- Khi mới gặp Tràng:

+ Thị là người đanh đá, táo bạo tới mức trở nên trơ trẽn. Nghe anh chàng phu xe hò một câu cho đỡ nhọc (Muốn ăn cơm trắng mấy giò này ... với anh nì), thị đã cong cớn bám lấy rồi vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng. Gặp lần thứ hai, khi Tràng vừa trả hàng xong, thị đâu xầm xầm chạy đến. Thị đứng trước mặt mà sung sĩa nói: Điêu! Người thế mà điêu! thị tiếp tục cong cớn. Thấy có miếng ăn, hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên rồi thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chạp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong, thị cầm dục đôi đũa quệt ngang

miệng mà thở.

+ Phải chăng đây là tính cách cố có của người đàn bà này? Không, từ đầu đến lúc theo Tràng về nhà, người phụ nữ ấy hành động hoàn toàn theo bản năng của mình. Thị làm tất cả chỉ để được... ăn!

- Khi đã chấp nhận làm vợ Tràng:

+ Trên con đường trở về nhà của Tràng, thị thay đổi hẳn. Trong khi Tràng mặt có một vẻ gì phớn phở khác thường, hay tùm tùm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh, thì thị lại đi sau hắn chừng ba bốn chục thước, cắp cái thúng con, cái nón tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Rõ ràng so với người đàn bà mới ban trưa, bây giờ thị đã là người khác. Ban trưa, lúc ở ngoài chợ, thị sấn sỏ, cong cớn để được ăn, còn bây giờ, thị đang về nhà chồng. Và lại, thị bắt đầu ý thức về thân phận mình, là người vợ theo không. Té ra, thị chẳng có chút quyền uy nào, kể cả quyền lựa chọn và đành chấp nhận số phận khi đã đến bước đường cùng.

+ Song, thị vẫn là người có ý thức về giá trị của bản thân. Trên đường về nhà chồng, khi anh Tràng lấy làm thích thú trước cảnh lũ trẻ con chọc ghẹo, thì thị có vẻ khó chịu lắm, đôi lông mày nhíu lại, đưa tay lên xóc lại tà áo. Trẻ con nghịch ngợm chọc ghẹo còn được, đằng này đến người lớn cũng tò mò, thị càng ngượng ngịu, chân nọ díu cả vào chân kia. Anh Tràng đến là vô tư, cứ lấy vợ vậy làm thích thú. Thị cầu nài trong miệng và làm lúi đi đến nỗi nhầm đường. Thị mong sớm đến nhà “chồng” để tránh sự dòm

ngó của mọi người.

+ Về nhà của Tràng, thị càng khác hơn. Người đàn bà ấy có cái tò mò của nàng dâu mới. Thị đảo mắt nhìn chung quanh. Quả là nghèo quá. Thị nén tiếng thở dài. Anh Tràng muốn vợ mình được tự nhiên, cứ giục ngồi, nhưng thị chỉ dám ngồi mớm xuống mép giường. Khi bà cụ Tứ về, người đàn bà ấy chủ động chào bà bằng u. Trước mặt người mẹ chồng, thị càng rụt rè, vẫn đứng nguyên chỗ cũ, khẽ nhúc nhích. Chính thái độ ấy cùng hoàn cảnh của thị đã khiến bà cụ Tứ, trái với sự dò xét thông thường của những người mẹ chồng đối với nàng dâu, nhìn thị lòng đầy thương xót. Bà nhanh chóng chấp nhận thị là dâu dù chỉ mấy phút trước đó cả hai đều hoàn toàn xa lạ.

+ Sáng hôm sau, thị đã trở thành người vợ đảm đang. Cùng với bà cụ Tứ, thị thức dậy sớm, lo dọn dẹp nhà cửa, quét tước sân vườn sạch sẽ. Người vô tâm như anh Tràng vẫn nhận ra sự thay đổi kỳ lạ ở thị: Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không có vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần gặp ngoài tỉnh. Không những thế, thị còn tỏ ra là người biết tu chí làm ăn. Khi thị hỏi bà cụ Tứ về tiếng trống ồn ã ngoài đình và biết đó là tiếng trống thúc thuế, thị đã khẽ thở dài. Rồi chính thị là người đầu tiên kể cho cả nhà nghe chuyện trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa mà đi phá kho thóc Nhật, chia cho người đói. Câu chuyện ấy khiến Tràng ân hận và tiếc rẻ khi nhớ lại mình đã từng có dịp làm như thế mà chẳng làm. Ai biết rồi đây, để chăm lo cho cuộc sống gia đình của mình,

người phụ nữ này có khi cả gan hơn cả anh cu Tràng! Bữa cơm nghèo buổi sáng hôm ấy, thị cũng như bà cụ Tứ và anh Tràng đều thấy một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mình khi phải cố nuốt những miếng cơm đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Song, thị cũng như hai mẹ con Tràng, đều cố tránh nhìn mặt nhau, đều không muốn làm người khác phải buồn đau hơn. Phải ý nhị lắm, phải tinh tế đến nhường nào mới có thái độ ứng xử đầy chất nhân bản như thế!

Hoá ra cái danh đá, trở trên trước kia ở người đàn bà Tràng lấy làm vợ chẳng qua là do đói khát mà ra. Khi được sống trong tình thương, trong mái ấm gia đình, người đàn bà ấy đã sống với bản chất tốt đẹp của mình, của một người phụ nữ Việt Nam.

c.Số phận:

- Vợ Tràng tiêu biểu cho số phận những người phụ nữ trong nạn đói 1945: nghèo đói, bị rẻ rúng.

- Khi người đàn bà ấy may mắn được sống trong tình người, trong mái ấm gia đình mặc dù cuộc sống còn nhiều đe dọa của sự đói khát, thì những phẩm chất tốt đẹp đã sống lại.

d.Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Kim Lân đã khắc họa nhân vật người phụ nữ rất điêu luyện. Nhà văn không tập trung miêu tả tâm lý nhân vật để giữ vẻ xa lạ, phù hợp với hoàn cảnh của thị, một người vợ nhặt (khác với nhân vật Tràng được miêu tả tâm lý hết sức tỉ mỉ).

- Tác giả lại chú trọng khắc họa hành động, cử chỉ, nét mặt của nhân vật để

người đọc tự hiểu tâm trạng của người phụ nữ. Chẳng hạn, chi tiết thị lấy nón che mặt diễn tả tâm trạng xấu hổ vì biết mình là người phụ nữ theo không về nhà chồng; hoặc thị nén một tiếng thở dài khi đảo mắt nhìn chung quanh căn nhà của Tràng; hay chi tiết thị đón lấy bát cháo cám, đưa mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại rồi điềm nhiên và vào miệng là thái độ chấp nhận số phận khi đến bước đường cùng... Nhiều chi tiết nhỏ, vụn vặt như thế nhưng đã nói được khá rõ về tâm tư, tình cảm của một con người.

e.Kết luận:

- Xây dựng nhân vật vợ Tràng, nhà văn đã gián tiếp tố cáo một xã hội đẩy con người đến sự rẻ rúng, tha hoá về nhân phẩm chẳng qua vì sự đói khát. Thế nhưng, trong cảnh ngộ của mình bị đát, con người vẫn luôn vươn tới sự sống, hướng tới tương lai và ở một hoàn cảnh nhân đạo hơn, phẩm giá con người đã sống dậy.

- Ba nhân vật chính trong Vợ nhặt đã được nhà văn xây dựng theo cách thức khác nhau. Chính sự khác nhau đó đã góp phần tạo nên giá trị độc đáo của tác phẩm. Ba nhân vật trở thành ba mảng đời của một xã hội tối tăm, đói khát và cũng từ đó ánh lên tia sáng của chủ nghĩa nhân đạo cao cả.

4.Phân tích nhân vật bà cụ Tứ

Kim Lân thuộc hàng những cây bút truyện ngắn tài năng của văn học Việt Nam hiện đại. Ông thường viết về nông thôn và những con người dân quê, lam lũ hồn hậu, chất phác mà giàu tình yêu

Phân tích nhân vật bà cụ Tứ trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân

Gv hướng dẫn hs lập dàn ý, sau đó gọi 3 hs lên trình bày, gọi 2 hs khác bổ sung Gv chốt ý

thương . Vợ nhặt là một trong những sáng tác tiêu biểu của ông . Tác phẩm đã khắc hoạ tình cảnh thê thảm của nhân dân ta trong nạn đói năm 1945 đồng thời khẳng định , ca ngợi tình yêu thương , đùm bọc , khát khao hạnh phúc , hướng đến tương lai của những người dân lao động . Trong đó nhân vật bà cụ Tứ được nhà văn khắc hoạ rất sinh động , tinh tế , là một người mẹ nghèo khổ , trải đời , giàu tình yêu thương và có nội tâm phong phú , phức tạp

Kim Lân rất am hiểu nông thôn và đời sống của nhân dân nên ông có những trang viết sâu sắc, cảm động. Truyện Vợ nhặt rút từ tập Con chó xấu xí) được coi là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân. Thiên truyện có một quá trình sáng tác khá dài. Nó vốn được rút ra từ tiểu thuyết Xóm ngụ cư (cuốn tiểu thuyết viết dang dở ở thời kì trước Cách mạng). Hoà bình lập lại, Kim Lân viết lại. Vợ nhặt mang dấu ấn của cả một quá trình nghiên cứu lâu dài về nội dung và chiêm nghiệm kĩ lưỡng về nghệ thuật.

Tác phẩm đã tái hiện lại bối cảnh ngày đói vô cùng thê thảm ở nông thôn Việt Nam do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra năm 1945 . Trong không gian của thế giới ngồn ngàng người sống kẻ chết ấy, tiếng quạ “gào lên từng hồi thê thiết” cùng với “mùi gây của xác người” . Nhưng quan trọng hơn, bên cạnh mảng tối của bức tranh hiện thực buồn đau là mảng sáng của tình người , của một chủ

nghĩa nhân văn tha thiết, cảm động.

Trong truyện ngắn Vợ nhặt, Kim Lân bộc lộ một quan điểm nhân đạo sâu sắc của mình. Nhà văn phát hiện ra vẻ đẹp kì diệu của người lao động trong sự túng đói quay quắt, trong bất kì hoàn cảnh khốn khổ nào, con người vẫn vượt lên cái chết, hướng về cuộc sống gia đình, vẫn yêu thương nhau và hi vọng vào ngày mai.

Thể hiện sâu sắc cho tư tưởng ấy là chân dung tính cách, tâm lý của bà cụ Tứ trước tình huống bất ngờ: con trai mình đột ngột có vợ.

Tâm lí ở cụ Tứ có phần phức tạp, với những nỗi niềm trắc ẩn trong chiều sâu riêng của người già từng trải và nhân hậu.

Khởi đầu tâm lí ở bà cụ Tứ là ngỡ ngàng trước một sự việc dường như không hiểu được. Cô gái xuất hiện trong nhà bà phút đầu là một hiện tượng lạ. Trạng thái ngỡ ngàng của bà cụ Tứ được khơi sâu bởi hàng loạt những câu hỏi nghi vấn: “Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong nhà ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ?” Rồi lại: “Ô hay, thế là thế nào nhỉ?”. Sự ngạc nhiên này thể hiện nỗi đau của người viết: chính là sự cùng quẫn của hoàn cảnh đánh mất ở người mẹ sự nhạy cảm trước việc con trai yêu quý của mình có vợ.

Sau khi hiểu ra mọi chuyện, bà lão” cúi đầu nín lặng”. Sự nín lặng đầy nội tâm. Đó là nỗi niềm xót xa, lo, thương trộn lẫn. Tình thương của bà mẹ nhân hậu mới bao dung làm sao: “... chúng nó có nuôi

nổi nhau sống qua được con đói khát này không?”. Trong chữ “chúng nó” người mẹ đã đi từ lòng thương con trai sang con dâu. Trong chữ cúi đầu, bà mẹ tiếp nhận hạnh phúc của con bằng kinh nghiệm sống, bằng sự trả giá của một chuỗi đời nặng nhọc, bằng ý thức sâu sắc trước hoàn cảnh.

Rồi tình thương lại chìm vào nỗi lo, tạo thành một trạng thái tâm lí triền miên day dứt. Bà mẹ: nghĩ đến bốn phận làm mẹ chưa tròn, nghĩ đến ông lão, đến con gái út, nghĩ đến nỗi khổ đời của mình, nghĩ đến tương lai của con..., để cuối cùng dồn tụ bao lo lắng, yêu thương trong một câu nói giản dị: “chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...” Trên ngón ngang những nỗi buồn lo, niềm vui của mẹ vẫn cố ánh lên. Cảm động thay, Kim Lân lại để cái ánh sáng kỳ diệu đó tỏa ra từ... nồi cháo cám. Hãy nghe người mẹ nói: “chè đây – Bà lão múc ra một bát – chè khoán đây, ngon đáo để cơ”. Chữ “ngon” này cần phải cảm thụ một cách đặc biệt. Đó không phải là xúc cảm về vật chất, (xúc cảm về cháo cám) mà là xúc cảm về tinh thần: ở người mẹ, niềm tin về hạnh phúc của con biến đắng chát thành ngọt ngào. Chọn hình ảnh nồi cháo cám, Kim Lân muốn chính mình cho cái chất người: trong bất kỳ hoàn cảnh nào, tình nghĩa và hi vọng không thể bị tiêu diệt, con người muốn sống cho ra sống, và cái chất người thể hiện ở cách sống tình nghĩa và hi vọng. Nhưng Kim Lân không phải là nhà văn lãng mạn. Niềm vui của cụ Tứ vẫn cứ là niềm vui tội nghiệp, bởi thực tại vẫn nghiệt ngã với miếng cháo cám “đắng chát và ghen bứ”.

	<p>Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân, là tác phẩm giàu giá trị hiện thực, nhân đạo; là bài ca về tình người ở những người nghèo khổ, ca ngợi niềm tin bất diệt vào tương lai tươi sáng của con người. Truyện xây dựng thành công hình tượng nhân vật bà cụ Tứ, một người mẹ nghèo khổ mà ấm áp tình thương, niềm hi vọng, lạc quan qua cách dựng tình huống truyện và dẫn truyện độc đáo, nhất là ngòi bút miêu tả tâm lý tinh tế, khiến tác phẩm mang chất thơ cảm động và hấp dẫn.</p>
--	---

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Anh (chị) nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập

Phân tích nhân vật Tràng trong tác phẩm

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Lập dàn ý phân tích nhân vật Vợ Tràng và bà cụ Tứ

- Bài mới:

Tìm hiểu Nhân vật giao tiếp

Tuần 18

Ngày dạy

Tiết 54: Tiếng Việt
NHÂN VẬT GIAO TIẾP
(Tự học có hướng dẫn)

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

Giúp hs nắm được khái niệm nhân vật gt, vị thế của nvật gt, quan hệ thân sơ của các nvật gt, chiến lược gt, sự chi phối của các đặc điểm của nvật gt và hoạt động gt.

b, Về kỹ năng:

Kĩ năng nhận biết và phân tích nvật gt; kĩ năng nhận biết và phân tích chiến lược gt của các nhân vật gt; kĩ năng gt của bản thân.

c, Về thái độ:

Ý thức mềm dẻo và cương quyết trong gt.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv; Các tài liệu tham khảo khác.
- Phương pháp: gợi ý, hướng dẫn hs tự học trên lớp

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ:

-Câu hỏi:

Nêu những đặc sắc nt trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ của nhà văn Tô Hoài?

-Đáp án:

Xây dựng tâm lí nhân vật đặc sắc; những đoạn miêu tả thiên nhiên và phong tục đặc sắc; trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; kể chuyện ngắn gọn; dẫn dắt tình tiết khéo léo, ngôn ngữ sinh động chọn lọc và sáng tạo; câu văn giàu tính tạo hình và thẩm đẫm chất thơ; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng.

*Đặt vấn đề vào bài mới:

Trong quá trình gt, đôi khi chúng ta k để ý đến các nhân tố gt nên thường k đạt được hiệu quả như mình mong muốn. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu nhân vật gt và các nhân tố chi phối quá trình gt.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: gọi hs đọc ngữ liệu 1 và trả lời các câu hỏi:</p> <p>Trong hđgt trên, các nvgt có đặc điểm ntn về lứa tuổi, giới tính, tầng lớp xh?</p> <p>Các nvgt chuyển đổi vai người nói, người nghe và luân phiên lượt lời ra sao? Lượt lời đầu tiên của nhân vật “thị” hướng tới ai?</p>	<p>I, Phân tích các ngữ liệu</p> <p>1, Ngữ liệu 1</p> <p>a, Các nhân vật: Tràng, mấy cô gái và thị.</p> <ul style="list-style-type: none">-Lứa tuổi: những người trẻ tuổi.-Giới tính: Tràng là nam, còn lại là nữ.-Tầng lớp lđ: người dân lđ nghèo đói. <p>b, -Lúc đầu: Tràng là người nói, mấy cô gái là người nghe.</p> <ul style="list-style-type: none">-Tiếp theo: mấy cô gái là người nói, Tràng và thị là người nghe.-Tiếp theo: thị là người nói, Tràng và mấy cô gái là người nghe.-Tiếp theo: Tràng là người nói, thị là

<p>Các nvgt trên có bình đẳng về vị thế xh không?</p> <p>Họ có quan hệ xa lạ hay thân tình khi bắt đầu gt? Những đặc điểm về vị thế xh, quan hệ thân sơ lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp chi phối lời nói của các nvgt ntn? Hs đọc và trả lời Gv nhận xét, bổ sung</p> <p>Gv: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:</p> <p>Đoạn trích có những nvgt nào? Trường hợp nào Bá Kiến nói với một người nghe, trường hợp nào nói với nhiều người nghe?</p> <p>Vị thế của Bá Kiến so với từng người nghe ntn? Điều đó chi phối cách nói và lời nói của Bá Kiến ra sao?</p>	<p>người nghe -Cuối cùng: thị người nói, Tràng là người nghe. Lượt lời đầu tiên của thị hướng tới Tràng. c, Bình đẳng vì đều là những người dân lữ cùng cảnh ngộ. d, Quan hệ hoàn toàn xa lạ e, Chi phối các nhân vật gt Ban đầu chưa quen nên chỉ là trêu đùa thăm dò. Dần dần khi đã quen, họ mạnh dạn hơn. Vì cùng tuổi, bình đẳng về vị thế xh lại cùng cảnh ngộ nên các nhân vật gt tỏ ra rất suồng sã.</p> <p>2, Ngữ liệu 2</p> <p>a, Bá Kiến, mấy bà vợ, dân làng và Chí Phèo. Bá Kiến nói với 1 người là Chí Phèo, nói với mấy bà vợ, dân làng, Lí Cường là nói với nhiều người nghe.</p> <p>b, Vị thế của Bá Kiến so với từng người nghe: -Với mấy bà vợ: Bá Kiến là chồng nên quát -Với dân làng: Bá Kiến là cụ lớn, thuộc tầng lớp trên lời nói có vẻ tôn trọng “các ông, các bà” nhưng thực chất là đui. -Với Chí Phèo: Bá Kiến vừa là ông chủ cũ vừa là kẻ đã đẩy Chí Phèo vào tù. Bá Kiến vừa thăm dò, vừa dỗ dành vừa có vẻ đề cao. -Với Lí Cường: Bá Kiến là cha, cụ quát nhưng thực chất là để xoa dịu Chí Phèo. c, - Đui mọi người về để cô lập Chí Phèo.</p>
--	--

<p>Đối với Chí Phèo, Bá Kiến đã thực hiện 1 số chiến lược gt ntn? Hãy phân tích cụ thể chiến lược đó theo các bước sau đây?</p> <p>Bá Kiến có đạt được mđ và hiệu quả gt không? Những người nghe trong cuộc hội thoại với Bá Kiến có phản ứng ntn khi nghe những lời nói của Bá Kiến?</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv: từ việc phân tích các ngữ liệu trên, anh (chị) rút ra được những nhận xét gì về nvgt trong hđgt?</p> <p>Hs nhận xét</p> <p>- HS làm các bài tập trong SGK, thực hiện các yêu cầu của câu hỏi</p> <p>Phân tích sự chi phối của vị thế xh ở các nv đối với lời nói của họ trong đoạn trích sau</p> <p>(?) Suy nghĩ về đặc điểm các nhân vật trong phát ngôn. (* Câu nói gắn với sở thích, giới tính, địa vị, nghề nghiệp của các nhân vật)</p>	<p>-Dùng lời nói ngọt nhạt để vuốt ve môn trón Chí. -Nâng vị thế Chí Phèo lên ngang hàng với mình để xoa dịu Chí.</p> <p>d, Bá Kiến đã đạt được mđ và hiệu quả gt. Những người nghe đều răm rắp nghe theo lời Bá Kiến. Chí Phèo bị khuất phục.</p> <p>II, Nhận xét về nhân vật gt trong quan hệ gt.</p> <p>1, Trong hđgt = ngôn ngữ, các nvgt xuất hiện trong vai người nói và người nghe. Ở dạng nói, các nvgt thường đổi vai và luân phiên lượt lời với nhau.</p> <p>2, Các nvgt có thể có vị thế ngang hàng hoặc cách biệt, có thể xa lạ hay có quan hệ thân tình. Những đặc điểm đó cùng với đặc điểm khác của từng người (lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, vốn sống, văn hoá) luôn chi phối lời nói của họ về nội dung và hình thức ngôn ngữ.</p> <p>3, Để đạt được mđ và hiệu quảgt, mỗi nvgt tùy thuộc vào ngữ cảnh mà lựa chọn và thực hiện một chiến lược gt phù hợp (bao gồm việc lựa chọn đề tài, nội dung, phương tiện ngôn ngữ, cách thức, thứ tự nói hoặc viết).</p> <p>III. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1: Ông lí và anh Mịch - ngồi cùng làng, quen biết; khác địa vị: ông lí (<i>chức sắc</i>), anh Mịch (<i>cùng đinh</i>) - lời ông lí: hăm dọa, thái độ mặc kệ; xng hô <i>mày-tao</i>, cau mặt, ... anh Mịch phải van xin, cầu cạnh, khúm núm, ...</p> <p>2. Bài tập 2: - có năm nhân vật; vị thế xã hội, sở thích, lứa tuổi khác nhau. - chú bé con: thích cái mũ (ngộ nghĩnh) - chị con gái: khen áo dài (thích ăn mặc) - anh sinh viên: nói sắp diễn thuyết</p>
--	---

<p>* Trồng hợp bà lão hàng xóm và chị Dậu thể hiện vai trò quan trọng của <i>vị thế xã hội, quan hệ thân sơ</i> trong giao tiếp.</p>	<p>- cu li xe: khen đôi ửng - nhà nho: mỉa mai kiểu thành ngữ. 3.Bài tập 3: a) Hai nhân vật: Chị Dậu - bà lão (thân tình, gần gũi) - bà ở vị thế trên nhng quan hệ không cách biệt; Chị Dậu xng hô: <i>cụ-cháu</i>; bà lão gọi anh Dậu là <i>bác trai</i> - <i>này, vàng, cảm ơn</i>: sự thân mật,.. b) tông tác: hỏi thăm- cảm ơn; hỏi sức khoẻ- trả lời; mách- nghe theo,.. c) lời nói thể hiện sự tôn trọng, lịch sự.</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua tiết học, anh (chị) nắm được những nội dung gì về nvgt trong hđgt bằng ngôn ngữ?

-Luyện tập:

Tự tìm đoạn hội thoại trong tác phẩm văn học và phân tích đặc điểm nvgt.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được các đặc điểm của nvgt.

-Bài mới:

Tìm hiểu: Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

Tuần 19

Ngày dạy:

Tiết 55:Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI
(Tiết 1)

1,Mục tiêu bài học:

a,Về kiến thức:

- Nắm được đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi là tìm hiểu gtri nội dung, nt của một tác phẩm đoạn trích văn xuôi đó.

- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi: giới thiệu khái quát về tác phẩm, đoạn trích cần nghị luận; bàn về những giá trị nội dung và nt của tác phẩm, đoạn trích theo định hướng của đề bài; đánh giá chung về tác phẩm đoạn trích đó.

b,Về kỹ năng:

- Tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận, đoạn trích đó.

- Huy động kiến thức, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân để viết bài.

c,Về thái độ:

Có ý thức, không ngừng suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo để viết bài

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv

-Các tài liệu tham khảo khác.

-Phương pháp: phát vấn, hướng dẫn hs trả lời các câu hỏi

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi:

Phân tích tính cách, tâm trạng của nhân vật Tràng trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân?

- Đáp án:

Tràng là anh con trai vừa thô kệch vừa xấu xí, lại nhà nghèo. Vì câu đùa bâng quơ, anh ta nhặt được vợ. Anh ta đưa thị về nhà, hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, không tin mình đã có vợ. Buổi sáng đầu tiên trở dậy, nhìn thấy mọi thứ xung quanh mình thay đổi, thấy rất vui và có trách nhiệm gắn bó với ngôi nhà của mình. Nhân vật Tràng được xây dựng bằng các lời thoại sinh động, tâm lí sắc sảo.

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Muốn làm một bài nghị luận văn học về một đoạn trích, một tác phẩm văn xuôi, trước hết chúng ta phải tìm hiểu đề và lập dàn ý. Bài học hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em bước tìm hiểu đề và lập dàn ý.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
Gv: gọi hs đọc đề bài sgk- 34, thực hiện các yêu cầu ở bên dưới	1, Tìm hiểu đề và lập dàn ý * Đề 1 Phân tích truyện ngắn Tinh thần thể dục của Nguyễn Công Hoan. * Đề 2 Tìm hiểu sự giống nhau về từ ngữ, giọng văn giữa 2 v bản Chữ người tử tù và đoạn trích Hạnh phúc của một tang gia. Giải thích vì sao có sự khác nhau đó. Gợi ý thảo luận * Đề 1 a, Tìm hiểu đề - Cần sử dụng nhiều thao tác: ptích,
Gv: khi tìm hiểu đề, ta phải chú ý tới những điều gì?	

<p>Hs trả lời</p> <p>Gv: bước lập dàn ý ta phải xác định được những nội dung gì? Gv gợi ý và nhắc lại nội dung truyện tinh thần thể dục từ đó yêu cầu hs lần lượt trả lời các câu hỏi</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv nhận xét rồi chốt ý</p>	<p>bình luận, gthích, chứng minh (trong đó có một thao tác chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải đọc toàn bộ truyện, tách từng phương diện sau đó chọn 3, 4 phương diện đặc sắc và tiêu biểu nhất để trình bày. <p>b, Lập dàn ý</p> <p>Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn Tinh thần thể dục (Phân tích nt đặc sắc làm nổi bật nội dung truyện).</p> <p>Thân bài: - Đặc sắc kết cấu của truyện: 1 cảnh đầu, 4 cảnh sau. Cảnh đầu : nội dung phiến trá là nguyên nhân của 4 cảnh sau: anh Mịch, bác Phô gái, cụ Phó Bính, bắt bớ đđ thành Cò.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện: tinh thần thể dục và cuộc sống khốn khổ đói rách của nhân dân. - Kết cấu của truyện là sự giống và khác nhau của các sự việc trong truyện. - Ngôn ngữ trào phúng, mỉa mai châm biếm của nhà văn, ngôn ngữ nvật hài hước, thông tục, bình dân, hàm ý mỉa mai. - Gtrị hiện thực và phê phán: thực trạng đất nước lâm than trước sự áp bức, đè nén của thực dân Pháp. <p>Kết bài: Đánh giá chung về truyện Tinh thần thể dục. (Đóng góp của truyện với dòng vhoc hiện thực phê phán nói riêng và văn học VN nói chung.</p> <p>* Đề 2</p> <p>a, Tìm hiểu đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề yêu cầu nghị luận về một khía cạnh của truyện: nt sử dụng ngôn từ. - Có sự khác nhau về từ ngữ, giọng
--	--

điệu trong 2 văn bản trên.

b, Lập dàn ý:

Mở bài:

- Văn học cần sự phong phú và đa dạng để tái hiện muôn mặt khác nhau của đời sống.

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ, giọng điệu cũng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng đó.

(dẫn dắt đến vdề)

- Chữ người tử tù và Hạnh phúc của một tang gia...

- Khác nhau về từ ngữ

+ Chữ người tử tù: từ ngữ trang trọng, góc cạnh, tạo hình, biểu cảm (Huân Cao cho chữ)

+ Hạnh phúc của một tang gia: từ ngữ bình dân gần gũi đời sống, từ ngữ hàm ý châm biếm, hài hước, thông tục, Tây hoá (tên các nhân vật, niềm vui các nhân vật, tiếng khóc).

- Giọng văn:

+ CNTT: nhẹ nhàng, tinh tế, sâu lắng, sâu sắc

+ Hạnh phúc của một tang gia: hài hước, mỉa mai, châm biếm, đả kích

- Nguyên nhân:

+ VTP là cây bút hiện thực, thuộc dòng văn học không công khai, những gì ông chứng kiến xh tư sản thành thị trước cm ông đưa vào tác phẩm để phê phán châm biếm mãnh liệt, gay gắt.

Tuỳ đối tượng và mđ có cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu riêng.

+ Nguyễn Tuân là cây bút lãng mạn dòng văn công khai viết về nét đẹp vhoá và người anh hùng trong lịch sử nên chọn từ ngữ đẹp nhất, sang trọng nhất với bút pháp trầm lắng, sâu sắc, thâm kín để ca ngợi.

	Kết bài: Đánh giá chung về từ ngữ, giọng văn của 2 vb.
--	---

c. **Củng cố, luyện tập**

-**Củng cố:**

Qua bài học, anh (chị) nắm được những kiến thức gì về nghị luận 1 tác phẩm, 1 đoạn trích văn xuôi?

- **Luyện tập:**

Lập dàn ý cho bài tập vừa ptích ở đề trên.

d. **Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

-**Bài cũ:**

Nắm được đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi và các bước chính.

- **Bài mới:**

Hướng dẫn làm bài văn nghị luận văn học

Tuần 19

Ngày dạy

Tiết 55b: Làm văn

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức:

Nắm được hoàn cảnh sáng tác, nội dung nghệ thuật, đặc điểm nhân vật của các tác phẩm văn xuôi: Vợ chồng A Phủ, Vợ nhặt

Biết vận dụng kĩ năng mở bài, kết bài để vận dụng phân tích tác phẩm văn xuôi

b. Về kĩ năng:

Kĩ năng phân tích nhân vật, phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm văn xuôi

b. Về thái độ

Có ý thức tìm tòi, không ngừng suy nghĩ, làm bài tập để làm bài tốt hơn

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv

-Các tài liệu tham khảo khác.

-Phương pháp: phát vấn, hướng dẫn hs làm bài tập

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vở vào bài mới:

Các em vừa học và tìm hiểu xong 2 tác phẩm văn xuôi trong học kì II. Để củng cố kiến thức và chuẩn bị cho bài kiểm tra đạt kết quả cao, hôm nay cô cùng các em sẽ tìm hiểu một số dạng bài tập cơ bản

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv Phân tích diễn biến tâm trạng Mị trong đêm cứu A Phủ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của nhà văn Tô Hoài</p> <p>Gv gợi ý hs lập dàn ý</p> <p>Gọi hs trình bày, gv nhận xét bổ sung và chốt ý</p>	<p>Đề 1</p> <p>* Hoàn cảnh: A Phủ làm mất bò, bị trói vào cột. Mị có thói quen sưởi lửa trong đêm.</p> <p>* Diễn biến tâm trạng:</p> <p>- Trước lúc cắt dây:</p> <p>+ Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói: thản nhiên, lạnh lùng. Đó là thói quen vô cảm.</p> <p>+ Khi thấy dòng nước mắt: Ở Mị có sự chuyển biến mạnh mẽ trong suy nghĩ, tình cảm và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none">· Mị nhớ lại mình, nhớ nỗi khổ bị trói xưa.· Lần đầu tiên, nhìn vào mình, vào A Phủ, vào người đàn bà ngày trước bị trói đến chết trên cột, Mị nhận ra và kết tội cha con thống lí: <i>chúng nó thật độc ác.</i>· Từ xót thương Nhưng cứu A Phủ thì Mị sẽ phải chết thay. Mị đấu tranh với bản thân (dẫn chứng). Nếu phải chết thay cho A Phủ, <i>Mị cũng không thấy sợ.</i> Vì Mị nghĩ rằng nào mình cũng chết (dẫn chứng). <p>=> Ý thức căm thù và lòng nhân ái đã</p>

khiến Mị cắt dây trói cứu A Phủ.

- Sau khi cắt dây:

+ Con hột hoảng tưởng đã tan đi đột nhiên ập trở lại. Cái chết đến rất gần khiến Mị sợ hãi và cứng rần trở lại (*A Phủ cho tôi theo với! Ở đây thì chết mất!*). Lòng ham sống trong Mị trở dậy mạnh mẽ hơn lúc nào hết.

+ Những bước chân trốn chạy khỏi cái chết của A Phủ đã đánh thức Mị, giúp Mị nhận ra một con đường sống mà Mị chưa từng biết: chạy trốn để tự giải thoát khỏi đày đọa.

+ Hành động này là kết quả tất yếu, phù hợp với tính cách và hoàn cảnh của Mị. Chính khát vọng sống tiềm tàng là nguyên nhân cơ bản nhất giúp Mị tự giải phóng đời mình.

Tiểu kết:

- ND: Phát hiện, khẳng định, thể hiện niềm tin vào sức sống của người dân miền núi trước cách mạng.

- NT: Miêu tả diễn biến tâm lí sinh động, tinh tế; cách kể hấp dẫn.

mình, Mị đồng cảm với người cùng cảnh ngộ.

Kết bài:

- Khẳng định: Dù cuộc sống khổ nhục nhưng ở Mị vẫn tiềm tàng sức sống...Nhân vật Mị hoàn thiện thêm bức

<p>Gv Phân tích nhân vật Tràng trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân</p> <p>Gv gợi ý hs lập dàn ý</p> <p>Gọi hs trình bày, gv nhận xét bổ sung và chốt ý</p>	<p>tranh về con người Việt Nam trong văn học.</p> <p>- Tài năng miêu tả tâm lí, nhân vật của nhà văn.</p> <p>Đề 2</p> <p>1.Lai lịch, ngoại hình:</p> <p>- Tràng là một gã trai nghèo khổ, dân cư ngụ, làm nghề đẩy xe bò thuê, nuôi mẹ già</p> <p>- Tràng có ngoại hình xấu xí, thô kệch.. Hấn vừa đi vừa tùm tùm cười, hai con mắt nhỏ tí, hai bên quai hàm bạnh ra. Còn đầu của Tràng thì cạo trọc nhẵn, cái lưng to rộng như lưng gấu, cứ phải ngửa mặt lên cười hềnh hệch.</p> <p>2.Tính cách:</p> <p>- Tràng là người vô tư, nông cạn.</p> <p>+ Tràng là người hầu như không biết tính toán, không ý thức hết hoàn cảnh của mình. Anh ta thích chơi với trẻ con . Mỗi lần Tràng đi làm về, trẻ con trong xóm cứ ùa ra vây lấy hấn.Rồi chúng, đưa tùm đằng trước, đưa tùm đằng sau, đưa cù, đưa lôi chân không cho đi. Khi ấy, Tràng chỉ ngửa mặt lên cười hềnh hệch.</p> <p>+ Ngay cả chuyện quan trọng như lấy vợ, Tràng cũng chỉ quyết định trong chốc lát. Đó là lần gò lưng kéo cái xe thóc vào dốc tỉnh, Tràng hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Chủ tâm của anh ta là vui đùa. Thế rồi, một người đàn bà đang đói bám lấy Tràng</p>
---	--

chấp nhận đưa về nhà để thành... vợ chồng!

- Tràng là người đàn ông nhân hậu phóng khoáng.

+ Thật ra, ban đầu Tràng không chủ tâm tìm vợ. Thấy người đàn bà đói, anh cho ăn. Khi thấy thị quyết theo mình thì Tràng vui vẻ chấp nhận. Tràng lấy vợ trước hết vì lòng thương đối với một con người đói khát hơn mình.

+ Khi người phụ nữ chấp nhận làm vợ, Tràng đã có ý thức chăm sóc: Hôm ấy hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa no nê...

Anh còn mua 2 hào dầu thắp

+ Lấy nhau chẳng phải vì tình, lại “*nhặt vợ*” một cách dễ dàng, nhưng không vì thế mà Tràng coi thường người vợ của mình, có lúc muốn thân mật nhưng không dám suồng sã. Tràng trân trọng, nâng niu hạnh phúc mà mình có được: Trong lúc Tràng như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối, quên cả đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, - **Sau khi lấy vợ, Tràng trở thành một người sống có trách nhiệm.**

+ Anh ngoan ngoãn với mẹ, tránh gợi niềm tủi hờn ở người khác. Đặc biệt, đối với Tràng, có vợ là bước sang một quãng

đời khác: Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa trong mơ đi ra.

+ Tràng đã là người quan tâm đến những chuyện ngoài xã hội và khao khát sự đổi đời. Khi tiếng trống thúc thuế ngoài đình vang lên vội vã, dồn dập, Tràng đã thần mặt ra nghĩ ngợi, đây là điều hiếm có đối với Tràng xưa nay. Trong ý nghĩ của anh lại vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói âm âm keo nhau đi trên đê Sộp để cướp kho thóc của Nhật và đằng trước là lá cờ đỏ to lắm. Tràng đã mở đầu cho câu chuyện Vợ nhặt bằng những bước ngật ngưỡng trên con đường khăng khiu vào buổi chiều chạng vạng mặt người và cũng chính anh đã kết thúc câu chuyện ấy vào buổi sớm mai với một hình ảnh mới lạ về đoàn người nghèo đói vùng lên dưới bóng lá cờ đỏ bay phất phới.

3.Số phận:

- Cuộc đời của Tràng tiêu biểu cho số phận của người dân nghèo trước cách mạng tháng Tám. Khi chưa có nạn đói thì nghèo đến nỗi không lấy nổi vợ (con trai lão Hạc ,trong nạn đói lại lấy vợ, niềm hạnh phúc đan xen với bất hạnh.

- Cuộc đời của những người như Tràng nếu không có một sự thay đổi mang tính đột biến của cả xã hội sẽ sống mãi trong sự tăm tối, đói khát. Ở Tràng, tuy chưa có được sự thay đổi đó, nhưng cuộc sống đã bắt đầu hé mở cho anh một hướng đi. Đó

là con đường đến với cách mạng một cách tự nhiên và tất yếu mà những người như Tràng sẽ đi và trong thực tế lịch sử, người nông dân Việt Nam đã đi.

4. Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn

- Kim Lân đã khắc họa nhân vật Tràng với đầy đủ diện mạo, ngôn ngữ, hành động, đặc biệt là diễn biến tâm trạng của Tràng bằng ngòi bút sắc sảo. Anh chàng phu xe cục mịch nhưng có một đời sống tâm lý sống động, khi hãnh diện cái mặt vênh vênh tự đắc với mình bởi vừa mới nhất được vợ, lúc lật đật chạy theo người đàn bà, như người xấu hổ chạy trốn, hay lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia, cũng có khi lòng quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hằng ngày, chie còn tình nghĩa. Anh thô kệch nhưng không sỗ sàng, trái lại biết ngượng ngịu, biết sợ, nhất là biết lo nghĩ cho cuộc sống về sau.

- Qua nhân vật Tràng, không những nhà văn phản ánh một mặt trận đen tối trong hiện thực xã hội trước năm 1945 cùng số phận của người dân nghèo mà còn phát hiện vẻ đẹp tâm hồn của họ. Kim Lân đã tiếp nối những trang viết giàu chất nhân bản về người lao động bình thường của những nhà văn trước đó như Ngô Tất Tố, Thạch Lam, Nam Cao...

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học, anh (chị) nắm được những kiến thức gì ?

- Luyện tập: Phân tích nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm được nội dung bài học, kiến thức về tác phẩm văn xuôi

- Bài mới:

Viết bài làm văn số 4: Nghị luận văn học

Tuần 19

Ngày dạy:

Tiết 56-57:Làm văn

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 4

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- HS nắm được những kiến thức cơ bản một cách hệ thống về hoàn cảnh sáng tác, nhan đề, tình huống truyện của tác phẩm

- Nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự trong học kì II

b. Về kĩ năng:

- Rèn luyện năng lực phân tích cảm thụ văn học theo từng cấp độ: sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ,...

c. Về thái độ

Học sinh có ý thức nghiêm túc và cố gắng hết mình để làm bài kiểm tra đạt kết quả cao.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- **Phương tiện:** sgk, giáo án, đề kiểm tra, thiết kế, các tài liệu tham khảo khác

- **Phương pháp:** gv phát đề cho hs làm bài

b. Chuẩn bị của hs

Giấy kiểm tra, giấy nháp, bút và dụng cụ kiểm tra

3. Tiến trình dạy học:

* Ôn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ : không

*Đặt vấn đề vào bài mới:

Các em đã học xong 2 tác phẩm tự sự Văn học hiện đại VN. Hôm nay các em sẽ viết bài làm văn số 4 để hiểu rõ hơn về các tác phẩm này

b. Bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
-----------------------	------------------

Gv thiết lập ma trận đề	I, Nội dung đề kiểm tra				
	1, Ma trận đề				
	Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao
Chủ đề 1, Văn học Văn học Việt Nam	Trình bày hiểu biết của em về nhan đề Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân				
	1 2				2điểm=20%

	2, Làm văn Nghị luận về một vấn đề xã hội và văn học			Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí	Phân tích nhân vật Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ trong Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài	
				1 3	1 5	8điểm=80%
	Tổng số câu Tổng số điểm	1 2 20%		1 3 30%	1 5 50%	10điểm 100%
Gv: phát đề bài cho hs Hs làm bài trong thời gian 90'	2, Nội dung đề Câu 1 (2 điểm) Giải thích ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân Câu 2 (3điểm) Viết bài văn ngắn khoảng 400 từ trình bày suy nghĩ của anh chị về vai trò của nhà trường trong việc truyền thụ kiến thức văn hóa cho học sinh.					

Câu 3 (5điểm)

Phân tích nhân vật Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.

II, Đáp án**Câu 1 (2 điểm)**

Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:

-Giải thích: nhặt gắn liền với những đồ vật thường không có giá trị, ở bất cứ đâu, khi nào (0,5 điểm).

-Vợ nhặt thâu tóm tình cảnh thảm thương khôn cùng của người nông dân trong nạn đói 1945 (0,5 điểm).

-Nhan đề thể hiện sự cuu mang đùm bọc đầy tình người của những con người nghèo khổ (0,5 điểm).

-Nhan đề mới lạ hấp dẫn, nghịch cảnh éo le buồn vui lẫn lộn cười ra nước mắt (0,5 điểm)

Câu 2 (3điểm)

Hs nêu được các ý sau:

-Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm)

-Nhà trường là nơi giáo dục toàn diện trong đó có nhiệm vụ truyền thụ kiến thức văn hóa cho học sinh (0,5 điểm).

-Nhà trường có vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, truyền thụ cho học sinh những kiến thức về khoa học tự nhiên , xã hội, khơi dậy lòng ham hiểu biết (0,5 điểm).

-Từ việc nhận thức được vai trò của nhà trường học sinh có tình cảm gắn bó với mái trường tự giác trau dồi tri thức. Trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hs cần có ý thức chủ động tích cực sáng tạo(0,5 điểm)

-Phê phán hiện tượng một số hs coi nhà trường là chốn vui chơi, cho rằng không cần nhà trường vẫn tiếp thu kiến thức được(0,5 điểm)

-Bài học nhận thức(0,5 điểm)

3. Câu 3(5 điểm)

-Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm)

- **Hoàn cảnh:** A Phủ làm mất bò, bị trói vào cột. Mị có thói quen sưởi lửa trong đêm.(0,5 điểm)

- **Trước lúc cắt dây:** 1 điểm

+ Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói: thản nhiên, lạnh lùng. Đó là thói quen vô cảm.

+ Khi thấy dòng nước mắt: Ở Mị có sự chuyển biến mạnh mẽ trong suy nghĩ, tình cảm và hành động: Mị nhớ lại mình, nhớ nỗi khổ bị trói xưa. Lần đầu tiên, nhìn vào mình, vào A Phủ, vào người đàn bà ngày trước bị trói đến chết trên cột, Mị nhận ra và kết tội cha con thống lí: *chúng nó thật độc ác*. Từ xót thương Nhưng cứu A Phủ thì Mị sẽ phải chết thay. Mị đấu tranh với bản thân (dẫn chứng). Nếu phải chết thay cho A Phủ, *Mị cũng không thấy sợ*. Vì Mị nghĩ đằng nào mình cũng chết (dẫn chứng).

=> Ý thức căm thù và lòng nhân ái đã khiến Mị cắt dây trói cứu A Phủ.

- Sau khi cắt dây: 1 điểm

+ Con hót hoảng tưởng đã tan đi đột nhiên ập trở lại. Cái chết đến rất gần khiến Mị sợ hãi và cứng rắn trở lại (*A Phủ cho tôi theo với! Ở đây thì chết mất!*). Lòng ham sống trong Mị trỗi dậy mạnh mẽ hơn lúc nào hết.

+ Những bước chân trốn chạy khỏi cái chết của A Phủ đã đánh thức Mị, giúp Mị nhận ra một con đường sống mà Mị chưa từng biết: chạy trốn để tự giải thoát khỏi đày đọa.

+ Hành động này là kết quả tất yếu, phù hợp với tính cách và hoàn cảnh của Mị. Chính khát vọng sống tiềm tàng là nguyên nhân cơ bản nhất giúp Mị tự giải phóng đời mình.

- ND: Phát hiện, khẳng định, thể hiện niềm tin vào sức sống của người dân miền núi trước cách mạng. (0,5 điểm)

- NT: Miêu tả diễn biến tâm lí sinh động, tinh tế; cách

	<p>kẻ hấp dẫn.(1 điểm)</p> <p>minh, Mị đồng cảm với người cùng cảnh ngộ.</p> <p>- Khẳng định: Dù cuộc sống khổ nhục nhưng ở Mị vẫn tiềm tàng sức sống...Nhân vật Mị hoàn thiện thêm bức tranh về con người Việt Nam trong văn học.Tài năng miêu tả tâm lí, nhân vật của nhà văn.(0,5 điểm)</p>
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài kiểm tra

- Luyện tập:

Làm bài kiểm tra vào vở bài tập

d. Hớng dẫn học bài, chuẩn bị bài:

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài kiểm tra và cách làm bài

- Chuẩn bị bài mới:

Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

Tuần 20

Ngày dạy:

Tiết 58: Làm văn:

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI
(Tiếp theo)

*Tiến trình bài dạy

-Ổn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Đặt vấ vào bài mới: Tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu tiết 1 Nghị luận về một tác phẩm một đoạn trích văn xuôi, tìm hiểu đề và lập dàn ý. Bài học hôm nay cô trò ta sẽ đi tìm hiểu tiết 2 của bài học này

- Dạy bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv: từ các đề bài và gợi ý thảo luận trên, hãy nêu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một tp, một đoạn trích văn xuôi?	1, Tìm hiểu đề và lập dàn ý 2, Đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi rất đa dạng.
Hs trả lời	- Có thể là gtri ndung và nt của tphẩm nói chung. - Có thể chỉ là một phương diện, một khía cạnh ndung hay nt của các tp, tác phẩm, đoạn trích văn xuôi khác nhau.

<p>Gv gọi 1 hs đọc ghi nhớ sgk</p> <p>Gv: gọi hs đọc yêu cầu bt1 (sgk- 36) và trả lời yêu cầu: Nthuat châm biếm, đả kích trong tp Vi hành của Nguyễn Ái Quốc?</p> <p>Hs làm tại lớp</p> <p>Gv: lập dàn ý phân tích nhân vật bà cụ Tứ trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân</p> <p>Gv gợi ý hs lập dàn ý, sau đó gọi hs trình bày, gv chốt ý và bổ sung</p>	<p>* Bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi thường có các ndung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác phẩm, đoạn trích văn xuôi cần nghị luận. - Phân tích gtri ndung, nt theo định hướng của đề hoặc một số khía cạnh đặc sắc nhất của đoạn trích, tác phẩm đó. - Nêu đánh giá chung về tp, đoạn trích đó. <p>3, Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức đề: yêu cầu nghị luận 1 khía cạnh của tác phẩm: châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành- NAQ? - Các ý chính: <ul style="list-style-type: none"> + Sáng tạo tình huống nhằm lẫn + Tác dụng của tình huống: miêu tả chân dung Khải Định k cần xuất hiện, từ đó mà làm rõ thực chất những ngày trên đất Pháp của vị vua An Nam đồng thời tố cáo cái gọi là “văn minh, khai hoá” của thực dân Pháp. <p>4. Bài tập bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vđ cần nghị luận: tác giả Kim Lân, tác phẩm Vợ nhặt, nội dung tác phẩm, nhân vật bà cụ Tứ - Nêu vắn tắt hoàn cảnh sáng tác tác phẩm - Tóm tắt khái quát nội dung tác phẩm: Tác phẩm đã tái hiện lại bối cảnh ngày đói vô cùng thê thảm ở nông thôn Việt Nam do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra năm 1945 . Nhưng quan trọng hơn, bên cạnh mảng tối của bức tranh hiện thực buồn đau là mảng sáng của tình người , của một chủ nghĩa nhân văn tha
---	---

thiết, cảm động.

-Phân tích nhân vật bà cụ Tứ: Trong truyện ngắn Vợ nhặt, Kim Lân bộc lộ một quan điểm nhân đạo sâu sắc của mình. Nhà văn phát hiện ra vẻ đẹp kì diệu của người lao động trong sự túng đói quay quắt, trong bất kì hoàn cảnh khốn khổ nào, con người vẫn vượt lên cái chết, hướng về cuộc sống gia đình, vẫn yêu thương nhau và hi vọng vào ngày mai.

Thể hiện sâu sắc cho tư tưởng ấy là chân dung tính cách, tâm lý của bà cụ Tứ trước tình huống bất ngờ: con trai mình đột ngột có vợ.

Tâm lý ở cụ Tứ có phần phức tạp, với những nỗi niềm trắc ẩn trong chiều sâu riêng của người già từng trải và nhân hậu.

Khởi đầu tâm lý ở bà cụ Tứ là ngỡ ngàng trước một sự việc dường như không hiểu được. Trạng thái ngỡ ngàng của bà cụ Tứ được khơi sâu bởi hàng loạt những câu hỏi nghi vấn: “Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong nhà ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ?” Rồi lại: “Ô hay, thế là thế nào nhỉ?”. Sự ngạc nhiên này thể hiện nỗi đau của người viết: chính là sự cùng quẫn của hoàn cảnh đánh mất ở người mẹ sự nhạy cảm trước việc con trai yêu quý của mình có vợ.

Sau khi hiểu ra mọi chuyện, bà lão” cúi đầu nín lặng”. Sự nín lặng đầy nội tâm. Đó là nỗi niềm xót xa, lo, thương trộn lẫn. Tình thương của bà mẹ nhân hậu: “... chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được

con đói khát này không?”. Trong chữ “chúng nó” người mẹ đã đi từ lòng thương con trai sang con dâu. Trong chữ cúi đầu, bà mẹ tiếp nhận hạnh phúc của con bằng kinh nghiệm sống, bằng sự trả giá của một chuỗi đời nặng nhọc, bằng ý thức sâu sắc trước hoàn cảnh.

Rồi tình thương lại chìm vào nỗi lo, tạo thành một trạng thái tâm lí triền miên day dứt. Bà mẹ: nghĩ đến bốn phận làm mẹ chưa tròn, nghĩ đến ông lão, đến con gái út, nghĩ đến nỗi khổ đời của mình, nghĩ đến tương lai của con..., để cuối cùng dồn tụ bao lo lắng, yêu thương trong một câu nói giản dị: “chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...” Trên ngón ngang những nỗi buồn lo, niềm vui của mẹ vẫn cố ánh lên. Cảm động thay, Kim Lân lại để cái ánh sáng kỳ diệu đó tỏa ra từ... nồi cháo cám. Hãy nghe người mẹ nói: “chè đây – Bà lão múc ra một bát – chè khoán đây, ngon đáo để cơ”. Chữ “ngon” này cần phải cảm thụ một cách đặc biệt. Đó không phải là xúc cảm về vật chất, (xúc cảm về cháo cám) mà là xúc cảm về tinh thần: ở người mẹ, niềm tin về hạnh phúc của con biến đắng chát thành ngọt ngào. Chọn hình ảnh nồi cháo cám, Kim Lân muốn chính mình cho cái chất người: trong bất kỳ hoàn cảnh nào, tình nghĩa và hi vọng không thể bị tiêu diệt, con người muốn sống cho ra sống, và cái chất người thể hiện ở cách sống tình nghĩa và hi vọng. Nhưng Kim Lân không phải là nhà văn lãng mạn. Niềm vui của cụ Tứ vẫn cứ là niềm vui tội nghiệp, bởi thực tại vẫn nghiệt ngã với miếng cháo cám “đắng chát và nghẹn bứ”.

	-Đánh giá chung về nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật
--	---

***Củng cố và luyện tập:**

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài học

- Luyện tập:

Lập dàn ý phân tích tình huống truyện Vợ nhặt

***Hớng dẫn học bài, chuẩn bị bài:**

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài nghị luận về một tác phẩm một đoạn trích văn xuôi.

- Chuẩn bị bài mới:

Luyện tập Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

Tuần 20

Ngày dạy

Tiết 58b: Làm văn

Luyện tập

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Nắm được đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi là tìm hiểu gtri nội dung, nt của một tác phẩm đoạn trích văn xuôi đó.

- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi: giới thiệu khái quát về tác phẩm, đoạn trích cần nghị luận; bàn về những giá trị nội dung và nt của tác phẩm, đoạn trích theo định hướng của đề bài; đánh giá chung về tác phẩm đoạn trích đó.

b, Về kỹ năng:

- Tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận, đoạn trích đó.

- Huy động kiến thức, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân để viết bài.

c, Về thái độ:

Có ý thức, không ngừng suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo để viết bài

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv

-Các tài liệu tham khảo khác.

-Phương pháp: phát vấn, hướng dẫn hs làm bài tập

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi:

Phân tích tính cách, tâm trạng của nhân vật Tràng trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân?

- Đáp án:

Tràng là anh con trai vừa thô kệch vừa xấu xí, lại nhà nghèo. Vì câu đùa bâng quơ, anh ta nhặt được vợ. Anh ta đưa thị về nhà, hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, không tin mình đã có vợ. Buổi sáng đầu tiên trở dậy, nhìn thấy mọi thứ xung quanh mình thay đổi, thấy rất vui và có trách nhiệm gắn bó với ngôi nhà của mình. Nhân vật Tràng được xây dựng bằng các lời thoại sinh động, tâm lí sắc sảo.

* Đặt vở vào bài mới:

Muốn làm một bài nghị luận văn học về một đoạn trích, một tác phẩm văn xuôi, trước hết chúng ta phải tìm hiểu đề và lập dàn ý. Bài học hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em bước tìm hiểu đề và lập dàn ý.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv cung cấp cho hs kiểu bài nghị luận về giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm, đoạn trích văn xuôi Hs trình bày các bước tìm hiểu đề và lập dàn ý theo các bước	1/ Kiểu bài nghị luận về một giá trị nội dung hoặc giá trị nghệ thuật của tác phẩm của tác phẩm văn xuôi: Tìm hiểu đề - Xác định vấn đề cần nghị luận (<i>giá trị nội dung hay giá trị nghệ thuật của tác phẩm</i>). - Xác định thao tác lập luận cần vận dụng (<i>phân tích, chứng minh, bình giảng, bình luận</i>). - Xác định phạm vi tư liệu cần chứng minh (<i>chọn lọc các tình tiết, nhân vật, từ ngữ, câu văn trong tác phẩm</i>) Lập dàn ý a/ Mở bài : - Giới thiệu tác giả, tác phẩm cần phân tích. - Nêu khái quát nội dung vấn đề đề bài cần nghị luận. b/ Thân bài : - Bước 1 : Nêu khái niệm vấn đề cần nghị luận.

- **Bước 2** : Lần lượt phân tích, chứng minh, bình luận những biểu hiện cụ thể về giá trị nội dung hay giá trị nghệ thuật của tác phẩm mà đề yêu cầu nghị luận.

(Mỗi luận điểm được trình bày bằng một đoạn văn bằng cách diễn dịch hoặc quy nạp và được liên kết bằng các câu từ chuyển ý))

c/ Kết bài :

- Tóm lược và khẳng định nội dung đã phân tích.

- Đánh giá chung những thành công và hạn chế về nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

2/ Kiểu bài nghị luận về đoạn trích văn xuôi:

Tìm hiểu đề

- Xác định vị trí, nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

- Xác định thao tác lập luận cần vận dụng (phân tích, chứng minh, bình giảng, bình luận).

- Xác định phạm vi tư liệu (Chọn lọc tình tiết, từ ngữ, câu văn trong phạm vi đoạn trích).

Dàn ý

a/ Mở bài :

- Giới thiệu tác giả → tác phẩm → vị trí đoạn trích cần phân tích.

- Nêu khái quát nội dung, nghệ thuật của đoạn trích mà đề yêu cầu phân tích.

b/ Thân bài:

- **Bước 1:** Tóm tắt nội dung đoạn trích.

- **Bước 2** : Lần lượt triển khai phân tích các biểu hiện cụ thể về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

(Mỗi luận điểm được trình bày bằng một

đoạn văn bằng cách diễn dịch hoặc quy nạp và được liên kết bằng các câu từ chuyển ý)

c/ Kết bài :

- Khẳng định và đánh giá những thành công và hạn chế về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

- Vai trò của đoạn trích trong việc thể hiện ý nghĩa tác phẩm.

3/ Về giá trị hiện thực trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

- Tác phẩm là một bức tranh toàn cảnh về nạn đói khủng khiếp năm 1945 : cảnh người chết đói như ngã rạ; không khí ngày đói thê lương, ảm đạm, người và ma lẫn lộn, trần gian mấp mé bờ vực của âm phủ. Cái đói như bủa vây ,đe dọa số phận nhỏ bé của con người.

- Cuộc sống của những người dân nghèo xóm ngụ cư như đang bên bờ vực thẳm của nạn đói : số phận của mẹ con bà cụ Tứ, người vợ nhặt, người dân xóm ngụ cư...

- Từ đói nghèo, chết chóc, người dân vẫn vươn lên bằng niềm tin, ước mơ về ngày mai tươi sáng.

- Từ hiện thực ảm đạm, đau thương ấy, nhà văn tố cáo tội ác bọn thực dân , phát xít đẩy nhân dân vào thảm họa đau thương.

4/Về giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

- Nhà văn đồng cảm cùng cảnh ngộ, số phận người dân lao động nghèo khổ:

+ Bối cảnh truyện cùng những hình ảnh đầy ám ảnh về cái đói, cái chết (d/c).

+ Miêu tả tình cảnh đáng thương của người đàn bà vì cái đói mà theo Tràng về nhà làm vợ.

+ Hình ảnh bữa cơm sáng đầu tiên đón

nàng dâu mới của mẹ con tràng với nồi cháo cám cùng vị đắng chát của nó.

- Nhà văn thấu hiểu nỗi lòng trân trọng niềm vui hạnh phúc bình dị của người lao động nghèo khổ.

+ Diễn tả tinh tế cảm xúc mừng vui, tâm trạng mới lạ của nhân vật Tràng khi đón nhận hạnh phúc bất ngờ khi có người đàn bà theo không về làm vợ (tâm trạng phẫn chấn vừa xấu hổ, vừa hãnh diện của Tràng khi dẫn vợ về nhà, niềm vui cảm động của anh khi thức dậy vào buổi sáng đầu tiên của c/s mới...)

+ Diễn tả chân thực tâm trạng bà cụ Tứ (*từ ngạc nhiên, pháp phông đến xen lẫn thương lo, mừng tủi; từ chấp nhận người con dâu đến mừng vui thu xếp cuộc sống mới, quên đi thực tại đói khổ, say sưa phác họa tương lai...*).

+ Dẫu có thất vọng vì gia cảnh nhà chồng, nhưng người vợ nhất vẫn vui vẻ thực hiện thiên chức một người phụ nữ, vợ, người con dâu.....

→ Kim Lân khẳng định: Dù có phải hàng ngày đối chọi với cái đói, cái chết nhưng người dân lao động vẫn biết vui với những gì mình đang có, vẫn lập lánh niềm tin vào tương lai

- Cái nhìn nhân đạo của Kim Lân còn thể hiện ở cách kết thúc tác phẩm:

+ Vợ nhất không dừng lại ở tuyệt vọng, ở màu sắc đen tối, bi quan. Nhà văn đã gieo vào lòng người đọc dự cảm về sự đấu tranh, sự đòi hỏi của các nhân vật (hình ảnh Tràng ngồi tư lự “*trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...*”

---> cho phép người đọc tin và mong vào tương lai tươi sáng của những người nghèo khổ.

5/ Giá trị nhân đạo :Vợ chồng A Phủ

- Trước hết, tác phẩm thể hiện cái nhìn nhân văn về thiên nhiên và con người Tây Bắc (*một Tây Bắc trong con mắt nhà văn rất đôi thơ mộng, hùng vĩ với mùa xuân đẹp, gợi cảm. Tiếng sáo, tiếng hát ngày ngất lòng người. Con người Tây Bắc đẹp về nhiều phương diện : từ ngoại hình đến tâm hồn và năng lực lao động*)

- Tác phẩm đồng thời thể hiện lòng thương cảm sâu sắc của nhà văn với người dân lao động nghèo miền núi:

+ Cảm thông sâu sắc với số phận cùng khổ của người dân bị áp bức. (qua cuộc sống khổ nhục của Mỵ và A Phủ)

+ Căm ghét, lên án thế lực thống trị tàn bạo.(qua hành vi tàn bạo của cha con thống lý Patra)

+ Ngợi ca sức sống tiềm tàng và khát vọng tự do của người dân lao động.

- Tác phẩm còn thể hiện sự trân trọng,ngợi ca những khát vọng chính đáng và tin vào khả năng tự làm chủ cuộc đời của người dân lao động.(qua sức sống tiềm tàng của Mỵ và A Phủ)

- Ngoài ra ,tác phẩm còn chỉ ra hướng đi và khả năng làm cách mạng cho người dân lao động nghèo bằng cách đưa họ đến với cách mạng- đó chính là con đường giải phóng cho họ thoát khỏi cuộc đời tăm tối và số phận bi thảm.(qua hành động tự đấu tranh giải thoát cuộc đời mình của Mỵ và A Phủ).

c, Củng cố và luyện tập :

- Củng cố :

Gv cho hs nhắc lại kiến thức bài học

- Luyện tập :

Phân tích giá trị nhân đạo đoạn trích

d, Hóng dẫn học sinh tự học ở nhà :

- Bài cũ :

Nắm đọc nội dung, nghệ thuật đoạn trích

- Bài mới :

Chuẩn bị bài : Rừng xà nu

Tuần 20

Ngày dạy

Tiết 59-60: Văn

RỪNG XÀ NU
-Nguyễn Trung Thành-

1. Mục tiêu cần đạt:

a. Về kiến thức:

- Hình tượng rừng xà nu –biểu tượng của cuộc sống đau thương nhưng kiên cường và bất diệt

- Hình tượng nhân vật Tnú và câu chuyện bi tráng về cuộc đời anh thể hiện đầy đủ nhất cho chân lí: dung bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng

-Chất sử thi thể hiện qua cốt truyện, bút pháp xây dựng nhân vật, giọng điệu và vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm

b. Về kĩ năng : Tiếp tục hoàn thiện kĩ năng Đọc hiểu văn bản tự sự

c. Về thái độ: Bồi đắp tình Yêu quê hương đất nước; ý thức trước vận mệnh đất nước

2. Chuẩn bị của GV và HS:

a. Chuẩn bị của GV:

-Phương tiện:Giáo án, SGK, SGV, TLTK...

-Phương pháp: phát vấn, thuyết giảng, giảng bình, thảo luận nhóm

b. Chuẩn bị của HS:

SGK, chuẩn bị trước khi lên lớp, vở bài tập.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Kiểm tra bài cũ:

CH: Cảm nhận của em về diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng?

TL: + Tràng là nhân vật có bề ngoài thô, xấu, thân phận lại nghèo hèn, mắc tật hay vừa đi vừa nói một mình,...

+ Tràng "nhặt" được vợ trong hoàn cảnh đói khát. "Chậc, kệ", cái tặc lưỡi của Tràng không phải là sự liêu lĩnh mà là một sự cuu mang, một tấm lòng nhân hậu không thể chối từ. Quyết định có vẻ giản đơn nhưng chứa đựng nhiều tình thương của con người trong cảnh khốn cùng.

+ Tất cả biến đổi từ giây phút ấy. Trên đường về xóm ngụ cư, Tràng không cúi xuống lầm lũi như mọi ngày mà "phờn phơ", "vênh vênh ra điều". Trong phút chốc, Tràng quên tất cả tâm tởi, "chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên" và cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu có vợ.

+ Buổi sáng đầu tiên có vợ, Tràng biến đổi hẳn: "Hắn thấy bây giờ hắn mới nên người". Tràng thấy trách nhiệm và biết gắn bó với tổ ấm của mình.

* **Lời vào bài** : Để thấy được tài năng của Nguyễn Trung Thành trong việc tạo dựng cho tác phẩm một không khí đậm đà hương sắc Tây Nguyên, một chất sử thi bi tráng và một ngôn ngữ nghệ thuật được trau chuốt kĩ càng....

b. Bài mới:

HS đọc phần Tiêu dẫn (SGK) kết hợp với những hiểu biết cá nhân để giới thiệu về nhà văn Nguyễn Trung Thành (cuộc đời, sự nghiệp, đặc điểm sáng tác,...) và cho biết xuất xứ của truyện ngắn *Rừng xà nu*.

HS bằng việc tham khảo tài liệu và hiểu biết lịch sử, cho biết hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn *Rừng xà nu*.

GV điều chỉnh, nhận xét và

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:

+ Tên khai sinh của Nguyễn Trung Thành (Nguyễn Ngọc) là Nguyễn Ngọc Báu. Ông sinh năm 1932, quê ở Thăng Bình, Quảng Nam.

+ Nguyễn Trung Thành là bút danh được nhà văn Nguyễn Ngọc dùng trong thời gian hoạt động ở chiến trường miền Nam thời chống Mỹ.

+ Năm 1950, ông vào bộ đội, sau đó làm phóng viên báo quân đội nhân dân liên khu V. Năm 1962, ông tình nguyện trở về chiến trường miền Nam.

+ Tác phẩm: *Đất nước đứng lên* - giải nhất, giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954- 1955; *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (1969); *Đất Quảng* (1971- 1974);...

+ Năm 2000, ông được tặng giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Rừng xà nu (1965) ra mắt lần đầu tiên trên *Tạp chí văn nghệ quân giải phóng miền Trung Trung bộ* (số 2- 1965), sau đó được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*

2. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

+ Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, đất nước chia làm hai miền. Kẻ thù phá hoại hiệp định, khủng bố, thảm sát, lê máy chém đi khắp miền Nam. Cách mạng rơi vào thời kì đen tối.

+ Đầu năm 1965, Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam và tiến hành đánh phá ác liệt ra miền Bắc. Nguyễn Trung Thành và các nhà văn miền Nam lúc đó muốn

<p>cho những HS khác phát biểu bổ sung.</p> <p>GV đọc đoạn mở đầu. HS đọc tiếp một số đoạn và tóm tắt toàn bộ tác phẩm</p> <p>CH: Qua việc đọc và chuẩn bị ở nhà, em nhận xét về cốt truyện và cách tổ chức bố cục tác phẩm (HS thảo luận và phát biểu tự do). GV định hướng, nhận xét và điều chỉnh, nhấn mạnh những ý cơ bản.</p> <p>HS phát biểu cảm nhận về nhan đề tác phẩm (thảo luận và phát biểu tự do). GV định hướng, nhận xét và</p>	<p>viết "hịch thời đánh Mĩ". Rừng xà nu được viết vào đúng thời điểm mà cả nước ta trong không khí sục sôi đánh Mĩ. Tác phẩm được hoàn thành ở khu căn cứ của chiến trường miền Trung Trung bộ.</p> <p>+ Mặc dù Rừng xà nu viết về sự kiện nổi dậy của buôn làng Tây Nguyên trong thời kì đồng khởi trước 1960 nhưng chủ đề tư tưởng của tác phẩm vẫn có quan hệ mật thiết với tình hình thời sự của cuộc kháng chiến lúc tác phẩm ra đời.</p> <p>1. Đọc - tóm tắt:</p> <p>+ Đọc với giọng hào sảng thể hiện âm hưởng sử thi và cảm hứng lãng mạn của tác phẩm.</p> <p>+ Tóm tắt tác phẩm cần đảm bảo những chi tiết chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rừng xà nu - hình tượng mở đầu và kết thúc. - Tnú nghỉ phép về thăm làng. - Cụ Mết kể cho dân làng nghe về cuộc đời Tnú và lịch sử làng Xô Man từ những năm đau thương đến đồng khởi nổi dậy. <p>2. Cốt truyện và cách tổ chức bố cục tác phẩm:</p> <p>+ <i>Rừng xà nu</i> được kể theo một lần về thăm làng của Tnú sau 3 năm đi bộ đội. Đêm ấy, dân làng quây quần bên bếp lửa nhà rông nghe cụ Mết kể lại câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú và cuộc đời làng Xô Man.</p> <p>+ <i>Rừng xà nu</i> là sự lồng quện hai cuộc đời: cuộc đời Tnú và cuộc đời làng Xô Man. Hai cuộc đời ấy đều đi từ bóng tối đau thương ra ánh sáng của chiến đấu và chiến thắng, đi từ hai bàn tay không đến hai bàn tay cầm vũ khí đứng lên dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng.</p> <p>+ Cốt truyện <i>Rừng xà nu</i> căng ra trong xung đột quyết liệt một mặt một còn giữa một bên là nhân dân, một bên là kẻ thù Mĩ - Diệm. Xung đột ấy đi theo tình thế đảo ngược mà thời điểm đánh dấu là lúc ngọn lửa của lòng căm thù ngùn ngụt cháy trên 10 đầu ngón tay Tnú.</p> <p>3. Nhan đề tác phẩm:</p> <p>+ Nhà văn có thể đặt tên cho tác phẩm của mình là</p>
---	---

điều chỉnh, nhấn mạnh ý cơ bản.

GV tổ chức cho HS tìm hiểu về hình tượng rừng xà nu theo các yêu cầu sau đây:

Hình tượng rừng xà nu dưới tầm đại bác.

Tìm các chi tiết miêu tả cánh rừng xà nu đau thương và phát biểu cảm nhận về các chi tiết ấy.

Sức sống man dại, mãnh liệt của rừng xà nu mang ý nghĩa biểu tượng như thế nào?

Hình ảnh cánh rừng xà nu trải ra hút tầm mắt chạy tới tận chân trời xuất hiện ở đầu và cuối tác phẩm gợi cho anh (chị) ấn tượng gì?

"làng Xô Man" hay đơn giản hơn là "Tnú" - nhân vật chính của truyện. Nhưng nếu như vậy tác phẩm sẽ mất đi sức khái quát và sự gợi mở.

+ Đặt tên cho tác phẩm là *Rừng xà nu* dường như đã chứa đựng được cảm xúc của nhà văn và linh hồn tư tưởng chủ đề tác phẩm.

+ Hơn nữa, *Rừng xà nu* còn ẩn chứa cái khí vị khó quên của đất rừng Tây Nguyên, gợi lên vẻ đẹp hùng tráng, man dại - một sức sống bất diệt của cây và tinh thần bất khuất của người.

+ Bởi vậy, *Rừng xà nu* mang nhiều tầng nghĩa bao gồm cả ý nghĩa tả thực lẫn ý nghĩa tượng trưng. Hai lớp ý nghĩa này xuyên thấm vào nhau toát lên hình tượng sinh động của xà nu, đưa lại không khí Tây Nguyên rất đậm đà cho tác phẩm.

4. Hình tượng rừng xà nu:

+ Mở đầu tác phẩm, nhà văn tập trung giới thiệu về rừng xà nu, một rừng xà nu cụ thể được xác định rõ: "*nằm trong tầm đại bác của đồn giặc*", nằm trong sự hủy diệt bạo tàn: "*Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào đồi xà nu cạnh con nước lớn*".

Truyện mở ra một cuộc đọ lực sử quyết liệt giữa làng Xô Man với bọn Mĩ - Diêm. Rừng xà nu cũng nằm trong cuộc đọ lực ấy. Từ chỗ tả thực, rất tự nhiên hình ảnh xà nu đã trở thành một biểu tượng. Xà nu hiện ra với tư thế của sự sống đang đối diện với cái chết, sự sinh tồn đối diện với sự hủy diệt. Cách mở của câu chuyện thật gọn gàng, cô đúc mà vẫn đầy uy nghi tầm vóc.

+ Với kỹ thuật quay toàn cảnh, Nguyễn Trung Thành đã phát hiện ra: "*cả rừng xà nu hàng vạn cây không cây nào là không bị thương*". Tác giả đã chứng kiến nỗi đau của xà nu: "*có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão*". Rồi "*có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được cứ loét mãi ra, năm mười hôm sau thì cây chết*". Các từ ngữ: *vết thương, cục máu lớn, loét mãi ra, chết,...* là những từ ngữ diễn tả nỗi đau

Gv chia lớp làm 3 nhóm thảo luận

HS thảo luận theo nhóm, cử đại diện trình bày và tranh luận với các nhóm khác.

GV định hướng, nhận xét và điều chỉnh, nhấn mạnh ý cơ bản.

của con người. Nhà văn đã mang nỗi đau của con người để biểu đạt cho nỗi đau của cây. Do vậy, nỗi đau của cây tác động đến da thịt con người gợi lên cảm giác đau đớn.

+ Nhưng tác giả đã phát hiện được sức sống mãnh liệt

của cây xà nu: "trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy". Đây là yếu tố cơ bản để xà nu vượt qua giới hạn của sự sống và cái chết. Sự sống tồn tại ngay trong sự hủy diệt: "Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên". Tác giả sử dụng cách nói đối lập (*ngã gục - mọc lên; một- bốn năm*) để khẳng định một khát vọng thật của sự sống. Cây xà nu đã tự đứng lên bằng sức sống mãnh liệt của mình: "...cây con mọc lên, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời". Xà nu đẹp một vẻ đẹp hùng tráng, man dại đậm tố chất núi rừng.

Xà nu không những tự biết bảo vệ mình mà còn bảo vệ sự sống, bảo vệ làng Xô Man: "Cứ thế hai ba năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng". Hình tượng xà nu chứa đựng tinh thần quả cảm, một sự kiêu hãnh của vị trí đứng đầu trong bão táp chiến tranh.

+ Trong quá trình miêu tả rừng xà nu, cây xà nu, nhà văn đã sử dụng nhân hóa như một phép tu từ chủ đạo. Ông luôn lấy nỗi đau và vẻ đẹp của con người làm chuẩn mực để nói về xà nu khiến xà nu trở thành một ẩn dụ cho con người, một biểu tượng của Tây Nguyên bất khuất, kiên cường.

Các thế hệ con người làng Xô Man cũng tương ứng với các thế hệ cây xà nu. Cụ Mết có bộ ngực "căng như một cây xà nu lớn", tay "sần sùi như vỏ cây xà nu". Cụ Mết chính là cây xà nu cổ thụ hội tụ tất cả sức mạnh của rừng xà nu. Tnú cường tráng như một cây xà nu được tôi luyện trong đau thương đã trưởng thành mà không đại bác nào giết nổi. Dít trưởng thành trong thử thách với bản lĩnh và nghị lực phi thường cũng giống như xà nu phóng lên rất nhanh tiếp lấy ánh mặt trời. Cậu bé Heng là mầm xà nu đang được các thế hệ xà nu trao cho những tố chất

	<p>cần thiết để sẵn sàng thay thế trong cuộc chiến cam go còn có thể phải kéo dài "năm năm, mười năm hoặc lâu hơn nữa".</p> <p>+ Câu văn mở đầu được lặp lại ở cuối tác phẩm (đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nói tiếp tới chân trời) gợi ra cảnh rừng xà nu hùng tráng, kiêu dũng và bất diệt, gợi ra sự bất diệt, kiêu dũng và hùng tráng của con người Tây Nguyên nói riêng và con người Việt Nam nói chung trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước vĩ đại. ấn tượng đọng lại trong kí ức người đọc mãi mãi chính là cái bát ngát của cánh rừng xà nu kiêu dũng đó.</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập:

CH: Tại sao nói hình tượng cây xà nu có nhiều ý nghĩa?

TL: Vì cây xà nu là: - Loại cây đặc trưng của T.Nguyên.

- Biểu tượng cho buôn làng, con người ở T.Nguyên.

d. Hướng dẫn hs học ở nhà:

Bài cũ:- Nắm nd bài học với việc kết hợp đọc SGK.

Bài mới: Xem tiếp phần còn lại.

Tuần 20

Ngày dạy:

Tiết 60: Văn
RỪNG XÀ NU
 -Nguyễn Trung Thành-
 (Tiếp theo)

*** Tiến trình bài dạy:**

-Kiểm tra bài cũ:

CH: Em hãy nêu hình tượng làng Xô man trong tp “Rừng xà nu”?

TL: Đó là:- Heng: Cây xà nu nhỏ đang lên.

- Dít: Cây xà nu mà đạn đại bác không giết nổi.

- Cự Mết: Cây xà nu lớn .

- Bài mới:

* **Lời vào bài :** RXN nó là chứng nhân cho cuộc nổi dậy của cụ Mết, Tnú, Dít và dân làng Xô man này “đứng trên rừng cây xà nu ...”. Nó chứa đựng cả niềm tin chiến thắng .Thật là đẹp và cũng thật kì vĩ. Ta có cảm giác như đang choáng ngợp trong cái không khí sử thi, gan góc, dũng cảm, kiên cường của cả một rừng xà nu đau thương mà anh dũng. Nó như một dàn nhạc tấu lên bản trường ca của một TN bất khuất, kiên cường .

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>GV tổ chức cho HS tìm hiểu về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man theo các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất của người anh hùng Tnú. - Vì sao trong câu chuyện bị tráng về cuộc đời Tnú, cụ Mết 4 lần nhắc tới ý: "Tnú không cứu được vợ con" để rồi ghi tạc vào tâm trí người nghe câu nói: "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo". - Cảm nhận về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man. <p>Gv chia lớp ra làm 3 nhóm làm việc theo các câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo nhóm, cử đại diện trình bày và tranh luận với các nhóm khác. - GV định hướng, nhận xét và điều chỉnh, nhấn mạnh ý cơ bản. 	<p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>5. Cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man:</p> <p>Cuộc đời Tnú gắn liền với cuộc đời làng Xô Man. Âm hưởng sử thi chi phối tác giả trong khi xây dựng nhân vật này. Tnú có cuộc đời tư nhưng không được quan sát từ cái nhìn đời tư. Tác giả xuất phát từ vấn đề cộng đồng để phản ánh đời tư của Tnú.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phẩm chất, tính cách của người anh hùng: <ul style="list-style-type: none"> - Gan góc, táo bạo, dũng cảm, trung thực (khi còn nhỏ cùng Mai vào rừng tiếp tế cho anh Quyết). - Lòng trung thành với cách mạng được bộc lộ qua thử thách (bị giặc bắt, tra tấn, lưng Tnú ngang dọc vết dao chém của kẻ thù nhưng anh vẫn gan góc, trung thành). - Số phận đau thương: không cứu được vợ con, bản thân bị bắt, bị tra tấn (bị đốt 10 đầu ngón tay). - Quạt khởi đứng dậy cầm vũ khí tiêu diệt bọn ác ôn. + "Tnú không cứu được vợ con"- cụ Mết nhắc tới 4 lần để nhấn mạnh: khi chưa cầm vũ khí, Tnú chỉ có hai bàn tay không thì ngay cả những người thương yêu nhất Tnú cũng không cứu được. Câu nói đó của cụ Mết đã khắc sâu một chân lí: chỉ có cầm vũ khí đứng lên mới là con đường sống duy nhất, mới bảo vệ được những gì thân yêu, thiêng liêng nhất.

HS nhận xét về các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng (GV gợi ý: Các nhân vật này có đóng góp gì cho việc khắc họa nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng cơ bản của tác phẩm?).

Chân lí cách mạng đi ra từ chính thực tế máu xương, tính mạng của dân tộc, của những người thương yêu nên chân lí ấy phải ghi tạc vào xương cốt, tâm khảm và truyền lại cho các thế hệ tiếp nối.

+ Số phận của người anh hùng gắn liền với số phận cộng đồng. Cuộc đời Tnú đi từ đau thương đến căm vũ khí thì cuộc đời của làng Xô Man cũng vậy.

- Khi chưa cầm vũ khí, làng Xô Man cũng đầy đau thương: Bọn giặc đi lùng như hùm beo, tiếng cười "sằng sặc" của những thằng ác ôn, tiếng gậy sắt nện "hù hự" xuống thân người. Anh Xút bị treo cổ. Bà Nhan bị chặt đầu. Mẹ con Mai bị chết rất thảm. Tnú bị đốt 10 đầu ngón tay.

- Cuộc sống ngọt ngào dồn nén đau thương, căm thù. Đên Tnú bị đốt 10 đầu ngón tay, làng Xô Man đã nổi dậy "ào ào rung động", "xác mười tên giặc ngổn ngang", tiếng cụ Mết như mệnh lệnh chiến đấu: "Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên!"

Đó là sự nổi dậy đồng khởi làm rung chuyển núi rừng. Câu chuyện về cuộc đời một con người trở thành câu chuyện một thời đại, một nước. Như vậy, câu chuyện về cuộc đời Tnú đã mang ý nghĩa cuộc đời một dân tộc. Nhân vật sử thi của Nguyễn Trung Thành gánh trên vai sứ mệnh lịch sử to lớn.

6. Vai trò của các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng:

+ Cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng là sự tiếp nối các thế hệ làm nổi bật tinh thần bất khuất của làng Xô Man nói riêng, của Tây Nguyên nói chung.

+ Cụ Mết "quốc thước như một cây xà nu lớn" là hiện thân cho truyền thống thiêng liêng, biểu tượng cho sức mạnh tập

<p>Gv gọi hs trình bày</p> <p>Qua những phân tích trên, HS phát biểu chủ đề của truyện. GV điều chỉnh và nhấn mạnh.</p> <p>GV nêu vấn đề để HS tìm hiểu về đẹp nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>CH: Qua truyện ngắn <i>Rừng xà nu</i>, HS nhận xét về phong cách Nguyễn Trung</p>	<p>hợp để nối dây đồng khởi.</p> <p>+ Mai, Dít là thế hệ hiện tại. Trong Dít có Mai của thời trước và có Dít của hôm nay. Vẻ đẹp của Dít là vẻ đẹp của sự kiên định, vững vàng trong bão táp chiến tranh.</p> <p>+ Bé Heng là thế hệ tiếp nối, kế tục cha anh để đưa cuộc chiến tới thắng lợi cuối cùng.</p> <p>Dường như cuộc chiến khốc liệt này đòi hỏi mỗi người Việt Nam phải có sức trỗi dậy của một Phù Đổng Thiên Vương.</p> <p>7. Chủ đề tác phẩm : Chủ đề tác phẩm được phát biểu trực tiếp qua lời cụ Mết: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!", tức là phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Đó là con đường giải phóng dân tộc của thời đại cách mạng.</p> <p>8. Về đẹp nghệ thuật của tác phẩm : + Khuynh hướng sử thi thể hiện đậm nét ở tất cả các phương diện: đề tài, chủ đề, hình tượng, hệ thống nhân vật, giọng điệu,...</p> <p>+ Cách thức trần thuật: kể theo hồi tưởng qua lời kể của cụ Mết (già làng), kể bên bếp lửa gọi nhớ lối kể "khan" sử thi của các dân tộc Tây Nguyên, những bài "khan" được kể như những bài hát dài hát suốt đêm.</p> <p>+ Cảm hứng lãng mạn: tính lãng mạn thể hiện ở cảm xúc của tác giả bộc lộ trong lời trần thuật, thể hiện ở việc đề cao vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong sự đối lập với sự tàn bạo của kẻ thù.</p> <p>III. Tổng kết : + Qua truyện ngắn <i>Rừng xà nu</i>, ta nhận thấy đặc điểm phong cách sử thi Nguyễn Trung Thành: hướng vào những vấn đề</p>
---	--

Thành	trọng đại của đời sống dân tộc với cái nhìn lịch sử và quan điểm cộng đồng. + <i>Rừng xà nu</i> là thiên sử thi của thời đại mới. Tác phẩm đã đặt ra vấn đề có ý nghĩa lớn lao của dân tộc và thời đại: phải cầm vũ khí đứng lên tiêu diệt kẻ thù bạo tàn để bảo vệ sự sống của đất nước, nhân dân.
-------	--

*** Củng cố, luyện tập:**

CH: Tại sao nói Tnú là nhân vật trung tâm của tác phẩm?

TL: vì Tnú hiện lên c /đ, một tính cách:

- Một người yêu quê hương tha thiết
- Có 1 tình yêu riêng tư sâu nặng.
- Tnú gan góc, táo bạo, gắn bó trung thành với cách mạng ...

*** Hướng dẫn học, làm bài :**

Bài cũ: - Đọc lại truyện, nắm nội dung bài học.

- Liên hệ so sánh với tác phẩm ‘ĐNĐL’ của cùng 1 tác giả
- Phân tích nhân vật Tnú

Bài mới: Chuẩn bị đọc hiểu thêm: *Rừng xà nu*

+++++

Tuần 21

Ngày dạy

Tiết 60*: Đọc hiểu thêm:

RỪNG XÀ NU

-Nguyễn Trung Thành-

1. Mục tiêu cần đạt:

a. Về kiến thức:

- Hình tượng rừng xà nu –biểu tượng của cuộc sống đau thương nhưng kiên cường và bất diệt
- Hình tượng nhân vật T nú và câu chuyện bi tráng về cuộc đời anh thể hiện đầy đủ nhất cho chân lí: dung bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng
- Chất sử thi thể hiện qua cốt truyện, bút pháp xây dựng nhân vật, giọng điệu và vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm

b. Về kĩ năng : Tiếp tục hoàn thiện kĩ năng Đọc hiểu văn bản tự sự; tìm chi tiết dẫn chứng để phân tích tác phẩm

c. Về thái độ: Bồi đắp tình Yêu quê hương đất nước; ý thức trớc vận mệnh đất nước

2. Chuẩn bị của GV và HS:

a. Chuẩn bị của GV:

-Phương tiện:Giáo án, SGK, SGV, TLTK...

-Phương pháp: phát vấn, thuyết giảng, giảng bình, thảo luận nhóm

b. Chuẩn bị của HS:

SGK, chuẩn bị trước khi lên lớp, vở bài tập.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Kiểm tra bài cũ: không

* **Lời vào bài** : Hai tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành. Để củng cố kiến thức bài học và để tìm hiểu sâu hơn nội dung ý nghĩa của tác phẩm, hôm nay cô trò ta tìm hiểu thêm về tác phẩm

b. Bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: yêu cầu hs nhắc lại nghệ thuật , chủ đề của tác phẩm</p> <p>Gọi 2 hs lên nhận xét</p>	<p>4. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyñh hướng sử thi: đợc thể hiện đậm nét ở tất cả các phương diện: <ul style="list-style-type: none"> + chủ đề: những biến cố có ý nghĩa trọng đại của dân tộc, + hình tượng: hoành tráng, cao cả của núi rừng và con người, + hệ thống nhân vật: có sức sống mạnh mẽ, mang cốt cách của cộng đồng, + giọng điệu kể: trang nghiêm, hào hùng... - Cách thức trần thuật: kể theo hồi tưởng qua lời kể của cụ Mét, kết hợp truyện về cuộc đời của Tnu và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man . - Cảm hứng lãng mạn: <ul style="list-style-type: none"> + đề cao vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong sự đối lập với sự tàn bạo của kẻ thù. + lời văn trau chuốt, giàu sức tạo hình, giọng văn tha thiết. - Không khí truyện mang đậm chất Tây Nguyên - Xây dựng thành công các nhân vật <p>2. Chủ đề:</p> <p><i>Rừng xà nu</i> là thiên sử thi của thời đại</p>

<p>Gv tìm chi tiết trong tác phẩm chứng minh cho đề bài: Phân tích hình tượng nhân vật Tnu trong tác phẩm; phân tích hình tượng cây xà nu</p> <p>Chia lớp làm 2 nhóm, các nhóm làm việc trong vòng 10 phút, viết vào giấy Ao</p> <p>Hết thời gian, gv gọi đại diện nhóm lên trình bày,gv gọi nhóm khác bổ sung</p> <p>Gv chốt ý</p>	<p>mới. Tác phẩm đã đặt ra vấn đề có ý nghĩa lớn lao của dân tộc và thời đại: phải cầm vũ khí đứng lên tiêu diệt kẻ thù bạo tàn để bảo vệ sự sống của đất nước, nhân dân</p> <p>3. Hình tượng nhân vật Tnú :</p> <p>* Phẩm chất, tính cách của người anh hùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khi còn nhỏ: <ul style="list-style-type: none"> được học chữ, đã có ý thức lớn lên sẽ thay cho anh Quyết lãnh đạo cách mạng. cùng Mai vào rừng tiếp tế cho anh Quyết, làm giao liên → Gan góc, táo bạo, dũng cảm. - Khi bị bắt: giặc tra tấn tàn bạo, lưng ngang dọc vết dao chém của kẻ thù nhưng vẫn gan góc, trung thành <ul style="list-style-type: none"> → Lòng trung thành với cách mạng được bộc lộ qua thử thách. - Khi vượt ngục trở lại làng: đã là chàng trai hoàn hảo (cường tráng, hạnh phúc bên vợ con) * Số phận đau thương: <ul style="list-style-type: none"> + Giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy. Để truy tìm Tnú, chúng bắt và tra tấn bằng gậy sắt đến chết vợ con anh <ul style="list-style-type: none"> → Mắt anh biến thành hai cục lửa hồng căm thù - Xông vào quân giặc như hổ dữ nhưng không cứu được vợ con, bản thân bị bắt, bị tra tấn (bị đốt 10 đầu ngón tay). → Cuộc đời đau thương - "<i>Tnú không cứu được vợ con</i>"- cụ Mết nhắc tới 4 lần → như một điệp khúc day dứt, đau thương trong câu chuyện kể và nhằm nhấn mạnh: khi chưa có vũ khí, chỉ có hai bàn tay không thì ngay cả những người thương yêu nhất cũng không cứu được.
---	--

* Tnú và dân làng Xô Man quật khởi, đứng dậy cầm vũ khí:

+ Trong đêm Tnú bị đốt 10 đầu ngón tay, dân làng đã nổi dậy “*ào ào rung động*”, cứu được Tnú, tiêu diệt bọn ác ôn. Tiếng cù Mết như mệnh lệnh chiến đấu: “*Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên!*”

→ Đó là sự nổi dậy đồng khởi làm rung chuyển núi rừng. Câu chuyện về cuộc đời một con người trở thành câu chuyện một thời, một nước.

+ Bàn tay Tnú được chữa lành, anh vào lực lượng, tiếp tục chống giặc.

+ Lớp cán bộ mới trưởng thành: Dít, thằng bé Heng

→ Kế tục việc chiến đấu của cha ông.
=> Số phận, tính cách của Tnú tiêu biểu cho nhân dân Tây Nguyên thời chống Mỹ, là sáng ngời chân lí: chỉ có cầm vũ khí đứng lên là con đường sống duy nhất, mới bảo vệ những gì là thiêng liêng nhất, và mọi thứ sẽ thay đổi.

4. Hình tượng rừng xà nu:

a. Rừng xà nu trong đau thương:

- Mở đầu tác phẩm, nhà văn tập trung giới thiệu cụ thể về rừng xà nu: “*nằm trong tầm đại bác của đồn giặc*”, ngày nào cũng bị bắn hai lần, “*Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào đồi xà nu cạnh con nước lớn*”.

→ nằm trong sự hủy diệt bạo tàn, trong tư thế của sự sống đang đối diện với cái chết.

- Với kỹ thuật quay toàn cảnh, tác giả đã phát hiện ra: “*Cả rừng xà nu hàng vạn cây không cây nào là không bị thương*”.

→ Đây là sự đau thương của một khu rừng mà tác giả chứng kiến.

- Nỗi đau hiện ra nhiều vẻ khác nhau:

+ Có cái xót xa của những cây con, tựa

như đứa trẻ thơ: "vừa lớn ngang tầm ngực người bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được cứ loét mãi ra, năm mười hôm sau thì cây chết".

+ Cái đau của những cây xà nu như con người đang tuổi thanh xuân, bỗng "bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão".

+ Những cây có thân hình cường tráng: "vết thương của chúng chóng lành", đạn đại bác không giết nổi chúng.

→ Nhà văn đã mang nỗi đau của con người để biểu đạt cho nỗi đau của cây: gọi lên cảm giác đau thương của một thời mà dân tộc ta phải chịu đựng.

b. Anh dũng, có sức sống mãnh liệt:

- Tác giả đã phát hiện được sức sống mãnh liệt của cây:

+ "trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy".

→ Đây là yếu tố cơ bản để xà nu vượt qua ranh giới của sự sống và cái chết.

+ Sự sống tồn tại ngay trong sự hủy diệt: "Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên".

→ Tác giả sử dụng cách nói đối lập (ngã gục- mọc lên; một- bốn năm) để khẳng định một khát vọng thật của sự sống.

+ Cây xà nu đã tự đứng lên bằng sức sống mãnh liệt của mình: "... "...cây con mọc lên, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời".

→ Xà nu đẹp một vẻ đẹp hùng tráng, man dại đậm tố chất núi rừng.

- Xà nu không những tự biết bảo vệ mình mà còn bảo vệ sự sống, bảo vệ làng Xô Man:

	<p><i>"Cứ thế hai ba năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng".</i></p> <p>→ Hình tượng mang tính ẩn dụ cho những con người chiến đấu bảo vệ quê hương.</p> <p>- Câu văn mở đầu được lặp lại ở cuối tác phẩm:</p> <p><i>" đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời"</i></p> <p>→ gọi ra cảnh rừng xà nu hùng tráng, kiêu dũng và bất diệt không chỉ của con người Tây Nguyên mà còn cả Miền Nam, cả dân tộc.</p> <p>=> Những câu văn đẹp, gây ấn tượng + nhân hóa, ẩn dụ: gọi vẻ đẹp mang đậm tính sử thi, biểu tượng cho cuộc sống đau thương nhưng kiên cường và bất diệt.</p>
--	--

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Viết phần mở bài và kết bài cho 2 đề trên

d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm đọc nội dung bài học: nội dung, nghệ thuật, hình tượng cây xà nu, nhân vật Tnu

-Bài mới

Bất sầu rừng U Minh hạ; Những đứa con trong gia đình

Tuần 21

Ngày dạy

Tiết 61: Đọc thêm

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

-Nguyễn Thi-

BẮT SẦU RỪNG U MINH HẠ

-Sơn Nam-

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- Nhân vật ông Năm Hên ngay thẳng, chất phác, thuận hậu, mưu trí, dũng cảm có tài bắt sấu trừ họa cho mọi người
- Ngôn ngữ văn xuôi đậm chất Nam Bộ, lối kể chuyện ngắn gọn mang màu sắc huyền thoại
- Phẩm chất tốt đẹp của những người con trong gia đình Việt nhất là Chiến và Việt
- Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, nghệ thuật xây dựng tính cách và miêu tả tâm lý nhân vật, ngôn ngữ phong phú góc cạnh đậm chất hiện thực và màu sắc Nam Bộ

b. Về kĩ năng

Đọc hiểu truyện ngắn theo đặc trưng thể loại

c. Về thái độ

Tự hào về truyền thống gia đình Việt; sống chan hòa, yêu thương yêu quê hương đất nước; luôn sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ được giao

2. Chuẩn bị của GV và HS:

a. Chuẩn bị của GV:

- Phương tiện: Giáo án, SGK, SGV, TLTK...
- Phương pháp: phát vấn, thuyết giảng, giảng bình, thảo luận nhóm

b. Chuẩn bị của HS:

SGK, chuẩn bị trước khi lên lớp, vở bài tập.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Kiểm tra bài cũ: không

* **Lời vào bài** : Người Nam Bộ nói riêng, người Việt nói chung đều giàu truyền thống gia đình và những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, căm thù giặc sâu sắc, dũng cảm trong chiến đấu và trong công cuộc chinh phạt thiên nhiên. Đó là nội dung 2 bài đọc thêm ngày hôm nay

b. Bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv hướng dẫn hs tìm hiểu về nhà văn Sơn Nam, tập truyện Hương rừng Cà Mau</p> <p>Hs nghiên cứu tiểu dẫn sgk và trình bày</p>	<p>A. Bắt sấu rừng U Minh hạ</p> <p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Nhà văn Sơn Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên bút danh, năm sinh, quê quán. - Quá trình sáng tác. - Các tác phẩm tiêu biểu. - Đặc điểm sáng tác. <p>2. Tập truyện Hương rừng Cà Mau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: viết về thiên nhiên và con người vùng rừng U Minh với những người lao động có sức sống mãnh liệt, sâu đậm ân nghĩa và tài ba can trường. - Nghệ thuật: Dựng truyện li kì, chi tiết gợi cảm, nhân vật và ngôn ngữ đậm màu sắc Nam Bộ. <p>II. Đọc hiểu văn bản</p>

GV: Qua đoạn trích, anh (chị) nhận thấy thiên nhiên và con người vùng U Minh Hạ có những đặc điểm nổi bật nào?

- HS đọc đoạn trích, chú ý những chi tiết về thiên nhiên, con người, từ đó đưa ra những nhận xét.

- GV hướng dẫn đọc, tìm hiểu, thảo luận.

Chia lớp làm 2 nhóm thảo luận, sau đó gv gọi đại diện nhóm trình bày

Các nhóm khác nhận xét, gv chốt ý

GV tổ chức cho HS phân tích tính cách, tài nghệ của nhân vật ông Năm Hên. (Gợi ý: ông là người thế nào? điều đó được biểu hiện qua những chi tiết nào? Bài hát của ông Năm gợi cho anh (chị) cảm nghĩ gì?,...)

1. Thiên nhiên và con người U Minh Hạ:

a) Thiên nhiên

Thiên nhiên vùng U Minh Hạ là một thế giới bao la, li thú:

+ "U Minh đỏ ngòm

Rừng tràm xanh biếc"

+ "Sầu lội từng đàn", "những ao sấu", "Miền Rạch Giá, Cà Mau có những con lạch ngã ba mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu". Đó là những nơi ghê gớm.

b) Con người

+ Con người vùng U Minh Hạ là những người lao động có sức sống mãnh liệt, đậm sâu ân nghĩa và cũng đầy tài ba trí dũng, gan góc can trường.

+ Tất cả những điều đó tập trung ở hình ảnh ông Năm Hên, một con người sống phóng khoáng giữa thiên nhiên bao la kì thú. Tài năng đặc biệt của ông là bắt sấu. Sự xuất hiện của ông Năm cùng một con xuồng, lợn nhang trần và một hũ rượu, vừa bơi xuồng mà hát: vừa huyền bí vừa mang đậm dấu ấn con người đất rừng phương Nam.

2. Nhân vật ông Năm Hên:

Tính cách, tài nghệ của ông Năm Hên tiêu biểu cho tính cách con người vùng U Minh Hạ:

+ Một con người tài ba, cởi mở nhưng cũng đầy bí ẩn.

+ Ông là thợ bắt sấu, "bắt sấu bằng hai tay không".

+ Ông có tài nghệ phi phàm, mưu kế kì diệu, bắt sống 45 con sấu, "con này buộc nổi đuôi con kia đen ngòm như một khúc cây khô dài".

+ Bài hát của ông Năm Hên:

Tiếng hát ấy cùng hình ảnh: "ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối mù, mắt

Nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ của nhà văn Sơn Nam có gì đáng chú ý? GV tổ chức cho HS thảo luận và chốt lại những ý cơ bản.

HS đọc phần *Tiểu dẫn*, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, giới thiệu những nét chính về cuộc đời Nguyễn Thi, những sáng tác, đặc điểm phong cách, đặc biệt là thế giới nhân vật của nhà văn.

GV nhận xét, bổ sung và khắc sâu một số ý cơ bản

HS giới thiệu khái quát về *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

GV nêu vấn đề: Tình huống truyện có ý nghĩa như thế nào?

HS thảo luận và phân tích. GV theo dõi, nhận xét góp ý

đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ đi quơ lại trên tay" gọi những đau thương mà con người phải trả giá để sinh tồn trên mảnh đất hoang dại kì thú. Đồng thời hình ảnh ấy cũng thể hiện vẻ đẹp bi tráng của những con người gan góc vượt lên khắc nghiệt của thiên nhiên để chế ngự và làm chủ nó.

3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật

+ Nghệ thuật kể chuyện: Dựng chuyện li kì, nhiều chi tiết gợi cảm.

+ Nhân vật giàu chất sống.

+ Ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương Nam Bộ

III. Tổng kết

B. Những đứa con trong gia đình

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả:

-Tiểu sử, cuộc đời

-Bút danh

-Phong cách, đặc điểm sáng tác

2. Tác phẩm Những đứa con trong gia đình:

+ Xuất xứ: tác phẩm được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác với tư cách là một nhà văn - chiến sĩ ở Tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng* (tháng 2 năm 1966). Sau được in trong *Truyện và kí*, NXB Văn học Giải phóng, 1978.

+ Tóm tắt tác phẩm

II. Đọc hiểu

1. Tình huống truyện:

Đây là câu chuyện của gia đình anh giải phóng quân tên Việt. Nhân vật này rơi vào một tình huống đặc biệt: trong một trận đánh, bị thương nặng phải nằm lại giữa chiến trường. Anh nhiều lần ngất đi tỉnh lại, tỉnh rồi lại ngất. Truyện được kể theo dòng nội tâm của nhân vật khi đứt

<p>CH: Khi miêu tả truyền thống gia đình nhà văn đã khắc họa như thế nào?</p>	<p>(ngắt đi) khi nói (tĩnh lại). Tóm lại, tình huống truyện dẫn đến một cách trần thuật riêng của thiên truyện theo dòng ý thức của nhân vật.</p> <p>2. Phương thức trần thuật của tác phẩm:</p> <p>+ Căn cứ vào ngôn ngữ của nhân vật trong truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương thức thứ nhất:</i> Nhân vật truyện là đối tượng thuật, kể nên thuộc ngôi thứ ba. - <i>Phương thức thứ hai:</i> Nhân vật tự kể chuyện mình nên thuộc ngôi thứ nhất. - <i>Phương thức thứ ba:</i> Người trần thuật thuộc ngôi thứ ba nhưng lời kể lại phỏng theo quan điểm, ngôn ngữ, giọng điệu của nhân vật. <p>+ Truyện <i>Những đứa con trong gia đình</i> được trần thuật theo phương thức thứ 3. Nghĩa là của người trần thuật tự giấu mình nhưng cách nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật.</p> <p>+ Lối trần thuật này có hai tác dụng về mặt nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện vừa được thuật, kể cùng một lúc tính cách nhân vật cũng được khắc họa. - Câu chuyện dù không có gì đặc sắc cũng trở nên mới mẻ, hấp dẫn vì được kể qua con mắt, tấm lòng và bằng ngôn ngữ, giọng điệu riêng của nhân vật. <p>3. Truyền thống gia đình:</p> <p>+ Truyền thống yêu nước mãnh liệt, căm thù giặc ngạt thở xâm lược và tinh thần chiến đấu cao đã gắn kết những con người trong gia đình với nhau. Lời chú Năm: "Chuyện gia đình nó cũng dài như sông, để rồi chú chia cho mỗi đứa một khúc mà ghi vào đó" cho thấy, con là sự tiếp nối cha mẹ nhưng không chỉ là tiếp</p>
---	--

CH: Chú Năm là con người ra sao?

Phân tích và so sánh tính cách các nhân vật Việt và Chiến để làm rõ sự tiếp nối truyền thống gia đình của những người con.

GV Gợi ý:

- Nét chung của hai chị em?
- Nét riêng của mỗi người:
- + Của Chiến (khác với Việt và khác với má)?
- + Của Việt?

HS phân tích theo các bước gợi ý

nói huyết thống mà còn là sự tiếp nối truyền thống. Đồng thời muốn hiểu về những đứa con phải hiểu ngọn nguồn đã sinh ra nó, phải hiểu về truyền thống của gia đình đó.

+ Chú Năm: đại diện cho truyền thống và lưu giữ truyền thống (trong câu hò, trong cuốn sổ).

+ Má Việt cũng là hiện thân của truyền thống. Đó là một con người chắc, khỏe, sức mùi lúa gạo và mồ hôi, thứ mùi của đồng áng, của cần cù sương nắng.

ấn tượng sâu đậm ở má Việt là khả năng cắn răng ghìm nén đau thương để sống và duy trì sự sống, che chở cho đàn con và tranh đấu.

4. Hai chị em Chiến và Việt:

* Người mẹ ngã xuống nhưng dòng sông truyền thống vẫn chảy.

+ **Hình ảnh người mẹ luôn hiện về trong Chiến:**

- Chiến mang vóc dáng của má: "hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng ... thân người to và chắc nịch". Đó là vẻ đẹp của những con người sinh ra để gánh vác, để chống chọi, để chịu đựng và để chiến thắng.

- Chiến đặc biệt giống má ở cái đêm sắp xa nhà đi bộ đội: Chiến biết lo liệu, toan tính việc nhà y hệt má (nói nghe in như má vậy). Hình ảnh người mẹ như bao bọc lấy.

+ **Nét tính cách chung của hai chị em:**

- Hai chị em cùng sinh ra trong một gia đình chịu nhiều mất mát đau thương (cùng chứng kiến cái chết đau thương của ba và má).

- Hai chị em có chung mối thù với bọn xâm lược. Tuy còn nhỏ tuổi, chí căm thù đã thôi thúc hai chị em cùng một ý nghĩ:

CH: Nét tính cách chung của 2 chị em Việt và Chiến được nhà văn miêu tả như thế nào?

phải trả thù cho ba má, và có cùng nguyện vọng: được cầm súng đánh giặc. Tình yêu thương là vẻ đẹp tâm hồn của hai chị em.

- Cả hai chị em đều là những chiến sĩ gan góc dũng cảm

- Hai chị em Việt đều có những nét rất ngây thơ thậm chí có phần trẻ con (giành nhau bắt ếch nhiều hay ít, giành nhau thành tích bắn tàu chiến giặc và giành nhau ghi tên tòng quân).

+ Nét riêng ở Chiến:

- Hơn Việt chừng một tuổi nhưng Chiến người lớn hơn hẳn: Chiến có thể bỏ ăn để đánh vắn cuốn sổ gia đình. Chiến không chỉ "nói in như má" mà còn học được cách nói "trọng trọng" của chú Năm,...

- Tính cách "người lớn" ở Chiến còn thể hiện ở sự nhường nhịn. Tuy có lúc giành nhau với em tranh công bắt ếch, đánh tàu giặc, đi tòng quân nhưng cuối cùng bao giờ cô cũng nhường em hết trừ việc đi tòng quân.

Nguyễn Thi đã xây dựng nhân vật Chiến vừa có cá tính vừa phù hợp với lứa tuổi, giới tính. Chiến là nhân vật được hồi tưởng qua Việt nhưng đã gây được ấn tượng sâu sắc.

+ Nét riêng ở Việt:

- Việt là sự lộc ngộc, vô tư của một cậu con trai đang tuổi ăn tuổi lớn.

- Việt hay tranh giành với chị bấy nhiêu.

- Đêm trước ngày ra đi, Chiến nói với em những lời nghiêm trang thì Việt lúc "lăn kèn ra ván cười khi khi", lúc lại rình "chụp một con đom đóm úp trong lòng tay".

- Vào bộ đội, Chiến đem theo tấm gương soi còn Việt lại đem theo nột chiếc súng cao su.

CH: Còn đặc điểm riêng trong con người Chiến được tác giả khắc họa ra sao?

HS phát biểu cảm nhận về hình ảnh chị em, Việt và Chiến khiêng bàn thờ ba má sang gửi chú Năm (thảo luận và phát biểu, bổ sung). GV định hướng và nhận xét.

Chất sử thi của thiên truyện được thể hiện như thế nào?

GV có thể gợi ý bằng cách nhắc lại khái niệm, đặc điểm của tính sử thi trong văn học.

HS làm việc với tác phẩm, suy nghĩ và

- Nhưng sự vô tư không ngăn cản Việt trở nên một anh hùng (ngay từ bé, Việt đã dám xông vào đá cái thằng đã giết cha mình. Khi trở thành một chiến sĩ, mặc dù chỉ có một mình, với đôi mắt không còn nhìn thấy gì, với hai bàn tay đau đớn, Việt vẫn quyết tâm ăn thua sống mái với quân thù)

Tuy còn hồn nhiên và còn bé nhỏ trước chị nhưng trước kẻ thù Việt lại vụt lớn, chững chạc trong tư thế của một người chiến sĩ.

* Chiến và Việt là khúc sông sau nên đi xa hơn trong cả dòng sông truyền thống.

5. Hình ảnh chị em Việt khiêng bàn thờ ba má sang gửi chú Năm:

+ Chỗ hay nhất của đoạn văn là không khí thiêng liêng, nó hoán cải cả cảnh vật lẫn con người.

+ Không khí thiêng liêng đã biến Việt thành người lớn. Lần đầu tiên Việt thấy rõ lòng mình (thương chị lạ, mối thù thằng Mĩ thì có thể sờ thấy vì nó đang đè nặng trên vai).

+ Hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng thể hiện sự trưởng thành của hai chị em có thể gánh vác việc gia đình và viết tiếp khúc sông của mình trong dòng sông truyền thống gia đình. Hơn thế nữa, thế hệ sau cứng cáp, trưởng thành và có thể đi xa hơn.

6. Chất sử thi của thiên truyện:

+ Chất sử thi của thiên truyện được thể hiện qua cuốn sổ của gia đình với truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung son sắt với quê hương.

+ Cuốn sổ là lịch sử gia đình mà qua đó thấy lịch sử của một đất nước, một dân tộc trong cuộc chiến chống Mĩ.

+ Số phận của những đứa con, những

phát biểu.	<p>thành viên trong gia đình cũng là số phận của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ khốc liệt.</p> <p>+ Truyện của một gia đình dài như dòng sông còn nối tiếp. "Trăm dòng sông đổ vào một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm ..., rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta ...". Truyện kể về một dòng sông nhưng nhà văn muốn ta nghĩ đến biển cả. Truyện về một gia đình nhưng ta lại cảm nhận được cả một Tổ quốc đang hào hùng chiến đấu bằng sức mạnh sinh ra từ những đau thương.</p> <p>+ Mỗi nhân vật trong truyện đều tiêu biểu cho truyền thống, đều gánh vác trên vai trách nhiệm với gia đình, với Tổ quốc trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.</p> <p>III. Tổng kết</p>
------------	--

c. Củng cố, luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về đoạn hay nhất trong truyện Những đứa con trong gia đình

d. Hướng dẫn học bài:

Bài cũ:

Nắm cốt truyện, phân tích nhân vật tự sự

Bài mới:

Chuẩn bị tiết Thực hành về hàm ý

Tuần 21

Ngày dạy

Tiết 62-63: Tiếng Việt

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Khái niệm hàm ý:

-Một số cách thức tạo hàm ý thông dụng

-Một số tác dụng của cách nói có hàm ý

b. Về kĩ năng

-Kĩ năng nhận diện hàm ý, phân biệt hàm ý với nghĩa tường minh

- Kĩ năng phân tích hàm ý: cách thức tạo hàm ý; tác dụng của hàm ý
- Kĩ năng sử dụng cách nói có hàm ý

c. Về thái độ

Có ý thức và thói quen sử dụng và tạo hàm ý trong các trường hợp cụ thể

2,Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a,Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv, chuẩn kiến thức- kĩ năng.
- Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, giảng bình, thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

b,Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.
Chuẩn bị bài ở nhà.

3,Tiến trình bài dạy:

*** Ôn định lớp:**

a,Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới: Để giúp các em củng cố và nâng cao những kiến thức về hàm ý, về cách thức tạo lập và lĩnh hội hàm ý, hôm nay cô và các em sẽ thực hành về hàm ý

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>CH : Thế nào là hàm ý?</p> <p>CH: Đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các câu hỏi (SGK). A Phủ đã cố ý vi phạm phương châm về lượng khi giao tiếp như thế nào?</p> <p>HS thảo luận và phát biểu cá nhân</p>	<p>I. Ôn lại khái niệm về hàm ý : Hàm ý: Là những nội dung, ý nghĩ mà người nói không nói ra trực tiếp bằng từ ngữ, tuy vẫn có ý định truyền báo đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh của câu và tình huống giao tiếp để suy ra thì mới hiểu đúng, hiểu hết ý của người nói.</p> <p>II. Thực hành về hàm ý :</p> <p>1.Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời đáp của A Phủ thiếu thông tin cần thiết nhất của câu hỏi: Số lượng bò bị mất (mất mấy con bò?). A Phủ đã lờ yêu cầu này của Pá Tra. - Lời đáp có chủ ý thừa thông tin so với yêu cầu của câu hỏi: A Phủ không nói về số bò mất mà lại nói đến công việc dự định và niềm tin của mình (Tôi về lấy súng thế nào cũng bắn được con hổ này to lắm)

<p>Bài tập 2: Đọc đoạn trích (SGK) và trả lời các câu hỏi:</p> <p>a) ở phần sau của cuộc hội thoại anh thanh niên đã cố ý đi chệch ra ngoài đề tài “hỏi đường - chỉ đường” như thế nào? Những thông tin về cuộc trường kì kháng chiến có quan hệ và có cần thiết đối với đề tài đó không? HS thảo luận và trả lời</p> <p>b) Hàm ý của anh thanh niên có ý nói dài dòng về những điều không liên quan gì đến cuộc hội thoại là gì?</p> <p>(HS thảo luận chọn phương án đúng và lí giải)</p> <p>c) Kết luận về hàm ý khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp. <i>HS làm việc cá nhân và phát biểu</i></p>	<p>- Cách trả lời của A Phủ có độ khôn khéo: Không trả lời thẳng, gián tiếp công nhận việc để mất bò. Nói ra dự định “lấy công chuộc tội” (bán hổ chuộc tội mất bò); chủ ý thể hiện sự tin tưởng bản được hổ và nói rõ “con hổ này to lắm”.</p> <p>Cách nói hùng chuộc tội, làm giảm cơn giận dữ của Pá Tra . Câu trả lời của A Phủ chứa nhiều hàm ý</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>a) Anh thanh niên đi chệch ra ngoài đề tài “hỏi đường - chỉ đường” bằng cách đọc thuộc lòng cả một bài dài đến dăm trang giấy về “cuộc trường kì kháng chiến”. Nghĩa là anh ta vi phạm phương châm quan hệ trong hội thoại đồng thời vi phạm cả phương châm về lượng (nói thừa lượng thông tin).</p> <p>- Các thông tin về cuộc kháng chiến không hề liên quan đến đề tài “hỏi đường - chỉ đường”.</p> <p>b) Hàm ý của anh thanh niên:</p> <p>- Chủ ý tuyên truyền một cách hồn nhiên cho đường lối kháng chiến.</p> <p>- Muốn bộc lộ sự kiêu hãnh, tự hào khi được tham gia vào một công cuộc lớn lao mà ở nông thôn vào thời điểm bấy giờ ít có dịp và ít có người làm được. Đó là cách thể hiện bầu nhiệt huyết, hiềm say mê đối với cuộc kháng chiến. Đó là điểm đáng trân trọng, đáng ca ngợi tuy sự bộc lộ không được đúng chỗ (không phù hợp với cuộc thoại) và hơi quá mức độ (nói dài dòng) thừa lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến.</p> <p>c) Kết luận: Khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp, để hàm ý có tác dụng cần: nói đúng chỗ, phù hợp với cuộc hội thoại và diễn đạt ngắn gọn, đúng lượng thông tin mà cuộc thoại</p>
--	---

<p>Bài tập 3: Đọc và phân tích đoạn trích (SGK)</p> <p>a) Bá Kiến nói: “Tôi không phải là cái kho”. Nói thế là có hàm ý gì?. Cách nói như thế có đảm bảo phương châm cách thức không?</p> <p><i>HS suy nghĩ và trả lời</i></p> <p>b) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá Kiến có những câu dạng câu hỏi. Những câu đó nhằm mục đích gì, thực hiện hành động nói gì? Chúng có hàm ý gì?</p> <p><i>HS thảo luận nhóm và cử đại diện trình bày</i></p> <p>c) ở lượt lời thứ 1 và thứ hai của Chí Phèo đều không nói hết ý. phần hàm ý còn lại được tường minh hoá ở lượt lời nào? Cách nói ở hai lượt lời đầu của Chí Phèo không đảm bảo phương châm hội thoại</p>	<p>cần đến.</p> <p>3. Bài tập 3:</p> <p>a) Câu nói của Bá Kiến với Chí Phèo: “Tôi không phải là cái kho” có hàm ý: Từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo (cái kho - biểu tượng của của cải, tiền nong, sự giàu có. Tôi không có nhiều tiền)</p> <p>Cách nói vi phạm phương châm cách thức (không nói rõ ràng, rành mạch. Nếu nói thẳng thì nói: Tôi không có tiền để cho anh luôn như mọi khi.</p> <p>b) Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến có câu với hình thức hỏi: “Chí Phèo đấy hử?”</p> <p>Câu này không nhằm mục đích hỏi không yêu cầu trả lời, vì Chí Phèo đã đứng ngay trước mặt Bá Kiến. Thực chất, Bá Kiến dùng câu hỏi để thực hiện hành vi hô gọi, hướng lời nói của mình về đối tượng báo hiệu cho đối tượng biết lời nói đang hướng về đối tượng (Chí Phèo) hay là một hành động chào kiêu trịch thượng của kẻ trên đối với người dưới. Thực hiện hành vi ngôn ngữ theo kiểu giao tiếp như vậy cũng là hàm ý.</p> <p>- Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến, câu mang hình thức câu hỏi là: “Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?” . Thực chất câu này không nhằm mục đích hỏi mà nhằm mục đích thúc giục, ra lệnh: hãy làm lấy mà ăn. Đó cũng là câu nói thực hiện hành vi ngôn ngữ theo lối gián tiếp, có hàm ý.</p> <p>c) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của mình, Chí Phèo không nói hết ý, chỉ bác bỏ hàm ý trong câu nói của Bá Kiến: “Tao không đến đây xin năm hào”, “Tao đã bảo tao không đòi tiền”. Vậy đến đây để làm gì? Điều đó là hàm ý. Hàm ý này được</p>
--	---

<p>nào? (HS thảo luận, phát biểu)</p> <p>Bài tập 4: Đọc và phân tích truyện cười (SGK)</p> <p>a) Lượt lời thứ nhất của bà đồ nhằm mục đích gì, thực hiện hành động nói gì, có hàm ý gì?</p> <p>b) Vì sao bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trong truyện?</p> <p>(HS thảo luận, phát biểu)</p> <p>GV nêu vấn đề: Qua những phần trên, anh (chị) hãy xác định: để nói một câu có hàm ý, người ta thường dùng những cách thức nói như thế nào? Chọn phương án trả lời thích hợp (SGK)</p> <p>HS suy nghĩ, tổng hợp và trả lời.</p>	<p>tường minh hoá, nói rõ ý ở lượt lời cuối cùng: “Tao muốn làm người lương thiện”. Cách nói vừa để thăm dò thái độ của Bá Kiến vừa tạo ra kịch tính cho cuộc thoại.</p> <p>4. Bài tập 4:</p> <p>a) Lượt lời thứ nhất bà đồ nói: “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?”. Câu nói có hình thức hỏi nhưng không nhằm mục đích để hỏi mà nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ.</p> <p>Qua lượt lời thứ hai của bà đồ chúng ta trong lượt lời thứ nhất của bà có hàm ý: Khuyến ông nên sử dụng giấy cho có ích lợi; cho rằng ông đồ viết văn kém, ông dùng giấy để viết văn chỉ thêm lãng phí, hay bỏ phí giấy, vứt giấy đi một cách lãng phí.</p> <p>b) Bà đồ chọn cách nói có hàm ý vì lí do tế nhị, lịch sự đối với chồng, bà không muốn trực tiếp chê văn của chồng mà thông qua lời khuyên để gợi ý cho ông đồ lựa chọn</p> <p>III. Cách thức tạo câu có hàm ý:</p> <p>Để có một câu có hàm ý, người ta thường dùng cách nói chủ ý vi phạm một (hoặc một số) phương châm hội thoại nào đó, sử dụng các hành động nói gián tiếp (Chủ ý vi phạm phương châm về lượng (nói thừa hoặc thiếu thông tin mà đề tài yêu cầu; chủ ý vi phạm phương châm quan hệ, đi chệch đề tài cuộc giao tiếp; chủ ý vi phạm phản cách thức, nói mập mờ, vòng vo, không rõ ràng rành mạch.</p>
--	--

c. Luyện tập, củng cố:

-Củng cố

Những kiến thức về hàm ý, về cách thức tạo lập và lĩnh hội hàm ý. Biết lĩnh hội và phân tích được hàm ý (trong văn bản nghệ thuật và trong giao tiếp hàng ngày). Biết dùng câu có hàm ý khi cần thiết.

-Luyện tập

Tìm những câu có hàm ý trong những văn bản đã học

d. Hướng dẫn học bài:

Bài cũ: hoàn thành bài tập vào vở.

Bài mới: Tìm hiểu tiếp Thực hành về hàm ý

Tuần 21

Ngày dạy

Tiết 63: Tiếng Việt
THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý
(Tiếp theo)

*Tiến trình bài dạy

-Ôn định lớp

-Kiểm tra bài cũ: không

-Lời vào bài: Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu xong tiết 1 Thực hành về hàm ý; làm bài tập và phân tích tác dụng của hàm ý trong tạo lập văn bản. Để củng cố hơn nữa về kiến thức trên, hôm nay cô trò ta tìm hiểu tiết 2

-Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi ở bên dưới a. Lời bác Phô gái thực hiện hành động van xin, cầu khẩn; ông Lí đã đáp lại bằng hđ nói ntn? b. Lời đáp của ông Lí có hàm ý gì Gv lần lượt gọi hs lên trình bày	1. Bài tập 1: a) Trong lượt lời mở đầu cuộc thoại, bác Phô gái van xin: “Thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng nữa”. Lời đáp của ông lí mang sắc thái mỉa mai, giễu cợt (<i>ồ, việc quan không phải thứ chuyện đàn bà của các chị</i>). Nếu là cách đáp tường minh phù hợp thì phải là lời chấp nhận sự van xin hoặc từ chối, phủ định sự van xin. b) Lời của ông Lí không đáp ứng trực tiếp hành động van xin của bác Phô mà từ chối một cách gián tiếp. Đồng thời mang sắc thái biểu cảm: bộc lộ quyền uy, thể hiện sự từ chối lời van xin, biểu lộ thái độ mỉa mai, giễu cợt cách suy nghĩ kiểu đàn bà. → Tính hàm súc của câu có hàm ý 2. Bài tập 2: a) Câu hỏi đầu tiên của Từ: “Có lẽ hôm

<p>Gv: đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi :</p> <p>a. Câu đầu tiên của Từ là hỏi về thời gian hay còn có ý gì khác?</p> <p>b. Câu nhắc khéo ở lượt lời thứ 2 của Từ thực chất có hàm ý nói với Hộ về điều gì?</p> <p>c. Ở cả 2 lượt lời Từ tránh nói trực tiếp đến những vế “com, áo gạo tiền”. Hãy phân tích tác dụng của cách nói trên</p> <p>Gv chia lớp làm 3 nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi trên Hs làm việc trong thời gian 2 phút</p> <p>Đại diện nhóm lên trình bày</p>	<p>nay đã là mồng hai, mồng ba đây rồi mình nhỉ?”. Không phải chỉ hỏi về thời gian mà thực chất, thông qua đó Từ muốn nhắc khéo chồng nhớ đến ngày đi nhận tiền. (Hàng tháng cứ vào kì đầu tháng thì chồng Từ đều đi nhận tiền nhuận bút).</p> <p>b) Câu “nhắc khéo” thứ hai: “Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...”. Từ không nói trực tiếp đến việc trả tiền nhà. Từ muốn nhắc Hộ đi nhận tiền về để trả các khoản nợ (Chủ ý vi phạm phương châm cách thức)</p> <p>c) Tác dụng cách nói của Từ - Từ thể hiện ý muốn của mình thông qua câu hỏi bóng gió về ngày tháng, nhắc khéo đến một sự việc khác có liên quan (người thu tiền nhà)... Cách nói nhẹ nhàng, xa xôi nhưng vẫn đạt được mục đích. Nó tránh được ấn tượng nặng nề, làm dịu đi không khí căng thẳng trong quan hệ vợ chồng khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>3. Bài tập 3:</p> <p>a) Câu trả lời thứ nhất của anh chàng mua kính: “Kính tốt thì đọc được chữ rồi” - chứng tỏ anh ta qua niệm kính tốt thì phải giúp cho con người đọc được chữ. Từ đó suy ra, kính không giúp con người đọc được chữ là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng vì không có cặp kính nào giúp anh ta đọc được chữ.</p> <p>b) Câu trả lời thứ hai: “Biết chữ thì đã không cần mua kính”. Câu trả lời giúp người đọc xác định được anh ta là người không biết chữ (vì không biết chữ nên mới cần mua kính). Cách trả lời vừa đáp ứng được câu hỏi, vừa giúp anh ta giữ được thể diện.</p>
---	---

<p>Đọc lại bài thơ Sóng và cho biết lớp nghĩa tường minh và hàm ẩn. Hàm ý được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ ntn? Hàm ý mang lại tác dụng và hiệu quả nghệ thuật ntn?</p> <p>Gv gọi các hs lần lượt trình bày</p> <p>Chọn cách trả lời có hàm ý cho câu hỏi “Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?”</p> <p>Gọi 2-3 hs trả lời câu hỏi</p> <p>v yêu cầu hs rút ra kết luận sau khi làm bài tập</p> <p>Hs dựa vào gợi ý trình bày</p>	<p>4. Bài tập 4: Lớp nghĩa tường minh và hàm ý của bài thơ <i>Sóng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp nghĩa tường minh: Cảm nhận và miêu tả hiện tượng sóng biển với những đặc điểm, trạng thái của nó. - Lớp nghĩa hàm ý: Vẻ đẹp tâm hồn của người thiếu nữ đang yêu: đắm say, nồng nàn, tin yêu - Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý sẽ tạo nên tính hàm súc, đa nghĩa, biểu đạt cảm xúc, tư tưởng của tác giả một cách tinh tế, sâu sắc. <p>5. Bài tập 5: Cách trả lời có hàm ý cho câu hỏi: "Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?"</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ai mà chẳng thích? + Hàng chất lượng cao đấy! + Xưa cũ như trái đất rồi! <p style="text-align: center;"><i>Ví đem vào tập đoạn trường Thì treo giải nhất chi nhường cho ai?</i></p> <p>* Tổng kết Tác dụng và hiệu quả của cách nói có hàm ý: Tuỳ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp, hàm ý có thể mang lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chứa nhiều nội dung, ý nghĩa + Hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe + Sự vô can, không phải chịu trách nhiệm của người nói về hàm ý (vì hàm ý là do người nghe suy ra) + Tính lịch sự và thể diện tốt đẹp trong giao tiếp bằng ngôn ngữ
---	--

*** Luyện tập, củng cố:**

-Củng cố

Nâng cao những kiến thức về hàm ý, về cách thức tạo lập và lĩnh hội hàm ý.

Biết lĩnh hội và phân tích được hàm ý (trong văn bản nghệ thuật và trong giao tiếp hàng ngày). Biết dùng câu có hàm ý khi cần thiết.

-Luyện tập

Tìm những câu văn có hàm ý trong các văn bản đã học và phân tích hiệu quả của chúng

*** Hướng dẫn học bài:**

Bài cũ: Hoàn thành bài tập vào vở.

Bài mới: Đọc và soạn tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa.

Tuần 22

Ngày dạy

Tiết 64-65: Văn
CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA
-Nguyễn Minh Châu-

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện; nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời.

-Tình huống truyện độc đáo, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống. Điểm nhìn nghệ thuật đa chiều. Lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba.

b, Về kỹ năng:

Đọc- hiểu truyện ngắn hiện đại.

c, Về thái độ:

Biết nhìn nhận, đánh giá cuộc đời, con người một cách toàn diện và có chiều sâu.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv, chuẩn kiến thức- kỹ năng.

- Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, giảng bình, thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

Chuẩn bị bài ở nhà.

3, Tiến trình bài dạy:

*** Ôn định lớp:**

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Nguyễn Minh Châu là nhà văn tiên phong của thời kì đổi mới. “Ông thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay” (Nguyên Ngọc). Ông luôn khao khát đi tìm hạt ngọc ẩn sâu trong tâm hồn mỗi con người. Nguyễn Minh Châu cũng là nhà văn kế thừa tư tưởng nhân đạo sâu sắc mới mẻ của Nam Cao về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời. Điều đó được thể hiện rõ nhất qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa. Hôm nay cô và các em sẽ tìm hiểu tác phẩm này.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Gv: Qua việc đọc phần tiểu dẫn ở nhà (sgk- 69), em hãy cho biết những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyễn Minh Châu ?</p> <p>Hs: trình bày</p> <p>Gv: giảng thêm: Nguyễn Minh Châu luôn khát khao đi tìm hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn mỗi người; nhà văn không có quyền nhìn sự vật một cách đơn giản, nhà văn cần phải phân đấu để đào xới bản chất con người vào các tầng sâu lịch sử.</p> <p>Gv: Dựa vào sgk- 70, hãy cho biết hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm?</p>	<p>I, Khái quát chung</p> <p>1, Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Minh Châu (1930- 1989) quê làng Thới, xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. - Tham gia quân đội từ năm 1950. 1962, ông về công tác tại phòng văn nghệ quân đội → tạp chí Văn nghệ Quân đội. - Là một trong những cây bút tiên phong của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Năm 2000, ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật. - “Ông thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay” (Nguyên Ngọc). - Sáng tác tiêu biểu: <ul style="list-style-type: none"> + Trước 1975 viết về đề tài chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu: Cửa sông, Những vùng trời khác nhau, Dấu chân người lính... + Sau 1975: chuyển sang <i>cảm hứng nhân sinh thế sự</i> với ngôn ngữ đời thường, bình dị: Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Bến quê, Chiếc thuyền ngoài xa... <p>2, Tác phẩm: Chiếc thuyền ngoài xa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tác tháng 8 năm 1983; In trong tập truyện ngắn cùng tên. Tác phẩm thể

Hs: Trình bày	<p>hiện phong cách của tác giả: Tự sự- triết lí, ngôn ngữ dung dị đời thường.</p> <p>- Tác phẩm là một trong những sáng tác tiêu biểu của VHVN giai đoạn 1975- cuối thế kỉ XX</p>
Gv: Cho biết bố cục của tác phẩm?	<p>II, Đọc hiểu văn bản * Bố cục: 3 phần</p>
Hs: Trả lời	<p>- Phần 1: Từ đầu... đã biến mất: Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.</p> <p>- Phần 2: Tiếp theo...chống chọi với sóng giữa phá: Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện.</p> <p>- Phần 3: Còn lại: Tám ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”.</p>
Gv: Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, hãy tóm tắt tác phẩm?	<p>* Tóm tắt tác phẩm</p>
Hs: Tóm tắt	<p>Nghệ sĩ Phùng đến vùng ven biển chụp ảnh lịch→ chụp được cảnh chiếc thuyền ngoài xa trong buổi sớm có sương mù. Chiếc thuyền vào bờ, cảnh tượng kinh ngạc đã diễn ra: người chồng đánh vợ đã man, đưa con vì bảo vệ mẹ đã đánh lại bố...Phùng xông vào can thiệp...Người đàn bà được mời đến toà án huyện, chánh án Đẩu khuyên bà ta bỏ chồng, chị ta xin không bỏ người chồng đó, chị kể về đời mình... Trong rất nhiều tấm ảnh về cảnh biển, tám ảnh về chiếc thuyền ngoài xa được trường phòng chọn làm bộ lịch cho tháng 7 năm sau.</p>
Gv: Nhan đề truyện mang những nội dung ý nghĩa nào?	<p>* Nhan đề truyện</p>
Hs: Giải thích nhan đề	<p>- Cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh, của cuộc sống.</p> <p>- Cuộc sống bấp bênh, dập dềnh, trôi nổi của người dân chài.</p> <p>- Hình ảnh ẩn dụ, hình tượng nghệ thuật: đó là nghệ thuật, nghệ thuật thì ở ngoài xa, còn cuộc đời thì ở rất gần, rất thực.</p>
Gv: Tình huống của truyện là gì? Nhận	<p>1, Tình huống truyện</p> <p>- Nghệ sĩ Phùng choáng ngợp trước vẻ</p>

<p>xét về tình huống đó?</p> <p>Hs :Trình bày</p> <p>Gv: Cho học sinh thảo luận Chia lớp thành 4 nhóm, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>Nhóm 1: Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng là gì? Nhóm 2: Suy nghĩ, cảm nhận, tâm trạng của Phùng trước phát hiện đó như thế nào?</p> <p>Nhóm 3: Phát hiện thứ 2 của nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng là gì? Nhóm 4: Thái độ, tâm trạng của anh trước phát hiện đó như thế nào? Thời gian thảo luận: 2 phút</p> <p>Hs: Cử đại diện nhóm lên trình bày</p>	<p>đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nghệ sĩ kinh ngạc khi chứng kiến người đàn ông đánh vợ dã man trên bãi biển. → Tình huống nhận thức, khám phá trước một hiện tượng đầy nghịch lí của cuộc sống. <p>2, Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.</p> <p>a, Phát hiện thứ nhất đầy thơ mộng của người nghệ sĩ nhiếp ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh chiếc thuyền ngoài xa trong biển sớm mờ sương. - Một bức tranh nghệ thuật đẹp, thơ mộng, một vẻ đẹp toàn bích từ đường nét đến màu sắc đều hài hoà. Nó vừa cổ kính vừa mơ màng như một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. - Người nghệ sĩ bối rối ,xúc động, trái tim như có cái gì bóp thắt vào, tâm hồn mình trở nên trong trẻo, tinh khôi, hạnh phúc→ Cái đẹp là đạo đức. <p>b, Phát hiện thứ hai đầy nghịch lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạo lực trong gia đình hàng chài: người chồng đánh đập vợ, đứa con bênh vực mẹ đã đánh lại bố. - Ngạc nhiên, sửng sờ , không ngờ đằng sau cái vẻ đẹp diệu kì của tạo hoá lại là bi kịch của cuộc đời, là biểu hiện của cái xấu, cái ác.
--	--

<p>Gv: Qua hai phát hiện của người nghệ sĩ, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức điều gì về cuộc đời?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv: Theo em, có thể đảo vị trí 2 phát hiện này được không? Từ đó, nhà văn muốn thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng, con người trong cuộc sống như thế nào?</p> <p>Hs trình bày</p>	<p>→ Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lí. Cuộc sống luôn tồn tại những mặt đối lập, những mâu thuẫn: đẹp- xấu, thiện- ác.</p> <p>- Đừng làm lẫn hiện tượng với bản chất. Đừng vội đánh giá con người ở dáng vẻ bề ngoài, phải phát hiện ra bản chất thực sau vẻ ngoài đẹp đẽ.</p>
---	--

c. Củng cố, luyện tập:

- Củng cố:

Qua tiết học, anh (chị) hãy cho biết ý nghĩa nhan đề truyện, tình huống truyện, hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh?

- Luyện tập:

Tóm tắt tác phẩm khoảng 10-15 dòng

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm được vài nét tiêu biểu về tác giả Nguyễn Minh Châu; tóm tắt cốt truyện; tìm hiểu nhan đề truyện; tình huống truyện; hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.

- Bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu tiết 65: Chiếc thuyền ngoài xa.

Tuần 22

Ngày dạy

Tiết 65: Văn
CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA
 -Nguyễn Minh Châu-
 (Tiếp theo)

*Tiến trình bài học

-Ổn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Lời vào bài: Nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng đã có 2 phát hiện về bức ảnh và sự thật sau bức ảnh. Anh ngỡ ngàng nhận ra sự thật đáng cay sau bức ảnh ấy. Và để đi tìm bản chất về cảnh sống của gia đình làng chài kia, hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu tiếp

-Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
-----------------	------------------

<p>Gv: vì sao người đàn bà hàng chài lại xhiện ở toà án huyện? Thái độ, cử chỉ của người đàn bà ấy khi vào toà án huyện ntn?</p> <p>Khi chánh án Đẩu đề nghị và khuyên chị ta bỏ chồng, thái độ của chị ta thay đổi ntn? Người đàn bà ấy có nghe theo lời khuyên của Đẩu k? Vì sao?</p> <p>Gv: giảng: chị ta trở nên mạnh bạo khi Đẩu có ý muốn để cho gđ chị ta tự giải quyết để tiến tới hoà thuận. Chị kể về cuộc đời trước kia ntn?</p> <p>Qua câu chuyện kể, hãy xét về cuộc đời người đàn bà hàng chài? Nhận xét về người đàn bà hàng chài?</p> <p>Qua câu chuyện của người đàn bà hàng chài, tác giả muốn nói với người đọc điều gì?</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv: người đàn ông được hiện lên ntn?</p> <p>Thái độ của Phùng và Đẩu đối với người đàn ông này?</p> <p>Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv: giảng: chúng ta vừa lên án vừa cảm thông với hắn. Nhưng chính Đẩu và Phùng và thằng Phác chỉ mới nhìn người</p>	<p>II, Đọc- hiểu văn bản</p> <p>2, Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện.</p> <p>a, Người đàn bà hàng chài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo lời mời của chánh án Đẩu. - Thái độ sợ sệt, khúm núm, lúng túng. - Từ chối lời đề nghị và sự giúp đỡ của Đẩu và Phùng vì: <ul style="list-style-type: none"> + Chồng là chỗ dựa qtrọng trong cuộc đời người đàn bà hàng chài nhất là khi biến động, phong ba. + Chị cần hắn để nuôi con, chị đâu chỉ sống cho riêng mình, còn phải sống vì chúng nữa. + Có lúc cả gđ sống hoà thuận, vui vẻ. <p>- Cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ, vất vả cơ cực. Thâm lặng cam chịu mọi đau đớn khi bị chồng đánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương con sâu sắc, hiểu sâu sắc lẽ đời, kín đáo, cảm thông với chồng, không oán trách chồng, coi chồng cũng chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh mà thôi. Giàu lòng vị tha, bóng dáng người phụ nữ VN bao dung độ lượng. - Không thể dễ dãi, đơn giản trong việc nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng của đời sống. <p>b, Người đàn ông độc ác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước kia là anh con trai hiền lành, cục tính → người chồng vũ phu, mái tóc tổ quạ, chân chữ bát, hai con mắt đầy vẻ độc dữ vừa là nạn nhân của cuộc sống khắc nghiệt vừa là thủ phạm gây nên bao đau khổ cho người thân của mình. - Lên án gay gắt không đồng tình với hđ thô bạo với vợ.
---	--

đàn ông này ở khía cạnh độc ác, tàn nhẫn, ích kỉ còn chị vợ lại thấu hiểu nguyên nhân sâu xa của những hể ấy.

Qua hình ảnh người đàn ông này, NMC muốn nói điều gì?
Hs trả lời

Gv: liên hệ: hình ảnh Hộ, Chí Phèo là những người hiền lành, do hoàn cảnh xô đẩy → tàn nhẫn. Cuộc chiến bảo vệ thiên lương và vẻ đẹp tâm hồn con người, kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo sâu sắc của Nam Cao.

Gv: Người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng và chánh án Đẩu hiện lên ntn?

Qua những chi tiết trên, hãy nhận xét về người nghệ sĩ này?

Hs lần lượt trả lời

Gv: giảng: Phùng và Đẩu chính là sự hoá thân của tác giả khiến điểm nhìn sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống.

Gv: gọi hs đọc đoạn văn cuối. Mỗi khi ngắm bức ảnh được chọn, người nghệ sĩ nhiếp ảnh đều nhìn thấy những gì đằng sau bức tranh? Những hình ảnh ấy tượng trưng cho điều gì?

-Không thể nhìn đời, nhìn người 1 phía, phải tìm hiểu nguyên nhân sâu xa dẫn đến những hành vi của con người trước khi kết luận về tính cách hay phán xét họ. Phải có cái nhìn đa diện, nhiều chiều.

c, Người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng, chánh án Đẩu.

- Người nghệ sĩ nhiếp ảnh được trưởng phòng giao cho chụp một bức ảnh... chúng kiến cảnh người đàn ông đánh đập người đàn bà.

- Là người lính căm ghét mọi sự áp bức, bất công, sẵn sàng làm tất cả vì điều thiện, vì lẽ công bằng. Anh xúc động ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi của thuyền biển lúc bình minh; bất bình và can thiệp trước cảnh hành hạ của người chồng. Anh hiểu rõ trước khi là nghệ sĩ biết rung động trước cái đẹp hãy làm một người biết yêu ghét, vui buồn trước mọi lẽ đời, biết hành động để có cuộc sống xứng đáng với con người.

3, Tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”.

- Mỗi lần... “đều thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai” nếu nhìn lâu hơn “người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm tranh”. Cái màu hồng hồng của

<p>NMC muốn phát biểu điều gì về mqh giữa n thuật và cuộc đời?</p> <p>v: nêu những nét tiêu biểu về nt và nội dung của tác phẩm?</p> <p>Hs trả lời</p> <p>Gv: vẽ đẹp của ngòi bút NMC là vẽ đẹp toát ra từ ty tha thiết đối với con người. Ty ấy bao hàm cả khát vọng tìm kiếm, phát hiện, tôn vinh những vẻ đẹp con người còn tiềm ẩn.</p>	<p>ánh sương mai là chất thơ của cuộc sống, là vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, là biểu tượng của nghệ thuật. Còn hình ảnh “người đàn bà” bước ra từ bức tranh là hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường. Nó là sự thật cuộc đời đằng sau bức tranh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời. Nghệ thuật là chính cuộc đời và phải luôn luôn vì cuộc đời. <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ người kể chuyện: thể hiện qua nvật Phùng, sự hoá thân của tác giả → lời kể trở nên khách quan, chân thật, giàu sức thuyết phục, tạo ra điểm nhìn sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống. - Ngôn ngữ nhân vật phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người. - Tình huống truyện có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống. Phùng đến vùng biển để chụp một tấm ảnh về cảnh biển buổi sớm có sương: chiếc thuyền ngoài xa đang ẩn hiện trong làn sương sớm. Qua tình huống này, người nghệ sĩ không chỉ phát hiện ra những chân lí của nt mà anh còn khám phá ra nhiều điều bí ẩn của cuộc sống và con người. Anh đã hiểu hơn cuộc sống của người dân lao động vùng biển và về bản thân. - Xây dựng cốt truyện. - Khắc hoạ nhân vật. <p>2, Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện về một bức ảnh nt và sự thực cuộc đời đằng sau bức ảnh. - Bài học về cách nhìn nhận cuộc sống và con người: một cách nhìn đa diện nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thực sau vẻ đẹp bên ngoài của đối tượng.
---	---

*** Củng cố, luyện tập:**

-Củng cố:

Qua bài học anh (chị) có suy nghĩ gì về các nhân vật trong truyện và thông điệp của nhà văn?

- Luyện tập:

Nhân vật nào trong truyện để lại ấn tượng cho anh (chị) nhất, vì sao?

***Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

Bài cũ:

Nắm được câu chuyện của người đàn bà và đặc điểm tính cách các nhân vật.

Bài mới:

Tìm hiểu thêm về Chiếc thuyền ngoài xa

Tuần 22

Ngày dạy

Tiết 65b: Đọc hiểu thêm về
CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA
-Nguyễn Minh Châu-

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

- Những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện; nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời.

- Tình huống truyện độc đáo, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống. Điểm nhìn nghệ thuật đa chiều. Lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba.

b, Về kỹ năng:

Đọc- hiểu truyện ngắn hiện đại.

c, Về thái độ:

Biết nhìn nhận, đánh giá cuộc đời, con người một cách toàn diện và có chiều sâu.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv, chuẩn kiến thức- kỹ năng.

- Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, giảng bình, thuyết trình, vấn đáp...

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

Chuẩn bị bài ở nhà.

3, Tiến trình bài dạy:

*** Ôn định lớp:**

a, Kiểm tra bài cũ: không

*** Đặt vấn đề vào bài mới:**

Nguyễn Minh Châu là nhà văn tiên phong của thời kì đổi mới. “Ông thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay” (Nguyễn

Ngọc). Ông luôn khao khát đi tìm hạt ngọc ẩn sâu trong tâm hồn mỗi con người. Nguyễn Minh Châu cũng là nhà văn kế thừa tư tưởng nhân đạo sâu sắc mới mẻ của Nam Cao về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời. Điều đó được thể hiện rõ nhất qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa. Hôm nay cô và các em sẽ tìm hiểu tác phẩm này.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Lập dàn ý phân tích hình tượng nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu</p> <p>Gv yêu cầu hs lập dàn ý, gọi 2 hs trình bày</p> <p>Gv gọi hs khác bổ sung, sau đó gv chốt ý</p>	<p>1. Phân tích hình ảnh người đàn bà trong Chiếc thuyền ngoài xa</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác phẩm” Chiếc thuyền ngoài xa” (HCST, ND, NT) - Giới thiệu về nhân vật người đàn bà. <p>b. Thân bài</p> <p>*Ngoại hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao lớn, thô kệch. Mặt rỗ, tái mét vì mệt mỏi. Dáng đi chậm chạp như bà già. - Tấm lưng áo bạc phếch, rách rưới <p>Từ những nét ngoại hình được khắc hoạ, hình ảnh người đàn bà hiện lên với ấn tượng của sự vất vả, lam lũ và nghèo khổ</p> <p>*.Hành động và thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi bị chồng đánh đập tàn nhẫn: chị vẫn cam chịu, nhẫn nhục, không có một phản kháng nào: không kêu, không chống trả, không chạy trốn. - Khi đưa con trai xuất hiện: <ul style="list-style-type: none"> Chị cảm thấy xấu hổ nhục nhã, đau đớn vì con mình chứng kiến cảnh ấy. Ôm chầm lấy con, chị thương con vì bị bố đánh. Chấp tay vái lấy vái để nó, tức là xin nó đừng làm gì đó trái với đạo lí. <p>Người đàn bà ấy là người bất hạnh nhưng ở chị toát lên vẻ đẹp của lòng vị tha giàu đức hi sinh. Hình ảnh người đàn bà vùng chài này đáng được thương và đáng được trân trọng.</p> <p>\$.pageOut \$.pageIn</p> <ul style="list-style-type: none"> - .Khi gặp Chánh Án Đẩu: <ul style="list-style-type: none"> Thái độ:

+ Lúc đầu khi đến sợ sệt run rẩy tìm một góc để ngồi, Đó là cái run rẩy thường dân cả đời mới tiếp xúc với quan toà, công đường.

+ Xung hô: quý toà-con tự nhận mình là thân phận thấp hèn.

+ Khi Đẩu khuyên chị “cả nước này không có người đàn ông nào vũ phu như hần, chị không sống được với lão ta đâu”, ý của Đẩu khuyên chị ta hãy từ bỏ người chồng vũ phu ấy. Nhưng người đàn bà phản ứng mãnh liệt: “con lạy quý toà...nhưng xin đừng bắt con bỏ nó”.

=> Thái độ của người đàn bà trái với lẽ thường, điều mà Đẩu khuyên người đàn bà rất hợp lí và có lẽ ai cũng nghĩ rằng đó là giải pháp tốt nhất giải thoát cho người đàn bà trong hoàn cảnh ấy, giải thoát khỏi người chồng vũ phu. Vì thế sau câu nói của người đàn bà Phùng cảm thấy căn phòng lồng lộng gió biển bỗng nhiên bị hút hết không khí ngột ngạt quá chừng.

Sau đó thay đổi cách xung hô: chị và các chú , dường như chị đã thoát ra được nỗi lo lắng sợ hãi, lúc này thái độ không còn run rẩy nữa mà tự tin hơn. Chị cảm ơn Phùng, Đẩu về lời khuyên ấy và khẳng định “ Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn...cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...”-> người phụ nữ rất hiểu lẽ đời.

Chị kể về cuộc đời mình: là cuộc đời bất hạnh, là một người đàn bà xấu (căn bệnh đậu mùa đã để lại những di chứng không bao giờ xoá được trên khuôn mặt của người đàn bà ấy)

Lấy chồng người hàng chài, sinh nhiều con, nghèo lại càng nghèo hơn.

Bị chồng đánh đập hành hạ tàn nhẫn.

Mỗi khi lão ấy buồn hay bực tức là đem chị ra đánh.

Chị hiểu và cảm thông cho hành động vũ phu ấy của chồng. Chị nghĩ rằng tất cả chỉ vì đói nghèo mà ra. Và nguyên nhân cũng do chính mình tạo ra.

Là một người phụ nữ rất yêu thương chồng con vì thế chị xin chồng đưa mình lên bờ để đánh nhằm tránh làm tổn thương các con.

Chị đưa thằng Phác lên bờ vì không muốn nó chứng kiến cảnh bạo lực và hơn hết chị không muốn nó vì thương mình mà trở thành đứa con bất hiếu với cha, làm trái với luân thường đạo lý.

Chị quan niệm: người đàn bà sống trên thuyền là sống vì con chứ không vì mình và điều hạnh phúc nhất của chị là khi nhìn thấy đàn con ăn no.

Nguyên nhân của sự chịu đựng và nhẫn nhục ấy là bởi vì chị cần phải có chồng, trên thuyền cần phải có người đàn ông mạnh khỏe và biết nghề. Hơn nữa các con chị cần phải có bố để nuôi và dạy chúng nó. Cần có chỗ dựa vững chắc trong cuộc sống mưu sinh vất vả, chị hiểu nỗi khốn khổ bế tắc của chồng. Vì vậy chị luôn nhẫn nhục cam chịu sẵn sàng hi sinh bản thân mình vì chồng con. Nhưng dù sao trong cuộc sống triền miên khổ đau ấy, người đàn bà vẫn chất lọc được những niềm hạnh phúc nhỏ nhoi. Có lẽ đó cũng là một lí do để chị sống.

Câu chuyện của người đàn bà khiến cho Phùng và Đẩu ngạc nhiên sững sờ không hiểu tại sao người phụ nữ ấy lại có sức cam chịu đến như thế. Và rồi khi đã hiểu ra họ cảm phục và trân trọng tấm lòng vị tha đức hi sinh cao cả của người phụ nữ hàng chài.

<p>Lập dàn ý phân tích hình tượng nhân vật người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu</p> <p>Gv yêu cầu hs lập dàn ý, gọi 2 hs trình bày</p> <p>Gv gọi hs khác bổ sung, sau đó gv chốt ý</p>	<p>Tóm lại: Qua câu chuyện của người phụ nữ hàng chài nhà văn thể hiện cái nhìn nhân hậu của mình. Ông phát hiện ra rằng đằng sau câu chuyện buồn của gia đình người lao động vùng biển là vẻ đẹp của tình mẫu tử, lòng bao dung và đức hi sinh của người phụ nữ. Đó là hạt ngọc ẩn dấu trong những cái lấm ắp đời thường mà ông nâng niu trân trọng.</p> <p>Và qua đó ta hiểu được hơn giá trị tốt đẹp của người phụ nữ vùng biển nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.</p> <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nhân vật , nêu những suy nghĩ về ý nghĩa hình tượng nhân vật. - Đánh giá cách xây dựng nhân vật của Nguyễn Minh Châu. <p>2. Phân tích nhân vật họa sĩ Phùng</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu tác phẩm - Giới thiệu nhân vật Phùng trước kia là một người lính, đã từng vào sinh ra tử. - Phùng được trường phòng giao nhiệm vụ đi chụp một tấm ảnh để làm lịch. Và Phùng quyết định về vùng biển cách Hà Nội 600 km. <p>b. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phùng - một trái tim nghệ sĩ thăng hoa trước cái đẹp. - Anh đã sẵn tìm ảnh nghệ thuật về cảnh biển. Anh đã “phục kích” mát mấy buổi sang và cả tuần lễ suy nghĩ và tìm kiếm. Và cuối anh mới tìm được một cảnh ưng ý. - Một khoảnh khắc khám phá phát hiện ra cái đẹp của thiên nhiên tạo vật- con người: xúc động, ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi của chiếc thuyền lúc bình minh. một khám phá chân lí của nghệ thuật đích thực. một vẻ đẹp toàn bích của tạo vật.
---	--

“... Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào.”

- Phùng chứng kiến cảnh lão đàn ông vũ phu trên chiếc thuyền chài đánh vợ một cách tàn bạo. Người vợ thì nhẫn nhục chịu đựng. Phùng “kinh ngạc”, “há mồm ra mà nhìn” và anh đã “vứt chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới”. Trước khi là trái tim nghệ sĩ, Phùng có một trái tim con người. Phản xạ của anh trước sự kiện trên là phản xạ tự nhiên của con người có bản chất thiên lương, tốt đẹp: căm ghét cái xấu, sự bất công, bảo vệ kẻ yếu.

- Với trái tim nghệ sĩ, Phùng đã thức tỉnh. Chiếc thuyền nghệ thuật thì ở ngoài xa, một khoảng cách đủ để tạo nên vẻ đẹp huyền ảo, nhưng sự thật cuộc đời thì lại rất gần. Đừng vì nghệ thuật mà quên cuộc đời, đừng mượn danh nghệ thuật mà vô trách nhiệm với cuộc đời. Bởi lẽ nghệ thuật chân chính là cuộc đời và vì cuộc đời. Trước khi là một nghệ sĩ biết rung động trước cái đẹp, hãy là một con người biết yêu ghét, vui buồn trước mọi lẽ đời thường tình, biết hành động để có một cuộc sống xứng đáng với một con người.

- Phùng chứng kiến cảnh chị em thằng Phác phản ứng trước hành động vũ phu tàn bạo của cha đối với mẹ. Phùng cũng đã chứng kiến câu chuyện người đàn bà kia ở toà án huyện.

Nhận thức về cuộc đời, về nghệ thuật của Phùng sau chuyến đi đã có sự thay đổi ở

<p>Trình bày ý nghĩa nhan đề tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa”:</p> <p>Gv lần lượt gọi hs trình bày sau đó gv chốt ý</p>	<p>mỗi người trong cõi đời. Nhất là người nghệ sĩ không thể đơn giản và dễ dãi khi nhìn nhận mọi vấn đề trong cuộc sống và nhìn nhận con người.</p> <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát những nét chính về nhân vật, nêu ý nghĩa hình tượng nhân vật Phùng. - Đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của NMC. <p>2. Câu 2</p> <p>a. Nghĩa tả thực: chiếc thuyền là biểu tượng của bức tranh thiên nhiên đẹp và cuộc sống sinh hoạt của người dân làng chài “Trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ.”</p> <p>b. Nghĩa biểu tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một ẩn dụ về mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật. Đó là chiếc thuyền có thật trong cuộc đời, là không gian sinh sống của gia đình người hàng chài. Cuộc sống gia đình; đông con, khó kiếm ăn, cuộc sống túng quẫn là nguyên nhân làm cho người chồng trở nên cục cằn, thô lỗ và biến vợ thành đối tượng của những trận đòn. Những cảnh tượng đó, những thân phận đó nếu nhìn từ xa, ở ngoài xa thì sẽ không thấy được. - Vì ngoài xa nên con thuyền mới cô
---	--

	<p>đơn. Đó là sự đơn độc của con thuyền nghệ thuật trên đại dương cuộc sống, đơn độc của con người trong cuộc đời. Chính sự thiếu gần gũi, sẻ chia ấy là nguyên nhân của sự bế tắc và lầm lạc. Phùng đã chụp được chiếc thuyền ngoài xa trong sương sớm – một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích, một chân lí của sự toàn diện. Nhưng khi chiếc thuyền đâm thẳng vào bờ, chúng kiến cảnh đánh đập vợ của người đàn ông kia, anh đã kinh ngạc và vứt chiếc máy ảnh xuống đất. Anh nhận ra rằng, vẻ đẹp ở ngoài xa kia cũng ẩn chứa nhiều oái oăm, ngang trái và nghịch lí. Nếu không đến gần thì chẳng bao giờ anh nhận ra. Xa và gần, bên ngoài và sâu thẳm... đó cũng là cách nhìn, cách tiếp cận của nghệ thuật chân chính.</p> <p>Ý nghĩa văn bản : CTNX thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời : nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời ; nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.</p>
--	---

c. Củng cố và luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Lập dàn ý phân tích nhân vật người chồng trong tác phẩm

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học: nhân vật nghệ sĩ Phùng; tình huống và nhan đề truyện

-Bài mới

Tìm hiểu Mùa lá rụng trong vườn.

Tuần 22

Ngày dạy

Tiết 66

Đọc thêm: **MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN**
(Trích-Ma Văn Kháng)

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- Không khí ngày Tết cổ truyền trong gia đình ông Bằng
- Những nét tính cách đối lập
- Nghệ thuật kể chuyện thể hiện tâm lí nhân vật

b. Về kĩ năng

Đọc hiểu tiểu thuyết theo đặc trưng thể loại

c. Về thái độ

- Trân trọng những giá trị của văn hóa truyền thống.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-Phương tiện dạy học

SGK, giáo án, bài giảng điện tử, tư liệu có liên quan, máy tính, máy chiếu...

-Phương pháp:HS đọc và tóm tắt truyện, trả lời những câu hỏi phần Hướng dẫn học bài (ở nhà).

GV hướng dẫn HS đi thư viện tìm hiểu thêm về nhà văn Ma Văn Kháng và tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*

b. Chuẩn bị của hs

-Sgk, vở soạn vở ghi

-Các tài liệu khác

3. Tiến trình bài học

Ôn định lớp; Kiểm tra sĩ số

a. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra việc chuẩn bị bài mới của HS.

***Lời vào bài:** Nền kinh tế thị trường từng bước đã tác động tới đời sống và tâm lí con người. Nhiều giá trị văn hóa cổ truyền đã từng bước bị mất đi. Vậy mà vẫn còn có rất nhiều những con người vẫn giữ được những nét đẹp đáng quý của cha ông. Đó là nội dung của nội dung đoạn trích Mùa lá rụng trong vườn.

b. Giảng bài mới:

Hồ của gv và hs	Nội dung cần đạt
* Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm - Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả - Ma Văn Kháng, tên khai sinh là Đinh

<p>+ GV: Yêu cầu HS đọc SGK, tóm tắt nét chính về tác giả. + HS: Nêu những nét chính về tác giả. + GV: Cung cấp thêm một số kiến thức về nhà văn.</p> <p>- Thao tác 2: Tìm hiểu về Tiểu thuyết “Mùa lá rụng trong vườn”. + GV: Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm “Mùa lá rụng trong vườn”. + HS: Nêu những nét chính về tác phẩm. + GV: Cung cấp thêm một số kiến thức về tác phẩm</p> <p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu giá trị của đoạn trích - Thao tác 1: Tìm hiểu nhân vật chị Hoài. + GV tổ chức cho HS đọc, tóm tắt tác phẩm. + GV: Anh (chị) có ấn tượng gì về nhân vật chị Hoài? Vì sao mọi người trong gia đình đều yêu quý chị? + HS làm việc cá nhân, trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.</p>	<p>Trọng Đoàn, sinh năm 1936. - Quê gốc ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. - Là người có nhiều đóng góp tích cực cho sự vận động và phát triển nhiều mặt của văn học nghệ thuật. - Ông được tặng giải thưởng văn học ASEAN năm 1998 và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. - Tác phẩm chính (SGK) - Nét đặc sắc trong sáng tác: + Vốn sống phong phú, đa dạng + Tạo được nhiều hình tượng độc đáo, giàu cá tính.</p> <p>2. Tác phẩm: - Tiểu thuyết được tặng giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1986. - Thông qua câu chuyện xảy ra trong gia đình ông Bằng, một gia đình nề nếp, luôn giữ gia pháp nay trở nên chao đảo trước những cơn địa chấn tinh thần từ bên ngoài, nhà văn bày tỏ niềm lo lắng sâu sắc cho giá trị truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc . - Đoạn trích rút từ chương 2.</p> <p>II. Hướng dẫn đọc thêm: 1. Nhân vật chị Hoài: - Dù hiện tại đã có gia đình riêng, có một số phận khác, ít còn liên quan đến gia đình người chồng đầu tiên đã hi sinh, nhưng chị vẫn quan tâm đến những biến động của họ. → Tình nghĩa, thủy chung. - Mọi người trong gia đình đều yêu quý chị Hoài: + Chị có một tấm lòng nhân hậu: đột ngột trở về sum họp cùng gia đình người chồng cũ trong buổi chiều cuối năm, những món quà quê giản dị của chị chứa đựng những tình cảm chân thành.</p>
--	--

+ GV: Chốt lại các ý chính.

- **Thao tác 2:** GV tổ chức cho HS tìm hiểu cảnh sum họp gia đình trước giờ cúng tất niên bằng các câu hỏi.

+ GV: Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật ông Bằng trong cảnh gặp lại trước giờ cúng tất niên.

+ HS làm việc cá nhân, trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.

+ GV: Chốt lại các ý chính.

+ GV: Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật chị Hoài trong cảnh gặp người bố chồng cũ.

+ HS làm việc cá nhân, trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.

+ GV: Chốt lại các ý chính.

- **Thao tác 3:** Tìm hiểu ý nghĩa của việc cúng tổ tiên trong ngày tết.

Quan tâm cụ thể, mộc mạc và nồng hậu tất cả thành viên trong gia đình bố chồng.

+ Chị trở lại khi gia đình ấy có những thay đổi không vui, rạn vỡ trong quan hệ do biến động xã hội.

→ Sự có mặt của chị gắn kết mọi người, đánh thức tình cảm thiêng liêng về gia tộc, khiến cho bữa cơm tất niên “sang trọng và hân hoan khác thường” trong thời buổi khó khăn.

2. Diễn biến tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại:

- Ông Bằng:

+ “nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên”,

+ “ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngỡ ngàng. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông bật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khóc oà”,

+ “giọng ông bỗng khê đặc, khàn rè: Hoài đây ư, con? “.

→ Nổi vui mừng, xúc động không dấu giếm của ông khi gặp lại người đã từng là con dâu trưởng mà ông rất mực quý mến.

- Chị Hoài:

+ “gần như không chủ động được mình, lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản... kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa”.

+ Tiếng gọi của chị nghẹn ngào trong tiếng nấc “ông!”

→ Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương đau buồn, lo lắng trước những biến động không vui của gia đình.

→ Sự có mặt của chị Hoài khiến nỗi cô đơn của ông Bằng được giải tỏa, như có thêm niềm tin trong cuộc đấu tranh gìn giữ những gì tốt đẹp trong truyền thống gia đình.

3. Ý nghĩa của việc cúng tổ tiên trong

<p>+ GV: Khung cảnh tết và dòng tâm tư cùng với lời khẩn của ông Bằng trước bàn thờ gọi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá riêng của dân tộc ta?</p> <p>+ HS: làm việc cá nhân, trình bày suy nghĩ của mình trước lớp</p> <p>Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết. GV hướng dẫn HS tự viết tổng kết.</p>	<p>ngày tết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi nhớ về cội nguồn, về các giá trị truyền thống của dân tộc. - Phải biết giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp trong quá khứ. “Một dân tộc không có quá khứ là một dân tộc bất hạnh”. <p>III. TỔNG KẾT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giá trị nội dung tư tưởng. 2. Giá trị nghệ thuật.
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

-Củng cố

Nhân vật chị Hoài để lại cho em những suy nghĩ gì?

Tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài như thế nào trong cảnh gặp lại?

-Luyện tập:

Trả lời câu hỏi sau phần luyện tập

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ:

Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm.

Xem lại các nội dung đã tìm hiểu.

-Bài mới: Tìm hiểu Một người Hà Nội.

Tuần 23

Ngày dạy

Tiết 67: Đọc thêm:
MỘT NGÔI HÀ NỘI

-Nguyễn Khải-

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

Giúp HS:

- Hiểu được nếp sống văn hoá và phẩm chất tốt đẹp của người Hà Nội qua nhân vật bà Hiền

-Niềm tin vào con người và mảnh đất Hà Nội

-Nghệ thuật lựa chọn tình tiết xây dựng tính cách nhân vật giọng văn đậm chất triết lí

b. Về kĩ năng

Đọc hiểu truyện ngắn theo đặc trưng thể loại

c.Về thái độ

Trân trọng, giữ gìn và phát huy nét đẹp của người HN nói riêng, người VN nói chung

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-Phương tiện thực hiện :SGK, SGV, Tài liệu tham khảo...

- Phương pháp :HS đọc và tóm tắt truyện, trả lời những câu hỏi phần Hướng dẫn học bài (ở nhà). GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm về nhà văn Nguyễn Khải và truyện ngắn *Một người Hà Nội*

b. Chuẩn bị của hs.

-Sgk, vở soạn vở ghi

-Các tài liệu khác

3. Tiến trình bài học

Ổn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi

+ Nhân vật chị Hoài để lại cho em những suy nghĩ gì?

+ Tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài như thế nào trong cảnh gặp lại?

+ Kiểm tra việc chuẩn bị bài mới của HS.

Đáp án: Tình nghĩa thủy chung, có tấm lòng nhân hậu, trái tim giàu tình yêu thương; chị Hoài và ông Bằng xúc động nghẹn ngào, rung rung một nỗi niềm khó tả.

b. Giảng bài mới:

Hồ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>* Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung</p> <p>- Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung về tác giả.</p> <p>+ GV: Yêu cầu HS đọc phần <i>Tiểu dẫn</i> và tóm tắt tiểu sử, quá trình sáng tác cùng các đề tài chính của Nguyễn Khải.</p> <p>+ HS: Đọc <i>Tiểu dẫn</i> và nêu những nét chính về tác giả.</p> <p>+ GV gợi dẫn: chú ý các giai đoạn sáng tác, tác phẩm chính.</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Nguyễn Khải (1930-2008), tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh tại Hà Nội nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi.</p> <p>- Trước cách mạng, sáng tác của Nguyễn Khải tập trung về đời sống nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới:</p> <ul style="list-style-type: none">+ <i>Mùa lạc</i> (1960),+ <i>Một chặng đường</i> (1962),+ <i>Tầm nhìn xa</i> (1963),+ <i>Chủ tịch huyện</i> (1972).... <p>- Sau năm 1975, sáng tác của ông đề cập đến nhiều vấn đề xã hội - chính trị có tính thời sự và đặc biệt quan tâm đến tính cách, tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống:</p> <ul style="list-style-type: none">+ <i>Cha và con, và</i> (1970),+ <i>Gặp gỡ cuối năm</i> (1982)... <p>2. Tác phẩm:</p>

- **Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu chung về tác phẩm.**

+ **GV:** Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm *Một người Hà Nội* qua phầ Tiểu dẫn.

+ **HS:** Đọc Tiểu dẫn và nêu những nét chính về tác phẩm.

* **Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc - hiểu văn bản**

1. GV tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận, phát biểu nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh các vấn đề sau:

a) Tính cách cô Hiền- nhân vật trung tâm của truyện, đặc biệt là suy nghĩ, cách ứng xử của cô trong từng thời đoạn của đất nước.

- *Một người Hà Nội* in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Khải (1990).

- Truyện đã thể hiện những khám phá, phát hiện của Nguyễn Khải về vẻ đẹp trong chiều sâu tâm hồn, tính cách con người Việt Nam qua bao biến động thăng trầm của đất nước.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM:

1. Nhân vật cô Hiền:

a) *Tính cách, phẩm chất:*

- Cô sống thẳng thắn, không giấu giếm quan điểm, thái độ với mọi hiện tượng xung quanh.

+ Việc hôn nhân: thời còn trẻ, cô giao thiệp với nhiều loại người, nhưng cô chọn chồng “là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ”

+ Việc sinh con: Sinh năm đứa con, đến con gái út, cô quyết định “chấm dứt chuyện sinh đẻ để sau này có thể lo cho các con chu đáo.

+ Việc dạy con: Cô dạy cho con cháu cách sống làm người Hà Nội lịch sự, tế nhị, hào hoa, biết giữ gìn phẩm chất, giá trị của người Hà Nội.

+ Chiêm nghiệm lẽ đời: Trước niềm vui thắng lợi, cô Hiền nhận xét “vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều”, “chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá”

+ Cô hoà mình cùng dân tộc, cùng đất nước: Cô chỉ làm những việc gì có lợi cho đất nước, cho lí tưởng xã hội. Cô mở cửa hàng lưu niệm và tự mình làm ra sản phẩm. Không đồng ý việc mua máy in và thợ làm vì muốn thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ.

+ Cô luôn đề cao lòng tự trọng: Kháng chiến chống Mĩ cứu nước: Cô vô cùng thương xót, lo lắng cho con nhưng sẵn sàng cho con ra trận như những bà mẹ,

<p>b) Vì sao tác giả cho cô Hiền là “một hạt bụi vàng” của Hà Nội?</p> <p><i>* GV mở rộng</i></p> <p>2. GV tổ chức các nhóm học tập, giao việc cho mỗi nhóm tìm hiểu về một nhân vật trong tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật “tôi”. - Nhân vật Dũng- con trai cô Hiền. - Những thanh niên Hà Nội và cả những người đã tạo nên “nhận xét không mấy vui vẻ” của nhân vật “tôi” về Hà Nội. <p>Các nhóm cử đại diện lên trình bày</p>	<p>thanh niên Việt Nam khác: “<i>Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng</i>”...</p> <p>+ Sau chiến thắng mùa xuân 1975, đất nước trong thời kì đổi mới, giữa không khí xô bồ của thời kinh tế thị trường, cô Hiền vẫn là “<i>một người Hà nội của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn</i>”.</p> <p>b) Cô Hiền- “<i>một hạt bụi vàng của Hà Nội</i>”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói đến hạt bụi, người ta nghĩ đến vật nhỏ bé, tầm thường. Nhưng là hạt bụi vàng thì dù nhỏ bé nhưng có giá trị quý báu. Cô Hiền là một người Hà Nội bình thường nhưng cô thấm sâu những cái tinh hoa trong bản chất người Hà Nội. - Bao nhiêu hạt bụi vàng, bao nhiêu người như cô Hiền sẽ hợp lại thành những “<i>áng vàng</i>” chói sáng. <i>Áng vàng</i> ấy là phẩm giá người Hà Nội, là cái truyền thống cốt cách người Hà Nội. <p>2. Các nhân vật khác trong truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhân vật Dũng- con trai đầu của cô Hiền:</i> + Anh đã sống đúng với những lời mẹ dạy về cách sống của người Hà Nội. Anh cùng với 660 thanh niên ưu tú của Hà Nội lên đường hiến dâng tuổi xuân của mình cho đất nước. + Dũng, Tuất và tất cả những chàng trai Hà Nội ấy đã góp phần tô thắm thêm cốt cách tinh thần người Hà Nội. - Bên cạnh đó, còn có những người tạo nên “<i>nhận xét không mấy vui vẻ</i>” của nhân vật “tôi” về Hà Nội. + Đó là “<i>ông bạn trẻ đạp xe như gió</i>” đã làm xe người ta suýt đổ lại còn phóng xe vượt qua rồi quay mặt lại chửi “<i>Tiên sư cái anh già</i>”...,
--	--

<p>3. HS thảo luận về chuyện cây si cỏ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh.</p> <p>4. GV gợi ý để HS nhận xét về giọng điệu trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Khải trong tác phẩm.</p>	<p>+ là những người mà nhân vật tôi quên đường phải hỏi thăm...</p> <p>→ Đó là những “hạt sạn”, làm mờ đi nét đẹp tế nhị, thanh lịch của người Tràng An. Cuộc sống của người Hà Nội nay cần phải làm nhiều điếm để giữ gìn và phát huy cái đẹp trong tính cách người Hà Nội.</p> <p>3. Ý nghĩa của câu chuyện "cây si cỏ thụ":</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh cây si cỏ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh → nói lên qui luật khắc nghiệt của tự nhiên, cũng là quy luật vận động của xã hội. - Cây si là một hình ảnh ẩn dụ về vẻ đẹp của Hà Nội: Hà Nội đẹp đẽ, thanh bình, trải qua nhiều biến cố dữ dội trong lịch sử nhưng vẫn là một Hà Nội với truyền thống văn hoá đã được nuôi dưỡng và mãi trường tồn. <p>4. Giọng điệu trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật:</p> <p><i>a. Giọng điệu trần thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một giọng điệu rất trải đời, vừa tự nhiên, dân dã vừa trĩu nặng suy tư, vừa giàu chất khái quát, triết lí, vừa đậm tính đa thanh. + Cái tự nhiên, dân dã khi kể lại những gì mình đã chứng kiến, đã trải qua tạo nên phong vị hài hước trong giọng kể của nhân vật “tôi”; + tính chất đa thanh thể hiện trong lời kể: nhiều giọng (tự tin xen lẫn hoài nghi, tự hào xen lẫn tự trào...) - Giọng điệu trần thuật đã làm cho truyện ngắn đậm đặc chất tự sự rất đời thường mà hiện đại. <p><i>b. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tình huống gặp gỡ giữa nhân vật “tôi” và các nhân vật khác.
---	---

<p>* Hoạt động 3: Tổ chức tổng kết</p> <p>GV hướng dẫn HS tự viết tổng kết.</p>	<p>- Ngôn ngữ nhân vật góp phần khắc họa tính cách từng người: + ngôn ngữ nhân vật “tôi”: đậm vẻ suy tư, chiêm nghiệm, lại pha chút hài hước, tự trào; + ngôn ngữ của cô Hiền ngắn gọn, rõ ràng, dứt khoát ... + Dũng: đã từng vào sinh ra tử nên có những lời thật xót xa.</p> <p>III. TỔNG KẾT:</p>
--	---

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố:

- + Nhân vật cô Hiền được thể hiện với những nét tính cách gì?
- + Vì sao tác giả lại ví cô Hiền như “*hạt bụi vàng*” của Hà Nội?
- + Nhận xét về giọng kể của tác giả?

-Luyện tập

Lập dàn ý phân tích nhân vật cô Hiền trong tác phẩm

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm.
Xem lại các nội dung đã tìm hiểu.

-Bài mới

Trả bài làm văn số 4

Tuần 23 Ngày dạy

Tiết 68: Làm văn
TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 4

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- HS nắm được những kiến thức cơ bản một cách hệ thống về hoàn cảnh sáng tác, nhan đề, tình huống truyện của tác phẩm
- Nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự trong học kì II

b. Về kĩ năng:

- Rèn luyện năng lực phân tích cảm thụ văn học theo từng cấp độ: sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ,...

c. Về thái độ

Học sinh có ý thức nghiêm túc và cố gắng hết mình để làm bài kiểm tra đạt kết quả cao.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- **Phương tiện:** sgk, giáo án, bài kiểm tra, thiết kế, các tài liệu tham khảo khác
- **Phương pháp:** gv chữa đề đề cho hs; hướng dẫn các em chữa vào vở

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học:

* Ôn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ : không

*Đặt vấn đề vào bài mới:

Các em đã viết bài làm văn số 4. Hôm nay cô sẽ trả bài viết cho các em. Các em xem lại bài viết của mình và rút kinh nghiệm để bài viết sau đạt kết quả cao hơn

b. Bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt				
Gv thiết lập ma trận đề	I, Nội dung đề kiểm tra				
	1, Ma trận đề				
	Mức độ Chủ đề 1, Văn học Văn học Việt Nam	Nhận biết Trình bày hiểu biết của em về nhan đề Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao
	1 2				2điểm=20%

	2, Làm văn Nghị luận về một vấn đề xã hội và văn học			Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí	Phân tích nhân vật Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ trong Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài	
				1 3	1 5	8điểm=80%
	Tổng số câu Tổng số điểm	1 2 20%		1 3 30%	1 5 50%	10điểm 100%
Gv chép đề bài lên bảng	<p>2, Nội dung đề</p> <p>Câu 1 (2 điểm) Giải thích ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân</p> <p>Câu 2 (3điểm) Viết bài văn ngắn khoảng 400 từ trình bày suy nghĩ của anh chị về vai trò của nhà trường trong việc truyền thụ kiến thức văn hóa cho học sinh.</p>					

<p>Gv nêu đáp án, hs chép đáp án vào vở</p>	<p>Câu 3 (5điểm) Phân tích nhân vật Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.</p> <p>II, Đáp án</p> <p>Câu 1 (2 điểm) Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giải thích: nhật gắn liền với những đồ vật thường không có giá trị, ở bất cứ đâu, khi nào (0,5 điểm). -Vợ nhật thấu tình cảnh thảm thương khôn cùng của người nông dân trong nạn đói 1945 (0,5 điểm). -Nhan đề thể hiện sự cứu mang đùm bọc đầy tình người của những con người nghèo khổ (0,5 điểm). -Nhan đề mới lạ hấp dẫn, nghịch cảnh éo le buồn vui lẫn lộn cười ra nước mắt (0,5 điểm) <p>Câu 2 (3điểm) Hs nêu được các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm) -Nhà trường là nơi giáo dục toàn diện trong đó có nhiệm vụ truyền thụ kiến thức văn hóa cho học sinh (0,5 điểm). -Nhà trường có vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, truyền thụ cho học sinh những kiến thức về khoa học tự nhiên , xã hội, khơi dậy lòng ham hiểu biết (0,5 điểm). -Từ việc nhận thức được vai trò của nhà trường học sinh có tình cảm gắn bó với mái trường tự giác trau dồi tri thức. Trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hs cần có ý thức chủ động tích cực sáng tạo(0,5 điểm) -Phê phán hiện tượng một số hs coi nhà trường là chốn vui chơi, cho rằng không cần nhà trường vẫn tiếp thu kiến thức được(0,5 điểm) -Bài học nhận thức(0,5 điểm) <p>3. Câu 3(5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu vấn đề cần nghị luận(0,5 điểm) - Hoàn cảnh: A Phủ làm mất bò, bị trói vào cột. Mị có thói quen sưởi lửa trong đêm.(0,5 điểm) - Trước lúc cắt dây: 1 điểm
---	--

+ Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói: thản nhiên, lạnh lùng. Đó là thói quen vô cảm.

+ Khi thấy dòng nước mắt: Ở Mị có sự chuyển biến mạnh mẽ trong suy nghĩ, tình cảm và hành động: Mị nhớ lại mình, nhớ nỗi khổ bị trói xưa. Lần đầu tiên, nhìn vào mình, vào A Phủ, vào người đàn bà ngày trước bị trói đến chết trên cột, Mị nhận ra và kết tội cha con thống lí: *chúng nó thật độc ác*. Từ xót thương Nhưng cứu A Phủ thì Mị sẽ phải chết thay. Mị đấu tranh với bản thân (dẫn chứng). Nếu phải chết thay cho A Phủ, *Mị cũng không thấy sợ*. Vì Mị nghĩ đằng nào mình cũng chết (dẫn chứng).

=> Ý thức căm thù và lòng nhân ái đã khiến Mị cắt dây trói cứu A Phủ.

- Sau khi cắt dây: 1 điểm

+ Con hót hoảng tưởng đã tan đi đột nhiên ập trở lại. Cái chết đến rất gần khiến Mị sợ hãi và cứng rắn trở lại (*A Phủ cho tôi theo với! Ở đây thì chết mất!*). Lòng ham sống trong Mị trỗi dậy mạnh mẽ hơn lúc nào hết.

+ Những bước chân trốn chạy khỏi cái chết của A Phủ đã đánh thức Mị, giúp Mị nhận ra một con đường sống mà Mị chưa từng biết: chạy trốn để tự giải thoát khỏi đày đọa.

+ Hành động này là kết quả tất yếu, phù hợp với tính cách và hoàn cảnh của Mị. Chính khát vọng sống tiềm tàng là nguyên nhân cơ bản nhất giúp Mị tự giải phóng đời mình.

- ND: Phát hiện, khẳng định, thể hiện niềm tin vào sức sống của người dân miền núi trước cách mạng.(0,5 điểm)

- NT: Miêu tả diễn biến tâm lí sinh động, tinh tế; cách

<p>Gv nhận xét bài làm của hs</p>	<p>kể hấp dẫn.(1 điểm)</p> <p>minh, Mị đồng cảm với người cùng cảnh ngộ.</p> <p>- Khẳng định: Dù cuộc sống khổ nhục nhưng ở Mị vẫn tiềm tàng sức sống...Nhân vật Mị hoàn thiện thêm bức tranh về con người Việt Nam trong văn học.Tài năng miêu tả tâm lí, nhân vật của nhà văn.(0,5 điểm)</p>
<p>Gv trả bài cho hs</p>	<p>III, Nhận xét bài làm của hs:</p> <p>1, Ưu điểm:</p> <p>- Đa số các em nắm được nội dung của đề bài; biết phân bố thời gian hợp lí cho các phần.</p> <p>- Bố cục bài văn 3 phần rõ ràng, hợp lí</p> <p>- Một số bài viết trôi chảy, câu văn mượt mà: Nguyễn Ngọc, Công Toàn; Nguyễn Hà</p> <p>2, Hạn chế</p> <p>- Bài viết lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả, câu văn chưa rõ ý</p> <p>- Câu 2 chưa giải thích rõ ràng khái niệm về tư tưởng đạo lí hoặc giải thích còn sơ sài</p> <p>- Câu 3 lủng túng trong việc lựa chọn ý</p> <p>- Nhiều bài chưa làm xong: Nguyễn Phúc, Đỗ Công, Trần Định...</p> <p>IV Trả bài cho hs</p>

c. Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

GV cho HS nhắc lại kiến thức bài kiểm tra

- Luyện tập:

Làm bài kiểm tra vào vở bài tập

d. Hóng dẫn học bài, chuẩn bị bài:

- Học bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài kiểm tra và cách làm bài

- Chuẩn bị bài mới:

Tìm hiểu tác phẩm Thuốc

Tiết 69-70: Văn

THUỐC
-Lỗ Tấn-**1, Mục tiêu bài học:****a, Về kiến thức:**

- Ý nghĩa của hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người.
- Ý nghĩa của hình tượng vòng hoa trên mộ người chiến sĩ cách mạng trên mộ Hạ Du.

b, Về kỹ năng:

Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (văn bản tự sự, truyện dịch).

c, Về thái độ:

Có cái nhìn đúng đắn, trân trọng những tấm gương hi sinh vì đất nước Trung Quốc.

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**a, Chuẩn bị của giáo viên:**

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv; Các tài liệu tham khảo khác.
- Phương pháp: phát vấn, nêu vấn đề, thuyết giảng...

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3, Tiến trình bài dạy:**a, Kiểm tra bài cũ:**

- Câu hỏi:
Nêu tác dụng của hàm ý?
- Đáp án:

Tính hàm súc cho lời nói; hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc đối với người nghe; sự vô can không chịu trách nhiệm của người nói về hàm ý; tính lịch sự và thể diện tốt đẹp trong giao tiếp.

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Lỗ Tấn là một thầy thuốc, một nhà văn vĩ đại của TQ, trong nhiều tác phẩm, ông dùng ngòi bút của mình để phanh phui căn bệnh tinh thần của người dân Trung Hoa và lưu ý mọi người phương thuốc tự cứu chữa. Chủ đề phê phán quốc dân trong các sáng tác của ông trở nên sâu sắc và thấm thía. Truyện ngắn thuốc chứng minh rất rõ điều đó.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
Gv: đọc sgk và cho biết những nét tiêu biểu về tác giả Lỗ Tấn?	I, Khái quát chung 1, Tác giả

Hs đọc, trả lời

- Lỗ Tấn (1881- 1936), tên khai sinh là Chu Thụ Nhân, là nhà văn cm TQ. Bóng dáng ông bao trùm văn đàn TQ thế kỉ XX “trước Lỗ Tấn chưa hề có Lỗ Tấn, sau Lỗ Tấn có vô vàn Lỗ Tấn”.

- Bút danh Lỗ Tấn ghép từ họ mẹ (Lỗ Thụ) và chữ “tấn hành” (đi nhanh lên).

- Ông chọn nghề y để chữa bệnh cho người nghèo, ốm mà không có thuốc, chết vì ngu dốt và mê tín... như cha mình. Ông đổi chí hướng nhân một lần ông xem phim thấy những người TQ... Ông giật mình nhận ra rằng: “chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần. Ông chuyển sang làm văn nghệ.

- Quan điểm sáng tác: dùng ngòi bút để phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa. Ông đã hát cho đồng bào mình nghe bài hát lạc điệu của chính họ, chỉ cho họ thấy những bước đi sai nhịp trên con đường tiến về tương lai. Các tác phẩm của ông đều tập trung phê phán các căn bệnh tinh thần khiến cho quốc dân mê muội tự thoả mãn “ngủ say trong một cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ”. Chủ đề phê phán quốc dân tính trong sáng tác của ông trở nên thâm thúy, sâu sắc.

- Tp chính: AQ chính truyện (kiệt tác vọc TQ và thế giới), tập Gào thét, Bàng hoàng, Truyện cũ viết theo lối mới, hơn chục tạp văn có giá trị phê phán, chiến đấu cao.

2, Truyện ngắn Thuốc

- Viết 1919 lúc cuộc vđ ngũ tứ bùng nổ. Nói về căn bệnh đốn hèn của dt Trung Hoa do nhân dân thì chìm đắm trong mê muội, lạc hậu mà những người cm thì

Gv: trình bày những hiểu biết của anh (chị) về tác phẩm? Hoàn cảnh ra đời tác phẩm?

Hs trình bày

<p>Gv bổ sung chốt ý</p> <p>Gv: gọi hs đọc diễn cảm văn bản, tóm tắt tác phẩm, bố cục? Hs trình bày, tóm tắt, tìm bố cục.</p> <p>Gv: nhan đề truyện gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì? Hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu người mang ý nghĩa gì và có quan hệ ntn với nhan đề truyện?</p> <p>Hs lần lượt trả lời.</p>	<p>hoàn toàn xa lạ với dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện gửi tới một thông điệp “người TQ cần suy nghĩ nghiêm túc về 1 phương thuốc để cứu dân tộc. <p>II, Đọc- hiểu văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Thuyên mắc bệnh lao, mẹ Thuyên đưa tiền cho chồng ra chỗ hành hình người cộng sản mua bánh bao tẩm máu người về chữa bệnh cho con (mua thuốc). - Phần 2: Thuyên ăn bánh bao đẫm máu nhưng vẫn ho. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực, lại 1 cơn ho (uống thuốc). - Phần 3: cuộc bàn luận trong quán trà về thuốc chữa bệnh lao, về tên giặc Hạ du (bàn về thuốc). - Phần 4: nghĩa địa vào dịp tết Thanh minh. Hai người mẹ trước 2 năm mồ, 1 của người chết bệnh, 1 chết vì nghĩa địa ở 2 khu vực, ngăn cách bởi 1 con đường mòn (hậu quả của thuốc). <p>1, Ý nghĩa nhan đề truyện và chiếc bánh bao tẩm máu người.</p> <p>a, Nhan đề truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc (nguyên văn là dược), phản ánh một quá trình suy tư nặng nề của Lỗ Tấn (động cơ và mở đầu nghề của Lỗ Tấn). Nhận thức rõ thực trạng nhận thức của người dân TQ thời bấy giờ “ngu muội và hèn nhát”, nhà văn không có ý định và cũng không đặt ra vấn đề bốc thuốc cho xã hội mà chỉ muốn “lôi hết bệnh tật của quốc dân, làm cho mọi người chú ý và tìm cách chạy chữa”, tên truyện chỉ có thể là thuốc, vị thuốc chứ không phải là đơn thuốc. - Phương thuốc chữa bệnh lao truyền thống, một phương thuốc u mê, ngu muội giống hệt phương thuốc mà ông
--	--

<p>Gv giảng: nhan đề của truyện luôn gắn liền với hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu người cm, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm: cảnh báo căn bệnh mê muội của người Thoa vào đầu thế kỉ XX và sự cấp thiết phải tìm phương thuốc</p>	<p>thầy lang bốc cho bố Lỗ Tấn bị bệnh phù thũng với 2 vị thuốc “không thể thiếu” là rễ cây nứa kinh sương 3 năm và một đôi đé đủ con đực, con cái dẫn đến cái chết oan uổng của ông cụ.</p> <p>b, Hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa đen của tên truyện là: thuốc chữa bệnh lao, thứ mà ông bà Hoa Thuyên xem là “tiên dược” để cứu mạng thằng con “mười đời độc đinh” đã không cứu được nó mà giết chết nó, đó là thứ thuốc mê tén. - Bố mẹ thằng Thuyên đã áp đặt cho nó một phương thuốc quái gở, cả đám người trong quán cũng cho rằng đó là thứ thuốc tiên. Tên truyện còn có ý nghĩa mang tính khai sáng : đây là thứ thuốc độc, mọi người cần phải giác ngộ ra rằng cái gọi là thuốc chữa bệnh lao được sùng bái là một thứ thuốc độc. Người TQ cần phải tỉnh giác không được ngủ mê trong cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ. - Chiếc bánh bao- liều thuốc độc lại được pha chế bằng máu của người cm- 1 người xả thân vì nghĩa, đổ máu cho sự nghiệp giải phóng nhân dân. Những người dân ấy (bố mẹ thằng Thuyên, ông Ba, Cả Khang...), lại dừng dừng mua máu của người cm để chữa bệnh. Với hiện tượng chiếc bánh bao tẩm máu Hạ Du, Lỗ Tấn đã đặt ra 1 vđ hết sức hệ trọng là ý nghĩa của hi sinh. Tên truyện mang tầng nghĩa thứ 3: phải tìm 1 phương thuốc làm cho quần chúng giác ngộ cm và làm cho cm gắn bó với quần chúng. Phương thuốc ấy là gì, là ntn thì chính Lỗ Tấn cũng chưa có câu trả lời.
---	--

chữa căn bệnh đó.	

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Qua bài học anh (chị) suy nghĩ gì về tên truyện và hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu người?

- Luyện tập:

Tóm tắt nội dung của 4 phần trong truyện.

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Tóm tắt ndung, nêu ý nghĩa nhan đề và hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu.

- **Bài mới:** Tiếp tục tìm hiểu truyện: Thuốc.

Tuần 23

Ngày dạy

Tiết 77: Đọc văn:

THUỐC

-Lỗ Tấn-

***Tiến trình bài dạy:**

-Kiểm tra bài cũ: không

-Đặt vở vào bài mới:

Hạ Du là nhân vật chính của tác phẩm, là người cách mạng, đã giác ngộ sớm và đi trước thời đại, hình ảnh tượng trưng cho những người cm Trung Quốc nhưng lại xa rời quần chúng nên quần chúng không hiểu được việc làm của anh ta. Vậy qua nhân vật này, Lỗ Tấn muốn trình bày quan niệm gì của mình?

b, Dạy nội dung bài mới:

Hỗ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt
Gv: nvật Hạ Du không được miêu tả trực tiếp mà chỉ xuất hiện qua lời bàn luận của mọi người trong quán trà của ông Hoa. Vậy trong cuộc bàn luận ấy, Hạ Du được hiện lên qua các chi tiết, hình ảnh nào? Qua lời bàn luận đó, Hạ Du là người ntn? Hs trình bày	II, Đọc- hiểu văn bản 2, Hình tượng người cm Hạ Du- hình ảnh tượng trưng cho những người cm Tân Hợi. - Cháu của cụ Ba; đó là thằng nhãi ranh con chẳng ra gì, ngồi tù còn rủ lão đề lao làm giặc (đao phủ Cả Khang); xiện qua lời nói “thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta”; chỉ có mẹ già, nghèo mà hấn còn vuốt râu cạp, cái thằng khôn nạn, đánh không sợ, còn nói người đánh

<p>Gv giảng: bi kịch cô đơn của người cm giác ngộ sớm cũng là nội dung khá quen thuộc trong tác phẩm của Lỗ Tấn. Họ là những người đi trước buổi bình minh. Cho nên quần chúng ngủ mê muội gọi họ là người điên (Nhật kí người điên, đèn không tắt). Trong Thuộc mặc dù lí tưởng lật đổ ngai vàng, đánh đuổi ngoại tộc, giành lại độc lập của Hạ Du cao cả và đẹp đẽ nhưng quần chúng tỏ ra chẳng hiểu gì cả về anh (dẫn chứng). Thế nên quần chúng mua máu của anh ta chữa bệnh cũng là lẽ tự nhiên.</p> <p>Hình ảnh Hạ Du tượng trưng cho điều gì? Hs trả lời</p> <p>Gv giảng: Lỗ Tấn dựa vào 1 số sự việc có thật trong cuộc đời hoạt động của Thu Cận và các chiến hữu của bà để sáng tạo hình tượng Hạ Du.</p> <p>Thu Cận là nữ cm tiên phong từng du học ở Nhật, tham gia cm , bị trục xuất về nước. Bà là người lập tờ TQ nữ báo đầu tiên tuyên truyền bình đẳng nam nữ. Thu Cận tham gia chuẩn bị khởi nghĩa với Từ Tích Lâm, bị bắt và hành hình lúc 32 tuổi, nơi hành hình là Cổ Hiên Đình Khẩu. Thu Cận là biểu tượng của lớp thanh niên giác ngộ sớm lúc bấy giờ.</p> <p>Gv: Hãy nhận xét về đám đông quần</p>	<p>mình, thật đáng thương hại; hẳn điên thật rồi.</p> <p>- Dững cảm, hiên ngang, dám xả thân vì sự nghiệp chung, có lí tưởng cao đẹp về độc lập tự do cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào mình,</p> <p>- Anh là người rất cô đơn. Đây là con người giác ngộ sớm giữa cái cộng đồng đang còn ngái ngủ của anh ta.</p> <p>- Hạ Du là hình ảnh tượng trưng cho những người cm Tân Hợi. Cuộc cm này trên thực tế đã đánh đổ được chế độ phong kiến. Nhưng nhược điểm của nó là xa rời quần chúng, quần chúng không được giác ngộ; mặt khác lại mang tính chất nửa vùi, thay thang nhưng không đổi thuốc, cội rễ của chế độ pkiến không bị đánh bật, đời sống xh không có gì thay đổi.</p> <p>- Quần chúng chưa giác ngộ cm thì máu</p>
--	---

<p>chúng trong quán nhà ông Hoa Thuyên?</p> <p>Hs trả lời</p> <p>Gv: thái độ, tình cảm của nhà văn đối với Hạ Du và đối với đám đông quần chúng?</p> <p>Hs trả lời</p> <p>Gv dẫn dắt tới phần cuối tác phẩm. Nghĩa địa vào dịp Tết thanh minh được miêu tả ntn? Hình ảnh con đường mòn được miêu tả ntn, nó nói lên điều gì?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv: dẫn dắt đến chi tiết chiếc vòng hoa. Hình ảnh vòng hoa được miêu tả ntn? Tâm trạng của bà mẹ Hạ Du khi nhìn thấy chiếc vòng hoa? Vòng hoa có ý nghĩa gì?</p> <p>Gv giảng: có thể xem vòng hoa là cực đối lập của “chiếc bánh bao tẩm máu”, nhờ chi tiết này mà không khí của truyện vốn rất u buồn tảm tối song điều mà tác giả đưa đến cho người đọc không phải là tư tưởng bi quan.</p>	<p>của người cm đổ ra thật vô nghĩa, không được ai chú ý; sự mê muội, lạc hậu của dân chúng đương thời; họ vô cảm, khinh bỉ, phỉ báng; hưởng lợi từ cái chết.</p> <p>- Bày tỏ sự kính trọng và lòng thương cảm sâu xa đối với những chiến sĩ tiên phong của cm Tân Hợi; phê phán sự u mê lạc hậu của dân Thoa đương thời.</p> <p>* Con đường mòn nhỏ hẹp, cong queo do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó là ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở phía tay trái; nghĩa địa những người nghèo ở phía tay phải, mộ dày khít như chiếc bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.</p> <p>→ Con đường mòn là hình ảnh Lỗ Tấn hay đề cập. Con đường mòn biểu tượng của tập quán xấu đã trở thành thói quen, trở thành suy nghĩ đương nhiên. Cuối cùng qua thời gian 2 bà mẹ đã bước qua con đường mòn để đến với nhau.</p> <p>* Hình ảnh chiếc vòng hoa “hoa trắng, hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nắm mộ khum khum. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, hoa không có gốc... → ngơ ngác, bàng hoàng, ngạc nhiên, sững sốt, niềm tin đang le lói trong tâm hồn người mẹ đau khổ: đã có người hiểu con mình và tiếp bước sự nghiệp con mình.</p> <p>→ Niềm tin của tác giả vào tương lai, vào cuộc cm Tân Hợi 1911; đây là phương thuốc tác giả mơ ước, phương thuốc này sẽ chữa được căn bệnh tinh thần cho toàn xhội, tin vào quần chúng sẽ giác ngộ cm, hiểu rõ sự hi sinh của người cm.</p>
---	---

<p>Gv: dẫn dắt: kgian nt của tác phẩm là tù hãm, âm mồm, bế tắc nhưng thời gian thì có tiến triển. Từ “mùa thu trăm quyết” đến mùa xuân thanh minh đã thể hiện mạch suy tư lạc quan của tác giả. Kgian nt của tác phẩm được hiện lên ntn?</p> <p>Thời gian nt được hiện lên ntn? Hs lần lượt trả lời</p> <p>Gv: giảng: câu chuyện xảy ra vào 2 buổi sớm vào 2 mùa khác nhau. Mùa thu lá rụng, mùa xuân đâm chồi nảy lộc, gieo mầm</p> <p>Gv: trình bày những nét chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>Hs trình bày dựa theo gợi ý</p>	<p>3, Không gian, thời gian nt của tác phẩm.</p> <p>- Một quán trà nghèo nàn, 1 pháp trường vắng vẻ, 1 bãi tha ma dày đặc mộ, 1 góc chợ, 1 ngã ba xám xịt lúc mặt trời chưa mọc... → không gian này thể hiện sự tù hãm, âm mồm, bế tắc của xh TQ đương thời.</p> <p>- Tgian nt có sự tiến triển: câu chuyện xảy ra vào buổi sớm mùa thu- mùa của sự kết thúc thì cảnh cuối cùng là mùa xuân của dịp tết thanh minh tảo mộ → tgian thể hiện mạch suy tư lạc quan của tác giả.</p> <p>III, Tổng kết</p> <p>1, Nghệ thuật</p> <p>- Cốt truyện đơn giản, cách viết cô đọng, súc tích.</p> <p>- Hình ảnh mang tính biểu tượng, chi tiết đặc sắc.</p> <p>2, Nội dung</p> <p>Truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn thể hiện 1 nội dung sâu sắc: một dân tộc chưa ý thức được “bệnh tật” của chính mình và chưa có được ánh sáng tư tưởng cách mạng, dân tộc đó vẫn chìm đắm trong mê muội.</p>
--	--

***Củng cố, luyện tập:**

-Củng cố:

Qua bài học, anh(chị) có suy nghĩ gì về dân tộc Trung Hoa đương thời trước sự hi sinh của Hạ Du?

- Luyện tập:

Làm bài tập 1,2 (sgk-111).

***Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

-Bài cũ:

Phân tích hình ảnh Hạ Du trong tác phẩm.

- Bài mới:

Tìm hiểu: Đọc hiểu thêm Thuốc

THUỐC

-Lỗ Tấn-

1,Mục tiêu bài học:**a,Về kiến thức:**

- Ý nghĩa của hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người.
- Ý nghĩa của hình tượng vòng hoa trên mộ người chiến sĩ cách mạng trên mộ Hạ Du.

b,Về kỹ năng:

Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (văn bản tự sự, truyện dịch).Phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự

c,Về thái độ:

Có cái nhìn đúng đắn, trân trọng những tấm gương hi sinh vì đất nước Trung Quốc.

2,Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**a,Chuẩn bị của giáo viên:**

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv;Các tài liệu tham khảo khác.
- Phương pháp:hướng dẫn hs làm bài tập, lập dàn ý và viết đoạn văn

b,Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

3,Tiến trình bài dạy:**a,Kiểm tra bài cũ:** không

Đặt vở vào bài mới:Tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu 2 tiết tác phẩm Thuốc của nhà văn Lỗ Tấn, tìm hiểu giá trị và ý nghĩa tư tưởng của truyện. Để khắc sâu kiến thức, hôm nay cô trò ta tìm hiểu tiết Đọc hiểu thêm về Thuốc

b,Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: cho biết ý nghĩa của chi tiết hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du</p> <p>Gv gọi hs trình bày ý nghĩa,gọi 2 hs trình bày, gọi hs khác bổ sung</p>	<p>Câu 1: Ý nghĩa của chi tiết hình ảnh Vòng hoa trên mộ Hạ Du</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát: Chi tiết hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du là một chi tiết nghệ thuật độc đáo, mang nhiều ý nghĩa nội dung và giá trị nghệ thuật sâu sắc, thể hiện chủ đề tư tưởng tác phẩm và tài năng nghệ thuật nhà văn. - Tái hiện chi tiết: Chi tiết vòng hoa trên mộ Hạ Du xuất hiện ở cuối truyện ngắn

Thuốc (Lỗ Tấn). Một buổi sáng thanh minh, bà mẹ Hạ Du ra thăm mộ con và ngỡ ngàng trước hình ảnh mình bắt gặp: một vòng hoa "hồng hồng trắng trắng" nằm khum khum trên nấm mộ con trai bà. Vốn là mộ của một kẻ tử tù chết chém, bị coi thường, bị khinh rẻ, bị hiểu lầm, bà vẫn đinh ninh sẽ chẳng ai thềm đoái hoài tới nấm mộ và người đã khuất. Hình ảnh vòng hoa khiến bà thực sự ngạc nhiên đến ngỡ ngàng. Trong khoảnh khắc bà không hiểu chuyện gì đã xảy ra, không biết ai đã mang vòng hoa đến đặt trước mộ con bà. Cuối cùng, trong sự xúc động đã lên đến cao trào, bà òa lên tiếng khóc thảm thiết.

- Ý nghĩa của hình ảnh:

+ Ý nghĩa nội dung:

Vòng hoa như một hình ảnh thể hiện tấm lòng ưu ái của nhà văn Lỗ Tấn đối với cuộc đời và sự nghiệp, sự hi sinh của những người cách mạng như Hạ Du. Ông yêu quý, trân trọng người chiến sĩ cách mạng ấy.

Vòng hoa cũng thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng vào một tương lai tươi sáng của cách mạng Trung Quốc khi đã có người thấu hiểu và cảm thông cho người chiến sĩ cách mạng. Vòng hoa cũng là dấu hiệu tốt lành, là lời khẳng định sẽ có những con người tiếp tục đứng lên làm cách mạng, tiếp bước con đường mà Hạ Du và những đồng chí của anh đang đi, hoàn thành sự nghiệp mà anh còn dang dở.

+ Ý nghĩa nghệ thuật:

Hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du là một chi tiết nghệ thuật độc đáo góp phần thể hiện chủ đề tư tưởng tác phẩm và tài năng nghệ thuật truyện ngắn bậc thầy của Lỗ Tấn khi xây dựng được một hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. Nó là chi tiết cuối,

Cho biết hình ảnh đám đông quần chúng trong tác phẩm có ý nghĩa gì

Gv gọi hs trình bày căn cứ nội dung bài học

khép lại thiên truyện nhưng lại mở ra cho người đọc biết bao cảm xúc và liên tưởng, tạo nhiều dư ba, phần chấn trong lòng người. Làm đối trọng với hình ảnh bánh bao tằm máu người, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du thể hiện tấm lòng nhân ái, nỗi niềm trăn trở và niềm tin son sắt của Lỗ Tấn vào tiền đồ cách mạng, vào sự đổi thay, thức tỉnh của quốc dân.

2-Hình ảnh đám đông quần chúng:

-Buổi sáng sớm, ở pháp trường , lão Hoa đi mua bánh bao tằm máu tử tù về chữa bệnh cho con thì bị một đám đông xô đẩy nhau ào ào, chen bật lão suýt ngã.Đó là những người đi xem hành hình nhà cách mạng Hạ Du .Đám đông này khiến ta liên tưởng đến đám đông đi xem hành hình một người Trung Quốc chống Nhật khiến Lỗ Tấn đi đến quyết định : Chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần cho quốc dân.

-Khi trời sáng hẳn, ở quán trà đã đông khách của lão Hoa , Cậu Năm Gù ,Cả Khang ,người râu hoa râu... cùng bàn tán về cái chết của Hạ Du với thái độ miệt thị. Họ cho anh là cái “thằng khốn nạn”, “hắn điên thật rồi”.Và họ cho rằng trong cái chết của Hạ Du có hai người gặp may . May nhất là Cự Ba nhờ tố cáo cháu mình nên được thưởng một số tiền lớn mà gia đình khỏi bị liên lụy, còn lão Hoa thì có máu Hạ Du để chấm bánh bao làm thuốc chữa bệnh cho thằng Thuyên.

Tóm lại, qua hai sự việc trên,và bằng ngôn ngữ của người kể chuyện , ta thấy đám đông quần chúng thật là mê muội. Sự hiểu biết và thái độ của họ về những vấn đề của đất nước,về bệnh tật ,về cuộc đời còn quá hạn chế.Nói như Lỗ Tấn thì họ đang “ngủ quên trong một cái nhà hộp

Gv: giải thích nhan đề truyện Thuốc và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người

Hs giải thích, gv gọi hs khác bổ sung

bằng sắt không có cửa sổ .Phải làm thế nào đó để thức tỉnh họ.Ta cũng thấy nhân vật Hạ Du là một người yêu nước nhưng anh cũng thật cô đơn .

3-Ý nghĩa nhan đề “Thuốc” và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người:

Nhan đề thiên truyện là Thuốc (nguyên văn là Dược) . Thuốc ở đây chính là chiếc bánh bao tẩm máu người mà lão Hoa đã mua về cho thằng Thuyên ăn để chữa bệnh lao.Nhan đề này có nhiều nghĩa .

-Tầng nghĩa thứ nhất của Thuốc là nghĩa tường minh , chỉ phương thuốc chữa bệnh lao bằng chiếc bánh bao tẩm máu người . Đây là một phương thuốc mê tín lạc hậu tương tự như hai vị thuốc mà ông thầy lang đã bốc cho cho bố Lỗ Tấn để chữa bệnh phù thủng là rễ cây mía đã kinh sương ba năm và một đôi dế đủ con đực , con cái dẫn đến cái chết của ông cụ.

-Tầng nghĩa thứ hai của Thuốc là nghĩa hàm ẩn , đó là phương thuốc để chữa bệnh tinh thần : căn bệnh gia trưởng , căn bệnh u mê lạc hậu về mặt khoa học của người dân Trung Quốc . Bố mẹ thằng Thuyên vì lạc hậu và gia trưởng đã áp đặt cho nó một phương thuốc là chiếc bánh bao tẩm máu người dẫn đến cái chết của nó . Rồi tất cả đám người trong quán trà cũng sai lầm như vậy. Chiếc bánh bao tẩm máu vô hại kia đã trở thành một thứ thuốc độc vì người ta quá tin vào nó mà không lo tìm một thứ thuốc khác .Người dân Trung Quốc phải tỉnh giấc , không được “ngủ mê trong cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ”.

-Tầng nghĩa thứ ba của Thuốc , của chiếc bánh bao tẩm máu người là phương thuốc nhằm chữa căn bệnh u mê lạc hậu về mặt chính trị của người dân Trung Quốc và

	<p>căn bệnh xa rời quần chúng của người cách mạng Trung Quốc thời bấy giờ . Máu để tẩm chiếc bánh bao là dòng máu người chiến sĩ cách mạng Hạ Du đã đổ xuống để giải phóng cho nhân dân . Thế mà nhân dân lại u mê cho anh là làm giặc , là thằng điên và mua máu anh để tẩm bánh bao. Còn Hạ Du làm cách mạng cứu nước ,cứu dân mà lại quá xa rời quần chúng để nhân dân không hiểu anh đã dành mà mẹ anh cũng không hiểu (đỏ mặt xấu hổ khi thăm mộ con gặp bà Hoa) còn chú anh thì tố cáo cháu để lấy tiền thưởng.</p> <p>Tóm lại: Nhan đề truyện và hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu người đã thể hiện chủ đề tư tưởng tác phẩm: Lỗ Tấn đã đau nỗi đau của dân tộc Trung Hoa thời cận đại : nhân dân thì “ngủ say trong một cái nhà hộp bằng sắt” còn người cách mạng thì “bôn ba trong chốn quạnh hiu”</p>
--	--

c.Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

- Luyện tập:

Phân tích hình tượng người cách mạng Hạ Du

d.Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học

- Bài mới:

Tìm hiểu: Số phận con người

Tuần 24

Ngày dạy

Tiết 71-72: Văn

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

-M.Sô-lô-khốp-

1,Mục tiêu bài học:

a,Về kiến thức:

- Chiến tranh, số phận con người và nghị lực vượt qua số phận

- Chủ nghĩa nhân đạo cao cả thể hiện ở cách nhìn chiến tranh một cách toàn diện, chân thật.

- Đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và phân tích tâm trạng nhân vật.

b, Về kỹ năng:

Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (văn bản tự sự, bản dịch).

c, Về thái độ:

Trân trọng cuộc sống, biết yêu thương đùm bọc chở che những số phận bất hạnh

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

Phương tiện: Sgk, giáo án, thiết kế, sgv; Các tài liệu tham khảo khác.

Phương pháp: phát vấn, thuyết trình, gợi tìm, thảo luận nhóm

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

Các sách tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Chiến tranh thật tàn khốc và khốc liệt. Sau chiến tranh con người sống ntn và vượt qua nó để sống tiếp ra sao. Số phận con người của Sô lô khốp sẽ cho ta thấy ý chí, nghị lực vượt lên trên số phận để tiếp tục cuộc sống.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Gv gọi hs đọc tiểu dẫn sgk và cho biết những nét tiêu biểu về tác giả? Tác phẩm Hs đọc và trả lời	I, Khái quát chung 1, Tác giả - Mikhaiin A lếch xan đrô vích Sô lô khốp (1905- 1984) là nhà văn Nga lỗi lạc, là nhà tiểu thuyết có tài, liệt vào hàng các nhà văn lớn nhất thế kỉ XX. - Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Ông là một tấm gương về sự nỗ lực tự học để vươn lên đến đỉnh cao văn hoá của nhân loại. - Nhận giải thưởng Nôben về văn học 1965. - Tác phẩm chính: Truyện sông Đông, Thảo nguyên xanh, Sông Đông êm đềm... 2, Truyện ngắn Số phận con người (1957) a. Hoàn cảnh sáng tác:

<p>+ GV: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác của truyện.</p> <p>+ GV: Truyện ngắn này có vị trí như thế nào trong nền văn học Nga?</p> <p>+ HS dựa vào <i>Tiểu dẫn</i> phát biểu vị trí của truyện ngắn <i>Số phận con người</i> trong nền văn học Xô-viết.</p> <p>* Hoạt động 2: Tổ chức đọc- hiểu văn bản.</p> <p>- Thao tác 1: GV định hướng để HS phân tích Hoàn cảnh và tâm trạng của Xô-cô-lốp sau chiến tranh và trước khi gặp bé Va-ni-a</p> <p>+ GV: Cuộc đời của nhân vật Xô – cô – lốp có những đau khổ, bất hạnh nào?</p> <p>+ <i>HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp.</i></p> <p>+ GV: Em có suy nghĩ như thế nào về cuộc đời của anh?</p> <p>+ GV: Sau chiến tranh, cuộc đời của anh tiếp diễn như thế nào?</p>	<p>- Truyện được công bố lần đầu trên báo <i>Sự thật</i>, số ra ngày 31-12-1956 và 1-1-1957.</p> <p>- Truyện có ý nghĩa khá quan trọng đối với sự phát triển của văn học Xô Viết. Đây là tác phẩm đầu tiên, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh toàn diện, chân thực.</p> <p>- Về sau, truyện được in trong tập <i>“Truyện sông Đông”</i>.</p> <p>b. Giá trị</p> <p>- Truyện ngắn là cột mốc quan trọng mở ra chân trời mới cho văn học Nga</p> <p>- Tác phẩm thể hiện cách nhìn cuộc sống và chiến tranh một cách toàn diện, chân thực ; sự đổi mới cách miêu tả nhân vật, khám phá tính cách Nga, khí phách con người Nga</p> <p>c. Tóm tắt:</p> <p>II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:</p> <p>1. Hoàn cảnh và tâm trạng của Xô-cô-lốp sau chiến tranh và trước khi gặp bé Va-ni-a:</p> <p>- Bản thân anh chịu nhiều cay đắng:</p> <p>+ Bị thương hai lần, hai năm bị đọa đày trong trại tù binh Đức.</p> <p>+ Sau khi thoát khỏi cảnh nô lệ tù binh, Xô-cô-lốp được biết một tin đau đớn:</p> <p>o Vợ và hai con gái anh đã bị bom phát xít giết hại,</p> <p>o Đứa con trai yêu quý của anh bị <i>“một tên thiện xạ Đức”</i> giết chết ngay ngày chiến thắng.</p> <p>→ Vì độc lập và sự sống còn của nhân dân, anh đã chịu đựng những mất mát ghê gớm.</p> <p>- Sau chiến tranh:</p> <p>+ Anh không còn quê, không còn nhà, không còn người thân, phải sống nhờ nhà</p>
---	---

<p>+ HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp.</p> <p>+ GV: Em có suy nghĩ như thế nào về anh qua chi tiết này?</p> <p>- Thao tác 2: GV định hướng để HS phân tích Cuộc gặp gỡ giữa Xô – cô – lớp và bé Va-ni- a:</p> <p>Gv chia lớp làm 2 nhóm trả lời 2 câu hỏi</p> <p>+ GV: Qua cuộc gặp gỡ và trò chuyện với cậu bé Va – ni – a, anh biết được những gì về hoàn cảnh của cậu bé?(Nhóm 1)</p> <p>+ GV: An-đrây đã nhận bé Va-ni-a làm con như thế nào? Điều gì đã khiến anh có quyết định nhanh chóng như vậy?(Nhóm 2)</p> <p>+ HS thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày.</p> <p>Gv gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>+ GV: Khi đưa đứa con trai mới nhận về nhà, cả hai vợ chồng người bạn anh có thái độ và tâm trạng như thế nào?</p> <p>+ GV: Tiếng khóc của bà có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>+ GV: Xô – cô – lớp đã có những cử chỉ ân cần, chăm sóc cho bé Va – ni – a như</p>	<p>người đồng đội cũ</p> <p>→ Sống trong nỗi đau khổ, thất vọng và cô đơn.</p> <p>- Anh tìm đến chén rượu để dịu bớt nỗi đau: “<i>Phải nói rằng tôi đã thật sự say mê cái món nguy hại ấy!</i>”</p> <p>→ Bị đẩy vào tình cảnh bế tắc, anh suýt rơi vào nguy cơ nghiện rượu.</p> <p>2. Cuộc gặp gỡ giữa Xô-cô-lốp và bé Va-ni-a:</p> <p>- Xô-cô-lốp:</p> <p>+ Qua một cuộc gặp gỡ và những câu hỏi ngẫu nhiên, anh biết được bé Vania mồ côi, cha mẹ đều đã chết dưới bom đạn chiến tranh, không còn bà con thân thích.</p> <p>+ Cảm thương cho tình cảnh của chú bé, anh lập tức quyết định nhận bé làm con nuôi.</p> <p>→ Đây là quyết định có tính chất bộc phát, hồn nhiên, không có một chút suy tính hay tư lợi nào, một quyết định xuất phát từ tình yêu thương thật sự.</p> <p>+ Khi đưa đứa con trai mới nhận về nhà, cả hai vợ chồng người bạn anh đề rất vui: “<i>Bà chủ múc súp bấp cải vào đĩa cho nó, rồi đứng nhìn nó ăn ngấu nghiến mà nước mắt rùng rùng</i>”</p> <ul style="list-style-type: none"> o Đó là tiếng khóc thương cho hoàn cảnh tội nghiệp của chú bé; o Là cả tiếng khóc thương cho cả Xôcôlốp o Là tiếng khóc cảm phục trước lòng tốt của Xô-cô-lốp o Là tiếng khóc tự thương cho hoàn cảnh của bà. <p>+ Xôcôlốp yêu thương bé Vania rất mực: anh luôn tận tâm chăm sóc đứa con một cách vụng về nhưng rất đáng yêu</p> <p>→ Tình thương bộc trực của người cha</p>
--	--

thế nào? + GV: Có bé Va – ni – a, cuộc đời anh cảm thấy như thế nào?	đau khổ và hạnh phúc. + Có bé Vania, anh thấy mình như được hồi sinh: anh thấy mọi thứ như bắt đầu “trở nên êm dịu hơn” → Chính lòng nhân ái đã giúp anh vượt qua cô đơn
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Tóm tắt nội dung câu chuyện khoảng 15 câu

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Tác giả, tóm tắt tác phẩm, phân tích nhân vật Xô cô lôp

-Bài mới

Tiếp tục tìm hiểu Số phận con người

Tuần 24

Ngày dạy

Tiết 72: Văn
SỐ PHẬN CON NGƯỜI
-Số lô khớp-
(Tiếp theo)

*Tiền trình bài dạy

-Ôn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Đặt vở vào bài mới:

Cuộc đời Xô cô lôp sau chiến tranh thật bất hạnh. Tưởng chừng có lúc anh gục ngã không thể nào gắng gượng nổi song có một niềm vui lớn đến với anh đột ngột đó chính là bé Vania được anh nhận làm con nuôi. Từ đó anh bỗng thay đổi hẳn cuộc sống của mình. Bài học hôm nay cô trò ta tìm hiểu tiếp câu chuyện này

-Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
	I.Tìm hiểu chung II. Đọc hiểu văn bản 1. Hoàn cảnh và tâm trạng của Xô-cô-lốp sau chiến tranh và trước khi gặp bé Va-ni-a: 2. Cuộc gặp gỡ giữa Xô-cô-lốp và bé

<p>+ GV: Khi được Xô – cô – lớp nhận làm con, Va – ni – a có những hành động và tâm trạng như thế nào?</p> <p>+ GV: Tình cảm của cậu bé Va – ni – a dành cho bố như thế nào?</p> <p>+ GV: Tình cảm của hai con người này gọi cho em có những suy nghĩ gì?</p> <p>+ GV: Nhận xét về điểm nhìn của tác giả và nhân vật Xô – lô – cốp? Cái nhìn đó được thể hiện trong đoạn văn nào?</p> <p>+ GV: Qua đoạn văn này, tác giả muốn gửi gắm bức thông điệp gì cho chúng ta?</p> <p>- GV định hướng để HS phân tích Xô-cô-lốp đã vượt lên nỗi đau và sự cô đơn</p> <p>+ GV: Khi viết về hiện thực sau chiến tranh, tác giả viết với thái độ như thế nào?</p> <p>+ GV: Cuộc sống của Xô – cô – lớp sau khi nhận chú bé làm con diễn biến như thế nào? Anh gặp phải những khó khăn gì?</p> <p>+ GV: Xô – cô – lớp cảm nhận như thế</p>	<p>Va-ni-a:</p> <p>- Xô-cô-lốp:</p> <p>- Bé Va – ni – a:</p> <p>+ Khi được Xô – cô – lớp nhận làm con, Va-ni-a vô cùng sung sướng và xúc động: o “nhảy chồm lên cô tôi, hôn vào má, vào môi, vào trán” o “nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió”</p> <p>+ Cậu vô cùng vui vẻ, hồn nhiên, gần bó, quyến luyến chẳng rời người bố: áp sát vào người, ôm chặt lấy cổ, áp chặt má, bố đi vắng thì “khóc suốt từ sáng đến tối” → Tình cảm giữa họ là tình cảm chân thành thấm thiết của hai con người đều phải chịu nhiều mất mát lớn lao trong chiến tranh. Họ gặp nhau một cách ngẫu nhiên nhưng khi gặp nhau rồi thì gần bó khăng khít với nhau, bù đắp cho nhau.</p> <p>- Điểm nhìn của tác giả và nhân vật Xô-cô-lốp hoàn toàn trùng khớp nhau: “Cái chính ở đây là phải biết kịp thời quay mặt đi. Cái chính ở đây là đừng làm tổn thương em bé, đừng để cho em thấy những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lăn trên má anh” → Cần phải tổ chức cuộc sống như thế nào để trẻ em được sung sướng, hạnh phúc; phải chăm sóc cho bao đứa trẻ bất hạnh vì chiến tranh.</p> <p>3. Xô-cô-lốp đã vượt lên nỗi đau và sự cô đơn:</p> <p>- Xô – lô – cốp là nhà văn hiện thực nghiêm khắc, ông không tô hồng cuộc sống khó khăn mà Xô-cô-lốp phải vượt qua: Xe anh quét nhẹ phải con bò nhưng anh bị tước bằng, bị mất việc, phải đi phiêu bạt để kiếm sống.</p>
--	--

<p>nào về thể chất của mình?</p> <p>+ GV: Nỗi đau về tinh thần ám ảnh anh như thế nào?</p> <p>+ GV: Theo em, vì sao anh chỉ dám khóc trong giấc mơ?</p> <p>+ GV: Chốt lại vấn đề.</p> <p>GV định hướng cho HS tìm hiểu về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện.</p> <p>+ GV: Nhận xét về cách xây dựng cốt truyện của tác giả?</p> <p>+ <i>HS làm việc cá nhân, phát biểu ý kiến.</i></p> <p>+ GV: Trong truyện, Người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả những gì? Miêu tả như vậy có tác dụng gì?</p> <p>+ <i>HS làm việc cá nhân, phát biểu ý kiến.</i></p> <p>+ GV: Giải thích khái niệm.</p> <p>+ GV: Gọi 1 HS đọc diễn cảm lại đoạn văn.</p> <p>+ GV: Đoạn văn trên gọi em có suy nghĩ gì về thái độ và tình cảm của tác giả?</p> <p>+ <i>HS thảo luận cá nhân và phát biểu</i></p>	<p>- Thể chất anh cũng dần yếu đi: “<i>trái tim tôi đã suy kiệt, đã chai sạn vì đau khổ...</i>”, “<i>có khi tự nhiên nó nhói lên, thắt lại và giữa ban ngày mà tối tăm mặt mũi...</i>”</p> <p>- Nỗi đau ám ảnh anh không dứt: “<i>hầu như đêm nào ... cũng chiêm bao thấy nhưng người thân quá cố</i>”, đêm nào thức giấc gôi “<i>cũng ướt đẫm nước mắt</i>”</p> <p>→ Anh đã và đang gánh chịu những nỗi đau không gì bù đắp nổi, thời gian cũng không xoa dịu được vết thương lòng. Anh đã cứng cõi nuốt thẳm giọt lệ để cho bé Va – ni – a không phải khóc.</p> <p>=> Cái nhìn nhân đạo của tác giả.</p> <p>4. Thái độ của người kể chuyện:</p> <p>- Truyện được xây dựng theo lối truyện lồng trong truyện, có hai người kể là Xô – cô – lớp và tác giả.</p> <p>→ Người kể chuyện phải tuân theo cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của nhân vật Xô – lô – cốp và trực tiếp bộc lộ tâm trạng.</p> <p>- Người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả bối cảnh và thời gian gặp gỡ nhân vật chính, khung cảnh thiên nhiên, chân dung các nhân vật, những ấn tượng và đánh giá về các nhân vật đó.</p> <p>→ Tác giả không che giấu tình cảm, sự xúc động trước số phận con người.</p> <p>- Thái độ của người kể còn bộc lộ ở đoạn trữ tình ngoại đề cuối truyện:</p> <p>+ <i>Trữ tình ngoại đề:</i> là sự giải bày cảm xúc, ấn tượng của nhà văn về những gì đã mô tả, phơi bày trước bạn đọc.</p> <p>+ “<i>Hai con người ... kêu gọi</i>”</p> <p>→ Tác giả bày tỏ lòng khâm phục và tin tưởng ở tính cách Nga kiên cường.</p> <p>→ Đồng thời cũng xa lạ với lối kết thúc có hậu, tô hồng hiện thực mà báo trước</p>
---	--

- **GV:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những suy nghĩ của nhà văn về số phận con người.

+ **GV:** Truyện đã thể hiện tính cách gì của Xô – lô – cốp?

+ **GV:** Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần cũng đã góp phần làm nổi bật tính cách gì của nhân vật?

+ **GV:** Khi chia tay với hai cha con Xô-cô- lốp, tác giả có những suy nghĩ như thế nào?

+ **GV:** Qua chi tiết trên, Xô-lô-khốp nhắc nhở và kêu gọi chúng ta điều gì?

+ **GV:** Chốt lại.

*** Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tổng kết**

- **Thao tác 1:** GV gọi HS nhận xét về những suy nghĩ mà nhà văn gửi gắm qua tác phẩm.

những khó khăn trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai, hạnh phúc.

→ Quan điểm của tác giả: “*Nghệ sĩ không thể lạnh lùng khi sáng tạo ... khi viết, máu nóng nhà văn phải sôi lên...*”

=> Trước số phận bi thảm, trở trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cảm và lòng nhân hậu của mình.

5. Suy nghĩ về thân phận con người:

- Tác giả thể hiện nghị lực kiên cường của Xô – lô – cốp trong cuộc đời thường đầy khó khăn sau chiến tranh.

- Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần càng làm nổi bật tâm lòng nhân đạo của anh. Trái tim anh rực sáng trong thế giới còn đầy hận thù và đau khổ.

→ Truyện khám phá và ca ngợi tính cách Nga “*con người có ý chí kiên cường*” và lòng nhân ái.

- Tác giả còn miêu tả con người bình thường với phẩm chất yêu nước tiềm tàng, thâm lặng.

- Khi chia tay với hai cha con Xô-cô-lốp, tác giả nghĩ ngay tới “*hai con người coi cát, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ*”

→ Xô-lô-khốp nhắc nhở và kêu gọi sự quan tâm của xã hội đối với nhân cách con người và góp tiếng nói lên án chiến tranh phi nghĩa.

=> Tác giả dũng cảm nói lên sự thật, không sợ màu sẫm và gai góc.

III. TỔNG KẾT:

1. Chủ đề:

- Số phận con người tập trung khám phá nổi bất hạnh của con người sau chiến tranh.

<p>+ HS tổng hợp kiến thức và phát biểu. - Thao tác 2: GV gọi HS nhận xét về nghệ thuật của truyện. <i>HS tổng hợp kiến thức và phát biểu</i></p>	<p>- Nhưng tác giả vẫn giữ niềm tin ở tính cách Nga kiên cường cũng như lòng tin ở cuộc sống bao dung. 2. Nghệ thuật: - Cách kể chuyện giản dị nhưng chứa đựng sức khái quát rộng lớn và sâu sắc. - Nhân vật được miêu tả giàu cá tính và sinh động.</p>
--	--

*** Củng cố và luyện tập**

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập

Suy nghĩ của em về tính cách con người.

***Hướng dẫn hs tự học ở nhà**

-Bài cũ

Cuộc đời của Xô-cô-lốp có những vất vả hạnh đau thương như thế nào?

Tâm trạng của Xô-cô-lốp diễn biến như thế nào khi gặp lại.

-Bài mới

Đọc hiểu thêm về Số phận con người

Tuần 24

Ngày dạy

Tiết 72b:Đọc hiểu thêm về

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

-Sô-lô-khốp-

1,Mục tiêu bài học:

a,Về kiến thức:

- Chiến tranh, số phận con người và nghị lực vượt qua số phận

- Chủ nghĩa nhân đạo cao cả thể hiện ở cách nhìn chiến tranh một cách toàn diện, chân thật.

- Đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và phân tích tâm trạng nhân vật.

b,Về kỹ năng:

Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (văn bản tự sự, bản dịch).Tìm hiểu và phân tích đặc điểm nhân vật

c,Về thái độ:

Trân trọng cuộc sống, biết yêu thương đùm bọc chở che những số phận bất hạnh

2,Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a,Chuẩn bị của giáo viên:

Phương tiện: Sgk, giáo án, thiết kế, sgv;Các tài liệu tham khảo khác.

Phương pháp:phát vấn, thuyết trình , gợi tìm,hướng dẫn hs củng cố và luyện tập

b,Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.
Các sách tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

- Ôn định lớp

a. Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vd vào bài mới

Mỗi người có một số phận riêng sau chiến tranh tàn khốc ở Nga. Tiêu biểu cho những bất hạnh đó là Xô cô lôp. Anh đã chống chọi với khó khăn khi trở về với cuộc sống đời thường. Và rồi anh đã vượt dậy nhờ nghị lực, nhờ tình yêu thương con người. Đó là tính cách con người Nga trong anh

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: tóm tắt tác phẩm Số phận con người (khoảng 15 câu)</p> <p>Gv yêu cầu hs tóm tắt, sau đó gọi 2 hs trình bày</p>	<p>1, Tóm tắt tác phẩm</p> <p>Chiến tranh kết thúc, Xô-cô- lôp giải ngũ nhưng không muốn trở lại quê nhà. Anh đến chỗ của một đồng đội cũ, xin làm lái xe cho một đội vận tải. Tình cờ anh gặp chú bé Va-ni-a mồ côi, không nơi nương tựa vì bố mẹ em đều đã chết trong chiến tranh. Ngay lập tức, anh quyết định nhận Va-ni-a làm con. Chú bé ngây thơ tin rằng Xô-cô-lôp là bố đẻ của mình. Xô-cô-lôp yêu thương, chăm sóc chú bé thật chu đáo và xem nó là niềm vui lớn, niềm an ủi của mình. Tuy nhiên, anh vẫn bị ảnh hưởng bởi những mất mát quá lớn trong chiến tranh. Hằng đêm anh vẫn mơ thấy vợ và các con của mình, « thức giấc thì gói đẫm nước mắt »</p> <p>Rồi một chuyện rủi ro xảy ra : xe anh đụng phải con bò và anh bị thu hồi bằng lái, phải chuyển sang làm thợ mộc để kiếm sống. Theo lời mời của một người bạn khác, ở Ka-sa-rur, anh dẫn bé Va-ni-a đến đó với hi vọng chừng nửa năm sau anh được cấp lại bằng lái mới. Dù thế, anh vẫn cố trấn tĩnh, vì không muốn để bé Va-ni-a biết được tâm trạng đau buồn</p>

Gv nêu ý nghĩa của lời trữ tình ngoại đề cuối tác phẩm

Hs: trình bày, gv bổ sung chốt ý

Gv Nêu ý nghĩa tiếng khóc của bà chủ nhà trong đoạn trích *Số phận con người*

Hs: nêu ý nghĩa, gv nhận xét

của mình.

Tác giả tạm biệt hai cha con chú bé trong niềm xúc động, tin tưởng vào lòng nhân ái và ý chí kiên cường của người Nga.

2/ Ý nghĩa của lời trữ tình ngoại đề cuối truyện “*Số phận con người*”.

Lời trữ tình ngoại đề ở cuối tác phẩm chính là lời giải bày đầy cảm xúc của người kể chuyện thứ nhất, cũng chính là lời giải bày của nhà văn Xô-lô-khốp về số phận con người :

- Sự *đau đớn, xót xa, đồng cảm của nhà văn* về số phận của con người trước bão tố phũ phàng của chiến tranh.

- *Dự báo những khó khăn chướng ngại* mà con người phải vượt qua trên con đường hướng tới tương lai.

- Bày tỏ lòng khâm phục tin tưởng vào phẩm chất của con người Nga kiên cường và nhân hậu sẽ giúp họ đứng vững được, đương đầu với mọi thử thách, luôn sẵn sàng khi Tổ quốc kêu gọi.

- Nhà văn còn **đặt ra vấn đề** : Xã hội và người lớn cần có trách nhiệm quan tâm đối với số phận cá nhân, đặc biệt là đối với trẻ em là những nạn nhân của chiến tranh.

=> Số phận là cái mà con người không thể tránh khỏi, không thể lường trước, nhưng tâm hồn và bản lĩnh của con người là điều số phận không thể tước đoạt.

3/ Ý nghĩa tiếng khóc của bà chủ nhà trong đoạn trích “*Số phận con người*”?

- Đó là tiếng khóc thương cho hoàn cảnh của bé Va-ni-a.

- Đó là tiếng khóc thương cho cả Xô-cô-lốp.

<p>Gv Nhận xét cách kể chuyện của tác giả trong truyện</p> <p>Gv hướng dẫn hs tìm hiểu</p> <p>Gv: nêu nhận xét về điểm nhìn của người kể chuyện và của nhân vật trong tác phẩm</p> <p>Gv gọi 2 hs trình bày sau đó bổ sung</p>	<p>- Đó là tiếng khóc cảm phục trước lòng tốt của Xô-cô-lốp.</p> <p>- Đó cũng là tiếng khóc tự thương cho hoàn cảnh của mình (bà cũng không có con)</p> <p>5/ Cách kể chuyện của tác giả có gì đặc biệt? Nhận xét về thái độ của người kể chuyện?</p> <p>- Truyện được kết cấu theo lối truyện lồng trong truyện, người kể kể lại câu chuyện được nghe từ người khác.</p> <p>+ <i>Người kể chuyện thứ hai là Xô-cô-lốp xưng “tôi”, tự kể lại câu chuyện của đời mình theo giọng điệu, suy nghĩ, tâm hồn của bản thân. Người đọc cảm nhận anh là người bộc trực, cởi mở, có tâm hồn đa cảm, vừa kiên cường, vừa nhân hậu.</i></p> <p>+ <i>Người kể chuyện thứ nhất (là nhà văn) cũng xưng “tôi”. Sô-lô –khốp tỏ ra rất khách quan để ghi lại câu chuyện cuộc đời của người lính. Nhưng qua giọng điệu, một vài cử chỉ của tác giả, ta hiểu được tấm lòng và tình cảm, sự khâm phục của ông đối với nhân vật. Điều đó được thể hiện sâu sắc qua những đoạn trữ tình ngoại đề cuối tác phẩm..</i></p> <p>6/ Điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật trong tác phẩm:</p> <p>- Trong tác phẩm, điểm nhìn của tác giả (cụ thể là người kể chuyện) hoàn toàn trùng khớp với điểm nhìn của nhân vật chính Xô-cô-lốp.Suy nghĩ, nỗi lòng của Xô-cô-lốp cũng chính là của tác giả <i>“Cái chính là ở đây phải biết kịp thời quay mặt đi. Cái chính là đừng làm tổn thương trái tim em bé, đừng để cho em nhìn thấy những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lặn trên má anh”.</i></p> <p>- Điểm nhìn trần thuật ấy bộc lộ tấm</p>
--	---

Gv nêu những nét chính về hình tượng nhân vật Xô cô lôp trong truyện ngắn

Gv hướng dẫn hs nêu đặc điểm

lòng nhân hậu triu mến của nhà văn đối với nhân vật nói riêng, đối với con người nói chung. Đồng thời đặt ra vấn đề cần có trách nhiệm quan tâm đối với số phận cá nhân, đặc biệt là đối với trẻ em là những nạn nhân của chiến tranh.

7/ Hình tượng nhân vật Xô-cô-lốp trong truyện ngắn “Số phận con người”:

Xô-kô-lốp là biểu tượng cho số phận và nghị lực phi thường, lòng nhân ái vượt qua số phận của người dân Nga trong và sau chiến tranh phát xít :

a/ Số phận đau thương:

- **Trong chiến tranh** : anh đi lính, bị thương, bị đọa đày trong trại tập trung; vợ con bị phát xít giết hại.

- **Sau chiến tranh** : anh rơi vào cảnh ngộ không gia đình, người thân, cô đơn, đau khổ, phiêu bạt nhiều nơi để kiếm sống.

b/ Nghị lực và lòng nhân ái vượt qua số phận:

- Bị chiến tranh vùi dập nhưng vẫn không mất niềm tin và hy vọng . Bằng ý chí kiên cường của người lính, anh tiếp tục sống và làm việc .

- Bằng sự đồng cảm và tấm lòng nhân hậu, Xô-cô-lốp nhận nuôi bé Vania, yêu thương, chăm sóc chu đáo cho Vania bằng tình cảm cha con. Anh âm thầm chịu đựng những mất mát, đau thương của bản thân không cho bé Vania biết, vì sợ em buồn.

=> Qua nhân vật Xô-kô-lốp, nhà văn đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả, nghị lực phi thường của người lính và nhân dân Xô viết thời hậu chiến : Chính ý chí, nghị lực, lòng nhân ái và niềm tin vào tương lai sẽ giúp con người vượt qua những mất mát do chiến tranh gây nên và bi kịch của

<p>Gv nêu ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm Số phận con người</p> <p>Hs dựa vào bài học trình bày</p>	<p>số phận.</p> <p>8/Ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm :</p> <p>- Tác phẩm vừa tố cáo chiến tranh phát xít tàn bạo, vừa thể hiện sự cảm thông, yêu thương những số phận bất hạnh do chiến tranh gây ra; vừa biểu dương, ca ngợi tính cách kiên cường và nhân hậu, niềm tin vào cuộc sống của nhân dân Nga.</p> <p>- Đồng thời thông qua tác phẩm, Sô-lô-khốp muốn nhắc nhở, kêu gọi sự quan tâm của toàn xã hội đối với cá nhân con người; khẳng định vai trò của nhân dân tạo nên lịch sử, song cũng nhấn mạnh lịch sử phải có trách nhiệm trước mỗi cá nhân.</p>
---	---

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Phân tích nhân vật bé Vania trong đoạn trích

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung kiến thức bài học: nội dung, nghệ thuật, tư tưởng, nhân vật trong đoạn trích

-Bài mới

Rèn luyện kĩ năng mở bài, kết bài trong văn nghị luận

Tuần 25

Ngày dạy

Tiết 73: Làm văn

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Giúp học sinh:

a. Về kiến thức

- Vị trí, tầm quan trọng của mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.
- Cách mở bài kết bài thông dụng trong bài văn nghị luận

b. Về kĩ năng

Nhận diện và phân tích các cách mở bài, kết bài trong các văn bản nghị luận

-Có kĩ năng vận dụng linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài thông dụng trong khi viết bài văn nghị luận

c. Về thái độ

- Có ý thức vận dụng một cách linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài trong khi viết văn nghị luận.

- Biết nhận diện những lỗi thường mắc trong khi viết mở bài, kết bài và có ý thức tránh những lỗi này.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-**Phương tiện:** Sách giáo khoa, giáo án, tài liệu tham khảo...

-Phương pháp: Kết hợp làm việc cá nhân và tổ chức thảo luận theo nhóm để phân tích ngữ liệu, rút ra các kết luận cần thiết cho bài học.

b. Chuẩn bị của hs

-**Sgk, vở ghi, sách bài tập**

-Các tài liệu tham khảo khác

3. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

Ôn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi:

- Ý nghĩa và mối quan hệ giữa tiêu đề và hình ảnh bánh bao tằm máu người?

Đáp án: Nhan đề truyện gắn liền với chiếc bánh bao tằm máu người, vị thuốc người dân TQ dùng chữa bệnh lao. Nhan đề thể hiện hàm ý phê phán sự u mê lạc hậu mê tín của người dân TQ...

b. Giảng bài mới:

Vào bài:

Khi viết một bài làm văn nghị luận, ta cần lưu ý rằng, trong bài làm văn, phần mở bài và phần kết bài đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giới thiệu và làm nổi bật vấn đề, làm đọng lại suy nghĩ nơi người đọc. Chính vì vậy, việc rèn luyện kĩ năng viết hai phần này là điều cần thiết. Bài học hôm nay sẽ cung cấp cho chúng ta những tri thức cần thiết về điều đó.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>* Hoạt động 1: Tổ chức rèn luyện kĩ năng viết phần mở bài</p> <p>- Thao tác 1: GV tổ chức cho HS tìm hiểu các cách mở bài cho đề bài.</p> <p>+ GV: Giới thiệu đề bài: Phân tích giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm <i>Vợ nhặt</i> (Kim</p>	<p>I. VIẾT PHẦN MỞ BÀI:</p> <p>1. Tìm hiểu cách mở bài:</p> <p>- Đề tài được trình bày: giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân.</p> <p>- Cách mở bài thứ 3: mở bài gián tiếp, dẫn dắt tự nhiên, tạo ra sự hấp dẫn, chú ý và phù hợp hơn cả với yêu cầu trình bày đề tài</p>

<p>Lân) + GV: Yêu cầu HS đọc kĩ các mở bài (SGK) phát biểu ý kiến</p>	
<p>- Thao tác 2: Phân tích các mở bài. + GV: Đoán định đề tài được triển khai trong văn bản? + HS thảo luận nhóm, trình bày trước lớp</p> <p>+ GV: Phân tích tính tự nhiên, hấp dẫn của các mở bài? + HS thảo luận nhóm, trình bày trước lớp</p> <p>- Thao tác 3: Tìm hiểu yêu cầu của phần mở bài. + GV: Từ hai bài tập trên, cho biết phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản? + HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp</p> <p>* Hoạt động 2: Tổ chức rèn luyện kĩ năng viết phần kết bài - Thao tác 1: Tìm hiểu các kết bài (SGK) cho đề bài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> (Nguyễn Tuân) + GV: Yêu cầu HS đọc kĩ các kết bài (SGK) phát biểu ý kiến + HS thảo luận nhóm, trình bày trước lớp</p>	<p>2. Phân tích cách mở bài: - Đoán định đề tài: + MB1: quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam + MB2: Nét đặc sắc của tư tưởng, nghệ thuật bài thơ <i>Tổng biệt hành</i> của Thâm Tâm. + MB3: Những khám phá độc đáo, sâu sắc của Nam Cao về đề tài người nông dân trong tác phẩm Chí Phèo. - Cả 3 mở bài đều theo cách gián tiếp, dẫn dắt tự nhiên, tạo được ấn tượng, hấp dẫn sự chú ý của người đọc hướng tới đề tài.</p> <p>3. Yêu cầu phần mở bài: - Thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài - Hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.</p> <p>II. VIẾT PHẦN KẾT BÀI:</p> <p>1. Tìm hiểu các kết bài</p> <p>- Đề tài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> (Nguyễn Tuân) - Cách kết bài 2 phù hợp hơn với yêu cầu trình bày đề tài: Đánh giá khái quát về ý nghĩa của hình tượng nhân vật ông lái đò, đồng thời gợi suy nghĩ, liên tưởng sâu sắc cho người đọc.</p>

<p>- Thao tác 2: Phân tích các kết bài (SGK) + GV: Cho HS lần lượt phân tích các kết bài. + HS đọc kĩ, thảo luận nhóm 2 nhóm, cử đại diện trình bày.</p> <p>- Thao tác 3: Tìm hiểu yêu cầu của phần kết bài. + GV: Từ hai bài tập trên, hãy cho biết phần kết bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản? + HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp</p>	<p>2. Phân tích các kết bài:</p> <p>- Kết bài 1: Tuyên bố độc lập và khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam đem tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững độc lập.</p> <p>- Kết bài 2: ấn tượng đẹp đẽ, không bao giờ phai nhòa về hình ảnh một phố huyện nghèo trong câu chuyện <i>Hai đực trẻ</i> của Thạch Lam.</p> <p>- Cả hai kết bài đều tác động mạnh mẽ đến nhận thức và tình cảm của người đọc.</p> <p>3. Yêu cầu của phần kết bài</p> <p>- Thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề.</p> <p>- Gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.</p>
--	--

c. Củng cố và luyện tập:

- **Củng cố:**

- Nắm được yêu cầu và cách viết phần mở bài.
- Nắm được yêu cầu và cách viết phần kết bài.

-Luyện tập

Làm bài tập sgk

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ:

Xem lại nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài mới:

Tiếp tục tìm hiểu Rèn luyện kĩ năng mở bài, kết bài trong văn nghị luận.

Tuần 25

Ngày dạy

Tiết 73*: Làm văn

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Giúp học sinh:

a. Về kiến thức

- Vị trí, tầm quan trọng của mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.
- Cách mở bài kết bài thông dụng trong bài văn nghị luận

b. Về kĩ năng

Nhận diện và phân tích các cách mở bài, kết bài trong các văn bản nghị luận

-Có kĩ năng vận dụng linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài thông dụng trong khi viết bài văn nghị luận

-Áp dụng viết một số mở bài, kết bài trong đề văn nghị luận

c. Về thái độ

- Có ý thức vận dụng một cách linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài trong khi viết văn nghị luận.

- Biết nhận diện những lỗi thường mắc trong khi viết mở bài, kết bài và có ý thức tránh những lỗi này.

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-**Phương tiện:** Sách giáo khoa, giáo án, tài liệu tham khảo...

-Phương pháp:Làm việc cá nhân để phân tích ngữ liệu, hướng dẫn hs làm bài tập

b. Chuẩn bị của hs

-**Sgk, vở ghi,sách bai tập**

-Các tài liệu tham khảo khác

3.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

Ôn định lớp.

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vở vào bài mới

Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu xong cách mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận và đã làm một số ngữ liệu tiêu biểu. Hôm nay chúng ta sẽ làm bài tập để củng cố tiết học trên

b.Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Đề 1: Phân tích hình tượng con sông Đà hung bạo và trữ tình trong đoạn trích Người lái đò sông Đà?	1.Bài tập 1 Mở bài: Nguyễn Tuân là cây bút tài hoa uyên bác, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp.Ông có sở trường về thể loại tùy bút, ông được mệnh danh là “ông vua tùy bút”. Một trong số tùy bút tiêu biểu in đậm phong cách tài hoa uyên bác của ông là tùy bút Người lái đò sông Đà in trong tập Sông Đà(1960). Đoạn trích Người lái đò sông Đà trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 đã khắc họa thành công hình tượng con sông Đà với hai nét tính cách trái ngược nhau vừa hung bạo nham hiểm vừa thơ mộng trữ tình. 2. Bài tập 2

<p>Gv viết phần kết bài phân tích nhân vật Phùng trong truyện ngắn Chiếc thuyền Ngoài xa của Nguyễn Minh Châu</p> <p>Hs viết theo các ý</p>	<p>- Khái quát những nét chính về nhân vật, nêu ý nghĩa hình tượng nhân vật Phùng.</p> <p>- Đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của NMC.</p> <p>Viết phần kết bài Nhân vật nghệ sĩ Phùng là nhân vật tư tưởng Mang dáng dấp của nhà văn, thể hiện quan điểm triết lí của nhà văn về nghệ thuật và Cuộc đời. Muốn là một nghệ sĩ chân chính Trước hết phải là một con người chân chính, Biết hành động theo lẽ phải, bênh vực cái Thiện lên án cái xấu cái ác để cho cuộc đời Tốt đẹp hơn</p>
<p>Gv Viết phần kết bài phân tích nhân vật Tnú trong tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành</p> <p>Gv hướng dẫn hs viết</p>	<p>3. Bài 3 Tóm lại, nhân vật Tnú trong truyện ngắn Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành là một hình tượng mang vẻ mỹ học sâu sắc và đậm đà chất sử thi. Tnú chính là nhân vật điển hình đại diện cho cả cộng đồng, sống chết với cộng đồng, gắn bó mật thiết, chặt chẽ với số phận lịch sử của cộng đồng. Tnú xứng đáng là một trong những nhân vật tiêu biểu nhất của chủ nghĩa anh hùng Cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. .</p>
<p>Viết phần mở bài phân tích hình tượng cây xà nu trong tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành</p> <p>Hs viết bài</p> <p>Viết phần mở bài phân tích nhân vật người vợ nhặt trong tác phẩm Vợ nhặt</p>	<p>4. Bài tập 4 Nguyễn Trung Thành là một nhà văn quân đội gắn bó với Tây Nguyên suốt hai cuộc kháng chiến, có nhiều tác phẩm thành công về mảnh đất và con người nơi đây.</p> <p>-Truyện ngắn Rừng xà nu ra đời năm 1965, khi đế quốc Mỹ bắt đầu đổ quân ào ạt vào miền Nam, là câu chuyện về cuộc nổi dậy của dân làng Xô man.</p> <p>-Một trong những thành công nổi bật của tác phẩm là xây dựng hình tượng nghệ thuật độc đáo: hình tượng cây xà nu.</p>

<p>của Kim Lân</p> <p>Hs viết theo gợi ý</p> <p>Gv gọi 2 hs lên bảng trình bày</p> <p>Phân tích nhân vật Xô cô lôp trong tác phẩm Số phận con người của Sô lô khốp Gv yêu cầu hs viết phần mở bài</p> <p>Gv Yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức yêu cầu viết phần mở bài, kết bài</p> <p>Hs nhắc lại</p>	<p>5. Bài tập 5 Vợ nhặt xoay quanh câu chuyện của ba người trong một gia đình ngụ cư. Điều lạ là một người làm nên chính cái tên của truyện lại không có tên, không biết tuổi. Đó chính là vợ Tràng. Sự hấp dẫn của nhân vật nữ này phải chăng là từ một người trong cối mù mịt, không đầu vào đầu trở thành một nàng dâu hiền thực của bà cụ Tứ?</p> <p>6. Bài tập 6</p> <p>Sau chiến tranh rất nhiều số phận đau thương và bất hạnh, họ đối mặt với bao khó khăn tưởng chừng không qua khỏi, vậy mà vẫn có những con người vượt lên số phận bằng niềm tin, ý chí và nghị lực, bằng tình yêu thương con người. Đó là tính cách Nga, con người Nga qua nhân vật Xô cô lôp trong tác phẩm Số phận con người của nhà văn kiệt xuất Nga Sô khô lôp.</p> <p>7. Yêu cầu phần mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài - Hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản. <p>Yêu cầu của phần kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề. - Gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.
--	--

*Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Viết phần mở bài phân tích nhân vật Hạ Du trong tác phẩm Thuốc

*Hướng dẫn hs tự học ở nhà

- Bài cũ
- Biết viết phần mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận
- Bài mới
- Tìm hiểu Ông già và biển cả

Tuần 25

Ngày dạy

Tiết 74-75: Văn
ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ
 (Trích- Hê minh uê)

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- ý chí và nghị lực của ông lão đánh cá trong cuộc chinh phục con cá kiếm cũng như chống chọi với sự dữ dội của biển khơi
- Chi tiết giản dị chân thực mang ý nghĩa hàm ẩn lớn lao

b. Về kĩ năng

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (tự sự, dịch)
- Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật

c. Về thái độ

Không từ bỏ khó khăn trong cuộc sống, trân trọng thành quả lao động cho dù là nhỏ nhất

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

Phương tiện: Sgk, giáo án, thiết kế, sgv; Các tài liệu tham khảo khác.
 Phương pháp: phát vấn, thuyết trình, gợi tìm, hướng dẫn hs trả lời câu hỏi

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.
 Các sách tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới:

Thiên nhiên và con người, con người và hiện thực, con người và ước mơ... đó là những vấn đề mà nhiều nhà văn đã đặt ra trong những tác phẩm của mình. Điều này cũng được thể hiện trong áng văn bất hủ của Hê-minh-uê: *Ông già và biển cả*.

b, Dạy nội dung bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>* Hoạt động 1: Tổ chức tìm hiểu chung</p> <p>- Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả.</p> <p>+ GV: Yêu cầu 1 HS đọc phần <i>Tiểu dẫn</i> (SGK) và Nêu những ý chính về Hê-minh-uê, tiểu thuyết <i>Ông già và</i></p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Ông Hê-minh-uê (1899-1961) sinh tại bang I-li-noi trong một gia đình trí thức.</p> <p>- Sau khi tốt nghiệp trung học, ông đi làm phóng viên.</p>

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p><i>biển cả</i>, vị trí của đoạn trích học.</p> <p>+ HS làm việc cá nhân.</p> <p>+ GV: Nhận xét và tóm tắt những nội dung cơ bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 19 tuổi, ông tham gia đội xe cứu thương của Hội chữ thập đỏ trong Chiến tranh thế giới thứ nhất ở chiến trường I-ta-li-a, sau đó ông bị thương và trở về Hoa Kỳ. - Ông thất vọng về xã hội đương thời, tự nhận mình thuộc <i>thế hệ mất mát</i>, không hòa nhập với xã hội đương thời và đi tìm bình yên trong men rượu và tình yêu. - Sau đó, ông sang Pháp, vừa làm báo vừa bắt đầu sáng tác. - Năm 1926, ông sáng tác tiểu thuyết <i>Mặt trời vẫn mọc</i> và nổi tiếng từ đó. - Ông để lại một số lượng tác phẩm đồ sộ với nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ và nhiều hồi kí, ghi chép. - Những tác phẩm nổi tiếng của Hê-ming-uê: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Mặt trời vẫn mọc</i> (1926), + <i>Giã từ vũ khí</i> (1929), + <i>Chuông nguyện hồn ai</i> (1940). + <i>Ông già và biển cả</i> (1952). - Hê-minh-uê là nhà văn lỗi lạc nhất nước Mỹ vào thế kỉ XX, ông khai sinh lối viết kiệm lời, kiệm cảm xúc. - Ông là người đề ra nguyên lí sáng tác “<i>tảng băng trôi</i>”: <ul style="list-style-type: none"> + Dựa vào hiện tượng tự nhiên: tảng băng trên mặt nước chỉ có ba phần nổi, bảy phần chìm. + Nhà văn phải hiểu biết cặn kẽ về điều muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại những phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc vẫn có thể hiểu được những gì tác giả đã lược bỏ. + Người đọc phải đồng sáng tạo mới có thể hiểu được “<i>bảy phần chìm</i>”, những hình tượng, những hình ảnh, ... giàu tính tượng trưng đa nghĩa. - Dù viết về đề tài gì, Châu Phi hay Châu Mỹ,

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>- Thao tác 2: Tìm hiểu chung về tác phẩm <i>Ông già và biển cả</i>.</p> <p>+ GV: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm.</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh dựa vào Tiểu dẫn nêu vị trí đoạn trích.</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh tóm tắt đoạn trích theo phần chuẩn bị trước ở nhà.</p> <p>+ HS tóm tắt theo yêu cầu của GV.</p> <p>+ GV: Ghi nhận nội dung chính.</p>	<p>Huê-minh-uê đều nhằm mục đích “<i>viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người</i>”.</p> <p>- Ông đã nhận được Giải thưởng Pu-lit-dơ năm 1953- Giải thưởng văn chương cao quý nhất của Hoa Kỳ và Giải thưởng Nô-ben về văn học.</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Năm 1952, sau gần 10 năm sống ở Cu-ba, Huê-minh-uê cho ra đời tác phẩm <i>Ông già và biển cả</i>.</p> <p>- Bối cảnh của truyện là ngôi làng chài yên ả bên cảng La-ha-ba-na. Nguyên mẫu của nhân vật Xan-ti-a-go là người thủy thủ trên tàu của ông.</p> <p>- Trước khi in thành sách, tác phẩm đã được đăng trên tạp chí <i>Đời sống</i>.</p> <p>- Tác phẩm gây tiếng vang lớn và hai năm sau Hê-ming-uê được trao giải Nô-ben.</p> <p>- Tác phẩm tiêu biểu cho lối viết “<i>Tảng băng trôi</i>” của Huê-minh-uê.</p> <p>b. Vị trí đoạn trích;</p> <p>Đoạn trích nằm ở cuối truyện, kể lại việc lão Xan-ti-a-go đổi theo và bắt được con cá kiếm.</p> <p>c. Tóm tắt:</p> <p>- Một ông lão đánh cá tên là Xan-ti-a-go đã nhiều ngày không kiếm được một con cá nào.</p> <p>- Trong một chuyến đi biển “rất xa”, lão đã câu được một con cá kiếm cực lớn, cực đẹp. Nhưng con cá quá khỏe đã lôi lão ra ngoài khơi.</p> <p>- Vật lộn với con cá ba ngày liền, lão kiệt sức. Lão quyết định đâm chết nó</p> <p>- Nhưng trên đường về, lão phải chiến đấu với đàn cá mập dữ tợn đến ăn con cá kiếm. Cuộc chiến không cân sức và cuối cùng lão chỉ mang về được bộ xương của con cá kiếm.</p> <p>- Lão trở về lều và nằm vật ra. Chú bé Ma-nô-lin gọi các bạn chài đến chăm sóc lão. Lão ngủ thiếp đi và mơ về “<i>những con sư tử</i>”.</p>

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>* Hoạt động 2: Tổ chức đọc- hiểu văn bản đoạn trích</p> <p>- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi 1 phần Hướng dẫn học bài.</p> <p>+ GV: Chỉ bằng cái nhìn quan sát và cảm giác đau đớn nơi bàn tay, ông lão đã ước lượng được điều gì?</p> <p>+ GV: Qua đó, em nhận ra được đây là người ngư phủ như thế nào?</p> <p>+ GV: Chốt lại những nội dung chủ yếu</p> <p>+ GV: Những vòng lượn cũng cho ta cảm nhận những gì về con cá?</p>	<p>II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:</p> <p>1. Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm:</p> <p>- Gọi lên hình ảnh một ngư phủ lành nghề kiên cường:</p> <p>Chỉ bằng con mắt từng trải và cảm giác đau đớn nơi bàn tay, ông lão ước lượng được khoảng cách ngày càng gần tới đích qua vòng lượn từ rộng tới hẹp, từ xa tới gần của con cá.</p> <p>- Vòng lượn cũng vẽ lên những cố gắng cuối cùng nhưng cũng rất mãnh liệt của con cá:</p> <p>+ Nó có gắng thoát khỏi sự níu kéo bủa vây của người ngư phủ</p> <p>+ Nó cũng dũng cảm kiên cường không kém gì đối thủ.</p> <p>- Vòng lượn cũng biểu hiện cảm nhận của ông lão về con cá, tập trung vào hai giác quan là thị giác và xúc giác</p> <p>Nhưng chỉ là cảm nhận gián tiếp vì Xan-ti-a-gô chưa thể nhìn thấy con cá mà chỉ đoán biết nó qua vòng lượn</p>

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Tóm tắt những nét tiêu biểu về nhà văn Hê minh uê và kể tên 3 tác phẩm của ông

d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung kiến thức bài học: tác giả, hoàn cảnh sáng tác,tóm tắt nội dung tác phẩm, bước đầu tìm hiểu những vòng lượn của con cá trong đoạn trích

-Bài mới

Tìm hiểu tiếp Ông già và biển cả

Tiết 75: Văn
ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ
 (Trích- Hê minh uê)
 -Tiếp theo-

*Tiền trình bài dạy

-Ôn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Lời vào bài

Nắm chắc những vòng lượn của con cá kiếm, ông lão đã thay đổi chiến thuật của mình. Có lúc ông rất khó khăn để tiếp cận với con cá, có lúc tưởng chừng đã kéo nó lên được bờ, trận đấu vẫn diễn ra ác liệt và cuối cùng phần thắng thuộc về ai

-Bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi 2 phần Hướng dẫn học bài.</p> <p>+ GV: Cảm nhận về con cá kiếm tập trung vào những giác quan nào của ông lão?</p> <p>+ GV: Chứng minh rằng những chi tiết này gợi lên sự tiếp nhận của ông lão từ xa đến gần, từ bộ phận đến toàn thể. Đầu tiên, ông lão nhìn thấy những gì về con cá kiếm?</p> <p>+ GV: Ông lão đã tấn công tiêu diệt con cá bằng những động tác nào?</p> <p>+ GV : Ông lão nhìn thấy hình ảnh con cá đang mang trong mình cái chết như thế nào?</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>2. Con cá kiếm qua cảm nhận của ông lão:</p> <p>- Cảm nhận ngày càng mãnh liệt hơn, đặc biệt là từ “<i>vòng thứ ba, lão đầu tiên nhìn thấy con cá</i>”.</p> <p>- Sự miêu tả đúng như sự việc xảy ra trong thực tế:</p> <p>+ Trước một con cá lớn như vậy, thoát tiên ông lão chỉ nhìn thấy từng bộ phận, chỉ tấn công được vào từng bộ phận trước khi nó xuất hiện toàn thể trước mặt ông.</p> <p>+ “<i>Một cái bóng đen vượt dài qua dưới con thuyền, đến mức lão không thể tin nổi độ dài của nó.</i>”</p> <p>+ “<i>Cái đuôi lớn hơn cả chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng dựng trên mặt đại dương xanh thẫm</i>”</p> <p>+ “<i>Cánh vi trên lưng xếp lại, còn bộ vây to sụ bên sườn xòe rộng</i>”</p> <p>+ Ông lão “<i>vận hết sức bình sinh ... phóng xuống sườn con cá ngay sau cái</i></p>

<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi 3 phần Hướng dẫn học bài.</p> <p>+ GV: Hãy phát hiện thêm một lớp nghĩa mới: phải chăng ông lão chỉ cảm nhận đối tượng bằng giác quan của một người đi săn, một kẻ chỉ nhằm tiêu diệt đối thủ của mình? Ông lão đã gọi con cá bằng những từ ngữ nào? Những từ ngữ đó cho ta biết được tình cảm gì của ông lão dành cho con cá?</p> <p>+ GV: Trong cuộc đi săn này, em cảm nhận được bi kịch tinh thần của ông lão là gì?</p> <p>+ GV: Hãy tìm những chi tiết chứng tỏ một cảm nhận khác lạ của ông lão về con cá? Từ đó, nhận xét về mối liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm?</p>	<p><i>vây ngực đồ sộ”</i></p> <p>+ Con cá <i>“phóng vút lên khỏi mặt nước phô hết tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực”</i></p> <p>+ <i>“nằm giữa phơi cái bụng ánh bạc của nó lên trời”</i></p> <p>- Cảm nhận qua xúc giác vẫn có phần gián tiếp (qua sợi dây, qua mũi lao) nhưng vẫn rất mãnh liệt và ngày càng đau đớn</p> <p>3. Sự cảm nhận khác lạ của ông lão qua cuộc trò chuyện với con cá:</p> <p>- Ông không chỉ cảm nhận con cá bằng thị giác và xúc giác, không chỉ bằng động tác mà còn bằng cả trái tim, sự cảm thông.</p> <p>+ Ông lão làm nghề câu cá, bắt được cá là mục đích, là cuộc sống của ông. Nhưng ông yêu quý nó như <i>“người anh em”</i>, gọi nó là <i>“cá câu”</i> rất thân mật.</p> <p>+ Con cá là hiện thân của cái đẹp, nhưng vì sự tồn tại của mình mà ông phải tiêu diệt nó, hủy hoại cái thân yêu, quý trọng nhất của đời mình.</p> <p>→ Bi kịch tinh thần của ông lão.</p> <p>- Sự cảm nhận của ông lão về <i>“đối thủ”</i> không nhuộm màu thù hận, không chỉ có quan hệ giữa người đi câu và con cá câu được mà ngược lại:</p> <p>+ Đó là sự chiêm ngưỡng, sự cả kích trước vẻ đẹp và sự cao quý của con cá.</p> <p><i>“Tao chưa hề thấy bất kì ai hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn mày, người anh em ạ.”</i></p> <p>+ Đó là quan hệ giữa hai kẻ thù địch thủ, ngang tài ngang sức, đều nỗ lực hết mình.</p> <p>+ Đó là quan hệ giữa con người và cái</p>
---	---

- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi 4 phần Hướng dẫn học bài.

+ **GV:** So sánh hình ảnh con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó. Điều này gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì? Vì sao có thể coi con cá kiếm như một biểu tượng?

+ **GV:** Trong cuộc chiến với con cá kiếm ông lão có những hành động nào? Qua đó, em cảm nhận được những gì về nhân vật này?

+ **GV:** Theo em, hình ảnh của ông lão Xan-ti-a-go biểu tượng cho điều gì?

- Thao tác 4: GV cho HS rút ra ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích.

đẹp, cái mơ ước.

→ Vẻ đẹp cao thượng trong tâm hồn ông lão.

4. Những hình ảnh mang tính biểu tượng:

- Con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó:

+ Khi chưa bị chế ngự: Nó có vẻ đẹp kì vĩ, kiêu hùng

→ Biểu tượng cho ước mơ, lí tưởng mà mỗi người thường đeo đuổi trong cuộc đời.

+ Khi nó bị chế ngự: Nó mất đi vẻ đẹp mơ hồ, lung linh, trở nên cụ thể, hiện thực.

→ Biểu tượng cho ước mơ trở thành hiện thực, không còn khó nắm bắt hoặc xa vời. Có như vậy, người ta mới luôn theo đuổi những ước mơ.

- Những hành động của ông lão:

+ Lúc đầu, ông thu dây đề kéo con cá khỏi quay vòng

+ Vì quá cố gắng, ông thấy sức lực suy kiệt nhanh chóng, cảm thấy “*hoa mắt, mồ hôi xát muối vào mắt lão và xát muối lên vết cắt phía trên mắt và trán*”

+ Lão tự động viên bản thân: “*Kéo đi, tay ơi... Hãy đứng vững, đôi chân kia. Tỉnh táo vì tao, đầu à.*”

+ Ông tìm mọi cách di chuyển được con cá nhưng cũng là lúc kiệt sức “*miệng lão khô khốc không thể nói nổi*”

→ Đó là sự kiên trì, ngoan cường, quyết tâm của ông lão. Đó là một biểu tượng đẹp về nghị lực của con người “*Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể đánh bại*”

5. Chủ đề:

Qua hình ảnh ông lão Xan-ti-a-go quật

<p>+ GV: Chủ đề của tác phẩm là gì? + HS thảo luận cá nhân và trả lời</p> <p>* Hoạt động 3: Tổ chức tổng kết - GV tóm tắt lại bài học, yêu cầu HS rút ra những nhận xét, đánh giá chung về đoạn trích. - HS tự tổng kết theo nội dung Ghi nhớ</p> <p>* Hoạt động 4: Tổ chức luyện tập - Thao tác 1: Tìm hiểu bài tập 1. + GV yêu cầu HS đọc lại đoạn trích và thảo luận vấn đề: Ngoài việc miêu tả bằng lời của người kể chuyện, còn có loại ngôn ngữ nào trực tiếp nói lên hành động và thái độ của ông lão trước con cá kiếm nữa không? Sử dụng loại ngôn ngữ này có tác dụng gì khi nói lên mối quan hệ giữa ông lão và con cá kiếm? - HS làm việc cá nhân với văn bản rồi thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. - Thao tác 2: Tìm hiểu bài tập 2. + GV yêu cầu học sinh nhận xét về nhan đề dịch chưa thật sát nghĩa của đoạn trích. + HS tự do phát biểu</p>	<p>cường, chiến thắng con cá kiếm bằng kỹ năng nghề nghiệp điều luyện, tác giả gửi gắm một thông điệp về niềm tin, ý chí và nghị lực của con người</p> <p>III. TỔNG KẾT: Ghi nhớ (SGK)</p> <p>IV. LUYỆN TẬP: 1. Bài tập 1: - Ngoài việc miêu tả bằng lời của người kể chuyện, còn có loại ngôn ngữ của ông lão trước con cá kiếm - Mối quan hệ giữa ông lão và con cá kiếm: dưới mắt ông, con cá kiếm giống như một con người, một người bạn tâm tình, một đối thủ đáng kể. 2. Bài tập 2.</p>
---	---

***Củng cố và luyện tập:**

- Củng cố:

- Hình ảnh con cá kiếm qua cảm nhận của ông lão?
- Hình ảnh ông lão kiên cường?
- Ý nghĩa của tác phẩm là gì?

-Luyện tập

Lập dàn ý phân tích hình ảnh ông lão đánh cá trong đoạn trích

*** Hướng dẫn hs tự học ở nhà:**

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung bài học và làm bài tập

-Chuẩn bị bài: Hồn Trương Ba, da hàng thịt

Tuần 26 Ngày dạy

Tiết 76-77: Văn

HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT

(Trích-Lưu Quang Vũ)

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- Những ràng buộc mang tính tương khắc giữa thể xác và linh hồn trong một nghịch cảnh trớ trêu: linh hồn nhân hậu thanh cao phải sống nhờ, sống tạm một cách trái tự nhiên trong một thân xác phàm tục thô lỗ

- Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác để bảo vệ những phẩm tính cao quý để có một cuộc sống thực sự có ý nghĩa xứng đáng với con người

- Sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, tính hiện đại và giá trị truyền thống chất trữ tình bay bổng và sự phê phán quyết liệt mạnh mẽ

b. Về kĩ năng

Đọc hiểu kịch bản văn học theo đặc trưng thể loại

c. Về thái độ

Phải đấu tranh trong chính bản thân con người để sống tốt đẹp có ý nghĩa

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a. Chuẩn bị của giáo viên:

Phương tiện: Sgk, giáo án, thiết kế, sgv; Các tài liệu tham khảo khác.

Phương pháp: phát vấn, thuyết trình, gợi tìm, hướng dẫn hs trả lời câu hỏi

b. Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn, vở ghi.

Các sách tham khảo khác

3. Tiến trình bài dạy:

a. Kiểm tra bài cũ: không

* Đặt vấn đề vào bài mới: Trong mỗi một con người bao giờ cũng có mặt thiện và không thiện. Nhưng làm thế nào để có đủ bản lĩnh để đấu tranh loại bỏ cái xấu cái ác. Đó là cuộc đấu tranh giằng co ác liệt trong vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt mà chúng ta tìm hiểu hôm nay của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ

b. Dạy nội dung bài mới

Hồ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu phần tiểu dẫn. - Gv cho hs đọc phần tiểu dẫn và khái quát vài nét tiêu biểu về nhà soạn kịch Lưu Quang Vũ. - Gv diễn thuyết thêm về tình hình xã hội khi vở kịch ra đời. - Học sinh tiếp tục dựa vào phần tiểu dẫn	I. Tìm hiểu chung 1- Tác giả: - Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) sinh ra ở Phú Thọ, quê ở Quảng Nam. - Ở những năm 80 của thế kỉ XX tên tuổi của Lưu Quang Vũ nổi lên như một hiện tượng tạo tiếng vang. (50 vở kịch trong vòng 7,8 năm).

<p>để tìm hiểu vài nét về tác phẩm.</p> <p>- Gv phân vai cho hs đọc đoạn kịch, cần chú ý ngôn ngữ nhân vật.</p> <p>Yêu cầu hs tóm tắt đoạn trích vở kịch</p> <p>Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu.</p> <p>1- Tìm hiểu diễn biến tình huống kịch:</p> <p>- GV cho hs tóm tắt diễn biến tình huống kịch trong đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>Bước 2: Tìm hiểu tình cảnh hồn TB khi ngụ trong xác anh hàng thịt:</p> <p>- Phân tích hoàn cảnh trở trêu của hồn TB.</p> <p>- Chú ý lời thoại với những người thân của TB.</p>	<p>+ Cảm hứng sáng tạo và tài năng.</p> <p>+ Không khí xã hội cùng đời sống sôi động.</p> <p>- Nhiều vở kịch đoạt giải cao trong các kì hội diễn.</p> <p>- 1988 mất vì tai nạn giao thông.</p> <p>- 2000 được tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật.</p> <p>2- Tác phẩm:</p> <p>- Sáng tác theo hướng khai thác cốt truyện văn học dân gian → nhằm gợi gẫm những suy nghĩ về nhân sinh và phê phán một số hiện tượng tiêu cực.</p> <p>- Đoạn trích thuộc cảnh VII & đoạn kết của vở kịch: Diễn tả sự đau khổ, dằn vặt và quyết định cuối vô cùng cao thượng của hồn Trương Ba.</p> <p>II- Đọc hiểu:</p> <p>1- Diễn biến tình huống kịch: Đoạn trích là lúc xung đột lên đến đỉnh điểm.</p> <p>- Hồn Trương Ba không thể sống thế này mãi, hồn muốn thoát khỏi thân xác kèn càng, thô lỗ.</p> <p>- Cuộc đối thoại giữa hồn và xác với sự giễu cợt tự đắc của xác khiến hồn càng trở nên đau khổ, tuyệt vọng.</p> <p>- Thái độ cư xử của người thân khiến hồn Trương Ba bẽ tắc: quyết định giải thoát.</p> <p>- Cuộc gặp gỡ - đối thoại giữa hồn Trương Ba & tiên Đế Thích để dẫn đến quyết định cuối của hồn Trương Ba.</p> <p>2- Hồn TB khi ngụ trong xác anh hàng thịt: Có những thay đổi rõ rệt.</p> <p>- Không con chăm chỉ - hết lòng yêu thương vợ con. Không con quan tâm đến chuyện của bà con chòm xóm.</p> <p>- Vụng về, thô lỗ, phũ phàng.</p> <p>- Con dâu: xót xa - ngỡ ngàng bởi không còn được thấy hình ảnh con người “ hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng</p>
--	---

con xưa kia”

→ Những thay đổi này người thân phải chứng kiến & chịu đựng.

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Làm phần luyện tập trang 154-sgk

d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm nội dung bài học:tác giả,tóm tắt tác phẩm, đoạn trích,bước đầu tìm hiểu mâu thuẫn kịch,lời đối thoại của Trương Ba ngụ trong xác anh hàng thịt

-Bài mới

Tiếp tục tìm hiểu Hồn Trương Ba,da hàng thịt

Tuần 26

Ngày dạy

Tiết 77:Văn

HỒN TRƯƠNG BA,DA HÀNG THỊT

(Trích-Lưu Quang Vũ)

-Tiếp theo-

*Tiến trình bài dạy

-Ôn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Đặt vở vào bài mới

Hồn Trương Ba khi trú ngụ xác anh hàng thịt vô cùng đau đớn,không được mọi người chấp nhận ngay cả những người thân yêu trong gia đình.Chi có con dâu là hiểu bố chồng song cũng không thể giúp bố giải thoát tận bi kịch.Vây cuối cùng hồn Trương Ba đã phải quyết định ra sao.Bài học hôm nay cô trò ta tìm hiểu tiếp

-Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
	I.Tìm hiểu chung II- Đọc hiểu: 1- Diễn biến tình huống kịch: Đoạn trích là lúc xung đột lên đến đỉnh điểm 2- Hồn TB khi ngụ trong xác anh hàng thịt: Có những thay đổi rõ rệt. 3- Cuộc đối thoại giữa hồn TB và tiên Đế Thích - Quyết định cuối của hồn Trương Ba: a) Ý nghĩa của lời thoại:

<p>Bước 3: Cuộc đối thoại giữa hồn TB và tiên Đế Thích.</p> <p>- Em hãy tìm những lời thoại nào giữa hồn TB và tiên Đế Thích mà em cho là có chứa đựng ý nghĩa sâu xa?</p> <p>- Vậy ý nghĩa đó là gì?</p> <p>- Qua lời thoại, hồn TB đã ý thức như thế nào về hoàn cảnh của mình?</p> <p>- Nhận xét về quyết định cuối của hồn TB?</p> <p>+ Tại sao hồn TB lại đi đến quyết định ấy? Có hợp lí không?</p> <p>+ Tính cách của TB lúc này?</p> <p>- Ý nghĩa phê phán của đoạn trích?</p> <p>Gv gọi lần lượt hs trình bày các ý</p>	<p>- Là nơi tác giả gói gắm những quan niệm về lẽ sống, cái chết và hạnh phúc.</p> <p>+ Không thể bên trong một đàng, bên ngoài một nẻo...</p> <p>+ Sống nhờ vào đồ đạc ...</p> <p>- Ý nghĩa:</p> <p>+ Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hoà, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi xác và không thể an ủi, vỗ về bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn.</p> <p>+ Sống nhờ, sống gởi, sống chấp vá, không được là mình thì cuộc sống ấy thật là vô nghĩa.</p> <p>- Qua lời thoại, nhân vật ý thức rõ hoàn cảnh của mình: đầy trở trêu và bi hài.</p> <p>b) Quyết định cuối của hồn TB: cho cu Tị được sống lại còn mình thì chết hẳn.</p> <p>- Nguyên nhân:</p> <p>+ Hồn TB ngày càng thấm thía nỗi đau xót trở trêu: bên trong một đàng, bên ngoài một nẻo.</p> <p>+ Có được nhận thức tinh táo + tình thương cu Tị → quyết định dứt khoát.</p> <p>+ Cái chết cu Tị đẩy nhanh diễn biến kịch đến “mở nút” → quyết định cho thấy nhân vật là một con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng: Đã ý thức được ý nghĩa sự sống.</p> <p>- Ý nghĩa phê phán của đoạn trích:</p> <p>+ Chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ thích hưởng thụ đến trở trêu, thô thiển.</p> <p>+ Lấy cớ là tâm hồn thanh cao mà không chăm lo đến sinh hoạt vật chất, không phấn đấu vì hạnh phúc toàn vẹn.</p> <p>→ Là biểu hiện của chủ nghĩa duy tâm, chủ quan, lười biếng không tưởng.</p> <p>III. TỔNG KẾT</p>
--	--

<p>Hoạt động 3: Tổ chức tổng kết - GV định hướng cho HS tự tổng kết. <i>Câu hỏi:</i> Cảm nhận khái quát của anh chị sau khi đọc- hiểu đoạn trích</p>	<p>Không chỉ có ý nghĩa triết lí về nhân sinh, về hạnh phúc con người, rong vở kịch nói chung và đoạn kết nói riêng, Lu Quang Vũ muốn góp phần phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ:</p> <p><i>Thứ nhất</i>, con người đang có nguy cơ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ thích hòng thụ đến nỗi trở nên phàm phu, thô thiển.</p> <p><i>Thứ hai</i>, lấy cơ tâm hồn là quý, đời sống tinh thần là đáng trọng mà chẳng chăm lo thích đáng đến sinh hoạt vật chất, không phấn đấu vì hạnh phúc toàn vẹn.</p> <p>Cả hai quan niệm, cách sống trên đều cực đoan, đáng phê phán.</p> <p><i>Ngoài ra</i>, vở kịch còn đề cập đến một vấn đề cũng không kém phần bức xúc, đó là tình trạng con người phải sống giả, không dám và cũng không được sống là bản thân mình. Đây là nguy cơ đẩy con người đến chỗ bị tha hóa do danh và lợi.</p> <p>Với tất cả những ý nghĩa đó, đoạn trích rất tiêu biểu cho phong cách viết kịch của Lu Quang Vũ.</p> <p>IV- Kết luận: Đoạn trích đã khái quát ý nghĩa tư tưởng và chiều sâu triết lí với ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mâu thuẫn giữa linh hồn và xác thịt, giữa đạo đức và tội lỗi. - Bi kịch của con người không được sống thật với mình
---	---

***Củng cố và luyện tập**

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về nhân vật hồn TB

***.Hướng dẫn hs tự học ở nhà**

-Bài cũ

Nắm nội dung bài học:tác giả,tóm tắt tác phẩm, đoạn trích,bước đầu tìm hiểu mâu thuẫn kịch,lời đối thoại của Trương Ba ngụ trong xác anh hàng thịt

-Bài mới

Diễn đạt trong văn nghị luận

Tiết 78: Làm văn
DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN
 (Tiết 1)

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung đề kiểm tra

-Luyện tập

Hs lập dàn ý cho đề kiểm tra

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung đề kiểm tra; làm bài tập

-Bài mới

Diễn đạt trong văn nghị luận(tiếp)

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Bước 1: GV cho HS tìm hiểu ví dụ (1) (2) trong SGK và làm rõ các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau nh thế nào? Hãy chỉ rõ u điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn. - Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này. <p>Bước 2: GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK.</p>	<p>I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận</p> <p>1. Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là hai đoạn văn nghị luận cùng viết về một chủ đề, cùng viết về một nội dung. Tuy nhiên mỗi đoạn lại có cách dùng từ ngữ khác nhau. - Nhược điểm lớn nhất của đoạn văn (1) là dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp với đối tượng đọc nói tới. Đó là những từ ngữ: nhàn rỗi, chẳng thích làm thơ, vẻ đẹp lung linh. - ở đoạn văn (2) cũng còn mắc một số lỗi về dùng từ. Tuy nhiên, ở đoạn văn này đã biết cách trích lại các từ ngữ đọc dùng để nó chính xác cái thần trong con người Bác và thơ Bác của các nhà nghiên cứu, các nhà thơ khác làm cho văn có hình ảnh sinh động, giàu tính thuyết phục. <p>2. Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ ngữ: linh hồn Huy Cận; nổi hắt hiu trong cõi trời; hơi gió nhớ thương; một tiếng địch buồn; sáo Thiên Thai; điệu ái tình; lời li tao...đọc sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩa chung: u sầu, lạng lẽ rất phù hợp với tâm trạng Huy Cận trong tập Lửa thiêng. - Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (điều hiu, ngâm ngùi dài, than van, cảm thương) cùng với lối xng hô đặc biệt (chàng) và hàng loạt các thành phần chức năng nêu bật sự đồng điệu giữa người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận. <p>3. Bài tập 3</p>

Bước 3: GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 3 và trả lời các câu hỏi trong SGK.

Bước 4: GV hướng dẫn HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận.

Hoạt động 2: Hướng dẫn cách sử dụng kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận.

Bước 1: gv cho hs thảo luận nhóm để phân tích các ngữ liệu trong sgk.

Bước 2: cho hs trình bày bài làm của mình trước lớp

1) Bài tập 1:

- Yêu cầu: so sánh cách sử dụng kết hợp các kiểu câu của hai đoạn văn và chỉ ra hiệu quả diễn đạt của cách sử dụng này?

- Vì sao trong một đoạn văn nghị luận nên sử dụng kết hợp nhiều kiểu câu khác nhau?

- Bài tập yêu cầu sửa chữa lỗi dùng từ trong đoạn văn:

+ Các từ ngữ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng: Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,...

+ Dùng từ không phù hợp với phong cách văn bản chính luận: viết nh nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: ngồi ta ai mà chẳng, chẳng là gì cả, phát bệnh.

4- Kết luận: (sgk)

II- Cách sử dụng kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận:

1- Phân tích ngữ liệu:

a) Bài tập 1:

- Đoạn (1) sử dụng toàn câu tường thuật, cấu tạo cơ bản giống nhau: đều là câu chủ động với chủ ngữ là Trọng Thủy. Cách diễn đạt này không sai nhưng đơn điệu, thiếu sức gợi cảm.

- Đoạn (2) sử dụng nhiều kiểu câu: câu tường thuật, câu hỏi tu từ, sử dụng linh hoạt: câu ngắn, câu dài; sử dụng một số phép tu từ về câu: phép chêm xen, phép liệt kê.

b) Bài tập 2: GV hướng dẫn hs trả lời.

c) Bài tập 3: tương tự.

2- Kết luận:

- Kết hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tạo giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc.

- Sử dụng phép tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc.

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Viết đoạn văn nghị luận ngắn chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng kết hợp các kiểu câu

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học: sử dụng từ ngữ và kiểu câu trong đoạn văn nghị luận

-Bài mới

Tìm hiểu tiếp Diễn đạt trong văn nghị luận

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- Các yêu cầu về diễn đạt trong bài văn nghị luận
- Một số lỗi và cách sửa lỗi về diễn đạt trong bài văn nghị luận

b. Về kĩ năng

- Nhận diện các cách diễn đạt hay trong một số văn bản nghị luận
- Tránh các lỗi về dùng từ, đặt câu sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực diễn đạt của bài văn nghị luận
- Vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt sáng tạo

c. Về thái độ

Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt sáng tạo

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

Phong tiên dạy học: SGK, GA, sách tham khảo.

Phong pháp dạy học: Bài học này là bài thực hành nên phong pháp dạy chủ yếu là kết hợp làm việc cá nhân, hướng dẫn các em làm bài tập

b. Chuẩn bị của hs

Sgk, vở ghi, sách bài tập

Chuẩn bị bài ở nhà

3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới

Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu Diễn đạt trong văn nghị luận với việc tìm hiểu từ ngữ, câu văn trong văn nghị luận. Tiết học hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu một số bài tập và viết đoạn nghị luận cổ sử dụng các kiểu câu trong văn nghị luận trong văn nghị luận

b. Dạy nội dung bài mới

Hỗ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv ra đề bài cho hs, yêu cầu hs viết đoạn văn sử dụng từ ngữ, các kiểu câu phù hợp với đề bài</p> <p>Hs viết theo gợi ý của gv Gv gọi 2 hs trình bày và gọi 2 hs khác nhận xét</p>	<p>1, Bài tập 1 Viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề người dân sử dụng và vứt túi nilong bừa bãi ra ngoài môi trường</p> <p>Gợi ý -Hiện nay ra đờng chúng ta thờng gặp những túi nilong vứt bừa bãi ra vệ đờng, một cái ao làng, một hồ nước công cộng thậm chí cả một dòng sông đây túi nilong gây ô nhiễm rất lớn đến nguồn nước và môi trường sống -Túi nilong đợc dùng trong đời sống: gói, đựng, bao bọc □ đồ vật</p>

Bersot nói: “Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ”. Ý kiến của anh/chị về câu nói trên?

Gv yêu cầu hs lập dàn ý sau đó viết 1-2 đoạn văn với giọng điệu phù hợp với một tình cảm thiêng liêng đó là người mẹ

Gọi 2 hs viết 2 đoạn văn khác nhau và đọc trước lớp, gv nhận xét bổ sung và chốt ý

-Trước kia công nghệ sản xuất cha cao nên túi ni lông cha phổ biến□giờ đây tràn lan khắp mọi nơi trở thành vấn đề bức bối cho toàn xã hội;ý thức người dân còn hạn chế,một số địa phương nhất là ở nông thôn cha có bãi đổ rác,các đô thị lớn thì lượng rác thải quá lớn cha kịp xử lí

-Biện pháp: ý thức người dân cần thay đổi,tuyên truyền bằng nhiều hình thức,xây bãi rác ở các địa phương

2.Bài tập 2

a/ Mở bài :

- Bàn về vẻ đẹp của tình mẫu tử, Bersot nói: “*Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ*”.

- Câu nói của Bersot đã ca ngợi và khẳng định tình cảm thiêng liêng trong trái tim của người mẹ dành cho con trong cuộc đời.

b/ Thân bài :

***. Giai thích nội dung câu nói của Bersot:**

- **Hiểu nghĩa của kỳ quan** (có thể là một công trình kiến trúc hoặc cảnh vật) đẹp đến mức kỳ diệu hiếm thấy.

- Bersot nói: “*Trong vũ trụ có lắm kỳ quan*” có nghĩa cái đẹp đến mức kỳ diệu hiếm thấy (ở những công trình kiến trúc hay cảnh vật tự nhiên) là không ít, nhưng *kỳ quan tuyệt hảo nhất là trái tim người mẹ*.

→ Nội dung chính của câu trên là nhằm nói về trái tim người mẹ: kỳ quan tuyệt hảo nhất.

*** Phân tích , chứng minh để thấy được vẻ đẹp tuyệt hảo và thiêng liêng của tình mẹ:** Trái tim người mẹ ở đây là tình cảm của mẹ dành cho con. Đó là tình yêu thiêng liêng nhất không gì có thể sánh được (*học sinh có thể liên hệ với thực tế để nói về đức hi sinh của mẹ suốt đời cho*

con, những bà mẹ Việt Nam anh hùng có nhiều người con là liệt sĩ... trong các tác phẩm văn học: *Tắt đèn*, *Người mẹ cầm súng*, *Chiếc thuyền ngoài xa*...)

- Mang nặng đẻ đau...

- Chăm nuôi con khôn lớn...

- Gắn gũi chia sẻ những buồn vui với con ...

- Lo lắng, dõi theo con từng bước trong cuộc đời..

→ ***Hy sinh cho con tất cả mà không hề tính toán...***

***Bình luận :**

- Trong thực tế , người mẹ nào cũng luôn yêu thương con mình. Bởi lẽ, những đứa con chính là món quà vô giá mà Thượng đế ban tặng cho họ. Nhưng không phải người con nào cũng hiểu được sự thiêng liêng vô giá từ tình thương của mẹ .

- Tuy nhiên, trong thực tế cũng có những bà mẹ bỏ rơi con cái của mình từ khi mới sinh ra, hoặc vì một ham muốn tầm thường, thấp kém nào đó mà lợi dụng con cái của mình – nhưng đó là hiện tượng cá biệt cần phê phán. (dẫn chứng: báo chí gần đây đưa tin bà mẹ chôn con vì với tâm lí không nuôi được con do gia đình quá nghèo, bán con cho Trung Quốc, bạo lực với con cái...)

- Câu nói của Bersot là lời khẳng định và ngợi ca, tôn vinh sự cao đẹp của tình mẹ. Thức tỉnh những người là

c./ Kết bài :

- Đây là một câu nói hay, sâu sắc và ý nghĩa... về đạo lý ở đời của tất cả những ai là con trên thế gian này với người mẹ của mình.

- Chúng ta cần phải có những suy nghĩ, tình cảm, trách nhiệm đúng mực của mình để đáp lại tình cảm thiêng liêng của

Đề 3: Viết một bài văn nghị luận ngắn nêu suy nghĩ của em về sự thành công trong cuộc sống.

Gv yêu cầu hs viết đoạn văn trong đó sử dụng từ ngữ, câu văn phù hợp

Gọi 3 hs trình bày đoạn văn của mình, gv gọi hs khác nhận xét

Gv chốt ý và bổ sung

mẹ đã dành cho conm con nào còn vô tâm, bất hiếu với bậc sinh thành ra mình
3. Bài tập 3

a. Mở bài: giới thiệu vấn đề: sự thành công trong cuộc sống.

b. Thân bài:

*. Giải thích: thành công là đạt được kết quả, tốt đẹp như mình mong muốn.

*. Biểu hiện của sự thành công:

- Đối với một học sinh là thi đậu vào đại học.

- Đối với một doanh nhân là kí được một hợp đồng béo bở.

- Đối với một người bình thường: mua được một ngôi nhà như mơ ước cũng được coi là sự thành công.

*. Phân tích vấn đề đúng, sai:

- Khi nói đến sự thành công người ta hay nói đến danh vọng, vật chất, công ăn việc làm, vị trí xã hội.

- Thành công với người này nhưng cũng có thể là thất bại với một người có quan niệm khác-- > thành công phải xét đến đối tượng cụ thể, lĩnh vực cụ thể cả về mặt vật chất lẫn tinh thần.

- Nêu dẫn chứng minh họa: sở hữu những thứ tiện nghi, sang trọng, đắt tiền hay vị trí xã hội mà nhiều người mơ tưởng thì gọi là thành công. Nhưng gia đình đổ vỡ, bạn bè xa lánh thì lại là thất bại và ngược lại. Bỏ mọi mối quan hệ, ăn thua đối với người khác cũng được gọi là thanh công nhưng thất bại với chính mình.

- Trong cuộc sống hiện đại thương trường trở thành chiến trường. Để thành công, con người trở thành cỗ máy vô tri, vô giác, luôn nghi kị, cạnh tranh, ganh ghét, chui vào vỏ bọc của sự cô đơn, lạnh lùng.

	<p>Đó là sự thành công mang theo tính chất của sự huỷ diệt.</p> <p>thành công vì chiến thắng với bản thân mình, tự tin, bước tiếp ...- Một số người gặp thất bại, nhưng đối với họ, thất bại là mẹ thành công</p> <p>*. Phê phán các biểu hiện ngược:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bạn trẻ không dám bước vào đời, sợ va chạm với khó khăn và sợ thất bại, sợ thua kém người khác. - Những kẻ lười biếng. - Phê phán những kẻ tự đánh bóng tên tuổi của mình hoặc gay ra các vụ tai tiếng động trời mà vẫn ung dung, tự đắc cho là thành công. - Phê phán những kẻ luôn cố gắng kiếm thật nhiều tiền, cố gắng chứng tỏ tài năng mà đánh mất giá trị của cuộc sống. <p>*. Nhận thức hành động đúng cần có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ko có sự thành công nào mà không nếm trải trở, đắng cay, và cũng không có sự thành công vĩnh cửu nếu ta không cố gắng liên tục. - Không nên lằm lẩn giữa phương tiện sống và mục đích sống. - Phải sống tốt, thành công trong tình yêu thương, đậm ấm, sự thanh thản và tình yêu trong tâm hồn. <p>c. Kết bài: khẳng định là vấn đề : để thành công phải luôn nỗ lực nhưng không đánh mất giá trị chân thật của cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc đời ko có những thành công lớn hay nhỏ, chỉ có những cảm xúc chân thật nhất thời hay vĩnh cửu mà thôi
--	--

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức của bài học

-Luyện tập

Tìm đoạn văn trong các bài đã học và phân tích hiệu quả của việc dùng từ ngữ,câu văn phù hợp

- d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà
 -Bài cũ
 Nắm chắc nội dung bài học,làm bài tập
 -Bài mới
 Viết bài làm văn số 5:nghị luận văn học

Tuần 27

Ngày dạy

Tiết 79-80:Làm văn
VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 5
 (Nghị luận văn học)

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

- Kiến thức về tác giả văn học,giai đoạn văn học,nội dung tác phẩm văn xuôi kì II
- Các thao tác lập luận, nội dung nghệ thuật các tác phẩm văn xuôi

b.Về kĩ năng

- Vận dụng kiến thức trên để viết bài nghị luận văn học đạt kết quả cao
- Vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt sáng tạo

c.Về thái độ

Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt sáng tạo

2.Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

Phong tiện dạy học: SGK, GA, đề kiểm tra,sách tham khảo.
 Phong pháp dạy học: gv phát đề cho hs làm trong thời gian 2 tiết học

b.Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà
 Bút, giấy kiểm tra,dụng cụ học tập

3.Tiến trình bài dạy

a.Kiểm tra bài cũ:không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Các em đã học xong các tác phẩm văn học VN kì 2 với các tác phẩm văn xuôi hiện đại.Hôm nay các em sẽ làm bài kiểm tra để ôn tập lại kiến thức đã học

b.Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt					
	I, Nội dung đề kiểm tra					
	1, Ma trận đề					
	Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng điểm
	Chủ đề	Trình bày				
	1, Văn học	những hiểu				

	Văn học nước ngoài	biết về cuộc đời sự nghiệp Số lô khớp				
		1 2				2điểm=20%
	2,Làm văn		Nắm được vấn đề tư tưởng đạo lí	Viết đoạn văn 250 chữ	Trình bày về lòng nhân ái trong cuộc sống	
				1 3		3điểm=30%
	3,Làm văn Nghị luận về một vấn đề văn học				Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận phân	

				tích nhân vật người đàn bà hàng chài.	
				1 5	5điểm=50%
	1 2 20%		1 3 30%	1 5 50%	10điểm 100%

Gv: phát đề bài cho hs
Hs làm bài trong thời gian 90'

2, Nội dung đề

Câu 1 (2 điểm)

Trình bày những nét tiêu biểu về M.Sô lô khốp.Nêu tên 2 tác phẩm tiêu biểu của ông.

Câu 2 (3 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận khoảng 250 chữ trình bày suy nghĩ của anh chị về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống

Câu 3 (5 điểm)

Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu

II, Đáp án

Câu 1(2 điểm)

- M.Sô lô khốp(1905-1984) sinh tại một thị trấn thuộc vùng sông Đông(0.4)
- Là nhà văn Xô Viết lỗi lạc tham gia cách mạng khá sớm(0.4)
- Từng làm nhiều nghề để kiếm sống và tự học(0.4)
- Ông được vinh dự nhận giải thưởng Nooben về văn 1965 (0.4)
- Tác phẩm tiêu biểu: Sông Đông êm đềm,Số phận con người(0.4)

Câu 2 (3 điểm)

Hs nêu được các ý sau:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận(0.5 điểm)
- Giải thích khái niệm lòng nhân ái:là biết cảm thông yêu thương chia sẻ giúp đỡ người khác nhất là những người

	<p>gặp cảnh ngộ éo le bất hạnh; Lòng nhân ái có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống là một tiêu chí để đánh giá con người. Lòng nhân ái mang họp đến cho cả người trao và người nhận(1 điểm)</p> <p>+Người nhận được trợ giúp về sức mạnh tinh thần và vật chất để vượt qua những khó khăn thử thách(0.25 điểm)</p> <p>+Người trao có cơ hội chia sẻ giúp đỡ người khác được sống có ý nghĩa được trải nghiệm phong phú hơn</p> <p>Lòng nhân ái là cơ sở không thể thiếu để xd một xã hội văn minh nhân đạo, là sợi dây bền chặt thiêng liêng kết nối con người(0,25 điểm)</p> <p>-Thiếu lòng nhân ái tâm hồn con người sẽ khô cứng trống rỗng cái xấu cái ác gia tăng(0.5 điểm)</p> <p>-Lòng nhân ái là một phẩm chất tốt đẹp cao quý nhất thiết phải được bồi đắp giữ gìn(0.5 điểm)</p> <p>Câu 3 (5 điểm)</p> <p>Học sinh viết thành bài văn nghị luận xã hội có 3 phần mở bài, thân bài, kết bài nhưng đảm bảo được các ý sau:</p> <p>- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm => hình tượng người phụ nữ trong các sáng tác văn học.(0,5điểm)</p> <p>-Là một người đàn bà xấu xí, lam lũ, nghèo khổ: 1 điểm</p> <p>Ngoại hình: - Trang phục, dáng vẻ:</p> <p>-Một người đàn bà cam chịu nhẫn nhục:1 điểm</p> <p>- Ánh mắt khi sắp bị chồng đánh- Thái độ khi bị chồng đánh: - Lời nói van xin quý Toà:</p> <p>-Một người mẹ thương con và giàu đức hi sinh:1 điểm (Hành động gửi con lên ông ngoại: - Khi chứng kiến cảnh con muốn bảo vệ mẹ mà đánh bố - Lời giải bày ở Toà án huyện)</p> <p>- Một người phụ nữ sâu sắc và thấu hiểu lẽ đời:1 điểm</p>
--	---

-Đánh giá chung về nhân vật và cảm nghĩ của bản thân về nv và nt xd của nhà văn(0,5 điểm)

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung đề kiểm tra

-Luyện tập

Hs lập dàn ý cho đề kiểm tra

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung đề kiểm tra; làm bài tập

-Bài mới

Diễn đạt trong văn nghị luận(tiếp)

Tuần 27

Ngày dạy

Tiết 81: Làm văn

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

(Tiết 2-Tiếp theo)

*Tiến trình bài dạy

-Ôn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Đặt vở vào bài mới

Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu tiết 1 Diễn đạt trong văn nghị luận. Hôm nay cô trò ta

tìm hiểu tiếp tiết 2: Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận và làm bài tập

-Dạy nội dung bài mới

Hỗ của gv và hs	Nội dung bài học
Gv chuyển ý sang mục 3	
Hỗ 1: Hướng dẫn hs tìm hiểu mục I	I- Cách sử dụng từ ngữ trong đoạn văn nghị luận:
Hỗ 2: Hướng dẫn hs tìm hiểu mục 2	II- Cách sử dụng kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận:
	III- Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận:
	1- Phân tích ngữ liệu:
Hoạt động 3: Tìm hiểu “Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận”	a) Bài tập 1:
Bước 1: Cho hs thảo luận để	(a)- Đối tượng nghị luận và nội dung cụ thể của hai đoạn trích khác nhau, tuy nhiên về giọng điệu hai đoạn có điểm tương đồng: giọng điệu khẳng định một

phân tích ngữ liệu trong sgk.

Bước 2: cho hs trình bày bài làm của mình trước lớp.

- *Bài tập 1*: Yêu cầu.

+ Đối tượng nghị luận và nội dung cụ thể của hai đoạn trích trên khác nhau nhưng lời văn có điểm gì tương đồng?

+ Cơ sở chủ yếu tạo nên sự khác biệt về giọng điệu của lời văn trong những đoạn trích trên là gì?

+ Chỉ rõ cách sử dụng từ ngữ hoặc cách sử dụng kết hợp các kiểu câu, các phép tu từ từ vựng hoặc cú pháp có vai trò chủ yếu trong việc biểu hiện giọng điệu của từng đoạn trích?

- *Bài tập 2*: Yêu cầu.

+ Nhận xét về giọng điệu của lời văn nghị luận trong các đoạn trích?

+ Phân tích ngắn gọn những cơ sở tạo nên sự khác biệt giọng điệu ấy trong từng trường hợp cụ thể?

Hoạt động 4: Hướng dẫn luyện tập

Yêu cầu: phân tích những đặc điểm trong cách sử dụng từ ngữ, sử dụng kết hợp các kiểu câu biểu hiện giọng điệu của lời văn trong các đoạn trích sau

- Gv cho hs thảo luận để thống nhất trong cách làm

cách hùng hồn, dứt khoát, trang nghiêm.

- Điểm khác nhau:

+ Đoạn trích (1) của chủ tịch HCM thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân Pháp. Thái độ này được thể hiện qua cách xưng hô, sử dụng các câu ngắn, có kết cấu cú pháp tương tự nhau.

+ Đoạn trích (2) của Nguyễn Minh Vĩ được diễn đạt theo kiểu nêu phản đề: nêu ý kiến đối lập rồi ngay lập tức bác bỏ và nêu ý kiến của mình. Cách diễn đạt như vậy tạo không khí đối thoại, trao đổi, đồng thời thể hiện sự khẳng định dứt khoát của tác giả. Cách xưng hô ở đây cũng khác. Đó là cách xưng hô thân mật (anh).

(b)- Sự khác biệt trong giọng điệu trong hai đoạn trích đầu tiên là do đối tượng nghị luận, quan hệ giữa người viết với nội dung nghị luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách dùng từ ngữ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu,... cũng tạo nên sự khác nhau đó.

b) Bài tập 2:

- Đoạn trích (1) sử dụng câu khẳng định dứt khoát, câu cảm thán, câu cầu khiến có tính chất hô hào, thúc giục; kết hợp nhiều kiểu câu, sử dụng kết hợp câu ngắn và câu dài một cách hợp lí. Giọng văn thể hiện sự hô hào, thúc giục đầy nhiệt huyết.

- Đoạn trích (2) sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm, nhiều thành phần đồng chức tạo giọng văn giàu cảm xúc.

2- Kết luận: sgk

IV- Luyện tập:

1. Bài tập 1

a. Đoạn trích 1

Lên án tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nước ta

Đoạn 2 nhận định về giá trị tư tưởng của thơ Hàn Mặc Tử

Hai đoạn trích về giọng điệu có điểm chung là khẳng định một cách hùng hồn dứt khoát và trang nghiêm

Điểm khác là

Đoạn 1 nhằm thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân P, tác giả dùng cách xưng hô các câu

<p>bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho hs trình bày bài trước lớp. - Gv nhận xét và cho điểm khuyến khích. 	<p>ngắn có kết cấu cú pháp tươngg tự nhau</p> <p>Đoạn 2 diễn đạt theo kiểu phản đề. Tác giả nêu ra ý kiến trái ngược rồi bác bỏ và nêu lên ý kiến của mình.Cách diễn đạt tạo một không khí đối trao đối thoại và biểu lộ sự khẳng định mạnh mẽ dứt khoát của người Việt.Xung hô than mật hơn</p> <p>b.Cơ sở chủ yếu tạo nên sự khác biệt về giọng điệu là</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đối tượng nghị luận -Quan hệ giữa người viết với nội dung nghị luận khác nhau -Từ ngữ từ xưng hô các từ ngữ nêu nội dung đánh giá nhận xét, cách sử dụng các kiểu câu <p>2.Bài tập 2</p> <p>Giọng điệu đoạn 1 là giọng hô hào thúc giục.Sử dụng câu khẳng định dứt khoát hô hào thúc giục và biện pháp kết hợp nhiều câu ngắn dài một cách hợp lí</p> <p>Giọng điệu đoạn 2 giàu cảm xúc,sử dụng nhiều từ ngữ cảm xúc nhiều thành phần đồng chức năng thành phần biệt lập (chủ ngữ)</p>
--	---

***. Củng cố, luyện tập:**

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập

Tự viết một đoạn văn nghị luận về một chủ đề và phân tích hiệu quả của việc sử dụng từ ngữ kiểu câu và giọng điệu phù hợp

***Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung tiết học; làm bài tập

-Bài mới

Diễn đạt trong văn nghị luận(tiếp)

Tuần 27

Ngày dạy

Tiết 81b:Làm văn

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

-Các yêu cầu về diễn đạt trong bài văn nghị luận

-Một số lỗi và cách sửa lỗi về diễn đạt trong bài văn nghị luận

b.Về kĩ năng

- Nhận diện các cách diễn đạt hay trong một số văn bản nghị luận
- Tránh các lỗi về dùng từ,đặt câu sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực diễn đạt của bài văn nghị luận
- Vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt sáng tạo

c.Về thái độ

Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt sáng tạo

2.Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

Phong tiện dạy học: SGK, GA, sách tham khảo.

Phong pháp dạy học: Bài học này là bài thực hành nên phong pháp dạy chủ yếu là kết hợp làm việc cá nhân, hướng dẫn các em làm bài tập

b.Chuẩn bị của hs

Sgk,vở ghi,sách bài tập

Chuẩn bị bài ở nhà

3.Tiến trình bài dạy

a.Kiểm tra bài cũ:không

*Đặt vấn đề vào bài mới

Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu Diễn đạt trong văn nghị luận với việc tìm hiểu từ ngữ,câu văn,giọng điệu trong văn nghị luận.Tiết học hôm nay cô trò ta sẽ củng cố, tìm hiểu một số bài tập và viết đoạn nghị luận có sử dụng các kiểu câu trong văn nghị luận trong văn nghị luận

b.Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv yêu cầu hs nhắc lại những yêu cầu khi viết văn nghị luận cần chú ý từ ngữ và câu văn,giọng điệu phù hợp nh thế nào? Hs nhắc lại	<p>1.Ôn lại lí thuyết Khi viết bài văn nghị luận cần chú ý -Cách dùng từ ngữ: Lựa chọn từ ngữ chính xác phù hợp với vấn đề cần nghị luận tránh dùng từ lạc phong cách hoặc dùng từ ngữ sáo rỗng câu kì Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ mang tính biểu cảm gọi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp Về cách sử dụng kết hợp các kiểu câu Kết hợp một số kiểu câu trong đoạn trong bài để tạo nên giọng điệu linh hoạt biểu hiện cảm xúc Sử dụng các phép tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu nhấn mạnh rõ hơn thái độ cảm xúc Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng nghiêm túc nhng ở mỗi phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>a, MB: Giới thiệu vấn đề sạch và đẹp trong xã</p>

Theo anh (chị) Làm thế nào để môi trường sống của chúng ta ngày càng sạch đẹp?

Gv yêu cầu hs lập dàn ý rồi tự chọn viết 1-2 đoạn văn trong đó sử dụng từ ngữ câu văn và giọng điệu phù hợp
Gọi 2 hs đọc trước lớp

Gv gọi hs khác nhận xét góp ý, gv chốt ý

Gv: yêu cầu hs lập dàn ý cho đề bài sau:
Như một thứ a-xít vô hình, thói vô trách nhiệm ở mỗi cá nhân có thể ăn mòn cả một xã hội.

Từ ý kiến trên, anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của mình về tinh thần trách nhiệm và thói vô trách nhiệm của con người trong cuộc sống hiện nay.

Gv yêu cầu hs viết 1-2 đoạn văn trong đó sử dụng từ ngữ câu văn và giọng điệu phù

hội hiện nay

b. **TB:**

* Sạch là gì ? đẹp là gì ? (không ô nhiễm, bụi bẩn... ưa nhìn, có sự hài hòa, phù hợp)

* Xã hội ta đã sạch và đẹp chưa ?

- Cũng có nơi sạch, đẹp: vườn hoa, công viên, danh lam thắng cảnh, khu phố văn minh...

- Nhiều nơi chưa sạch, đẹp : ăn mặc không hợp mỹ quan, xả rác bừa bãi, ô nhiễm môi trường...

* Vai trò của một môi trường xanh, sạch, đẹp :

- Tránh bệnh tật ;

- Tăng mỹ quan ;

- Có lợi cho sức khỏe.

* Cần làm gì để đất nước sạch và đẹp ?

- Giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh khu dân cư, trồng cây xanh...

- Xử lý nghiêm các trường hợp làm ô nhiễm môi trường, hủy hoại mỹ quan...

c. **Kb :**

- Khẳng định vai trò quan trọng của môi trường đối với chất lượng cuộc sống con người

- Cần làm sạch và đẹp môi trường sống, đó là trách nhiệm của mọi người.

3. Bài tập 3

a. Mở bài: Nên được yêu cầu đề

b. Thân bài

* Giải thích

+ Axit là một loại hoá chất ăn mòn.

+ Vô trách nhiệm là không muốn đảm đương bất cứ việc gì, với bất cứ ai và cả chính mình.

- Ý nghĩa; Phê phán lối sống vô trách nhiệm làm suy thoái xã hội; đề cao cách sống có trách nhiệm.

*. Bình luận:

<p>hợp Gọi 3 hs đọc trước lớp</p> <p>Gv gọi hs khác nhận xét góp ý, gv chốt</p>	<p>- Thế nào là Sống vô trách nhiệm ? + Đối với bản thân: Không tự nghiêm khắc để rèn luyện nhân cách; sống buông thả, sống hoài, sống phí. + Đối với gia đình: không dành tình thương và trách nhiệm cho hạnh phúc gia đình. + Đối với xã hội: không cống hiến để xã hội phồn vinh. Lối sống này làm cho xã hội ngày càng suy thoái ở mọi mặt.</p> <p>- Thế nào là sống có trách nhiệm ? (Ngược lại với thói vô trách nhiệm) - Nêu những dẫn chứng về con người lịch sử, con người xã hội,... đã sống một đời sống hữu ích. Khẳng định giá trị con người khi sống có trách nhiệm. Liên hệ bản thân, đề ra lối sống hữu ích và tuyên chiến với thói vô trách nhiệm.</p> <p>c.Kết luận</p>
---	--

c.Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập

Viết một đoạn văn nghị luận trong phần thân bài bài tập 3 và phân tích hiệu quả của việc sử dụng từ ngữ kiểu câu và giọng điệu phù hợp

***Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung tiết học; làm bài tập còn lại

-Bài mới

Nhìn về vốn văn hóa dân tộc

Tuần 28

Ngày dạy

Tiết 82: Văn

NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC

(Trích-Trần Đình Hượu)

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

- Về nội dung:những mặt ưu điểm và nhược điểm,tích cực và hạn chế của văn hóa dân tộc
- Về nghệ thuật: cách trình bày khoa học chính xác mạch lạc và biện chứng

b.Về kĩ năng

Nâng cao kĩ năng đọc hiểu văn bản khoa học và chính luận

c. Về thái độ

Biết yêu quý trân trọng và tự hào về nền văn hóa dân tộc

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-Phương tiện: sgk, giáo án, thiết kế, các tài liệu tham khảo

-Phương pháp phát vấn, thảo luận cá nhân

b. Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà

Sgk, vở ghi, vở bài tập

3. Tiến trình dạy học:

Ôn định lớp

a. Kiểm tra bài cũ: không

***Đặt vd vào bài mới:** VN vốn là một nước có nền văn hóa khá độc đáo, vừa mang đặc trưng riêng của đất nước phương Đông vừa tiếp cận với nền văn hóa phương Tây. Văn hóa ấy có những hạn chế và ưu điểm gì? Bài học hôm nay cô trò ta cùng tìm hiểu

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Tổ chức tìm hiểu chung - GV yêu cầu 1 HS đọc <i>Tiểu dẫn</i> và tóm tắt những ý chính. - GV nhận xét và dùng phương pháp thuyết trình để giới thiệu thêm về công trình <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> của tác giả Trần Đình Hượu.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Trần Đình Hượu (1927- 1995) là một chuyên gia về các vấn đề văn hóa, t tông Việt Nam. Ông đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, t tông có giá trị: <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> (1994), <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i> (1995), <i>Các bài giảng về t tông phương Đông</i> (2001),... 2. Tác phẩm <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> của PGS Trần Đình Hượu là một công trình nghiên cứu văn hóa có ý nghĩa. Về một số mặt của vốn văn hóa truyền thống được trích ở phần <i>Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc</i> (mục 5, phần II và toàn bộ phần III) thuộc công trình <i>Về một số mặt của vốn văn hóa truyền thống</i> .
Kiến thức bổ sung	Kiến thức bổ sung Theo Từ điển tiếng Việt, văn hóa là "tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử". Văn hóa không có sẵn trong tự nhiên mà bao gồm tất cả những gì con người sáng tạo (văn hóa lúa nước, văn hóa công chiêng,... Ngày nay, ta thường nói: văn hóa ăn (âm thực), văn hóa mặc, văn hóa ứng xử, văn hóa đọc,... thì đó đều là những giá trị mà con người đã sáng tạo ra qua trông kì lịch sử. Theo Trần Đình Hượu, "hình thức đặc trng hay biểu

	hiện tập trung, vùng đậm đặc của nền văn hóa lại nằm ở đời sống tinh thần, nhất là ở ý thức hệ, ở văn học nghệ thuật, biểu hiện ở lối sống, sự a thích, cách suy nghĩ, ở phong tục, tập quán, ở bản giá trị".
Hoạt động 2: Tổ chức đọc-hiểu văn bản	II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN.
1. HS đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?).	1. Khái quát chung về đoạn trích. Trong bài, ngài viết đã thoát khỏi thái độ hoặc ngợi ca, hoặc chê bai đơn giản thông thường khi tiếp cận vấn đề. Tinh thần chung của bài viết là tiến hành một sự phân tích, đánh giá khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam. Tác giả đã sử dụng giọng văn điềm tĩnh, khách quan để trình bày các luận điểm của mình. Ngài đọc chỉ có thể nhận ra được nguồn cảm hứng thật sự của tác giả nếu hiểu cái đích xa mà ông hướng đến: góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển hiện thời.
2. GV nêu vấn đề cho HS tìm hiểu: về quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng, về cái đẹp. - HS đọc kĩ phân đầu bài viết và tìm hiểu theo gợi ý của GV. - GV tổng hợp các ý kiến, nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.	2. Quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng và cái đẹp trong văn hóa Việt Nam. + <i>Quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng:</i> - "Coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia", "nhng cũng không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết". - "Ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao". - "Mong ước thái bình, an lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thông thả, có đông con nhiều cháu". - "Yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn ngài". - "Con ngài đọc a chuộng là con ngài hiền lành, tình nghĩa". - "Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo", "không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng", "dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhng không thẹn võ". - "Trong tâm trí nhân dân thông có Thần và Bụt mà không có Tiên". + <i>Quan niệm về cái đẹp:</i> - "Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo". - "Không háo hức cái tráng lệ huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét cái sặc sỡ". - "Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải". Tóm lại: quan niệm trên đây thể hiện "văn hóa của dân nông nghiệp định c, không có nhu cầu lu

	<p>chuyên, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị; tế bào của xã hội nông nghiệp là hộ tiểu nông, đơn vị của tổ chức xã hội là làng". Đó còn là "kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, nhiều bất trắc" của họ trong cuộc sống. Và sau hết, còn có "sự dung hợp của cái vốn có, của văn hóa Phật giáo, văn hóa Nho giáo" "từ ngoài du nhập vào nhng đều để lại dấu ấn sâu sắc trong bản sắc dân tộc".</p>
<p>3. GV nêu vấn đề cho HS thảo luận: + Trong bài viết, tác giả Trần Đình Hượu đã xem đặc điểm nổi bật nhất của sáng tạo văn hóa Việt Nam là gì? + Theo anh (chị) văn hóa truyền thống có thế mạnh và hạn chế gì? - HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV nhận xét và khắc sâu một số ý.</p>	<p>3. Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thế mạnh và hạn chế. + Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam là: "thiết thực, linh hoạt, dung hòa". + Thế mạnh của văn hóa truyền thống là tạo ra một cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch, những con người hiền lành, tình nghĩa, sống có văn hóa trên một cái nền nhân bản. + Hạn chế của nền văn hóa truyền thống là không có khát vọng và sáng tạo lớn trong cuộc sống, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người, trí tuệ không độc đề cao. Sau khi nêu những điểm "không đặc sắc" của văn hóa Việt Nam (không đồng nghĩa với việc "chê"), tác giả lại khẳng định: "ngời Việt Nam có nền văn hóa của mình" (không đồng nghĩa với việc "khen"). Cách lập luận của tác giả không hề mâu thuẫn. Bởi theo tác giả quan niệm, việc đi tìm cái riêng của văn hóa Việt Nam không nhất thiết phải gắn liền với việc cố chứng minh dân tộc Việt Nam không thua kém các dân tộc khác ở những điểm mà thế giới đã thừa nhận là rất nổi bật ở các dân tộc ấy. Nỗ lực chứng minh nh vậy là một nỗ vô vọng. Tác giả chỉ ra những điểm "không đặc sắc" của văn hóa Việt Nam là trên tinh thần ấy. Việc làm của tác giả hàm chứa một gợi ý về phương pháp luận nghiên cứu vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc. Hơn nữa, tác giả quan niệm văn hóa là sự tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó lối sống, quan niệm sống là yếu tố then chốt. Khi quan sát thấy ngời Việt Nam có lối sống riêng, quan niệm sống riêng, tác giả hoàn toàn có cơ sở để khẳng định: ngời Việt Nam có nền văn hóa riêng. Hóa ra, "không đặc sắc" ở một vài điểm thông hay độc ngời ta nhắc tới không có nghĩa là không có gì. Tác giả đã có một quan niệm toàn diện về văn hóa và triển khai công việc nghiên cứu của mình dựa vào việc khảo sát thực tế khách quan chứ không phải vào các "tri thức tiên nghiệm".</p>

<p>4. GV nêu vấn đề cho HS thảo luận: + Những tôn giáo nào có ảnh hưởng mạnh đến văn hóa truyền thống Việt Nam? + Người Việt Nam đã tiếp nhận tổng hợp của các tôn giáo này theo hướng nào để tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc?</p> <p>- HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV nhận xét và khắc sâu một số ý.</p>	<p>4. Tôn giáo và văn hóa truyền thống Việt Nam. + Những tôn giáo có ảnh hưởng mạnh đến văn hóa truyền thống Việt Nam là: Phật giáo và Nho giáo (<i>Phật giáo và Nho giáo tuy từ ngoài du nhập vào nhưng đều để lại dấu ấn sâu sắc trong bản sắc dân tộc</i>). + Để tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc, người Việt Nam đã tiếp nhận tổng hợp của các tôn giáo này theo hướng: " Phật giáo không được tiếp nhận ở khía cạnh trí tuệ, cầu giải thoát, mà Nho giáo cũng không được tiếp nhận ở khía cạnh nghi lễ tưng mủn, giáo điều khắc nghiệt". Người Việt tiếp nhận tôn giáo để tạo ra một cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch, những con người hiền lành, tình nghĩa, sống có văn hóa trên một cái nền nhân bản.</p>
<p>5. GV nêu vấn đề cho HS thảo luận: + Con đồng hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam, theo tác giả là gì? + Từ những gợi ý của tác giả trong bài viết, theo anh (chị), "Nền văn hóa tương lai" của Việt Nam là gì?</p> <p>- HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV nhận xét và khắc sâu một số ý.</p>	<p>5. Con đồng hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam. Trong lời kết của đoạn trích, PGS Trần Đình Hượu khẳng định: "Con đồng hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh". Khái niệm "tạo tác" ở đây là khái niệm có tính chất quy ước, chỉ những sáng tạo lớn, những sáng tạo mà không dân tộc nào có hoặc có mà không đạt được đến tầm vóc kì vĩ, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến xung quanh, tạo thành những mẫu mực đáng học tập. Khái niệm "đồng hóa" vừa chỉ vị thế tồn tại nghiêng về phía tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài, những ảnh hưởng lan đến từ các nguồn văn minh, văn hóa lớn, vừa chỉ khả năng tiếp thu chủ động của chủ thể tiếp nhận- một khả năng cho phép ta biến những cái ngoại lai thành cái của mình, trên cơ sở gạn lọc và thu giữ. Khái niệm "dung hợp" vừa có những mặt gần gũi với khái niệm "đồng hóa" vừa có điểm khác. Với khái niệm này, người ta muốn nhấn mạnh đến khả năng "chung sống hòa bình" của nhiều yếu tố tiếp thu từ nhiều nguồn khác nhau, có thể hài hòa được với nhau trong một hệ thống, một tổng thể mới. Nh vậy, khi khái quát bản sắc văn hóa Việt Nam, tác giả không hề rơi vào thái độ tự ti hay miệt thị dân tộc. Và "Nền văn hóa tương lai" của Việt Nam sẽ là một nền văn hóa tiên tiến đậm đà</p>

	<p>bản sắc dân tộc, có hòa nhập mà không hòa tan, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc.</p>
<p>6. GV nêu vấn đề cho HS thảo luận: + Qua bài viết này, theo anh (chị) việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc có ý nghĩa gì trong đời sống hiện nay của cộng đồng nói chung và mỗi cá nhân nói riêng?</p> <p>- HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV nhận xét và khắc sâu một số ý.</p>	<p>6. Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc + Trong bối cảnh thời đại ngày nay, việc tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc trở thành một nhu cầu tự nhiên. Cha bao giờ dân tộc ta có cơ hội thuận lợi nh thế để xác định "chân diện mục" của mình qua hành động so sánh, đối chiếu với "khuôn mặt" văn hóa của các dân tộc khác. Giữa hai vấn đề hiểu mình và hiểu người có mối quan hệ tong hồ. + Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc rất có ý nghĩa đối với việc xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nớc, trên tinh thần làm sao phát huy đợc tối đa mặt mạnh vốn có, khắc phục đợc những nhược điểm dân thành cố hữu để tự tin đi lên. + Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với việc quảng bá cái hay, cái đẹ của dân tộc để "góp mặt" cùng năm châu, thúc đẩy một sự giao lu lành mạnh, có lợi chung cho việc xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển.</p>
<p>Hoạt động 3: Tổ chức tổng kết - GV tổ chức cho HS tổng hợp lại những vấn đề đã tìm hiểu, phân tích, từ đó viết phân tổng kết ngắn gọn.</p>	<p>III. TỔNG KẾT Bài viết của PGS Trần Đình Hươu cho thấy: nền văn hóa Việt Nam tuy không đồ sộ nhng vẫn có nét riêng mà tinh thần cơ bản là: "thiết thực, linh hoạt, dung hòa". Tiếp cận vấn đề bản sắc văn hóa Việt Nam phải có một con đờng riêng, không thể áp dụng những mô hình cứng nhắc hay lao vào chứng minh cho đợc cái kông thua kém của dân tộc mình so với dân tộc khác trên một số điểm cụ thể. Bài viết thể hiện rõ tính khách quan, khoa học và tính trí tuệ.</p>

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung bài học

-Luyện tập

Trả lời câu hỏi sau phân luyện tập

d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học,làm bài tập

-Bài mới

Phát biểu tự do

Tiết 83: làm văn
PHÁT BIỂU TỰ DO

1. Mục tiêu bài học**a. Về kiến thức**

- Khái quát về phát biểu tự do
- Yêu cầu về phát biểu tự do

b. Về kĩ năng

Phản xạ nhanh linh hoạt trước các tình huống giao tiếp; biết tìm nội dung và cách phát biểu thích hợp, có khả năng đem lại cho người nghe những điều đúng đắn mới mẻ và bổ ích

c. Về thái độ

Giữ gìn thái độ phù hợp khi phát biểu

2. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**a, Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV Ngữ văn 12, tập 2
- Tài liệu tham khảo
- GV gợi mở vấn đề, hướng dẫn HS thảo luận và làm bài tập

b, Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, vở bài tập, vở soạn, vở ghi
- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình dạy học

* Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

a, Kiểm tra bài cũ :không

*Đặt vở vào bài mới

Các em thông hay phát biểu trên lớp, trong các buổi ngoại khóa để trình bày ý kiến và quan điểm của mình với mọi người. Có lúc các em cũng thông phát biểu tự do trước đám đông trước mặt các bạn. Vậy yêu cầu của các cuộc phát biểu đó ntn?

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu những tình huống nảy sinh phát biểu tự do.</p> <p>1- GV nêu yêu cầu: Hãy tìm một vài ví dụ ở đời sống quanh mình để chứng tỏ rằng: trong thực tế, không phải lúc nào con người cũng chỉ phát biểu những ý kiến mà mình đã chuẩn bị kĩ càng, theo những chủ đề định sẵn. - HS dựa vào phần gợi ý</p>	<p>I. TÌM HIỂU VỀ PHÁT BIỂU TỰ DO</p> <p>1. Những trường hợp đọc coi là phát biểu tự do.</p> <p>+ Trong buổi giao lưu: "chát với 8X" của đài truyền hình kĩ thuật số, khi đọc người dẫn chương trình gợi ý: "trong chuyến đi châu Âu, kỉ niệm nào anh nhớ nhất?", một khách mời (nhạc sĩ) đã phát biểu: "Có rất nhiều kỉ niệm đáng nhớ trong chuyến đi ấy: chụp ảnh lưu niệm với bạn bè; những buổi biểu diễn; gặp gỡ bà con Việt Kiều; ... Nhưng có lẽ kỉ niệm đáng nhớ nhất trong chuyến đi ấy, vâng, tôi nhớ ra rồi, đó là đêm biểu</p>

<p>trong SGK để tìm ví dụ. - GV nhận xét và nêu thêm một số ví dụ khác.</p>	<p>diễn cho bà con Việt kiều ta ở Pa-ri... ". Và cứ thế, vị khách mời đã phát biểu rất say sa những cảm nhận của mình về đêm biểu diễn ấy: nhạc sĩ biểu diễn ra sao, bà con cảm động thế nào, những ngời nức ngoài có mặt hôm ấy đã phát biểu những gì,...</p> <p>+ Một bạn học sinh khi đọc cô giáo nêu vấn đề: "Hãy phát biểu những hiểu biết của em về thơ mới Việt Nam giai đoạn 30- 45" đã giơ tay xin ý kiến: "Thưa cô, em chỉ xin phát biểu về mảng thơ tình thôi đọc không ạ". Đọc sự đồng ý của cô giáo, bạn học sinh ấy đã phát biểu một cách say sa, hào hứng (tuy có phần hơi lan man) về mảng thơ tình trong phong trào thơ mới: những nhà thơ có nhiều thơ tình, những bài thơ tình tiêu biểu, những cảm nhận về thơ tình,...</p> <p>+ Trong buổi Đại hội chi đoàn, mặc dù không đ- ợc phân công tham luận nhng ngay sau khi nghe bạn A phát biểu về phong trào "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", bạn B đã xin phát biểu và bạn đóng góp nhiều ý kiến rất hay, rất bổ ích, thậm chí còn hơn cả bài phát biểu chuẩn bị sẵn của bạn A.</p> <p>Trên đây là những ví dụ về phát biểu tự do.</p>
<p>2- GV nêu vấn đề: Từ những ví dụ nêu trên, anh (chị) hãy trả lời câu hỏi: Vì sao con ngời luôn có nhu cầu đọc (hay phải) phát biểu tự do? - HS dựa vào ví dụ và tình huống nêu ra trong SGK để phát biểu.</p>	<p>2. Nhu cầu đọc (hay phải) phát biểu tự do. + Trong quá trình sống, học tập và làm việc, con ngời có rất nhiều điều say mê (hay buộc phải tìm hiểu). Tri thức thì vô cùng mà hiểu biết của mỗi ngời có hạn nên chia sẻ và đọc chia sẻ là điều vẫn thông gặp. + "Con ngời là tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Vì vậy, phát biểu tự do là một nhu cầu (muốn ng- ời khác nghe mình nói) đồng thời là một yêu cầu (ngời khác muốn đọc nghe mình nói). Qua phát biểu tự do, con ngời sẽ hiểu ngời, hiểu mình và hiểu đời hơn.</p>
<p>3- GV nêu câu hỏi trắc nghiệm: Làm thế nào để phát biểu tự do thành công? a) Không đọc phát biểu về những gì mình không hiểu biết và thích thú. b) Phải bám chắc chủ đề, không để bị xa đề hoặc lạc đề. c) Phải tự rèn luyện để có thể nhanh chóng tìm ý và sắp xếp ý.</p>	<p>3. Cách phát biểu tự do + Phát biểu tự do là dạng phát biểu trong đó ngời phát biểu trình bày với mọi ngời về một điều bất chợt nảy sinh do mình thích thú, say mê hoặc do mọi ngời yêu cầu. + Vì bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài dự tính nên ngời phát biểu không thể tức thời xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh có sự chuẩn bị công phu. + Ngời phát biểu sẽ không thành công nếu phát biểu về một đề tài mà mình không hiểu biết và thích thú. Vì có hiểu biết mới nói đúng, có thích thú mới nói hay. Nhng hứng thú không dễ đến,</p>

<p>d) Nên xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh.</p> <p>e) Chỉ nên tập trung vào những nội dung có khả năng làm cho người nghe cảm thấy mới mẻ và thú vị.</p> <p>g) Luôn luôn quan sát nét mặt, cử chỉ của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời.</p> <p>- HS dựa vào kinh nghiệm bản thân và những điều tìm hiểu trên đây để có những lựa chọn thích hợp.</p>	<p>hiểu biết thì có hạn, càng không thể đến một cách bất ngờ. Muốn tạo hứng thú và có vốn hiểu biết, không có cách gì hơn là say mê học tập, tìm hiểu, sống nhiệt tình và say mê với cuộc đời.</p> <p>+ Phát biểu dù là tự do cũng phải có người nghe. Phát biểu chỉ thực sự thành công khi thực sự hướng tới người nghe. Người phát biểu phải chọn đề tài phù hợp, có cách nói phù hợp với người nghe. Trong quá trình phát biểu cần quan sát nét mặt, cử chỉ,... của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời. Thành công của phát biểu tự do chỉ thực sự có được khi hứng thú của người nói bắt gặp và cộng hưởng với hứng thú của người nghe. Dĩ nhiên, không người nghe nào hứng thú với những gì đã làm họ nhàm chán trừ khi điều không mới được phát biểu bằng cách nói mới.</p> <p>Nh vậy, trong tất cả các phương án trên, chỉ có phương án (d) là không lựa chọn còn lại đều là những cách khiến phát biểu tự do thành công.</p> <p><i>Lu ý: đọc kĩ phần ghi nhớ.</i></p>
<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p>	<p>II. LUYỆN TẬP</p>
<p>1- GV cố thể đa mục (4) trong SGK vào phần luyện tập để khắc sâu những điều cần ghi nhớ ở mục (3).</p> <p>- Trên cơ sở mục (3), HS cụ thể hóa những điều đặt ra ở mục (4).</p>	<p>1. Luyện tập tình huống phát biểu tự do (mục 4- SGK)</p> <p><i>Bóc 1:</i> Chọn chủ đề cụ thể.</p> <p><i>Bóc 2:</i> Kiểm tra nhanh xem vì sao mình chọn chủ đề ấy (tâm đắc? đọc nhiều người tán thành? chủ đề mới mẻ?... hay là tất cả những lí do đó?).</p> <p><i>Bóc 3:</i> Phác nhanh trong óc những ý chính của lời phát biểu và sắp xếp chúng theo thứ tự hợp lí.</p> <p><i>Bóc 4:</i> Nghĩ cách thu hút sự chú ý của người nghe (nhấn mạnh những chỗ có ý nghĩa quan trọng; đưa ra những thông tin mới, bất ngờ, có sức gây ấn tượng; lồng nội dung phát biểu vào những câu chuyện kể lí thú, hấp dẫn; tìm cách diễn đạt dễ tiếp nhận và trong hoàn cảnh thích hợp có thêm sự gợi cảm hay hài hước; thể hiện sự hào hứng của bản thân qua ánh mắt, giọng nói, điệu bộ; tạo cảm giác gần gũi, có sự giao lưu giữa người nói và người nghe).</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS thực hiện các bài luyện tập trong SGK.</p>	<p>2. Phân luyện tập trong SGK</p> <p>+ Tiếp tục sử dụng những lời phát biểu tự do đặc sắc (Bài tập 1).</p> <p>+ Ghi lại lời phát biểu tự do về một cuốn sách đang đọc giới trẻ quan tâm, yêu thích và phân tích:</p> <p>- Đó đã thật sự là phát biểu tự do hay vẫn là phát biểu theo chủ đề định sẵn?</p> <p>- So với những yêu cầu đặt ra cho những ý kiến phát biểu tự do thì lời phát biểu của bản thân có những ưu điểm và hạn chế gì?</p>

	<i>Lu ý: cần nắm sát khái niệm, những yêu cầu và cách phát biểu tự do để phân tích.</i>
3. GV có thể chọn một chủ đề bất ngờ và khuyến khích những học sinh có hứng thú và hiểu biết thực hành- cả lớp nghe và nhận xét, góp ý.	3. Thực hành phát biểu tự do Có thể chọn một trong các đề tài sau: + Dòng nhạc nào đang đọc giới trẻ a thích? + Quan niệm thế nào về "văn hóa game"? + Tình yêu tuổi học đồng- nên hay không nên? + Chơng trình truyền hình mà bạn yêu thích? v. v...

c, Củng cố và luyện tập:

- Củng cố:

Qua bài học, anh chị nắm đợc những nội dung gì?

- Luyện tập:

Làm bài tập còn lại sau bài học

d, Hớng dẫn học sinh tự học ở nhà:

- Bài cũ:

Nắm đợc nội dung của bài học

- Bài mới:

Tìm hiểu Phong cách ngôn ngữ hành chính

Tuần 28

Ngày dạy

Tiết 84: Tiếng Việt

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính

-Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính

b. Về kĩ năng

Có kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính khi cần thiết

c. Về thái độ

Cẩn thận trong quá trình viết và soạn thảo văn bản hành chính

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

Phơng tiện dạy học: SGK, GA, sách tham khảo.

Phơng pháp dạy học: Giáo viên tổ chức giờ học theo cách kết hợp gọi tìm, vấn đáp, trao đổi thảo luận.

b. Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà

Sgk, vở ghi, vở bài tập

3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Các em đã học các phong cách chốc năng ngôn ngữ ở lớp 10 và 11. Hôm nay cô và các em tìm hiểu phong cách tiếp theo: Phong cách ngôn ngữ hành chính

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Tìm hiểu một số văn bản	I. NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH LÀ GÌ?
GV lần lượt chỉ định từng HS đọc to các văn bản trong SGK, sau đó nêu câu hỏi tìm hiểu: a) Kể thêm các văn bản cùng loại với các văn bản trên. b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản trên là gì?	1. Tìm hiểu văn bản a) Các văn bản cùng loại với 3 văn bản trên: + Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ (Ban hành điều lệ BH y tế). Gần với nghị định là các văn bản khác của các cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội) nh: thông t, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,... + Văn bản 2 là giấy chứng nhận của thủ trưởng một cơ quan Nhà nước (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT- tạm thời). Gần với giấy chứng nhận là các loại bản bản nh: văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,... + Văn bản 3 là đơn của một công dân gửi một cơ quan Nhà nước hay do Nhà nước quản lí (Đơn xin học nghề). Gần với đơn là các loại văn bản khác nh: bản khai, báo cáo, biên bản,... b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản: + Giống nhau: Các văn bản đều có tính pháp lí, là cơ sở để giải quyết những vấn đề mang tính hành chính, công vụ. + Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi, quyền hạn khác nhau, đối tượng thực hiện khác nhau.
Hoạt động 2: Tổ chức tìm hiểu ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính GV yêu cầu HS tìm hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản: a) Đặc điểm kết cấu, trình bày. b) Đặc điểm từ ngữ, câu văn. - HS làm việc cá nhân (khảo sát các văn bản) và trình bày trước lớp. Các HS khác có thể nhận xét, bổ sung (nếu cần).	2. Ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính + Về trình bày, kết cấu: Các văn bản đều đọc trình bày thống nhất. Mỗi văn bản thông thường gồm 3 phần theo một khuôn mẫu nhất định: - Phần đầu: các tiêu mục của văn bản. - Phần chính: nội dung văn bản. - Phần cuối: các thủ tục cần thiết (thời gian, địa điểm, chữ kí,...). + Về từ ngữ: Văn bản hành chính sử dụng những từ ngữ toàn dân một cách chính xác. Ngoài ra, có một lớp từ ngữ hành chính được sử dụng với tần số cao (căn cứ..., được sự ủy nhiệm của..., tại công văn số..., nay quyết định, chịu quyết định, chịu

	<p>trách nhiệm thi hành quyết định, có hiệu lực từ ngày..., xin cam đoan...</p> <p>+ Về câu văn: có những văn bản tuy dài nhng chỉ là kết cấu của một câu (Chính phủ căn cứ.... Quyết định: điều 1, 2, 3,...). Mỗi ý quan trọng thông đọc tách ra và xuống dòng, viết hoa đầu dòng.</p> <p>VD: <i>Tôi tên là:...</i> <i>Sinh ngày:...</i> <i>Nơi sinh:...</i></p> <p>Nhìn chung, văn bản hành chính cần chính xác bởi vì đa số đều có giá trị pháp lí. Mỗi câu, chữ, con số dấu chấm dấu phẩy đều phải chính xác để khỏi gây phiền phức về sau. Ngôn ngữ hành chính không phải là ngôn ngữ biểu cảm nên các từ ngữ biểu cảm hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, văn bản hành chính cần sự trang trọng nên thông sử dụng những từ Hán- Việt.</p>
<p>Hoạt động 3: Tổ chức tìm hiểu khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính Từ việc tìm hiểu các văn bản trên, GV hướng dẫn HS rút ra khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính.</p>	<p>3. Ngôn ngữ hành chính là gì? Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với người dân và giữa người dân với cơ quan, hay giữa những người dân với nhau trên cơ sở pháp lí.</p>
<p>Hoạt động 4: Tổ chức luyện tập</p>	<p>II. LUYỆN TẬP</p>
<p>Bài tập 1: Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thông liên quan đến công việc học tập trong nhà trường của anh (chị) GV gợi ý, tổ chức cho HS các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.</p>	<p>Bài tập 1: Một số loại văn bản hành chính thông liên quan đến công việc học tập trong nhà trường: Đơn xin nghỉ học, <i>Biên bản sinh hoạt lớp</i>, <i>Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</i>, <i>Giấy chứng nhận</i>, <i>Sơ yếu lí lịch</i>, <i>Bảng tốt nghiệp THCS</i>, <i>Giấy khai sinh</i>, <i>Học bạ</i>, <i>Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp 10</i>, <i>Bản cam kết...</i>, <i>Giấy mời họp...</i></p>
<p>Bài tập 2: Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về trình bày văn bản, về từ ngữ, câu văn của văn bản hành chính (lọc trích- SGK). Trên cơ sở nội dung bài học, GV gợi ý để HS phân tích.</p>	<p>Bài tập 2: Những đặc điểm tiêu biểu: + Trình bày văn bản: 3 phần - Phần đầu gồm: tên hiệu nước, tên cơ quan ra quyết định, số quyết định, ngày... tháng... năm..., tên quyết định. - Phần chính: <i>Bộ trông... căn cứ... theo đề nghị... quyết định: điều 1..., điều 2..., điều 3...</i> - Phần cuối: người kí (kí tên đóng dấu), nơi nhận. + Từ ngữ: dùng những từ ngữ hành chính (quyết định về việc..., căn cứ nghị định..., theo đề nghị</p>

<p>Hoạt động 5: Tổ chức tìm hiểu đặc trng của phong cách ngôn ngữ hành chính</p> <p>1. GV yêu cầu HS đọc lại các văn bản ở tiết học trước và phân tích tính khuôn mẫu của các văn bản đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. - GV nhận xét và chốt lại một số nội dung, lưu ý HS một số vấn đề. <p>2. GV đặt câu hỏi để HS thảo luận:</p> <p><i>Câu hỏi:</i> Tính minh xác của văn bản hành chính thể hiện ở những điểm nào? Nếu không đảm bảo tính minh xác thì điều gì sẽ xảy ra?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV nhận xét và khắc sâu một số ý cơ bản. <p>3. GV đặt câu hỏi để HS thảo luận:</p> <p><i>Câu hỏi:</i> Tính công vụ thể hiện nh thế nào trong văn bản hành chính? Trong đơn xin</p>	<p>của,... quyết định, ban hành kèm theo quyết định, quy định trong chỉ thị, quyết định có hiệu lực, chịu trách nhiệm thi hành quyết định,...</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu: sử dụng câu văn hành chính (toàn bộ phần nội dung chỉ có một câu). <p>III. ĐẶC TRNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH</p> <p>1. Tính khuôn mẫu</p> <p>Tính khuôn mẫu thể hiện ở kết cấu 3 phần thống nhất:</p> <p>a) Phần mở đầu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quốc hiệu và tiêu ngữ. + Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản. + Địa điểm, thời gian ban hành văn bản. + Tên văn bản- mục tiêu văn bản. <p>b) Phần chính: nội dung văn bản.</p> <p>c) Phần cuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm, thời gian (nếu cha đặt ở phần đầu). + Chữ kí và dấu (nếu có thẩm quyền). <p><i>Chú ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu là đơn từ, kê khai thì phần cuối nhất thiết phải có chữ kí, họ tên đầy đủ của người làm đơn hoặc k khai. + Kết cấu 3 phần có thể "xê dịch" một vài điểm nhỏ tùy thuộc vào những loại văn bản khác nhau, song nhìn chung đều mang tính khuôn mẫu thống nhất <p>2. Tính minh xác</p> <p>Tính minh xác thể hiện ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý. <p>Tính chính xác về ngôn từ đòi hỏi đến từng dấu chấm, dấu phẩy, con số, ngày tháng, chữ kí,...</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản hành chính không đọc dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ, không dùng các biện pháp tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý, không xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa. <p><i>Chú ý:</i></p> <p>Văn bản hành chính cần đảm bảo tính minh xác bởi vì văn bản đọc viết ra chủ yếu để thực thi. Ngôn từ chính là "chứng tích pháp lí".</p> <p>VD: Nếu văn bằng mà không chính xác về gày sinh, họ, tên, đệm, quê,... thì bị coi nh không hợp lệ (không phải của mình).</p> <p>Trong xã hội vẫn có hiện tượng mao chữ kí, làm dấu giả để làm các giấy tờ giả: bằng giả, chứng minh th giả, hợp đồng giả,...</p> <p>3. Tính công vụ</p> <p>Tính công vụ thể hiện ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hạn chế tối đa những biểu đạt tình cảm cá
--	---

nghỉ học, điều gì là quan trọng- cảm xúc của người viết hay xác nhận của cha mẹ, bệnh viện? - HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV nhận xét và khắc sâu một số ý cơ bản.	nhân. + Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ mang tính ớc lệ, khuôn mẫu. VD: kính chuyển, kính mong, trân trọng kính mời,... + Trong đơn từ của cá nhân, người ta chú trọng đến những từ ngữ biểu ý hơn là các từ ngữ biểu cảm. VD: trong đơn xin nghỉ học, xác nhận của cha mẹ, bệnh viện có giá trị hơn những lời trình bày có cảm xúc để đọc thông cảm.
--	---

c. **Củng cố và luyện tập**

-**Củng cố**

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức của bài học

-Luyện tập

Làm các bài tập còn lại trong sgk

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Luyện tập Phong cách ngôn ngữ hành chính

Tuần 28

Ngày dạy

Tiết 84b: Tiếng Việt

Luyện tập

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính

-Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính

b. Về kĩ năng

Có kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính khi cần thiết; Luyện tập làm bài tập về phong cách ngôn ngữ hành chính

c. Về thái độ

Cẩn thận trong quá trình viết và soạn thảo văn bản hành chính

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

Phong tiện dạy học: SGK, GA, sách tham khảo.

Phương pháp dạy học: Giáo viên tổ chức giờ học theo cách kết hợp gợi tìm, vấn đáp, hướng dẫn hs làm bài tập.

b. Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà

Sgk, vở ghi, vở bài tập

3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Các em đã học ở tiết trước đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính và làm một số bài tập. Hôm nay cô trò ta sẽ làm bài tập để củng cố bài học

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Hđ 1: yêu cầu hs nhắc lại nội dung lí thuyết</p> <p>Gv: yêu cầu hs nhắc lại khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính</p> <p>Hs nhắc lại</p> <p>Hoạt động 2: Tổ chức luyện tập</p> <p>Bài tập 1 và bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS xem lại bài học để trả lời đầy đủ, chính xác. - HS làm việc cá nhân, xem lại bài, phát biểu ý kiến. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần). 	<p>1. Ngôn ngữ hành chính là gì? Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với người dân và giữa người dân với cơ quan, hay giữa những người dân với nhau trên cơ sở pháp lí.</p> <p>2. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính Tính công vụ Tính minh xác Tính khuôn mẫu</p> <p>3. Luyện tập</p> <p>Bài tập 1 (Bài tập 3-sgk) Khi ghi biên bản cần chú trọng những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản; - Địa điểm và thời gian họp; - Thành phần cuộc họp; - Nội dung họp: người điều khiển, người phát biểu, nội dung thảo luận, kết luận của cuộc họp; - Chủ tọa và thư kí (người ghi biên bản), kí tên. <p>Bài tập 2 Yêu cầu của đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiêu đề. + Kính gửi (Đoàn cấp trên). + Lí do xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ

<p>Gv: Từ văn bản sau đây với tư cách là một phóng viên anh chị hãy viết một tin ngắn theo phong cách ngôn ngữ báo chí để đưa tin về việc ban hành văn bản này</p> <p>Hãy nêu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính thể hiện qua văn bản ở bài tập 4</p>	<p>Chí Minh. + Những cam kết. + Địa điểm, ngày... tháng... năm... + Ngời viết kí và ghi rõ họ tên..Bài tập</p> <p>Bài tập 3(Bài tập 2-Sbt) Tham khảo Công bố luật giáo dục Ngày 11 tháng 12 năm 1998 tại Hà Nội, chủ tịch nước đã kí Lệnh công bố Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1998</p> <p>Bài tập 4(Bài tập 3-sbt) Những đặc điểm của văn bản hành chính được dẫn ở bài tập 2</p> <p>a. Về cách trình bày: kết cấu văn bản gồm 3 phần -Phần đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên người ban hành văn bản(chủ tịch nước), số văn bản, địa điểm và thời gian ban hành văn bản -Phần chính: tên văn bản, người ban hành văn bản, các căn cứ ban hành, nội dung ban hành(Luật Giáo dục), tính pháp lí của văn bản -Phần cuối: kí tên, ghi chức vụ của người kí</p> <p>b. Về từ ngữ: dung nhiều từ ngữ hành chính: lệnh, căn cứ, điều, hiến pháp, Luật tổ chức Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật, công bố, Luật Giáo dục, Quốc hội, thông qua</p> <p>c. Về câu văn: Nội dung cơ bản của văn bản có thể trình bày trong một câu dài nhưng ở văn bản nó đã được ngắt ra và xuống dòng thể hiện tính mạch lạc và pháp lí. Ví dụ: Chủ tịch nước Cộng hòa xã</p>
--	--

	hội chủ nghĩa VN căn cứ vào các điều... công bố Luật Giáo dục, Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN khóa X thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1998
--	--

c. Củng cố và luyện tập

Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức của bài học

-Luyện tập

Tự viết một văn bản hành chính trong cuộc sống

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Tìm hiểu Văn bản tổng kết

Tuần 29 Ngày dạy

Tiết 85-86: Làm văn

VĂN BẢN TỔNG KẾT

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Mục đích, nội dung đặc điểm của văn bản tổng kết

-Cách viết văn bản tổng kết tri thức, văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn

b. Về kỹ năng

-Vận dụng kiến thức để đọc-hiểu lĩnh hội các văn bản tổng kết trong sgk

-Viết các văn bản tổng kết tri thức, văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn về những vấn đề gắn với học tập và sinh hoạt cá nhân của lớp, trường

c. Về thái độ

Có ý thức viết một văn bản tổng kết phù hợp với yêu cầu

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

Phong tiện dạy học: SGK, GA, sách tham khảo.

Phong pháp dạy học: Giáo viên Hướng dẫn tìm hiểu ví dụ, thảo luận rút ra kiến thức và kỹ năng thực hành

b. Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà

Sgk, vở ghi, vở bài tập

3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Sau mỗi một công việc, thường chúng ta phải có tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm. Vì vậy viết một văn bản tổng kết là việc làm cần thiết. Bài học này sẽ định hướng cho mỗi chúng ta về việc ấy.

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung bài học
<p>Bước 1: Gọi học sinh đọc mục I SGK. Nhấn mạnh vấn đề, mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết. Hai loại VB tổng kết.</p> <p>Bước 2: Trên cơ sở HS tìm hiểu 2 văn bản trong SGK ở nhà, hướng dẫn các em trả lời câu hỏi: - Về câu hỏi a? - Về câu hỏi b HD HS từng mục: + Đề mục + Nội dung chính của văn bản 1, từ đó đưa đến vấn đề chung 1 văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn ở các mặt sau: + Mục đích + Yêu cầu + Bố cục + Nội dung chính</p>	<p>I/ Tìm hiểu chung về VB tổng kết - Mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết là nhìn nhận, đánh giá kết quả công việc nhằm rút kinh nghiệm. - Văn bản tổng kết gồm 2 loại: + Tổng kết hoạt động thực tiễn như: văn bản tổng kết năm học; văn bản tổng kết nhiệm kỳ của Đoàn TN... + Tổng kết tri thức như: Tổng kết văn học dân gian Việt Nam; Tổng kết Tiếng Việt ...</p> <p>II/ Cách viết văn bản tổng kết: 1/ Văn bản: “ TK ...với nước” a/ Thuộc loại VB tổng kết hoạt động thực tiễn. - Dùng PCNNHC diễn đạt. b/ Ở văn bản 1: - Đề mục: Báo cáo kết quả hoạt động tình nguyện tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh và người có công với nước. - Phần mở đầu: - Quốc hiệu hoặc tên tổ chức (<i>Đoàn TNCS Hồ Chí Minh- Trường ĐHSPTHN- Đội thanh niên tình nguyện số 2</i>). - Địa điểm, ngày... tháng... năm (<i>Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2007</i>). - Tiêu đề (Báo cáo kết quả hoạt động tình nguyện tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công với nước) - Nội dung gồm: + Tình hình tổ chức. + Kquả hoạt động. + Đánh giá chung.</p> <p>-Phần kết thúc</p>

<p>-Về câu 2a - Về câu 2b ? Hướng dẫn HS trả lời mục đích và những nội dung của văn bản.</p> <p>- Về câu hỏi 3, hướng HS về mục đích, yêu cầu và cách viết từng loại văn bản tổng kết như trong phần ghi nhớ.</p>	<p>- Yêu cầu của một văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn: + Mục đích nhìn nhận, đ. giá, tkết. + Yêu cầu: Kquan, chính xác. + Bố cục: 3 phần (Đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề) + Nội dung chính: Tình hình và kết quả thực tiễn từ đó đánh giá, kiến nghị. * Về diễn đạt, văn bản tổng kết có cách dùng từ, đặt câu ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, mỗi việc một đề mục, mỗi ý một lần xuống dòng, gạch đầu dòng, các câu sử dụng thông lược chủ ngữ.</p> <p>2/ VB tổng kết phần Tiếng Việt: hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. a/ Loại văn bản tổng kết tri thức: - Diễn đạt bằng PCNN khoa học b/ Mục đích: Hệ thống hóa kiến thức - Nội dung gồm: Tóm tắt những kiến thức, kỹ năng cơ bản.</p> <p>3/ Ghi nhớ: SGK (trang 75, T II)</p>
---	---

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Làm bài tập 1-2 sgk-176,177

d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học

-Bài mới

Tìm hiểu tiếp Văn bản tổng kết

Tuần 29

Ngày dạy

Tiết 86:Làm văn
VĂN BẢN TỔNG KẾT
 (Tiết 2-Tiếp theo)

*Tiến trình bài học

-Ôn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Lời vào bài:Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu tiết 1 văn bản tổng kết.Tiết học này cô trò sẽ tìm hiểu tiếp tiết 2 và làm bài tập về Văn bản tổng kết

-Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Gv: yêu cầu hs nhắc lại kiến thức lí thuyết bài học</p> <p>Hs nhắc lại</p>	<p>1.Nhắc lại lí thuyết</p> <p>-Văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn nhằm nhìn nhận đánh giá trung thực khách quan kết quả và rút ra những bài học kinh nghiệm khi kết thúc một công việc;còn văn bản tổng kết tri thức nhằm tổng kết các tri thức hoặc các thành tựu nghiên cứu đã đạt được</p> <p>-Văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn thường có các nội dung:mục đích,yêu cầu,những hoạt động chính,bài học kinh nghiệm...Văn bản tổng kết tri thức lần lượt trình bày khái quát các tri thức và thành tựu nghiên cứu đã đạt được</p> <p>-Tùy theo yêu cầu và nội dung,văn bản tổng kết có thể thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính hoặc phong cách ngôn ngữ khoa học</p>
<p>Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới</p> <p>Hs đọc sgk và lần lượt trả lời</p>	<p>2.Bài tập</p> <p>Bài tập 1</p> <p>a.Văn bản trên đã đạt được những yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ cục đầy đủ 3 phần. - Nội dung cụ thể, diễn đạt ngắn gọn, chính xác, nhận xét, kết luận đúng mục. <p>b. Những sự việc, số liệu trong phần bị</p>

<p>Bài tập 2: Nếu đọc giao nhiệm vụ viết một bản tổng kết phong trào học tập và rèn luyện của lớp trong năm học vừa qua, anh (chị) sẽ thực hiện những công việc gì?</p> <p>a) Chuẩn bị tài liệu ra sao?</p> <p>b) Lập dàn ý văn bản thế nào?</p> <p>Sau khi lập dàn ý, hãy viết vài đoạn thuộc phần thân bài của văn bản ấy.</p>	<p>lược bớt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: <ul style="list-style-type: none"> + Những thuận lợi, khó khăn + Nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu - Phần II; III; IV <ul style="list-style-type: none"> + Những công việc, những thành tích đạt được + Những việc chưa làm được + Những số liệu minh họa <p>c. Những nội dung còn thiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cơ quan ban hành văn bản - Địa điểm, thời gian <p>Bài học rút ra.</p> <p>Bài tập 2</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>a) Chuẩn bị tài liệu: tài liệu về kết quả xếp loại học tập và kết quả xếp loại hạnh kiểm,...</p> <p>b) Dàn ý:</p> <p>Phần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc hiệu, tên trường, lớp. - Địa điểm, ngày... tháng... năm... - Tiêu đề báo cáo: Báo cáo tổng kết phong trào học tập và rèn luyện- lớp (...)- năm học (...). <p>Phần nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm tình hình lớp. - Kết quả học tập. - Kết quả rèn luyện. - Bài học kinh nghiệm. - Đánh giá chung. <p>Phần kết: kí tên</p> <p><u>Chú ý:</u> người viết nên chọn nội dung cơ bản (kết quả học tập và kết quả rèn luyện) để viết thành những đoạn văn bản.</p> <p>Bài tập 3</p> <p>Gv gợi ý</p> <p>a. Xác định loại văn bản và phong cách ngôn ngữ: văn bản tổng kết tri thức, dùng phong cách ngôn ngữ khoa học để diễn đạt</p>
---	--

<p>- GV hóng dân, gợi ý. - HS suy nghĩ và viết. - GV nhận xét</p> <p>Gv: anh chị hãy viết một bài tổng kết phần văn học hoặc tiếng Việt hoặc Làm văn thuộc chương trình Ngữ văn 12</p> <p>Gv gợi ý cho hs làm bài tập</p>	<p>b.Chuẩn bị tri thức: Khái quát văn học VN từ CMT8 đến hết thế kỉ XX,tổng hợp tri thức về các tác phẩm nghị luận thơ ca truyện,kịch đã học</p> <p>c.Lập dàn ý</p> <p>Mở bài</p> <p>Nêu ngắn gọn mục đích và yêu cầu tổng kết</p> <p>Thân bài</p> <p>Lần lượt trình bày nội dung: hoàn cảnh lịch sử,xã hội;quá trình phát triển,những thành tựu chủ yếu,những đặc điểm cơ bản của Văn học VN,những giá trị về nội dung nghệ thuật của các tác phẩm nghị luận,thơ ca,truyện kí,kịch</p> <p>Kết bài</p> <p>Đánh giá chung,nhấn mạnh kiến thức cơ bản cần nắm vững</p> <p>d.Viết một phần trong dàn ý</p>
---	---

*** Củng cố và luyện tập**

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Viết một phần tiếp trong phần thân bài của dàn ý trong bài tập 3

***.Hóng dân hs tự học ở nhà**

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học

-Bài mới

Tìm hiểu Luyện tập về Văn bản tổng kết

Tuần 29

Ngày dạy

Tiết 86*:Làm văn

LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN TỔNG KẾT

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

-Mục đích, nội dung đặc điểm của văn bản tổng kết

-Cách viết văn bản tổng kết tri thức,văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn

b.Về kĩ năng

-Vận dụng kiến thức để đọc-hiểu lĩnh hội các văn bản tổng kết trong sgk

-Luyện tập Viết các văn bản tổng kết tri thức,văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn về những vấn đề gắn với học tập và sinh hoạt cá nhân của lớp,trường

c. Về thái độ

Có ý thức viết một văn bản tổng kết phù hợp với yêu cầu

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

Phong tiện dạy học: SGK, GA, sách tham khảo.

Phong pháp dạy học: Giáo viên Hướng dẫn học sinh làm bài tập và kỹ năng thực hành

b. Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà

Sgk, vở ghi, vở bài tập

3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu về văn bản tổng kết gồm 2 loại, nội dung từng loại. Để củng cố bài học, hôm nay cô trò ta thực hành về văn bản tổng kết

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv yêu cầu hs nhắc lại khái niệm và cách phân loại, một số lưu ý Hs nhắc lại kiến thức	1. Khái niệm Văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn nhằm nhìn nhận đánh giá trung thực khách quan kết quả và rút ra những bài học kinh nghiệm khi kết thúc một công việc; còn văn bản tổng kết tri thức nhằm tổng kết các tri thức hoặc các thành tựu nghiên cứu đã đạt được 2. Phân loại Văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn thường có các nội dung: mục đích, yêu cầu, những hoạt động chính, bài học kinh nghiệm... Văn bản tổng kết tri thức lần lượt trình bày khái quát các tri thức và thành tựu nghiên cứu đã đạt được 3. Lưu ý Tùy theo yêu cầu và nội dung, văn bản tổng kết có thể thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính hoặc phong cách ngôn ngữ khoa học * Về diễn đạt, văn bản tổng kết có cách dùng từ, đặt câu ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, mỗi việc một đề mục, mỗi ý một lần xuống dòng, gạch đầu dòng, các câu sử dụng thông lược chủ ngữ. 4. Bài tập

Gv: lập dàn ý cho đề bài sau: báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2012-2013 của lớp 12A TTGD TX Nghĩa Hưng
Gv gợi ý hs lập dàn ý dựa vào tình hình kết quả năm học vừa qua

Yêu cầu: Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu ở dưới
Gv gợi hs đọc và trả lời từng câu hỏi

Bài tập 1

a.Mở bài

-Giới thiệu ngắn gọn tên báo cáo tổng kết
-Khẳng định kết quả đạt được của công tác Đoàn của lớp

b.Thân bài

-Nêu các mặt đã đạt được trong công tác Đoàn

+ Công tác giáo dục chính trị tư tưởng

+ Phong trào thi đua học tập

+ Hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, giao lưu kết nghĩa

+Công tác an ninh nội, ngoại trú và xây dựng môi trường học đường trong sạch, lành mạnh

+Công tác xây dựng tổ chức Đoàn - Hội và tham gia xây dựng Đảng

+Kết quả phân loại các chi đoàn, LCD năm học 2012- 2013 như sau:

-Hạn chế tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

c.Kết bài

Đánh giá chung

Bài tập 2(Bài tập 1-SBT trang 71)

TỔNG KẾT CÔNG TÁC SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Năm học 2006-2007

a.Về cơ bản văn bản tổng kết này có

các phần nội dung và bố cục tương đồng

với văn bản tổng kết trong bài học.Tuy nhiên văn bản này có một vài điểm khác

-Không có quốc hiệu,tiêu ngữ,cơ quan

làm báo cáo

-Không ghi tên tác giả viết báo cáo

Sự khác biệt trên là do

-Văn bản nhằm tổng kết nội bộ không cần gửi cho các cơ quan cấp trên

-Văn bản được trình bày tại Hội nghị tổng kết,người báo cáo là đại diện cho Ban

lãnh đạo nhà trường

	<p>b.Đàn ý của bản tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> *Mở bài -Giới thiệu đề tài báo cáo -Kđ ngắn gọn kết quả sự kiện *Thân bài -Tình hình triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên -Kết quả đạt được -Những bài học về chỉ đạo mang đến kết quả tốt đẹp của việc tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học -Những hạn chế cần khắc phục *Kết bài <p>Phương hướng duy trì và nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức sinh viên nghiên cứu khoa học</p>
--	---

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Làm bài tập còn lại

d. Hớng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học

-Bài mới

Tìm hiểu Ôn tập phần tiếng Việt: Hoạt động giao tiếp bằng tiếng Việt

Tuần 29

Ngày dạy

Tiết 87:Tiếng Việt

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT
HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG TIẾNG VIỆT**

1.Mục tiêu bài học

a. Kiến thức:

-Khái niệm về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

-Các nhân tố trong hoạt động giáo tiếp, trong đó có 2 nhân tố quan trọng là nhân vật giao tiếp và ngữ cảnh

-Các quá trình gt(tạo lập và lĩnh hội văn bản);các dạng ngôn ngữ trong giao tiếp:nói và viết

-Các thành phần nghĩa của câu trong giao tiếp:nghĩa sự việc và nghĩa tình thái

-Vấn đề quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân

- Vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ

b. Kỹ năng:

- Kỹ năng phân tích và lĩnh hội văn bản trong hoạt động giao tiếp (kỹ năng nghe đọc hiểu tóm tắt, thuật lại)

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thích hợp với ngữ cảnh giao tiếp (thích hợp với người nghe, với nội dung giao tiếp, với mục đích với tình huống giao tiếp); kỹ năng tạo câu có sự phối hợp giữa nghĩa sự việc và nghĩa tình thái

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đảm bảo giữ gìn và phát huy được sự trong sáng của tiếng Việt, phát hiện và sửa chữa những lỗi nói hoặc viết không trong sáng

c. Về thái độ

Có ý thức giữ gìn, bảo vệ vốn ngôn ngữ dân tộc; không ngừng sáng tạo làm cho ngôn ngữ phát triển

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- Phương tiện dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên; Thiết kế bài học; Tài liệu tham khảo.

- Phương pháp dạy học: Hệ thống hoá kiến thức, vấn đáp, thảo luận.

b. Chuẩn bị của hs

- Sgk, vở bài tập, vở ghi

- Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình bài học

- Ổn định lớp

a. Kiểm tra bài cũ: không

- Đặt vd vào bài mới: Trong chương trình Ngữ văn 12, cô và các em đã tìm hiểu các bài học về tiếng Việt: nhân vật giao tiếp, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, Các thành phần nghĩa của câu... Hôm nay cô trò ta sẽ hệ thống hóa những kiến thức đã học này

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức	I. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC
GV hệ thống hóa kiến thức bằng cách nêu một số câu hỏi để HS trả lời: 1) Giao tiếp là gì? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? 2) Phân biệt sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết? 3) Thế nào là ngữ cảnh? Ngữ cảnh bao gồm những nhân tố nào?	1. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ + Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động. + Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động bao gồm hai quá trình: quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện; quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe hay người đọc thực hiện. Hai quá trình này có thể diễn ra đồng thời tại cùng một địa điểm (hội thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt

<p>4) Nhân vật giao tiếp có vai trò và đặc điểm gì?</p> <p>5) Tại sao nói ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân?</p> <p>6) Thế nào là nghĩa của câu? Câu có mấy thành phần nghĩa? Là những thành phần nào? Đặc điểm của mỗi thành phần?</p> <p>7) Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?</p> <p>- HS ôn tập lại những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trên cơ sở câu hỏi và những gợi ý của GV.</p>	<p>(qua văn bản viết).</p> <p>2. Nói và viết Hai dạng nói và viết có sự khác biệt: + Về điều kiện để tạo lập và lĩnh hội văn bản. + Về dòng kênh giao tiếp. + Về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết). + Về các phong tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ điệu bộ đối với ngôn ngữ nói và dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình bảng biểu đối với ngôn ngữ viết). + Về dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản,...</p> <p>3. Ngữ cảnh + Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản. + Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hóa), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống), hiện thực đợc đề cập đến và văn cảnh.</p> <p>4. Nhân vật giao tiếp Nhân vật giao tiếp là nhân tố quan trọng nhất trong ngữ cảnh. Các nhân vật giao tiếp đều phải có cả năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời. Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm về các phong diện: vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hóa,... Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ.</p> <p>5. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sử dụng ngôn ngữ chung của xã hội để tạo ra lời nói - những sản phẩm cụ thể của cá nhân. Trong hoạt động đó, các nhân vật giao tiếp vừa sử dụng những yếu tố của hệ thống ngôn ngữ chung và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực chung, đồng thời biểu lộ những nét riêng trong năng lực ngôn ngữ của cá nhân. Cá nhân sử dụng tài sản chung đồng thời cũng làm giàu thêm cho tài sản ấy.</p> <p>6. Nghĩa của câu Trong hoạt động giao tiếp, mỗi câu đều có nghĩa. + Nghĩa của câu là nội dung mà câu biểu đạt. + Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: nghĩa sự việc và nghĩa tình thái. Nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến. Nghĩa tình thái thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá</p>
---	---

	<p>của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.</p> <p>7. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, thói quen và kỹ năng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt: + Mỗi cá nhân cần nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực. + Vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo các phong thức chung. + Khi cần thiết có thể tiếp nhận những yếu tố tích cực của các ngôn ngữ khác, tuy cần chống lạm dụng tiếng nôm ngoàì.</p>												
<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p>	<p>II. LUYỆN TẬP</p>												
<p>- <i>Gv yêu cầu HS đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các yêu cầu:</i></p> <p>1) Phân tích sự đối vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp trên. Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết nào? (lời nhân vật và lời tác giả).</p> <p>2) Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm gì riêng biệt? Phân tích sự chi phối của những điều đó đến nội dung và cách thức nói trong lượt lời nói đầu tiên của lão Hạc.</p> <p>3) Phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!".</p> <p>4) Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ và nhà văn Nam Cao. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai hoạt động giao tiếp đó.</p> <p>- <i>HS đọc kĩ đoạn trích, thảo</i></p>	<p>I. Sự đối vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp giữa lão Hạc và ông giáo:</p> <table border="1" data-bbox="743 730 1471 1171"> <thead> <tr> <th data-bbox="743 730 1105 772">Lão Hạc (nói)</th> <th data-bbox="1105 730 1471 772">Ông giáo (nói)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="743 772 1105 842">- <i>Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo à!</i></td> <td data-bbox="1105 772 1471 842">- <i>Cụ bán rồi?</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="743 842 1105 911">- <i>Bán rồi! Họ vừa bắt xong.</i></td> <td data-bbox="1105 842 1471 911">- <i>Thế nó cho bắt à?</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="743 911 1105 1016">- <i>Khốn nạn... nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!</i></td> <td data-bbox="1105 911 1471 1016">- <i>Cụ cứ tưởng thế... để cho nó làm kiếp khác.</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="743 1016 1105 1100">- <i>Ông giáo nói phải!... nh kiếp tôi chẳng hạn!</i></td> <td data-bbox="1105 1016 1471 1100">- <i>Kiếp ai cũng thế thôi... hơn chẳng?</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="743 1100 1105 1171">- <i>Thế thì... kiếp gì cho thật sung sướng?</i></td> <td data-bbox="1105 1100 1471 1171"></td> </tr> </tbody> </table> <p>Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết: + Hai nhân vật: lão Hạc và ông giáo luân phiên đối vai lượt lời. Lão Hạc là người nói trước và kết thúc sau nên số lượt nói của lão là 5 còn số lượt nói của ông giáo là 4. Vì tức thời nên có lúc ông giáo cha biết nói gì, chỉ "hỏi cho có chuyện" (<i>Thế nó cho bắt à?</i>) + Đoạn trích rất đa dạng về ngữ điệu: ban đầu lão Hạc nói với giọng thông báo (<i>Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo à!</i>), tiếp đến là giọng than thở, đau khổ, có lúc nghẹn lời (...), cuối cùng thì giọng đầy chua chát (...). Lúc đầu, ông giáo hỏi với giọng ngạc nhiên (<i>- Cụ bán rồi?</i>), tiếp theo là giọng vô về an ủi và cuối cùng là giọng bùi ngùi. + Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở đoạn trích trên, nhân vật giao tiếp còn sử dụng các phong tiện hỗ trợ, nhất là nhân vật lão Hạc: lão "cời nh mếu", "mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt</p>	Lão Hạc (nói)	Ông giáo (nói)	- <i>Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo à!</i>	- <i>Cụ bán rồi?</i>	- <i>Bán rồi! Họ vừa bắt xong.</i>	- <i>Thế nó cho bắt à?</i>	- <i>Khốn nạn... nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!</i>	- <i>Cụ cứ tưởng thế... để cho nó làm kiếp khác.</i>	- <i>Ông giáo nói phải!... nh kiếp tôi chẳng hạn!</i>	- <i>Kiếp ai cũng thế thôi... hơn chẳng?</i>	- <i>Thế thì... kiếp gì cho thật sung sướng?</i>	
Lão Hạc (nói)	Ông giáo (nói)												
- <i>Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo à!</i>	- <i>Cụ bán rồi?</i>												
- <i>Bán rồi! Họ vừa bắt xong.</i>	- <i>Thế nó cho bắt à?</i>												
- <i>Khốn nạn... nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!</i>	- <i>Cụ cứ tưởng thế... để cho nó làm kiếp khác.</i>												
- <i>Ông giáo nói phải!... nh kiếp tôi chẳng hạn!</i>	- <i>Kiếp ai cũng thế thôi... hơn chẳng?</i>												
- <i>Thế thì... kiếp gì cho thật sung sướng?</i>													

luận về các yêu cầu đặt ra, phát biểu ý kiến và tranh luận trước lớp.

- Sau mỗi câu hỏi, GV nhận xét và nêu câu hỏi tiếp theo.

chảy ra...).

+ Từ ngữ dùng trong đoạn trích khá đa dạng nhất là những từ mang tính khẩu ngữ, những từ đa âm, chêm xen (đi đòi rồi, rồi, à, , khốn nạn, chả hiểu gì đâu, thì ra,...).

+ Về câu, một mặt đoạn trích dùng những câu tỉnh lược (Bán rồi! Khốn nạn... Ông giáo ơi!), mặt khác nhiều câu lại có yếu tố d thừa, trùng lặp (Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Thì ra tôi bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó., ...).

2. Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm riêng biệt chi phối đến nội dung và cách thức giao tiếp:

+ Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ, cô đơn. Vợ chết. Anh con trai bỏ đi làm ăn xa. Lão Hạc chỉ có "cậu vàng" là "ngời thân" duy nhất.

Ông giáo là một trí thức nghèo sống ở nông thôn. Hoàn cảnh của ông giáo cũng hết sức bi đát.

Quan hệ giữa ông giáo và lão Hạc là quan hệ hàng xóm láng giềng. Lão Hạc có việc gì cũng tâm sự, hỏi ý kiến ông giáo.

+ Những điều nói trên chi phối đến nội dung và cách thức nói của các nhân vật. Trong đoạn trích, ở lời thoại thứ nhất của lão Hạc ta thấy rất rõ:

- Nội dung của lời thoại: Lão Hạc thông báo với ông giáo về việc bán "cậu vàng".

- Cách thức nói của lão Hạc: "nói ngay", nói ngắn gọn, thông báo trước rồi mới hô gọi (ông giáo ạ!) sau.

- Sắc thái lời nói: Đối với sự việc (bán con chó), lão Hạc vừa buồn vừa đau (gọi con chó là "cậu vàng", coi việc bán nó là giết nó: "đi đòi rồi").

Đối với ông giáo, lão Hạc tỏ ra rất kính trọng vì mặc dù ông giáo ít tuổi hơn nhưng có vị thế hơn, hiểu biết hơn (gọi là "ông" và đệm từ "ạ" ở cuối).

3. Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!":

- Nghĩa sự việc: thông báo việc con chó biết nó chết (cậu cậu biết là cu cậu chết).

- Nghĩa tình thái:

+ Ngời nói rất yêu quý con chó (gọi nó là "cu cậu").

+ Việc con chó biết nó chết là một bất ngờ (bấy giờ... mới biết là...).

4. Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi ngời đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ nhà văn Nam Cao:

	<p>+ Hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật là hoạt động giao tiếp trực tiếp có sự luân phiên đổi vai lượt lời, có sự hỗ trợ bởi ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt,... Có gì cha hiểu, hai nhân vật có thể trao đổi qua lại.</p> <p>+ Hoạt động giao tiếp giữa nhà văn Nam Cao và bạn đọc là hoạt động giao tiếp gián tiếp (dạng viết). Nhà văn tạo lập văn bản ở thời điểm và không gian cách biệt với người đọc. Vì vậy, có những điều nhà văn muốn thông báo, gửi gắm không đọc người đọc lĩnh hội hết. Ngược lại, có những điều người đọc lĩnh hội nằm ngoài ý định tạo lập của nhà văn.</p>
--	--

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Làm bài tập còn lại

d. Hóng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học

-Bài mới

Trả bài làm văn số 5

Tuần 30

Ngày dạy

Tiết 88: Làm văn
TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 5
 (Nghị luận văn học)

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Kiến thức về tác giả văn học, giai đoạn văn học, nội dung tác phẩm văn xuôi kì II

-Các thao tác lập luận, nội dung nghệ thuật các tác phẩm văn xuôi

b. Về kĩ năng

Rèn kĩ năng viết bài nghị luận văn học, dùng câu, viết đoạn văn và vận dụng các thao tác làm bài có hiệu quả

c. Về thái độ

Có ý thức trau dồi học tập và rút kinh nghiệm để bài làm có kết quả cao

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

Phong tiên dạy học: SGK, GA, bài kiểm tra, sách tham khảo.

Phong pháp dạy học: gv chữa đề và yêu cầu hs chữa vào vở bt

b. Chuẩn bị của hs

Chuẩn bị bài ở nhà

Sgk, vở ghi, vở bài tập

3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới: Các em đã làm bài viết số 5: Nghị luận văn học trong tác phẩm học kì II. Nhiều bài viết tỏ ra sâu sắc đi sát nội dung song vẫn còn nhiều em chưa có ý thức làm bài hoặc bài làm còn sơ sài. Các em cần khắc phục ngay để bài sau tiến bộ hơn

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt					
	I, Nội dung đề kiểm tra					
	1, Ma trận đề					
	Mức độ Chủ đề 1, Văn học Văn học nước ngoài	Nhận biết Trình bày những hiểu biết về cuộc đời sự nghiệp Sô lô khốp	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng điểm
		1 2				2điểm=20%
	2, Làm văn		Nắm được vấn đề tư tưởng đạo lí	Viết đoạn văn 250 chữ	Trình bày về lòng nhân ái trong cuộc sống	
				1 3		3điểm=30%
3, Làm văn Nghị				Vận dụng kiến		

	luận về một vấn đề văn học				thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài.	
					1 5	5điểm=50%
	1 2 20%		1 3 30%	1 5 50%	10điểm 100%	

Gv: chép đề bài lên bảng
yêu cầu hs chép ra vở bài
tập sau đó chữa bài

2, Nội dung đề

Câu 1 (2điểm)

Trình bày những nét tiêu biểu về M.Sô lô khốp.Nêu tên
2 tác phẩm tiêu biểu của ông.

Câu 2 (3 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận khoảng 250 chữ trình bày suy
nghĩ của anh chị về lòng nhân ái của con người trong
cuộc sống

Câu 3 (5 điểm)

Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác
phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu

II, Đáp án

Câu 1(2 điểm)

<p>Gv chữa đề và nêu đáp án Hs chép vào vở</p>	<p>-M.Sô lô khốp(1905-1984) sinh tại một thị trấn thuộc vùng sông Đông(0.4) -Là nhà văn Xô Viết lỗi lạc tham gia cách mạng khá sớm(0.4) -Từng làm nhiều nghề để kiếm sống và tự học(0.4) -Ông được vinh dự nhận giải thưởng Nooben về văn 1965 (0.4) -Tác phẩm tiêu biểu: Sông Đông êm đềm,Số phận con người(0.4)</p> <p>Câu 2 (3 điểm) Hs nêu được các ý sau: -Giới thiệu vấn đề nghị luận(0.5 điểm) -Giải thích khái niệm lòng nhân ái:là biết cảm thông yêu thương chia sẻ giúp đỡ người khác nhất là những người gặp cảnh ngộ éo le bất hạnh;Lòng nhân ái có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống là một tiêu chí để đánh giá con người.Lòng nhân ái mang họp đến cho cả người trao và người nhận(1 điểm) +Người nhận được trợ giúp về sức mạnh tinh thần và vật chất để vượt qua những khó khăn thử thách(0.25 điểm) +Người trao có cơ hội chia sẻ giúp đỡ người khác được sống có ý nghĩa được trải nghiệm phong phú hơn Lòng nhân ái là cơ sở không thể thiếu để xây dựng một xã hội văn minh nhân đạo,là sợi dây bền chặt thiêng liêng kết nối con người(0,25 điểm) -Thiếu lòng nhân ái tâm hồn con người sẽ khô cứng trống rỗng cái xấu cái ác gia tăng(0.5 điểm) -Lòng nhân ái là một phẩm chất tốt đẹp cao quý nhất thiết phải được bồi đắp giữ gìn(0.5 điểm)</p> <p>Câu 3 (5 điểm) Học sinh viết thành bài văn nghị luận xã hội có 3 phần mở bài, thân bài, kết bài nhưng đảm bảo được các ý sau:</p> <p>- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm => hình tượng người phụ nữ trong các sáng tác văn học.(0,5điểm)</p> <p>-Là một người đàn bà xấu xí, lam lũ, nghèo khổ: 1 điểm</p>
--	--

<p>Gv nhận xét bài làm của hs và trả bài</p>	<p>Ngoại hình: - Trang phục, dáng vẻ:</p> <p>-Một người đàn bà cam chịu nhẫn nhục:1 điểm</p> <p>- Ánh mắt khi sắp bị chồng đánh- Thái độ khi bị chồng đánh: - Lời nói van xin quý Toà:</p> <p>-Một người mẹ thương con và giàu đức hi sinh:1 điểm (Hành động gửi con lên ông ngoại: - Khi chứng kiến cảnh con muôn bảo vệ mẹ mà đánh bố - Lời giải bày ở Toà án huyện)</p> <p>- Một người phụ nữ sâu sắc và thấu hiểu lẽ đời:1 điểm</p> <p>-Đánh giá chung về nhân vật và cảm nghĩ của bản thân về nv và nt xd của nhà văn(0,5 điểm)</p> <p>III, Nhận xét bài làm của hs:</p> <p>1, Ưu điểm:</p> <p>- Đa số các em nắm được nội dung của đề bài; biết phân bố thời gian hợp lí cho các phần.</p> <p>- Bố cục bài văn 3 phần rõ ràng, hợp lí</p> <p>- Một số bài viết trôi chảy, câu văn mượt mà: Nguyễn Ngọc, Công Toàn; Nguyễn Hà</p> <p>2, Hạn chế</p> <p>- Bài viết lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả, câu văn chưa rõ ý</p> <p>- Câu 2 chưa giải thích rõ ràng khái niệm về tư tưởng đạo lí hoặc giải thích còn sơ sài</p> <p>- Câu 3 lúng túng trong việc lựa chọn ý</p> <p>- Nhiều bài chưa làm xong: Nguyễn Phúc, Đỗ Công, Trần Định...</p> <p>IV Trả bài cho hs</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:
-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung đề kiểm tra

-Luyện tập

Về nhà chữa lỗi vào vở bài tập

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Nắm chắc nội dung đề kiểm tra; làm bài tập

-Bài mới

Giá trị văn học và tiếp nhận văn học

Tuần 30

Ngày dạy

Tiết 89-90: Văn

GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

-Những giá trị cơ bản của văn học

-Tiếp nhận trong đời sống văn học,tính chất và các cấp độ tiếp nhận văn học

b.Về kĩ năng

-Vận dụng những hiểu biết về giá trị văn học để phân tích có chiều sâu các tác phẩm văn học

- Vận dụng những hiểu biết về tiếp nhận văn học để có thể cảm thụ tác phẩm văn học ở cấp độ cao nhất

c.Về thái độ

Thích đọc tác phẩm văn học,khen chê đánh giá đúng,yêu trân trọng văn học dân tộc

2.Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

-Phong tiện: sgk,giao án thiết kế,các tài liệu tham khảo đến bài học

-Phong pháp: Nêu vấn đề, thảo luận cá nhân,làm bài tập

b.Chuẩn bị của hs

Sgk,vở soạn,vở ghi và vở bài tập

3.Tiến trình bài học

a.Kiểm tra bài cũ:không

*Đặt vở vào bài mới

Khi tìm hiểu một tác phẩm văn học,chúng ta trước hết phải tìm hiểu các giá trị văn học để từ đó tiếp nhận văn học ở các cấp độ khác nhau.Bài học này sẽ giúp chúng ta có những kiến thức cơ bản từ đó vận dụng vào tiếp nhận văn học ở các tác phẩm cụ thể

b.Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Hớng dẫn tìm hiểu các giá trị văn học.	I. GIÁ TRỊ VĂN HỌC
1- GV nêu câu hỏi: <i>Thế nào là giá trị văn học? Văn học có những giá trị cơ bản nào?</i> - HS dựa vào nội dung SGK và nhận thức cá nhân để trả	1. Khái quát chung + Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống. + Những giá trị cơ bản:

<p>lời câu hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị nhận thức. - Giá trị giáo dục. - Giá trị thẩm mỹ.
<p>2- Một HS đọc mục 1 (phần I-SGK).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: <i>Hãy nêu vấn đề cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị nhận thức và cho ví dụ.</i> - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị nhận thức. - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. 	<p>2. Giá trị nhận thức</p> <p>+ Cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm văn học là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hóa những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm. Bạn đọc đến với tác phẩm sẽ đọc đáp ứng nhu cầu nhận thức. - Mỗi người chỉ sống trong một khoảng thời gian nhất định, ở những không gian nhất định với những mối quan hệ nhất định. Văn học có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong thời gian, không gian thực tế của mỗi cá nhân, đem lại khả năng sống cuộc sống của nhiều người, nhiều thời, nhiều nơi. - Giá trị nhận thức là khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết cuộc sống và chính bản thân, từ đó tác động vào cuộc sống một cách có hiệu quả. <p>+ Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình nhận thức cuộc sống của văn học: nhận thức nhiều mặt cuộc sống với những thời gian, không gian khác nhau (quá khứ, hiện tại, tương lai, các vùng đất, các dân tộc, phong tục, tập quán,...). Ví dụ (...). - Quá trình tự nhận thức của văn học: người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung (mục đích tồn tại, tởng, khát vọng, sức mạnh,... của con người), từ đó mà hiểu chính bản thân mình. Ví dụ (...).
<p>3- Một HS đọc mục 2 (phần I-SGK).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: <i>Hãy nêu vấn đề cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị giáo dục và cho ví dụ.</i> - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị giáo dục. - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. 	<p>3. Giá trị giáo dục</p> <p>+ Cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người không chỉ có nhu cầu hiểu biết mà còn có nhu cầu hống thiện, khao khát cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương. - Nhà văn luôn bộc lộ tởng- tình cảm, nhận xét, đánh giá, ... của mình trong tác phẩm. Điều đó tác động lớn và có khả năng giáo dục người đọc. - Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. <p>+ Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống. Ví dụ (...). - Văn học hình thành trong con người một lí tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm

	<p>đúng đắn về cuộc sống. Ví dụ (...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn. Ví dụ (...). - Văn học nâng đỡ cho nhân cách con người phát triển, giúp cho họ biết phân biệt phải- trái, tốt- xấu, đúng- sai, có quan hệ tốt đẹp và biết gắn bó cuộc sống của cá nhân mình với cuộc sống của mọi người. Ví dụ (...). + Đặc trưng giáo dục của văn học là từ con đồng cảm xúc tới nhận thức, tự giáo dục (khác với pháp luật, đạo đức,...). Văn học cảm hóa con người bằng hình tượng, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp nên nó giáo dục một cách tự giác, thấm sâu, lâu bền. Văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người mà còn hướng con người tới những hành động cụ thể, thiết thực, vì một cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn. Ví dụ (...).
<p>4- Một HS đọc mục 3 (phần I-SGK).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: <i>Hãy nêu vấn đề cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị thẩm mỹ và cho ví dụ.</i> - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị thẩm mỹ. - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. 	<p>4. Giá trị thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở: <ul style="list-style-type: none"> - Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp. - Thế giới hiện thực đã có sẵn vẻ đẹp nhưng không phải ai cũng có thể nhận biết và cảm thụ. Nhà văn, bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm. - Giá trị thẩm mỹ là khả năng của văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp (cái đẹp cuộc sống và cái đẹp của chính tác phẩm). + Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Văn học đem đến cho con người những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc đời, lịch sử,...). Ví dụ (...). - Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người (ngoại hình, nội tâm, tư tưởng- tình cảm, những hành động, lời nói,...). Ví dụ (...). - Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những sự vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp đồ sộ, kì vĩ. Ví dụ (...). - Hình thức đẹp của tác phẩm (kết cấu, ngôn ngữ,...) cũng chính là một nội dung quan trọng của giá trị thẩm mỹ. Ví dụ (...).
<p>5- GV nêu câu hỏi:</p>	<p>5. Mối quan hệ giữa các giá trị văn học</p>

<p>3 giá trị của văn học có mối quan hệ với nhau nh thế nào?</p> <p>- HS bằng năng lực khái quát, liên tổng, suy nghĩ cá nhân và trình bày.</p> <p>- GV nhận xét và nhấn mạnh mối quan hệ của 3 giá trị.</p>	<p>+ 3 giá trị có mối quan hệ mật thiết, không tách rời, cùng tác động đến người đọc (khái niệm <i>chân- thiên- mỹ</i> của cha ông).</p> <p>+ Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. Giá trị thẩm mỹ khiến cho giá trị nhận thức và giá trị giáo dục đọc phát huy. Không có nhận thức đúng đắn thì văn học không thể giáo dục con người vì nhận thức không chỉ để nhận thức mà nhận thức là để hành động. Tuy nhiên, giá trị nhận thức và giá trị giáo dục chỉ có thể phát huy một cách tích cực nhất, có hiệu quả cao nhất khi gắn với giá trị thẩm mỹ- giá trị tạo nên đặc trng của văn học.</p>
--	--

c.Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Làm bài tập 1,2 sau phần luyện tập

d.Hớng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học,làm bài tập

-Bài mới

Tìm hiểu tiếp Giá trị văn học và tiếp nhận văn học

Tuần 30

Ngày dạy

Tiết 90: Văn

GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

(Tiếp theo)

*Tiến trình bài bài dạy

-ổn định lớp

-Kiểm tra bài cũ:không

-Đặt vấn đề vào bài mới

Tiết trước cô trò ta đã tìm hiểu các giá trị của văn học: giá trị nhận thức, giá trị giáo dục giá trị thẩm mỹ. Các giá trị của văn học đọc thực hiện thông qua quá trình tiếp nhận văn học với các tính chất và cấp độ khác nhau

-Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Hđ 1 : Hớng dẫn hs tìm hiểu Các giá trị văn học</p> <p>Gv chuyển ý sang tiết 2</p> <p>Hoạt động 2: Hớng dẫn tìm hiểu tiếp nhận văn học.</p> <p>Một HS đọc mục 1 và 2 (phần II- SGK).</p> <p>- GV nêu câu hỏi:</p>	<p>I, Giá trị văn học</p> <p>II, Tiếp nhận văn học</p> <p>1. Tiếp nhận trong đời sống văn học</p> <p>Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật đọc dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thông thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo.</p>

<p>1) <i>Tiếp nhận văn học là gì?</i> 2) <i>Phân tích các tính chất trong tiếp nhận văn học.</i> - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính- nêu khái niệm, phân tích tính chất- có ví dụ. - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.</p>	<p>Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa từng của câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật,... làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút.</p> <p>Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.</p> <p>+ Phân biệt tiếp nhận và đọc: tiếp nhận rộng hơn đọc vì tiếp nhận có thể bằng truyền miệng hoặc bằng kênh thính giác (nghe).</p> <p>2. Tính chất tiếp nhận văn học</p> <p>Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp (tác giả và người tiếp nhận, người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông). Vì vậy, gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều khó. Điều này thể hiện ở 2 tính chất cơ bản sau:</p> <p>+ Tính chất cá thể hóa, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Các yếu tố thuộc về cá nhân có vai trò quan trọng: năng lực, thị hiếu, sở thích, lứa tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm sống,... Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mỹ làm cho sự tiếp nhận mang đậm nét cá nhân. Chính sự chủ động, tích cực của người tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống cho tác phẩm. Ví dụ (...).</p> <p>+ Tính đa dạng, không thống nhất: cảm thụ, đánh giá của công chúng về một tác phẩm rất khác nhau, thậm chí cùng một người ở nhiều thời điểm có nhiều khác nhau trong cảm thụ, đánh giá. Nguyên nhân ở cả tác phẩm (nội dung phong phú, hình tượng phức tạp, ngôn từ đa nghĩa,...) và người tiếp nhận (tuổi tác, kinh nghiệm, học vấn, tâm trạng,...). Ví dụ (...).</p> <p>3. Các cấp độ tiếp nhận văn học</p> <p>a) Có 3 cấp độ tiếp nhận văn học:</p> <p>+ Cấp độ thứ nhất: cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm. Đây là cách tiếp nhận đơn giản nhưng khá phổ biến.</p>
---	--

<p>Một HS đọc mục 3 (phần II- SGK). - GV nêu câu hỏi: a) Có mấy cấp độ tiếp nhận văn học? b) Làm thế nào để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự? - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính (có ví dụ). - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.</p> <p>Hoạt động 3: Hóng dẫn luyện tập. - GV hóng dẫn, gợi ý để HS tự làm ở nhà.</p> <p>Bài tập 1: Có người cho giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người, hay nói nh Thạch Lam là "làm cho lòng người đọc trong sạch và phong phú hơn". Nói nh vậy có đúng không? Vì sao?</p> <p>Bài tập 2: Phân tích một tác phẩm văn học cụ thể (tự chọn) để làm sáng tỏ các giá trị (hoặc các cấp độ) trong tiếp nhận văn học.</p> <p>Bài tập 3: Thế nào là cảm và hiểu trong tiếp nhận văn học</p>	<p>+ Cấp độ thứ hai: cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy được nội dung tổng của tác phẩm. + Cấp độ thứ ba: cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được cả giá trị tổng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. b) Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần: + Nâng cao trình độ. + Tích lũy kinh nghiệm. + Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn ven. + Tiếp nhận một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hóng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. + Không nên suy diễn tùy tiện.</p> <p>III, Luyện tập Bài tập 1: + Đây chỉ là cách nói để nhấn mạnh giá trị giáo dục của văn chương, không có ý xem nhẹ các giá trị khác. + Cần đặt giá trị giáo dục trong mối quan hệ không thể tách rời với các giá trị khác</p> <p>Bài tập 2: Tham khảo các ví dụ trong SGK và trong bài giảng của thầy</p> <p>Bài tập 3: Đây là cách nói khác về các cấp độ khác nhau trong tiếp nhận văn học: cảm là cấp độ tiếp nhận cảm tính, hiểu là cấp độ tiếp nhận lí tính.</p>
--	---

***Củng cố và luyện tập**

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Làm bài tập 3 sau phần luyện tập

***Hớng dẫn hs tự học ở nhà**

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Tìm hiểu thêm về Giá trị văn học và tiếp nhận văn học

Tuần 30

Ngày dạy

Tiết 90b: Văn

TÌM HIỂU THÊM VỀ GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

- Những giá trị cơ bản của văn học

- Tiếp nhận trong đời sống văn học, tính chất và các cấp độ tiếp nhận văn học

b. Về kĩ năng

- Vận dụng những hiểu biết về giá trị văn học để phân tích có chiều sâu các tác phẩm văn học

- Vận dụng những hiểu biết về tiếp nhận văn học để có thể cảm thụ tác phẩm văn học ở cấp độ cao nhất

- Bớc đầu tìm hiểu các giá trị văn học và tiếp nhận văn học ở tác phẩm cụ thể

c. Về thái độ

Biết nghiên cứu tìm hiểu để tiếp nhận văn học ở các mức độ khác nhau

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

- Phong tiện: sgk, giáo án thiết kế, các tài liệu tham khảo đến bài học

- Phong pháp: Nêu vấn đề, thảo luận cá nhân, làm bài tập

b. Chuẩn bị của hs

Sgk, vở soạn, vở ghi và vở bài tập

3. Tiến trình bài học

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vở vào bài mới

Hai tiết trước cô trò ta đã đi tìm hiểu Giá trị văn học và tiếp nhận văn học, tiết học hôm nay cô sẽ ôn tập củng cố lại nội dung bài học và làm các bài tập để các em hiểu hơn về kiến thức lí thuyết

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv yêu cầu hs nhắc lại khái niệm giá trị văn học và tiếp nhận văn học	1. Ôn lại lí thuyết a. Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống. Những giá trị cơ bản: - Giá trị nhân thức. - Giá trị giáo dục.
Hs nhắc lại kiến thức, gv gọi hs khác bổ sung	

<p>Chỉ ra các giá trị văn học trong tác phẩm Ngồi lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân</p> <p>Gv : hãy nêu các cấp độ tiếp nhận văn học khi tiếp nhận tác phẩm Chiếc thuyền</p>	<p>- Giá trị thẩm mỹ.</p> <p>b. Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật đọc dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tổng tọng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa từng của câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tọng, nhân vật,... làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút.</p> <p>Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.</p> <p>+ Phân biệt tiếp nhận và đọc: tiếp nhận rộng hơn đọc vì tiếp nhận có thể bằng truyền miệng hoặc bằng kênh thính giác (nghe).</p> <p>2. Bài tập</p> <p>Bài tập 1</p> <p>-Giá trị nhận thức: giúp người đọc khám phá hình tọng con sông Đà vừa hung bạo vừa trữ tình thơ mộng ở vùng núi Tây Bắc, tiềm năng to lớn về thủy điện nớc ta; hình tọng người lái đò sông Đà dũng cảm tài trí kinh nghiệm trong cuộc vượt thác ghềnh, một nghệ sĩ tài hoa trong lao động</p> <p>-Giá trị giáo dục: giáo dục con người ý chí nghị lực lòng dũng cảm, khả năng tin tọng vào tài nghệ của bản thân trong công cuộc chinh phục thiên nhiên bất thiên nhiên phải phục vụ cho cuộc sống con người; bài học về sự giản dị trong cuộc sống đời thường</p> <p>-Giá trị thẩm mỹ: người đọc thêm yêu giá trị cuộc sống, yêu thiên nhiên gắn bó hòa hợp với thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn, ngưỡng mộ vẻ đẹp của con người, người nghệ sĩ không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống đời thường</p> <p>Bài tập 2</p> <p>-Tiếp nhận trực tiếp nội dung của tác phẩm (kể chuyện gì, các tình tiết diễn biến ra sao, các nhân vật yêu ghét nhau thế nào sống chết ra sao): Tp kể chuyện một</p>
---	--

<p>ngoài xa của Nguyễn Minh Châu</p> <p>Gv hướng dẫn cho hs, hs dựa vào hướng dẫn trả lời</p>	<p>chuyến đi của nghệ sĩ Phùng về vùng ven biển chụp ảnh lịch về cảnh biển. Anh đã chụp được một bức ảnh về chiếc thuyền ngoài xa trong buổi sáng có sương mù rất đẹp. Nhưng đằng sau sự thật về bức ảnh ấy là cảnh bạo lực trong gia đình hàng chài: người chồng đánh vợ, đứa con trai vì bảo vệ mẹ đã nhảy vào đánh lại bố, đằng sau câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện, nghệ sĩ Phùng và chánh án Đẩu thay đổi trong nhận thức và quan niệm nghệ thuật</p> <p>-Tiếp nhận ở nội dung t tổng của tác phẩm: Đằng sau câu chuyện về bức ảnh và về câu chuyện của người phụ nữ hàng chài, Nguyễn Minh Châu nêu lên mối quan hệ giữa nt với cuộc đời, nghệ thuật phải gắn bó với cuộc đời vì cuộc đời, người nghệ sĩ phải có cái nhìn đa diện nhiều chiều, phải tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa dẫn đến những hành động của con người</p> <p>-Cảm nhận giá trị t tổng và nt của tác phẩm: ngôn ngữ dung dị đời thường, phong cách tự sự triết lí, Nguyễn Minh Châu nêu lên mối quan hệ chặt chẽ giữa nt với cuộc sống, nt gắn bó với cuộc đời, nạn bạo lực trong cuộc sống đời thường; cuộc sống luôn chứa đựng những mặt đối lập đẹp xấu thiện ác...</p>
<p>Phân tích giá trị thẩm mỹ trong câu thơ sau của nhà thơ Xuân Quỳnh</p> <p>Gv hướng dẫn hs chỉ ra và pt, gv gọi 2 hs nhận xét sau đó chốt ý và bổ sung</p>	<p>Bài tập 3 Giá trị thẩm mỹ Con sóng dới lòng sâu Con sóng trên mặt nước Ôi con sóng nhớ bờ Ngày đêm không ngủ được Lòng em nhớ đến anh Cả trong mơ còn thức</p> <p>-Nghệ thuật: điệp cấu trúc 2 câu đầu; ẩn dụ sóng để chỉ cung bậc tâm trạng của người con gái trong ty; điệp từ nhớ diễn tả nỗi nhớ trải dài theo thời gian và không gian, cả trong tiềm thức</p> <p>-Nội dung: nỗi nhớ da diết cháy bỏng của người con gái trong ty, vẻ đẹp của người con gái khi yêu với nhiều tâm trạng nhớ nhung, vẻ đẹp sự hi sinh của người phụ nữ VN</p>

c. Củng cố và luyện tập
 -Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại kiến thức nội dung bài học

-Luyện tập

Nêu cách tiếp nhận tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành

d.Hớng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Ôn tập phần Làm văn

Tuần 31

Ngày dạy

Tiết 91: làm văn
ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

-Dạng bài nghị luận xh và nghị luận văn học

-Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường

-Lập luận trong văn nghị luận

-Bố cục của bài văn nghị luận

-Diễn đạt trong văn nghị luận

b.Về kĩ năng

-Phân tích đề lập dàn ý cho bài văn nghị luận xh và nghị luận văn học

-Vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận và phương thức biểu đạt trong việc viết văn bài văn nghị luận

-Phát hiện và khắc phục các lỗi về diễn đạt trong văn nghị luận

-Viết văn bản tổng kết tri thức và hoạt động thực tiễn

c.Về thái độ

Nâng cao ý thức tìm hiểu và nghiên cứu. làm bài tập và tổng hợp kiến thức bài ôn tập

2.Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

-Phong tiện: Sách giáo khoa, sách giáo viên. Thiết kế bài học.Tài liệu tham khảo.

-Phong pháp dạy học Hớng dẫn HS chuẩn bị ở nhà :

Giao cho 4 tổ chuẩn bị 4 nội dung

Tổ 1 : Các kiểu văn bản đọc học ở THPT.

Tổ 2 : Các bước của quá trình viết một văn bản nói chung.

Tổ 3 : Viết văn bản nghị luận.

Tổ 4 : Viết nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

Tổ chức ôn tập trên lớp theo cách trình bày và thảo luận

b.Chuẩn bị của hs

Sgk, vở soạn, vở ghi
 Các tài liệu tham khảo khác

3. Tiến trình tổ chức dạy học

a. Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vd vào bài mới:

Phần Làm văn trong chương trình lớp 12 các em đã ôn xong, kiến thức lí thuyết và một số bài tập thực hành viết văn nghị luận về một tác phẩm đoạn trích văn xuôi. Hôm nay các em sẽ ôn tập để hệ thống hóa kiến thức những bài đã học một cách tổng quát nhất

b. Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Hớng dẫn ôn tập các tri thức chung	I. ÔN TẬP CÁC TRI THỨC CHUNG
1- GV yêu cầu HS nhớ lại và thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT và cho biết những yêu cầu cơ bản của các kiểu loại đó. - HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm thống kê một khối lớp) và các nhóm lần lượt trình bày. - GV đánh giá quá trình làm việc của HS và nhấn mạnh một số kiến thức cơ bản.	1. Các kiểu loại văn bản a) Tự sự: Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân- quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, t tởng, thái độ,... b) Thuyết minh: Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả,... của sự vật, hiện tượng, vấn đề,... giúp người đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với đối tượng đọc thuyết minh. c) Nghị luận: Trình bày t tởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,... đối với các vấn đề xã hội hoặc văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục. Ngoài ra, còn có các loại văn bản: Kế hoạch cá nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết,...
2- GV nêu câu hỏi: <i>Để viết đọc một văn bản cần thực hiện những công việc gì?</i> - HS nhớ lại những kiến thức đã học để trả lời.	2. Cách viết văn bản Để viết đọc một văn bản cần thực hiện những công việc: + Năm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản. + Hình thành ý và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản. + Viết văn bản: Mỗi câu trong văn bản tập trung thể hiện một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn. Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng thời cả văn bản đọc xây dựng theo một kết cấu mạch lạc. Mỗi văn bản có dấu hiệu biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung và t- ơng ứng với nội dung là hình thức thích hợp.
Hoạt động 2: Hớng dẫn ôn tập các tri thức về văn nghị luận	II. ÔN TẬP CÁC TRI THỨC VĂN NGHỊ LUẬN
1- GV nêu câu hỏi để HS ôn lại đề tài cơ bản của văn nghị luận:	1. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường. a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà

<p>a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành những nhóm nào? b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm gì chung và khác biệt? - HS suy nghĩ và trả lời</p>	<p>trở thành 2 nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học) b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt: + Điểm chung: - Điều trình bày tổng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,... đối với các vấn đề nghị luận. - Điều sử dụng các luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục. + Điểm khác biệt: - Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi và sâu sắc. - Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học.</p>
<p>2- GV nêu câu hỏi ôn tập về lập luận trong văn nghị luận: a) Lập luận gồm những yếu tố nào? b) Thế nào là luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận? Quan hệ giữa luận điểm và luận cứ? c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm. d) Nêu các lỗi thông gặp khi lập luận và cách khắc phục. đ) Kể tên các thao tác lập luận cơ bản, cho biết cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận đó trong bài nghị luận. - HS nhớ lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.</p>	<p>2. Lập luận trong văn nghị luận a) Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận. b) Luận điểm là ý kiến thể hiện tổng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ đọc dùng để soi sáng cho luận điểm. c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm: + Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí, những lí lẽ đã đọc thừa nhận. + Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ. + Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng rõ luận điểm. d) Các lỗi thông gặp khi lập luận và cách khắc phục: + Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết. + Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết đến luận điểm cần trình bày. + Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm. đ) Các thao tác lập luận cơ bản: + Thao tác lập luận phân tích. + Thao tác lập luận so sánh.</p>

	<p>+ Thao tác lập luận bác bỏ. + Thao tác lập luận bình luận. Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận.</p>
<p>3- GV nêu câu hỏi ôn tập về bố cục bài nghị luận: a) Mở bài có vai trò nh thế nào? Phải đạt những yêu cầu gì? Cách mở bài cho các kiểu nghị luận. b) Vị trí phần thân bài? Nội dung cơ bản? Cách sắp xếp các nội dung đó? Sự chuyển ý giữa các đoạn? c) Vai trò và yêu cầu của phần kết bài? Cách kết cho các kiểu nghị luận đã học? - HS khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu cha đủ hoặc thiếu chính xác.</p>	<p>3. Bố cục của bài văn nghị luận a) Mở bài có vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (ngời nghe). Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài; hóng người đọc (ngời nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề đọc trình bày trong văn bản. Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. b) Thân bài là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phong pháp lập luận thích hợp. Các nội dung trong phần thân bài phải đọc sắp xếp một cách có hệ thống, các nội dung phải có quan hệ lôgic chặt chẽ. Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuyển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn. c) Kết bài có vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.</p>
<p>4- GV nêu câu hỏi ôn tập về diễn đạt trong văn nghị luận: a) Yêu cầu của diễn đạt? Cách dùng từ, viết câu và giọng văn? b) Các lỗi về diễn đạt và cách khắc phục. - HS khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu cha đủ hoặc thiếu chính xác.</p>	<p>4. Diễn đạt trong văn nghị luận + Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận, tránh dùng từ khẩu ngữ hoặc những từ ngữ sáo rỗng, câu kì; Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh,...) và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp. + Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc: câu ngắn, câu dài, câu mở rộng thành phần, câu nhiều tầng bậc,... Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ,... + Giọng điệu chủ yếu của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài văn có thể thay đổi giọng điệu sao cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, mạnh mẽ, trầm lắng, hài hước,... + Các lỗi về diễn đạt thông gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ</p>

	không đúng phong cách; sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận,...
Hoạt động 3: Luyện tập	III. LUYỆN TẬP
- GV yêu cầu 1 HS đọc 2 đề văn (SGK) và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu luyện tập. a) Tìm hiểu đề: - Hai đề bài yêu cầu viết kiểu bài nghị luận nào? - Các thao tác lập luận cần sử dụng để làm bài là gì? - Những luận điểm cơ bản nào cần dự kiến cho bài viết?	Đề văn (SGK). 2. Yêu cầu luyện tập: a) Tìm hiểu đề: + Kiểu bài: nghị luận xã hội (đề 1), nghị luận văn học (đề 2). + Thao tác lập luận: cả 2 đề đều vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. Tuy nhiên, đề 1 chủ yếu vận dụng thao tác bình luận; đề 2 chủ yếu vận dụng thao tác phân tích. + Những luận điểm cơ bản cần dự kiến cho bài viết: - Với đề 1: Tróc hết cần khẳng định câu nói của Xô-cô-rát với người khách và giải thích tại sao ông lại nói như vậy? Sau đó rút ra bài học từ câu chuyện và bình luận. - Với đề 2: Tróc hết cần chọn đoạn thơ để phân tích. Sau đó căn cứ vào nội dung ý tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chia thành các luận điểm.
b) Lập dàn ý cho bài viết. Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.	b) Lập dàn ý cho bài viết: Tham khảo sách <i>Bài tập Ngữ văn 12</i> hoặc <i>Dàn bài làm văn 12</i>

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài ôn tập

-luyện tập

Viết đoạn văn trong dàn ý đề bài 2

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Ôn tập phân văn học

Tuần 31

Ngày dạy

Tiết 92 : Văn ÔN TẬP PHÂN VĂN HỌC

1, Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Các tác phẩm văn học VN đọc học ở học kì II lớp 12 thuộc giai đoạn từ sau CMT8 năm 1945 đến hết thế kỉ XX. Nắm đọc nội dung nghệ thuật và một số đặc điểm của các thể loại truyện ngắn tiểu thuyết, kịch và văn nhật dụng

+Truyện ngắn: Vợ nhất,Vợ chồng A Phủ,Chiếc thuyền ngoài xa,Rừng xà nu,Những đứa con trong gia đình,Bát sấu rừng U Minh hạ,Một người HN

+Tiểu thuyết Mùa lá rụng trong vườn

+Kịch: Hồn Trương Ba da hàng thịt

+Văn nhật dụng: Nhìn về vốn văn hóa dân tộc

-Các tác phẩm văn học nn: nắm được nội dung t tổng mang tính nhân loại và đặc sắc nghệ thuật của các tp: Thuốc,Số phận con người,Ông già và biển cả

b.Về kĩ năng

-Đọc hiểu truyện ngắn trích đoạn tiểu thuyết và kịch bản văn học hiện đại

-Vận dụng những kiến thức về thể loại đề tài chủ đề t tổng của các tp văn học để kiến giải những vd có tính khái quát của vñ VN từ sau CMT8 đến hết thế kỉ XX.

c.Về thái độ

Có ý thức tìm tòi,nghiên cứu sâu sắc giá trị nội dung và t tổng của các tp văn học đã học

2 Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

-Phong tiện: sgk,giao án thiết kế,các tài liệu tham khảo đến bài học

-Phong pháp: - GV Hớng dẫn HS chuẩn bị ở nhà theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

Ngoài ra ôn lại các tác phẩm trên các vấn đề cơ bản sau :

+ Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh sáng tác của từng tác phẩm

+ Tóm tắt cốt truyện

+ Học thuộc một số đoạn văn hay, tiêu biểu

+ Nắm được chủ đề, nội dung chính đặt ra trong tác phẩm

- Hớng dẫn HS thảo luận, trình bày, trao đổi, góp ý trên lớp. Giáo viên tổng kết, nhấn mạnh những điểm cần thiết.

b.Chuẩn bị của hs

Sgk,vở soạn,vở ghi và vở bài tập

3.Tiến trình bài học

a.Kiểm tra bài cũ:không

*Đặt vd vào bài mới

Các em đã hoàn thành xong chương trình Ngữ văn 12 phần Văn học,hôm nay cô trò ta sẽ cùng ôn tập phần văn học VN kì II và phần văn học nước ngoài để nắm rõ hơn nội dung t tổng nghệ thuật của các tp này

b.Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt		
Hoạt động 1: Tổ chức ôn tập văn học Việt Nam	I. ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM		
I. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm <i>Vợ nhất</i> (Kim Lân) và <i>Vợ chồng A Phủ</i> (Tô Hoài). Phân tích nét đặc sắc trong t tổng nhân đạo của mỗi tác phẩm. (GV hớng dẫn HS lập bảng so sánh. HS phát biểu từng khía cạnh. GV nhận xét và hoàn chỉnh bảng so sánh)	1. Vợ nhất (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài)		
		Vợ nhất	Vợ chồng A Phủ
	Số phận và cảnh ngộ của con người	Tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói năm 1945.	Số phận bi thảm của người dân miền núi Tây Bắc đối ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến tróc cách mạng.
T tổng nhân đạo của	Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống và hi	Ngợi ca sức sống tiềm tàng của con người và con đờng	

	tác phẩm	vọng vào một tương lai tươi sáng.	họ tự giải phóng, đi theo cách mạng.
2. Các tác phẩm <i>Rừng xà nu</i> của Nguyễn Trung Thành, <i>Những đứa con trong gia đình</i> của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó. (GV hướng dẫn HS so sánh trên một số phong diện. HS thảo luận và phát biểu ý kiến)	2. <i>Rừng xà nu</i> của Nguyễn Trung Thành, <i>Những đứa con trong gia đình</i> của Nguyễn Thi	<p>Cần so sánh trên một số phong diện tập trung thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lòng yêu nước, căm thù giặc. + Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống kẻ thù xâm lược. + Đời sống tâm hồn, tình cảm cao đẹp. + Những nét đặc sắc về nghệ thuật thể hiện: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng hình tượng và những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa,... 	
3. Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> ? (GV gợi cho HS nhớ lại bài học. HS suy nghĩ và phát biểu).	3. <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu	<p>Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> rất phong phú và sâu sắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc sống có những nghịch lí mà con người buộc phải chấp nhận, "sống chung" với nó. + Muốn con người thoát ra khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, man rợ cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ là thiên chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhng xa rời thực tiễn. + Nhan đề <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> giống nh một gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống mà người nghệ sĩ cần coi trọng. Khi quan sát từ "ngoài xa", người nghệ sĩ sẽ không thể thấy hết những mảng tối, những góc khuất. Chủ nghĩa nhân đạo trong nghệ thuật không thể xa lạ với số phận cụ thể của con người. Nghệ thuật mà không vì cuộc sống con người thì nghệ thuật phỏng có ích gì. Người nghệ sĩ khi thực sự sống với cuộc sống, thực sự hiểu con người thì mới có những sáng tạo nghệ thuật có giá trị đích thực góp phần cải tạo cuộc sống. 	
4. Phân tích đoạn trích vở kịch <i>Hồn Trong Ba, da hàng thịt</i> của Lu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lòng tâm, đạo đức đối với bản năng của con người. (GV định hướng cho HS những ý chính cần phân tích và giao việc cho các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một ý- đại diện nhóm phân tích. GV nhận xét,	4. Đoạn trích vở kịch <i>Hồn Trong Ba, da hàng thịt</i> của Lu Quang Vũ	<p>Cần tập trung phân tích những điểm cơ bản sau:</p> <p>1) Phân tích hoàn cảnh trở trêu của Hồn Trong Ba qua độc thoại nội tâm, đối thoại với các nhân vật đặc biệt là đối thoại với xác anh hàng thịt.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong Ba bây giờ không còn là Trong Ba ngày trước. + Trong Ba bây giờ vung vè, thô lỗ, phũ phàng. + Mọi người xót xa trước tình cảnh của Trong Ba, 	

<p><i>khắc sâu những ý cơ bản).</i></p>	<p>xác anh hàng thịt cời nhạo Trọng Ba, bán thân Trọng Ba vô cùng đau khổ, dằn vặt.</p> <p>2) Phân tích thái độ, tâm trạng của Hồn Trọng Ba trong cuộc đối thoại với Đế Thích và quyết định cuối cùng của Hồn Trọng Ba để rút ra chủ đề, ý nghĩa tổng của đoạn trích nói riêng và vở kịch nói chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc đối thoại với Đế Thích, đặc biệt lời thoại mang ý nghĩa tổng của tác phẩm. + Cái chết của cụ Tị và những hình dung của Hồn Trọng Ba khi Hồn nhập vào xác cụ Tị. + Quyết định cuối cùng của Hồn Trọng Ba: xin cho cụ Tị sống và mình chết hẳn- ý nghĩ nhân văn của quyết định ấy. <p>3) Tổng hợp những điều đã phân tích, đánh giá chiều sâu triết lí và ý nghĩa tổng của vở kịch: sự chiến thắng của lòng tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.</p>
<p>Hoạt động 2: Tổ chức ôn tập văn học Nóc ngoài</p> <p>1. Ý nghĩa tổng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn <i>Số phận con người</i> của Sô-lô-khốp.</p> <p><i>(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Số phận con người, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn. HS làm việc cá nhân và phát biểu)</i></p>	<p>II. ÔN TẬP VĂN HỌC NÓC NGOÀI</p> <p>1. Số phận con người của Sô-lô-khốp</p> <p>+ Ý nghĩa tổng:</p> <p><i>Số phận con người</i> của Sô-lô-khốp đã khiến ta suy nghĩ nhiều hơn đến số phận của từng con người cụ thể sau chiến tranh. Tác phẩm đã khẳng định một cách viết mới về chiến tranh: không né tránh mất mát, không say với chiến thắng mà biết cảm nhận chia sẻ những đau khổ tột cùng của con người sau chiến tranh. Từ đó mà tin yêu hơn đối với con người. <i>Số phận con người</i> khẳng định sức mạnh của lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, nghị lực con người. Tất cả những điều đó sẽ nâng đỡ con người vọt lên số phận.</p> <p>+ Đặc sắc nghệ thuật:</p> <p><i>Số phận con người</i> có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng. Nhà văn đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo, sự xen kẽ nhịp nhàng giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tối đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc.</p>
<p>2. Trong truyện ngắn <i>Thuốc</i>, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?</p> <p><i>(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Thuốc, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn.)</i></p>	<p>2. Truyện ngắn <i>Thuốc</i> của Lỗ Tấn</p> <p>+ Lỗ Tấn phê phán những căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh u mê lạc hậu của người dân. - Bệnh xa rời quần chúng của những người cách mạng tiên phong. <p>+ Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm:</p>

<p><i>HS làm việc cá nhân và phát biểu)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cốt truyện đơn giản nhng hàm súc. - Các chi tiết, hình ảnh đều giàu ý nghĩa tượng trưng. Đặc biệt là hình ảnh chiếc bánh bao tằm máu, hình ảnh con đòng, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du,... - Không gian, thời gian của truyện là một tín hiệu nghệ thuật có ý nghĩa .
<p>3. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích <i>Ông già và biển cả</i> của Hê-ming-uê? (GV yêu cầu HS xem lại bài <i>Ông già và biển cả</i>, trên cơ sở đó để thảo luận. HS làm việc cá nhân và phát biểu, thảo luận)</p>	<p>3. Đoạn trích <i>Ông già và biển cả</i> của Hê-ming-uê Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích <i>Ông già và biển cả</i> của Hê-ming-uê</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ông lão và con cá kiếm. Hai hình tượng mang một vẻ đẹp song song trong một tình huống căng thẳng đối lập. + Ông lão tượng trng cho vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ớc mơ giản dị nhng rất to lớn của đời mình. + Con cá kiếm là đại diện cho tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên. + Trong mối quan hệ phức tạp của thiên nhiên với con người không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù. Con người và thiên nhiên có thể vừa là bạn vừa là đối thủ. Con cá kiếm là biểu tượng của ớc mơ vừa bình thường giản dị nhng đồng thời cũng rất khác thường, cao cả mà con người ít nhất từng theo đuổi một lần trong đời.

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Làm các câu hỏi còn lại trong phần ôn tập

d. Hớng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học. làm bài tập

-Bài mới

Tìm hiểu thêm về phần Ôn tập văn học

Tuần 31

Ngày dạy

Tiết 92*: Văn

Luyện tập thêm về phần

ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC

1, Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Các tác phẩm văn học VN đọc học ở học kì II lớp 12 thuộc giai đoạn từ sau CMT8 năm 1945 đến hết thế kỉ XX. Nắm nội dung nghệ thuật và một số đặc điểm của các thể loại truyện ngắn tiểu thuyết, kịch và văn nhật dụng

-Các tác phẩm văn học nn: nắm đợc nội dung t tổng mang tính nhân loại và đặc sắc nghệ thuật của các tp: Thuốc,Số phận con người,Ông già và biển cả

b.Về kĩ năng

-Đọc hiểu truyện ngắn trích đoạn tiểu thuyết và kịch bản văn học hiện đại
 -Vận dụng những kiến thức về thể loại đề tài chủ đề t tổng của các tp văn học để làm bài tập vñVN từ sau CMT8 đến hết thế kỉ XX và văn học nớc ngoài

c.Về thái độ

Có ý thức tìm tòi, nghiên cứu sâu sắc giá trị nội dung và t tổng của các tp văn học đã học

2 Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

-Phong tiện: sgk, giáo án thiết kế, các tài liệu tham khảo đến bài học
 -Phong pháp: - GV Hớng dẫn HS chuẩn bị ở nhà theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

Ngoài ra ôn lại các tác phẩm trên các vấn đề cơ bản sau :

- + Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh sáng tác của từng tác phẩm
- + Tóm tắt cốt truyện
- + Học thuộc một số đoạn văn hay, tiêu biểu
- + Nắm đợc chủ đề, nội dung chính đặt ra trong tác phẩm
- Hớng dẫn HS thảo luận, trình bày, trao đổi, góp ý trên lớp. Giáo viên tổng kết, nhấn mạnh những điểm cần thiết.

b.Chuẩn bị của hs

Sgk, vở soạn, vở ghi và vở bài tập

3.Tiến trình bài học

a.Kiểm tra bài cũ:không

*Đặt vở vào bài mới

Tiết trước cô trò ta đã ôn tập phần Văn học tìm hiểu phần văn học VN và nớc ngoài, hôm nay cô trò ta sẽ củng cố nội dung phần ôn tập này bằng việc làm các bài tập

b.Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>Nêu tình huống truyện Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu</p> <p>- Nêu ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích vở kịch hồn Trương Ba, da hàng thịt?</p>	<p>1.Câu 1 Truyện Chiếc thuyền ngoài xa - Là tình huống nhận nhận thức. - Các tình tiết, chi tiết trong truyện: người đàn ông, người đàn bà, cậu bé Phác.....đều dẫn đến sự bùng tỉnh, giây phút “giác ngộ” chân lí, làm sáng tỏ nhận thức mới mẻ của nhân vật Đẩu: “ Một cái gì mới vừa...”</p> <p>2.Câu 2 Ý nghĩa tư tưởng: phê phán một số biểu hiện tiêu cực của lối sống đương thời. - Trlí về lẽ sống, lẽ làm người: Con người phải luôn đtranh với bản thân để vươn tới sự thống nhất hài hoà giữa linh hồn và thể xác, hướng tới sự hoàn thiện nhân cách</p>

<p>Nêu ý nghĩa tư tưởng của các tp đoạn trích văn học nước ngoài</p>	<p>3.Câu 3 Thuốc: là hồi chuông cảnh báo sự mê muội đờn hèn của người Trung Hoa cuối TK XIX đầu TK XX và cần phải có phương thuốc chữa bệnh cho quốc dân -Số phận con người: Ý nghĩa tư tưởng: Số phận mỗi người thường không phẳng phiu mà đầy éo le trắc trở. Con người phải có đủ bản lĩnh và lòng nhân hậu để làm chủ số phận, vượt lên cô đơn, mất mát, đau thương. +Nghệ thuật kể chuyện, khắc hoạ tính cách và sử dụng chi tiết. - Ông già và biển cả: NT “tảng băng trôi”</p>
<p>Nhận xét về mặt nội dung và nghệ thuật Nhìn về vốn văn hóa dân tộc (Trần Đình Hượu)</p>	<p>4.Câu 4 - Những mặt ưu điểm và nhược điểm, tích cực và hạn chế của văn hóa dân tộc. - Cách trình bày chặt chẽ , biện chứng , logic, thể hiện tầm bao quát lớn, chỉ ra những khía cạnh quan trọng về những đặc trưng văn hóa dân tộc. - Thái độ khách quan , khoa học, khiêm tốn , thẳng thắn... Quan điểm đúng đắn về những nét đặc trưng của vốn văn hóa dân tộc , là cơ sở để suy nghĩ và tìm ra phương hướng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>5.Câu 5 Cụ Mết: Là cội nguồn, là lịch sử, “là Tây Nguyên của thời Đất nước đứng lên còn trường tồn cho đến hôm nay”. Cụ như một nhân vật huyền thoại từ hình dáng cho đến tính cách: quắc thước như xưa, râu dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt sáng xéch ngược, ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn. Một con người trầm tĩnh, sáng suốt, bền bỉ và vững chãi. Ngôn ngữ: cách nói của cụ cũng khác lạ (không bao giờ khen tốt, lúc vừa ý nhất</p>
<p>Phân tích phẩm chất anh hùng của các</p>	

nhân vật trong Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành.

cũng chỉ nói được). Tấm lòng của cụ với buôn làng, với Tnú, với cách mạng là tấm lòng thủy chung, cu mang đùm bọc, tình nghĩa.

Cụ Mết là khuôn mẫu của người già Tây Nguyên, yêu buôn làng, yêu nước, yêu cách mạng, tuổi cao chí càng cao. Hình ảnh cụ còn sống mãi với câu nói bất hủ: “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”.

Tnú: Cuộc đời Tnú đã phải trải qua bao thử thách khốc liệt từ thuở ấu thơ. Anh đã được hoàn cảnh hun đúc thành một con người có nhiều phẩm chất đáng quý.

Tnú có chữ, có văn hoá, lại sớm được giác ngộ cách mạng, một con người gan góc, trung thực. Dũng cảm, kiên cường, trung thành với cách mạng.

Ngoài tình thương vợ con, Tnú còn là người nặng tình với buôn làng.

Tnú cũng chịu bao đau thương dưới bàn tay tội ác của kẻ thù.

Cuộc đời Tnú là một minh chứng hùng hồn rằng: “phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng”.

Dít: Có vẻ đẹp trẻ trung, trong sáng. Gan góc, dũng cảm.

Một cán bộ Đảng trẻ, có năng lực, nghiêm túc, tình cảm trong sáng, cao đẹp. Phác họa thành công một tập thể nhân vật anh hùng, Nguyễn Trung Thành đã làm nên thành công của Rừng xà nu. Họ là hiện thân của những phẩm chất anh hùng, đẹp đẽ của các thế hệ nhân dân, tượng trưng cho các thế hệ tiếp nối nhau của dân làng Xô Man.

Thông qua hệ thống nhân vật đó, tác giả đã thể hiện sinh động và nghệ thuật quy luật: có áp bức có đấu tranh, một chân lí của cách mạng miền Nam: “chúng nó

đã cảm sung, mình phải cảm giáo”.

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài học

-Luyện tập

Tính sử thi trong Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Tổng kết phần tiếng Việt: Lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ

Tuần 31

Ngày dạy

Tiết 93: Tiếng Việt

Tổng kết phần Tiếng Việt

LỊCH SỬ, ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH VÀ CÁC PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

1. Mục tiêu bài học

a. Về kiến thức

-Kiến thức cơ bản về nguồn gốc quan hệ họ hàng và quá trình phát triển của tiếng Việt, chữ Việt

-Những đặc điểm loại hình của tiếng Việt: đặc điểm và vai trò của tiếng, sự không biến đổi từ phong thức ngữ pháp chủ yếu là trật tự từ và h từ

-Các phong cách ngôn ngữ trong tiếng Việt

b. Về kĩ năng

-Kĩ năng tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức đã học: so sánh đối chiếu, khái quát hóa, lập bảng tổng kết

-Kĩ năng nhận biết và phân tích các đơn vị hoặc hiện tượng ngôn ngữ căn cứ trên những đặc điểm loại hình của tiếng Việt

- Kĩ năng nhận biết và phân tích ngôn ngữ theo những đặc điểm về phong cách ngôn ngữ của văn bản

-Kĩ năng nói và viết phù hợp với đặc điểm loại hình của tiếng Việt và phong cách ngôn ngữ khi giao tiếp

-Kĩ năng so sánh TV với ngoại ngữ đang học hoặc đã biết để thấy rõ hơn đặc điểm của tong ngôn ngữ tạo điều kiện tốt cho việc học tập và sử dụng ngôn ngữ

c. Về thái độ

Nâng cao ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và làm giàu ngôn ngữ tiếng Việt

2. Chuẩn bị của gv và hs

a. Chuẩn bị của gv

-phong tiện dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên. Thiết kế bài học. Tài liệu tham khảo.

-Phong pháp dạy học : Hệ thống hoá kiến thức, vấn đáp , thảo luận .

b.Chuẩn bị của hs

Sgk,vở bài tập,vở ghi,các tài liệu tham khảo khác

3.Tiến trình bài học

*Ổn định lớp

a. Kiểm tra bài cũ : không

*Đặt vđ vào bài mới : Các em đã ôn tập tiết trước phần tiếng Việt : hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Kiến thức chủ yếu ở chương trình lớp 10,11 và 2 phần của lớp 12.Tiết học này cô trò ta sẽ ôn tập tiếp phần tiếng Việt với các phong cách chức năng ngôn ngữ, lịch sử đặc điểm loại hình

b.Dạy nội dung bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>Hoạt động 1: Tổ chức tổng kết về nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập.</p> <p>- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học.</p> <p>- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>I. Tổng kết về nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập.</p>

Bảng ôn tập

Nguồn gốc và lịch sử phát triển	Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập
<p>a) Nguồn gốc: Tiếng Việt thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ: ngôn ngữ Nam Á. - Dòng: Môn- Khmer. - Nhánh: Tiếng Việt Mông chung. <p>b) Các thời kì trong lịch sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Việt trong thời kì dựng nước. - Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. - Tiếng Việt trong thời kì độc lập tự chủ. - Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc. - Tiếng Việt trong thời kì từ sau cách mạng tháng Tám đến nay. 	<p>a) Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết; về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ.</p> <p>b) Từ không biến đổi hình thái.</p> <p>c) Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các h từ.</p>

<p>Hoạt động 2: Tổ chức tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản.</p> <p>- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và</p>	<p>II. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản</p>
---	---

điền vào những thông tin đã học. - HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.	
--	--

Bảng thứ nhất:

Tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách.

	PCNN sinh hoạt	PCNN nghệ thuật	PCNN báo chí	PCNN chính luận	PCNN khoa học	PCNN hành chính
Thể loại văn bản tiêu biểu	-Dạng nói (độc thoại, đối thoại) -Dạng viết (nhật kí, hồi ức cá nhân, th từ. -Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học)	-Thơ ca, hò vè,... - truyện, tiểu thuyết, kí,... -Kịch bản,...	- Thể loại chính: Bản tin, Phóng sự, Tiểu phẩm. - Ngoài ra: th bạn đọc, phỏng vấn, quảng cáo, bình luận thời sự,...	-Công lĩnh - Tuyên bố. -Tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu. -Các bài bình luận, xã luận. -Các báo cáo, tham luận, phát biểu trong các hội thảo, hội nghị chính trị, ...	- Các loại văn bản khoa học chuyên sâu: chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học,... - Các văn bản dùng để giảng dạy các môn khoa học: giáo trình, giáo khoa, thiết kế bài dạy, ... - Các văn bản phổ biến khoa học: sách phổ biến khoa học kĩ thuật, các bài báo, phê bình, điểm sách,...	-Nghị định, thông t, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,... -Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,... -Đơn, bản khai, báo cáo, biên bản,...

Bảng thứ hai:

Tên các phong cách ngôn ngữ và đặc trng cơ bản của từng phong cách

	PCNN sinh hoạt	PCNN nghệ thuật	PCNN báo chí	PCNN chính luận	PCNN khoa học	PCNN hành chính
Đặc trng cơ bản	- Tính cụ thể -Tính cảm xúc. - Tính cá thể	-Tính hình tượng. -Tính truyền cảm. -Tính cá thể hóa.	-Tính thông tin thời sự. -Tính ngắn gọn. -Tính sinh động, hấp dẫn.	- Tính công khai về quan điểm chính trị. - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận. - Tính truyền cảm, thuyết phục.	-Tính trừu t- ơng, khái quát. -Tính lí trí, lôgíc. -Tính phi cá thể.	-Tính khuôn mẫu. -Tính minh xác. -Tính công vụ.

Hoạt động 3: Luyện tập	III. Luyện tập
<p>Bài tập 1: So sánh hai phân văn bản (mục 4- SGK), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản.</p> <p>- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức để xác định và phân tích.</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm học tập, cử đại diện trình bày và tham gia tranh luận với các nhóm khác.</p>	<p>Bài tập 1: Hai phân văn bản đều có chung đề tài (trăng) nhng đọc viết với hai phong cách ngôn ngữ khác nhau:</p> <p>+ Phân văn bản (a) đọc viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, lôgic, tính phi cá thể.</p> <p>+ Phân văn bản (b) đọc viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hóa.</p>
<p>Bài tập 2: Đọc văn bản lược trích (mục 5- SGK) và thực hiện các yêu cầu:</p> <p>a) Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.</p> <p>b) Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu văn bản.</p> <p>c) Đóng vai một phóng viên báo hàng ngày và giả định văn bản trên vừa đọc kí và ban hành một vài giờ trước, anh (chị) hãy viết một tin ngắn theo phong cách báo chí (thể loại bản tin) để đa tin về sự kiện ban hành văn bản.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trên.</p> <p>- HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả trước lớp để thảo luận.</p>	<p>Bài tập 2:</p> <p>a) Văn bản đọc viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.</p> <p>b) Ngôn ngữ đọc sử dụng trong văn bản có đặc điểm:</p> <p>+ Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thông gặp trong phong cách ngôn ngữ hành chính nh: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này,...</p> <p>+ Về câu: văn bản sử dụng kiểu câu thông gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ... căn cứ... xét đề nghị... quyết định I... II... III... IV... V... VI...</p> <p>+ Về kết cấu: văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu 3 phần:</p> <p>- Phần đầu: quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày tháng năm, tên quyết định.</p> <p>- Phần chính: nội dung quyết định.</p> <p>- Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái).</p> <p>c) Tin ngắn: <i>Cách đây chỉ mới vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban,... còn quy định địa điểm cho Bảo hiểm Y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.</i></p>

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

GV yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức của bài học

-Luyện tập

Viết một văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính đã học

d.Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm chắc nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Chuẩn bị bài kiểm tra tổng hợp cuối năm

Tuần 32

Ngày dạy

Tiết 94-95: Làm văn

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

(Bài viết số 6)

1,Mục tiêu bài học:

a,Về kiến thức:

-Giúp hs ôn tập, củng cố các nội dung, kiến thức đã học trong chương trình ngữ văn 12.

-Giúp hs nắm chắc các kiến thức trong phần văn học, tiếng Việt, làm văn

b,Về kỹ năng:

Hs rèn luyện các kỹ năng về đọc- hiểu văn bản, kỹ năng nhận biết, thông hiểu vận dụng vào việc làm một bài nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội.

c,Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc, có ý thức làm bài.

2,Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a,Chuẩn bị của giáo viên:

-Sgk, giáo án, thiết kế, sgv

-Các tài liệu tham khảo khác.

-Đề kiểm tra

b,Chuẩn bị của học sinh:

Giấy kiểm tra,giấy nháp,dụng cụ học tập khác

3,Tiến trình bài dạy:

a,Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vở vào bài mới

Các em đã học xong chương trình Ngữ văn 12 phần văn học,tiếng Việt và làm văn.Tiết học này để kiểm tra kiến thức trong suốt quá trình học trong năm học qua.Hôm nay các em sẽ làm bài kiểm tra tổng hợp cuối năm học

b,Dạy nội dung bài mới:

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt				
I, Nội dung đề kiểm tra					
1, Ma trận đề					
Mức độ Chủ đề 1, Văn học Văn học nước ngoài	Nhận biết Tóm tắt tác phẩm Thuốc của nhà văn Lỗ Tấn	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng điểm
	1 2				2điểm=20%
2, Làm văn Nghị luận xã hội		Hiểu được tư tưởng đạo lí cần nghị luận	Vận dụng kĩ năng làm bài nghị luận xã hội	Viết bài nghị luận về tư tưởng đạo lí	
				1 3	3điểm=30%
3, Làm văn Nghị luận về một vấn đề	Hiểu được đặc điểm của hình tượng ông	Tìm những đặc điểm về ngoại hình và		Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu	

	văn học	lái đò trong đoạn trích	tính cách của ông lái đò		biết của bản thân để viết bài nghị luận về hình tượng người lái đò sông Đà	
					1 5	5điểm=50%
		1 2 20%			2 8 80%	10điểm 100%

Gv: phát đề bài cho hs
Hs làm bài trong thời gian 90'

2, Nội dung đề

1, Câu 1 (2điểm)

Tóm tắt truyện ngắn Thuốc của nhà văn Lỗ Tấn (khoảng 20 câu)

2, Câu 2 (3điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về ước mơ,hoài bão của tuổi trẻ

3, Câu 3 (5 điểm)

Phân tích nhân vật người lái đò sông Đà trong đoạn trích Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân

II, Đáp án

1, Câu 1 (2điểm)

Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau:

-Thằng Thuyên bị bệnh lao, ông Hoa Thuyên đi mua bánh bao tẩm máu người về chữa cho con.Bệnh không đỡ mà còn nặng hơn(0,5 điểm)

-Mọi người trong quán trà của lão Hoa bàn tán về người cách mạng bị chết chém mà lão Hoa mua máu tẩm bánh

bao, cho rằng anh là giặc, là thằng nhãi ranh, mọi người không hiểu việc làm của anh, khinh bỉ anh, ngay cả những người thân cũng không hiểu rõ việc làm cao đẹp của anh(0,5điểm)

-Cảnh thanh minh hai bà mẹ đi thăm mộ con, một bà mẹ có con bị chết chém, một bà mẹ có con chết do mắc bệnh. Hai hàng mộ được phân biệt bởi hình ảnh con đường mòn. Hai bà mẹ đã vượt qua ranh giới để đến với nhau cảm thông và hiểu nhau; Hình ảnh con quạ vút bay vào không trung(0,5 điểm)

2. Câu 2(3 điểm)

-Nêu vđ cần nghị luận (0,5 điểm)

-Giải thích: thế nào là ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ: mong muốn khao khát thực hiện một điều gì đó cao đẹp trong tương lai(0,5 điểm)

-Phân tích và chứng minh: mặt đúng ; mặt trái liên quan đến tư tưởng đạo lí : vì sao tuổi trẻ phải có ước mơ hoài bão(1 điểm)

+Tuổi trẻ có t.g sức khỏe trí tuệ có lòng nhiệt tình... nhưng để đi đến thành công chúng ta phải biết nuôi dưỡng ước mơ hoài bão

+Có ước mơ hoài bão sẽ xđ được mục tiêu cần đạt tới trong tương lai.Đó chính là động lực thôi thúc mỗi người cố gắng phát huy hết tất cả những gì mình có để biến ước mơ thành hiện thực

+Ước mơ hoài bão của tuổi trẻ VN thời chiến tranh là được cầm súng chiến đấu giành độc lập tự do dân tộc

+Thời nay: Nhiều bạn trẻ khao khát được cống hiến sức trẻ tài năng cho đất nước, khao khát học tập khao khát hđ xh.Niềm khao khát ấy là sm đưa các bạn vượt qua mọi khó khăn trở ngại

+Nhiều thanh niên sống không có ước mơ hoài bão

-Bình luận: Ý nghĩa của vđ; Bài học nhận thức hành động(0,5 điểm)

- Khái quát vđ; liên hệ bản thân: sống phải có ước mơ hoài bão...(0,5 điểm)

3.Câu 3

-Nêu vấn đề cần nghị luận: giới thiệu tác giả, khái quát nội dung tp, hình tượng người lái đò sông Đà (0,5 điểm)

-Ngoại hình : khoảng 70 tuổi, làm nghề lái đò,tay lêu

	<p>nghe như cây sào(0,5 điểm)</p> <p>-Dũng cảm kiên cường mưu trí trong cuộc vượt thác ghềnh : vượt qua 3 trùng vi thạch trận; chiến đấu với thác dữ song Đà, vị tướng tài ba trên chiến trận(1 điểm)</p> <p>-Có kinh nghiệm song nước, mưu lược, tài giỏi, trí dũng(0,5 điểm)</p> <p>-Tay lái ra hoa, nghệ sĩ trong cuộc vượt thác ghềnh(0,5 điểm)</p> <p>-Biện pháp nghệ thuật miêu tả : bút pháp hiện thực, từ ngữ phong phú, kho liên tưởng tưởng tượng phong phú...(1 điểm)</p> <p>-Thái độ tình cảm của nhà văn: ca ngợi cảm phục, ngưỡng mộ trân trọng, họ chính là vàng 10 trong lao động (0,5 điểm)</p> <p>-Khái quát vấn đề và liên hệ mở rộng(0,5 điểm)</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài kiểm tra

-Luyện tập

Lập dàn ý chi tiết 3 câu hỏi vào vở bài tập

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Tóm tắt tác phẩm văn xuôi, cách viết bài nghị luận về tư tưởng đạo lí, cách làm bài nghị luận văn học

-Bài mới

Trả bài kiểm tra tổng hợp

Tuần 32

Ngày dạy

Tiết 96: Làm văn
TRẢ BÀI VIẾT SỐ 6

1, Mục tiêu bài học:

a, Về kiến thức:

-Giúp hs ôn tập, củng cố các nội dung, kiến thức đã học trong chương trình ngữ văn 12.

-Giúp hs nắm chắc các kiến thức trong phần văn học, tiếng Việt, làm văn

b, Về kỹ năng:

Hs rèn luyện các kỹ năng về đọc- hiểu văn bản, kỹ năng nhận biết, thông hiểu vận dụng vào việc làm một bài nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội.

c, Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc, có ý thức sửa chữa bài viết để đạt kết quả cao

2, Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

a, Chuẩn bị của giáo viên:

- Sgk, giáo án, thiết kế, sgv
- Các tài liệu tham khảo khác.
- Bài kiểm tra

b, Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở soạn vở ghi, các tài liệu tham khảo khác

3, Tiến trình bài dạy:

a, Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vở vào bài mới

Tiết trước các em đã viết bài làm văn số 6: Kiểm tra tổng hợp cuối năm học. Đây là bài kiểm tra cuối cùng song các em đã rất cố gắng để làm bài đạt hiệu quả nhưng bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế. Tiết trả bài hôm nay cô sẽ chữa lỗi cho các em

b. Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và học sinh	Nội dung cần đạt					
	I, Nội dung đề kiểm tra					
	1, Ma trận đề					
	Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vdụng thấp	Vdụng cao	Cộng điểm
Chủ đề						
1, Văn học		Tóm tắt tác phẩm				
Văn học nước ngoài		Thuốc của nhà văn Lỗ Tấn				
		1				2điểm=20%
		2				
2, Làm văn			Hiểu được	Vận dụng	Viết bài	

	Nghị luận xã hội		tư tưởng đạo lí cần nghị luận	kĩ năng làm bài nghị luận xã hội	nghị luận về tư tưởng đạo lí	
					1 3	3điểm=30%
	3, Làm văn Nghị luận về một vấn đề văn học	Hiểu được những đặc điểm của hình tượng ông lái đò	Tìm và phân tích ngoại hình, tính cách phẩm chất của ông lái đò		Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân để viết bài nghị luận về hình tượng người lái đò sông Đà	
					1 5	5điểm=50%
	1 2 20%			2 8 80%	10điểm 100%	
Gv: phát đề bài cho hs		2, Nội dung đề				

<p>Hs làm bài trong thời gian 90’</p>	<p>1, Câu 1 (2điểm) Tóm tắt truyện ngắn Thuốc của nhà văn Lỗ Tấn (khoảng 20 câu)</p> <p>2, Câu 2 (3điểm) Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về ước mơ,hoài bão của tuổi trẻ</p> <p>3, Câu 3 (5 điểm) Phân tích nhân vật người lái đò song Đà trong đoạn trích Người lái đò song Đà của Nguyễn Tuân</p> <p>II, Đáp án</p> <p>1, Câu 1 (2điểm) Hs có thể diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo được các ý sau: -Thằng Thuyên bị bệnh lao, ông Hoa Thuyên đi mua bánh bao tẩm máu người về chữa cho con.Bệnh không đỡ mà còn nặng hơn(0,5 điểm) -Mọi người trong quán trà của lão Hoa bàn tán về người cách mạng bị chết chém mà lão Hoa mua máu tẩm bánh bao, cho rằng anh là giặc, là thằng nhãi ranh, mọi người không hiểu việc làm của anh, khinh bỉ anh, ngay cả những người thân cũng không hiểu rõ việc làm cao đẹp của anh(0,5điểm) -Cảnh thanh minh hai bà mẹ đi thăm mộ con, một bà mẹ có con bị chết chém, một bà mẹ có con chết do mắc bệnh. Hai hàng mộ được phân biệt bởi hình ảnh con đường mòn. Hai bà mẹ đã vượt qua ranh giới để đến với nhau cảm thông và hiểu nhau; Hình ảnh con quạ vút bay vào không trung(0,5 điểm)</p> <p>2. Câu 2(3 điểm) -Nêu vđ cần nghị luận (0,5 điểm) -Giải thích: thế nào là ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ: mong muốn khao khát thực hiện một điều gì đó cao đẹp trong tương lai(0,5 điểm) -Phân tích và chứng minh: mặt đúng ; mặt trái liên quan đến tư tưởng đạo lý : vì sao tuổi trẻ phải có ước mơ hoài bão(1 điểm) +Tuổi trẻ có tğ sức khỏe trí tuệ có lòng nhiệt tình... nhưng để đi đến thành công chúng ta phải biết nuôi dưỡng ước mơ hoài bão +Có ước mơ hoài bão sẽ xđ được mục tiêu cần đạt tới</p>
---------------------------------------	--

trong tương lai. Đó chính là động lực thôi thúc mỗi người cố gắng phát huy hết tất cả những gì mình có để biến ước mơ thành hiện thực

+Ước mơ hoài bão của tuổi trẻ VN thời chiến tranh là được cầm súng chiến đấu giành độc lập tự do dân tộc

+Thời nay: Nhiều bạn trẻ khao khát được cống hiến sức trẻ tài năng cho đất nước, khao khát học tập khao khát hđ xh. Niềm khao khát ấy là sm đưa các bạn vượt qua mọi khó khăn trở ngại

+Nhiều thanh niên sống không có ước mơ hoài bão

-Bình luận: Ý nghĩa của vđ; Bài học nhận thức hành động(0,5 điểm)

- Khái quát vđ; liên hệ bản thân: sống phải có ước mơ hoài bão...(0,5 điểm)

3. Câu 3

-Nêu vấn đề cần nghị luận: giới thiệu tác giả, khái quát nội dung tp, hình tượng người lái đò sông Đà (0,5 điểm)

-Ngoại hình : khoảng 70 tuổi, làm nghề lái đò, tay lêu nghêu như cây sào(0,5 điểm)

-Dũng cảm kiên cường mưu trí trong cuộc vượt thác ghềnh : vượt qua 3 trùng vi thạch trận; chiến đấu với thác dữ sông Đà, vị tướng tài ba trên chiến trận(1 điểm)

-Có kinh nghiệm sông nước, mưu lược, tài giỏi, trí dũng(0,5 điểm)

-Tay lái ra hoa, nghệ sĩ trong cuộc vượt thác ghềnh(0,5 điểm)

-Biện pháp nghệ thuật miêu tả : bút pháp hiện thực, từ ngữ phong phú, kho liên tưởng tượng tượng phong phú... (1 điểm)

-Thái độ tình cảm của nhà văn: ca ngợi cảm phục, ngưỡng mộ trân trọng, họ chính là vàng 10 trong lao động (0,5 điểm)

-Khái quát vấn đề và liên hệ mở rộng(0,5 điểm)

III. Nhận xét bài làm của hs

1. Ưu điểm

-Phần lớn các em hiểu được yêu cầu của đề bài, bố cục rõ ràng 3 phần, diễn đạt mạch lạc

-Nhiều bài viết sâu sắc, diễn đạt truyền cảm

-Một số bài viết tốt: Công Toàn, Nguyễn Hà, Phạm Khang...

	<p>2.Hạn chế</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một số bài viết sơ sài, chưa rõ ý -Sai lỗi chính tả, chữ viết ẩu, khó đọc -Câu 2 chưa rõ ý, các ý sắp xếp chưa logic: Trần Đình, Đỗ Công, Lê Tùng... <p>IV. Trả bài cho hs</p>
--	--

c. Củng cố, luyện tập:

-Củng cố:

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài kiểm tra

-Luyện tập

Chữa và hoàn thiện bài kiểm tra vào vở bài tập

d. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

-Bài cũ:

Biết cách tóm tắt tác phẩm văn xuôi, cách viết bài nghị luận về tư tưởng đạo lí, cách làm bài nghị luận văn học

-Bài mới

Hướng dẫn ôn tập

Tuần 32

Ngày dạy

Tiết 96b:

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1.Mục tiêu bài học

a.Về kiến thức

-Hướng dẫn hs ôn tập theo cấu trúc đề thi Tốt nghiệp theo 3 phần: dạng câu hỏi 2 điểm, câu hỏi 3 điểm và câu hỏi 5 điểm với thời gian làm bài 120 phút

-Ôn tập văn học VN và nước ngoài: giai đoạn văn học, tác giả tác phẩm văn học, đoạn trích văn học VN và nước ngoài

-Nghị luận về một tư tưởng đạo lí, một hiện tượng đời sống

-Nghị luận văn học: đoạn trích, tác phẩm văn xuôi, tp trữ tình

b.Về kĩ năng

- Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học và nghị luận xã hội

-Kĩ năng tổng hợp kiến thức, vận dụng vào làm bài

c.Về thái độ

Nâng cao ý thức ôn tập, khả năng tìm tòi, củng cố kiến thức bài học để làm bài đạt kết quả cao

2.Chuẩn bị của gv và hs

a.Chuẩn bị của gv

-Phương tiện: Sgk, giáo án, thiết kê, các tài liệu tham khảo khác

-Phương tiện: gv hướng dẫn hs ôn tập, trao đổi, thảo luận cá nhân, vấn đáp

b.Chuẩn bị của hs

Sgk, vở soạn, vở ghi

3.Tiến trình bài dạy

*Ôn định lớp

a.Kiểm tra bài cũ: không

*Đặt vấn đề vào bài mới

Cô trò ta đã tìm hiểu xong chương trình Ngữ văn 12.Để giúp các em chuẩn bị tốt cho kì thi tốt nghiệp sắp tới, hôm nay cô trò ta sẽ ôn tập các dạng câu hỏi trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp

b.Dạy nội dung bài mới

Hđ của gv và hs	Nội dung cần đạt
Gv hướng dẫn hs ôn tập theo các dạng câu hỏi trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp Hs ôn tập theo hướng dẫn của gv	I.Ôn tập dạng câu hỏi 2 điểm trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp: Giai đoạn, tác giả tác phẩm văn học VN và nước ngoài -Hoàn cảnh sáng tác, mục đích sáng tác của tác phẩm -Tóm tắt tác phẩm, đoạn trích văn xuôi -Nêu nội dung, nghệ thuật, chủ đề, đề tài của tp trữ tình, văn xuôi -Giải thích nhan đề, ý nghĩa của chi tiết hình tượng trong tác phẩm -Chép thuộc lòng đoạn thơ và nêu nội dung nghệ thuật của tp đó -Trình bày những nét tiêu biểu về tác giả -Tìm và phân tích một chi tiết đặc sắc của tp -Nêu các giai đoạn phát triển vh VN và các thành tựu chủ yếu -Quan điểm sáng tác, phong cách nghệ thuật của tác giả II. Nghị luận về tư tưởng đạo lí, hiện tượng đời sống -Nhận thức dạng đề nghị luận tư tưởng đạo lí hiện tượng đời sống -Các bước làm bài và cách làm bài nghị luận về tư tưởng đạo lí và hiện tượng đời sống -Lập dàn ý và bước đầu viết bài văn nghị

<p>Gv ra một số đề hướng dẫn hs làm dưới dạng đề cương</p> <p>Gv gọi 2 hs trình bày, gọi hs khác bổ sung</p> <p>Gv chốt ý</p>	<p>luận về tư tưởng đạo lí và hiện tượng đời sống</p> <p>III. Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi và trữ tình</p> <p>- Cảm nhận, bình giảng, phân tích về một bài thơ, đoạn thơ</p> <p>- Phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi</p> <p>- Phân tích giá trị hiện thực giá trị nhân đạo của tp văn xuôi</p> <p>- Phân tích chi tiết đặc sắc trong tp văn xuôi</p> <p>Luyện tập</p> <p>Đề 1</p> <p>Câu 1: Trình bày phong cách nghệ thuật của nhà thơ Tố Hữu(2 điểm)</p> <p>Câu 2 “Chỉ cần giữ chặt mảnh đất hi vọng trong lòng, chúng ta chắc chắn sẽ chiến thắng mọi song gió”(C.Colombus)</p> <p>Câu 3 Phân tích đoạn thơ sau trong bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm “Em ơi em Hãy nhìn rất xa Nhưng họ đã làm ra đất nước” (Đất nước-Nguyễn Khoa Điềm) Gợi ý</p> <p>Câu 1</p> <p>a. Về nội dung</p> <p>- Thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị rất sâu sắc : Hồn thơ Tố Hữu luôn hướng đến cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc.</p> <p>- Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn:</p>
---	--

+ Khuynh hướng sử thi: Coi những sự kiện chính trị lớn của đất nước, những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân là đối tượng thể hiện chủ yếu. Nhân vật trữ tình trong thơ ông tập trung phẩm chất của giai cấp, của dân tộc, là hình tượng những anh hùng mang tầm vóc thời đại và lịch sử, nhiều khi được thể hiện bằng bút pháp thần thoại hóa.

+ Cảm hứng lãng mạn: Những vần thơ chứa chan cảm xúc hướng vào tương lai, tin tưởng vào cách mạng với niềm lạc quan vô bờ bến. Tất cả được thể hiện bằng giọng thơ mang tính chất tâm tình, ngọt ngào, tha thiết.

- Cảm hứng chủ đạo trong thơ Tố Hữu là cảm hứng lịch sử dân tộc, chứ không phải cảm hứng thế sự đời tư.

b. Về nghệ thuật : thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc :

- Về thể thơ: tác giả sử dụng nhuần nhuyễn các thể thơ dân tộc.

- Về ngôn ngữ: Sử dụng những từ ngữ và cách nói quen thuộc với dân tộc, phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt(từ láy, thanh điệu, vần...)

- Giọng thơ Tố Hữu tự nhiên, chân thành, đầm thắm.

Câu 2

-Giới thiệu vđ cần nghị luận

-Giải thích câu nói: Hi vọng là mong muốn chờ đợi điều gì đó tốt đẹp đến trong tương lai

Ý nghĩa câu nói khẳng định giá trị của niềm hi vọng trong cuộc sống

-Phân tích và cm(d/c và lí lẽ)

-Bàn bạc mở rộng vđ

+Sự lạc quan tin tưởng là tiền đề mở ra những hđ có ý nghĩa tích cực hướng con người đến những kết quả tốt đẹp

	<p>+Niềm hi vọng giúp mọi người chủ động hơn trong các hđ</p> <p>+Niềm hi vọng mang lại màu sắc tươi sáng cho cuộc sống con người</p> <p>+Hi vọng khác với tham vọng ảo vọng.Hi vọng luôn phải được xd trên nền móng hiện thực cuộc sống</p> <p>Câu 3</p> <p>-Giới thiệu vđ cần nghị luận</p> <p>-Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ: Đoạn thơ là sự cảm nhận lí giải những con người vô danh bình thường đã làm nên đất nước.Họ là những người dân cần cù lao động; có chiến tranh họ ra trận, chiến đấu và hi sinh; những con người vô danh đó đã làm nên đất nước</p> <p>+Giọng thơ thủ thi tâm tình, chất trữ tình kết hợp chất chính luận; thể thơ tự do ngôn ngữ bình dị dễ hiểu</p> <p>-Đánh giá chung Cảm nhận của tác giả mới mẻ về đất nước ở phương diện lịch sử, truyền thống anh hùng bất khuất chống giặc ngoại xâm; niềm tự hào về đất nước, ngợi ca những con người đã làm nên đất nước tươi đẹp; đánh vào ý thức mỗi người dân đất Việt về trách nhiệm nghĩa vụ thiêng liêng đối với Tổ quốc</p> <p>-Khái quát vđ và liên hệ bản thân về trách nhiệm với đất nước</p> <p>Câu 1</p> <p>Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu</p> <p>Câu 2</p> <p>Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về câu nói sau: “Đừng cúi đầu cam chịu.Dù đánh mất tất cả bạn vẫn còn tương lai” (Lâm Ngữ Đường)</p> <p>Câu 3</p>
--	---

c. Củng cố và luyện tập

-Củng cố

Gv yêu cầu hs nhắc lại nội dung kiến thức bài ôn tập

-Luyện tập

Làm đề cương cho đề số 2

d. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

-Bài cũ

Nắm nội dung bài học, làm bài tập

-Bài mới

Ôn tập theo các dạng câu hỏi trong cấu trúc thi tốt nghiệp

